

PHẦN THỨ HAI

**LIÊN MINH VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM
CHIẾN ĐẤU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC
(1945 - 1975)**

Chương III

HỢP TÁC, GIÚP NHAU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (từ ngày 16 tháng 10 năm 1945 đến tháng 12 năm 1950)

I. BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (TỪ NGÀY 16 THÁNG 10 NĂM 1945 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 1948)

1. Bối cảnh lịch sử

Sau ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (ngày 2 tháng 9 năm 1945) và nước Lào tuyên bố độc lập (ngày 12 tháng 10 năm 1945), dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, hai nước Việt Nam và Lào đã tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trong bối cảnh, tình hình quốc tế và hai nước có nhiều biến động với nhiều thuận lợi và khó khăn.

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) kết thúc, nhân loại bước vào thời kỳ mới. Về chính trị, quan hệ quốc tế có những thay đổi lớn, quan trọng như sự hình thành hai hệ thống xã hội (tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa) đối lập; Chiến tranh lạnh khởi phát và lan rộng toàn cầu.

Sự hình thành và lớn mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa, mà Liên Xô là trung tâm, ảnh hưởng đến chiều hướng phát triển của các trào lưu cách mạng, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc

trên toàn thế giới.

Trong các nước tư bản chủ nghĩa, Mỹ là đế quốc duy nhất giàu và mạnh lên bởi Chiến tranh thế giới thứ hai, trở thành kẻ đầu sỏ, chi phối chính sách các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, ráo riết theo đuổi chiến lược toàn cầu phản cách mạng. Trước năm 1945, Mỹ luôn tìm cách gạt Pháp ra khỏi Đông Dương, nhưng sau khi Tổng thống Ruderford qua đời (tháng 4 năm 1945), quan điểm của Mỹ về Đông Dương có sự thay đổi, tạo cơ hội cho Pháp trở lại Đông Dương.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố thành lập (ngày 2 tháng 9 năm 1945), đánh dấu sự kết thúc chế độ thực dân phong kiến, mở đầu thời đại mới vẻ vang, huy hoàng trong lịch sử dân tộc Việt Nam - thời đại Hồ Chí Minh. Về phương diện quốc tế, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, đánh dấu bước đột phá vào dinh lũy, hệ thống của chủ nghĩa đế quốc, thực dân, mở đầu cuộc tiến công mạnh mẽ của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

Thắng lợi của khởi nghĩa tháng Tám 1945 ở Lào và việc nước Lào tuyên bố độc lập (ngày 12 tháng 10 năm 1945) là những sự kiện lịch sử có ý nghĩa to lớn, đánh dấu bước ngoặt cơ bản trong quá trình phát triển của cách mạng Lào.

Chính ý nghĩa sâu sắc và tầm vóc lớn lao của những sự kiện lịch sử trọng đại nói trên cũng như vị trí địa - chính trị, địa - quân sự, địa - kinh tế của Việt Nam, Lào đối với khu vực và thế giới đã khiến cho các kẻ thù của ba nước Đông Dương, của nhân loại tiến bộ nói chung phải cấu kết lại nhằm thực hiện âm mưu xoá bỏ thành quả cách mạng của nhân dân Việt Nam và Lào, ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Việt Nam, Lào trong khu vực cũng như trên trường quốc tế, khôi phục ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế

quốc.

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Lào tuyên bố độc lập, nhưng về phương diện quốc tế, chưa có một nước nào công nhận¹. Không những thế, với quyết định của Hội nghị Póttxđam², việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương được giao cho quân Trung Hoa dân quốc và quân Anh, phân cách bởi vĩ tuyến 16, đã tạo cơ sở, điều kiện để kẻ thù của cách mạng Đông Dương đưa quân vào bán đảo này, thực hiện dã tâm xâm lược của chúng.

Cuối tháng 8 năm 1945, gần 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc chia thành nhiều hướng tiến vào bắc vĩ tuyến 16 Việt Nam, Lào. Sau khi đưa quân chiếm đóng các thành phố, thị xã và các địa bàn trọng yếu, những kẻ cầm đầu quân Trung Hoa dân quốc tuyên bố thời gian có mặt của chúng tại bắc vĩ tuyến 16 là không hạn định và ráo riết thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, giúp bọn tay sai chống phá cách mạng Việt Nam, Lào.

Theo quyết định của Hội nghị Póttxđam, Pháp bị gạt ra ngoài lề trong vấn đề Đông Dương, nhưng thực tế việc để quân Anh vào giải giáp quân Nhật ở nam vĩ tuyến 16, vô hình trung đã tạo điều kiện cho Pháp trở lại xâm lược bán đảo này. Mặt khác, lợi dụng tình thế lúc bấy giờ, số quân Pháp dạt khỏi Đông Dương trong cuộc đảo chính của quân Nhật (ngày 9 tháng 3 năm 1945), cũng bí mật tìm đường trở lại bắc vĩ tuyến 16 Việt Nam, Lào.

Được sự đồng lõa của quân Anh, đêm 22 rạng sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm một số công sở trong thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Đông

¹. Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và một số nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu công nhận Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

². Hội nghị giữa những người đứng đầu chính phủ các nước lớn chiến thắng trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) là Liên Xô, Mỹ, Anh, diễn ra từ ngày 17 tháng 7 đến 2 tháng 8 năm 1945, tại Póttxđam, ngoại vi Béclin (Đức).

Dương lần thứ hai. Tiếp đó, chúng mở rộng chiến tranh ra toàn Nam Bộ và Nam Trung Bộ, sang Campuchia. Đầu tháng 9 năm 1945, Pháp đưa quân vào nam vĩ tuyến 16 của Lào, thành lập *Bộ Tham mưu quân Pháp ở Lào*. Trong khi đó, Sư đoàn 23 thuộc Quân đoàn 60 quân Trung Hoa dân quốc tiến vào phía bắc vĩ tuyến 16 của Lào chiếm đóng các thị xã, thị trấn lớn dọc sông Mê Công, từ Phongxaly đến Xavannakhet.

Trước âm mưu từng bước mở rộng chiến tranh, dùng lãnh thổ nước này để xâm chiếm nước kia, biến Đông Dương thành thuộc địa kiểu mới của thực dân Pháp đòi hỏi Việt Nam, Lào và Campuchia phải liên minh, đoàn kết với nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc.

2. Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương và các lãnh tụ về kháng chiến, liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào chống thực dân Pháp xâm lược

Nhu cầu hợp tác, giúp đỡ nhau kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược xuất phát từ hai phía. Lào cần có sự giúp đỡ, hỗ trợ của Việt Nam và ngược lại Việt Nam cũng vậy. Đó là sự hợp tác, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, vì mục tiêu chung và riêng, đôi bên cùng có lợi, nhằm đưa sự nghiệp cách mạng vững bước tiến lên.

Ngày 14 tháng 10 năm 1945, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chính thức công nhận Chính phủ độc lập Lào. Tiếp đó, đại diện hai chính phủ ký *Hiệp ước tương trợ Lào - Việt*¹ và *Hiệp định về tổ chức liên quân Lào - Việt*² nhằm giúp đỡ nhau về mọi mặt trong kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập vừa mới

¹. Ký ngày 16 tháng 10 năm 1945.

². Ký ngày 30 tháng 10 năm 1945.

giành được. Đó là những văn kiện chính thức đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ độc lập Lào, tạo cơ sở pháp lý để hai dân tộc hợp tác, liên minh chiến đấu chống Pháp xâm lược.

Thấy rõ tầm quan trọng của liên minh Việt Nam - Lào, tháng 10 năm 1945, Hoàng thân Xuphanuvông tuyên bố: “Lào và Việt Nam cùng chung một nguyện vọng duy nhất là có nền độc lập dân tộc và quyền dân chủ thực sự, cùng chung kẻ thù là thực dân Pháp muốn trở lại thống trị hai nước chúng ta. Do đó, nhân dân Lào và nhân dân Việt Nam anh em phải đoàn kết nhau lại tiếp tục chiến đấu. Nền độc lập của Lào muôn năm! Tình đoàn kết Lào - Việt muôn năm!”¹.

Ngày 15 tháng 11 năm 1945, Hoàng thân Xuphanuvông thay mặt Chính phủ độc lập Lào gửi điện đến Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ tình thân đoàn kết gắn bó của nhân dân Lào đối với nhân dân Việt Nam, khẳng định quân và dân hai nước sát cánh chiến đấu chống kẻ thù chung đến thắng lợi hoàn toàn².

Trong *Thư chúc Tết Việt kiều ở Lào, Xiêm*, năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Lào và Việt là hai nước anh em. Mối quan hệ giữa hai dân tộc rất là mật thiết. Đối với kiều bào ta làm ăn sinh sống ở đất nước Lào thì Lào lại như là một Tổ quốc thứ hai. Tục ngữ có câu: “Bán bà con xa, mua láng giềng gần” ý nghĩa là như thế.

Vậy nên sự đoàn kết chẳng những bao gồm đồng bào Việt, mà bao gồm cả đồng bào Việt với đồng bào Lào. Đoàn kết chặt thì lực lượng to. Lực lượng to thì quyết thắng lợi.

¹. Trần Đương: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Hoàng thân Xuphanuvông*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2007, tr.21-22.

². Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, t.1, tr.33.

Bây giờ, hai dân tộc ta tuy còn phải khó nhọc, nhưng tương lai của chúng ta rất là vẻ vang. Đến ngày Việt - Lào được quyền hoàn toàn độc lập, anh em ta sẽ cùng hưởng phúc thái bình.

Tôi thay mặt Chính phủ và đồng bào trong nước, gửi lời chào thân ái cho toàn thể kiều bào, chúc các kiều bào gắng sức và thắng lợi”¹.

Tháng 11 năm 1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, nêu rõ cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng *dân tộc giải phóng*, nhiệm vụ cứu nước của giai cấp vô sản chưa xong, kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng; cần phải lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp; thống nhất mặt trận Việt - Miên - Lào². Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* thực sự là cương lĩnh hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương trước tình hình mới.

Thực hiện chủ trương của Đảng, với ý chí sắt đá vì độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc, quân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã dũng cảm đứng lên chiến đấu ngăn chặn bước tiến quân của kẻ thù, nhưng do lực lượng quân sự chênh lệch nên đầu năm 1946, quân Pháp đã từng bước đánh chiếm, mở rộng chiến tranh ra toàn vùng nam vĩ tuyến 16.

Cuối tháng 2 năm 1946, Anh bắt đầu rút quân khỏi nam vĩ tuyến 16; tàn quân Nhật bị tước vũ khí, lần lượt hồi hương. Pháp thoả thuận với Trung Hoa dân quốc ký bản *Hiệp ước Pháp - Hoa*³, tạo điều kiện cho Pháp thực hiện âm mưu chiếm lại toàn bộ Đông Dương. Trước tình hình đó, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.139-140.

². Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.26.

³. Ký ngày 28 tháng 2 năm 1946.

Đông Dương ra Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* (ngày 3 tháng 3 năm 1946), chỉ rõ: “muốn cứu vãn quyền lợi chung của đế quốc, chống phong trào cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa, Anh, Pháp và Mỹ - Tàu đã tạm dẹp mâu thuẫn bộ phận ở Đông Dương. Coi đó thì Hiệp ước Hoa - Pháp không phải là chuyện riêng của Tàu và Pháp. Nó là chuyện chung của phe đế quốc và bọn tay sai của chúng ở thuộc địa... Nhưng chúng vẫn gờm cách mạng Đông Dương và dư luận quốc tế, nên cả Tàu lẫn Pháp cũng muốn dàn xếp với ta về việc quân Pháp kéo vào Bắc nước ta”¹. Chỉ thị phân tích: “Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng”². Thường vụ Trung ương Đảng cho rằng hoà với Pháp có thể phá tan âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động, bảo toàn lực lượng, có thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới, tiến tới giành độc lập hoàn toàn. “Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những *không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu*, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta”³. “Đối với Lào, Mên cùng với ta có chung một kẻ địch ta đòi Pháp phải thừa nhận quyền tự chủ hay ít nhất quyền tự trị rộng rãi về chính trị cho họ”⁴.

Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhất trí chủ trương *Hoà để tiến* (ngày 5 tháng 3 năm 1946), quyết định tạm thời hoà hoãn với thực dân Pháp, nhằm đẩy nhanh quân Trung Hoa dân quốc về nước, tránh nguy cơ cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

¹, ², ³, ⁴. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.41-42, 43-44, 46, 47.

Thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương, với thiện chí hoà bình, Việt Nam đã tiến hành các cuộc đàm phán với Pháp¹; Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Chính phủ Pháp bản *Thỏa ước tạm thời*² nhằm tăng thêm thời gian hoà hoãn, tiếp tục chuẩn bị thêm về mọi mặt, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến.

Đến giữa tháng 12 năm 1946, khả năng hoà hoãn không còn, nguy cơ chiến tranh phát triển tới đỉnh điểm, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (ngày 12 tháng 12 năm 1946), nêu rõ mục đích đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập và thống nhất; xác định đường lối kháng chiến toàn dân toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh; chủ trương đoàn kết toàn dân, đoàn kết với nhân dân hai nước Lào và Campuchia, nhân dân Pháp và các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên thế giới, v.v.. Với Chỉ thị này, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã hạ quyết tâm phát động toàn dân kháng chiến và quyết định đánh trước để giành thế chủ động. Theo đó, đêm 19 tháng 12 năm 1946, quân và dân Thủ đô Hà Nội cùng các thành phố, thị xã bắc vĩ tuyến 16, đồng loạt tiến công địch, mở đầu cuộc kháng chiến trên quy mô toàn lãnh thổ Việt Nam.

Tại Lào, sau Hiệp định Pháp - Hoa (ngày 28 tháng 2 năm 1946), quân Trung Hoa dân quốc lần lượt rút khỏi bắc vĩ tuyến 16, quân Pháp vào thay thế, thực chất là để Pháp xâm chiếm Lào. Từ giữa năm 1946, sau khi căn bản chiếm được toàn bộ lãnh thổ Lào, thực dân Pháp ra sức củng cố, phục hồi chính quyền tay sai các cấp; tăng cường bắt lính, đồn quân, xây dựng và phát triển lực lượng dân vệ, thiết lập hệ thống đồn bốt ở những vị trí quan trọng nhằm kiểm soát tình hình. Đi đôi với việc kìm kẹp, khống chế về

¹. Tại Đà Lạt, từ ngày 19 tháng 4 đến 10 tháng 5 năm 1946 và tại Phôngtennơblô, từ ngày 6 tháng 7 đến 13 tháng 8 năm 1946.

². Ngày 14 tháng 9 năm 1946.

quân sự, thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, lừa bịp về chính trị, như ký Hiệp định ngày 28 tháng 7 năm 1946, cho Lào “độc lập thống nhất và tự trị trong khối Liên hiệp Pháp”, lập Chính phủ và bầu Quốc hội Viêng Chăn (tháng 5 năm 1946); thành lập các đảng phái chính trị làm công cụ chia rẽ nội bộ, phá phong trào cách mạng Lào, chia rẽ mối quan hệ láng giềng thân thiện, tình đoàn kết chiến đấu chống thực dân phong kiến giữa Việt Nam và Lào. Đồng thời, chúng ra sức vơ vét của cải, tăng thuế má, bắt phu phen tạp dịch, v.v., thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Lào đánh người Lào”, “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

Bằng sức mạnh quân sự và thủ đoạn chính trị thâm độc, thực dân Pháp từng bước ổn định tình hình, thiết lập bộ máy chính trị các cấp ở Lào, gây cho phong trào kháng chiến của Lào nhiều khó khăn, phức tạp.

Về phía cách mạng Lào, phong trào đấu tranh còn yếu, cơ sở chính trị, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi hầu như chưa có gì. Lực lượng vũ trang cách mạng Lào nhỏ bé, với vũ khí hết sức thô sơ, hoạt động phân tán, thiếu sự chỉ huy, chỉ đạo thống nhất. Lào tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp trong điều kiện khó khăn hơn Việt Nam rất nhiều. Chính phủ độc lập Lào, sau hơn tám tháng hoạt động đã phải lánh sang Thái Lan (tháng 6 năm 1946).

Ngày 29 tháng 12 năm 1946, Pháp tuyên bố bình định xong Lào.

Như vậy, đến cuối năm 1946, chiến tranh đã lan rộng trên khắp bán đảo Đông Dương, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và Lào đang gặp rất nhiều khó khăn về mọi phương diện, trong đó, nổi lên là phải “chiến đấu trong vòng vây” bốn bề của chủ nghĩa đế quốc, thực dân và thiếu sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế. Đông Dương trở thành một chiến trường. Việt Nam là chiến trường

chính, nơi tập trung nhất về lực lượng và phương tiện chiến tranh của quân Pháp.

3. Hai nước Việt Nam - Lào bước đầu thực hiện liên minh, đoàn kết chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1948)

Phối hợp chiến đấu chống Pháp chiếm đóng các thành phố, thị xã của Lào. Trước hành động trắng trợn xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương, của các lãnh tụ cách mạng Việt Nam và Lào, thực hiện *Hiệp ước tương trợ Lào - Việt* và *Hiệp định về tổ chức liên quân Lào - Việt*, còn được gọi là *Hiệp định thành lập liên quân Lào - Việt*, quân và dân các địa phương Việt Nam, nhất là vùng giáp biên giới Việt Nam - Lào, tiến hành phối hợp tác chiến. Liên quân Lào - Việt Nam kiên cường, dũng cảm chiến đấu, chống kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Xứ uỷ Lào đã kịp thời lãnh đạo nhân dân các bộ tộc Lào và Việt kiêu dũng lên chống thực dân Pháp. Hội Việt kiều cứu quốc ở các tỉnh, thành phố đã động viên và kêu gọi thanh niên, học sinh, sinh viên, viên chức yêu nước tham gia lực lượng vũ trang, gia nhập lực lượng liên quân Lào - Việt. Ngoài lực lượng tự vệ ở các khu phố và các cơ quan, các chi hội, phân hội Việt kiều cứu quốc, các ban chỉ huy liên quân Lào - Việt ở các thành phố, thị xã đã tập hợp được một số lượng lớn thanh niên, học sinh. Thủ đô Viêng Chăn tập hợp được hơn 600 người và tổ chức thành 6 đại đội chiến đấu, gồm 3 đại đội Việt kiều và 3 đại đội Lào ít xalạ, trong đó có đại đội Lào từ Thái Lan về, do ông Thạo Xột Phệtlaxi làm đại đội trưởng. Xavănnakhê tập hợp được 200 người, tổ chức thành 2 đại đội chiến đấu. Thị xã Thà Khêc tổ chức 4 đại đội gồm 2 đại đội

Lào ít xala và 2 đại đội Việt kiều giải phóng quân với số lượng 800 người. Ban Chỉ huy liên quân Lào - Việt ở mặt trận Thà Khẹt do Hoàng thân Xuphanuvông chỉ huy chung, ông Xingcapô phụ trách lực lượng vũ trang Lào; đồng chí Nguyễn Chánh phụ trách lực lượng vũ trang Việt kiều. Tại khu vực mường Xê Pôn và Mương Phin, nam - bắc đường 9, nối liền với thị trấn Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị, Việt Nam), các lực lượng yêu nước Lào do ông Thạo Ô, Thạo Kê phụ trách, thành lập đại đội mường Xê Pôn. Tại khu vực Lắc Xao, Khăm Cốt, Na Pê (thuộc tỉnh Khăm Muộn), các lực lượng vũ trang yêu nước Lào do các ông Thạo Xây, Thạo Xôm phụ trách, thành lập một trung đội Lào ít xala.

Ban Chỉ huy liên quân Lào - Việt ở thành phố Viêng Chăn và các thị xã Thà Khẹt, Xavannakhet, mở các lớp huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ và các lớp bồi dưỡng ngắn ngày về nhiệm vụ công tác cho cán bộ trung đội, tiểu đội. Tính đến tháng 2 năm 1946, mỗi nơi đã mở được hai đến ba lớp, giúp cho đội ngũ cán bộ chỉ huy trung đội, tiểu đội có thêm kiến thức về quân sự cũng như về chỉ huy, lãnh đạo.

Về trang bị vũ khí và hậu cần, các đơn vị liên quân Lào - Việt đều dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân Lào và bà con Việt kiều. Liên quân Lào - Việt phân tán thành từng bộ phận nhỏ, thực hiện cùng ăn, ở và làm việc với dân; lúc tập trung huấn luyện chiến đấu thì nhờ các mẹ, chị em phụ nữ nấu cơm ăn tập thể. Quần áo, giày dép, ..., chủ yếu là do anh em tự túc và gia đình trợ giúp. Trang bị vũ khí chủ yếu là một vài loại súng bộ binh như súng trường, tiểu liên, trung liên, cả súng kíp, lựu đạn, giáo mác và cung tên. Mỗi trung đội có vài ba khẩu súng tiểu liên. Các đại đội tập trung có một đến hai khẩu súng trung liên.

Ngay từ những ngày đầu cuộc kháng chiến, ủy ban kháng

chiến - hành chính và Bộ Chỉ huy Chiến khu 4¹ đã đưa lực lượng lên phía tây, sang Lào phối hợp chiến đấu. Khi Pháp cho quân nhảy dù chiếm đóng một số vị trí trên đường 9, 12, 8, Chiến khu 4 quyết định thành lập Ban Chỉ huy mặt trận đường 9, đường 8 và đưa một số đơn vị lên sát biên giới Việt Nam - Lào sẵn sàng đánh địch.

Trên mặt trận đường 9, Chiến khu 4 điều hai phân đội (tương đương trung đội) của tỉnh Quảng Bình, một phân đội của thành phố Huế, một đại đội của tỉnh Quảng Nam, cùng với chi đội giải phóng quân tỉnh Quảng Trị, do đồng chí Nguyễn Thụ (Ba Thụ) làm chỉ huy trưởng, đồng chí Trần Thanh Lạc (Chu Huy Mân) làm chính uỷ, tiến lên biên giới Việt Nam - Lào, phối hợp đánh địch². Từ đầu tháng 11 năm 1945, các đơn vị thuộc mặt trận đường 9, tổ chức đánh địch ở bản Nặm Cha Lộ (tây bắc Xê Pôn), buộc địch phải rút về phía tây nam. Liên quân Lào - Việt phối hợp chiến đấu, kiểm soát Mường Phin (ngày 21 tháng 12 năm 1945).

ở mặt trận đường 8, Chi đội Phan Đình Phùng (sau đổi thành Trung đoàn 103) tổ chức một đơn vị, phối hợp với lực lượng liên quân Lào - Việt, đánh địch ở gần Na Pê (giáp huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh), buộc địch phải lui về bản Na Xalim. Sau khi được thành lập, tiểu đoàn của đồng chí Nguyễn Trường Sinh³ bố trí một đại đội chốt giữ Na Pê, số còn lại phân tán làm nhiệm vụ tuyên truyền, vận động nhân dân, gây dựng cơ sở, lực lượng kháng chiến. Cuối tháng 9 năm 1945, đơn vị của đồng chí Sinh tiến công địch khi chúng đang từ bản Na Xalim về ngã ba Lắc Xao, diệt một số tên, buộc địch phải rút về Khăm Cột, phá tan âm mưu chiếm giữ Na Pê, tạo

¹. Từ năm 1948, đổi thành Liên khu 4.

². Hồi ức của đồng chí Chu Huy Mân, nguyên Chính uỷ mặt trận đường 9 năm 1945 - 1946.

³. Tiểu đoàn bộ đóng ở Phố Châu, Hương Sơn, Hà Tĩnh.

bàn đạp tiến công vào phía tây Hà Tĩnh theo đường 8. Đơn vị của đồng chí Sinh tích cực giúp Lào gây dựng cơ sở, tổ chức một trung đội Lào ít ỏi với đầy đủ vũ khí.

Tại tỉnh Khăm Muộn, ngày 27 tháng 11 năm 1945, một lực lượng liên quân Lào - Việt do Hoàng thân Xuphanuvông chỉ huy chia thành hai mũi đánh vào Nặm Malat, buộc địch phải rút khỏi vị trí. Mười ngày sau đó, liên quân Lào - Việt tổ chức đánh chặn, đẩy lùi cuộc tiến công của địch ở Thà Đừa và truy kích địch ở Mương Cầu, Na Mương, Bạ Đôn, Cốc Đôn.

Tỉnh Thanh Hoá cũng điều lực lượng lên phía tây, hoạt động ở vùng biên giới Việt - Lào.

Trong các tháng cuối năm 1945 đầu năm 1946, tại Viêng Chăn, liên quân Lào - Việt tổ chức đánh địch ở bản Na Khằng (ngày 10 tháng 10), trên đường 13 đoạn Ylay - Na Khằng (ngày 14 tháng 10), Bạ Cơn (ngày 19 tháng 11 năm 1945 và 22 tháng 1 năm 1946), Thà Đừa (ngày 8 tháng 1 năm 1946), v.v..

Từ tháng 2 năm 1946, sau khi được tăng cường thêm binh lực, quân Pháp ở Lào mở các cuộc tiến công lớn vào khu vực Đồng Hén, Mương Phin, Xê Pôn. Liên quân Lào - Việt tổ chức nhiều trận đánh để ngăn chặn các cuộc tiến công của địch. Do bị tổn thất, liên quân Lào - Việt chủ động rút khỏi Mương Phin, Xê Pôn về vùng biên giới Việt - Lào. Đầu tháng 3 năm 1946, tiểu đoàn bộ đội địa phương Hà Tĩnh do đồng chí Trường Sinh chỉ huy, rút khỏi Khăm Cốt về vùng biên giới Lào - Việt. Các ông Thạo Xây, Thạo Xỏm cùng một trung đội Lào ít ỏi rút sang khu vực Phố Châu (Hương Sơn, Hà Tĩnh) xây dựng lực lượng, chờ thời cơ trở về nước tiếp tục chiến đấu.

Nhằm ngăn chặn địch đánh chiếm thị xã Xavannakhét, từ ngày 21 đến 24 tháng 2 năm 1946, liên quân Lào - Việt tổ chức phục kích, tập kích địch ở Km 160, 185 trên đường 13, ở bản Noóng

Đon, Na Xeng, v.v..

Chi bộ Đảng Cộng sản ở Thà Khẹc chủ trương động viên nhân dân Lào và Việt kiều cùng lực lượng vũ trang liên quân Lào - Việt đánh địch, bảo vệ Thà Khẹc. Nhân dân Lào và Việt kiều cùng bộ đội xây dựng công sự, trận địa ở các vị trí quan trọng trong và ngoài thị xã. Lực lượng vũ trang cách mạng ở Thà Khẹc có hai đại đội bộ đội Lào, hai đại đội Việt kiều cứu quốc, quân số khoảng 800 người, được trang bị các loại vũ khí bộ binh. Ngoài ra, còn có đông đảo du kích, tự vệ chiến đấu.

Ngày 21 tháng 3 năm 1946, khi Pháp mở cuộc tiến công vào thị xã Thà Khẹc, liên quân Lào - Việt đã chiến đấu rất quyết liệt, kéo dài nhiều giờ đồng hồ, gây cho địch một số tổn thất. Nhưng, so sánh lực lượng bất lợi nên liên quân Lào - Việt vừa đánh vừa rút dần về phía tây thị xã, sang Thái Lan. Phát hiện liên quân Lào - Việt đang vượt sông Mê Công sang Nakhon Phanôm (Thái Lan), quân Pháp huy động máy bay ném bom, bắn phá. Chiếc thuyền chở Hoàng thân Xuphanuvông bị bắn dữ dội, cán bộ, chiến sĩ Việt Nam - Lào đã dũng cảm che chở, bảo vệ an toàn cho Hoàng thân Xuphanuvông, song đồng chí Lê Thiệu Huy, một cán bộ chỉ huy người Việt Nam, bị trúng đạn hy sinh. Sau này, trong bức thư gửi cụ Lê Thước (thân sinh của Lê Thiệu Huy), Hoàng thân Xuphanuvông viết: “Thưa Ngài, anh Lê Thiệu Huy, người con yêu quý vào bậc nhất của Ngài, mất đi, không những riêng trong gia quyến mất một người con yêu dấu mà nước Việt Nam và nhân dân Lào mất một chiến sĩ đầy tinh thần hy sinh vì công lý. Riêng tôi, cái chết của anh Lê Thiệu Huy không khỏi làm cho tôi buồn ngủi và thương tiếc. Anh Lê Thiệu Huy đã sát cánh cùng tôi chiến đấu để giải phóng cho nước Lào, cho dân tộc Lào. Tinh thần hy sinh cao cả ấy đã nhắc nhở cho thanh niên Lào, cho nhân dân Lào, luôn luôn bền bỉ chiến đấu để diệt đế quốc xâm lăng

và giành độc lập thực sự cho đất nước”¹.

Chiến đấu bảo vệ Thà Khẹt là trận đánh lớn nhất của liên quân Lào - Việt kể từ ngày thành lập, nêu một tấm gương sáng ngời về tinh thần dũng cảm và tình đoàn kết, gắn bó keo sơn giữa hai dân tộc Lào - Việt; trở thành một biểu tượng cao đẹp về liên minh chiến đấu giữa quân và dân hai nước Việt Nam - Lào.

Từ sau khi thực dân Pháp đưa quân lên bắc vĩ tuyến 16 (tháng 3 năm 1946), một bộ phận lực lượng cách mạng Lào ở các tỉnh Xavannakhet, Khăm Muộn, Xiêng Khoảng và Hủa Phăn, chuyển sang Khu 4 (Việt Nam), được Khu uỷ và Uỷ ban kháng chiến - hành chính tận tình giúp đỡ. Các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình trở thành căn cứ địa, đất đứng chân của lực lượng cách mạng vùng Đông Lào. Năm 1946, các lực lượng phía Đông Lào rút sang Việt Nam gồm có 160 người từ tỉnh Xavannakhet sang tỉnh Quảng Bình; một trung đội từ tỉnh Khăm Muộn sang huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; hơn 100 người từ tỉnh Xiêng Khoảng sang huyện Mường Xén, tỉnh Nghệ An và khoảng 30 người từ tỉnh Hủa Phăn sang vùng Cửa Rào, Nghệ An.

Cuối tháng 3 năm 1946, hàng trăm gia đình người Mông (Lào), từng chiến đấu chống Pháp và tay sai, dưới sự chỉ huy của ông Thạo Tu đã bí mật chuyển sang vùng Mường Xén (Nghệ An). Tiếp đó, 30 thanh niên con em các bộ tộc Lào ở vùng Sầm Tở, do ông Xiêng Xinh (tức Phía Hồm) phụ trách tới vùng Cửa Rào, Mường Xén (Nghệ An). Một bộ phận khác khoảng 160 người là công nhân, viên chức, binh lính yêu nước mang theo vũ khí vượt sông Xê Pôn (Lào) sang Quảng Bình và Hà Tĩnh². Tỉnh Nghệ An cử đồng chí Lê

¹. *Thư của Hoàng thân Xuphanuvông gửi cụ Lê Thuốc*, đề ngày 7 tháng 11 năm 1951. Phòng Tư liệu Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

². Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử các đoàn 81, 82, 83, 280 quân tình nguyện Việt Nam tại Lào (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội

Văn Bính, Phó Chủ tịch huyện Con Cuông và đồng chí Lê Văn Diễm, ủy viên tuyên truyền phủ Anh Sơn, tổ chức tiếp đón lực lượng yêu nước các bộ tộc Lào sang củng cố và trang bị thêm vũ khí. Nhiều vùng ở Khu 4 trở thành hậu phương, chỗ đứng chân của các lực lượng kháng chiến, yêu nước Lào. Các khu vực biên giới ở Nậm Cắn đường 7, Lắc Xao đường 8, Lao Bảo đường 9, là những mặt trận quan trọng, do Khu 4 đảm nhiệm phòng thủ. Phòng Ngoại vụ Khu 4 chịu trách nhiệm trực tiếp giúp đỡ các lực lượng cách mạng Lào. Các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Khu 4 và Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh Nghệ An được Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương giao nhiệm vụ chỉ đạo việc giúp đỡ, giải quyết các vấn đề theo yêu cầu của lực lượng kháng chiến Đông Lào.

Tháng 10 năm 1946, Chiến khu 4 (Việt Nam), giúp các lực lượng kháng chiến Lào thuộc các tỉnh Xavannakhét, Khăm Muộn, Xiêng Khoảng và Hủa Phăn, tổ chức hội nghị tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, nhằm thống nhất lực lượng, thành lập *Ủy ban giải phóng Đông Lào*¹ để chỉ đạo cuộc đấu tranh tại vùng phía Đông Lào. Hội nghị đề ra phương hướng công tác vận động nhân dân xây dựng cơ sở, tổ chức các đơn vị vũ trang Lào ít ỏi và quyết định tập trung củng cố các lực lượng vũ trang Lào, phát động chiến tranh du kích chống thực dân Pháp và tay sai. Ủy ban giải phóng Đông Lào quyết định phân chia lực lượng vũ trang thành hai bộ phận. Bộ phận thứ nhất, chịu trách nhiệm khu vực Xiêng Khoảng, Sầm Nưa (Hủa Phăn). Bộ phận thứ hai chịu trách nhiệm khu vực đường 8, 9. Các lực lượng này của Lào phối hợp với các lực lượng vũ trang của Chiến khu 4 và của các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà

nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.16.

¹. Ủy ban gồm chín người, do ông Nủhắc Phumxavăn làm chủ tịch, ông Thạo Ô làm phó chủ tịch, ông Tu Lăn làm uỷ viên quân sự và ông Xingcapô làm uỷ viên chính trị.

Tình phối hợp với nhau xây dựng cơ sở dọc biên giới hai nước từ Hủa Phăn xuống Khăm Muộn.

Để bảo toàn lực lượng kháng chiến lâu dài, từ tháng 3 năm 1946, Xứ uỷ Ai Lao thông qua phái viên Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Viêng Chăn, đã bàn bạc, thống nhất với Chính phủ độc lập Lào ít xala, chủ trương vừa chiến đấu tiêu hao sinh lực địch, cản bước tiến của chúng, vừa chủ động tổ chức cho nhân dân Lào và Việt kiều di tản ra khỏi thành phố, chuyển Chính phủ lên Luông Phạbang và đưa lực lượng vũ trang về vùng nông thôn, miền núi, tiến hành kháng chiến lâu dài. Theo đó, từ cuối tháng 3 năm 1946, đa số nhân dân Lào ở Viêng Chăn và hầu hết bà con Việt kiều đã vượt sông Mê Công tản cư sang Thái Lan. Đầu tháng 4 năm 1946, một bộ phận các cơ quan của Chính phủ độc lập Lào ít xala chuyển lên kinh đô Luông Phạbang. Ban Chỉ huy liên quân Lào - Việt ở Viêng Chăn tổ chức lại lực lượng chiến đấu cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Đại bộ phận vẫn tiếp tục chiến đấu nhằm tiêu hao sinh lực địch, ngăn cản bước tiến quân của chúng. Một lực lượng được cử đi theo làm nhiệm vụ bảo vệ dân và cơ quan Chính phủ. Đến cuối tháng 4, sau khi hoàn thành nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch, bảo vệ nhân dân và Chính phủ tản cư an toàn sang Thái Lan và lên Luông Phạbang, liên quân Lào - Việt rút ra khỏi Thủ đô Viêng Chăn, sau đó rút sang Thái Lan.

Giữa tháng 5 năm 1946, quân Pháp tiến công vào kinh đô Luông Phạbang. Nhà vua Xixá và ông đầu hàng Pháp và lệnh cho lực lượng vũ trang Lào hạ vũ khí, chấp nhận sự thống trị của Pháp. Lực lượng vũ trang Lào ít xala và những người Lào chống Pháp rút khỏi kinh đô, tản vào rừng.

Có thể nói, cuộc chiến đấu bảo vệ các thành phố, thị xã ở bắc vĩ tuyến 16 của Lào, đến giữa tháng 5 năm 1946, về cơ bản đã suy

yếu, chỉ còn những hoạt động nhỏ lẻ, phân tán. Chính phủ độc lập Lào, sau một thời gian hoạt động, phải lánh sang Thái Lan, nhưng đã có những đóng góp quan trọng trong việc đề cao danh nghĩa độc lập của nước Lào và tăng cường quan hệ đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung giữa Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào. Liên quân Lào - Việt đã đoàn kết, giúp đỡ nhau, tích cực, chủ động đánh địch, nêu cao tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu chống kẻ thù chung là thực dân Pháp.

Sau khi chiếm được Thủ đô Viêng Chăn và kinh đô Luông Phabang, Pháp cho lập Chính phủ và bầu Quốc hội Viêng Chăn; ký hiệp định (ngày 28 tháng 7 năm 1946) công nhận Lào “độc lập, thống nhất và tự trị trong khối Liên hiệp Pháp”; thành lập các đảng phái chính trị làm công cụ phá hoại cách mạng Lào, chia rẽ nội bộ Lào, chia rẽ tình đoàn kết, thân thiện Lào - Việt Nam.

Bằng chính sách thâm độc đó cùng với sức mạnh quân sự, đến cuối năm 1946, quân Pháp đã từng bước kiểm soát được tình hình ở Lào, thiết lập bộ máy chính quyền tay sai, gây cho phong trào kháng chiến của Lào nhiều khó khăn, đồng thời uy hiếp phong trào cách mạng Việt Nam từ phía tây.

Nhằm từng bước phối hợp xây dựng lực lượng cơ sở kháng chiến ở Lào, cuối năm 1946, các lực lượng vũ trang cách mạng Lào và lực lượng Việt kiều chuyển hướng trở về hoạt động ở vùng nông thôn, rừng núi, tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở chính trị, phát động chiến tranh du kích, thiết lập các khu căn cứ, chuẩn bị điều kiện để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, đưa sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Lào từng bước tiến lên.

Tại Hạ Lào, thực hiện chủ trương đưa lực lượng về hoạt động trên đất Lào, Hoàng thân Xuphanuvông trên danh nghĩa Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ độc lập Lào ít xalạ và Tổng Chỉ huy liên quân Lào - Việt, lệnh cho các lực lượng của Lào tản cư

sang ămphơ (tổng) Phi Bun (Thái Lan) tổ chức huấn luyện quân sự, củng cố tổ chức để trở về vùng Hạ Lào¹ tham gia kháng chiến chống Pháp.

Để tăng cường xây dựng lực lượng, thúc đẩy phong trào kháng chiến chuẩn bị mở mặt trận Hạ Lào, Hoàng thân Xuphanuvông đã hiệp thương với đồng chí Nguyễn Đức Quỳ, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và thu xếp cho lực lượng tiền trạm sang liên lạc với Chính phủ Việt Nam tại miền Nam Trung Bộ, nhờ Việt Nam giúp xây dựng chỗ đứng chân ở vùng biên giới phía đông Hạ Lào. Đội tiền trạm xuất phát từ tháng 5 năm 1948 gồm một trung đội Lào do ông Xôm Manôviêng chỉ huy, cùng một trung đội Việt kiều giải phóng quân, vượt vùng địch kiểm soát sang Liên khu 5 (Việt Nam). Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ thị cho Đảng bộ và chính quyền địa phương Liên khu 5 về việc tăng cường giúp đỡ Hạ Lào. Tháng 3 năm 1948, đồng chí Phạm Văn Đồng, lúc đó là đại diện của Trung ương Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Nam Trung Bộ, giao nhiệm vụ cho Tỉnh uỷ Quảng Nam (Việt Nam) cùng Trung đoàn 93 tổ chức một trung đội đến

¹. Hạ Lào, khái niệm này có nhiều nguồn tài liệu giải thích khác nhau, theo nguồn tài liệu này bao gồm ba tỉnh là Chămpaxắc, Xalavăn và áttapư, chiếm khoảng 1/6 diện tích Lào. Đây là vùng rừng núi xen lẫn đồng bằng và cao nguyên, có biên giới giáp các tỉnh vùng Tây Nguyên (Việt Nam), đông bắc Campuchia và Thái Lan. Hạ Lào nằm ở phía nam vĩ tuyến 16, vì thế ngay từ tháng 9 năm 1945, Pháp đã đưa quân chiếm đóng (núp sau lưng quân Anh, với danh nghĩa lực lượng Đồng minh vào giải giáp quân Nhật), được tập đoàn lãnh chúa Bun ồm, giúp đỡ, nên đến cuối tháng 10 năm 1945, quân Pháp đã chiếm xong Hạ Lào và thiết lập bộ máy nguy quyền tay sai. Căm thù, chán ghét bọn thực dân Pháp và chế độ bóc lột tàn tệ của lãnh chúa phong kiến địa phương nên một số viên chức và thanh niên Lào có tinh thần yêu nước ở Hạ Lào đã di tản sang các tổng Bun và Bùng Vai, thuộc huyện Valin, tỉnh Uđon, Thái Lan. Phong trào cách mạng và sự phối hợp chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đã phát triển từ khi Pháp trở lại xâm chiếm Hạ Lào. Hạ Lào là nơi xuất xứ nhiều cán bộ cách mạng của Lào.

biên giới phía tây Quảng Nam giáp Xalavăn nắm tình hình và chuẩn bị địa bàn giúp đỡ lực lượng kháng chiến Lào. Đầu tháng 7 năm 1948, tổ công tác và trung đội trên đã đón đơn vị của ông Xôm Manôviêng cùng đơn vị Việt kiều về huyện Đức Phổ (Quảng Ngãi) để củng cố lực lượng, huấn luyện và trang bị vũ khí.

Ngày 10 tháng 7 năm 1948, đồng chí Phạm Văn Đồng thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ký quyết định thành lập *Khu đặc biệt* để thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ Lào xây dựng cơ sở, xây dựng căn cứ ở Hạ Lào. Khu đặc biệt do đồng chí Trần Công Khanh làm khu trưởng, đồng chí Nguyễn Chính Cầu (tức Nguyễn Chính Giao) làm chính uỷ.

Ban lãnh đạo Khu đặc biệt tổ chức bộ phận đón tiếp lực lượng của Lào sang và chuẩn bị lực lượng, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phối hợp, giúp đỡ cách mạng Lào. Căn cứ của Khu đặc biệt được đặt tại Tà Ngô (huyện Bến Giằng, tỉnh Quảng Nam), gần biên giới Việt Nam - Lào.

Lực lượng của Liên khu 5 (Việt Nam) được cử đi giúp Lào gồm có một đại đội được tuyển chọn gồm cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần, chủ yếu là của Phòng Chính trị Liên khu 5.

Sau một thời gian chuẩn bị cả về vật chất và tinh thần, ngày 19 tháng 8 năm 1948, đơn vị của ông Xôm Manôviêng cùng đoàn cán bộ của Liên khu 5 (Việt Nam) làm lễ xuất quân từ làng Đề An, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi đi Tà Ngô, huyện Bến Giằng, tỉnh Quảng Nam để sang Hạ Lào hoạt động. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã ân cần dặn dò đoàn công tác rằng chỉ có vận động nhân dân Lào kháng chiến thì Việt Nam và Lào mới có thể đánh thắng giặc Pháp xâm lược.

Sau khi dừng chân ở Tà Ngô, đoàn cán bộ Lào - Việt chia thành ba bộ phận, hành quân sang vùng phía đông hai tỉnh Xalavăn và áttapur theo ba hướng tây, tây bắc và tây nam. Mỗi bộ phận gồm

một tiểu đội người Lào, hai tiểu đội người Việt Nam và tổ dân vận, làm nhiệm vụ khảo sát, nắm tình hình địch, dân cư, gây dựng cơ sở, phát động nhân dân kháng chiến. Đoàn cán bộ Lào - Việt, từ cán bộ đến chiến sĩ, ai cũng có quyết tâm cao, hăng say công tác, nhưng có điều trở ngại là anh em người Việt không biết tiếng Lào, không hiểu phong tục, tập quán của đồng bào các bộ tộc Lào, người Lào không biết tiếng Việt, nên trong tiếp xúc, công tác gặp nhiều khó khăn. Nhiều anh em (cả người Lào và Việt) hầu như chưa có kinh nghiệm làm công tác vận động nhân dân vùng dân tộc thiểu số, nhiều người chỉ muốn được cầm súng đánh địch, ít coi trọng công tác dân vận, vận động quần chúng nhân dân.

Thời gian đầu, các đội công tác Lào - Việt tiến hành khảo sát tình hình và vận động nhân dân ở vùng biên giới phía đông các tỉnh Xalavăn và áttapur. Sau khoảng nửa năm công tác, phạm vi hoạt động chỉ mở rộng được trong khoảng bốn, năm ngày đường đi bộ mỗi chiều, vận động được khoảng 50 bản, cùng chừng 5.000 dân gồm nhiều bộ tộc, ngôn ngữ và phong tục, tập quán khác nhau.

Phát hiện thấy lực lượng Lào - Việt hoạt động, quân địch tổ chức nhiều cuộc càn quét, từ áttapur, Xalavăn đến tận biên giới Việt - Lào, các đội công tác Việt - Lào tổ chức một số trận đánh ở Đắc Rai, Đắc Ranh, Măng Đơn, Tăng Dui, Măng Hà, gây cho địch một số thiệt hại, buộc chúng phải rút ngắn thời gian hoạt động.

Một khó khăn khác của đoàn công tác là trong vùng hoạt động, dân cư thưa thớt, kinh tế nghèo nàn, trình độ dân trí thấp. Nhân dân thường xuyên mắc phải nhiều bệnh tật, nhất là sốt rét và đường ruột. Các bộ tộc sống đơn lẻ, thiếu hiểu biết nhau, thường có mâu thuẫn và sự hiềm khích. Mặc dầu đã hết sức cố gắng nhưng các đội công tác Lào - Việt chỉ gây được cơ sở ở một vài bản. Một số nơi dân sống biệt lập, “cắm lá” không tiếp xúc với đoàn công tác. Do hoạt động khó khăn về mọi mặt nên trong đoàn công tác xuất hiện

tư tưởng bị quan, chán nản, không muốn tiếp tục công tác ở vùng này. Số anh em người Lào muốn được trở về cầm súng chiến đấu như hồi đầu kháng chiến ở vùng Champaxắc. Một số anh em người Việt cũng muốn trở về nước.

Tình hình trên nếu không có phương hướng, biện pháp giải quyết thì sẽ khó có thể thúc đẩy phong trào kháng chiến ở Hạ Lào phát triển. Nhận rõ tình hình và thấy được việc cấp bách phải xây dựng căn cứ, xây dựng lực lượng đẩy mạnh kháng chiến ở Hạ Lào, cuối năm 1948, Hoàng thân Xuphanuvông, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ độc lập Lào đã giao cho đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, đại diện Chính phủ Lào cùng ông Xi-thôn Côm-ma-đăm, khu trưởng quân sự, đưa một trung đội của đơn vị Xay-chăc-caphătt và một trung đội Việt kiều từ Thái Lan di chuyển về phía biên giới Việt - Lào, sang Liên khu 5 (Việt Nam) chuyển công văn của Chính phủ Lào đến đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Nam Trung Bộ, nhờ giúp đỡ thành lập Khu kháng chiến Hạ Lào.

ở Tây Lào¹, từ khi phải chuyển lực lượng sang Thái Lan (năm 1946), cấp uỷ, chỉ huy các đơn vị liên quân Lào - Việt ở từng khu vực đã tập hợp, củng cố lực lượng vũ trang Việt kiều, các đội công tác cơ sở, chuẩn bị điều kiện để trở về hoạt động ở mặt trận phía tây Lào.

Dưới sự lãnh đạo của Xứ uỷ Ai Lao, các tổ chức đoàn thể Việt kiều yêu nước ở Lào, Thái Lan, vận động đồng bào ủng hộ tiền, của để mua sắm vũ khí chuyển từ Thái Lan về Lào; đồng thời động viên nhân dân Lào cùng Việt kiều gửi con em tham gia xây dựng các đơn vị liên quân Lào - Việt. Sinh ra và lớn lên trên đất Lào, thông thạo ngôn ngữ, am hiểu tập quán của các bộ tộc Lào là điều

¹. Tây Lào, khái niệm này có nhiều nguồn tài liệu giải thích khác nhau, theo nguồn tài liệu này là vùng dọc theo sông Mê Công, từ phía bắc tỉnh Huệi Xài đến phía tây tỉnh Khăm Muộn, gồm toàn bộ tỉnh Huệi Xài, phía tây Luông Phảbang, toàn bộ Viêng Chăn và một phần nam Khăm Muộn.

kiện thuận lợi để thanh niên Việt kiều gia nhập các đơn vị vũ trang liên quân, sát cánh chiến đấu với anh em người Lào.

Đầu năm 1947, Đặc ủy kiều bào và Tổng hội Việt kiều cứu quốc quyết định thành lập *Bộ Tư lệnh mặt trận Lào - Miên*, do đồng chí Vũ Hữu Bình làm tư lệnh (sau gọi là mặt trận miền Tây) nhằm giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Lào, Miên từ phía tây. Bộ Tư lệnh chủ trương thành lập bốn đặc khu trên đất Lào, Miên. Đặc khu 1 là Viêng Chăn. Đặc khu 2 là Pắc Xan - Thà Khéc. Đặc khu 3 là Xavannakhet. Đặc khu 4 là Bắttamboong (Bắc Miên)¹. ở các đặc khu, đảng ủy và ban chỉ huy quân sự nhanh chóng tập hợp, củng cố lực lượng vũ trang Việt kiều và các đội công tác cơ sở, chuẩn bị sẵn sàng trở lại Lào hoạt động khi có điều kiện thuận lợi.

Từ giữa năm 1947, các đơn vị Việt kiều giải phóng quân và đội công tác cơ sở (ở Thái Lan) được bổ sung thêm quân số, vũ khí và tổ chức thành ba lực lượng về Nam Bộ (Việt Nam), Campuchia và Lào, trực tiếp tham gia kháng chiến.

Lực lượng trở về Lào được tổ chức thành các đơn vị vũ trang tuyên truyền và các đội công tác cơ sở hoạt động dọc theo lưu vực sông Mê Công từ Viêng Chăn xuống khu vực Trung Lào.

Phía bộ đội Việt kiều được phái về Viêng Chăn (Đặc khu 1) hoạt động, lúc đầu có 70 người. Ban Chỉ huy Đặc khu 1 tổ chức hai đơn vị Việt kiều giải phóng quân trở lại chiến trường Viêng Chăn tìm cách phối hợp với lực lượng Lào ít ỏi, nhằm vào hai hướng là vùng Nặm Tồn - Phôn Hoọng ở phía tây bắc, bắc Viêng Chăn và vùng Thà Boóc - Pắc Xan ở phía đông và đông bắc Viêng Chăn hoạt động. Đây là hai địa bàn rừng núi có vị trí quan trọng về chính trị, quân sự, xa trung tâm đầu não của địch, mặt khác ở đây có thể dựa

¹. Đến tháng 4 năm 1949 lập thêm đặc khu ở vùng Huội Xài - Luổng Phạbang - Xaynhabuli.

vào cơ sở Việt kiều ở ven sông Mê Công bên phía Thái Lan để bảo đảm giao thông liên lạc, chỉ huy, tiếp tế và có thể thực hiện tác chiến tiêu hao sinh lực địch, bảo toàn lực lượng kháng chiến. Bộ đội Việt kiều trở về Viêng Chăn được cán bộ và nhân dân Lào gọi là “Thà hăn ai noọng” (bộ đội anh em), hoặc gọi chung là “Thà hăn ít xala” như bộ đội Lào.

Đơn vị Năm Tồn - Phôn Hoặng có 40 người, biên chế thành ba phân đội và một cơ quan chỉ huy. Phạm vi hoạt động tương đối rộng, từ vùng Năm Tồn đến đường 13, từ ngoại thành Viêng Chăn lên Phôn Hoặng, sang Năm Lịch, khu vực Bạ Cơn và đường 10. Nhiệm vụ của đơn vị là phối hợp với bộ đội Lào ít xala tại địa phương, thực hiện công tác vũ trang tuyên truyền, tác chiến tiêu hao địch và đánh phá giao thông, kìm chế hoạt động của địch, gây thanh thế cho bộ đội Lào ít xala và phong trào kháng chiến của nhân dân các bộ tộc Lào. Trong năm 1947, đơn vị phân chia thành nhiều tổ, nhóm nhỏ vào từng làng, bản, tuyên truyền, vạch rõ âm mưu, hành động phá hoại của giặc Pháp, giải thích chủ trương của Chính phủ Lào ít xala là kháng chiến, đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, tự do thực sự cho Lào. Đồng thời, tổ chức tập kích đồn Hỏa Khủa trên đường 13 cách Viêng Chăn 20 km về phía bắc; phục kích đoàn xe chở quân của địch gần làng Thông Măng trên đường 10, đoạn Thà Ngòn - Bạ Cơn; phục kích đoàn canô chở quân ở khu vực Kặng Mọ, trên sông Mê Công; đánh địch ở giữa bản Noọng Khỏn và bản Háy Càbạc.

Đơn vị Thà Boốc - Pạc Xan có 30 người. Phạm vi hoạt động dọc theo đường 13 từ Pạc Xan - Thà Boốc - Pạc Ngừm ngược lên Viêng Chăn, dọc đường 4, từ Pạc Xan - Mường Cầu lên Thà Viêng và các vùng thượng lưu sông Năm Xăn, Năm Nghiệp, các vùng núi cao Phu Phalavệc, Phu Mừn, Phu Ngu. Nhiệm vụ của đơn vị này là phối hợp với lực lượng Lào ít xala tại địa phương làm công tác vũ

trang tuyên truyền và đánh địch, gây tiếng vang cho phong trào kháng chiến, tạo niềm tin trong nhân dân và lực lượng vũ trang Lào - Việt. Các cán bộ, chiến sĩ đơn vị Thà Boóc - Pạc Xan đã tiến hành các hoạt động vũ trang tuyên truyền qua nhiều làng, bản trên địa bàn rừng núi ở vùng thượng nguồn các sông Nặm Xăn, Nặm Nghiệp, xây dựng cơ sở và tổ chức đánh địch ở Bạ Hày (trên đường 13), phá cầu ở Thà Boóc, phục kích đánh ca nô và xe cơ giới địch khi chúng chở quân xuống tăng cường cho đồn Pạc Xan.

Ngoài hai đơn vị trên ở Viêng Chăn, phía Tây Lào còn có một bộ phận phụ trách đường giao thông Việt - Lào - Thái gồm 30 người. Cuối năm 1947, được nhân dân Lào nhiệt tình giúp đỡ, đơn vị này đã mở thông con đường giao liên quốc tế từ Bưng Càn (Thái Lan) qua Bolikhăn, Mương Mộc, Mương Ngan (Lào) về Liên khu 4 (Việt Nam), góp phần quan trọng bảo đảm cho sự liên lạc của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương với chiến trường Lào qua Thái Lan ra các nước khác.

Tại khu vực nam Thà Khéc và bắc Xavănnakhêt, phía tây Lào, có một lực lượng gọi là Phân khu 6, tổ chức thành ba đội công tác (số 13, 14, 15). Đây là số anh chị em Việt kiều, thông thạo tiếng và phong tục, tập quán địa phương Lào, làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng.

Hoạt động của các đơn vị Nặm Tồn - Phôn Hoộng và Thà Boóc - Pạc Xan cùng với hoạt động của đơn vị Koong Phạ Ngừm Lào ít xala ở địa phương và các đơn vị nói trên đã gây được ảnh hưởng lớn đến nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, tạo được lòng tin đối với nhân dân, gây dựng được những cơ sở kháng chiến ban đầu ở mặt trận Viêng Chăn và một số vùng phía tây Lào.

Do hoạt động gian khổ, điều kiện sinh hoạt khó khăn, bệnh tật phát sinh, một số đồng chí đã hy sinh, nên đến cuối năm 1947, phần lớn lực lượng của hai đơn vị Việt kiều hoạt động ở vùng Viêng Chăn

được lệnh rút sang Thái Lan củng cố. Chỉ còn một tổ công tác ở lại vùng Nặm Tồn, liên hệ phối hợp với đơn vị Lào ít xala do ông Thạo Mừn Xỏmvichít chỉ huy, dựa vào dân tiếp tục hoạt động.

Tại vùng Đông Lào¹, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia Việt Nam và theo yêu cầu của cách mạng Lào, Bộ Tư lệnh Chiến khu 4 giao nhiệm vụ cho các tỉnh cử một số cán bộ và đơn vị sang phối hợp, giúp đỡ các địa phương lân cận phía Đông Lào xây dựng cơ sở kháng chiến. Đầu năm 1947, Khu ủy và ủy ban kháng chiến - hành chính Khu 4 quyết định thành lập *Phòng Biên chính* trên cơ sở *Phòng Ngoại vụ*, chuyên trách giúp các lực lượng kháng chiến Lào, do đồng chí Trần Đức Vĩnh phụ trách² đóng ở vùng Đô Lương, Con Cuông (tỉnh Nghệ An). Phòng Biên chính có nhiệm vụ giúp ủy ban giải phóng Đông Lào củng cố và phát triển các lực lượng cách mạng, yêu nước Lào và tổ chức đón tiếp các lực lượng từ Thái Lan qua Lào sang Việt Nam và ngược lại; phối hợp chặt chẽ với Tiểu đoàn 265 địa phương tỉnh Nghệ An phụ trách biên giới phía tây, tổ chức hoạt động gây cơ sở trong các vùng người dân tộc Việt Nam và Lào, tạo chỗ đứng chân để tiến sâu vào đất Lào; chấp nối liên lạc với cán bộ cốt cán còn lại trong các thị xã, thị trấn, và các vùng địch tạm chiếm, xây dựng cơ sở chính trị, hoạt động vũ trang tuyên truyền, trọng tâm là vùng nông thôn, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi, tập trung xây dựng căn cứ du kích làm chỗ đứng chân ở

¹. Đông Lào, khái niệm này có nhiều nguồn tài liệu giải thích khác nhau, theo nguồn tài liệu này là vùng phía đông các tỉnh Khăm Muộn, Xavảnnakhệt (thuộc Trung Lào), Xiêng Khoảng và Hủa Phăn (Bắc Lào).

². Sau khi đồng chí Trần Đức Vĩnh hy sinh (tháng 5 năm 1947), đồng chí Ngô Văn Anh đảm nhiệm thay. Khi đồng chí Anh mất, đồng chí Đào Việt Hưng thay. Đến tháng 10 năm 1948, đồng chí Nguyễn Tài, nguyên Phó Chủ tịch ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Nghệ An được phân công phụ trách Phòng Biên chính.

vùng Xăm Chè (người Mông), Mường Nham và ngược lên phía bắc, hai bên đường 7, thuộc vùng Noong Hét, Bạ Ban, Mường Péc.

Các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị tổ chức *Ban Biên chính*, gồm 2 đến 4 cán bộ để liên hệ giúp Lào. Ban Biên chính Hà Tĩnh gồm có 4 người, đóng ở huyện Hương Sơn. Cán bộ của ban này thường xuyên sang hoạt động, giúp Lào ở các vùng Na Vang, Na Háo, thuộc tàxêng (tổng) Năm Vẹo sát với huyện Hương Sơn và tàxêng Thập Hay sát với huyện Hương Khê. Tỉnh Quảng Bình cử một tổ công tác sang gây cơ sở ở vùng Bualapha, sát biên giới với huyện Bố Trạch. Ban Biên chính tỉnh Quảng Trị đóng ở huyện Hương Hoá, sang giúp Lào xây dựng cơ sở, phát động phong trào ở vùng Tà Ôi, Mường Noong, tiếp giáp tỉnh Quảng Trị. Mặt khác, các tỉnh thuộc Liên khu 4 còn cử một số đơn vị bộ đội sang vùng lân cận của Lào phối hợp hoạt động, gây dựng cơ sở.

Tỉnh Quảng Trị cử Đại đội 55 bộ đội địa phương sang phối hợp, hoạt động, giúp đỡ cách mạng Lào ở mường Xê Pôn¹, Mường Phin, trên trục đường 9 và khu vực phía đông nam tỉnh Xavannakhet. Tỉnh Quảng Bình cử Đại đội 6 bộ đội địa phương sang hoạt động ở khu vực đường 12 vùng mường Bualapha, Ang Khăm, Bạ Naphào, tỉnh Khăm Muộn. Một đại đội của Tiểu đoàn Trường Sinh, thuộc Trung đoàn 103, phối hợp hoạt động ở khu vực đường 8 vùng Na Pê, Lắc Xao, Bạ Tồn đến Nhômmalat.

Cuối năm 1947, đầu năm 1948, các đơn vị của các tỉnh thuộc Khu 4 (Việt Nam) gồm Đại đội 55 ở Xavannakhet, Đại đội 6 ở Khăm Muộn, đại đội thuộc Tiểu đoàn Trường Sinh của Trung đoàn 103, ở Na Pê, Khăm Cốt được tổ chức thành các đội vũ trang

¹. Tại mường Xê Pôn, lực lượng vũ trang của Lào có hai trung đội do ông Thạo Ô chỉ huy.

tuyên truyền, sát cánh cùng lực lượng vũ trang cách mạng Lào vào từng bản, làng, tuyên truyền vận động nhân dân, xây dựng cơ sở, tổ chức lực lượng bán vũ trang. Tháng 10 năm 1948, Đại đội 55 phối hợp với lực lượng vũ trang Mường Xê Pôn, đánh địch ở Samuội, sau đó tập kích đồn Mường Noòng, giải phóng huyện Tà Ôi, Mường Noòng.

Để tăng cường sự chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng của Việt Nam hoạt động ở Trung Lào và thống nhất việc giúp đỡ, phối hợp hoạt động với lực lượng vũ trang cách mạng Lào, đầu tháng 8 năm 1948, Liên khu uỷ 4 quyết định thành lập *Ban Cán sự Trung Lào*¹ gồm bảy người, do đồng chí Nguyễn Minh Châu, Khu uỷ viên phụ trách.

Sau một thời gian củng cố và huấn luyện ở Khu 4 (Việt Nam), các lực lượng vũ trang yêu nước Lào đã lần lượt trở lại các khu vực trên chiến trường Đông Lào, tiến hành hoạt động vũ trang, gây cơ sở, tổ chức phát động chiến tranh du kích chống thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai. Tháng 3 năm 1947, ông Thạo Kê tổ chức một trung đội Lào - Việt trở về Xiêng Khoảng, hoạt động ở vùng Mường Mộc, Mường Nham. Ông Xiêng Xinh (Phia Hồm) đưa một trung đội vào khu vực Mường Dương, Bò Nhia, Sầm Tớ hoạt động.

Cũng trong tháng 3 năm 1947, khoảng 200 Việt kiều từ Thái Lan chuyển về bổ sung cho Phòng Biên chính Khu 4 (Việt Nam). Với quân số được tăng cường, Phòng Biên chính thành lập hai đội vũ trang tuyên truyền (219 và 210). Đội 219 có nhiệm vụ bảo vệ con đường giao liên quốc tế bí mật từ Việt Nam qua Lào sang Thái Lan. Đội 210 hoạt động gây cơ sở chính trị ở vùng Xả Chè - Long

¹. Về ngày thành lập Ban Cán sự Trung Lào, nhiều tài liệu ghi chép không thống nhất.

Mộ (huyện Mường Mộc) tạo bàn đạp phát triển vào Thà Thôn, Thà Viên, nối liền cơ sở của Lào ở Bolikhăn, phía đông Viên Chăn.

Theo chủ trương của Bộ Tư lệnh Khu 4 và sự thống nhất của Ủy ban giải phóng Đông Lào, các lực lượng Việt - Lào mở đợt hoạt động quân sự, chính trị ở vùng Mường Ngan, phía đông thị xã Xiêng Khoảng, nhằm mở rộng vùng căn cứ du kích của Lào ở Mường Mộc, giáp tỉnh Nghệ An và phát triển cơ sở chính trị vào sâu trong vùng địch tạm chiếm. Về phía Việt Nam, lực lượng tham gia đợt hoạt động này có Tiểu đoàn 265, Đội 219, Đội 210. Phía Lào có đội vũ trang do ông Thạo Kê chỉ huy, đội du kích người Mông do ông Thạo Tu phụ trách. Ban Chỉ huy phối hợp chung của Lào - Việt gồm ông Thạo Xột, Thạo Kê, các đồng chí Nguyễn Quới, Phạm Bảo, Đặng Bá Thi.

Tiểu đoàn 265 của Khu 4 hoạt động ở đường 7, khu vực biên giới Việt - Lào, được giao nhiệm vụ phối hợp, giúp đỡ đơn vị vũ trang tuyên truyền của Lào do các ông Thạo Bun, Thạo Phấn chỉ huy trở lại hoạt động ở khu vực Mường Mộc, Mường Ngan.

Tại khu vực bắc Xiêng Khoảng, nam Hủa Phăn, đội vũ trang công tác gồm số cán bộ, chiến sĩ vốn là “Biệt động đội đường 9”, đã từng hoạt động ở hai huyện Mường Noòng, Tà Ôi (Nam Lào) và một tổ dân vận, trong đó có hai người Lào là Cà Tề, Cà Tăng (dân tộc Tà Ôi), được điều ra hoạt động ở đường 7 phía tây Nghệ An. Đội được giao nhiệm vụ phối hợp giúp đỡ đội vũ trang tuyên truyền “Tây tiến 1” do ông Thạo Ma phụ trách và đơn vị do ông Phìa Hóm chỉ huy, trở lại hoạt động ở tây nam Hủa Phăn, bao gồm các tàxăng của huyện Sầm Tó, phát triển lên vùng phía nam huyện Hủa Mưong và phía tây huyện Mường Xăm (gồm cả thị xã Sầm Nưa).

Trong điều kiện địa hình rừng núi hiểm trở phía đông Lào, giao thông liên lạc cách trở, đời sống rất thiếu thốn, song các lực lượng vũ trang Việt kiều và các đơn vị bộ đội địa phương, chủ lực Khu 4

được phái sang hoạt động ở Đông Lào đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ, hy sinh, mất mát, kề vai sát cánh công tác, chiến đấu với lực lượng vũ trang yêu nước và nhân dân Lào, từng bước xây dựng được địa bàn đứng chân ở một số vùng, làm cho nhân dân các bộ tộc Lào hiểu, tin tưởng hơn vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và mối quan hệ đoàn kết chiến đấu đặc biệt của các lực lượng vũ trang, nhân dân hai nước Việt - Lào.

Tháng 3 năm 1948, Phòng Biên chính Liên khu 4 và Ủy ban giải phóng Đông Lào, tổ chức cuộc họp xác định nhiệm vụ củng cố về chính trị, tổ chức các đội vũ trang, bán vũ trang Lào; đồng thời quyết định thành lập Ủy ban kháng chiến tỉnh Xiêng Khoảng. Theo đó, ngày 4 tháng 4 năm 1948, Ủy ban kháng chiến tỉnh Xiêng Khoảng được thành lập.

Theo sự phân công của Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam, từ tháng 5 năm 1948, Liên khu 3 và Liên khu 4 có nhiệm vụ trực tiếp phối hợp, giúp đỡ mặt trận Đông Lào.

Nhằm giúp Lào đẩy mạnh phong trào kháng chiến ở Xiêng Khoảng, Liên khu 4 quyết định thành lập hai đại đội vũ trang tuyên truyền (210 và 219, trên cơ sở đội vũ trang tuyên truyền 210, 219). Mỗi đại đội có 100 người, đa số là Việt kiều, phần khác là thanh niên miền tây Thanh Hoá, Nghệ An, biên chế thành ba trung đội. Sau khi được thành lập, các đại đội khẩn trương ổn định tổ chức biên chế, bổ sung trang bị vũ khí, huấn luyện quân sự, học tập chính trị, quân sự và tìm hiểu phong tục tập quán của nhân dân các bộ tộc Lào, rồi hành quân sang Lào.

Tại Xiêng Khoảng, Đại đội 219 tiếp tục làm nhiệm vụ bảo đảm đường giao liên quốc tế bí mật, đưa đón, bảo vệ các đoàn cán bộ từ Liên khu 4 qua Lào sang Thái Lan, tham gia xây dựng căn cứ địa ở đông nam Xiêng Khoảng, đồng thời bố trí một đội vũ trang tuyên truyền hoạt động ở Mương Mộc.

Đại đội 210 làm nhiệm vụ giúp Lào xây dựng cơ sở ở vùng căn cứ Lào Xung, trọng điểm là vùng Xăm Chè - Noong Hét, đồng thời phát triển sang bắc Xiêng Khoảng, khu vực Mương Dương, Mương Bò, Mương Nhia, trọng điểm là Bò Nhia.

Tháng 10 năm 1948, Đại đội 210 chia làm hai bộ phận, tiến vào vùng địch tạm chiếm. Bộ phận thứ nhất gồm hai trung đội (1 và 2), chia thành các tổ nhỏ, vào vùng Xăm Chè - một vùng núi cao sát biên giới Việt Nam - Lào. Mặc dù chưa biết tiếng và chưa am hiểu phong tục tập quán của người Mông ở vùng này, nhưng được sự hỗ trợ tích cực của các đơn vị vũ trang Lào, cán bộ, chiến sĩ Việt Nam đã dần khắc phục những khó khăn, gian khổ để tiếp xúc với dân, tuyên truyền, giác ngộ, vận động nhân dân ủng hộ và tham gia kháng chiến. Phụ nữ Mông ở đây thường không biết tiếng Lào phổ thông, không hề biết bộ đội Việt Nam tốt hay xấu nên thường tìm cách xa lánh. Anh em phải đến từng nhà, ra tận nương rẫy, làm quen, giúp dân, tặng muối và thuốc chữa bệnh, qua đó từng bước chiếm được cảm tình của dân, rồi tuyên truyền vận động nhân dân tham gia, ủng hộ kháng chiến. Nhờ vậy, Xăm Chè được xây dựng thành một khu căn cứ kháng chiến. Và, từ Xăm Chè phát triển rộng ra các vùng xung quanh. Đến tháng 12 năm 1948, khi địch tăng cường lực lượng xây dựng ba đồn Mương Ngan, Mương Ngat, Phu Cây Khăn, tổ chức càn quét liên tục, nên các Trung đội 1 và 2 và lực lượng của Lào rút về bảo vệ căn cứ Xăm Chè - Noong Hét. Sau một thời gian củng cố, Trung đội 1 và Trung đội 2 cùng với lực lượng của Lào tổ chức các cuộc bao vây, tiến công đồn địch, buộc chúng phải rút khỏi một số vị trí.

Trong khi đó, bộ phận thứ hai là Trung đội 3 tiến vào khu vực Mương Lồng, Mỹ Lý (Nghệ An), rồi từ đó theo dọc sông, đi sâu vào vùng bắc Xiêng Khoảng, làm công tác tuyên truyền, xây dựng cơ sở. Lực lượng của đồng chí Việt Sơn Hùng và đội vũ trang công

tác của Lào được tổ chức thành *Đội vũ trang tuyên truyền Lào Bắc* (còn gọi là *Đội vũ trang tuyên truyền Sầm Tở*), do ông Xiêng Xinh (tức Phia Hõm) làm chỉ huy trưởng, đồng chí Việt Sơn Hùng làm chỉ huy phó và đồng chí Nguyễn Thị Ngọc làm bí thư. Sau khi ổn định tổ chức, toàn đội tiến vào các khu vực Mường Dương, Mường Bò, Mường Nhia tuyên truyền, xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng. Đây là vùng mà đội “Xiêng Xinh” của Lào, đã từng hoạt động, nhân dân rất có cảm tình với kháng chiến, nên khi bộ đội Việt Nam và lực lượng Lào ít ỏi trở lại, nhân dân địa phương tiếp đón nồng hậu và sẵn sàng che chở, giúp đỡ. Cán bộ, chiến sĩ Trung đội 3 đã cùng dân phát nương, làm rẫy, trồng sắn, trồng ngô, lên rừng đào củ mài, tiết kiệm từng nắm cơm, hạt muối để giúp đỡ dân. Nhờ quan hệ tốt với dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến, giúp đỡ, Trung đội 3 đã xây dựng được cơ sở quần chúng ở nhiều nơi, mở rộng hoạt động ra các bản Xam Kháng, Cò Khương và tàxêng Xốp Na, huyện Mường Khăm, sang tàxêng Thăm La, Na Kháng (giáp huyện Hỏa Mương, tỉnh Hỏa Phấn). Cuối năm 1948, Trung đội 3 tổ chức phục kích địch ở sát đồn Mường Ngát.

Theo yêu cầu của Lào, tháng 11 năm 1948, Liên khu 4 cử thêm Đại đội 215, với quân số ban đầu là 60 người, sang giúp Lào xây dựng cơ sở kháng chiến ở Thà Viêng (nam thị xã Xiêng Khoảng). Đại đội phân chia lực lượng thành từng tổ, nhóm nhỏ luồn sâu vào vùng tạm chiếm, bắt mối liên lạc với quần chúng. Với tinh thần dũng cảm, kiên trì bám dân và thực hiện hoạt động theo phương thức thích hợp, Đại đội 215 đã tranh thủ được lòng nhiệt tình của nhân dân, xây dựng được cơ sở trung kiên ở nhiều nơi thuộc vùng Thà Viêng, Mường Om và Phả Sơn.

Nhằm phối hợp và giúp đỡ Đông Lào, tháng 4 năm 1948, Liên khu 3 thành lập *Đoàn vũ trang công tác miền Tây*, với nhiệm vụ hoạt động vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở ở phía

tây biên giới Việt - Lào, tạo điều kiện để phát triển sang Lào làm nhiệm vụ giúp cách mạng Lào ở khu vực phía nam tỉnh Hòa Phấn và phía bắc tỉnh Xiêng Khoảng. Đoàn gồm 15 cán bộ tỉnh uỷ, huyện uỷ, do đồng chí Nguyễn Thế Tùng, Bí thư Tỉnh uỷ Sơn Tây, đồng chí Nguyễn Hồng, Tỉnh uỷ viên Tỉnh uỷ Hà Đông và đồng chí Tuấn, Phó Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến - hành chính tỉnh Hoà Bình, lãnh đạo, cùng một đội vũ trang tuyên truyền hơn 20 người (rút từ Trung đoàn 52), trong đó có nhiều anh em là người địa phương.

Đoàn chủ trương tập trung lực lượng xây dựng cơ sở ở khu vực Phú Lệ trước, sau đó tiến lên Sơn La, Lai Châu, xuống Hội Xuân (Thanh Hoá) và sang phía tây đến khu vực nam Sầm Nưa, bắc Xiêng Khoảng. Tháng 9 năm 1948, Đoàn vũ trang công tác miền Tây được Liên khu 3 bổ sung thêm lực lượng (Đại đội 74) và tiếp tế về muối, gạo, v.v, nên cán bộ, chiến sĩ thêm yên tâm hoạt động gây dựng cơ sở. Chấp hành chỉ thị của Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Liên khu 3, Đoàn vũ trang công tác miền Tây quyết định kết hợp quân sự với chính trị, đập tan thế lực của bọn đầu sỏ lang đạo phản động, giải phóng nhân dân, mở rộng phạm vi hoạt động, xây dựng cơ sở kháng chiến, địa bàn đứng chân vững chắc ở vùng biên giới, từ đó tiến sang Lào thực hiện nhiệm vụ phối hợp tác chiến, giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

Có thể nói, trong những năm 1945 - 1948, lực lượng vũ trang các tỉnh Liên khu 4, Liên khu 3 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng vùng Đông Lào chiến đấu, bảo vệ thành quả cách mạng, giúp đỡ các địa phương Lào xây dựng cơ sở, xây dựng căn cứ kháng chiến và xây dựng lực lượng vũ trang. Nhờ đó, sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Việt Nam và Lào đã có những bước phát triển mới, làm cho cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ngày càng gặp nhiều khó khăn.

*Tại Lào Bắc*¹, quán triệt tinh thần Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương mở rộng (tháng 1 năm 1948) về những chủ trương mới và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam đối với cách mạng Lào, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam quyết định tăng cường lực lượng giúp cho Mặt trận Lào Bắc. Ban Cán sự Đảng Lào Bắc do đồng chí Lê Thế Sơn làm bí thư được thành lập. Tổng Quân uỷ chỉ thị cho Liên khu uỷ và Bộ Tư lệnh Liên khu 10 thành lập *Ban xung phong Lào Bắc* hoạt động ở phía đông của vùng Bắc Lào để xây dựng căn cứ địa, đào tạo cán bộ và phát động chiến tranh du kích.

Trong Chỉ thị *Về phương châm, phương hướng hoạt động cho cấp chỉ huy và bộ đội hoạt động trên mặt trận Lào - Miên* (tháng 3 năm 1948), Bộ Tổng chỉ huy chỉ rõ: khâu then chốt trong việc giúp Lào là xây dựng cơ sở chính trị, phát động chiến tranh du kích; là phải đi đến chỗ để anh em cán bộ Lào tự phụ trách. Việc đào tạo cán bộ phải đi đôi với phát triển cơ sở đảng ở Lào. Bộ Tổng chỉ huy nhấn mạnh nhiệm vụ giúp đỡ Lào lập ra quân đội giải phóng bên cạnh liên quân Lào - Việt.

Để giúp Lào có được căn cứ địa kháng chiến của trung ương làm chỗ dựa lâu dài cho cơ quan lãnh đạo công cuộc kháng chiến cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị cho đồng chí Võ Nguyên

¹. Vùng Lào Bắc (còn gọi Bắc Lào hay Thượng Lào), khái niệm này có nhiều nguồn tài liệu giải thích khác nhau, theo nguồn tài liệu này bao gồm các tỉnh Phôngxaly, Luông Phrabang, Sầm Nưa (Hủa Phăn), Xiêng Khoảng, Huội Xài và Viêng Chăn. Bắc Lào được phân thành hai vùng Tây Bắc và Đông Bắc. Tây Bắc gồm các tỉnh Huội Xài, phần phía tây tỉnh Luông Phrabang và Viêng Chăn. Đông Bắc gồm tỉnh Phôngxaly, phần phía đông tỉnh Luông Phrabang, Hủa Phăn và Xiêng Khoảng, là vùng rừng núi hiểm trở, nối liền với khu Tây Bắc Việt Nam. Trong những năm 1946 - 1947, khu Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam bị thực dân Pháp chiếm đóng, ở nhiều vùng dọc biên giới Lào - Việt, bọn phản động nổi lên chống phá cách mạng, phong trào kháng chiến gặp rất nhiều khó khăn.

Giáp nghiên cứu xây dựng Sầm Nưa thành căn cứ chiến lược cho cách mạng Lào. Theo đó, công việc đầu tiên của đồng chí Võ Nguyên Giáp là phải tìm cho được một số anh em Lào có tinh thần yêu nước, hình thành một đội công tác xung phong để đưa về hoạt động ở Sầm Nưa. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã tìm cách bắt liên lạc được với đồng chí Cayxôn Phômvihản và bàn bạc, trao đổi ý kiến về việc xây dựng Khu căn cứ kháng chiến trung ương Lào cùng việc cử cán bộ, bộ đội Việt Nam sang phối hợp với lực lượng vũ trang nhân dân Lào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Lào. Sau đó, đồng chí Cayxôn Phômvihản rời Thái Nguyên đi đến đơn vị của đồng chí Bế Sơn Cương ở Mộc Châu (Sơn La), để phối hợp chỉ đạo việc xây dựng lực lượng sang Bắc Lào hoạt động. Tiếp đó, ngày 16 tháng 5 năm 1948, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, *Ban xung phong Lào Bắc* được thành lập¹, do đồng chí Cayxôn Phômvihản làm chỉ huy trưởng, đồng chí Đông Tùng làm chính trị viên. Nhiệm vụ chủ yếu của Ban xung phong Lào Bắc là gây dựng cơ sở quần chúng nhân dân, xây dựng căn cứ địa Lào Bắc vững chắc, làm chỗ dựa cho việc xây dựng và phát triển thế trận chiến tranh nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi Ban xung phong Lào Bắc, nêu rõ: “Thiết lập căn cứ địa Lào độc lập là nhiệm vụ cần kíp, Ban xung phong Lào Bắc phải ra sức xây dựng cơ sở quần chúng trong vùng địch kiểm soát. Tôi chúc Ban xung phong Lào Bắc nhanh chóng thành công, khu giải phóng Lào độc lập nhanh chóng thành

¹. Về ngày thành lập Ban xung phong Lào Bắc, nhiều tài liệu viết không thống nhất. Theo đồng chí Huỳnh Đắc Hương viết trong bài “Sau thắng lợi giải phóng dân tộc nhìn lại Sầm Nưa”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Căn cứ địa Sầm Nưa - biểu tượng đoàn kết đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.67, thì Ban xung phong Lào Bắc được thành lập ngày 24 tháng 8 năm 1948.

lập”¹.

Lúc mới thành lập, Ban xung phong Lào Bắc có 19 người, gồm cả người Lào và người Việt. Ngày 20 tháng 5, một bộ phận của Ban xung phong Lào Bắc cùng một trung đội vũ trang tuyên truyền, xuất phát tại xã Hà Lương (Phú Thọ) tiến lên Sơn La, lấy Mộc Châu làm bàn đạp phát triển sang hữu ngạn Sông Mã vào Pa Háng tiến lên Xiêng Khọ. Từ đây, đội xung phong công tác Lào Bắc móc nối với dân để xây dựng cơ sở trong người Mông, người Puộc ở tàxăng Phiêng Xa (còn gọi Lào Húng, có nghĩa là Bình Minh) sau đó phát triển sang các tàxăng Moong Nặm và Phiêng Xá. Đến tháng 10 năm 1948, Ban xung phong Lào Bắc đã xây dựng được cơ sở tại 44 bản gồm 333 gia đình với số dân trên 1.500 người. Vùng này được xây dựng thành căn cứ kháng chiến đầu tiên ở huyện Xiêng Khọ, tỉnh Hòa Bình.

Cuối năm 1948, Liên khu 10 tăng cường Tiểu đoàn chủ lực 910 sang Bắc Lào, giúp xây dựng cơ sở và mở rộng căn cứ kháng chiến xuống vùng đồng bằng ven sông Mã, từ Xiêng Khọ, Xốp Xan, Mường ét, v.v., đến sát biên giới Lào - Việt.

Theo chỉ thị của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, đầu năm 1948, Đặc ủy Lào - Thái thành lập *Mặt trận Tây Bắc Lào*² nhằm xúc tiến việc xây dựng vùng Tây Bắc Lào thành căn cứ địa vững chắc, nối liền với khu Tây Bắc của Việt Nam.

¹. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.142.

². Tây Bắc Lào - vùng phía tây của Bắc Lào - gồm tỉnh Huội Xài và phần phía tây tỉnh Luông Phạbang (sau tách thành tỉnh Xaynhabuli). Đây là vùng rừng núi điệp trùng, nằm sâu trong vùng địch kiểm soát, có biên giới giáp với Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc. Dân cư trong vùng phần lớn là các bộ tộc thiểu số như Lự, Cọ, Muxơ, Lan Ten, Cùi, Nghiệu,... sống chủ yếu bằng nghề làm nương rẫy, chăn nuôi, tỵ cấp, tỵ túc.

Sau khi ổn định tổ chức, mở lớp huấn luyện, Đặc ủy Lào quyết định đưa lực lượng về Lào hoạt động ở vùng Mường Xinh (Phân khu A, sau đổi tên là Khu 1) và vùng Hoàng Xả, Xaynhabuli (Phân khu B, sau đổi tên là Khu 2). Đặc ủy Lào cũng quyết định phải xây dựng Luông Phạbang thành trung tâm căn cứ ở Bắc Lào.

Thực hiện chủ trương trên, mặt trận Tây Bắc Lào chọn địa bàn hoạt động ban đầu là Mường Xinh. Đây là một huyện biên giới của Huội Xài, có đường biên giới giáp với Miến Điện, Trung Quốc và Thái Lan, địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn. Các bộ tộc Lào ở Mường Xinh chỉ có người Lự sống bằng nghề trồng lúa nước, còn lại chủ yếu phát nương làm rẫy, săn bắn, trình độ dân trí thấp, còn nhiều phong tục tập quán lạc hậu.

Trước đó, từ giữa năm 1947 đến đầu năm 1948, theo chỉ thị của Đặc ủy Lào, một số cán bộ Việt Nam được giao nhiệm vụ lên vùng biên giới Lào - Miến Điện (Mianma) - Thái Lan, xây dựng lực lượng và chỉ đạo các đơn vị Việt kiều giải phóng quân hoạt động ở Tây Bắc Lào, từ đó, phát triển sang phía đông, hội quân với các đơn vị từ Việt Nam sang, giúp Lào xây dựng căn cứ địa ở Bắc Lào nối liền với Tây Bắc Việt Nam.

Dựa vào sự giúp đỡ của bà con Việt kiều ở Đông Bắc Thái Lan và Miến Điện giáp biên giới Lào, được Chính phủ Miến Điện viện trợ một số vũ khí, đạn dược, cơ quan lãnh đạo và chỉ huy Mặt trận Tây Bắc Lào khẩn trương xúc tiến việc tuyển lực lượng, chọn lựa thanh niên Việt kiều từ Đông Bắc Thái Lan đưa sang, mở trại huấn luyện kiến thức quân sự, chính trị tại một khu rừng cạnh làng Pa Leo, tổng Xiêng Lạp (gần sông Mê Công), trên đất Miến Điện. Ngày 23 tháng 9 năm 1948, một đoàn chiến sĩ giải phóng quân Việt Nam gồm 92 người, trong đó có 8 đảng viên, tổ chức thành 3 trung đội, mang phiên hiệu Ban Chỉ huy Khu 1, rời trại huấn luyện Pa Leo, tiến về Tây Bắc Lào, đặt trụ sở tại bản Mường Xạ, tàxêng

Mường Xạ, huyện Mường Xinh, tỉnh Huội Xài.

Ban Chỉ huy Khu 1 bố trí một trung đội hoạt động ở tàxêng Mường Xạ và bảo vệ cơ quan chỉ huy Khu 1; một trung đội phát triển về hướng Mường Long, Mường Năng; một trung đội phát triển về Bạ Bò, Bạ Toọng (huyện Mường Xinh). Các trung đội phân chia thành các tổ từ ba đến năm người, thâm nhập vào các bản làng, thực hiện “ba cùng” với nhân dân địa phương, tuyên truyền vận động làm cho nhân dân nhận rõ bạn thù, hiểu rõ chủ trương kháng chiến, động viên nhân dân tham gia và ủng hộ bộ đội cách mạng. Nhiều anh em đã nhận mẹ, chị nuôi với người Lào. Hàng ngày, bộ đội làm vệ sinh làng bản, tổ chức dạy chữ, dạy các bài hát cách mạng cho thanh, thiếu niên, khám chữa bệnh cho nhân dân, v.v.. Nhờ vậy, quan hệ giữa bộ đội và nhân dân ngày càng gắn bó, nhân dân Lào gọi các chiến sĩ Việt kiều là “bộ đội bạn”, “bộ đội Việt Nam anh em”.

Ngoài việc tuyên truyền vận động nhân dân, các đơn vị bộ đội Việt Nam còn rất quan tâm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các tù trưởng, tộc trưởng và chức dịch của chính quyền cũ ở địa phương, nhờ vậy nên đã vận động được nhiều người đi theo cách mạng, ủng hộ kháng chiến.

Trên cơ sở tuyên truyền, vận động quần chúng, các cán bộ, chiến sĩ Việt Nam chú trọng giúp Lào tổ chức “hội ít xalạ bản”, thu hút nhiều người Lào yêu nước tham gia. ở những nơi phong trào phát triển, bộ đội tổ chức các đoàn thể quần chúng (Hội Phụ nữ, Hội Thanh niên, v.v.) và thành lập đội “dân quân du kích bản” để canh gác, bảo vệ bản làng.

Tóm lại, trong những năm 1945 - 1948, liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào đã từng bước được hình thành, phát triển toàn diện, cả chiều rộng và chiều sâu, đã thu được nhiều thành quả hết sức quan

trọng, đưa sự nghiệp kháng chiến ở mỗi nước vững bước tiến lên. Và chính sự lớn mạnh của sự nghiệp kháng chiến ở mỗi nước lại thúc đẩy quan hệ đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào thêm gắn bó mật thiết hơn.

II. TĂNG CƯỜNG PHÁT TRIỂN LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (TỪ THÁNG 1 NĂM 1949 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 1950)

1. Tình hình mới và chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương về liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Trong những năm 1949 - 1950, Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tiếp tục liên minh, đoàn kết chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực và ở hai nước có những biến đổi so với những năm 1945 - 1948.

Trên trường quốc tế, Chiến tranh lạnh tiếp diễn bao trùm toàn cầu. Sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (ngày 1 tháng 10 năm 1949) gây ảnh hưởng lớn lao trong quan hệ quốc tế, có lợi cho phe hoà bình, dân chủ, chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là đối với cách mạng ba nước Đông Dương. Đến đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và một loạt các nước xã hội chủ nghĩa, dân chủ nhân dân công nhận Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đó là thắng lợi chính trị to lớn, rất quan trọng của Việt Nam. Trong khi đó, Mỹ, Anh, v.v., công nhận chính quyền Bảo Đại do Pháp dựng lên ở Việt Nam. Đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào chiến tranh Đông Dương, ép Pháp ký Hiệp ước phòng thủ năm bên gồm Pháp, Mỹ và “ba quốc gia liên kết” là quốc gia Việt Nam của Bảo Đại, Khome và Lào (ngày 23 tháng 2 năm 1950). Trên bán đảo Triều Tiên, tháng 6

năm 1950, nổ ra chiến tranh giữa hai miền Nam - Bắc¹.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng trong các năm 1945 - 1948 và đang ở trong giai đoạn đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, phát triển chiến tranh du kích, từng bước tiến lên vận động chiến làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh và chính sách “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào chống thực dân Pháp và bọn tay sai còn rất gay go, quyết liệt do Mỹ can thiệp, tiếp tay cho Pháp. Cuộc chiến ở Đông Dương mang tính chất chiến tranh giữa hai phe (chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản) càng thể hiện rõ nét, song khả năng thắng lợi của cách mạng Việt Nam và của cách mạng Lào ngày càng sáng tỏ.

Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Đông Dương và các lãnh tụ hai nước tiếp tục đề ra các chủ trương lãnh đạo các lực lượng vũ trang và nhân dân hai nước đoàn kết liên minh chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược.

Đầu năm 1949, căn cứ vào sự phát triển của cách mạng ba nước Đông Dương, Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu (tháng 1 năm 1949), quyết định: “mở rộng mặt trận Lào - Miên”.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến của nhân dân Đông Dương và tăng cường vai trò nòng cốt của Việt Nam trong khối liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào - Miên, ngày 15 tháng 2 năm 1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức cuộc hội nghị quán triệt *Đề cương*

¹. Chiến tranh Triều Tiên diễn ra từ ngày 25 tháng 6 năm 1950 và kết thúc ngày 27 tháng 7 năm 1953, bằng Hiệp định đình chiến tại Bàn Môn Điếm. Thực hiện chủ trương “kháng Mỹ viện Triều”, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa cùng quân đội Bắc Triều Tiên chiến đấu. Chiến tranh đã gây tổn thất lớn cho các bên tham chiến với hơn 1 triệu người chết và 115.000 người bị thương.

cách mạng Lào - Miên, kiểm điểm việc giúp đỡ Lào, Miên trong các năm vừa qua; khẳng định việc giúp đỡ cách mạng Lào - Miên là vì lợi ích chung; xác định những nguyên tắc trong công tác giúp Lào, Miên là: không đứng trên lợi ích Việt Nam mà làm công tác Lào - Miên; nắm chắc các nguyên tắc dân tộc tự quyết, nhiệm vụ cách mạng Lào, Miên phải do Lào, Miên tự quyết định lấy; không đem chủ trương, chính sách, nguyên tắc của Việt Nam ứng dụng vào Lào, Miên như lắp máy; cần giúp đỡ Lào, Miên để Lào, Miên tự làm lấy¹.

Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ cần kíp trước mắt là giúp Lào, Miên xây dựng và củng cố căn cứ địa, xây dựng quân đội, chính quyền cách mạng ở căn cứ địa. Hội nghị chủ trương lập Ban Lào, Miên, có nhiệm vụ nắm tình hình, báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Hội nghị quyết định thành lập các ban cán sự Đảng để phụ trách công tác giúp cách mạng Lào. Theo đó, Ban Cán sự Lào Bắc (trực thuộc Trung ương Đảng) phụ trách khu vực Bắc Lào; Ban Cán sự Lào Trung do Liên khu uỷ 4 lãnh đạo, phụ trách khu vực Trung Lào; Ban Cán sự Hạ Lào do Liên khu uỷ 5 lãnh đạo phụ trách khu vực Hạ Lào; ...

Từ ngày 8 đến 10 tháng 5 năm 1949, Hội nghị cán bộ Việt - Lào họp, kiểm điểm lại công tác phối hợp hoạt động Việt - Lào tại Đông Lào, xác định mục đích công tác Việt - Lào, nguyên tắc, phương pháp tổ chức và phối hợp, thể lệ của sự phối hợp công tác tại Đông Lào.

Sau khi Chính phủ độc lập Lào do các phần tử thiếu kiên định chi phối đã tuyên bố tự giải thể (ngày 26 tháng 10 năm 1949),

¹. Hồ sơ 1651, Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Hà Nội.

Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn xác định quyết tâm đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở Lào - Miên, giúp Lào - Miên xây dựng căn cứ địa chính, xây dựng quân đội quốc gia và đào tạo cán bộ. Hoàng thân Xuphanuvông và các cộng sự tuyên bố tiếp tục kháng chiến.

Trước những biến chuyển mới của cách mạng hai nước, ngày 30 tháng 10 năm 1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định các lực lượng quân sự của Việt Nam được cử sang chiến đấu giúp Lào tổ chức thành hệ thống riêng và lấy danh nghĩa là *Quân tình nguyện*. Đây là mốc lịch sử trọng đại đánh dấu bước phát triển và trưởng thành của các lực lượng quân sự Việt Nam giúp Lào trên chiến trường Lào; đồng thời thể hiện quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương trong quan hệ Việt Nam - Lào, khẳng định tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam phát triển lên tầm cao mới vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân hai nước, cũng như cả ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

Báo cáo *Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công* tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba (tháng 1 năm 1950) của Đảng Cộng sản Đông Dương xác định: “Trong cuộc chiến tranh chống Pháp này, Đông Dương chỉ là một chiến trường duy nhất. Chiến lược tổng phản công bao trùm tất cả Đông Dương. Nhiệm vụ tổng phản công không phải là chỉ quét sạch địch ra khỏi Việt Nam, mà phải nhằm giải phóng cho cả Ai Lao và Cao Mên¹. Vì, do quan hệ địa thế, vận mệnh ba quốc gia Việt, Mên, Lào gắn bó với nhau rất khăng khít. Độc lập Việt Nam không được bảo đảm, nếu Ai Lao, Cao Mên chưa được giải phóng. Ai Lao, Cao Mên khó giành được độc lập hoàn toàn nếu kháng chiến Việt Nam

¹. Cao Mên: Cao Miên (BT).

chưa thành công.

Cao Mên và Ai Lao lúc này là kho dự trữ về người, lương thực và nguyên liệu của địch, sẽ là nơi địch rút lui khi nào thất bại ở Việt Nam, nhưng lại là hai mặt trận sơ hở nhất của địch. Cho nên, việc mở mặt trận Ai Lao và Cao Mên ngay một rộng để phá sức dự trữ của địch lúc này, để kiềm chế quân đội địch và phối hợp với mặt trận chính ở Việt Nam, để chặn đường rút lui của địch sau này là việc rất cần.

Trong giai đoạn tổng phản công, ta không thể giải quyết xong chiến trường Việt Nam rồi nghỉ mà phải tiếp tục nhiệm vụ giải phóng toàn Đông Dương. Có khi chưa giải quyết xong toàn bộ chiến trường Việt Nam, nhưng theo một kế hoạch phản công chung cho chiến trường Đông Dương, ta đã phải giải quyết một phần chiến trường Ai Lao hay Cao Mên.

Một điểm ngay từ giờ, cần nhận định rõ là: khi nào thực dân Pháp núng thế, chúng có thể bỏ miền Bắc Đông Dương mà thu quân củng cố miền Nam, chặt Đông Dương ra làm hai khúc. Cũng có thể lúc đó, chúng giảng hoà riêng với Việt Nam, công nhận điều kiện do Việt Nam đề ra rồi đem quân sang Ai Lao, Cao Mên, bằng bố thương tích và chuẩn bị lực lượng hòng đánh lại Việt Nam. Trong trường hợp đó, chiến tranh giải phóng ở Đông Dương chưa dứt. Nay người cộng sản Đông Dương chúng ta vẫn phải tiếp tục lãnh đạo các dân tộc Lào, Mên kháng chiến. Khi đó, Chính phủ Việt Nam cần giải thích rõ ràng thái độ của mình cho các bạn kháng chiến Lào, Mên biết và các chiến sĩ quốc gia Việt Nam vẫn phải tiếp tục giúp hai dân tộc Mên, Lào chiến đấu đến cùng.

Một điểm nữa cần chú ý là: khi Pháp bị bại ở Việt Nam hoặc chưa bại hẳn ở Việt Nam nhưng không đủ sức đương đầu với quân ta ở Ai Lao, Cao Mên, thì tuân theo mệnh lệnh của Mỹ - Anh, bọn phản động Xiêm có thể xâm lấn Ai Lao, Cao Mên, biến hai

nước này thành những vị trí chiến lược trong phòng tuyến chống cộng của chủ nghĩa đế quốc thế giới. Cho nên muốn giải phóng cho dân tộc Đông Dương và góp phần bảo vệ hoà bình thế giới ở Đông Dương, ở Đông Nam châu á, Đảng ta phải nhằm mục đích giải quyết cả chiến trường Đông Dương.

Việc mở mặt trận Ai Lao, Cao Mên và tăng cường cho mặt trận đó, phải là một điểm trọng yếu trong kế hoạch chuẩn bị tổng phản công của ta”¹.

Báo cáo *Nhiệm vụ quân sự trước mắt chuyển sang tổng phản công* tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba (tháng 1 năm 1950) của Đảng Cộng sản Đông Dương xác định: tích cực mở rộng các khu giải phóng Miên, Lào có căn cứ địa chính khá vững chắc để đẩy mạnh cuộc chiến tranh giải phóng; thống nhất sự chỉ đạo về quân sự ở Lào và Miên, đồng thời với sự thống nhất chỉ đạo về chính trị; tích cực xây dựng quân đội Lào và quân đội Miên độc lập, giúp cho quân đội Lào, Miên trở thành lực lượng trụ cột lõi cuốn quảng đại nhân dân Lào - Miên vào cuộc chiến tranh giải phóng; đào tạo cán bộ quân sự Miên, Lào; về tác chiến, vì điều kiện đặc biệt của chiến trường, bộ đội chủ lực có thể phối hợp phương thức hoạt động, tập trung lực lượng tiêu diệt địch, giành thắng lợi lớn sau đó phân tán thành từng đơn vị nhỏ tiến hành vũ trang tuyên truyền, gây cơ sở chính trị rộng rãi; mở rộng khu giải phóng².

Báo cáo *Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công* tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba (tháng 1 năm 1950) của Đảng Cộng sản Đông Dương còn nêu rõ vấn đề: “Xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất ở Mên, Lào, tiến tới lập Mặt trận các

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.60-62.

². Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.148-149.

dân tộc thống nhất Đông Dương”¹.

Chú trọng xây dựng căn cứ địa chính cho Miên, Lào và mở rộng cơ sở quần chúng, gắn liền các căn cứ địa với nhau. Tích cực xây dựng quân đội quốc gia và đào tạo cán bộ cho Miên, Lào. Phát triển mạnh mẽ Hội ítxara Miên và Hội ítxarắc Lào, để xúc tiến xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất ở Miên và Lào, tiến tới lập Mặt trận các dân tộc thống nhất Đông Dương².

Nhằm thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến tới, Hội nghị cán bộ Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ ba (ngày 21 tháng 1 năm 1950) xác định những vấn đề cơ bản lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương. Với cách mạng Lào, Hội nghị chỉ rõ cần xây dựng căn cứ địa trung ương và nối liền các căn cứ địa với nhau, tiến tới thống nhất sự chỉ đạo về quân sự, chính trị trên toàn Lào; tích cực xây dựng quân đội và chú trọng công tác đào tạo cán bộ; khẩn trương xây dựng các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy kháng chiến, thành lập chính phủ, mặt trận ở trung ương và xây dựng chính quyền nhân dân trong các khu giải phóng; mở rộng cơ sở quần chúng, khẩn trương xây dựng mặt trận thống nhất ở Lào, tiến tới chính thức thành lập Mặt trận các dân tộc thống nhất Đông Dương. Hội nghị coi việc xây dựng mặt trận thống nhất là yêu cầu cấp thiết để thực hiện đoàn kết dân tộc, đoàn kết ba nước Đông Dương, đẩy mạnh kháng chiến tiến tới.

Kiểm điểm tình hình thực hiện *Đề cương cách mạng Lào - Miên* và bàn kế hoạch mới, ngày 29 tháng 6 năm 1950, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương triệu tập Hội nghị cán bộ toàn Lào. Hội nghị xác định trong những năm 1950 - 1951 phải

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.76.

². Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.206-207.

giành lợi thế về chính trị ở Lào, phối hợp chặt chẽ với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Hội nghị đề ra nhiệm vụ triệu tập Hội nghị quốc dân Lào.

Thực hiện chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng Cộng sản Đông Dương và các lãnh tụ của hai nước Việt Nam - Lào, trong các năm 1949 - 1950, quân dân Việt Nam và quân dân Lào ở các địa phương tiếp tục đẩy mạnh sự phối hợp, giúp đỡ nhau, liên minh chiến đấu chống thực dân Pháp cùng bọn tay sai và can thiệp Mỹ.

2. Quân dân hai nước Việt Nam, Lào tăng cường phát triển liên minh chiến đấu

Phối hợp xây dựng Khu kháng chiến Hạ Lào. Đầu tháng 2 năm 1949, đồng chí Khăm Tày Xiphăndon cùng ông Xithôn Cômmađăm dẫn một đơn vị tới vùng căn cứ kháng chiến Liên khu 5 (Việt Nam). Đoàn gồm 60 cán bộ, chiến sĩ người Lào và một trung đội Việt kiều do đồng chí Nguyễn Đình Hìn phụ trách. Trên cương vị đại diện Chính phủ độc lập Lào, đồng chí Khăm Tày Xiphăndon đã chuyển công văn của Chính phủ Lào do Hoàng thân Xuphanuvông ký, tới đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đang ở Nam Trung Bộ. Công văn của Chính phủ Lào đề nghị phía Việt Nam giúp đỡ thành lập Khu kháng chiến Hạ Lào và giới thiệu ông Xithôn Cômmađăm là khu trưởng, ông Xôm Manôviêng là chủ tịch Ủy ban chính quyền khu.

Đồng chí Khăm Tày Xiphăndon cùng đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Nguyễn Thế Lâm, quyền Tư lệnh Liên khu 5 đã trao đổi ý kiến và thống nhất về hình thức tổ chức cùng các biện pháp cụ thể giúp đỡ nhau đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp ở Hạ Lào. Tại cuộc trao đổi đó, phía Việt Nam hoan nghênh, ủng hộ Lào thành lập Khu kháng chiến Hạ Lào và nhất trí giải thể Khu đặc biệt do Việt Nam lập trước đó; tán đồng tích cực giúp đỡ

phong trào kháng chiến Hạ Lào; đưa bộ đội tình nguyện sang phối hợp, giúp đỡ cùng chiến đấu, sẵn sàng chi viện lương thực, vũ khí cho lực lượng vũ trang cách mạng Lào. Việt Nam cử một phái đoàn thuộc Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ do đồng chí Nguyễn Chính Cầu làm đoàn trưởng, đồng chí Đoàn Huyền phụ trách quân sự, đồng chí Đoàn Kim phụ trách chính quyền, sang làm nhiệm vụ bên cạnh cơ quan Khu kháng chiến Hạ Lào. Lào và Việt Nam thống nhất lập *Ban Chỉ huy quân sự hỗn hợp* để chỉ huy lực lượng Việt - Lào, nhưng vẫn duy trì tổ chức và quản lý riêng lực lượng mỗi bên. Ban Chỉ huy quân sự hỗn hợp do ông Xithôn Cômmađăm làm chỉ huy trưởng, đồng chí Đoàn Huyền làm chỉ huy phó, đồng chí Nguyễn Chính Cầu làm chính uỷ.

Khu Hạ Lào chính thức thành lập tháng 2 năm 1949, do ông Xithôn Cômmađăm làm khu trưởng kiêm chỉ huy quân sự; ông Xôm Manôviêng làm chủ tịch chính quyền khu, dưới sự lãnh đạo chung của đại diện Chính phủ Lào ít xalạ là đồng chí Khăm Tày Xiphăndon.

Để giúp đỡ Lào xây dựng Khu kháng chiến Hạ Lào, phía Việt Nam chỉ định *Ban Cán sự Hạ Lào* do đồng chí Nguyễn Chính Cầu làm bí thư và uỷ viên là các đồng chí Đoàn Huyền, Đoàn Kim và Nguyễn Đình Hìn. Bộ Tư lệnh Liên khu 5 chỉ định *Ban Chỉ huy bộ đội Việt Nam tại Hạ Lào* do đồng chí Đoàn Huyền làm chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Chính Cầu làm chính uỷ.

Cuộc gặp gỡ giữa đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, theo sự uỷ quyền của Hoàng thân Xuphanuvông, với đồng chí Phạm Văn Đồng và những thoả thuận hai bên đã đạt được cùng sự giúp đỡ nhiệt tình, tích cực, có hiệu quả của Việt Nam ngay sau đó là một trong những dấu mốc quan trọng của liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến của Lào nói chung, ở Hạ Lào nói riêng có bước phát triển mới.

Sau khi thành lập, Bộ Chỉ huy Khu kháng chiến Hạ Lào đã triển khai lực lượng Lào - Việt ở vùng biên giới phía đông hai tỉnh Xalavăn và áttapur, chia thành ba bộ phận hoạt động ở ba vùng.

Bộ phận thứ nhất gồm hai trung đội và 12 cán bộ dân vận, theo lưu vực sông Xê Camản, từ Koongna, Đắc Mong tiến xuống vùng Kẹng Xây, Xákhẹ dọc hữu ngạn Xê Coong (đông bắc thị xã Mường Mây, áttapur).

Bộ phận thứ hai gồm hai trung đội và tám cán bộ dân vận hoạt động ở vùng biên giới phía đông Xalavăn, vùng Đắc Chung, Măng Hà, Mang Đơn, Đắc Blê sang phía bắc gồm Tăng Mi, Adun, Tăng Lu.

Bộ phận thứ ba gồm hai trung đội và hai cán bộ dân vận hoạt động ở vùng Đắc Ranh - Đắc Ray, là vùng gậy cơ sở cũ, để củng cố đường liên lạc về Liên khu 5 và cảnh giới đề phòng địch từ hướng Đắc Pung sang.

Mỗi vùng đều gồm lực lượng Lào - Việt, có nhiệm vụ tìm hiểu dân cư, địa thế, địch tình và gậy cơ sở trong nhân dân để hoạt động lâu dài. Chỉ sau một thời gian ngắn của đợt hoạt động này, khu vực miền núi vùng Tà Riêu, Đắc Chung, Đắc Pằm, Măng Hà, Đắc Blê đã hình thành được một số cơ sở kháng chiến. Phát huy thành quả đã đạt được, các bộ phận tiến hành mở rộng địa bàn hoạt động. Đến cuối tháng 4 năm 1949, đã thành lập được một số uỷ ban tổng, làng, xã, tổ chức lực lượng tự vệ, v.v.. Song, do không nắm được tình hình địch và dân cư, cán bộ, chiến sĩ người Lào thiếu kinh nghiệm hoạt động trên địa bàn dân cư mới lạ, nhiều cán bộ, chiến sĩ người Việt không biết tiếng Lào, nên mục tiêu của đợt hoạt động còn có nhiều hạn chế. Trước tình hình đó, đồng chí Khăm Tày Xiphăndon nêu ý kiến đề nghị phái đoàn Việt Nam tìm biện pháp khắc phục. Nhận thấy cần phải huấn luyện thêm cho bộ đội về chỉ huy, kỹ thuật, chiến thuật cũng như phương pháp vận động quần chúng, xây

dựng cơ sở, các đồng chí lãnh đạo Khu kháng chiến Hạ Lào và Ban Cán sự Hạ Lào thống nhất rút phần lớn lực lượng về vùng tự do ở tỉnh Quảng Nam (Việt Nam) tiến hành đợt học tập quân sự, chính trị. Lực lượng ở lại hoạt động ở vùng áttapur chỉ còn lại hai trung đội vũ trang tuyên truyền, trong đó có hai tiểu đội là Việt kiều.

Sau một thời gian hoạt động ở vùng phía đông hai tỉnh Xalavăn và áttapur, thấy rõ những thuận lợi, khó khăn ở vùng này và để đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng, xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài ở Hạ Lào nên Ban lãnh đạo Khu kháng chiến Hạ Lào quyết định chuyển căn cứ xuống vùng tây nam áttapur.

Cuối tháng 4 năm 1949, Ban Cán sự Hạ Lào tổ chức Hội nghị sơ kết công tác và quyết định đưa lực lượng tiến sâu vào vùng sau lưng địch, chuyển trọng điểm hoạt động về các vùng đông dân ở phía tây sông Xê Coong, nhằm phát triển cơ sở cách mạng, mở rộng và đẩy mạnh kháng chiến ở cả ba tỉnh Hạ Lào, giành lại thế chủ động, tránh nguy cơ bị địch chặn lại ở biên giới Việt Nam - Lào.

Như vậy, giữa hai bên Lào - Việt có sự giống nhau về việc chuyển căn cứ, lực lượng xuống vùng tây nam áttapur. Theo đó, các Bạn Mây, Hỉn Lạt, Bạn Chiêng, Bạn Inthi, Bạn Pú, Bạn úc, Bạn The và Bạn Xỏm Pòi bên bờ sông Xê Piên được xây dựng thành vùng căn cứ.

Thường vụ Liên khu uỷ 5 và Bộ Tư lệnh Liên khu 5 nhất trí với quyết định của Hội nghị sơ kết của Ban Cán sự Hạ Lào và quyết định tăng cường cho Hạ Lào hai đại đội (200, 44) cùng một số cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần. Đây là hai đại đội được chuẩn bị đầy đủ về vật chất, tinh thần, có kinh nghiệm hoạt động ở vùng địch hậu. Khu kháng chiến Hạ Lào còn tổ chức một bộ phận hậu cần, có nhiệm vụ vận tải, xây dựng hệ thống kho, trạm vận chuyển, đáp ứng quân nhu, vật dụng cho bộ đội Việt Nam và Lào tiến quân vào vùng sau lưng địch.

Mặt khác Bộ Tư lệnh Liên khu 5 quyết định đưa các lực lượng

đã hoạt động trước đó ở vùng Hạ Lào tạm lui về vùng hậu cứ để củng cố tổ chức, lực lượng, tránh mùa mưa lũ ở rừng núi, trước khi tiến quân vào hoạt động trong vùng địch hậu trên đất Lào. Theo đó, từ tháng 5 đến tháng 9 năm 1949, chỉ để lại một đơn vị vũ trang tuyên truyền và một tổ cán bộ dân vận làm nhiệm vụ theo dõi tình hình địch và gây dựng cơ sở, còn phần lớn lực lượng được tập trung về vùng tự do Tam Dân, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, tiến hành chỉnh huấn về quân sự và chính trị. Các nội dung chính về chỉnh huấn quân sự là rèn luyện kỹ thuật, chiến thuật cá nhân và tiểu, trung, đại đội chiến đấu; chú trọng lối đánh phục kích, tập kích, đánh phá giao thông, v.v., và kinh nghiệm chiến đấu ở chiến trường Liên khu 5. Về chính trị, tập trung bồi dưỡng tinh thần, ý chí chiến đấu, quán triệt nhiệm vụ giúp đỡ, hỗ trợ cách mạng Lào, theo tinh thần “giúp bạn là mình tự giúp mình”. Cán bộ, chiến sĩ được giới thiệu về phong tục tập quán của các bộ tộc Lào, học tiếng và chữ viết của Lào. Cán bộ dân vận học các bước công tác vận động quần chúng. Cán bộ phụ trách các đơn vị nghiên cứu phương thức hoạt động ở chiến trường địch hậu. Ban cán sự và cán bộ phụ trách công tác dân vận tập trung nghiên cứu hình thức tập hợp quần chúng, công tác tổ chức đảng ở Lào.

Trong thời gian bộ đội tập trung chỉnh huấn, bộ phận hậu cần đã tăng cường xây dựng, củng cố cơ quan, lập đội vận tải, xây dựng các kho trạm, thực hiện kế hoạch bổ sung, trang bị cho bộ đội tình nguyện Việt Nam và lực lượng của Lào.

Sau đợt chỉnh huấn, vào khoảng hạ tuần tháng 10 năm 1949, các đơn vị hành quân sang vùng phía đông hai tỉnh Xalavăn, áttapur, rồi từ đó cùng lực lượng của Lào tiến sang phía tây sông Xê Coong theo hai hướng. Hướng thứ nhất gồm Ủy ban kháng chiến khu Hạ Lào và toàn bộ lực lượng của Lào cùng phần lớn lực lượng của Đại đội 200, Đại đội 44 (Liên khu 5), hai đội vũ trang tuyên truyền, các

tổ cán bộ dân vận, tiến vào khu vực Bạ Mây, Hỉn Lạt, nằm giữa hai tỉnh áttapư và Chămpaxắc. Đêm 24 tháng 10 năm 1949, sau khi luôn qua hệ thống đồn bắt địch, các đơn vị Việt Nam, Lào vượt sông Xê Coong ở phía bắc thị xã áttapư, tiến đến vị trí tập kết ở Bạ Chiêng và Bạ Inthi (cách thị xã áttapư khoảng 15 km về phía tây nam) an toàn. Ngày 25 tháng 10, cả đoàn tiếp tục tiến sâu về phía tây và dừng chân ở khu vực Bạ Mây, bản Hỉn Lạt, Bạ The hai bên bờ sông Xê Piên để củng cố lực lượng, xây dựng căn cứ, vận động nhân dân, triển khai hoạt động ra các vùng xung quanh.

Hướng thứ hai tiến vào vùng địch hậu tỉnh Xalavăn, gồm một đội vũ trang tuyên truyền, một tổ cán bộ dân vận Việt Nam và một số cán bộ của đơn vị Xaychăccaphắt (Lào). Sau khi vượt biên giới, lực lượng này sang vùng bản Kó, cách thị trấn Thà Teng khoảng 20 km về phía đông bắc.

Chuyển về phía tây nam áttapư, triển khai lực lượng, hoạt động trong vùng địch hậu, xây dựng căn cứ kháng chiến là việc làm mang ý nghĩa chiến lược, tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến của nhân dân Hạ Lào có bước phát triển mới.

Sau khi đưa lực lượng vào vùng tây nam áttapư, các đơn vị vũ trang Việt Nam, Lào triển khai hoạt động rộng trên nhiều hướng để có thể chiến đấu và xây dựng được cơ sở ở nhiều nơi, lập chỗ đứng chân nhằm mở rộng phong trào kháng chiến ở ba tỉnh Hạ Lào, trọng tâm là ở khu vực Đầm Phạ Phô, cao nguyên Bôlavên, tây nam áttapư và biên giới Lào - Campuchia.

Tại vùng Đầm Phạ Phô, lực lượng của Lào gồm hầu hết số cán bộ, chiến sĩ đại đội Xaychăccaphắt và bộ phận mạnh nhất của quân tình nguyện Việt Nam. Nhiệm vụ của các lực lượng ở vùng này là xây dựng cơ sở chính trị ở khu vực phía đông đường 13 và thị trấn Phia Phay, tạo bàn đạp để vượt sông Mê Công tiến vào các huyện phía tây của tỉnh Chămpaxắc - vùng đông dân nhất của Hạ Lào,

đồng thời tạo thế đánh địch trên đường 13. Sau một thời gian, các đội công tác Lào - Việt đã gây dựng được cơ sở ở nhiều bản, đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền vào sát thị xã Pắc Xê, gây ảnh hưởng chính trị rộng rãi ở nhiều nơi trong tỉnh Champaxắc.

Được tin các đội vũ trang của Lào và quân tình nguyện Việt Nam đã tiến sâu vào vùng sau lưng địch cả ở bên bờ sông Mê Công, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 quyết định tăng cường Đại đội 44 cơ động sang khu Hạ Lào hoạt động ở vùng hữu ngạn sông Mê Công. Ban Chỉ huy quân sự hỗn hợp phân công đại đội này mở rộng địa bàn hoạt động sang hữu ngạn sông Mê Công, buộc địch phải đối phó trong thế lúng túng, bị động.

ở vùng cao nguyên Bôlavên, Việt Nam và Lào đưa hai đội vũ trang tuyên truyền và một số đội công tác vào phía nam thị trấn Pắc Xoòng và Huội Coòng. Đội vũ trang tuyên truyền hoạt động ở phía nam thị trấn Pắc Xoòng nhanh chóng lập được địa bàn đứng chân và phát triển ra vùng phụ cận thị trấn. ở phía nam Huội Coòng, do địch nắm được tù trưởng địa phương nên hoạt động của đoàn công tác gặp nhiều khó khăn, tổn thất, việc gây dựng cơ sở trắc trở trong một thời gian dài.

Vùng tây nam áttapur có địa thế thuận lợi, dân cư tương đối đông. Việt Nam và Lào có ý định xây dựng nơi đây thành căn cứ địa của Hạ Lào. Hai trung đội của Đại đội 44 (Việt Nam) cùng tổ dân vận và các đội vũ trang, đội công tác (Lào) triển khai hoạt động gây dựng cơ sở, vận động quần chúng nhân dân ở vùng dọc bờ sông Xê Coong và vùng chân núi Phu Luông, khu vực sông Xê Piên, Hìn Lạt, Bạ The, v.v..

ở vùng biên giới Lào - Campuchia, đội vũ trang tuyên truyền vừa hỗ trợ cho bộ phận ở tây nam áttapur, vừa hoạt động gây dựng cơ sở và tạo điều kiện thuận lợi cho Liên khu 5 đưa lực lượng sang hoạt động ở Đông Bắc Campuchia.

Ngoài các bộ phận hoạt động vũ trang tuyên truyền ở các vùng trên, Ban Chỉ huy Khu kháng chiến Hạ Lào thống nhất với quân tình nguyện Việt Nam tổ chức một bộ phận xây dựng hành lang từ huyện Giăng, tây Quảng Nam sang để đảm bảo tiếp tế cho Hạ Lào; lập một bộ phận công tác để theo dõi hoạt động của địch và gây cơ sở trong quần chúng Việt kiều ở thị xã Pắc Xê và thị trấn Pắc Xoàng.

Nhờ bố trí lực lượng hoạt động như trên, các đơn vị Việt Nam và Lào đã tạo lập được địa bàn đứng chân, gây dựng và mở rộng cơ sở kháng chiến trong nhân dân, làm cho phong trào kháng chiến phát triển ở hầu khắp các tỉnh Hạ Lào.

Tính đến đầu năm 1950, với sự hỗ trợ, giúp đỡ, phối hợp hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam, Hạ Lào đã hoàn thành việc di chuyển căn cứ, hoạt động tập trung ở phía tây sông Xê Coong, bố trí lực lượng ở những địa bàn quan trọng và chiếm lĩnh nhiều vùng đông dân cư, phát triển cơ sở chính trị và tổ chức đánh địch ở cả ba tỉnh.

Hoạt động của các đội vũ trang tuyên truyền, các đội công tác có nhiều tiến bộ. Các đội vũ trang tuyên truyền và đội công tác Lào - Việt được chia thành các tổ, tiểu đội đến các bản làng vận động nhân dân. Nơi nào địch yếu thì tổ chức đánh địch, hạn chế các hành động cướp bóc, cao hơn là buộc chúng rút khỏi vị trí đóng quân. Để vận động được nhân dân, cán bộ, chiến sĩ trong các tổ, đội công tác Lào - Việt luôn bám sát cơ sở, thực hiện cùng sinh hoạt, ăn uống, làm nương, phá rẫy với nhân dân, tranh thủ mọi lúc, mọi nơi tuyên truyền vận động nhân dân. Thời gian đầu, trình độ hiểu biết và uy tín của anh em trong các đội công tác còn hạn chế, nhưng với lòng căm thù thực dân Pháp xâm lược và với tinh thần yêu nước, tinh thần quốc tế vô sản, tình đoàn kết chiến đấu, lòng giềng thân thiện Việt Nam - Lào, nên dần dần đã khắc phục được khó khăn, trở ngại, được nhân dân tin yêu, mến phục coi như con

em, người thân trong gia đình và hết lòng thương yêu, giúp đỡ, bảo vệ. Nhiều bản làng, nhân dân quý mến, chọn dịp tập trung làm lễ buộc chỉ cổ tay cho bộ đội. Tại buổi lễ, bộ đội cùng nhân dân uống nước ăn thề, cầu chúc cho nhau những điều tốt đẹp. Bộ đội hứa với dân kiên quyết chiến đấu, hy sinh vì dân, trung thành sống chết với dân, nhân dân Lào nói với bộ đội rằng tất cả mọi người, già trẻ, gái trai sẽ đoàn kết một lòng, không phản lại nhau, không làm tay sai cho giặc Pháp, ủng hộ bộ đội ít xala, ủng hộ bộ đội Việt Nam, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhiều cán bộ, chiến sĩ cả Lào và Việt cùng dân kết nghĩa bố mẹ, anh, chị, em, bạn thân, nhờ vậy đã tạo nên được những mối quan hệ tình cảm gắn bó vô cùng thân thiết, chân thành.

Nhờ phương thức hoạt động đúng đắn và sự kiên trì bám dân để tuyên truyền vận động, nên quân tình nguyện Việt Nam đã làm nhân dân các bộ tộc Lào ở Hạ Lào từ chỗ còn e ngại, xa lánh đến chỗ tin yêu bộ đội ít xala và bộ đội Việt Nam, nhận thức được rằng bộ đội ít xala và bộ đội Việt Nam là bộ đội của nhân dân, làm nhiệm vụ cách mạng, cứu nước, cứu dân, khác hẳn với quân Pháp xâm lược và bè lũ tay sai bán nước hại dân.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Ban Chỉ huy Khu kháng chiến Hạ Lào xác định nhiệm vụ chủ yếu của những tháng đầu năm 1950 là tập trung vào việc gây dựng cơ sở chính trị.

Nhằm đối phó với các âm mưu, thủ đoạn mới của thực dân Pháp và bọn tay sai, lực lượng vũ trang cách mạng Hạ Lào và quân tình nguyện Việt Nam kiên cường bám địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ căn cứ, thực hiện tiêu hao sinh lực địch.

Đầu năm 1950, Đại đội 44 (Việt Nam) tổ chức quấy rối địch ở Mường Mây (ngày 6 tháng 2), phục kích trên đường 23 (ngày 17 tháng 2), v.v.. Đại đội 200 (Việt Nam) hoạt động ở khu vực phụ cận áttapur, từ Bạ Hôn lên Kẹng Khảm, Thà Hìn Tẹc vừa tổ chức

huấn luyện cho dân quân vừa phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng áttapur tổ chức chiến đấu, tiêu hao sinh lực địch (phục kích ở Inthi, tây nam Mưong Mây, ngày 19 tháng 3), diệt và làm bị thương 16 tên), bảo vệ căn cứ, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân.

Tháng 7 năm 1950, Ban Cán sự Hạ Lào và Khu kháng chiến Hạ Lào mở Hội nghị sơ kết công tác và bàn phương hướng, biện pháp hoạt động nhằm củng cố cơ sở, xây dựng bàn đạp, đẩy mạnh các hoạt động kháng chiến ở Hạ Lào. Về phương hướng nhiệm vụ hoạt động, Hội nghị chỉ rõ cần ra sức củng cố căn cứ địa tây nam áttapur, nối liền với Bôlavên thành một bàn đạp vững chắc; tiến tới đánh mạnh ở áttapur, Phia Phay, đường 13, đường 23, Pạc Xê, Pạc Xoòng, Xalavăn, Thà Teng bằng cách củng cố cơ sở kháng chiến trong nhân dân, cơ sở du kích; phát triển cơ sở quần chúng ở vùng Phia Phay, Xalavăn, trên dọc đường 23, 13 từ Pạc Xê trở xuống, chuẩn bị chiến trường để lực lượng chủ lực tiến vào tiêu diệt sinh lực địch, xây dựng căn cứ địa tả ngạn sông Xê Coong đến biên giới Lào - Việt; phát triển và củng cố cơ sở vùng Chămpaxắc, gây cơ sở bí mật trong nội thị Pạc Xê và các thị xã khác; gây dựng và phát triển du kích chiến tranh ở các vùng phụ cận áttapur, Xalavăn, trên đường 23, 13, cao nguyên Bôlavên và căn cứ địa 5 (miền Đông Hạ Lào); bảo toàn và tích cực bồi dưỡng lực lượng bằng cách tích cực đánh phá các hoạt động, tiêu diệt các đội quân tuần tiễu, lùng quét, đánh phá các vị trí địch; bảo vệ và mở rộng căn cứ địa Hạ Lào nối liền với căn cứ địa Trung Lào; kiện toàn bộ đội tình nguyện Việt Nam, phát triển bộ đội Lào; phát triển vùng giải phóng cả về hình thức và nội dung; tích cực gây dựng kinh tế tự túc, bảo vệ mùa màng; phá hoại giao thông, bao vây kinh tế địch, đặc biệt là cắt tiếp tế của địch cho áttapur, Xalavăn¹.

¹. Báo cáo cuối năm 1950 của Khu kháng chiến Hạ Lào gửi Liên khu 5. Cục

Theo tinh thần của hội nghị nói trên, Ban Chỉ huy Mặt trận và Ban Cán sự của từng vùng, khu vực được thành lập nhằm thống nhất chỉ đạo lực lượng quân tình nguyện Việt Nam ở chiến trường Hạ Lào và giúp đỡ hỗ trợ cán bộ Lào ở các vùng. Cụ thể:

- Mặt trận Tây Nam, gồm tỉnh Chămpaxắc (trừ khu vực Pạc Xoòng, Pạc Xê), có sáu Mường ở phía tây và đông sông Mê Công. Lực lượng quân tình nguyện Việt Nam có Đại đội 44. Lào có đại đội Xaychăccaphắt, lực lượng chủ lực Khu kháng chiến Hạ Lào, trung đội địa phương Chăntha-udôm và dân quân du kích các bản. Mặt trận Tây Nam có nhiệm vụ củng cố cơ sở vùng Đầm Phạ Phô làm chỗ đứng chân để chỉ đạo hoạt động toàn tỉnh Chămpaxắc, giữ vững và phát triển cơ sở ở vùng hữu ngạn sông Mê Công, tích cực chống âm mưu bình định của địch.

- Mặt trận Xala - Bôla (Xalavăn - Bôlavên), gồm các Mường Uđômxin, Lao Ngam, Thà Teng, Xalavăn, Khôngxêđôn, Vapikhămthoong. Lực lượng quân tình nguyện Việt Nam có một đại đội hoạt động ở Lao Ngam. Lực lượng Lào có Trung đội Cômmađăm ở Uđômxin, một trung đội ở Lao Ngam cùng du kích các bản. Mặt trận này có nhiệm vụ thống nhất chỉ đạo các lực lượng cao nguyên Bôlavên, tích cực chống càn ở Lao Ngam, mở rộng cơ sở ra toàn vùng phía bắc cao nguyên, cả Thà Teng, tiến tới nối liền cơ sở với các vùng ở phía nam Bôlavên.

- Mặt trận Xê Coong, gồm khu vực xung quanh thị xã áttapư và Xánămxay, Xayxếtthả, Phu Vông. Quân tình nguyện Việt Nam có Đại đội 200. Lực lượng Lào có các trung đội địa phương ở các châu và dân quân du kích ở các bản. Mặt trận này có nhiệm vụ chỉ đạo hoạt động ở cả hai phía đông và tây thị xã áttapư, bao vây kiểm chế

địch ở thị trấn Mường Mây, giữ vững hành lang tiếp vận từ Liên khu 5 (Việt Nam) sang, từng bước xây dựng vùng tây nam áttapư thành căn cứ địa kháng chiến của toàn khu Hạ Lào.

Nhằm đối phó với âm mưu càn quét đánh phá của địch, đẩy mạnh phong trào kháng chiến ở Hạ Lào, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 (Việt Nam) quyết định điều động lực lượng từ mặt trận Quảng Nam sang tăng cường cho Hạ Lào gồm Tiểu đoàn 49 cùng một số cán bộ các ngành tham mưu, hậu cần. Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ điều động một số cán bộ, nhân viên có chuyên môn thuộc các ngành nghề như: làm giấy theo phương pháp thủ công, dệt vải bằng khung cửi cải tiến, rèn nông cụ, nấu muối mỏ và văn hoá, giáo dục sang giúp nhân dân các vùng căn cứ Hạ Lào.

Đầu năm 1950, có thêm 100 Việt kiều từ Thái Lan được bổ sung cho các đại đội độc lập, chủ yếu để làm công tác dân vận ở Hạ Lào. Trong các tháng cuối năm 1950, do bộ đội tình nguyện Việt Nam tập trung vào việc phân tán lực lượng để kèm cặp, huấn luyện bộ đội địa phương, dân quân du kích Lào, nên về tác chiến đánh địch không nhiều. Tuy nhiên, cũng đã tổ chức được một số trận, đáng kể là trận tao ngộ chiến ở khu vực Đôn Tátạt (ngày 3 tháng 9 năm 1950), Na Khăm (ngày 26 tháng 10 năm 1950), trận phục kích ở Km 15, đường 23, Bạ Phôn đi áttapư.

Đến cuối năm 1950, quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng vũ trang cách mạng Hạ Lào đã thực sự phối, kết hợp công tác chặt chẽ, hiệu quả, biết khắc phục hạn chế, phát huy thế mạnh của nhau. Quân tình nguyện Việt Nam đoàn kết chặt chẽ với lực lượng cách mạng Lào, giúp đỡ tận tình về mọi phương diện, chịu đựng và vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, tạo niềm tin vững chắc trong cả lực lượng vũ trang và nhân dân các bộ tộc ở Hạ Lào.

Với sự phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau, đến cuối năm 1950, phong

trào kháng chiến ở Hạ Lào đã có bước phát triển vượt bậc: cơ sở được xây dựng ở hầu hết các tỉnh, đặc biệt là ở hướng Páxác, tây nam áttapư và Bôlavên; căn cứ địa kháng chiến được mở rộng, hình thành bốn vùng căn cứ; hành lang hậu phương từ biên giới Việt - Lào đến tây nam áttapư được xây dựng, củng cố, phát huy hiệu quả; Mặt trận *Lào Cự Xát*, hội mẹ, chị chiến sĩ được tổ chức; tổ chức dân quân tự vệ, hệ thống chính quyền được hình thành.

Tại vùng *Trung Lào*, đầu tháng 12 năm 1949, Liên khu 4 điều thêm Tiểu đoàn 64 cho mặt trận đường 9. Việt Nam và Lào phối hợp xây dựng huyện Tà Ôi, Mường Noòng thành hai căn cứ vững chắc ở nam đường 9, nối liền căn cứ kháng chiến của các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên (Việt Nam).

Ngày 26 tháng 2 năm 1950, Liên khu 4 ra nghị quyết chuyên đề về công tác giúp Lào, nêu rõ chủ trương mở rộng và đẩy mạnh hoạt động ở Trung Lào, hướng chính là đường 9; vận dụng phương thức “đại đội độc lập, trung đội phân tán”, giúp Lào đẩy mạnh công tác vũ trang tuyên truyền, xây dựng tổ chức quần chúng và lực lượng vũ trang địa phương, tổ chức chính quyền để củng cố mở rộng khu căn cứ.

Nhằm đáp ứng yêu cầu về chấn chỉnh tổ chức và phát triển lực lượng kháng chiến, Trung ương Mặt trận Lào ít xalạ có những thay đổi. Các uỷ ban Tây Lào, Đông Lào đóng ở huyện Con Cuông, Nghệ An (Việt Nam) giải thể để thành lập các uỷ ban Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào. Lực lượng quân tình nguyện Việt Nam ở Trung Lào được phân công hoạt động theo từng khu vực.

Thực hiện nghị quyết của Liên khu uỷ 4 về công tác giúp Trung Lào, Bộ Tư lệnh Liên khu 4 quyết định thành lập Đoàn 120 hoạt động bên cạnh Uỷ ban Trung Lào, do ông Thạo Lầu làm chủ tịch¹,

¹. Một thời gian sau, ông Thạo Ma lên thay ông Thạo Lầu.

ông Khăm Chăn làm phó chủ tịch và ba uỷ viên, đóng ở các huyện Hương Sơn, Đức Thọ (Hà Tĩnh).

Ban Cán sự Trung Lào và Đoàn 120 thống nhất tổ chức lại lực lượng vũ trang công tác, mỗi đội gồm 25 đến 30 người, làm nhiệm vụ phối hợp và giúp Lào hoạt động ở mỗi hướng, lấy tên các trục đường đặt tên cho các đội. Bao gồm Đội 813 (đường 8 và 13), Đội 812 (đường 8 và đường 12), Đội 912 (đường 9 và đường 12), Đội 923 (đường 9 và đường 23).

Liên khu 4 còn điều động hơn 100 cán bộ xã, huyện của các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình bổ sung cho các đội vũ trang công tác giúp Trung Lào. Chấp hành chỉ thị của Liên khu 4, tỉnh Quảng Bình điều động một đại đội thuộc Trung đoàn 18 sang hoạt động ở Bạ Naphào; tỉnh Hà Tĩnh điều một trung đội bổ sung cho Đoàn 120 để kiện toàn cơ quan đoàn bộ; mặt trận Bình - Trị - Thiên cử Tiểu đoàn 364 sang Trung Lào hoạt động dưới sự chỉ huy lãnh đạo của Đoàn 120.

Đồng thời với việc chấn chỉnh tổ chức, phát triển lực lượng, Ban Cán sự Đoàn 120 trực tiếp giúp Uỷ ban Trung Lào mở hai lớp đào tạo cán bộ cho các tỉnh Khăm Muộn, Xavannakhét và Liên huyện 90, góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ cho Lào về xây dựng cơ sở cách mạng ở Trung Lào. Trong thời gian Uỷ ban Trung Lào đóng ở Hà Tĩnh, Ban Cán sự Đoàn 120 đã chăm lo giúp Lào chuẩn bị các mặt công tác, bảo đảm cơ sở vật chất, ổn định nơi ăn chốn ở cho sáu gia đình của cán bộ Uỷ ban Trung Lào.

Sự ra đời của Đoàn 120 và các đội vũ trang công tác hoạt động ở các tỉnh Khăm Muộn, Xavannakhét là một trong những biểu hiện của sự phối hợp, giúp đỡ của Liên khu 4 đối với Trung Lào.

Phương châm của Đoàn 120 và các đội vũ trang công tác giúp Lào trong xây dựng cơ sở là vừa bí mật vừa công khai; thực hiện các hình thức đấu tranh hợp pháp như chống bắt phu, bắt lính,

chống lấy lúa gạo, vận động binh lính nguy Lào trở về với gia đình, đồng thời tổ chức phục kích, tập kích, cài công mìn, cạm bẫy, tiêu hao sinh lực địch.

Đoàn 120 thực hiện triệt để “ba cùng” với đồng bào và các lực lượng vũ trang Trung Lào. Bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực, Đoàn 120 và các lực lượng vũ trang Việt Nam sang giúp Trung Lào đã xây dựng được nhiều cơ sở ở các vùng tranh chấp và những vùng sâu trong hậu phương địch. Các tổ chức kháng chiến bí mật của Lào đã từng bước tổ chức đấu tranh, yêu cầu bãi bỏ các chức dịch cũ, thành lập chính quyền mới. Đồng thời, Đoàn 120 đã phối hợp với các lực lượng vũ trang Trung Lào chống phá các cuộc càn quét, cướp phá của địch, tiêu hao sinh lực địch. Cụ thể là Tiểu đoàn 364 đã tiến hành bao vây đồn Muong Noong, phục kích đoàn xe cơ giới địch ở dốc Cha Ky, phục kích trên đường 23. Đội 812 đánh phục kích địch trên sông Nặm Thon.

Đoàn 120 và các đội vũ trang công tác từ Liên khu 4 sang giúp các đơn vị Lào ít xalạ đã hoạt động, công tác, chiến đấu quên mình, góp phần xây dựng và củng cố bốn vùng căn cứ lớn liên hoàn, gồm 600 bản với khoảng 3 vạn dân ở vùng biên giới Việt - Lào. Trong các khu căn cứ đó, chính quyền cách mạng, các tổ chức, đoàn thể quần chúng và lực lượng vũ trang được xây dựng khá vững mạnh. Các lực lượng vũ trang Việt Nam, Lào đã phối hợp chiến đấu đập tan nhiều cuộc tiến công lấn chiếm của địch, buộc chúng phải rút bỏ gần một chục vị trí nhỏ, gây ảnh hưởng chính trị tốt đối với đồng bào Lào. Từ các căn cứ đã được xây dựng dọc phía đông Trung Lào, các đội vũ trang công tác, đơn vị vũ trang tuyên truyền Lào - Việt tiến vào các vùng sau lưng địch, phát động, tổ chức nhân dân, xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang bí mật ở các khu vực Huội Mùn, Lahănăm, Kặng Koọc, Nặm Cha Lộ, Na Nhôm, Nhômmalạt và Hỉn Bun bắt liên lạc với vùng Bolikhăn (đông Viêng Chăn).

Những tháng đầu năm 1950, sau nhiều thất bại ở chiến trường Bình - Trị - Thiên và do phong trào kháng chiến ở Trung Lào phát triển mạnh, thực dân Pháp rút bỏ một số vị trí nhỏ lẻ, tập trung lực lượng xây dựng các đồn bốt án ngữ dọc biên giới Việt - Lào, ở Na Pê, Bạ Naphào, Mahá Xây, Pạc Cuội, Nậm Cha Lô, Kẹng Koọc và trên các trục đường 8, 9, 12. Mặt khác, địch tăng cường củng cố hệ thống chính quyền tay sai, tổ chức các toán gián điệp để thăm dò lực lượng kháng chiến. Địch còn tổ chức lực lượng vũ trang phản động ở các bản, trang bị súng trường, lựu đạn.

Tình hình tuy khó khăn, nhưng quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng vũ trang Trung Lào luôn đoàn kết với nhau, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, gây dựng cơ sở kháng chiến, gây niềm tin trong nhân dân. Nhờ vậy, ở nhiều vùng, quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng vũ trang cách mạng Lào đã tranh thủ được nguy quân, nguy quyền. Tại tỉnh lỵ Thà Khẹc và các đồn chung quanh, đã tổ chức được một số cơ sở trong hàng ngũ địch. Trong quá trình hoạt động công tác, một số cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã ngã xuống.

Thực hiện chủ trương mở rộng mặt trận Trung Lào của Liên khu uỷ 4¹, đầu năm 1950, tại chùa Đá, Linh Cảm (xã Tùng ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), Ban Cán sự Trung Lào và Trung đoàn 120 tổ chức Đại hội đại biểu các lực lượng giúp Lào ở Trung Lào. Đại hội đánh giá tình hình địch, ta trên chiến trường Trung Lào, đề ra phương hướng giúp Trung Lào tiến mạnh về hoạt động ở vùng đồng bằng, đẩy mạnh các hoạt động trong vùng địch tạm chiếm, đưa phong trào Trung Lào phát triển, phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến

¹. Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu 4 họp giữa năm 1948 đã chỉ rõ âm mưu thủ đoạn của địch, nhiệm vụ của các chiến trường trong Liên khu 4 và đề ra chủ trương: đánh mạnh ở Bình - Trị - Thiên; thúc đẩy phong trào kháng chiến, đề phòng địch đánh ra Thanh - Nghệ - Tĩnh; mở rộng mặt trận Trung Lào.

đầu của quân dân Việt Nam ở các tỉnh Bình - Trị - Thiên.

Đoàn 120 chấn chỉnh, tổ chức lại lực lượng, đổi phiên hiệu thành Đoàn 280 (ngày 19 tháng 5 năm 1950). Lực lượng quân tình nguyện Việt Nam ở Trung Lào có hai tiểu đoàn (1 và 2). Tiểu đoàn 1 vốn là Tiểu đoàn 364 hoạt động ở vùng phía nam đường 9. Từ cuối năm 1950, Tiểu đoàn 1 tiến vào vùng Lahănăm, vừa chiến đấu vừa làm công tác xây dựng cơ sở trên trục đường 23. Tiểu đoàn 2 gồm các đại đội lập số 6, 75 và 77, hoạt động ở khu vực đường 12, tiến vào vùng đồng bằng Mahă Xây vừa đánh địch vừa làm công tác cơ sở ở vùng giáp ranh tỉnh Khăm Muộn và Xavănnakhê.

Ngoài ra, Ban Cán sự Trung Lào còn thành lập ba phân đoàn (9, 13, 812), mỗi phân đoàn gồm một số cán bộ Ban Cán sự và một đội cơ sở làm công tác dân vận. Nhiệm vụ của các phân đoàn là chuyển vào hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng cơ sở ở vùng địch hậu. Phân đoàn 9 có bốn đội cơ sở (306, 307, 308, 309), hoạt động ở vùng nam và bắc đường 9. Đội 306 ở huyện Mưong Noong. Đội 307 ở huyện Tà Ôi. Đội 308 ở tây đường 23. Đội 309 ở vùng Xê Săngxoi - Keng Koọc. Phân đoàn 13 có ba đội (101, 102, 103) hoạt động từ mường Mahă Xây đến Đồng Hén (bắc đường 9). Đội 101 ở vùng Mahă Xây. Đội 102 ở khu vực Cầu Sắt trên đường 13. Đội 103 ở khu vực Đồng Hén. Phân đoàn 812 hoạt động từ khu vực Khăm Cọt, Lắc Xao đến Nhômmalat.

Nhờ có chủ trương đúng đắn, kịp thời và hoạt động tích cực của quân tình nguyện Việt Nam và các lực lượng cách mạng vũ trang Lào, đến cuối năm 1950, hoạt động kháng chiến ở Trung Lào đã có bước phát triển mới. Vùng giải phóng và các khu căn cứ của các tỉnh Khăm Muộn, Xavănnakhê được củng cố và mở rộng, nhân dân các địa phương ngày càng hăng hái tham gia, ủng hộ kháng chiến, tạo điều kiện cho quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng vũ trang cách mạng Lào tăng cường hoạt động phát triển chiến tranh nhân dân

xuống các vùng đồng bằng, gây cho địch nhiều khó khăn, lúng túng. Phong trào kháng chiến ở Trung Lào phát triển mạnh và đồng đều, đã góp phần tăng cường sự phối hợp giữa các chiến trường ở miền Trung Đông Dương, làm cho các vùng chiếm đóng của giặc Pháp không còn là hậu phương an toàn của chúng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Lào *ítxala* (ngày 13 tháng 8 năm 1950), Trung Lào thành lập *Mặt trận Lào ítxala* và *Ủy ban kháng chiến khu*. Đồng chí Khăm Tày Xiphândôn được cử giữ chức chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu và là đại diện của Chính phủ và Mặt trận Trung ương ở khu Trung Lào. Ban Cán sự và Đoàn 280 quân tình nguyện Việt Nam có nhiệm vụ tiếp tục giúp đỡ Trung Lào thực hiện các chủ trương, kế hoạch xây dựng, chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Tại *mặt trận Thượng Lào*, sau ngày đồng chí Cayxôn Phômvihân tuyên bố thành lập đội Látxavông - Quân đội Lào *ítxala* - ở khu căn cứ Xiêng Khọ, tỉnh Hòa Phăn (ngày 20 tháng 1 năm 1949), Liên khu 10 đã cử đồng chí Tắc Tịnh giúp đội Látxavông về quân sự, đồng chí Xà Man (Sơn La) giúp về chính trị; cùng cán bộ, chiến sĩ Lào tiến hành huấn luyện quân sự, học tập chính trị. Nhờ vậy, đơn vị Látxavông ở Xiêng Khọ có điều kiện đi sâu hơn vào vùng địch hậu, phát triển kháng chiến trên toàn tỉnh Hòa Phăn¹.

Đầu năm 1949, Đoàn vũ trang công tác miền Tây tổ chức hội nghị cán bộ đảng, xác định quyết tâm, kế hoạch tiến quân sang vùng nam Sầm Nưa, bắc Xiêng Khoảng. Đoàn quyết định lấy Đại đội 74 làm lực lượng nòng cốt, thành lập 5 đội vũ trang công tác, trong đó có 2 đội củng cố cơ sở (đội Đ và I), 2 đội phát triển cơ sở

¹. Huỳnh Đắc Hương: “Sau thắng lợi giải phóng dân tộc nhìn lại Sầm Nưa”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: *Căn cứ địa Sầm Nưa - biểu tượng đoàn kết đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào*, Tài liệu đã dẫn, tr.67-69.

(đội O và P), một đội cơ động đánh địch, hỗ trợ cho công tác cơ sở (đội K). Ngoài ra, còn có một đội làm công tác giao thông (đội J) và một đội làm công tác vận tải (đội Q). Trong mỗi đội công tác đều có một số chiến sĩ cùng một cán bộ người Lào. Tham gia Ban Chỉ huy Đoàn vũ trang công tác miền Tây, phía Lào có ông Thạo Ký¹. Địa bàn hoạt động của các đội được phân công như sau: đội Đ xây dựng cơ sở ở Phú Lệ; đội I xây dựng cơ sở ở huyện Mường Xôi, tỉnh Hòa Bình; đội P hoạt động ở khu vực Mường Lý, Mường Lát, Xốp Nao (giáp huyện Xiêng Khoảng, tỉnh Hòa Bình). Đội O hoạt động ở vùng Xiêng Luông, Xiêng Mèn (giáp huyện Mường Xát, tỉnh Hòa Bình).

Trên các khu vực hoạt động, các đội liên tiếp tổ chức phục kích địch, có tháng đánh 17 trận, buộc địch phải co cụm lực lượng, không dám tự do lùng sục như trước. Kết hợp công tác vận động quần chúng, xây dựng cơ sở, Đoàn vũ trang công tác miền Tây tập trung lực lượng tiêu diệt một số đồn nhỏ lẻ trên đường giao thông dọc sông Mã, mở đường cho các đội đi sâu làm công tác cơ sở trong vùng địch kiểm soát. Tháng 12 năm 1949, đội I và đội O diệt đồn Pong Nha, đồn Mường Pao rồi tiến sâu vào đất Lào hoạt động. Đội O bí mật thọc sâu vào khu vực Xiêng Mèn, Xiêng Luông, Mường Pua. Đoàn đã giúp Lào đẩy mạnh gây dựng cơ sở, tích cực củng cố hệ thống chính quyền từ xã (tổng) đến huyện và phối hợp với bộ đội Lào ít ỏi tập kích, phục kích, giành nhiều thắng lợi.

Cùng với những hoạt động của Đoàn vũ trang công tác miền Tây của Liên khu 3, *Tiểu Ban biên chính* của tỉnh Thanh Hoá tổ chức một đội vũ trang tuyên truyền gồm một số cán bộ dân vận và một đơn vị bộ đội (rút từ đại đội độc lập của tỉnh Thanh Hoá) gồm

¹. Sau khi ông Thạo Ký từ trần, ông Thạo Ma thay thế.

70 người chuyển sang hoạt động ở huyện Sầm Tó, đông nam tỉnh Hủa Phăn. Thời kỳ đầu khi các đội vũ trang công tác của Việt Nam sang vùng này hoạt động, nhân dân Lào ở trong vùng sợ hãi, một số người bỏ chạy khỏi bản làng, số khác không tiếp xúc. Anh em trong đội công tác đã kiên trì bám trụ, vận động, giác ngộ nhân dân, giúp đỡ nhân dân các công việc cụ thể như làm vệ sinh làng bản, chăm sóc sức khỏe, giúp dân sản xuất, hướng dẫn dân sang Việt Nam mua công cụ sản xuất, vải, muối nhằm cải thiện đời sống. Đồng thời, các đơn vị vũ trang công tác thực hiện nghiêm kỷ luật dân vận, chia sẻ với dân từng bát cơm, tấm áo, viên thuốc chữa bệnh. Nhờ vậy, đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của dân, từng bước đưa dân vào các hội quần chúng, thành lập chính quyền kháng chiến, xây dựng dân quân du kích, tổ chức canh gác, bảo vệ bản làng, đấu tranh với địch bằng nhiều hình thức, từ thấp đến cao. Trên cơ sở đó, các đội vũ trang công tác Việt Nam đẩy mạnh việc giúp Lào xây dựng cơ sở, tiến sát các khu vực gần huyện lỵ Sầm Tó. Xây dựng củng cố hệ thống chính quyền từ các uỷ ban tổng đến huyện. Các bản, tàxêng ở gần biên giới Việt Nam có cơ sở quần chúng mạnh và có tổ chức dân quân, du kích, đã hăng hái cùng bộ đội tổ chức phục kích, tập kích địch, giành một số thắng lợi.

Từ năm 1949, các đơn vị bộ đội tình nguyện Việt Nam giúp tỉnh Xiêng Khoảng xây dựng lực lượng, hoạt động theo phương thức đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, xây dựng cơ sở quần chúng, xây dựng căn cứ du kích, đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng của cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam, liên minh chiến đấu Việt - Lào tại Xiêng Khoảng ngày càng được củng cố vững chắc thêm. Tại vùng Long Mộ, anh em Việt Nam được “Lào hoá”, luôn bám sát dân, nên đã xây dựng, phát triển được nhiều cán bộ địa phương, tổ chức được một số đơn vị vũ trang như đơn vị dân quân Koong Thạo Tu,

34 người ở vùng Xăm Chè và đội vũ trang khoảng 20 người do ông Xiêng Xinh chỉ huy ở vùng Nặm Nơn, v.v.. Các đơn vị này thực hiện nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa, động viên nhân dân tham gia kháng chiến, bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ gìn trật tự làng bản, ổn định đời sống của nhân dân.

Tháng 10 năm 1949, khi địch tập trung lực lượng mở các cuộc càn quét, đánh phá cơ sở ở các bản Kỵ Ninh, Pa Kha, Phay Đang, v.v., Đại đội 210 phối hợp với du kích các bản thuộc vùng Xăm Chè đánh địch, loại khỏi vòng chiến đấu một số tên, điều quan trọng hơn là gây được thanh thế và niềm tin đối với nhân dân. Đến tháng 12 năm 1949, đội du kích tập trung người Mông mang tên “Koong Pátchây” gồm 30 người được thành lập, do ông Thạo Tu chỉ huy.

Đại đội 219 vừa gây dựng cơ sở chính trị, vừa đưa đón bảo vệ nhiều đoàn cán bộ, bảo đảm an toàn. Trong một chuyến dẫn đường, bảo vệ đoàn đại biểu quốc tế từ Bưng Càn (Thái Lan), qua Pắc Káđin đến Mường Mộc, vượt núi Phu Luông, cao 2.811 m, đến đỉnh đèo gần biên giới Lào - Việt, một chiến sĩ dẫn đường người Việt đã hy sinh anh dũng.

Nhằm xây dựng một tổ chức lãnh đạo kháng chiến đại diện cho các bộ tộc Lào, tháng 11 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Hoàng thân Xuphanuvông từ Thái Lan sang căn cứ địa Việt Bắc để bàn bạc và thống nhất chủ trương. Đại đội 219 đã đón Hoàng thân Xuphanuvông và gia đình cùng Hoàng thân Xútivan và bác sĩ Đặng Văn Ngữ (Hưng), từ Thái Lan qua đường Viêng Chăn - Khăm Muộn - Bolikhămxay sang Đô Lương (Nghệ An). Phòng Biên chính Liên khu 4 đón đoàn từ làng Như Xuân, tổng Đăng Sơn rồi đi thuyền sang Đô Lương. Chủ tịch Ủy ban giải phóng Đông Lào, Nủhắc Phumxavăn và các uỷ viên Xingcapô, Thạo Xột Phệtlaxi, Thạo Lấu cùng lãnh đạo Phòng Biên chính Liên khu 4 đã đón tiếp, gặp gỡ đoàn của Hoàng thân Xuphanuvông tại Đô Lương.

Trước khi đoàn cán bộ cấp cao Lào ra Việt Bắc, ông Thạo Lầu được cử ở lại Đô Lương đảm nhiệm quyền chủ tịch Ủy ban giải phóng Đông Lào và đồng chí Lê Văn Diễm đại diện cho Phòng biên chính bên cạnh Ủy ban giải phóng Đông Lào. Khi đến Việt Bắc, ông Xingcapô được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tính đến cuối năm 1949, Đại đội 219 đã đưa, đón an toàn 28 đoàn cán bộ của Việt Nam và Lào đi qua tuyến giao liên này. Trong quá trình làm nhiệm vụ đó, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 219 luôn được nhân dân Lào đùm bọc, chở che, giúp đỡ, cung cấp, tiếp tế lương thực - thực phẩm, thông báo mọi tình hình, đồng thời được sự phối hợp hỗ trợ của đội du kích Koong Thạo Tu và đơn vị của ông Thạo Kê.

Tháng 12 năm 1949, đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh Thanh Hoá hoạt động trên đất Lào, sáp nhập với đội Đ của Đoàn vũ trang công tác miền Tây của Liên khu 3, thành đội Đ.S, tiếp tục hoạt động ở huyện Sầm Tớ.

Thực dân Pháp đóng đồn bắt dọc tuyến biên giới nhằm ngăn cản sự tiếp tế của hậu phương Thanh Hoá cho căn cứ địa Việt Bắc và lực lượng kháng chiến Bắc Lào. Để bảo vệ miền tây Thanh Hoá, bảo vệ hành lang chiến lược Việt - Lào, quân và dân Thanh Hoá đã tổ chức tiến công địch, phá phòng tuyến sông Mã.

Nhằm giúp Lào xây dựng căn cứ kháng chiến Bắc Lào, Đoàn vũ trang công tác miền Tây kết hợp với đơn vị vũ trang địa phương Thanh Hoá (Trung đoàn 77, các đại đội Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước) “nhảy dù” xuống các huyện Mường Xôi, Sầm Tớ, Xiêng Kho, xây dựng cơ sở cách mạng và kết hợp với lực lượng Pathét Lào tiến công giải phóng ba huyện nói trên, hình thành căn cứ địa kháng chiến Bắc Lào.

Để chỉ đạo kháng chiến thuận lợi, cuối năm 1950, Chính phủ kháng chiến Lào chuyển sang Thanh Hoá. Bên cạnh Chính phủ

kháng chiến Lào còn có Ban Cán sự Thượng Lào (đoàn chuyên gia Việt Nam). Ban đầu Chính phủ kháng chiến Lào đóng tại khu vực Đầm (Thọ Xuân), sau đó chuyển về vùng Cha Lo - Sầm Bứa (Ngọc Lặc)¹. Trong thời gian Chính phủ kháng chiến Lào ở Thanh Hoá, Đảng bộ và nhân dân Thanh Hoá đã tận tình giúp đỡ, bảo vệ và cung cấp lương thực, thực phẩm đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt.

Sau gần hai năm hoạt động (từ tháng 6 năm 1948 đến đầu năm 1950), Đoàn vũ trang công tác miền Tây, từ lực lượng ban đầu gồm một số cán bộ chính trị, dân vận, một đội vũ trang tuyên truyền đã phát triển thành sáu đội vũ trang công tác và các bộ phận chuyên môn phục vụ, với quân số khoảng 400 - 450 người. Dưới sự lãnh đạo, chỉ huy của Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Liên khu 3 (Việt Nam), Đoàn đã vượt qua nhiều thử thách, gian khổ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác được giao, phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng Lào diệt, bức rút tám đồn địch, xây dựng cơ sở kháng chiến ở hai huyện Mường Xôi, Sầm Tó và khu vực hạ lưu sông Mã thuộc Lào; tiến sâu vào khu vực Xiêng Luông, Xiêng Mèn, Mường Liệt, Mường Pua, Xốp Hào, chuyển một vùng rộng lớn trước là hậu phương của địch thành khu du kích của Lào. Đoàn vũ trang công tác miền Tây đã nối được liên lạc với các lực lượng của Phòng Biên chính Liên khu 4, nhận và bàn giao cơ sở huyện Sầm Tó và nối liên lạc với Ban xung phong Lào Bắc do đồng chí Cayxôn Phômvihản chỉ huy, cùng các đơn vị chủ lực Liên khu 10 đang hoạt động ở Bắc Lào.

Trong khi đó, khoảng giữa năm 1949, nhằm khuếch trương thanh thế và mở rộng khu căn cứ, Ban xung phong Lào Bắc chủ trương đi sâu vào vùng địch hậu, xây dựng cơ sở kháng chiến xung quanh khu vực thị xã Sầm Nưa. Để giúp Lào thực hiện chủ trương

¹. Đầu năm 1952, Chính phủ kháng chiến Lào chuyển về Phủ Quỳ, Nghệ An.

trên, Liên khu 10 Việt Nam bổ sung thêm Đại đội 844, tổ chức thành đội vũ trang tuyên truyền số 77 phối hợp hoạt động cùng các lực lượng của Lào. Tháng 7 năm 1949, các lực lượng vũ trang của Lào và Việt Nam được nhân dân giúp đỡ đã tổ chức vây ép, buộc toàn bộ binh lính đồn Xiêng Khọ mang theo vũ khí về với kháng chiến. Chiến thắng Xiêng Khọ đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào kháng chiến của nhân dân trong vùng, đồng thời củng cố khu căn cứ Xiêng Khọ thêm một bước vững chắc hơn.

Đầu tháng 11 năm 1949, Ban xung phong Lào Bắc thống nhất với Bộ Tư lệnh Liên khu 10 (Việt Nam) mở Chiến dịch Sông Mã, nhằm phá vỡ phòng tuyến sông Mã của địch, mở thông biên giới Việt - Lào ở hướng Tây Bắc Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ địa trung ương của cách mạng Lào. Lực lượng tham gia chiến dịch, về phía Việt Nam có Trung đoàn 138 (Tiểu đoàn 532, Tiểu đoàn 35), Tiểu đoàn 910; về phía Lào có đại đội Látxavông, đội vũ trang tuyên truyền số 80 cùng lực lượng dân quân du kích ở địa phương.

Mở màn chiến dịch (ngày 2 tháng 11 năm 1949), đội vũ trang tuyên truyền số 80 phối hợp với chủ lực Việt Nam nổ súng tiến công, chiếm đồn Xiêng Khọ, loại khỏi vòng chiến đấu một đại đội địch, bắt sống 35 tên, trong đó có ba tên Pháp, thu toàn bộ vũ khí. Tiếp đó, ngày 3 tháng 11, lực lượng vũ trang Lào - Việt triển khai lực lượng tiến công, địch hoảng loạn, rút chạy khỏi chín vị trí dọc sông Mã từ Xiêng Khọ đến Xốp Hào. Phòng tuyến sông Mã của địch bị phá vỡ một đoạn dài từ Mường Lằm đến Xốp Hào. Vùng cơ sở của Lào được mở rộng trên 2.000 km² với hơn 1 vạn dân.

Sau chiến dịch Sông Mã, ngày 4 tháng 12 năm 1949, lực lượng vũ trang Lào cùng Đại đội 930 của Tiểu đoàn 532 (Trung đoàn 138) quân tình nguyện Việt Nam tập kích đồn Noong Khạng (phía tây bắc cách thị xã Sầm Nưa 25 km), diệt 3 tên, thu 10 súng và 3.000

viên đạn, buộc địch rút khỏi khu vực.

Sau một loạt chiến thắng vang dội đó, Ủy ban kháng chiến tỉnh Hòa Phăn được thành lập để thống nhất chỉ đạo các hoạt động kháng chiến trong tỉnh. Lo sợ trước sự phát triển của các lực lượng cách mạng ở tỉnh Hòa Phăn, cuối tháng 12 năm 1949, thực dân Pháp đã tập trung một tiểu đoàn của Tiểu khu Sầm Nưa và hai đại đội từ Mộc Châu (Việt Nam) sang, mở cuộc càn quét hòng chiếm lại Xiêng Khọ và các khu vực đã mất. Các lực lượng vũ trang Lào phối hợp chặt chẽ cùng hai tiểu đoàn (532, 910) quân tình nguyện Việt Nam vừa đánh chặn, vừa tổ chức phục kích, gây cho chúng nhiều thiệt hại, buộc chúng phải rút khỏi khu vực Xiêng Khọ - Năm Mã.

Nhằm củng cố thắng lợi, theo yêu cầu của Ban xung phong Lào Bắc, Bộ Tư lệnh Liên khu 10 Việt Nam đã quyết định để Trung đoàn 138 ở lại và điều Tiểu đoàn 940 (Điện Biên) hỗ trợ chiến đấu, xây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào kháng chiến khu vực đông bắc Thượng Lào. Ban xung phong Lào Bắc tổ chức huấn luyện, đào tạo được gần 100 cán bộ, bổ sung cho các địa phương trong khu vực.

Như vậy, với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của đồng chí Cayxôn Phômvihản, các lực lượng cách mạng Lào ở khu vực phía Đông Bắc Lào (đặc biệt là Hòa Phăn), trong các năm 1949 - 1950 đã vượt mọi khó khăn, giành được những thắng lợi cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi để cách mạng Lào có bước phát triển mới.

ở vùng Tây Bắc Lào, từ đầu năm 1949, trên cơ sở tuyên truyền, vận động quần chúng, các cán bộ, chiến sĩ Việt kiều đã tổ chức “Hội ít xalạ bản”, kết nạp tất cả những người Lào yêu nước. Nhiều nơi đã tổ chức được Hội Phụ nữ, Hội Thanh niên ít xalạ và thành lập “đội dân quân du kích bản” để canh gác, bảo vệ bản làng. Tháng 2 năm 1949, đội du kích đầu tiên ở vùng Kọ Chà Kũa thuộc tà xềng

Mường Xạ được thành lập, tiếp đó nhiều bản ở vùng lân cận cũng lập ra đội du kích hoặc tổ du kích.

Để có vũ khí trang bị cho dân quân du kích, tháng 4 năm 1949, Ban Chỉ huy Khu 1 đã lập một công binh xưởng nhỏ ở vùng bộ tộc người Mu Xơ thuộc tàxêng Mường Xạ. Xưởng có 5 cán bộ và 14 chiến sĩ. Mặc dù trang bị còn thô sơ nhưng xưởng đã sản xuất được lựu đạn, địa lôi và sửa chữa được nhiều loại súng. Riêng năm 1950, xưởng sản xuất trên 800 quả lựu đạn, hơn 500 quả địa lôi và sửa chữa 50 khẩu súng. Ngoài nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa vũ khí, anh em còn làm công tác vận động tuyên truyền, tổ chức “Hội ít xalạ” để thu hút nhân dân các bản gần xưởng tham gia kháng chiến, lập ba đội du kích và kết nạp năm đảng viên người Mu Xơ. Do làm tốt công tác xây dựng cơ sở, vận động nhân dân nên cán bộ, chiến sĩ trong xưởng được nhân dân và dân quân du kích trong vùng ủng hộ giúp đỡ nhiều mặt và cùng tham gia chiến đấu bảo vệ xưởng. Trong sáu trận chiến đấu bảo vệ công binh xưởng, bộ đội đã phối hợp chặt chẽ với du kích, diệt được sáu tên địch, làm bị thương 15 tên, bảo vệ xưởng và tính mạng, tài sản của nhân dân. Đây là những chiến công thầm lặng rất đáng tự hào của tập thể thợ - chiến sĩ của bộ đội Việt kiều giải phóng quân.

Giữa năm 1949, nhằm đẩy mạnh hơn nữa phong trào kháng chiến, Đặc uỷ Lào đã cử đồng chí Khăm Xêng¹ và một số cán bộ Lào về tăng cường cho Khu 1. Các cán bộ Lào và Việt Nam trong Ban Chỉ huy Khu đã phối hợp chặt chẽ, phát hiện, tuyển chọn, tổ chức nhiều lớp học ngắn ngày nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ Lào có thể chỉ đạo các ngành, các địa phương kháng chiến. Ban Chỉ huy

¹. Đồng chí Khăm Xêng là một trong hai đảng viên cộng sản đầu tiên của Lào, sau này đồng chí là một trong những người tham gia sáng lập Đảng Nhân dân Lào và là ủy viên Trung ương Đảng.

Khu đề ra phương châm: địa phương nào cũng phải có cán bộ địa phương đó, mỗi bộ tộc phải có cán bộ của bộ tộc mình. Nhờ đó, đến tháng 9 năm 1949, Khu 1 đã có một đội ngũ cán bộ địa phương, bao gồm những người từ các bộ tộc khác nhau trong vùng như Chà ạt (người Mu Xơ), Mạ Chom Peng, Mạ Khăm Khăn, Xềng Y Nam (Mường Xạ), Nản In Bun, Nản Chom (Bản Mo), Phạnha Luồng, Cha Pi, Mạ Khăm Đi, ại Chòi (Mường Long), Un Luồng (Mường Năng), Bun Lắt (Mường Mưng), Pha Nha (Mường Cang).

Đầu năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân vùng Tây Bắc Lào có nhiều thuận lợi mới. Tháng 2 năm 1950, Ủy ban kháng chiến Khu 1 được thành lập, do chánh tổng (nai tàxêng) Mường Long cũ làm chủ tịch. Mặt trận ít xalạ Khu 1 do ông Khăm Đi làm chủ tịch. Tiếp đó, tháng 3 năm 1950, trung đội bộ đội địa phương thoát ly đầu tiên của huyện Mường Xinh được tổ chức, bao gồm con em các bộ tộc Lự, Cọ, Đoi của các tàxêng Mường Xạ, Mường Long, Mường Năng, Xiêng Cốc, Bản Mo.

Như vậy, sau hơn hai năm xây dựng và chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ Khu 1 đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ ở vùng biên giới xa xôi, tích cực xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng, giành được nhiều kết quả quan trọng. Cơ sở chính trị, các tổ chức quần chúng, hệ thống chính quyền mới đã hình thành. Các đội dân quân du kích và đơn vị vũ trang tập trung lần lượt được thành lập. Khu đã xây dựng được khu du kích liên hoàn, bao gồm 9 tàxêng: Mường Xạ, Bản Mo, Mường Cang, Mường Long, Mường Năng, Xiêng Cốc tới Xốp Lôi, Xiêng Khêng, bản Sài thuộc huyện Mường Xinh, tỉnh Huội Xài. Khu căn cứ du kích này trở thành khu giải phóng nằm sâu trong vùng địch hậu ở Bắc Lào, là chỗ dựa cho phong trào cách mạng ở vùng Tây Bắc Lào phát triển.

Các đơn vị Việt kiều giải phóng quân ở Khu 1 thực hiện tốt

nhiệm vụ được giao, giúp Tây Bắc Lào xây dựng được phong trào kháng chiến. Từ năm 1950, lực lượng Việt kiều giải phóng quân ở Khu 1 được củng cố, có thêm điều kiện phát triển về phía đông.

Theo chỉ đạo của Đặc uỷ Lào, Ban Chỉ huy Khu 1 cử một trung đội gồm 28 đồng chí tiến về khu vực Bò Tên, Na Le, Na Loi (tây nam Mường Xinh) và một đại đội gồm 80 người, do đồng chí Thông chỉ huy, tiến về Nặm Bạc (Luông Phạbang) để xây dựng hai khu căn cứ mới. Sau bốn tháng vừa mở đường, vừa điều tra nắm địch và làm công tác quần chúng, đơn vị mới tới được Nặm Bạc, nhưng vì đây là vùng địch chiếm đóng, nên lúc đầu anh em phải ở trên núi, ban đêm vào các bản nắm tình hình, tiếp xúc với nhân dân gây cơ sở, sau đó tổ chức thành nhóm, tổ nhỏ, thực hiện “ba cùng” với dân. Sau gần một năm hoạt động, đơn vị đã xây dựng được nhiều cơ sở kháng chiến, giác ngộ, kết nạp năm đảng viên và thành lập chi bộ đảng đầu tiên ở Nặm Bạc do đồng chí Khăm Mun Ti làm bí thư. Trên cơ sở lực lượng quần chúng kháng chiến phát triển, quân tình nguyện Việt Nam đã phối hợp với lực lượng kháng chiến địa phương thành lập chính quyền các cấp. Đồng chí Khăm Mun Ti được cử làm “chạu khệt” (khu trưởng) Nặm Bạc. Tiếp đó, đơn vị của đồng chí Thông tổ chức lực lượng đi xây dựng cơ sở kháng chiến ở vùng Nặm Ngà, Mường Ngà, Mường Pạc Beng, Mường Ngòi, sang Xốp Xàng. Đến cuối năm 1950, đại đội của đồng chí Thông đã liên lạc được với Tiểu đoàn 940 mới từ Tây Bắc (Việt Nam) sang và sau đó cũng bắt liên lạc được với Đại đội 160 từ Mường Xon (Hủa Phăn) phát triển sang.

Đồng thời với việc triển khai xây dựng, mở rộng căn cứ Khu 1, Đặc uỷ Lào cũng đẩy mạnh hoạt động xây dựng căn cứ ở Khu 2. Địa bàn Khu 2 bao gồm hai huyện Xaynhabuli¹ và Pạc Lai ở phía

¹. Nay là tỉnh Xaynhabuli.

tây tỉnh Luông Phạbang, tiếp giáp với tỉnh Chiềng Mai (Thái Lan). Đây là vùng đất nằm phía tây (hữu ngạn) sông Mê Công, đất đai bằng phẳng, làng mạc, dân cư đông đúc, có nhiều tài nguyên, giao thông phát triển. Khu 2 có nhiều bộ tộc sinh sống, nhưng chiếm tỷ lệ lớn là người dân tộc Lào, Lự, Nhuôn (thuộc dân tộc Lào Lùm). Tại vùng này, thực dân Pháp cho quân đóng đồn ở Xaynhabuli, Pắc Lai, Pắc Khốp.

Trên cơ sở đơn vị Việt kiều ban đầu đã về Lào, ông Phumi Vôngvichít, đại diện Chính phủ độc lập Lào ít xala cùng đồng chí Mai Văn Quang (cán bộ mặt trận Tây Bắc Lào) và một số cán bộ Lào, Việt tổ chức một cuộc họp tại tà xêng Pắc Khốp, bàn kế hoạch xây dựng khu căn cứ Khu 2, quyết định thành lập Khu kháng chiến 2 và cử ông Phumi Vôngvichít làm khu trưởng; đồng chí Mai Văn Quang làm chỉ huy trưởng bộ đội tình nguyện Việt Nam ở Khu 2. Trong Ban Chỉ huy Khu 2, phía Lào còn có các ông Mahả Khăm Phăn Vilachít, Uttama, Phau Phimpachăn, v.v..

Sau khi thành lập, Ban Chỉ huy Khu 2 triển khai việc huấn luyện cho bộ đội các kiến thức quân sự cơ bản, chủ trương, đường lối kháng chiến và về công tác tuyên truyền vận động quần chúng, xây dựng cơ sở, v.v.. Ông Phumi Vôngvichít cùng một số cán bộ Lào cũng tích cực tham gia giảng dạy một số bài về chính trị, đạo đức cách mạng.

Ban Chỉ huy Khu phân chia lực lượng thành các tổ nhỏ gồm cả cán bộ Lào và Việt, đến từng bản làng để tuyên truyền xây dựng cơ sở, vận động nhân dân ủng hộ và tham gia kháng chiến. Từ chỗ đứng chân ban đầu ở các bản Huội Lau, Nặm Khả, các lực lượng Lào - Việt phát triển theo hai hướng, một hướng tiến về Pắc Khốp, cạnh sông Mê Công, một hướng tiến xuống các tà xêng Xiêng Lôm, Xiêng Hòn. Cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã bám sát cơ sở, thực hiện “ba cùng” với dân.

Nhờ sự nỗ lực và hoạt động với phương thức thích hợp, đến giữa năm 1949, các lực lượng Lào - Việt ở Khu 2 đã xây dựng được cơ sở chính trị ở các tàxăng Pạc Khốp, Xiêng Lôm, Xiêng Hòn và Xaynhabuli. Các đội dân quân du kích cũng được thành lập ở nhiều bản làng. Các tù trưởng, tộc trưởng, chức dịch cũ có tinh thần yêu nước, được nhân dân tin cậy được lựa chọn giao trách nhiệm lãnh đạo chính quyền mới.

Vào tháng 10 năm 1949, khi Chính phủ độc lập Lào ít xalá lưu vong ở Thái Lan do ông Khăm Mạo làm thủ tướng tuyên bố giải thể, một số thành viên Chính phủ này về Viêng Chăn theo Pháp. Do nội bộ cán bộ Lào ở Khu 2 có kẻ phản bội nên cuối năm 1949, ông Phumi Vôngvichít phải di chuyển lên biên giới Lào - Thái, sau đó ở lại chỉ đạo phong trào kháng chiến ở Khu 1. Các đồng chí Khăm Xêng, Phạu Phimpachăn cùng một số cán bộ chính trị, quân sự Lào được cử về củng cố phong trào kháng chiến Khu 2.

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động về phía đông, đầu năm 1950, Đặc uỷ Lào chỉ thị cho các đơn vị Việt kiều giải phóng quân của Khu 2 vượt sông Mê Công tiến sang khu vực Mường Mệt huyện Ka Xỷ (Viêng Chăn). Một số cán bộ về nhận công tác ở Ban Cán sự tỉnh Viêng Chăn. Lực lượng còn lại hoạt động ở phía tây tỉnh Viêng Chăn, móc nối cơ sở trở lại hoạt động ở vùng Pạc Lai, Xaynhabuli bên hữu ngạn sông Mê Công.

Trong những tháng đầu năm 1950, địa bàn hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam chưa phân theo địa giới hành chính tỉnh, huyện của Lào, mà phân chia theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị cũng như tình hình thực tế và khả năng thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển của phong trào kháng chiến trên chiến trường Lào, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định tăng cường cán bộ giúp cách mạng Lào, đồng thời thay đổi phương thức tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Chấp hành chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 3 năm 1950, Ban Cán sự hải ngoại quyết định thành lập Ban Cán sự và Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Lào để lãnh đạo, chỉ đạo Tây Lào đẩy mạnh phong trào kháng chiến. Đồng chí Mai Côn làm bí thư Ban Cán sự Đảng. Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Lào do đồng chí Nguyễn Hoà làm chỉ huy trưởng; đồng chí An Giao làm chính uỷ; đồng chí Mừn Xômvichít, đại diện Chính phủ Kháng chiến ở Tây Lào, làm chỉ huy phó kiêm tham mưu trưởng.

Mặt trận Tây Lào được tổ chức lại thành hai khu và một tỉnh (Viêng Chăn). Khu 1 gồm Huội Xài, Luông Nặm Thà, tây Luông Phabang. Khu 2 gồm Hoồng Xả, Xaynhabuli, Pạc Lai. Tỉnh Viêng Chăn chia thành bốn phân khu là Nặm Tòn, Phu Khun, Bolikhăn, Thulakhôm. Mỗi khu có một đơn vị Việt kiều giải phóng quân và một trung đội địa phương Lào. Ngoài ra, còn có một đơn vị khác hoạt động trên đường 13.

Giữa năm 1950, có rất đông thanh niên Việt kiều ở Thà Bò, Noong Khai, Udon, Xakôn gia nhập các đơn vị Việt kiều sang Tây Lào hoạt động. Số này sau khi được học tập chính trị đã được phân công về nhận công tác ở các địa phương.

Trong số thanh niên Việt kiều từ Thái Lan gia nhập Việt kiều giải phóng quân sang Tây Lào hoạt động có nhiều chị em phụ nữ. Họ đảm nhiệm các công việc y tá, cứu thương, phục vụ bệnh xá, dân vận, xây dựng cơ sở.

Cuối năm 1950, địch mở nhiều cuộc hành quân càn quét vào các vùng căn cứ kháng chiến của tỉnh Viêng Chăn. Tuy vậy, lực lượng quân tình nguyện Việt Nam và Lào vẫn kiên cường bám trụ địa bàn, đánh trả, bảo vệ cơ sở. Phong trào kháng chiến ở Viêng Chăn, quan trọng là vùng Nặm Tòn, Thulakhôm, đường 13, Mường Phương, Ka Xỷ, Na Khua, Na Luông, Bolikhăn, v.v., vẫn không ngừng được củng cố và mở rộng, trở thành các căn cứ kháng chiến

cho cách mạng vùng Tây Lào những năm tiếp theo.

Cuối tháng 2 năm 1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra nghị quyết về việc thành lập Ban Cán sự lâm thời Thượng Lào, do đồng chí Song Hào (Chính uỷ Liên khu 10) làm bí thư. Ban Cán sự lâm thời Thượng Lào đặt dưới quyền chỉ đạo của đồng chí Võ Nguyên Giáp.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã tăng cường lực lượng giúp Lào, đặc biệt là tập trung giúp Thượng Lào.

Tháng 4 năm 1950, với sự thống nhất của Lào, Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam quyết định tổ chức lại các lực lượng hoạt động giúp Lào ở Thượng Lào (các tỉnh Xiêng Khoảng, Hủa Phăn, Luông Phạbang, Phôngxaly). Theo đó, Thượng Lào được tổ chức thành ba phân khu (A, B, C). Mỗi phân khu có Ban Cán sự và Ban Chỉ huy Phân khu, chịu trách nhiệm lãnh đạo chỉ huy cả về quân sự và xây dựng cơ sở. Các đơn vị bộ đội tình nguyện, khi có giặc thì tập trung vào chiến đấu, lúc thường thì phân tán làm nhiệm vụ dân vận, xây dựng cơ sở quần chúng.

Phân khu A phụ trách hai tỉnh Hủa Phăn và Phôngxaly. Lực lượng gồm có hai tiểu đoàn (532 và 35) của Trung đoàn 138; sáu đội vũ trang của Đoàn vũ trang công tác miền Tây (các đội I, O, K, P, J và Q) và Đại đội 230 của Liên khu 10. Ban Chỉ huy Phân khu A, do đồng chí Bế Sơn Cương làm phân khu trưởng, đồng chí Phạm Nghiêm làm chính uỷ kiêm bí thư Ban Cán sự. Về phía Lào có đội vũ trang tuyên truyền số 80 và hai đội công tác Nặm Săm, Nặm Mã.

Sau khi được hình thành, Ban Chỉ huy Phân khu A đã tiến hành sắp xếp lại lực lượng. Tiểu đoàn 532 trở thành đơn vị chủ lực của Phân khu, mang phiên hiệu mới là Tiểu đoàn 70. Đại đội 162 của

Tiểu đoàn 35 được tăng cường cho Tiểu đoàn 70 làm đại đội trợ chiến. Giải thể Tiểu đoàn 35 và đội P, xây dựng thành ba đại đội độc lập (104, 160, 320). Đại đội 104 hoạt động ở huyện Mương Xăm. Đại đội 160 hoạt động ở huyện Mương Xon. Đại đội 320 hoạt động ở huyện Xiêng Kho. Đại đội 610 (đội O cũ) hoạt động ở huyện Hỏa Mương. Đại đội 620 (đội K cũ) hoạt động ở huyện Sầm Tó. Đại đội 615 (đội I cũ) hoạt động ở huyện Mương Xôi.

Khoảng giữa năm 1950, Phân khu A và Tiểu đoàn 70 đóng quân ở miền tây tỉnh Thanh Hoá để củng cố và huấn luyện. Bộ đội Việt Nam được học tập về đường lối, chính sách của cách mạng Lào, xác định nhiệm vụ, phương châm hoạt động của các đại đội độc lập, v.v.. Nửa cuối năm 1950, các đơn vị của Phân khu A phối hợp với đội vũ trang tuyên truyền số 80 và các đội công tác Năm Săm, Năm Mã của Lào, đi xuống các địa bàn, tuyên truyền vận động nhân dân, xây dựng và phát triển cơ sở quần chúng. Đến cuối năm 1950, hai phần ba các huyện ở tỉnh Hỏa Phấn đã có cơ sở quần chúng hoạt động và phát triển sang huyện Pạc Xeng (tỉnh Luồng Phạbang). Phần lớn các tàxêng đã tổ chức được mặt trận ítxala, hội mẹ chiến sĩ, hội thanh niên và phụ nữ; 26 trong số 42 tàxêng đã có chính quyền cách mạng. Các huyện Xiêng Kho, Sầm Tó, Pạc Xeng tổ chức được mặt trận ítxala và ủy ban kháng chiến. Cùng với xây dựng cơ sở, sáu tháng cuối năm 1950, các đơn vị của Phân khu A đã tổ chức 37 trận phục kích, loại khỏi vòng chiến đấu 131 tên, hạn chế được hoạt động phá hoại của địch.

Phân khu B phụ trách địa bàn tỉnh Xiêng Khoảng, gồm có đội ĐS (thuộc Đoàn vũ trang công tác miền Tây cũ hợp nhất với đội vũ trang Sầm Tó); Đại đội 210 hoạt động ở vùng Xăm Chè, Mương Mộ cũ; Tiểu đoàn 204 mới được tăng cường; đội vũ trang Lào Bắc hoạt động ở nam Sầm Nưa cũ. Ban Chỉ huy Phân khu B do đồng chí Lê Thanh làm phân khu trưởng, đồng chí Nguyễn Tài làm chính uỷ và bí thư Ban Cán sự, đồng chí Đặng Bá Phi làm phân khu phó.

Việc thành lập Phân khu B diễn ra chậm hơn so với kế hoạch. Trong các tháng cuối năm 1950, Phân khu B tập trung ổn định tổ chức, huấn luyện, học tập, bồi dưỡng kiến thức, phương thức hoạt động, công tác. Lực lượng của Phân khu B được sắp xếp lại như sau: giải thể Tiểu đoàn 204, thành lập hai đội (217, 219). Đội 217 là chủ lực của Phân khu B và Đội 219 phụ trách các khu vực Mường Ngan, Mường Ngát và Mường Mộc. Đội 213 (gồm Đại đội 210 và một trung đội của đội ĐS cũ) phụ trách khu vực Mường Khun. Đội 216 (đội vũ trang tuyên truyền Lào Bắc cũ) phụ trách khu vực Mường Dương, Bò Nhia.

Phân khu C phụ trách địa bàn tỉnh Luông Phạbang, gồm các đơn vị đại đội độc lập ở Khu 1 từ Mường Xinh chuyển sang hoạt động ở khu vực Nặm Bạc, Nặm Ngòi; Đại đội độc lập 160 từ huyện Mường Xon, tỉnh Hỏa Phấn chuyển sang hoạt động ở huyện Pạc Xeng; Tiểu đoàn 940 của Liên khu 10 mới tăng cường cho Mặt trận Thượng Lào.

Do tổ chức Phân khu C chưa hình thành, nên trong năm 1950, các đơn vị hoạt động độc lập. Đến tháng 10 năm 1950, Tiểu đoàn 940 mới đến Mường Ngòi và tổ chức hội nghị đại diện ba đơn vị. Hội nghị nhất trí phân công Đại đội 160 tiếp tục hoạt động tại huyện Pạc Xeng, phát triển dần lên huyện Xiêng Ngơn, giáp kinh đô Luông Phạbang; lực lượng của Khu 1 (Mường Xinh) phụ trách xây dựng cơ sở ở Nặm Bạc, Mường Ngòi, Mường Beng rồi phát triển lên khu vực Xốp Xàng, Na Luông, tiếp giáp vùng Mường Lói, Xốp Cộp, Mường Va của huyện Sông Mã (tỉnh Sơn La, Việt Nam), xây dựng vùng này thành hậu cứ của tỉnh Luông Phạbang. Tiểu đoàn 940 cơ động đánh địch trên địa bàn và cử một số đơn vị làm công tác cơ sở các khu vực Mường Khỏ, Hạt Ngo, La Khon.

Phát hiện thấy phong trào kháng chiến phát triển và sự hoạt động mạnh của quân tình nguyện Việt Nam ở tỉnh Luông Phạbang,

cuối năm 1950, địch mở cuộc càn lớn vào khu vực Pạc Xeng, Bạ Xẻ, Xốp Xàng và Mường Ngòi. Bị quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng vũ trang Lào chặn đánh và thiệt hại đáng kể, nhưng sau đó chúng tăng cường lực lượng đóng thêm đồn bốt ở Na Tờ (Mường Ngòi), Bạ Xẻ, Nậm Bạc, Mường Hợp, Pạc Xeng, Pạc Beng và Mường Ngà.

Do tình hình phát triển không thuận lợi nên để bảo toàn lực lượng chuẩn bị cho hoạt động lâu dài ở Luông Phạbang, Tiểu đoàn 940 và một số đơn vị được lệnh rút khỏi Luông Phạbang. Chỉ còn Đại đội 160 hoạt động tại huyện Pạc Xeng và Đại đội 926 của Tiểu đoàn 940 được biên chế lại gồm một số cán bộ, chiến sĩ Khu 1 cũ và một số anh em người dân tộc Thái từ Tây Bắc (Việt Nam) sang, ở lại tiếp tục bám trụ địa bàn, giúp Lào xây dựng củng cố cơ sở kháng chiến.

Gần một năm tổ chức lại lực lượng giúp Lào, ở vùng Thượng Lào đã hình thành tổ chức mới, dưới sự lãnh đạo chung của Ban Cán sự lâm thời Thượng Lào. Các phân khu, nhất là Phân khu A (phụ trách tỉnh Hủa Phăn) đã giúp Lào đẩy mạnh hoạt động đánh địch và xây dựng cơ sở, góp phần thúc đẩy phong trào kháng chiến ở Thượng Lào, tạo cơ sở, điều kiện để tiến tới thống nhất tổ chức, chỉ đạo quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào trên toàn mặt trận Thượng Lào.

Không chỉ đưa quân tình nguyện sang giúp đỡ, phối hợp chiến đấu với các lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân Lào trên khắp các chiến trường Hạ Lào, Trung Lào và Thượng Lào, Việt Nam còn là hậu phương vững chắc, đất đứng chân của các lực lượng kháng chiến và cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến của Lào. Biểu hiện rõ nhất là vào đầu năm 1950, nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hoàng thân Xuphanuvông cùng một phái đoàn đã sang vùng căn cứ địa Việt Bắc. Để tạo điều kiện cho đoàn cán bộ

cách mạng Lào trong thời gian ở tại Việt Nam, Trung ương Đảng, Chính phủ Việt Nam đã chỉ đạo chuẩn bị chu đáo cơ sở vật chất cho đoàn. Một quả đồi thấp, tương đối rộng và bằng phẳng của thôn Làng Ngòi, xã Mỹ Lâm (nay là xã Mỹ Bằng), huyện Yên Sơn được chọn làm nơi xây dựng bản doanh cho đoàn cán bộ cách mạng Lào gồm hơn 200 người, bao gồm nhà ở, nơi làm việc của Hoàng thân Xuphanuvông, đồng chí Cayxôn Phômvihân; hội trường 12 gian với đủ bàn, ghế bằng tre nứa; nhà bếp, nhà kho, v.v.. Nhân dân địa phương hết lòng giúp đỡ, che chở, đùm bọc đoàn cán bộ cách mạng Lào. Đại đội bộ đội Lào làm nhiệm vụ bảo vệ vòng trong, bộ đội Việt Nam và dân quân, du kích xã Mỹ Lâm bảo vệ vòng ngoài, nhân dân trong vùng triệt để thực hiện ba không: “không nghe, không biết, không nói”. Nhân dân địa phương không chỉ tự nguyện đem giường, tủ, bàn ghế, đồ dùng sinh hoạt gia đình cho các đồng chí Lào mượn, mà còn cung cấp đầy đủ lương thực, thực phẩm cho đoàn cán bộ Lào.

Thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương, từ ngày 13 đến 15 tháng 8 năm 1950, tại tỉnh Tuyên Quang (Việt Nam) diễn ra Đại hội quốc dân Lào (Mặt trận Lào kháng chiến). Đại hội quy tụ hơn 100 đại biểu đại diện cho lực lượng vũ trang, nhân dân các bộ tộc trên cả nước Lào. Đại hội quyết định thống nhất các tổ chức quần chúng, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất, tức Neo Lào ít xalạ và Chính phủ Kháng chiến Lào. Đại hội bầu ủy ban Trung ương Neo Lào ít xalạ do Hoàng thân Xuphanuvông làm chủ tịch và Chính phủ Kháng chiến Lào do Hoàng thân Xuphanuvông làm thủ tướng. Đồng chí Cayxôn Phômvihân được bầu làm bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Đại hội thông qua những nghị quyết, quyết định quan trọng, trong đó có nghị quyết về tăng cường quan hệ đoàn kết chiến lược với Việt Nam và Campuchia đánh đuổi thực dân Pháp, xây dựng

một nước Lào độc lập, thống nhất, phú cường¹.

Đại hội ra nghị quyết về quan hệ giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Nghị quyết khẳng định: muốn kháng chiến giành độc lập, lực lượng kháng chiến của ba nước không thể chia cắt được. Nước Lào không thể độc lập được một khi Việt Nam chưa được độc lập. Việt hay Miên không thể có sự độc lập thực sự được khi nước Lào còn là bàn đạp của Pháp ở Đông Dương. Nghị quyết chỉ ra nhiệm vụ của nhân dân các bộ tộc Lào là đoàn kết toàn dân thành một mặt trận thống nhất. Đoàn kết với hai dân tộc Việt, Miên trên chiến trường Đông Dương để có đủ lực lượng hoàn thành hai nhiệm vụ trọng tâm là kháng chiến và kiến quốc. Đại hội quốc dân

¹. Mười hai điểm trong nội dung *Đề án về chương trình chính trị, tình hình và nhiệm vụ của chúng ta* thông qua tại Đại hội toàn quốc Mặt trận Lào kháng chiến họp từ ngày 13 đến 15 tháng 8 năm 1950:

- 1) Đánh đổ thực dân Pháp và bọn Lào gian bán nước, chống mưu mô can thiệp của đế quốc trên thế giới.
- 2) Thành lập nước Lào độc lập, thống nhất thật sự, thành lập Chính phủ liên hiệp quốc gia.
- 3) Thực hiện các quyền tự do dân chủ bao gồm tự do tín ngưỡng.
- 4) Tịch thu tài sản của thực dân Pháp và bọn Lào gian, giao cho Chính phủ xử lý, quốc hữu hoá các xí nghiệp của thực dân.
- 5) Xoá bỏ các thứ thuế do thực dân Pháp đặt ra, đặt thuế mới cho công bằng, bãi bỏ chế độ phu phen tạp dịch.
- 6) Phát triển công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp. Giải quyết vấn đề giao thông vận tải, cải thiện dân sinh, thực hiện giảm tô, giảm tức.
- 7) Ban bố luật giao thông và bảo hiểm lao động.
- 8) Thu tiêu nặn mù chữ, phát triển giáo dục và văn hoá dân tộc.
- 9) Phát triển chiến tranh nhân dân và chính thức thành lập Quân đội Quốc gia Lào.
- 10) Thực hiện quyền dân tộc bình đẳng.
- 11) Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất, tức Neo Lào ítxalạ.
- 12) Đoàn kết với dân tộc Việt Nam, Khơme, đánh đổ đế quốc Pháp và bắt cứ đế quốc nào can thiệp vào Lào, mật thiết liên hệ với các nước dân chủ mới, gia nhập Mặt trận hoà bình thế giới.

Nguồn: Phòng Tư liệu Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

Lào đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình phát triển của cách mạng Lào. Đại hội mở ra một giai đoạn mới của quan hệ đoàn kết chiến lược Việt - Lào.

Trong thời gian diễn ra Đại hội quốc dân Lào (Mặt trận Lào kháng chiến), để bảo đảm an toàn bí mật, Hoàng thân Xuphanuvông và đoàn cán bộ Lào được bố trí di chuyển đến một số địa điểm khác trong xã Mỹ Lâm. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên trao đổi với Hoàng thân Xuphanuvông và các đồng chí lãnh đạo Chính phủ, Mặt trận Lào yêu nước các vấn đề về liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào và phương thức tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, về xây dựng đảng Mác - Lênin ở Lào, v.v..

Nhằm chuẩn bị tiến tới *Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Đông Dương*¹, từ ngày 20 đến 22 tháng 11 năm 1950, tại Việt Nam diễn ra *Hội nghị đại biểu ba mặt trận dân tộc thống nhất của Việt Nam, Lào, Campuchia*. Ngay sau Hội nghị, đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hoàng thân Xuphanuvông và đại diện của Campuchia thay mặt ba mặt trận dân tộc thống nhất của ba nước đã ký *Tuyên cáo chung* nhấn mạnh cuộc hội nghị này là bước đầu cho liên minh giữa ba dân tộc Việt Nam - Lào - Miên. Chỉ có liên minh ấy, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói, mới đánh tan được mưu mô xảo trá của bọn thực dân xâm lược Pháp và bọn can thiệp Mỹ, mới đem lại độc lập thực sự cho ba quốc gia, đem lại hạnh phúc cho ba dân tộc.

*

* *

Trong giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 1945 đến tháng 12 năm 1950, Việt Nam và Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đã tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và Lào là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, nhằm bảo vệ những thành quả của

¹. Tổ chức vào tháng 3 năm 1951.

Cách mạng tháng Tám 1945, thực hiện mục tiêu cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc kháng chiến đó của nhân dân hai nước diễn ra trong bối cảnh, tình hình quốc tế, khu vực và Đông Dương có nhiều thuận lợi rất căn bản, song chứa đựng nhiều khó khăn, phức tạp. Từ năm 1945 đến đầu năm 1950, cả hai nước phải chiến đấu trong vòng vây bốn bề của chủ nghĩa đế quốc, thiếu sự giúp đỡ, viện trợ của các nước, lực lượng cách mạng từ bên ngoài. Trong khi đó, tiềm lực về kinh tế và quốc phòng của cách mạng Việt Nam và Lào còn có nhiều hạn chế bởi những hậu quả nặng nề của ách áp bức, bóc lột phong kiến, thực dân, phát xít; Pháp tuy phải chịu nhiều thiệt hại bởi Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), nhưng vẫn là một nước đế quốc mạnh, lại được các nước đế quốc khác đồng lõa, ủng hộ việc Pháp đưa quân vào xâm lược Đông Dương lần thứ hai; đội quân xâm lược của Pháp được tổ chức và trang bị vũ khí hiện đại, có nhiều kinh nghiệm trong chiến tranh xâm lược. Trong bối cảnh, tình hình đó, cách mạng Việt Nam và Lào cần thiết và nhất thiết phải có sự liên minh, đoàn kết hỗ trợ lẫn nhau.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, kế thừa và phát triển truyền thống đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau vốn có, Việt Nam và Lào từng bước xây dựng, củng cố, mở rộng và tăng cường mối quan hệ liên minh đoàn kết chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Trong từng năm tháng cụ thể, theo tình hình chung và riêng của hai nước Việt Nam - Lào, theo diễn biến của cuộc kháng chiến, Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm đưa sự nghiệp đấu tranh cách mạng của hai nước tiến lên. Đảng Cộng sản Đông Dương đã từng bước xác định đường lối, tư tưởng và quan điểm chỉ đạo cách mạng ba nước Đông Dương. Trên quan điểm Đông Dương là một chiến trường, Đảng Cộng sản Đông Dương, Nhà nước, Chính phủ

và quân đội Việt Nam cùng những nhà lãnh đạo cách mạng, lực lượng vũ trang và nhân dân Lào đã thống nhất ý chí đoàn kết, liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung vì mục tiêu chung của hai nước và mục tiêu riêng của từng quốc gia.

Ngay từ tháng 10 năm 1945, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ độc lập Lào đã ký Hiệp ước tương trợ Lào - Việt (ngày 16 tháng 10 năm 1945), Hiệp định về tổ chức liên quân Lào - Việt (ngày 30 tháng 10 năm 1945). Đó là những văn kiện chính thức đầu tiên, là cơ sở pháp lý của mối quan hệ liên minh, hợp tác giữa cách mạng Việt Nam - Lào.

Trong tiến trình của cuộc kháng chiến, Việt Nam trở thành chiến trường chính, nơi Pháp tập trung lực lượng đông nhất, nơi diễn ra những trận chiến lớn với quân xâm lược Pháp, đồng thời Việt Nam trở thành hậu phương lớn, chỗ dựa vững chắc đối với cách mạng Lào. Với sự hỗ trợ, giúp đỡ của Việt Nam trên nhiều phương diện, từ trung ương đến địa phương, mà quan trọng là sự phối hợp chiến đấu của quân và dân các tỉnh giáp nhau suốt dọc biên giới Việt - Lào, của liên quân Lào - Việt, Việt kiều giải phóng quân, của lực lượng quân tình nguyện Việt Nam trên khắp các chiến trường Lào, nên trong những năm 1945 - 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân Lào đã vượt qua được nhiều khó khăn, từng bước trưởng thành và phát triển. Đến năm 1950, Lào đã xây dựng được nhiều vùng giải phóng và khu căn cứ rộng lớn, chiếm khoảng một phần ba diện tích đất nước. Nhiều vùng giải phóng và khu căn cứ của Lào đã nối liền với nhau, mở thông với các vùng căn cứ Tây Bắc, các vùng hậu phương của Liên khu 4 và Liên khu 5 (Việt Nam), tạo thành một thế kháng chiến liên hoàn khá vững chắc giữa Việt Nam và Lào suốt theo chiều dài biên giới từ bắc xuống nam, theo từng vùng, miền của hai nước Việt Nam - Lào. Quân đội Lào ít ỏi được thành lập (ngày 20 tháng 1 năm 1949). Mặt trận dân tộc

thống nhất, tức Neo Lào ítxalạ và Chính phủ Kháng chiến Lào ra đời (tháng 8 năm 1950). Sự phát triển lớn mạnh của cách mạng Lào trong những năm 1945 - 1950 tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của nhân dân Việt Nam.

Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, trong những năm 1945 - 1950, quân và dân Việt Nam đã giành được nhiều thắng lợi hết sức căn bản, đánh bại chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, mà dấu chấm hết của nó là chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947, buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài, đối phó với kháng chiến toàn diện và ngày càng lao sâu vào thế bị động. Đầu năm 1950, Việt Nam đã giành được thắng lợi quan trọng về phương diện chính trị, đó là việc nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và một loạt nước dân chủ nhân dân công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến Thu Đông năm 1950, Việt Nam giành thắng lợi lớn về quân sự trong Chiến dịch Biên giới, mở thông đường liên lạc trực tiếp với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, tạo bước ngoặt căn bản cho cuộc kháng chiến. Chiến thắng Biên giới Thu Đông 1950 là kết tinh thành quả của những nỗ lực phi thường của quân và dân Việt Nam và về gián tiếp, có thể nói cũng là sự kết tinh của tình đoàn kết, phối hợp, liên minh chiến đấu giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào. Chiến thắng Biên giới Thu Đông 1950 đã tạo ra một chuyển biến căn bản, đưa cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam bước sang giai đoạn mới, giai đoạn Việt Nam nắm quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, chuyển sang liên tục tiến công và phản công địch.

Sự phối hợp, giúp đỡ, liên minh đoàn kết chiến đấu có hiệu quả, cùng những thành quả mà cách mạng hai nước đã giành được trong những năm 1945 - 1950 đã tạo tiền đề, điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cách mạng hai nước, của mối quan hệ liên minh đoàn

kết chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong nửa cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1951 - 1954.

Chương IV

TĂNG CƯỜNG LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU, KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 - 1954)

I. MỞ RỘNG QUAN HỆ GIỮA CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ CÁCH MẠNG LÀO TRONG HOÀN CẢNH MỚI (1951 - 1952)

1. Tình hình mới và yêu cầu mở rộng quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào

Sau năm năm tiến hành kháng chiến, nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Đặc biệt từ sau chiến thắng Biên giới Thu Đông 1950 trên chiến trường Việt Nam, tình hình quân sự, chính trị ở Việt Nam và Lào có nhiều chuyển biến sâu sắc.

Ở Việt Nam, lực lượng kháng chiến đã phá được thế bao vây của chủ nghĩa đế quốc và mở thông con đường liên lạc trực tiếp giữa cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương với các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng yêu chuộng hòa bình thế giới. Từ đây, Việt Nam có điều kiện tiếp nhận sự ủng hộ về vật chất và tinh thần của Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em để đẩy mạnh cuộc kháng chiến lên một bước phát triển mới. Ở trong nước, quân và dân Việt Nam đã xây dựng được lực lượng vũ trang ba thứ quân, tổ chức nhiều trung đoàn và đại đoàn chủ lực mạnh có khả năng mở những chiến dịch lớn, tiêu diệt được bộ phận sinh lực

quan trọng của địch, giải phóng được nhiều vùng đất đai rộng lớn, làm lung lay ý chí quân xâm lược. Nhiều vùng hậu phương địch đã trở thành tiền phương của lực lượng kháng chiến.

Sự phát triển về thế và lực cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam từ sau chiến thắng Biên giới đã ảnh hưởng sâu sắc tới chiến trường ba nước Đông Dương, đặc biệt tạo thêm điều kiện để mở rộng quan hệ giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào.

Ở Lào, cuộc kháng chiến đã có bước phát triển quan trọng cả về lực lượng, thế trận và tác chiến. Đó là sự ra đời của Mặt trận Lào ít xalạ (Neo Lào ít xalạ) và Chính phủ Kháng chiến Lào (tháng 8 năm 1950) với khu giải phóng rộng lớn chiếm khoảng 1/3 diện tích nước Lào; có lực lượng vũ trang ngày càng vững mạnh, bao gồm hàng nghìn dân quân bản, tà xeng (tổng), một số đội du kích thoát ly và một số đơn vị bộ đội chủ lực ít xalạ như: đội Lát xavông ở Hủa Phăn, đội Xây Xết thà thilạt ở Trung Lào, đội Xay chắccaphát ở Hạ Lào, đội Phạ Ngừm ở Viêng Chăn, đội Pắchây ở Xiêng Khoảng... Chiến tranh du kích đã phát triển rộng trên các địa phương, gây cho quân địch nhiều tổn thất.

Những thắng lợi về chính trị và quân sự nói trên đánh dấu một bước phát triển rất quan trọng của cách mạng Lào, phản ánh ý chí thống nhất và quyết tâm của nhân dân các bộ tộc Lào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Những thắng lợi đó cùng với sự lớn mạnh của lực lượng kháng chiến Lào có ảnh hưởng lớn đối với phong trào kháng chiến ở Việt Nam và Campuchia, khiến cho quân Pháp phải rút một lực lượng lớn để lo đối phó với chiến trường Lào, do đó chúng không thể tập trung lực lượng tối đa vào chiến trường chính ở Việt Nam.

Trong khi tình hình chuyển biến ngày càng có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương thì thực dân Pháp càng lâm vào tình thế khó khăn, lúng túng, bị mất quyền chủ động

chiến lược trên chiến trường chính ở Bắc Bộ (Việt Nam). Tâm lý hoài nghi, thất bại chủ nghĩa không chỉ diễn ra trong quân đội viễn chinh Pháp mà còn lan rộng đến giới chính trị và kinh doanh thực dân ở Đông Dương. Phong trào phản đối “cuộc chiến tranh bẩn thỉu” ở Đông Dương của nhân dân Pháp và dư luận tiến bộ thế giới ngày càng dâng lên mạnh mẽ.

Đến đây, cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương bước sang một giai đoạn mới với nhiều thuận lợi cơ bản nhưng cũng đứng trước những thách thức mới. Bởi vì, từ sau khi cách mạng Trung Quốc thành công (tháng 10 năm 1949) và chiến tranh Triều Tiên nổ ra (tháng 6 năm 1950), cuộc chiến tranh Đông Dương đã trở thành một vấn đề quốc tế giữa hai phe: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Việt Nam và Đông Dương ngày càng được Mỹ coi là trọng điểm để ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan rộng trong khu vực Đông Nam á.

Vì thế, Mỹ tích cực viện trợ quân sự, kinh tế cho Pháp và ép Pháp phải tiến hành chiến tranh đến cùng, đồng thời từng bước thực hiện ý đồ xây dựng ảnh hưởng trực tiếp đối với nguy quyền, nguy quân tại ba nước Đông Dương.

Chỉ trong một thời gian ngắn, từ tháng 9 năm 1950 đến tháng 4 năm 1951, đế quốc Mỹ đã viện trợ cho thực dân Pháp 160 máy bay các loại, 42 tàu xuồng, 2 đại đội chiến xa và một số lượng lớn vũ khí đủ trang bị cho 12 tiểu đoàn quân nguy, 460 triệu phrăng, trong đó 320 triệu phrăng là do Mỹ trực tiếp viện trợ cho các chính phủ bù nhìn ở Đông Dương.

Từ đây, viện trợ Mỹ chiếm một tỷ lệ ngày càng quan trọng trong ngân sách chiến tranh Đông Dương của Pháp: từ 19% năm 1950, 35% năm 1952, 43% năm 1953 lên đến 73% năm 1954¹. Cùng với thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ trở thành kẻ thù cụ thể

¹. Xem Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Sơ thảo)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, t.1, tr.619.

trước mắt của nhân dân ba nước Đông Dương.

Được Mỹ tiếp sức, thực dân Pháp chủ trương kiên quyết giữ Đông Dương, tiếp tục thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương” một cách triệt để hơn, tăng cường lực lượng phòng giữ và bình định các vùng chiếm đóng, chủ yếu là vùng đồng bằng Bắc Bộ (Việt Nam), đồng thời xúc tiến chuẩn bị các điều kiện để phản công hòng xoay chuyển tình thế và giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 6 tháng 12 năm 1950, Chính phủ Pháp quyết định cử Đại tướng Đờ Lát đờ Tátxinhhi, Tư lệnh Lục quân khối Tây Âu, làm tổng chỉ huy kiêm cao uỷ Pháp ở Đông Dương. Đây là lần đầu tiên sau năm năm chiến tranh, một viên tướng được Chính phủ Pháp giao nắm giữ cả hai chức chỉ huy chính trị và quân sự cao nhất trong chiến tranh Đông Dương.

Với ý đồ giành lại quyền chủ động, Đờ Lát vừa tới Đông Dương đã nhanh chóng vạch ra một kế hoạch chiến lược gồm các điểm: gấp rút tập trung quân Âu - Phi xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh và ra sức phát triển quân ngụy; lập tuyến phòng thủ bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ nhằm đối phó với bộ đội chủ lực và ngăn chặn Việt Minh đưa nhân lực, vật lực ra vùng tự do; tiến hành “chiến tranh tổng lực”, bình định vùng tạm bị chiếm và vùng du kích để vơ vét sức người, sức của của nhân dân Đông Dương và đẩy mạnh việc phá hoại các vùng tự do... hòng gây thanh thế, lấy lại tinh thần binh lính địch, làm cơ sở cho việc xin Mỹ tăng cường viện trợ.

Kế hoạch Đờ Lát là một cố gắng rất lớn của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ nhằm đè bẹp lực lượng kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương, để nhanh chóng đi đến kết thúc chiến tranh.

Dựa vào viện trợ Mỹ, thực dân Pháp càng tăng cường thêm lực lượng quân sự ở Đông Dương. Đến tháng 3 năm 1951, tổng quân số trên toàn Đông Dương là 325.000 tên, trong đó có 160.000 lính

Âu - Phi, 165.000 quân ngự. ở Việt Nam, Pháp bố trí 179 tiểu đoàn, phần lớn tập trung tại chiến trường chính Bắc Bộ, gồm 89 tiểu đoàn bộ binh và quân dù, 11 tiểu đoàn pháo binh, 3 trung đoàn cơ giới và 150 máy bay các loại...¹. ở Lào, Pháp bố trí 12 tiểu đoàn làm nhiệm vụ chiếm đóng, gồm toàn quân ngự Lào².

Đi đôi với việc phát triển lực lượng, thực dân Pháp đẩy mạnh càn quét, bình định trong các vùng chiếm đóng và tìm mọi cách chia rẽ, phá hoại sức mạnh đoàn kết kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.

Bằng những thủ đoạn chiến tranh rất tàn khốc và xảo quyệt về mọi mặt, kẻ địch đã gây thêm nhiều khó khăn cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và Lào, nhất là làm cho hiệu quả của liên minh chiến đấu giữa hai nước bị hạn chế, không phát huy cao được khả năng phối hợp chiến trường. Tình hình đó đặt ra nhiều yêu cầu mới về xây dựng, phát triển lực lượng kháng chiến ở mỗi nước cũng như phối hợp tác chiến giữa chiến trường Lào với chiến trường chính Việt Nam.

2. Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương mở ra chặng đường phát triển mới của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Bước sang năm 1951, cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đang trên đà phát triển mới, cục diện chiến tranh ở Đông Dương biến chuyển có lợi cho cách mạng Việt Nam, Lào và Campuchia. Thế phối hợp chiến đấu giữa các mặt trận trên chiến trường từng nước nói riêng cũng như giữa các chiến trường trên toàn Đông Dương nói chung càng có điều kiện phát triển thuận lợi. Thực tiễn phong phú của cuộc kháng chiến ở từng nước cũng

¹, ². Xem BỘ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Sđd, t.2, tr.66, 92.

như yêu cầu đẩy mạnh sự phối hợp tác chiến giữa các chiến trường Việt Nam, Lào, Campuchia đòi hỏi Đảng phải có đường lối, chính sách và tổ chức Đảng phù hợp với đặc điểm mỗi nước, đồng thời tạo điều kiện mở rộng hơn nữa sự phối hợp hành động trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ.

Do yêu cầu mới của cách mạng đặt ra, Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương được triệu tập. Đại hội khai mạc ngày 11 tháng 2 năm 1951 tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang (Việt Nam). Tham dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 76 vạn đảng viên của các đảng bộ Việt Nam, Lào và Campuchia. Đoàn đại biểu Đảng bộ Lào do đồng chí Cayxôn Phômvihản làm trưởng đoàn.

Tại Đại hội, đồng chí Cayxôn Phômvihản thay mặt những người cộng sản Lào và một đồng chí đại diện những người cộng sản Campuchia tham gia Đoàn Chủ tịch.

Từ ngày 11 đến 19 tháng 2 năm 1951, Đại hội đã nghiên cứu, thảo luận *Báo cáo chính trị*, Báo cáo “*Bàn về cách mạng Việt Nam*” (còn gọi là “*Luận cương cách mạng Việt Nam*”), Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng, các báo cáo bổ sung về Mặt trận dân tộc thống nhất, chính quyền dân chủ nhân dân, quân đội nhân dân, kinh tế - tài chính, về văn nghệ nhân dân và một số tham luận khác. Nội dung các bản báo cáo cũng như các phiên thảo luận tại Đại hội đều xoay quanh hai nhiệm vụ chính là: thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và tổ chức Đảng Lao động Việt Nam.

Về mối quan hệ đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương, Đại hội nhất trí tăng cường hơn nữa sự phối hợp chiến đấu giữa ba dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia để chống kẻ thù chung. Đại hội thống nhất nhận định rằng, từ năm 1930 trở đi, Đảng Cộng sản

Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng ba nước Đông Dương, nhưng đến nay cách mạng và kháng chiến của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia có những bước phát triển riêng biệt, đòi hỏi phải có đường lối, chính sách và tổ chức Đảng phù hợp với đặc điểm mỗi nước và trên cơ sở phối hợp hành động chung giúp đỡ lẫn nhau. Điều đó đòi hỏi Đảng Cộng sản Đông Dương phải được tổ chức lại. Đại hội đã đi đến quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một đảng Mác - Lênin, có cương lĩnh riêng phù hợp với hoàn cảnh cụ thể để lãnh đạo cuộc kháng chiến ở từng nước.

Trong “*Báo cáo chính trị*” đọc tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh yêu cầu: đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và tổ chức Đảng Lao động Việt Nam. Đồng thời, Người kêu gọi phải ra sức giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia, vì cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam có liên quan mật thiết với cuộc chiến tranh giải phóng Lào và Campuchia. Người nêu rõ: “Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cũng kháng chiến. Bọn thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là kẻ thù của ta và của dân tộc Miên, Lào. Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào; và tiến đến thành lập Mặt trận thống nhất các dân tộc Việt - Miên - Lào”¹.

Sau khi thảo luận “*Báo cáo chính trị*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại hội quyết định: ở Việt Nam sẽ xây dựng Đảng Lao động Việt Nam có Chính cương, Điều lệ thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam. ở Lào và Campuchia, thành lập ở mỗi nước một chính đảng riêng lấy tên là Đảng Nhân dân Lào và Đảng Nhân dân Khơme, mỗi Đảng chịu trách nhiệm trước sự nghiệp giải phóng của dân tộc

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.174.

mình. Đảng Lao động Việt Nam có nghĩa vụ giúp đỡ các đồng chí và những tổ chức cách mạng Lào, Miên để họ lãnh đạo cuộc kháng chiến của hai dân tộc ấy giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Theo tinh thần đó, Đảng Lao động Việt Nam phối hợp với những người cộng sản Lào xúc tiến chuẩn bị các điều kiện để tiến tới thành lập một chính đảng cách mạng ở Lào, như Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn: “Các đồng chí Lào cần cố gắng thành lập cho được đảng cách mạng và ra sức củng cố đảng để đảng có đủ sức lãnh đạo cuộc cách mạng trên đất nước Lào. Về phía mình, Việt Nam luôn sẵn sàng ủng hộ và giúp đỡ các đồng chí Lào. Có Đảng cách mạng Lào lãnh đạo nhân dân Lào, có sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân Việt Nam và các nước bè bạn, cách mạng Lào nhất định thắng lợi; cán bộ Lào cần tin vào sức mình”¹.

Quan điểm của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về sự tăng cường phối hợp, giúp đỡ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào, Campuchia được thể hiện cụ thể hơn trong “*Luận cương về cách mạng Việt Nam*” và trong các báo cáo chuyên đề của Đại hội.

Trong “*Luận cương về cách mạng Việt Nam*”, đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Đảng chỉ rõ: cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam có quan hệ mật thiết với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Song hiện nay, do tình hình và điều kiện cách mạng ở Việt Nam khác tình hình và điều kiện cách mạng ở Lào và Campuchia, cho nên vấn đề cách mạng Việt Nam phải đặt khác cách mạng Lào và cách mạng Campuchia. Những người cộng sản Việt Nam phải căn cứ vào điều kiện thực tế và đặc điểm của nước mình để định ra đường lối, chính sách riêng và tổ chức một đảng cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để

¹. *Cayxôn Phômvihân - Người con của nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.13.

lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi.

Bàn về quan hệ đoàn kết, hợp tác giữa cách mạng ba nước Đông Dương, đồng chí Tổng Bí thư khẳng định: Việt Nam có nhiệm vụ giúp đỡ nhân dân Lào và Campuchia về cả vật chất và tinh thần để đẩy mạnh kháng chiến, nhất là giúp đỡ đào tạo cán bộ, kinh nghiệm tổ chức và đấu tranh; củng cố và phát triển Hội ít xala ở Lào và Hội ít xarắc ở Campuchia; xây dựng căn cứ địa, phát triển lực lượng vũ trang, thành lập quân đội nhân dân, xây dựng và phát triển chính quyền dân tộc chống đế quốc, thành lập Mặt trận thống nhất Việt - Lào - Campuchia để chống xâm lược. Đồng chí nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ, nhân dân Việt Nam phải khắc phục và ngăn chặn những tư tưởng sai lầm làm hại đến tình đoàn kết giữa ba dân tộc anh em, như tư tưởng bản vị, chỉ biết lo cho cách mạng nước mình mà không chú trọng giúp đỡ cách mạng Lào, cách mạng Campuchia và những thành kiến dân tộc hẹp hòi...

Phân tích ý nghĩa của chủ trương thành lập khối liên minh kháng chiến của ba dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia, trong Báo cáo “*Củng cố khối đại đoàn kết để chiến thắng*”, đồng chí Hoàng Quốc Việt khẳng định vai trò tích cực của liên minh trong việc thống nhất lực lượng, thống nhất hành động giữa ba dân tộc để đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến toàn thắng và đập tan âm mưu chia rẽ của bọn đế quốc và bè lũ tay sai.

Về phương diện quân sự, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong Báo cáo “*Xây dựng quân đội nhân dân hoàn thành chiến tranh giải phóng*” đã phân tích, nêu lên những đặc điểm của chiến tranh giải phóng Việt Nam cũng như của Lào và Campuchia. Đồng chí nhấn mạnh đặc điểm: Đông Dương là một chiến trường không thể phân chia và vạch rõ âm mưu của thực dân Pháp là ra sức củng cố Lào, Campuchia để làm căn cứ kéo dài chiến tranh và chống lại cách mạng Việt Nam.

Từ thực tế đó, bản báo cáo quân sự của Đại hội nhấn mạnh yêu cầu ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia cần phải phối hợp tác chiến chặt chẽ với nhau và đề ra phương châm chiến lược ở các chiến trường. Việt Nam đảm trách chiến trường chính vì đại bộ phận binh lực của địch đóng ở Việt Nam, còn Lào và Campuchia là nơi địch sơ hở, lực lượng khá mỏng, nên giữ vai trò chiến trường kiềm chế và phối hợp.

Do yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến ở hai nước Lào và Campuchia trong giai đoạn mới, đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ ra những nhiệm vụ như: đẩy mạnh xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang, đào tạo cán bộ, kết hợp tác chiến với địch vận, chấn chỉnh lại tổ chức chỉ đạo quân sự ở Lào cho thích hợp, cán bộ quân sự Việt Nam ở Lào, Campuchia cần được bồi dưỡng thêm về kinh nghiệm hoạt động chính trị, tổ chức và phong tục tập quán của nước bạn.

Những nội dung nêu trên đã vạch ra phương hướng cho cán bộ, chiến sĩ Việt Nam sang công tác ở Lào căn cứ vào tình hình cụ thể mà đề ra biện pháp thực hiện sự phối hợp và giúp cách mạng Lào có hiệu quả hơn.

Như vậy, vấn đề đoàn kết, tăng cường phối hợp chiến đấu giữa ba dân tộc Đông Dương là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt trong các văn kiện của Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương. Nghị quyết của Đại hội khẳng định: “Vì Đông Dương là một chiến trường và cách mạng Việt Nam có nhiệm vụ phối hợp với cách mạng Miên, Lào, nên lúc này phải tích cực giúp đỡ cuộc kháng chiến Miên, Lào, phát triển du kích chiến tranh, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa”¹.

Bản “*Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*” - sự đúc kết trí tuệ của Đại hội, đã khẳng định:

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.424.

“1. Dân tộc Việt Nam đoàn kết chặt chẽ với hai dân tộc Miên, Lào và hết sức giúp đỡ hai dân tộc ấy cùng nhau kháng chiến chống đế quốc xâm lược, giải phóng cho tất cả các dân tộc Đông Dương.

2. Nhân dân Việt Nam đứng trên lập trường lợi ích chung mà hợp tác lâu dài với hai dân tộc Miên, Lào trong kháng chiến và sau kháng chiến”¹.

Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương là một sự kiện chính trị trọng đại, đánh dấu bước ngoặt rất quan trọng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ba nước Đông Dương. Chủ trương thành lập ba đảng Mác - Lênin ở ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia thể hiện sự trưởng thành trong nhận thức chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương về “quyền dân tộc tự quyết” của các dân tộc ở Đông Dương, đồng thời phù hợp với bước phát triển mới của cách mạng, với đặc điểm tình hình xã hội ở từng nước. Đảng Cộng sản ở mỗi nước không những phải chịu trách nhiệm về sự tồn vong của dân tộc mình, mà còn phải gánh vác nghĩa vụ quốc tế cao cả, trước hết là đối với kháng chiến của các nước trên bán đảo Đông Dương.

Đối với cách mạng Lào, việc Đại hội xác định trách nhiệm của Đảng Lao động Việt Nam giúp đỡ những người cộng sản Lào tiến hành xây dựng chính đảng riêng của mình phản ánh sự đoàn kết, hợp tác chân tình, thủy chung, trong sáng, vô tư vì sự nghiệp cách mạng của hai dân tộc anh em. Phát biểu trong cuộc gặp mặt đầu tiên với Đảng Lao động Việt Nam, Hoàng thân Xuphanuvông thay mặt Mặt trận Lào ít xala bày tỏ: “Sau khi được nghe những chính sách của Đảng, chúng tôi nhận thấy chính sách ấy biểu thị ý chí yêu nước cương quyết và tinh thần quốc tế rất rộng rãi thì chúng tôi rất tán thành và hoan nghênh”. “Chúng tôi tin chắc rằng Đảng Lao

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.441-442.

động Việt Nam sẽ là một chính đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến và kiến quốc của Việt Nam. Đồng thời sẽ cùng với Mặt trận Liên Việt giúp đỡ và dìu dắt nhân dân Lào trong việc đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược”¹.

Với chủ trương xây dựng ở mỗi nước một đảng cách mạng thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng nước, với việc khẳng định và tăng cường sự đoàn kết chống kẻ thù chung, Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương đã tiếp thêm sức mạnh cho khối liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương nói chung, cho liên minh chiến đấu Việt - Lào nói riêng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. *Đại hội đã xác định rõ thêm vị trí, vai trò của cách mạng mỗi nước, đặc biệt đề ra phương hướng, biện pháp để tăng cường liên minh chiến đấu Việt - Lào.* Đại hội cũng mở ra một thời kỳ hoạt động mới, một hình thức liên minh chiến đấu mới giữa nhân dân ba nước trên bán đảo Đông Dương. Từ đây, quan hệ Việt Nam - Lào - Campuchia là quan hệ giữa ba nước, ba đảng cách mạng, ba dân tộc trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung vì độc lập, tự do của mỗi quốc gia, vì phồn vinh, hạnh phúc của mỗi dân tộc.

3. Phối hợp đẩy mạnh kháng chiến trong thời kỳ mới

a) Thành lập Mặt trận Liên Việt và Liên minh nhân dân ba nước Đông Dương

Đáp ứng yêu cầu tăng cường đoàn kết dân tộc và làm nòng cốt cho khối liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia trong thời kỳ mới, tháng 3 năm 1951, ở Việt Nam diễn ra Đại hội thống nhất Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt).

Đại hội thông qua Chính cương, Điều lệ, Tuyên ngôn của Mặt

¹. Tư liệu lưu tại Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, ký hiệu 4511/gi938/2.

trận và nhất trí việc xây dựng và bảo vệ khối đoàn kết giữa nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia để chống kẻ thù chung.

Phát biểu tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Với sự đồng tâm nhất trí của ba dân tộc anh em, với sức đại đoàn kết của ba dân tộc anh em, chúng ta nhất định đánh tan lũ thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, chúng ta nhất định làm cho ba nước độc lập và thống nhất thật sự”¹.

Việc tập hợp tất cả các lực lượng yêu nước trong một mặt trận thống nhất - Mặt trận Liên Việt, không chỉ có ý nghĩa đối với việc tăng cường sức mạnh của lực lượng kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam, mà còn góp phần đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến chung của ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

Tham dự Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt, Hoàng thân Xuphanuvông thay mặt Ban Chấp hành Mặt trận dân tộc thống nhất Lào ítxalá phát biểu: “... Việc thống nhất Việt Minh - Liên Việt thành một mặt trận duy nhất của nhân dân Việt Nam có tính chất quan trọng”, góp phần “làm cho cuộc kháng chiến của Việt Nam thành một lực lượng mạnh mẽ hơn trong việc tiêu diệt bọn xâm lược. Hơn nữa, nó còn là trụ cột vững chắc của khối đại đoàn kết ba dân tộc Việt - Miên - Lào”².

Tiếp đó, theo sáng kiến của Đảng Lao động Việt Nam, ngày 11 tháng 3 năm 1951, Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Đông Dương đã được tổ chức tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Các đại biểu đại diện Mặt trận Liên Việt của Việt Nam, của Mặt trận Lào ítxalá, của Mặt trận Khome ítxarắc đã thảo luận và nhất trí thành lập khối liên minh nhân dân Việt Nam - Lào - Campuchia theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau.

¹. Tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu II3/121/7.6.

². Tư liệu lưu tại Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, ký hiệu 4511/gi938/1.

Hội nghị nhất trí đề ra chương trình hành động chung và cử ra ủy ban liên minh nhân dân ba nước Đông Dương gồm các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Minh Giám (Việt Nam), Xuphanuvông, Nủhắc Phumxavăn (Lào), Sơn Ngọc Minh, Tuxamút (Campuchia). ủy ban có nhiệm vụ thực hiện các nghị quyết của Hội nghị và tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa nhân dân ba nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự Hội nghị với tư cách là Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch danh dự Mặt trận Liên Việt. Phát biểu tại Hội nghị, Người nói: “Kháng chiến của Việt Nam - Miên - Lào là chung của chúng ta, là bổn phận của chúng ta. Việt Nam kháng chiến có thành công thì kháng chiến Miên - Lào mới thắng lợi và kháng chiến Miên - Lào có thắng lợi thì kháng chiến Việt Nam mới hoàn toàn thắng lợi” và Người bày tỏ niềm vui mừng: “Từ nay chẳng những là toàn dân Việt Nam đoàn kết, mà toàn dân hai nước anh em là Cao Miên và Ai Lao cùng đi đến đại đoàn kết”¹.

Việc thành lập khối liên minh Việt Nam - Lào - Campuchia dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau là sự kiện có ý nghĩa quan trọng, góp phần tạo ra bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.

Hoàng thân Xuphanuvông, Trưởng Đoàn đại biểu Mặt trận Lào ít xala khẳng định ý nghĩa lịch sử và kết quả to lớn của sự ra đời Liên minh: “Chúng tôi vô cùng sung sướng thấy Hội nghị liên minh của ba dân tộc thu được kết quả mỹ mãn. Đó là bằng chứng chứng tỏ tinh thần đoàn kết thân mật và chặt chẽ của ba dân tộc. Mặt trận

¹. Hồ Chí Minh: *Biên niên những sự kiện và tư liệu về tình hữu nghị và đoàn kết chiến đấu Việt - Lào*, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào mà chúng ta thành lập ngày hôm nay có ý nghĩa rất trọng đại trong lịch sử từ trước tới nay chưa từng có. Chúng tôi nhận thấy đó là những quả tạ ngàn cân để đập tan mọi mưu mô chia rẽ của thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, nó đã biến lực lượng mạnh mẽ của chúng ta thành lực lượng vô biên để tiêu diệt tất cả kẻ xâm lăng nào muốn xâm lược lãnh thổ chúng ta...”¹.

Trưởng Đoàn đại biểu Mặt trận Khome ít-xarắc nêu cao vai trò tích cực của Liên minh đối với cách mạng Cao Miên: “Riêng về dân tộc Miên, Mặt trận Liên minh này cho chúng tôi rất nhiều ảnh hưởng tốt đẹp. Từ nay chúng tôi được gia nhập một Mặt trận rộng lớn hơn, tranh đấu không phải cô độc mà còn có cả Đông Dương và Mặt trận Dân chủ thế giới làm hậu thuẫn”².

Thành công của Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Đông Dương đánh dấu một bước tiến mới của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia trong việc đoàn kết chống kẻ thù chung, làm cho nhân dân ba nước càng thêm phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của mình. Đó cũng là sự khẳng định ý chí thống nhất của nhân dân ba nước trong sự nghiệp đấu tranh tự giải phóng, là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của cách mạng Việt Nam, Lào, Campuchia; đồng thời là đòn giáng mạnh vào âm mưu chia rẽ các dân tộc ở Đông Dương, là sự thất bại nặng nề của chính sách “chia để trị”, “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương” của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Cùng với Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương, Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia đánh dấu sự phối hợp và liên minh giữa nhân dân ba nước Đông Dương ngày càng được mở rộng và là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu chống kẻ thù chung.

¹, ². Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Chuẩn bị thành lập Đảng Nhân dân Lào

Chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương, các đồng chí Lào là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương đã tổ chức thành “Nhóm Nhân dân Lào” để tiếp tục lãnh đạo cách mạng và chuẩn bị cho việc thành lập đảng chính trị của mình.

Theo yêu cầu của Mặt trận ít xala và Chính phủ Kháng chiến Lào, tháng 3 năm 1951, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra mục tiêu và kế hoạch giúp các đồng chí đảng viên, cán bộ và nhân dân Lào xây dựng chính đảng Mác - Lênin để lãnh đạo cách mạng Lào. Hội nghị xác định: cương lĩnh, chính sách của Đảng Nhân dân Lào phải căn cứ vào đường lối cách mạng Lào đã được Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua. Đó là “Đoàn kết toàn bộ tộc, đánh đổ đế quốc xâm lược và bọn tay sai, làm cho nước Lào hoàn toàn độc lập, thống nhất”¹. Về tổ chức, xây dựng Đảng Nhân dân Lào phải theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất nội bộ, có quan hệ mật thiết với quần chúng. Đồng thời phải tùy trình độ đảng viên, tình hình phát triển của cách mạng, yêu cầu của nhiệm vụ chính trị mà đề ra các biện pháp cho thích hợp. Trong lựa chọn phát triển đảng, chủ yếu hướng vào công nhân, nhân dân lao động, đồng thời chú ý những người có tinh thần yêu nước trong tầng lớp trên, những trí thức tiến bộ có uy tín và ảnh hưởng trong quần chúng. Hội nghị cũng nêu rõ, về phương châm phải cẩn thận, chuẩn bị từng bước vững chắc, không hấp tấp, miễn cưỡng, chú trọng chất lượng hơn số lượng.

Đồng thời, Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Đảng Lao động

¹. Ban Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.71.

Việt Nam cũng ra quyết định cho các đảng viên Đảng Lao động Việt Nam hoạt động ở Lào thành lập các tổ chức Đảng Lao động Việt Nam để lãnh đạo các lực lượng Việt Nam giúp cách mạng Lào được thống nhất, đạt kết quả tốt. Các tổ chức này phải theo hệ thống Ban Cán sự Đảng các cấp trong các đơn vị làm nhiệm vụ giúp cách mạng Lào từ trung ương tới địa phương.

Theo tinh thần ấy, tháng 4 năm 1951, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng ở Mặt trận Thượng Lào, gồm các đồng chí Mai Côn làm bí thư Ban Cán sự; Tạ Xuân Thu và Đào Việt Hưng là ủy viên thường vụ; các đồng chí Đinh Văn Khanh, Nguyễn Quang Xá, Nguyễn Tài, Lý Thế Sơn là ủy viên. Đồng thời, Ban Cán sự Đảng các mặt trận Trung Lào, Hạ Lào cũng lần lượt được bổ sung, kiện toàn để có đủ sức giúp cách mạng Lào và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao.

Tiếp đó, tháng 11 năm 1951, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chủ trương: “Tách các đồng chí đảng viên cộng sản Lào ra khỏi tổ chức cơ sở của Đảng Cộng sản Đông Dương cũ, mà trước đây cả đảng viên Lào và đảng viên Việt Nam cùng sinh hoạt chung, để thành lập các “Nhóm trung kiên” gồm các đảng viên cộng sản Lào và những cốt cán ở địa phương làm tổ chức nòng cốt lãnh đạo phong trào và chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập Đảng Nhân dân Lào sau này”¹. Tiêu chuẩn kết nạp vào “Nhóm trung kiên” là những cán bộ cốt cán Lào có tinh thần chiến đấu và công tác, có phẩm chất đạo đức, có quan hệ tốt đối với quần chúng và có khả năng phát triển thành đảng viên.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam cũng xác định, lực lượng đảng viên Việt Nam và tổ chức Đảng Lao động Việt Nam ở Lào có trách nhiệm giúp “Nhóm trung kiên” Lào giữ

¹. Dẫn theo Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử các đoàn 81, 82, 83, 280 quân tình nguyện Việt Nam tại Lào (1945 - 1954)*, Sđd, tr.160.

vững sinh hoạt và lãnh đạo kháng chiến thông qua tổ chức Mặt trận ít xala và Chính phủ Kháng chiến Lào.

Thực hiện chỉ đạo của Hội nghị Bộ Chính trị về công tác giúp Lào xây dựng đảng cách mạng, tháng 11 năm 1951, Chính phủ Việt Nam quyết định tổ chức một phái đoàn liên lạc bên cạnh Chính phủ Kháng chiến Lào gồm ba đồng chí Mai Côn, Tạ Xuân Thu, Đào Việt Hưng để giúp Chính phủ Kháng chiến Lào điều hành mọi công việc. Cùng với việc quản lý, chỉ đạo các lực lượng Việt Nam đang hoạt động giúp Lào ở chiến trường Thượng Lào, “phái đoàn liên lạc” còn có nhiệm vụ theo dõi, nắm tình hình của Trung Lào và Hạ Lào để tham mưu giúp Chính phủ và Trung ương Neo Lào ít xala lãnh đạo kháng chiến.

Về Đảng, “phái đoàn liên lạc” cũng là Ban Cán sự Thượng Lào. Về quân sự, đồng chí Tạ Xuân Thu, Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở Mặt trận Thượng Lào, làm cố vấn cho Bộ Quốc phòng Lào. Đồng thời với việc tổ chức “phái đoàn liên lạc” bên cạnh Chính phủ Kháng chiến Lào, Chính phủ Việt Nam cũng cử các phái viên bên cạnh Ủy ban Kháng chiến Trung Lào và Ủy ban Kháng chiến Hạ Lào.

Các Ban Cán sự Đảng Lao động Việt Nam ở Thượng, Trung và Hạ Lào đều triển khai giáo dục cho cán bộ, đảng viên cả Việt Nam và Lào quán triệt nội dung tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 2 năm 1951) về công tác xây dựng đảng Mác - Lênin của giai cấp công nhân Lào để lãnh đạo cách mạng Lào. Song do khó khăn về giao thông liên lạc, kế hoạch hướng dẫn thực hiện cụ thể của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, của Mặt trận ít xala và Chính phủ Kháng chiến Lào không kịp xuống các địa phương, nên việc triển khai còn chưa thống nhất: Hạ Lào vẫn tiếp tục “phát triển đảng viên nhân dân” và lập “chi bộ Đảng Nhân dân”; ngược lại ở Viêng Chăn, Luông Phạbang, Huội Xài, Sầm Nưa

vẫn cứ giữ “chi bộ cộng sản” như trước. Những nơi số đảng viên Lào có ít, lẻ tẻ vẫn còn sinh hoạt trong các chi bộ Đảng Lao động Việt Nam trong các đơn vị quân tình nguyện.

Tuy còn hạn chế, nhưng công tác phát triển đảng ở Lào đã có nhiều tiến bộ. Đến năm 1952, tổng số đảng viên cộng sản ở các địa phương Thượng, Trung và Hạ Lào đã tăng lên 433 đồng chí. Đó là cơ sở vật chất, là điều kiện thuận lợi về mặt tổ chức cho việc thành lập Đảng Nhân dân Lào sau này.

c) Tăng cường thực lực kháng chiến, chống địch càn quét lấn chiếm, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng ở Lào

Bước sang năm 1951, chiến trường Lào không còn là hậu phương an toàn của thực dân Pháp nữa. Để thực hiện kế hoạch Đờ Lát nhằm biến Lào thành một chiến trường phối hợp quan trọng, phục vụ âm mưu mở rộng cuộc chiến tranh ở Đông Dương, thực dân Pháp tập trung ở Lào hơn 20.000 quân, trong đó có 60% quân nguy Lào, 40% quân Âu - Phi và quân nguy Việt Nam, mở những cuộc càn quét ác liệt vào các vùng căn cứ kháng chiến, trọng điểm là các tỉnh khu vực Thượng Lào. Đồng thời, địch dùng các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, tuyên truyền, lừa bịp hòng chia rẽ, cô lập, làm suy yếu tình đoàn kết chiến đấu của quân và dân hai nước Việt - Lào.

Trước tình hình đó, để giúp quân và dân Lào đánh bại chính sách càn quét, bình định của địch, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam càng tăng cường đoàn kết và phối hợp chặt chẽ với cách mạng Lào. Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi nhiệm vụ giúp cách mạng Lào như tự giúp mình để cùng phối hợp chiến đấu đánh đuổi kẻ thù chung, giành độc lập tự do cho mỗi nước trên bán đảo Đông Dương.

Theo yêu cầu của Chính phủ Kháng chiến Lào, trong năm 1951, Chính phủ Việt Nam đẩy mạnh chi viện quân sự cho chiến trường Lào. Lực lượng cán bộ và bộ đội Việt Nam sang hoạt động ở chiến trường Lào được tăng lên 12.000 người, gồm Thượng Lào hơn 6.000, Trung Lào hơn 3.000 người, Hạ Lào hơn 2.000 người.

Về danh nghĩa, các lực lượng này đều thống nhất lấy tên là *Bộ đội tình nguyện Việt Nam ở Lào* và chấp hành theo quy định: “Bộ đội tình nguyện Việt Nam đặt dưới quyền tối cao của Chính phủ nước bạn. Bộ đội ấy phải theo đường lối chính trị, quân sự của nước bạn. Đến một địa phương nào, cán bộ chỉ huy Việt Nam phải bàn với cơ quan chính quyền địa phương để định nhiệm vụ công tác và tác chiến.

Bộ đội tình nguyện Việt Nam ở dưới quyền trực tiếp của Ban Chỉ huy Việt Nam về mọi mặt công tác, tác chiến, quản trị, huấn luyện, khen thưởng...”¹.

Việc tăng cường lực lượng cán bộ, bộ đội Việt Nam hoạt động trên chiến trường Lào với những quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ là cố gắng rất lớn của Chính phủ Việt Nam, thể hiện tinh thần đoàn kết và giúp đỡ vô tư của nhân dân Việt Nam đối với cách mạng Lào.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về nghĩa vụ quốc tế, nhân dân Việt Nam từ tiền tuyến đến hậu phương đều tích cực chấp hành chủ trương của Đảng, chia sẻ những thuận lợi, cùng khắc phục khó khăn, cử nhiều cán bộ, chiến sĩ sang giúp đỡ và cùng bạn Lào đẩy mạnh chiến tranh du kích, phát triển lực lượng kháng chiến. Quân tình nguyện Việt Nam trên các

¹. *Nghị quyết của Bộ Chính trị về bộ đội Việt Nam hoạt động ở Miên, Lào*, ngày 27 tháng 11 năm 1951, phong Ban Chấp hành Trung ương khoá II, đơn vị bảo quản số 68, Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

chiến trường Lào được chấn chỉnh về tổ chức, tăng cường thêm lực lượng, kịp thời giúp bạn và cùng bạn vượt qua mọi khó khăn, đẩy mạnh kháng chiến trên tất cả các mặt trận Thượng, Trung và Hạ Lào.

ở Mặt trận Thượng Lào:

Chấp hành Nghị quyết Đại hội II (tháng 2 năm 1951) và theo yêu cầu của Chính phủ Kháng chiến Lào về việc giúp Lào xây dựng Khu giải phóng Thượng Lào thành căn cứ địa chính của cả nước, tháng 4 năm 1951, Trung ương Đảng và Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam quyết định thống nhất các lực lượng quân tình nguyện Việt Nam ở Bắc Lào và Tây Lào, thành lập Ban Cán sự Đảng và Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Mặt trận Thượng Lào.

Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở Mặt trận Thượng Lào gồm các đồng chí Tạ Xuân Thu, tư lệnh; Đào Việt Hưng, phó chính uỷ; Nguyễn Thế Tùng, trưởng ban quân chính; Nguyễn Tùng, phụ trách cung cấp (hậu cần).

Căn cứ vào đặc điểm cụ thể của chiến trường Lào, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đề ra nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng Lào ở Mặt trận Thượng Lào là: “Đẩy mạnh chiến tranh du kích để phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam, với phương châm chiến lược “du kích chiến là chính, tiến tới vận động chiến”. Chú trọng giúp bạn xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang địa phương, xây dựng căn cứ địa vững chắc”¹. Để phát triển chiến tranh du kích rộng rãi, phương thức hoạt động chủ yếu là vũ trang tuyên truyền, ban xung phong công tác, đại đội độc lập và thực hiện tiểu đoàn tập trung trong

¹, 2. Dẫn theo Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.231, 230.

những điều kiện thuận lợi; đồng thời lấy khu tam giác Sầm Nưa - Xiêng Khoảng - Luông Phabang làm trung tâm xây dựng căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Lào.

Thực hiện quyết định của Trung ương Đảng và Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Mặt trận Thượng Lào quyết định tổ chức các lực lượng quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào thành bốn đoàn phụ trách bốn địa bàn khác nhau: Đoàn 80 (Phân khu A cũ) phụ trách hai tỉnh Hủa Phăn và Phôngxalý; Đoàn 81 (Phân khu B cũ) phụ trách tỉnh Xiêng Khoảng; Đoàn 82 (Phân khu C cũ) phụ trách hai tỉnh Luông Phabang và Huội Xài; và Đoàn 83 (khu Tây Lào cũ) phụ trách tỉnh Viêng Chăn và hai huyện Pắc Lai, Xaynhabuli (Luông Phabang)².

Dưới sự chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng và Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Mặt trận Thượng Lào, các đoàn 80, 81, 82 và 83 nhanh chóng ổn định tổ chức, khẩn trương tiến hành chấn chỉnh bộ đội, để sớm đưa các lực lượng đi vào hoạt động.

Ngay từ đầu, Ban Cán sự Đảng và Bộ Tư lệnh quân tình nguyện chủ trương mở các lớp chỉnh huấn chính trị cho các đơn vị. Lớp học đầu tiên gồm cán bộ trung đội, tiểu đội của các đoàn 80, 81, 82, 83 cử đến học tập. Phía bạn Lào có ba cán bộ cùng tham dự đợt chỉnh huấn này. Hoàng thân Xuphanuvông đến dự lễ khai giảng, nói chuyện động viên cán bộ Việt Nam và Lào nỗ lực phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập. Tính chung, toàn mặt trận đã mở được 18 lớp học cho bộ đội, theo các nội dung: bản chất quân đội nhân dân; nghĩa vụ quốc tế của quân tình nguyện Việt Nam tại Lào; tình hình nhiệm vụ và các chính sách, công tác của cách mạng Lào. Đồng thời, về quân sự, tổ chức cho bộ đội học tập các kỹ thuật bắn súng, ném lựu đạn, đánh mìn... và chiến thuật phục kích, vận động phục kích trên địa hình rừng núi với quy mô trung đội, đại đội và tiểu đoàn.

Sau một thời gian tập trung xây dựng, huấn luyện, các đơn vị quân tình nguyện đã nhanh chóng trở lại thực hiện các nhiệm vụ, sát cánh cùng quân và dân Lào đẩy mạnh chiến đấu và công tác. Được nhân dân Lào tin cậy và hết lòng giúp đỡ, quân tình nguyện Việt Nam cùng bộ đội Lào ít xala đi sâu vào các thôn bản, tuyên truyền vận động quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang địa phương. Trên cơ sở thế trận chiến tranh nhân dân đã được chuẩn bị, quân tình nguyện và bộ đội Lào tổ chức các trận phục kích, chặn đường tiếp tế, quấy rối các đồn bót, đánh chặn các cuộc càn quét của địch, bảo vệ vững chắc khu căn cứ kháng chiến của Lào.

Nổi bật là ở các khu vực Xiêng Kho - Nặm Mả, Mường Xôi và Sầm Tớ (Sầm Nưa), Xăm Chè - Mường Mộc, Thà Viêng - Mường Om (Xiêng Khoảng)..., bộ đội tình nguyện Việt Nam cùng cán bộ Lào đi vào các bản, tuyên truyền vận động nhân dân giúp đỡ bộ đội, ủng hộ kháng chiến, từng bước xây dựng các tổ trung kiên, dân quân du kích bí mật, vận động nhân dân thực hiện vườn không nhà trống, giúp đỡ và phối hợp với bộ đội chiến đấu khi địch càn quét.

Với sự đoàn kết giúp đỡ, phối hợp của quân tình nguyện Việt Nam, phong trào kháng chiến ở Thượng Lào có bước phát triển mới. Đến giữa năm 1951, Thượng Lào đã xây dựng, củng cố được các khu du kích ở Mường Xôi, Mường Xăm, Xiêng Kho, Mường Xon, Pạc Xeng... Nhiều xã, bản của Thượng Lào có cơ sở kháng chiến và tổ chức được dân quân du kích.

Trước sự lớn mạnh của phong trào kháng chiến Thượng Lào, địch tập trung quân càn quét, đánh phá liên tục vào các vùng vừa mới giải phóng và các khu căn cứ. Bộ đội tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào ít xala kiên trì bám đất, bám dân, tích cực chiến đấu gây cho chúng nhiều thiệt hại. Nhưng do địch có lực lượng đông hơn, ta chưa đủ sức ngăn chặn các hoạt động của chúng nên một số vùng giải phóng và khu căn cứ bị địch lấn chiếm, cơ sở quần chúng bị

địch phá vỡ. Cuộc chiến đấu chống địch càn quét, bình định diễn ra quyết liệt trong thế giằng co ở các khu vực Thượng Lào.

Theo dõi chặt chẽ tình hình và trao đổi thống nhất với Trung ương Mặt trận ít xala và Chính phủ Kháng chiến Lào, ngày 25 tháng 11 năm 1951, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp và ra Nghị quyết *Về tình hình và nhiệm vụ trước mắt ở Thượng Lào*.

Đánh giá về kết quả giúp đỡ cách mạng Lào của quân tình nguyện Việt Nam, Nghị quyết chỉ rõ: cách mạng Lào, kháng chiến Lào căn bản là dựa trên sức của nhân dân Lào, cán bộ và bộ đội Việt Nam sang Lào để giúp gây dựng lực lượng cách mạng, lực lượng kháng chiến của nhân dân Lào. Vì không hiểu đúng điều này nên có đồng chí đã phạm lệch lạc trong thái độ đối với cách mạng Lào, kháng chiến Lào, với cán bộ và nhân dân Lào.

Nghị quyết nhấn mạnh: “*Cái gốc của lực lượng kháng chiến Lào là nhân dân Lào, nhân dân giác ngộ có tổ chức. Nhân dân giác ngộ cao, tổ chức rộng và vững chắc chừng nào thì sức kháng chiến mạnh chừng ấy*”. Vì không hiểu đúng điểm này nên có đồng chí lo hoạt động quân sự hơn gây cơ sở nhân dân trong lúc cơ sở nhân dân chưa có hay non yếu.

Phải nắm nhân dân để tổ chức tranh đấu vũ trang và kháng chiến cốt yếu là vũ trang tranh đấu. Nhưng ở Lào hiện nay, vũ trang tranh đấu là du kích chiến tranh, xây dựng và tác chiến phải nhằm phương châm: gây dựng, củng cố phát triển du kích chiến tranh. Vì không hiểu đúng điều này nên có đồng chí có xu hướng ham tập trung chủ lực, đánh chính quy, đánh to. Như thế không đánh được giặc vừa phiền nhân dân rất nhiều.

Vì những sai lệch căn bản trên nên ta sơ hở nhiều để địch nhân chỗ sơ hở đó mà phá cơ sở ta, đánh đồn ta, thu hẹp vùng ta kiểm

soát, uy hiếp đến căn cứ của ta (ở Thượng Lào)...”¹.

Xuất phát từ tình hình thực tế của cách mạng Lào, muốn tiến hành kháng chiến nhất thiết phải phát động và tổ chức nhân dân đoàn kết đứng lên chống quân xâm lược, Hội nghị đề ra hai nhiệm vụ cấp bách trong công tác giúp cách mạng Lào lúc này là:

“1. củng cố cơ sở chính trị, quân sự, xây dựng cơ sở kinh tế ở vùng ta kiểm soát, đặc biệt củng cố cơ sở ấy ở nơi ta định xây dựng thành căn cứ địa...”

2. Tuyên truyền sâu rộng trong vùng ta kiểm soát, cố gắng tuyên truyền rộng rãi trong vùng du kích, vùng tạm bị chiếm, trong các đô thị; tuyên truyền sự cần thiết đoàn kết toàn dân Lào và đoàn kết Lào - Việt - Miên để kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, để phá chính sách lợi dụng nguy quyền, nguy quân, phá chính sách chia rẽ Lào - Việt”².

Do yêu cầu nâng cao hơn nữa hiệu quả phối hợp giữa cách mạng hai nước Việt Nam và Lào, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra chỉ thị cho các lực lượng quân tình nguyện Việt Nam phải giúp Lào chuyển hướng chủ trương và phương thức hoạt động. Chỉ thị nêu rõ: “Tích cực củng cố cơ sở chính trị, quân sự, ra sức cải thiện dân sinh, mở chiến dịch tuyên truyền rộng rãi đường lối, chính sách cách mạng và kháng chiến cho nhân dân ba vùng căn cứ, du kích và địch hậu, coi trọng công tác bí mật chiều sâu, ra sức đào tạo cán bộ địa phương”².

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, sang năm 1952, các đơn vị quân tình nguyện đứng chân trên

¹, 2. Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình và nhiệm vụ trước mắt ở Thượng Lào, phòng Ban Chấp hành Trung ương khoá II, đơn vị bảo quản số 68, Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

². Dẫn theo Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử các đoàn 81, 82, 83, 280 quân tình nguyện Việt Nam tại Lào (1945 - 1954)*, Sđd, tr.160.

địa bàn Thượng Lào chuyển phương thức hoạt động, thực hiện phương châm đại đội độc lập và đội vũ trang tuyên truyền. Theo phương hướng đó, bộ đội tình nguyện phối hợp với quân và dân Lào kiên quyết chiến đấu đập tan các cuộc càn quét lần chiếm của địch, giữ vững và mở rộng các căn cứ kháng chiến, xây dựng cơ sở và lực lượng vũ trang. Đồng thời, giúp bạn đưa lực lượng tiến sâu vào vùng địch hậu, đẩy mạnh chiến tranh du kích, biến nhiều vùng hậu phương của địch thành tiền phương của lực lượng kháng chiến Lào.

Với sự nỗ lực và phối hợp chặt chẽ của quân tình nguyện Việt Nam, quân và dân Lào đã xây dựng, củng cố được nhiều khu căn cứ du kích ở Mường Beng, Mường Hùn (Luông Phạbang), Nặm Tồn - Nặm Xảng, Mường Phương - Mường Mệt, Bạ Xạng, Na Khua - Na Luông, Nặm Xăn - Nặm Nghiệp (Viêng Chăn)... tạo cơ sở vững chắc cho việc phát triển chiến tranh du kích ở các tỉnh Thượng Lào. Nhiều làng bản trong các vùng căn cứ đã tổ chức được chính quyền, mặt trận, dân quân du kích và các hội quần chúng. Những thắng lợi đó tạo điều kiện cho việc củng cố, phát triển thế và lực của cách mạng, góp phần làm chuyển biến tình hình có lợi cho phong trào kháng chiến ở Thượng Lào.

ở Mặt trận Trung Lào:

Từ đầu năm 1951, địch tăng cường càn quét, đánh phá vùng giải phóng dọc Trung Lào, sát vùng biên giới với Việt Nam, nhằm tiêu diệt lực lượng Mặt trận Lào ít ỏi, xoá vùng căn cứ kháng chiến ở Lào, từ đó xây dựng bàn đạp để tiến công, uy hiếp trực tiếp chiến trường Liên khu 4 của Việt Nam. Sự phối hợp chặt chẽ giữa chiến trường Liên khu 4 và Trung Lào ngày càng có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc đánh bại âm mưu mở rộng chiến tranh của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Xuất phát từ thực tiễn đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam giao nhiệm vụ cho Liên khu uỷ 4 trực tiếp chỉ đạo công tác phối hợp, giúp đỡ cách

mạng Lào thông qua Ban Cán sự Trung Lào.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, ngày 16 tháng 3 năm 1951, Liên khu uỷ 4 đã họp ra nghị quyết về nhiệm vụ và phương thức hoạt động của bộ đội tình nguyện và cán bộ cơ sở của Liên khu ở chiến trường Trung Lào. Nghị quyết chỉ rõ: "... Các lực lượng của ta cùng với bạn kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, đưa chiến tranh du kích tiến sâu vào lòng địch; giúp bạn bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, phát triển mặt trận ít xala; xây dựng và bảo vệ các căn cứ kháng chiến, các khu du kích ở vùng giáp ranh, tổ chức lực lượng dân quân du kích ở cơ sở, tích cực xây dựng các đội vũ trang tuyên truyền ở Trung Lào..."¹.

Quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ quốc tế mà Trung ương Đảng giao cho, Liên khu uỷ 4 tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nhằm đẩy mạnh việc chi viện, phối hợp với quân và dân Lào đánh địch ở Trung Lào. Từ đây, vai trò và sự đóng góp của quân và dân Liên khu 4 đối với cách mạng Lào ngày càng được nâng lên. Cùng với việc cung cấp hai tiểu đoàn và một số đơn vị vũ trang, 1.000 cán bộ sang giúp lực lượng kháng chiến Trung Lào, Liên khu 4 còn đóng vai trò là hậu phương nơi đóng quân và vùng hoạt động của các lực lượng kháng chiến Việt Nam và Lào tại chiến trường Trung Lào. Trong thời gian Chính phủ Kháng chiến Lào về đứng chân trên đất Thanh Hoá (từ cuối năm 1950), rồi Nghệ An (từ đầu năm 1952), Đảng bộ và nhân dân Liên khu 4 nói chung, tỉnh Thanh Hoá và Nghệ An nói riêng, hết lòng giúp đỡ xây dựng lán trại, cung cấp lương thực, thực phẩm nuôi dưỡng, bảo vệ tận tình. Nhân dân các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh tích cực chấp hành chủ trương

¹. Quân khu IV - *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, tr.319.

của Liên khu về việc thực hiện nhiệm vụ quốc tế tại chiến trường Trung Lào, như tham gia dân công, mở đường, vận chuyển lương thực, hàng hoá phục vụ tác chiến cho quân tình nguyện và giúp bộ đội, nhân dân Lào trong các vùng căn cứ và vùng giải phóng. Các tỉnh Liên khu 4 của Việt Nam cũng tổ chức kết nghĩa với các tỉnh biên giới của Lào như Hà Tĩnh kết nghĩa với Bolikhamsay¹.

Tháng 4 năm 1951, với sự giúp đỡ của quân và dân Liên khu 4, Đại hội đại biểu nhân dân Trung Lào được tổ chức tại xã Trúc Lâm, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Đại hội đã tán thành chủ trương thành lập khối liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào và xác định quyết tâm: "... Đoàn kết, chiến đấu và hợp tác toàn diện với quân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược để giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước"². Đại hội quyết định thành lập Mặt trận íttxala Trung Lào, vạch chương trình, kế hoạch phối hợp hành động với quân và dân Liên khu 4 của Việt Nam để đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở Trung Lào.

Nhất trí với tinh thần Nghị quyết của Đại hội đại biểu nhân dân Trung Lào, Liên khu uỷ 4 giao cho Ban Cán sự Trung Lào và Ban Chỉ huy Đoàn 280 quân tình nguyện (Trung đoàn Trung Lào) giúp đỡ Lào thực hiện mọi chủ trương, kế hoạch về xây dựng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu và công tác ở Trung Lào.

Thực hiện chủ trương phối hợp chiến đấu giữa cách mạng hai nước, Ban Cán sự Trung Lào và Ban Chỉ huy Đoàn 280 quân tình nguyện đã chỉ đạo các phân đoàn cơ sở, các đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung tiến sâu vào nội địa Lào, đẩy mạnh hoạt động tác chiến và gây dựng cơ sở, giúp Lào bảo vệ các căn cứ kháng chiến.

¹. Xem *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Liên khu IV (1945 - 1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.356.

². *Quân khu IV - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)*, Sđd, tr.319.

Căn cứ vào đặc điểm chiến trường Trung Lào, các đội công tác cơ sở của quân tình nguyện Việt Nam phân tán tổ chức thành nhiều nhóm, mỗi nhóm từ hai đến ba người, cùng cán bộ Lào đi vào từng làng bản, thực hiện “ba cùng” với dân, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia kháng chiến, động viên các bộ tộc Lào không cho con em đi lính cho địch, chống phu phen tạp dịch, đồng thời vạch rõ âm mưu thực hiện chính sách “chia để trị”, “dùng người Lào đánh người Lào” để phục vụ chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Với sự phối hợp hoạt động chặt chẽ đó, phong trào kháng chiến ở Trung Lào có bước phát triển mới. Đầu năm 1951, Trung Lào đã xây dựng được các khu du kích ở Tà Ôi, Mương Noòng, Bualapha, Ang Khăm, Thà Phaibạn... Gần 60 xã trên tổng số 95 xã của Trung Lào có cơ sở kháng chiến, trong đó 40 xã đã xây dựng được chính quyền cách mạng. Đến giữa năm 1951, địa bàn hoạt động của Liên khu 4 và Trung Lào ở vùng sát biên giới hai nước đã mở rộng gấp 5 lần so với trước, góp phần bảo vệ vững chắc vùng biên cương phía tây Liên khu 4 của Việt Nam.

Đối phó với phong trào kháng chiến ở Trung Lào, thực dân Pháp tăng cường phòng thủ hai tiểu khu Xavănnakhê và Thà Khêc, âm mưu biến nơi đây thành khu vực trọng điểm để ngăn chặn sự phối hợp tiến công của quân và dân hai nước Việt - Lào. Chúng còn ra sức tuyên truyền gây chia rẽ nội bộ các bộ tộc Lào, phá hoại tình đoàn kết chiến đấu Việt - Lào.

Trước âm mưu, thủ đoạn đánh phá mới của địch, bộ đội Việt Nam và bộ đội ít xala đã tích cực đấu tranh và kiên quyết chiến đấu bảo vệ nhân dân, giữ vững căn cứ kháng chiến. Thực hiện tuyên truyền vận động nhân dân Lào đứng lên chống địch và vận dụng nhiều cách đánh linh hoạt, sáng tạo, bằng những vũ khí thông dụng, thô sơ, bộ đội Việt - Lào đã phối hợp với du kích địa phương tổ chức nhiều trận tập kích, phục kích, tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận

sinh lực địch và bề gãy nhiều cuộc càn quét của địch vào các khu căn cứ ở Bualapha, Ang Khăm... Công tác binh vận cũng đã được phát động trong các thôn bản Lào.

Đồng thời, để bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, chỉ huy và công tác cho đội ngũ cán bộ Lào, tháng 1 năm 1952, Ban Cán sự Trung Lào và Đoàn 280 giúp Ủy ban Trung Lào mở bốn khoá huấn luyện cho hơn 300 cán bộ sơ cấp quân sự, chính trị. Đội ngũ cán bộ này là lực lượng nòng cốt, góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào kháng chiến ở Trung Lào phát triển.

Với sự đoàn kết giúp đỡ, phối hợp của quân và dân Liên khu 4, của quân tình nguyện Việt Nam, các căn cứ kháng chiến và căn cứ du kích ở Trung Lào được giữ vững, mở rộng, nối liền với vùng giải phóng Bắc Lào và Hạ Lào, tạo thế vững chắc cho cuộc kháng chiến của nhân dân Lào phát triển. Đến cuối năm 1952, Mặt trận íttxalạ ở Trung Lào đã có 419 tổ chức cơ sở. Lực lượng vũ trang các địa phương phát triển mạnh: vùng Mahaxây có hơn 100 du kích; vùng Bualapha phát triển được 200 du kích và tổ chức một trung đội bộ đội địa phương; vùng Mường Noòng có 600 du kích và một trung đội bộ đội địa phương; vùng Thà Phaibạn có trên 100 du kích và hai trung đội bộ đội địa phương¹. Toàn khu Trung Lào có 120 tiểu đội du kích, 2 đại đội và 4 trung đội bộ đội địa phương, 2 đại đội bộ đội chủ lực khu. Cán bộ chỉ huy các đơn vị đều là những cán bộ trung kiên, được rèn luyện, trưởng thành trong quá trình phát triển của cuộc kháng chiến. Ủy ban Kháng chiến Trung Lào được thành lập do đồng chí Khăm Tày Xiphăndon làm chủ tịch, đồng thời là đại diện Chính phủ Kháng chiến và Trung ương Mặt trận Lào íttxalạ ở Trung Lào. Chính quyền và Mặt trận Lào íttxalạ các

¹. Xem *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Liên khu IV (1945 - 1954)*, Sđd, tr.360.

cấp từ khu, tỉnh xuống các huyện, xã, bản được xây dựng, củng cố, đảm nhiệm việc quản lý chỉ đạo hoạt động về mọi mặt của địa phương.

Nhận định về ý nghĩa thắng lợi và sự trưởng thành của khu kháng chiến Trung Lào, Hội nghị liên tịch của Ủy ban Kháng chiến và Ban Cán sự Trung Lào nêu rõ: “Do nắm vững phương châm hoạt động, với ý nghĩa trách nhiệm đầy đủ của mình, các lực lượng vũ trang Trung Lào và bộ đội tình nguyện Việt Nam đã đạt được một số thắng lợi quan trọng. Ủy ban Kháng chiến và Mặt trận ít xala được kiện toàn, nhiều bản và xã trở thành lập được chính quyền và các tổ chức quần chúng. Cơ sở cách mạng được củng cố ở các vùng dọc Trường Sơn như Khăm Cốt, Bualapha, Tà Ôi, Mường Noong, Keng Kooc, Mahá Xây, Nhôm malat...”¹.

Thắng lợi của phong trào kháng chiến trên chiến trường Trung Lào trong những năm 1951 - 1952 đã góp phần cùng với phong trào kháng chiến Thượng Lào, Hạ Lào làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch có lợi cho lực lượng kháng chiến ở Lào, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam và Lào phối hợp đẩy mạnh kháng chiến, tiến lên giành những thắng lợi to lớn có ý nghĩa quyết định trong những năm cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

ở Mặt trận Hạ Lào:

Từ sau khi liên quân Lào - Việt phát triển lực lượng sâu vào tây nam áttapư và mở rộng hoạt động xuống cao nguyên Bôlavên, đường 13 và tây nam Xalavăn, địch đã phản ứng rất quyết liệt. Chúng tăng cường càn quét bình định hòng tiêu diệt lực lượng kháng chiến, giành lại quyền kiểm soát các vùng đã bị mất, cố giữ

¹. Trích *Biên bản Hội nghị liên tịch Ủy ban Kháng chiến Trung Lào và Ban Cán sự Trung Lào*, năm 1952, hồ sơ số 45-K4, Bộ Quốc phòng Việt Nam.

Hạ Lào thành hậu phương an toàn, bảo vệ đầu cầu tiếp vận cho chiến trường Lào. Hoạt động của địch đã gây nhiều thiệt hại cho lực lượng kháng chiến Lào, một số đơn vị vũ trang tuyên truyền Việt - Lào phải rút về phía đông đường 13, một số tổ công tác dân vận phải tạm rời khỏi các bản. Tình hình đó khiến cho phong trào kháng chiến ở Hạ Lào gặp thêm nhiều khó khăn, phức tạp.

Quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam về nghĩa vụ quốc tế, quân và dân Liên khu 5 (Việt Nam) càng tăng cường đoàn kết và phối hợp chặt chẽ với cách mạng Lào. Đầu năm 1951, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 quyết định tăng cường một tiểu đoàn chủ lực cùng một số cán bộ các ngành tham mưu, hậu cần sang phối hợp chiến đấu trên chiến trường Hạ Lào. Đồng thời, để tạo điều kiện cho liên quân Lào - Việt tác chiến thuận lợi dọc theo biên giới hai nước, Liên khu tiếp tục củng cố tuyến hành lang Hạ Lào, từ ngã ba Tam An lên Cẩm Khê, sang Minh Huy rồi lên Bến Giằng, Arô, qua Đắc Chung sang Hạ Lào và huy động hàng ngàn dân công bảo đảm vận chuyển lương thực, thực phẩm, các loại vũ khí trang bị... chi viện cho chiến trường Hạ Lào. Liên khu 5 cũng cử một đội ngũ chuyên gia các ngành nghề, như nấu muối, dệt, rèn, làm giấy, làm ruộng chiêm, dạy bình dân học vụ... sang giúp cách mạng Lào xây dựng kinh tế kháng chiến, tổ chức đời sống văn hoá mới trong các vùng giải phóng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Liên khu, nhân dân Quảng Nam, nhất là các xã Tam Dân, Tam Thái, Tam Ngọc, Tam An (nay là các xã Tam Dân, Tam Vinh, Tam Đại, Tam Phước, Tam An thuộc huyện Phú Ninh) đã hết lòng giúp đỡ cơ quan hậu cứ Khu kháng chiến Hạ Lào hoàn thành nhiệm vụ: tiếp nhận vũ khí, lương thực, quân trang cho chiến trường Hạ Lào; tiếp nhận và chữa trị cho thương binh từ Mặt trận Hạ Lào và bồi dưỡng, huấn luyện chiến đấu cho các đơn vị bộ đội Việt - Lào. Nhiều gia đình đã nhường cả ngôi nhà mình

đang ở cho cán bộ, chiến sĩ sử dụng, lựa chọn những gian nhà khang trang, sạch sẽ nhất bố trí cho cán bộ, chiến sĩ Lào sinh hoạt và làm việc... Lương thực dành cho các bạn Lào là gạo nếp (nấu thành xôi) do nhân dân trong vùng cung cấp.

Trong những năm tháng khó khăn ấy, tuy bị địch bao vây kinh tế, bộ đội Việt Nam - Lào và nhân dân địa phương nhiều vùng không có muối ăn, phải ăn cỏ tranh thay muối, nhưng với tinh thần “*hạt gạo cắn đôi, cọng rau bẻ nửa*”, nhân dân Quảng Nam đã cung cấp, vận chuyển hàng trăm tấn muối cho nhân dân Hạ Lào. Thậm chí có những gia đình không có cơm ăn đã đào củ mài về nuôi những chiến sĩ mà nước bạn Lào gửi sang...

Đáp ứng yêu cầu phối hợp chiến đấu trong tình hình mới, Liên khu 5 và Khu kháng chiến Hạ Lào đã thống nhất thay đổi về hình thức tổ chức và mối quan hệ giữa các lực lượng vũ trang Việt Nam và Lào. Ban Chỉ huy hỗn hợp Việt - Lào giải thể. Quân tình nguyện Việt Nam tổ chức cơ quan chỉ huy riêng, gọi là Ban Chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam ở Hạ Lào và được giao nhiệm vụ làm chuyên gia giúp Lào về các mặt xây dựng và hoạt động. Bộ đội Lào ít ỏi cũng được chấn chỉnh và tăng cường. Ban Chỉ huy quân sự khu Hạ Lào được thành lập, các lực lượng vũ trang Lào gồm ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) được hình thành.

Thực hiện chủ trương trên, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đóng quân xen kẽ trên các mặt trận và khu căn cứ, vừa làm nhiệm vụ cơ động đánh địch, vừa phối hợp giúp đỡ bộ đội Lào ít ỏi trong xây dựng và chiến đấu. Năm vững phương châm “kết hợp quân sự với chính trị” và vận dụng phương thức “trung đội tập trung cơ động đánh địch, tiểu đội phân tán xây dựng cơ sở” ở từng mặt trận, phần lớn các đơn vị quân tình nguyện đã cùng bộ đội Lào ít ỏi bám sát các địa bàn, thực hiện cùng ăn, cùng ở, cùng sản xuất

với dân, cùng dân quân du kích địa phương tuần tra canh gác, chống biệt kích phá hoại, chống địch càn quét.

Căn cứ vào đặc điểm cụ thể của từng địa bàn, sự phối hợp chiến đấu giữa quân tình nguyện Việt Nam với bộ đội và nhân dân khu Hạ Lào được triển khai rộng rãi với nhiều biểu hiện phong phú.

Tại tỉnh Chămpaxắc, Ban Chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam và Ban Chỉ huy quân sự khu Hạ Lào quyết định thành lập *Liên đại đội Xaychăccaphắt* để phát triển địa bàn hoạt động vào vùng sau lưng địch ở các khu vực phía tây sông Mê Công. Nhưng, do địch tăng cường càn quét, khủng bố gắt gao nên bộ đội Việt - Lào đã thay đổi phương thức hoạt động, giữ thế hợp pháp để bảo toàn cơ sở và lực lượng, chuẩn bị điều kiện cho việc khôi phục và phát triển phong trào. Các đơn vị quân tình nguyện cùng bộ đội Lào kiên trì bám dân, bám bản, bí mật chấp nối liên lạc với cơ sở, xây dựng cán bộ cốt cán trung kiên, tích cực tranh thủ các sư sãi, phân hoá tệ nguy, vận động dân vệ, binh lính địch; từ đó phát động, tổ chức nhân dân đẩy mạnh đấu tranh, từ đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị bằng hình thức hợp pháp đến nửa hợp pháp, tiến lên đánh du kích ngày càng mạnh, giải phóng nhân dân khỏi sự kìm kẹp của địch.

Với phương thức hoạt động đó, đến giữa năm 1952, vùng kiểm soát của địch ở Chămpaxắc bị thu hẹp, các cuộc càn quét giảm dần cả về quy mô, thời gian và mức độ ác liệt. Các vùng cơ sở và vùng du kích được xây dựng, mở rộng từ bờ sông Mê Công đến tận biên giới Thái Lan. Các tổ chức chính quyền cách mạng và Mặt trận ítxala được thành lập ở các bản, tàxeng và có hệ thống đến huyện; lực lượng dân quân du kích được tổ chức đều khắp.

Tại cao nguyên Bôlavên và tỉnh Xalavăn, bộ đội tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào ítxala đẩy mạnh đấu tranh quân sự và

chính trị phá âm mưu địch: tổ chức lực lượng vũ trang phản động địa phương, lôi kéo các tù trưởng, tộc trưởng người Nha Hón chống lại cách mạng, nhằm giành lại quyền kiểm soát cao nguyên chiến lược Bôlavên. Vận dụng phương thức đấu tranh linh hoạt, bộ đội Việt - Lào phân tán lực lượng, bám dân, xây dựng cơ sở từng bản và từng bước xây dựng các vùng du kích, mở rộng hoạt động ngày càng có hiệu quả.

ở phía nam cao nguyên, bộ đội Việt Nam cùng với bộ đội Lào tổ chức vận động quần chúng, củng cố cơ sở vùng Uđômxỉn và phát triển thành vùng du kích mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập chính quyền cách mạng và xây dựng bộ đội địa phương của huyện. Được sự giúp đỡ của bộ đội Việt - Lào, nhân dân địa phương đẩy mạnh chiến tranh du kích, sử dụng hầm chông, cạm bẫy và vũ khí tự tạo đánh địch rộng khắp, hạn chế được các cuộc lùng sục của địch, bảo vệ được cơ sở quần chúng, góp phần xây dựng và giữ vững vùng căn cứ du kích ở nam Pắc Xòong, nối liền với căn cứ tây nam áttapur. Đồng thời, bộ đội Việt - Lào tổ chức tập kích tiêu diệt đồn Chămpi (năm 1952), tạo đà thuận lợi cho phong trào chiến tranh du kích vùng này phát triển.

ở phía bắc cao nguyên, bộ đội Việt Nam và bộ đội Lào phối hợp đẩy mạnh hoạt động ở huyện Lao Ngam, Thà Teng, phát triển vùng này từ cơ sở chính trị lên thành vùng du kích, làm cơ sở cho việc thành lập các tổ chức Mặt trận ítxfal và chính quyền cách mạng ở các bản, tàxêng. Bộ đội Việt - Lào có du kích địa phương phối hợp, ngày đêm quần nhau với giặc, chống các cuộc càn quét của địch có hiệu quả hơn, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, nhất là trên đường Xalavăn đi Khôngxêđôn và vùng Kặng Kĩa ở đông bắc Pắc Xê.

Đến cuối năm 1952, cơ sở kháng chiến ở các khu vực trên vùng cao nguyên Bôlavên được củng cố và mở rộng. Hai căn cứ du kích Uđômxỉn và Lao Ngam trở thành những căn cứ mạnh nhất

ở Hạ Lào.

Tại áttapur, bộ đội Việt Nam và bộ đội Lào đã phân tán thành từng tổ nhỏ, phối hợp với dân quân du kích địa phương bám đánh địch, quấy rối, tiêu hao chúng tại chỗ, đồng thời tổ chức hướng dẫn nhân dân sơ tán vào rừng, làm “vườn không nhà trống”, triệt phá nguồn tiếp tế lương thực của địch.

Cùng với các hoạt động ở phía trước, bộ đội Việt Nam và bộ đội Lào còn phối hợp đẩy mạnh xây dựng, củng cố và mở rộng các căn cứ địa miền Đông và căn cứ địa tây nam áttapur. Các đội công tác cơ sở Việt Nam cùng cán bộ Lào đi vào các vùng dân tộc người Lào Thông, “địa phương hoá” triệt để (ở trần, đóng khố, để tóc dài, phơi nắng cho da đen, mang gùi thay balô, học tiếng dân tộc, cùng đi làm nương phát rẫy với dân) để tuyên truyền vận động nhân dân. Kết quả là các đội công tác Việt - Lào đã vận động các bộ tộc Lào xoá bỏ dần hiềm khích cũ, chấm dứt tệ nạn đâm chém trả thù nhau. Chính quyền cách mạng được thành lập đã vận động nhân dân Lào Lùm nhường đất canh tác và giúp dân Lào Thông sản xuất, xây dựng tình nghĩa đoàn kết, thông cảm giữa Lào Lùm và Lào Thông. Đồng thời, giúp đỡ nhân dân học tập văn hoá, sinh hoạt văn nghệ, giữ vệ sinh phòng bệnh, giảm bớt các tục lệ kiêng cử lạc hậu, có hại cho đời sống và sản xuất...

Đến cuối năm 1952, phong trào đánh giặc giữ làng, sản xuất cải thiện đời sống và góp sức nuôi quân ở các vùng căn cứ miền Đông và tây nam áttapur phát triển mạnh mẽ. Cơ sở đảng, quần chúng và lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích được xây dựng ngày càng vững mạnh.

Với sự đoàn kết giúp đỡ, phối hợp của quân tình nguyện Việt Nam, vùng căn cứ địa tây nam áttapur và các khu căn cứ du kích ở Champaxắc, Bôlavên, Xalavăn được giữ vững và mở rộng. Phong trào chiến tranh du kích phát triển rộng khắp ở các tỉnh Hạ Lào,

nhất là ở cao nguyên Bôlavên. Phong trào đấu tranh của quần chúng, kết hợp các hình thức hợp pháp và không hợp pháp ngày càng mạnh mẽ, đỉnh cao là cuộc biểu tình của nhân dân các huyện ở Pắc Xê (giữa năm 1952), đã giáng một đòn mạnh mẽ vào hệ thống chính quyền bù nhìn và chính sách bình định của địch. Lực lượng cách mạng của nhân dân Hạ Lào về quân sự cũng như chính trị được củng cố và phát triển vững chắc, làm cho cán cân so sánh lực lượng nghiêng hẳn về phía kháng chiến Lào.

Đoàn kết và giúp đỡ cách mạng Lào, cũng như cách mạng Campuchia là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng Lao động Việt Nam thường xuyên kiểm điểm, rút kinh nghiệm về sự phối hợp chiến đấu giữa hai nước nhằm đạt kết quả ngày càng cao hơn.

Tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (từ ngày 22 đến 28 tháng 4 năm 1952), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Vì mọi quan hệ khăng khít về địa lý, quân sự, chính trị, v.v. mà ta với Miên, Lào cũng như *môi với rừng*. Hai dân tộc Miên, Lào hoàn toàn giải phóng, thì cuộc giải phóng của ta mới chắc chắn, hoàn toàn. Cho nên nhiệm vụ của ta lại *phải ra sức giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào* một cách tích cực, thiết thực hơn.

Đó là nhiệm vụ quốc tế của chúng ta”¹.

Tiếp đó, ngày 14 tháng 9 năm 1952, Hội nghị cán bộ Mặt trận liên minh nhân dân Việt Nam - Lào - Campuchia đã họp tại Việt Bắc (Việt Nam). Hội nghị kiểm điểm tình hình thực hiện các nghị quyết của Hội nghị liên minh tháng 3 năm 1951 và đề ra phương hướng tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ mới để củng cố hơn nữa tình đoàn kết kháng chiến của ba dân tộc.

Về dự Hội nghị có đại biểu Neo Lào ít xalạ cùng cán bộ tình nguyện Việt Nam hoạt động ở các khu Thượng, Trung và Hạ Lào;

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.452.

đại biểu các đoàn thể Việt Nam trong Mặt trận như công đoàn, nông dân, thanh niên, phụ nữ, Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội. Đại biểu Miên vì đường xa không kịp đến dự Hội nghị.

Hội nghị vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự và nói chuyện thân mật với các đại biểu. Thay mặt Chính phủ, Mặt trận và nhân dân Việt Nam, Người tuyên bố: “Chính phủ, Mặt trận và nhân dân Việt Nam ra sức, hết lòng thành thật giúp đỡ Mặt trận, nhân dân Lào một cách không điều kiện. Sự thật là chưa tìm ra chữ gì để thay chữ giúp, nên mới dùng chữ giúp, chứ thật ra không phải là giúp, mà là làm một nhiệm vụ quốc tế. Kháng chiến của Việt - Miên - Lào là chung của chúng ta. Việt Nam kháng chiến có thành công, thì Miên - Lào mới thắng lợi, và Miên - Lào kháng chiến có thắng lợi thì Việt Nam mới hoàn toàn thắng lợi. Việt - Miên - Lào như anh em ruột thịt trong một nhà”¹.

Đối với cán bộ, quân tình nguyện Việt Nam sang công tác ở Lào, Người căn dặn: phải chấp hành sự lãnh đạo của Chính phủ Lào; tuyệt đối không được tự cao, tự đại, bao biện; phải đoàn kết với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Lào.

Nhân dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhờ Đoàn đại biểu Lào chuyển món quà nhỏ của Người đến Hoàng thân Xuphanuvông. Món quà gồm có một tấm lụa, một thanh kiếm và một bộ quần áo. Người nói: “Tấm lụa là tượng trưng cho sự mềm mỏng và đại đoàn kết. Đoàn kết chặt chẽ như những sợi tơ trong tấm lụa. Mềm mỏng là để đối với nhân dân. Thanh kiếm là tượng trưng cho sự sắc sảo và cương quyết. Còn bộ quần áo là để tặng cho cán bộ Lào nào thi đua giỏi nhất”².

¹. *Quan hệ Việt - Lào, Lào - Việt*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.54.

². *Quan hệ Việt - Lào, Lào - Việt, Sđd*, tr.54.

Tại Hội nghị, đồng chí Hoàng Quốc Việt đọc báo cáo kiểm điểm việc thi hành Nghị quyết của Hội nghị liên minh Việt Nam - Lào - Campuchia, đề ra chương trình hành động chung của ba mặt trận và chuẩn bị cuộc Đại hội đại biểu của ba mặt trận để động viên nhân dân ba nước thúc đẩy kháng chiến đi đến thắng lợi. Đồng chí nhấn mạnh, trong thời gian qua, chấp hành chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ và chiến sĩ Việt Nam đã cùng với cán bộ, chiến sĩ, nhân dân Lào đồng cam cộng khổ lăn lộn xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang, cùng nhau dẻo dai chống địch ở khắp Thượng, Trung và Hạ Lào. Để tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa ba nước, đại biểu Việt Nam đề nghị ba mặt trận cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về khối liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia trong nhân dân nước mình và ra ngoài thế giới; thường xuyên trao đổi kinh nghiệm về mọi mặt và tăng cường hơn nữa sự liên lạc giữa các cơ quan phụ trách của ba Trung ương Mặt trận, của các địa phương ba nước ở gần nhau.

Đại diện Đoàn đại biểu Lào phát biểu nói lên bước phát triển mới và thắng lợi của cách mạng Lào trong những năm qua, như đã: tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về liên minh Việt Nam - Lào - Campuchia, về sự đoàn kết Lào - Việt; củng cố Neo Lào ítxalạ, đẩy mạnh chiến tranh du kích, tích cực chống địch càn quét lấn chiếm, bảo vệ khu giải phóng.

Đại biểu Lào nêu rõ: “Sự phát triển và thắng lợi của cuộc kháng chiến Lào căn bản là do lòng yêu nước, chí hy sinh và sức đoàn kết chiến đấu của nhân dân Lào, sự lãnh đạo sáng suốt của Chính phủ và Mặt trận Lào ítxalạ. Song sự giúp đỡ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tinh thần hy sinh chiến đấu của bộ đội và cán bộ tình nguyện Việt Nam cũng rất

quan trọng đối với sự phát triển mau lẹ của kháng chiến Lào”¹.

Hội nghị đã thống nhất hành động và nêu cao quyết tâm của ba dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia trong cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện, trên tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản để chống kẻ thù chung.

Hội nghị cán bộ Mặt trận liên minh nhân dân ba nước Đông Dương tháng 9 năm 1952 góp phần thắt chặt và thúc đẩy tình đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia lên bước phát triển mới, trở thành một nhân tố quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ba dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.

Với sự đoàn kết, giúp đỡ, phối hợp của Việt Nam và cùng với sự cố gắng vượt bậc của bản thân, trong hai năm 1951-1952, cuộc kháng chiến của nhân dân Lào đã giành được những kết quả quan trọng về nhiều mặt.

Về chính trị: từ sau Đại hội quốc dân (tháng 8 năm 1950), đường lối, chính sách của Trung ương Neo Lào ít xalá và Chính phủ Kháng chiến Lào đã được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân và tới khắp mọi miền đất nước. Uy tín và hiệu lực của Ủy ban quân, dân, chính ngày càng rộng lớn. Đông đảo các tầng lớp nhân dân các bộ tộc Lào đã tích cực tham gia các tổ chức Neo Lào ít xalá ở các cấp từ địa phương đến trung ương, như Hội Cứu quốc, Hội Phụ nữ, Hội Mẹ chiến sĩ,...

Các đội vũ trang tuyên truyền Việt - Lào khắc phục mọi khó khăn gian khổ, đi vào các bản nằm sâu trong vùng địch hậu để tuyên truyền vận động nhân dân, xây dựng cơ sở. Do tích cực hoạt động, nên sau một thời gian ngắn, lực lượng kháng chiến Lào đã kết nạp được nhiều nông dân yêu nước vào các tổ chức ít xalá bí

¹. Tư liệu Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu II.3/121/7.6.

mật ở các làng bản; tuyển chọn và đào tạo được những cán bộ trung kiên làm nòng cốt lãnh đạo phong trào; đồng thời tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các phò bản, tà xềng, hướng dẫn họ tổ chức nhân dân hằng hái sản xuất, cải thiện đời sống và tích cực tham gia kháng chiến. Nhờ đó, Mặt trận Lào ít xalạ đã phát triển thêm hàng vạn hội viên từ mọi tầng lớp, các bộ tộc, tạo thành sức mạnh đoàn kết toàn dân ủng hộ và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Đầu năm 1951, Trung ương Neo Lào ít xalạ mở trường chính trị đầu tiên với tên gọi là *Trường Đoàn kết* nhằm bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận và khả năng công tác cho đội ngũ cán bộ cốt cán từ trung ương đến địa phương. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ và phát triển đảng viên Lào càng được quan tâm phát triển. Nhiều chi bộ cộng sản và nhóm trung kiên được thành lập, làm nòng cốt, đầu tàu trong công cuộc kháng chiến cứu nước. Tiếp đó, Ban Tuyên huấn Trung ương Lào được thành lập và ra báo *ít xalạ* mỗi tháng một kỳ (tháng 8 năm 1951). Cùng với việc giới thiệu, trình bày chủ trương, đường lối của Neo Lào ít xalạ, tờ báo còn mở đợt vận động tuyên truyền về liên minh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung. Đồng thời, mùa Hè 1951, Trung ương Neo Lào ít xalạ cử một phái đoàn đại diện nhân dân Lào do Hoàng thân Xuphanuvông dẫn đầu đi thăm miền Bắc Việt Nam để trao đổi kinh nghiệm về mọi mặt và thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu giữa hai dân tộc Lào - Việt, Việt - Lào.

Tháng 3 năm 1952, Trung ương Mặt trận Lào ít xalạ và Chính phủ Kháng chiến Lào chủ trương mở chiến dịch tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân cả nước về liên minh đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia; qua đó nhằm đề cao uy tín của Chính phủ và Mặt trận Lào, phát huy ảnh hưởng của khối liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia, động viên nhân dân tích cực tham gia kháng chiến, đập tan các cuộc càn quét, bình định của địch.

Thực hiện chủ trương trên, Trung ương Neo Lào ít xalạ đã tổ chức các đoàn tuyên truyền hoạt động chủ yếu ở các tỉnh Thượng Lào. Đoàn tuyên truyền 1 do đồng chí Nủhắc Phumxavăn, Bộ trưởng Bộ Kinh tế làm trưởng đoàn, có nhiệm vụ hoạt động tuyên truyền ở huyện Mưong Xon, rồi phát triển sang hai huyện Pạc Xeng và Mưong Ngòi (thuộc tỉnh Luông Phạbang). Đoàn tuyên truyền 2 do đồng chí Xixana Xixan, cán bộ Trung ương Neo Lào ít xalạ làm trưởng đoàn, vào công tác ở các huyện Mưong Xôi, Mưong Xăm, Xiêng Khô (thuộc tỉnh Hủa Phăn).

Nhờ có sự cố gắng của các cấp chính quyền và các đơn vị bộ đội Việt - Lào bảo vệ, Đoàn tuyên truyền 1 đã tổ chức được bảy cuộc mít tinh (mỗi cuộc có từ 100 đến 300 người dự); mở các hội nghị uỷ ban kháng chiến huyện, tà xêng để bàn biện pháp đẩy mạnh kháng chiến; tổ chức các cuộc triển lãm tranh ảnh, các buổi nói chuyện thời sự, chính trị ở 16 bản; mở một lớp huấn luyện bảy ngày cho cán bộ Uỷ ban huyện Mưong Xon và gặp gỡ giải thích chính sách khoan hồng cho 270 gia đình có con em đi lính hoặc làm việc cho địch. Đoàn tuyên truyền 2 tuy bị địch vây quét, ngăn chặn nhưng đã đi gặp gỡ, tuyên truyền được ở 50 bản thuộc sáu tà xêng: Xiêng Khô, Mưong ét, Xốp Xàng, Mưong Pua, Mưong Liệt và Mưong Hăng.

Nhân dân các địa phương nơi đoàn tuyên truyền đi qua rất tin tưởng, phấn khởi, càng hăng hái giúp đỡ bộ đội, tham gia kháng chiến. Nhận xét về chiến dịch tuyên truyền vận động cho khối liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia, Hoàng thân Xuphanuvông đã viết: “Chiến dịch tuyên truyền liên minh Việt - Miên - Lào đã hoàn toàn đại thắng lợi, đã làm cho nhân dân càng giác ngộ, phấn khởi đoàn kết và hăng hái chiến đấu hơn, đã làm cho tình đoàn kết Việt - Miên - Lào càng thêm sâu rộng trong toàn

dân”¹.

Về xây dựng chính quyền: đến giữa năm 1951, trong các vùng giải phóng và khu du kích, cơ quan chính quyền các cấp được thành lập từ trung ương đến địa phương. Đội ngũ cán bộ ngày càng phát triển và trưởng thành. Chính quyền các cấp đã lãnh đạo, tuyên truyền, giáo dục nhân dân địa phương mình thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Mặt trận và Chính phủ Kháng chiến Lào; đồng thời động viên, hướng dẫn, giúp đỡ nhân dân các bộ tộc đẩy mạnh sản xuất để cải thiện đời sống cũng như đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến cứu nước. Do trình độ giác ngộ chính trị được nâng lên, nhân dân các bộ tộc Lào đóng góp ngày càng nhiều sức người, sức của, góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển mạnh mẽ.

Về văn hoá, xã hội: chính quyền kháng chiến các cấp đã cố gắng khắc phục khó khăn, thiếu thốn, giải quyết được nhiều vấn đề cấp bách như gìn giữ trật tự an ninh vùng giải phóng, phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh rộng rãi trong các bản làng, từng bước xoá bỏ mê tín, hủ tục lạc hậu. Đồng thời để mở mang dân trí, xoá nạn mù chữ trong nhân dân, Chính phủ Kháng chiến còn quy định cách thức viết chữ Lào trong toàn quốc, mở các lớp bình dân học vụ cho người lớn, mở trường cho trẻ em. “Nhân dân vùng giải phóng rất hăng hái học tập nên công tác chống nạn mù chữ tiến bộ nhanh chóng. Có vùng dân cư miền núi như Lào Thương, Mèo xưa kia không hề biết chữ, đến nay làng nào cũng có người biết đọc, biết viết”². Ngày 31 tháng 7 năm 1951, Thủ tướng Chính phủ

¹. Chủ tịch Neo Lào ítxalạ gửi ông Nủhắc (ngày 16 tháng 12 năm 1952), điện số 154, hồ sơ 1574, phong PTT, Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Cục Văn thư và lưu trữ Nhà nước.

². “Tình hình kháng chiến Lào trong năm vừa qua”, Báo *Nhân dân* từ ngày 11 đến 15 tháng 3 năm 1953.

Kháng chiến Lào ra chỉ thị về việc tổ chức các tổ văn hoá quần chúng ở các căn cứ địa kháng chiến, đồng thời phát động một phong trào sáng tác thơ ca rộng rãi trong quần chúng nhân dân để phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến cứu nước.

Những kết quả to lớn, quan trọng trên đây đã góp phần nâng cao uy tín của Mặt trận ít-xa-là và Chính phủ Kháng chiến Lào, đem đến cho nhân dân vùng giải phóng Lào một niềm tin tưởng và “cuốn hút nhân dân vào phong trào cách mạng và ngày càng ủng hộ Chính phủ và Mặt trận nhiều hơn”¹.

Về ngoại giao: Chính phủ Kháng chiến và Mặt trận Lào ít-xa-là đã đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, cử các đoàn đại biểu đi tham gia các hội nghị quốc tế, như: Hội nghị hoà bình châu á - Thái Bình Dương họp ở Bắc Kinh (Trung Quốc), tháng 1 năm 1952; Hội nghị hoà bình thế giới họp ở Viên (áo), tháng 12 năm 1952; Festival thanh niên - sinh viên thế giới tổ chức ở Bucarét, thủ đô của Rumani. Trong các hội nghị quốc tế này, các đại biểu nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới đều tỏ ra hết sức đồng tình và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Lào, thông qua nghị quyết đòi chấm dứt chiến tranh ở Lào và toàn Đông Dương. Nhân dân thế giới hiểu rõ thêm về cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các bộ tộc Lào, vai trò và uy tín của Mặt trận ít-xa-là và Chính phủ Kháng chiến Lào ngày càng được đề cao trên trường quốc tế, đồng thời góp phần đập tan âm mưu bao vây, cô lập cách mạng Lào và Đông Dương của bọn thực dân, đế quốc.

Về mặt quân sự: qua quá trình chiến đấu, rèn luyện, học tập, lực lượng vũ trang Lào đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Các đội dân quân du kích từng bước được tổ chức lại chặt

¹. Tài liệu về Chính phủ Kháng chiến Lào (1945 - 1954), hồ sơ 100, số 1665, phòng PTT, Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, tr.4.

chẽ. Bộ đội giải phóng Lào sau các đợt huấn luyện đã bắt đầu nắm được chiến thuật đánh du kích. Trình độ tác chiến và chỉ huy của đội ngũ cán bộ quân sự Lào được nâng cao thêm, nhất là ở Thượng Lào, Viêng Chăn và Mặt trận Hạ Lào. Nắm vững phương châm du kích chiến, phối hợp tác chiến cùng bộ đội tình nguyện Việt Nam, bộ đội cách mạng Lào đã chủ động mở nhiều trận tập kích, phục kích ở trên khắp các địa bàn Thượng, Trung và Hạ Lào, tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch.

Cùng với các trận tập kích, phục kích của quân tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào, du kích ở các bản, mừng cũng tăng cường hoạt động, như du kích Ban Huôt (Đông Lavên), Mừng Noòng (Xavănnakhê), Keo Xet (Xiêng Khoảng), Phu Khun, Mừng Mệt (Viêng Chăn)... đã dùng vũ khí thô sơ chống trả quyết liệt quân địch càn quét, bảo vệ được tài sản, bản mừng của mình.

Đồng thời, nhiều cơ sở chính trị được phát triển trong các thành thị như Viêng Chăn, Xavănnakhê, Pắc Xê... Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân trong vùng địch kiểm soát như chống bắt lính, bắt đi phu, chống quyên góp... đã nổ ra ở nhiều nơi, làm cho địch gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong âm mưu “bình định” và thực hiện chính sách vợ vét, bóc lột tiền của để phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

Những thành tích mà cách mạng Lào giành được trong hai năm 1951 - 1952 đánh dấu một bước tiến bộ mới của quân và dân Lào trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đồng thời, đó cũng là thắng lợi, thành tích của sự phối hợp đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân hai nước Việt - Lào.

Nhận xét về mối quan hệ đoàn kết giữa hai dân tộc cùng chống kẻ thù chung ở giai đoạn này, đồng chí Phumi Vôngvichít đã viết: “Cán bộ và bộ đội quân tình nguyện Việt Nam đến giúp đã làm cho lực lượng cách mạng chúng tôi mạnh thêm. Thái độ và đạo đức tốt đẹp của cán bộ, bộ đội tình nguyện Việt Nam đã làm cho cán bộ, bộ

đội và nhân dân Lào yêu mến họ, làm cho tình đoàn kết Lào - Việt Nam mà hai bên đã cùng nhau xây đắp bằng xương máu ngày càng bền chặt. Đó cũng là nguyên nhân làm cho lực lượng của chúng tôi trong năm 1952 phát triển mạnh mẽ, rộng khắp”¹.

Kết quả hoạt động phối hợp đấu tranh giữa Việt Nam và Lào trong hai năm 1951 - 1952 đã góp phần tạo thêm thế và lực mới cho cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước, đồng thời chuẩn bị các yếu tố cần thiết để đưa liên minh chiến đấu Việt - Lào lên một bước phát triển mới.

II. TĂNG CƯỜNG LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM, ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1953 - 1954)

1. Phối hợp mở chiến dịch Thượng Lào

Trong hai năm 1951 - 1952, việc Đảng Lao động Việt Nam ra hoạt động công khai và thành lập Ủy ban hành động Việt - Miên - Lào đã củng cố khối đoàn kết thống nhất và liên minh chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương, làm phá sản chính sách “chia để trị” thâm hiểm của thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia có thêm nhiều thuận lợi cơ bản mới để phát triển lên một bước vững chắc và toàn diện hơn.

Trên chiến trường chính Việt Nam, quân và dân cả nước đã ra sức phấn đấu tăng cường lực lượng về mọi mặt, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng chiến lược, mở rộng và củng cố vùng tự do, xây dựng thêm nhiều căn cứ du kích vững mạnh trong vùng sau lưng địch, đánh bại âm mưu bình

¹. Phumi Vôngvichít: *Nhớ lại đời tôi trong quá trình lịch sử đất nước Lào* (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.9.

định và phản công của chúng. Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có khả năng mở các chiến dịch ở khắp các địa bàn trong cả nước và trên chiến trường Đông Dương.

Trên chiến trường Lào, chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch đã phát triển lớn mạnh hơn trước, phong trào đấu tranh chính trị bước đầu được gây dựng ở một số đô thị, thị trấn, làm cho lực lượng so sánh giữa ta và địch có những thay đổi có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Lào. Quân tình nguyện Việt Nam chiến đấu tại Lào được bồi dưỡng nâng cao trình độ về chính trị, quân sự, được tôi luyện trong chiến đấu nên các hoạt động tác chiến, tuyên truyền vận động quần chúng ngày càng có hiệu quả, được nhân dân và quân đội Lào yêu mến, tin cậy.

Tuy vậy, bên cạnh những ưu điểm và thành tích đạt được, nhìn cả quá trình phối hợp chiến đấu giữa Việt Nam và Lào và so với yêu cầu, thì việc giúp cách mạng Lào xây dựng vùng giải phóng và các căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là các đơn vị chủ lực của quân đội Lào còn chậm, chưa theo kịp nhiệm vụ. Do đó, phong trào kháng chiến ở Lào vẫn chưa thật đều khắp, khả năng phối hợp tác chiến với chiến trường chính Việt Nam còn hạn chế.

Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã chỉ ra những khuyết điểm còn tồn tại trong công tác giúp Lào mà bộ đội tình nguyện cần phải tích cực sửa chữa là: "... chưa nắm vững và thấu triệt chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ nên còn phạm nhiều tư tưởng và thái độ sai lầm đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân dân Lào. Chưa tin ở khả năng nhân dân Lào có thể đứng dậy làm cách mạng tự giải phóng, chưa dùng thái độ bình đẳng đối xử, chưa thật tôn trọng nhân dân, chưa thực sự chú ý đùu dắt đào tạo cán bộ nước bạn. Chưa thấu triệt sự liên hệ chặt chẽ giữa kháng chiến và cách mạng của ba nước Việt - Miên - Lào". Do đó mà bộc lộ ra tinh thần

tạm bợ cầu an, dao động, ngại khó khăn gian khổ, “một số đồng chí còn mang nặng đầu óc đại dân tộc...”¹.

Những hạn chế, thiếu sót trên đây đã được Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam kịp thời chỉ đạo các đơn vị quân tình nguyện rút kinh nghiệm, từng bước khắc phục và phát huy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết, giúp đỡ bạn đưa kháng chiến Lào chuyển sang giai đoạn mới.

Đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi và góp phần tăng cường liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã họp từ ngày 25 đến 30 tháng 1 năm 1953. Trong Báo cáo đọc tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Cho đến nay, chúng ta giúp kháng chiến Miên - Lào chưa đúng mức. Từ nay chúng ta phải cố gắng giúp hơn nữa. Ta phải nhận rõ rằng: hai dân tộc anh em Miên, Lào được giải phóng, thì nước ta mới được giải phóng thật sự và hoàn toàn”².

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam cũng nhận định rằng: sau chiến dịch Tây Bắc, cách mạng Việt Nam có điều kiện giúp đỡ và phối hợp với cách mạng Lào hơn do hậu phương kháng chiến của Việt Nam được mở rộng từ căn cứ địa Việt Bắc đến sát biên giới Việt - Lào. Vùng Thượng Lào hiện là chỗ yếu và sơ hở của địch, mặc dầu địch đã chú ý đến địa bàn này hơn trước, đặt Thượng Lào dưới quyền của Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Bộ và có kế hoạch sử dụng lực lượng cơ động của Pháp ở Bắc Bộ Việt Nam ứng cứu bằng đường không khi bị tiến công.

¹. Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân uỷ (từ năm 1945 đến 1954), t.IV, tr.262-263.

². Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.18.

Trong các tỉnh Thượng Lào, địch chọn thị xã Sầm Nưa làm khu vực phòng thủ chủ yếu và tăng cường cho Sầm Nưa hai tiểu đoàn, đưa quân số ở đây lên ba tiểu đoàn, gồm cả quân Pháp và quân nguy Lào. Đồng thời, địch cũng tăng cường cho khu vực Cánh đồng Chum ở Xiêng Khoảng thêm một tiểu đoàn.

Âm mưu của địch là nhằm biến Sầm Nưa thành một tập đoàn cứ điểm mạnh “kiểu Nà Sản” ở Tây Bắc Việt Nam để ngăn chặn các cuộc tiến công của quân chủ lực Việt Nam trên chiến trường Thượng Lào và uy hiếp vùng tự do của cách mạng Việt Nam. Do đó có đập tan được căn cứ Sầm Nưa, giải phóng Thượng Lào mới có điều kiện giúp Lào xây dựng hậu phương kháng chiến, đồng thời buộc địch tiếp tục phân tán lực lượng cơ động, ngăn chặn âm mưu địch định cứu vãn tình hình ở Tây Bắc và bình định vùng đồng bằng Bắc Bộ (Việt Nam).

Như vậy, trung thành với truyền thống đoàn kết anh em do Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và vun đắp, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ Việt Nam luôn luôn coi trọng việc củng cố mối quan hệ đoàn kết, liên minh chiến đấu chống kẻ thù xâm lược giữa quân và dân ba nước Đông Dương.

Thực hiện chủ trương tăng cường liên minh chiến đấu của Đảng Lao động Việt Nam và quán triệt sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 2 năm 1953, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Kháng chiến Lào quyết định phối hợp mở chiến dịch Thượng Lào nhằm: tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một phần đất đai, xây dựng và mở rộng khu căn cứ địa, tạo lập hậu phương kháng chiến, thúc đẩy cuộc kháng chiến của Lào và phá thế bố trí chiến lược của địch ở Bắc Đông Dương.

Mục đích của chiến dịch hoàn toàn phù hợp với yêu cầu phát

triển của cách mạng Lào, như đồng chí Cayxôn Phômvihản lúc đó mong muốn là sau chiến dịch này, Sầm Nưa sẽ là thủ đô kháng chiến và Thượng Lào sẽ là căn cứ địa của kháng chiến và cách mạng Lào¹.

Sau khi thống nhất phương hướng, quyết tâm chiến dịch giữa hai Chính phủ Việt Nam và Lào, từ cuối tháng 2 năm 1953, các lực lượng tham gia chiến dịch bắt đầu triển khai về mọi mặt.

Bộ Chỉ huy chiến dịch Thượng Lào được thành lập gồm: phía Việt Nam có đồng chí Võ Nguyên Giáp, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam làm chỉ huy trưởng; đồng chí Nguyễn Chí Thanh, chủ nhiệm chính trị; đồng chí Hoàng Văn Thái, tham mưu trưởng; đồng chí Trần Đăng Ninh, chủ nhiệm cung cấp. Phía Lào có Hoàng thân Xuphanuvông, Thủ tướng Chính phủ Kháng chiến Lào; đồng chí Cayxôn Phômvihản, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lào; đồng chí Xingcapô, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng và đồng chí Thạo Ma Khả Khămphithun, Bí thư Tỉnh uỷ Sầm Nưa.

Bước vào công tác chuẩn bị cho chiến dịch, từ đầu tháng 3 năm 1953, quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào cùng bộ đội Pathét Lào đã luôn sâu nghiên cứu tình hình địch, địa hình ở khu vực Sầm Nưa, Xiêng Khoảng. Tại Sầm Nưa, hơn 60 cán bộ, chiến sĩ Việt - Lào, chủ yếu là Đại đội 234 quân tình nguyện, phối hợp với quân báo chiến dịch thâm nhập sâu vào thị xã, điều tra nghiên cứu từng cứ điểm địch để làm cơ sở cho Bộ Chỉ huy chiến dịch xây dựng phương án tác chiến. ở hướng đường 7, Xiêng Khoảng, đội vũ trang Patchesây do đồng chí Thạo Tu chỉ huy dẫn trình sát Đại đoàn 304 vào nghiên cứu nắm tình hình địch, địa hình ở cứ điểm Noong Hét và thị xã Xiêng Khoảng.

¹. Dẫn theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Đường tới Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, tr.412.

Địa bàn tác chiến Thượng Lào ở rất xa các căn cứ hậu phương của Việt Nam, Tổng Quân uỷ, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam nhận định đây là một chiến dịch mà “vấn đề cung cấp là khó khăn nhất”. Do đó, ngay khi có lệnh mở chiến dịch, Hội đồng cung cấp mặt trận được tổ chức thành hệ thống từ trung ương đến các liên khu, tỉnh.

Hội đồng cung cấp mặt trận trung ương do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm chủ tịch, đồng chí Tổng Thanh tra Chính phủ Nguyễn Văn Trân làm phó chủ tịch. Hội đồng cung cấp mặt trận liên khu và tỉnh có nhiệm vụ huy động nhân lực, vật lực của địa phương, kết hợp với hậu cần quân đội, hậu cần chiến dịch phục vụ chiến đấu.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam cử đồng chí Trần Đăng Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Tổng Quân uỷ, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp Quân đội nhân dân Việt Nam dẫn đầu một phái đoàn sang làm việc với Chính phủ Kháng chiến Lào về vấn đề cung cấp cho chiến dịch. Các đồng chí Cayxôn Phômvihản, Nủhắc Phumxavăn, Xingcapô... đã trao đổi với đoàn về tình hình và khả năng đảm bảo hậu cần tại chỗ của nhân dân Lào.

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng về nghĩa vụ quốc tế, các cấp bộ đảng, chính quyền và nhân dân ở các địa phương của Việt Nam đều quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao, dồn sức chi viện cho chiến dịch Thượng Lào.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “giúp bạn là mình tự giúp mình”, nhân dân các tỉnh Tây Bắc (Việt Nam) đã huy động gần 35.000 dân công với 1.732.000 ngày công, 850 thuyền, 2.000 xe đạp thồ, 180 con ngựa thồ, cung cấp 4.975 tấn gạo, 3.640 con trâu bò, 154 tấn muối, 108 tấn rau khô, 12 tấn đường... phục vụ kịp

thời cho chiến dịch¹.

Các tỉnh Liên khu 4 Việt Nam, nhất là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh vốn là hậu phương trực tiếp của cách mạng Lào nên được Trung ương Đảng và Chính phủ Việt Nam tin cậy giao cho việc huy động sức người, sức của chi viện cho cách mạng Lào. Trong chiến dịch Thượng Lào năm 1953, hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hoá được giao nhiệm vụ phục vụ chiến dịch.

Theo kế hoạch phân công, nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã cung cấp, vận chuyển đảm bảo trên 60% yêu cầu hậu cần của chiến dịch Thượng Lào. Khi địch rút chạy, bộ đội truy kích địch đến đâu, dân công Thanh Hoá vận chuyển lương thực, thực phẩm và vũ khí, đạn dược đến đó kịp thời. Trong chiến dịch này, Thanh Hoá đã huy động 113.973 dân công dài hạn và 148.499 dân công ngắn hạn, 8 ô tô, 1.300 thuyền, 2.000 xe đạp thồ, 8.000 tấn gạo và hàng trăm tấn mắm, muối, thịt, đậu².

ở Nghệ An, khi được giao nhiệm vụ phục vụ chiến dịch Thượng Lào, ngày 21 tháng 2 năm 1953, Đảng bộ và chính quyền tỉnh đã mở Hội nghị Quân - Dân - Chính - Đảng quán triệt yêu cầu: “Đảm bảo cung cấp đầy đủ cho liên quân Lào - Việt và các lực lượng tham gia chiến dịch Thượng Lào. Tỉnh phải huy động lực lượng dân công vận chuyển từ đồng bằng lên biên giới Việt - Lào 1.380 tấn gạo, 60 tấn vũ khí, 50 tấn muối và nhiều nhu yếu phẩm khác phục vụ chiến dịch”. Ngay sau Hội nghị, Ủy ban kháng chiến - hành chính tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng cung cấp mặt trận và thành lập các trạm hậu cần ở Cửa Rào, Khe Kiền, Khe Nậm, Khe Tùng, Tha Đo phục vụ việc vận chuyển, tiếp tế cho chiến dịch

¹, ². Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh uỷ Thanh Hoá, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào tại các tỉnh biên giới và một số địa phương*”, Hà Nội, 2009, tr.7, 108.

Thượng Lào¹.

Tuyến đường vận chuyển từ Nghệ An đi Xiêng Khoảng dài hơn 400 km, nhiều đoạn đường chưa có dấu chân người, tỉnh đã huy động 72.940 dân công, sửa chữa 170 km đường, làm 100 cầu tạm, cầu phao trên tuyến đường 7 từ Phủ Diễn đến Đô Lương, lên Mường Xén sang Lào. Khi các tuyến đường ra mặt trận được khai thông, tháng 3 năm 1953, tiểu đoàn bộ đội địa phương 195 cùng các đại đội 121, 123 và 12.000 dân công Nghệ An theo đường 7, đường sông Lam, vận chuyển 700 tấn gạo, hàng nghìn con trâu bò, hàng trăm tấn muối, cá khô, nước mắm kem và các hàng hoá khác phục vụ chiến dịch².

Với tinh thần giúp bạn hết sức khẩn trương, Việt Nam đã cung cấp, tiếp tế cho chiến dịch Thượng Lào 6.300 tấn gạo, 200 tấn muối, 290 tấn thịt, 190 tấn thực phẩm khô và huy động hàng nghìn dân công, hơn 80 ô tô, 880 thuyền, 2.200 xe đạp thồ và 180 con ngựa để vận chuyển vật chất phục vụ chiến dịch³. Chính phủ Kháng chiến Lào cùng Bộ Tư lệnh quân tình nguyện ở Thượng Lào đã chỉ đạo các địa phương trên địa bàn chiến dịch, trọng điểm là huyện Xiêng Kho và khu vực dọc theo đường Xốp Hào - Sầm Nưa đẩy mạnh công tác vận động quần chúng nhằm phát huy cao nhất mọi khả năng phục vụ cho chiến dịch.

Do tính chất và ý nghĩa quan trọng của chiến dịch đối với cuộc kháng chiến của hai dân tộc, Chính phủ và Bộ Tổng Tư lệnh quân đội hai nước Việt - Lào thống nhất quyết tâm huy động một lực

¹, 2. Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh uỷ Thanh Hoá, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào tại các tỉnh biên giới và một số địa phương*”, Tài liệu đã dẫn, tr.130.

³. Dẫn theo Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr.414.

lượng lớn tham gia chiến dịch. Phía Việt Nam gồm có Đại đoàn 308, hai trung đoàn của Đại đoàn 312, Trung đoàn 98 của Đại đoàn 316, Đại đoàn 304 và Trung đoàn 148 của Quân khu Tây Bắc (tổng cộng 10 trung đoàn) cùng các đoàn quân tình nguyện đang hoạt động ở Thượng Lào. Lực lượng Lào gồm năm đại đội bộ đội tập trung và hàng nghìn dân quân du kích của các tỉnh trong địa bàn chiến dịch.

Đây là lần đầu tiên một bộ phận lớn chủ lực Việt Nam sang chiến đấu trên chiến trường Lào, vừa xa hậu cứ, lại chưa quen địa hình nên gặp rất nhiều khó khăn gian khổ. Do đó, cơ quan chính trị các cấp đã khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tham gia chiến dịch mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị, xây dựng cho bộ đội quyết tâm chiến đấu, ý thức chấp hành chính sách đoàn kết Việt - Lào và nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Ngày 3 tháng 4 năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư động viên toàn thể cán bộ, chiến sĩ, dân công tham gia chiến dịch và đặt giải thưởng cho những đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc. Trong thư, Người căn dặn: “Lần này là lần đầu tiên, các chú nhận một nhiệm vụ quan trọng và vẻ vang như nhiệm vụ này, tức là giúp nhân dân nước bạn. Mà giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình”¹.

Người yêu cầu bộ đội:

“Vượt mọi khó khăn, thi đua diệt địch, chiến đấu anh dũng ở bên đó cũng như ở ta;

Nêu cao tinh thần quốc tế, tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán, kính yêu nhân dân của nước bạn;

Tuyệt đối giữ gìn kỷ luật, giữ gìn danh tiếng của Quân đội nhân dân Việt Nam;

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.7, tr.64.

Tất cả phải có quyết tâm rất cao, rất bền, tranh nhiều thắng lợi”¹.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam cũng gửi thư cho Tổng Quân uỷ, các Đại đoàn uỷ và Ban Cán sự Thượng Lào nêu rõ: “Theo chỉ thị của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, bộ đội chủ lực ta lần đầu tiên có nhiệm vụ mang lực lượng lớn sang giúp nước bạn. Đó là một nhiệm vụ quan trọng và vinh quang, một mặt thì giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân nước bạn, củng cố mối đoàn kết giữa hai dân tộc Việt - Lào để chống kẻ thù chung, mặt khác còn có ảnh hưởng trực tiếp đến chiến trường Việt Nam ta, đến việc xây dựng và rèn luyện cho bộ đội ta”. Vì vậy, bên cạnh yêu cầu “nắm vững phương châm đánh thắng và phương châm tiêu diệt sinh lực địch”, thì cần phải “nắm vững chính sách đoàn kết Lào - Việt và chính sách dân tộc, phải giữ vững kỷ luật quân chúng, tôn trọng chủ quyền nước bạn, tôn trọng phong tục tập quán, tính mệnh, tài sản của nhân dân nước bạn như của nhân dân ta.

Trong mọi công tác, phải luôn luôn chú trọng tăng cường đoàn kết Việt - Lào, tăng cường đoàn kết giữa bộ đội ta với bộ đội Lào và nhân dân Lào”².

Chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ phối hợp với bạn chiến đấu trên chiến trường Lào, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, viết thư kêu gọi cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang tham gia chiến dịch Thượng Lào: “... Hãy anh dũng chiến đấu, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch. Hãy tích cực vận động quần chúng, mở rộng cơ sở, tăng cường đoàn kết giữa bộ đội và nhân dân hai nước... Kiên trì với nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng nước

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổd*, t.7, tr.64.

². Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sổd*, t.14, tr.163-164.

bạn đến cùng, giúp đỡ không điều kiện...”¹.

Đồng thời, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ban hành *Mười điều quy định đối với cán bộ chiến sĩ sang làm nhiệm vụ quốc tế tại Lào*:

“1. Kiên quyết dũng cảm tiêu diệt địch, hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến đấu.

2. Đoàn kết chặt chẽ với bộ đội Lào, gương mẫu chủ động giúp bộ đội Lào về mọi mặt.

3. Tôn trọng chủ quyền nước Lào, tôn trọng các cấp chính quyền Lào, tôn trọng mọi chính sách pháp luật của Chính phủ Lào.

4. Đoàn kết chặt chẽ với nhân dân Lào, triệt để giữ vững kỷ luật quân chúng (mượn gì của dân phải được dân đồng ý và phải trả, mất hay hư hỏng phải bồi thường), không được trêu ghẹo phụ nữ.

5. Tôn trọng phong tục tập quán của nhân dân, tôn trọng tín ngưỡng tôn giáo, sư sãi, bảo vệ đền chùa, miếu mạo.

6. Tích cực tuyên truyền chính sách kháng chiến của Chính phủ và Mặt trận ít xala Lào, chính sách đoàn kết hai dân tộc Lào - Việt chống kẻ thù chung và kỷ luật của quân đội ta.

7. Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, hết sức giúp đỡ nhân dân.

8. Đối với tù hàng binh người Lào phải chú trọng tuyên truyền giáo dục và trao trả chính quyền Lào xử lý.

9. Đối với Lào gian và nguy quyền Lào, việc bắt bớ, giam giữ, xét xử đều do Chính phủ Lào phụ trách. Bộ đội không được tự tiện can thiệp và có nhiệm vụ giúp đỡ đề nghị của chính quyền địa phương.

10. Đối với việc mua bán, đổi chác, ngoài các bộ phận đã được uỷ nhiệm phải làm theo đúng quy định, còn tuyệt đối không cá

¹. Vũ Cao: *Đồng chí Tình nguyện quân Việt Nam*, 1955.

nhân nào hay đơn vị nào được tự ý mua bán đổi chác”¹.

Những quy định cụ thể đó được phổ biến đến từng đội viên, làm cơ sở cho việc lãnh đạo, chỉ huy, tổ chức hoạt động trong các đơn vị. Đồng thời, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam phát hành tập sách nhỏ “*Tự học tiếng Lào*”, giúp cán bộ, chiến sĩ Việt Nam có điều kiện tiếp xúc với cán bộ và nhân dân các bộ tộc Lào.

Tại huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đồng chí Nguyễn Chí Thanh thay mặt Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Tổng Quân uỷ cùng đồng chí Phumi Vôngvichít thay mặt Chính phủ Kháng chiến và Mặt trận Lào ítxa-lá đến động viên cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 304 trước khi đơn vị hành quân sang nước bạn tham gia chiến dịch Thượng Lào. Với tình cảm chân thành và niềm tin tưởng chiến thắng, đồng chí Phumi Vôngvichít nói: “Cùng dựa lưng vào dãy Trường Sơn, nhân dân hai nước Lào - Việt từng cùng nhau đoàn kết chống ngoại xâm non một thế kỷ, chịu chung cảnh áp bức bóc lột của thực dân Pháp. Bây giờ tới lúc nhân dân hai nước chúng ta vùng lên đánh đuổi kẻ thù chung. Dẫu nước Lào còn nghèo, dân Lào còn đói, nhưng sẵn sàng bằng mọi cách đem hết sức mình cùng bộ đội Việt Nam đánh tan giặc Pháp, giải phóng dân làng thân yêu, núi rừng tươi đẹp của nước Lào”².

Trong không khí thi đua diệt giặc, Bộ Chỉ huy chiến dịch phát động phong trào thi đua lập công, giành giải thưởng cao quý của Bác Hồ.

Theo kế hoạch tác chiến của hai Bộ Tổng Tư lệnh, của Bộ Chỉ huy chiến dịch, ngày 8 tháng 4 năm 1953, các đơn vị chủ lực Việt Nam tiến quân sang đất Lào theo ba cánh. Cánh chủ yếu gồm các

¹. Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, 1991, tr.669.

². *Sư đoàn 304*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, t.1, tr.157.

Đại đoàn 308, 312, Trung đoàn 98 từ biên giới Việt - Lào theo đường 6 tiến sang Sầm Nưa, phối hợp với lực lượng vũ trang Lào và quân tình nguyện đã ở sẵn trên các địa bàn, đang bám sát địch. Đồng chí Võ Nguyên Giáp và Hoàng thân Xuphanuvông cùng hành quân với các đơn vị ở hướng chủ yếu của chiến dịch.

Cánh thứ yếu là Đại đoàn 304 từ Nghệ An theo đường 7 tiến sang Xiêng Khoảng phối hợp với tiểu đoàn quân giải phóng Pathét Lào do đồng chí Thạo Tu chỉ huy, chặn đường rút chạy của địch từ Sầm Nưa xuống. Cùng đi với hướng này, có đồng chí Phumi Vôngvichít, đại diện Chính phủ Kháng chiến Lào.

Cánh phối hợp là Trung đoàn 148 từ Điện Biên Phủ tiến sang lưu vực sông Nậm U có nhiệm vụ tiêu diệt các vị trí địch ở khu vực này, đồng thời tạo thế uy hiếp địch ở Luông Phạbang.

Nhân dân các bộ tộc Lào ở vùng căn cứ dọc theo các đường bộ đội hành quân tích cực tham gia vận chuyển, tiếp tế, giúp đỡ liên quân Lào - Việt về mọi mặt với hết khả năng của mình.

Phối hợp với chiến trường Thượng Lào và nghi binh đánh lạc hướng phán đoán của địch, trên chiến trường chính Việt Nam các đơn vị thuộc Liên khu Việt Bắc, Liên khu 3, Liên khu 4 đều tổ chức những trận đánh, những đợt hoạt động gây rối, tiêu hao để kìm giữ lực lượng địch, buộc chúng phải phân tán đối phó khắp nơi.

Phát hiện thấy liên quân cách mạng Việt - Lào, đêm 12 tháng 4 năm 1953, địch hốt hoảng bỏ Sầm Nưa rút chạy.

Bộ Chỉ huy chiến dịch lệnh cho các đơn vị truy kích thật nhanh, thật mạnh, nhanh chóng đuổi kịp tiêu diệt địch, không để chúng chạy thoát về Cánh đồng Chum. Quán triệt mệnh lệnh của cấp trên, các đơn vị không kịp nghỉ ngơi đã tổ chức các phân đội gọn nhẹ, tranh thủ thời gian đuổi bám địch. Mặc dù vừa qua hàng chục ngày hành quân liên tục, nhiều ngày đêm phải ăn gạo rang thay cơm,

nhịn đói nhịn khát, các chiến sĩ vẫn bám đơn vị truy kích địch. Cán bộ bám chiến sĩ, đảng viên bám quần chúng, liên tục động viên bộ đội: “Lăn theo vết giày địch mà đuổi”. “Đuổi địch đến cùng, tiêu diệt bằng được binh đoàn rút lui của địch. Địch chạy xa 200 kilômét cũng đuổi, 300 kilômét cũng đuổi. Có lương thực cũng đuổi, hết lương thực cũng đuổi”¹.

Cuộc truy kích đầy gian nan thử thách, hy sinh của bộ đội Việt - Lào đã diễn ra suốt bảy ngày đêm trên chặng đường 270 km, từ Sầm Nưa đến đường 7, Bạ Ban, Lạt Bua... Phần lớn quân địch rút chạy từ Sầm Nưa và quân đồn trú dọc đường từ Mường Pon, Hủa Mường... đã bị tiêu diệt, chỉ có khoảng 200 tên chạy thoát về Cánh đồng Chum.

Trên hướng đường 7, bộ đội Việt - Lào bao vây tiêu diệt địch ở Noong Hét rồi tiến sang Bạ Ban. Do bị uy hiếp mạnh và có nguy cơ bị tiêu diệt, sáng ngày 19 tháng 4, địch rút chạy khỏi thị xã Xiêng Khoảng.

Phát huy thắng lợi, Bộ Chỉ huy chiến dịch lệnh cho Trung đoàn 148 kịp thời tiến công tiêu diệt địch ở lưu vực sông Nậm U, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn và giàu có ở Tây Bắc Lào, đồng thời tiến theo hai đường Mường Xon và Mường Xú về uy hiếp Luông Phạbang, khiến địch phải tức tốc điều quân cơ động, để tăng cường phòng thủ cố đô Lào.

Trong thời gian chiến dịch, nhân dân các bộ tộc Lào ở vùng Mường ó, Pạc Xeng đã ra sức chi viện, ủng hộ liên quân Lào - Việt trong hành quân, tác chiến. Đặc biệt ở Sầm Tớ, nhân dân bị địch bóc lột rất nghèo khổ nhưng vẫn hăng hái giúp đỡ lương thực và dẫn đường cho bộ đội truy kích địch. ở những tình huống khẩn trương, cấp bách, nhân dân Lào cung cấp cho bộ đội gạo, thịt, rau

¹. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Đường tới Điện Biên Phủ*, Sđd, tr.421.

xanh, và nhận “phiếu vận động chiến”, sau đó, đơn vị đến thanh toán bằng tiền Đông Dương, bằng muối hoặc nông cụ. Kết quả là, các làng bản Lào đã cung cấp trên 220 tấn gạo, 10 tấn thực phẩm,... góp phần cùng với hậu phương kháng chiến của Việt Nam đảm bảo cho bộ đội đủ sức truy kích và đánh thắng địch ở Thượng Lào.

Chiến dịch đã đạt được mục tiêu mà hai Chính phủ, hai Mặt trận Việt Nam và Lào đề ra: tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, gồm gần 2.800 binh lính và sĩ quan địch, chiếm 1/5 tổng số địch ở Lào; giải phóng một vùng rộng lớn khoảng 35.000 km² với hơn 40.000 dân, gồm toàn tỉnh Sầm Nưa, phần lớn tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Luông Phạbang, trong đó có lưu vực sông Nậm U là một vùng có tầm chiến lược quan trọng, vùng giàu có nhất ở Tây Bắc Lào.

Với thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào, hậu phương kháng chiến của cách mạng Lào đã nối thông với vùng tự do của Việt Nam, tạo thế phối hợp chiến lược giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào. Từ đây, quân đội hai nước có điều kiện mở rộng hoạt động, tiến sâu vào hậu phương địch và cơ động tiến đánh chúng trên nhiều hướng, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ba nước trên bán đảo Đông Dương tiến lên một bước mới.

Thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào là thắng lợi của tinh thần quốc tế vô sản cao cả, thắng lợi của sự phối hợp chiến đấu giữa nhân dân hai nước Việt - Lào, giữa quân đội nhân dân Việt Nam và quân giải phóng Lào. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, của Mặt trận và Chính phủ Kháng chiến hai nước Việt - Lào, lần đầu tiên sự phối hợp chiến đấu về mặt quân sự giữa quân đội hai nước đã giành được thắng lợi to lớn, làm tiền đề cho sự phối hợp chiến đấu giữa quân đội và nhân dân hai nước ngày

càng chặt chẽ và thắng lợi to lớn hơn. Đây cũng là lần đầu tiên một chiến dịch thu hút đầy đủ Bộ Chỉ huy cấp cao nhất của cả Việt Nam và Lào và hầu như tướng lĩnh tài giỏi nhất của hai nước đều ra trận. Điều đó cho thấy sự tin tưởng và quyết tâm phối hợp chiến đấu rất cao giữa hai dân tộc, hai quân đội trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung và đánh dấu thêm một mốc son mới trong lịch sử liên minh chiến đấu đặc biệt Việt - Lào.

Đánh giá ý nghĩa của chiến thắng đối với mối quan hệ hai nước Việt - Lào, trong Hội nghị tổng kết chiến dịch Thượng Lào (từ ngày 2 đến 3 tháng 5 năm 1953), đồng chí Võ Nguyên Giáp nêu rõ: “Thắng lợi này là thắng lợi đầu tiên của quân đội nhân dân ta, của bộ đội chủ lực ta trong quá trình phối hợp chiến đấu với quân đội và nhân dân nước bạn, thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta, của nhân dân ta đối với cách mạng Pathét Lào. Đó cũng là thắng lợi lớn nhất của nhân dân và quân đội Pathét Lào kể từ ngày bắt đầu kháng chiến đến nay và cũng có thể nói là thắng lợi quân sự lớn nhất từ trước đến nay trong lịch sử vận động cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Pathét Lào”.

Thay mặt bộ đội chủ lực và quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào, đồng chí nhiệt liệt hoan nghênh Thủ tướng và các vị Bộ trưởng trong Chính phủ Kháng chiến Lào đã tham dự Hội nghị và bày tỏ niềm tin tưởng rằng: “Thắng lợi này sẽ làm cho mối đoàn kết giữa hai dân tộc, giữa hai quân đội ngày càng bền chặt, vì đó là thắng lợi chung của chúng ta”¹.

Ngày 15 tháng 5 năm 1953, Chính phủ Kháng chiến Lào ra thông cáo về chiến thắng Thượng Lào, trong đó có đoạn viết: “Sầm Nưa giải phóng có một ý nghĩa rất quan trọng. Sầm Nưa giải phóng

¹. Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, *Sđđ*, tr.681.

là một thắng lợi lớn trong cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ của chúng ta. Thắng lợi đó là kết quả của lòng yêu nước nồng nàn của quân đội và nhân dân Lào, của tình đoàn kết giúp đỡ của bộ đội tình nguyện và nhân dân Việt Nam. Thắng lợi đó làm cho đồng bào toàn quốc càng tích cực tham gia kháng chiến, càng nhiệt liệt hoan nghênh quân đội giải phóng Lào và bộ đội tình nguyện Việt Nam, càng ra sức thắt chặt mối đoàn kết giữa nhân dân Lào - Việt để tiêu diệt kẻ thù chung, giành tự do, độc lập cho hai nước anh em và càng thêm tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng”¹.

Tại lễ mừng chiến thắng tổ chức trọng thể ở Sầm Nưa ngày 19 tháng 5 năm 1953, Hoàng thân Xuphanuvông khẳng định: “Sầm Nưa giải phóng là kết quả của tinh thần đoàn kết anh em giữa hai nước Việt - Lào, của sự giúp đỡ không điều kiện của nhân dân, của quân đội Việt Nam tiêu diệt kẻ thù chung”². Đồng chí Phumi Vôngvichít cũng nói trong lễ mừng chiến thắng ở Xiêng Khoảng: “Thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào là thắng lợi của tinh thần quốc tế vô sản cao cả, thắng lợi của tinh thần đoàn kết giữa hai dân tộc và hai quân đội Việt - Lào”³.

2. Phối hợp xây dựng lực lượng cách mạng Lào về mọi mặt

a) Củng cố vùng giải phóng, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

Sau khi chiến dịch Thượng Lào kết thúc, Việt Nam khẩn

¹. Trích Thông cáo của Chính phủ Kháng chiến Lào. Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng quốc gia Lào.

². Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Sđd, tr.678.

³. Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Sđd, tr.678.

trương giúp cách mạng Lào củng cố vùng giải phóng và các căn cứ kháng chiến. Theo yêu cầu của Chính phủ Kháng chiến Lào, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam để lại Trung đoàn 98 cùng các đơn vị quân tình nguyện ở Sầm Nưa và lưu vực sông Năm U phối hợp với lực lượng vũ trang Pathét Lào truy quét tàn binh địch, tuyên truyền giác ngộ nhân dân, góp phần xây dựng chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương. Hướng Xiêng Khoảng, Đại đoàn 304 cũng để lại hai tiểu đoàn để giúp Lào đẩy mạnh các hoạt động, giành thêm thắng lợi.

Đồng thời, các đơn vị quân tình nguyện và các đội công tác của Việt Nam ở Thượng Lào phối hợp với bạn tổ chức *Tuần lễ đoàn kết Việt - Lào*, trong đó tập trung tuyên truyền giải thích ý nghĩa chiến thắng Thượng Lào, đề cao uy tín của Chính phủ Kháng chiến Lào và Mặt trận Lào ít xala, củng cố và tăng cường tình đoàn kết hữu nghị Việt - Lào, Lào - Việt.

ở những vùng mới giải phóng, bộ đội Việt Nam sát cánh cùng bộ đội Lào đi khắp các bản làng, từ vùng đồng bằng lên vùng núi cao, tuyên truyền giải thích về chính sách đoàn kết dân tộc của Chính phủ Kháng chiến Lào, giúp dân sản xuất, xây dựng cuộc sống mới, thành lập chính quyền cách mạng, tổ chức các đội du kích, giúp họ về súng đạn, huấn luyện quân sự để bảo vệ bản làng.

Đi đôi với công tác chiến đấu, tuyên truyền, giúp đỡ nhân dân sản xuất, bộ đội Việt Nam còn giúp Lào xây dựng lực lượng vũ trang, bồi dưỡng kỹ năng tác chiến, tổ chức chiến đấu bảo vệ nhân dân, xây dựng, củng cố vùng giải phóng và căn cứ địa. Được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn chiến đấu vừa qua cùng những vũ khí trang bị thu được của địch, lực lượng quân đội giải phóng Lào có những bước phát triển mạnh mẽ và đã tiến hành nhiều trận đánh địch từ các cứ điểm nóng ra càn quét khu vực mới được giải phóng, làm cho chúng phải co lại cố thủ trong các đồn bốt, không dám

ngang nhiên như trước.

Cùng thời gian này, theo đề nghị của bạn, Tiểu đoàn 195 tỉnh Nghệ An ở lại giúp bạn xây dựng, củng cố vùng giải phóng Xiêng Khoảng. Mặc dù địa bàn hoạt động rất rộng lớn nhưng cán bộ, chiến sĩ đơn vị đã vượt qua nhiều gian khổ hy sinh, tự phần đầu rèn luyện, dựa vào dân để xây dựng cơ sở chính trị giúp bạn. Chỉ trong một thời gian ngắn, Tiểu đoàn 195 giúp được 54 làng bản thành lập ủy ban kháng chiến, 64 làng bản xây dựng cơ sở chính trị và tổ chức tiểu đội du kích.

Đáp ứng nhu cầu xây dựng, củng cố vùng giải phóng rộng lớn của bạn, Trung ương Đảng và Chính phủ Việt Nam giao cho các tỉnh Liên khu 4 thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ, chi viện cho vùng giải phóng Bắc Lào. Cùng với việc dốc hết sức phục vụ bộ đội đánh thắng địch ở chiến trường, từ sau chiến thắng Thượng Lào đến cuối năm 1953, nhân dân các tỉnh Liên khu 4, trong đó Thanh Hoá là lực lượng chính chịu trách nhiệm cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng hoá thiết yếu, công cụ sản xuất cho khu căn cứ kháng chiến Lào. Chỉ tính từ tháng 5 đến tháng 12 năm 1953, nhân dân Thanh Hoá đã cung cấp, vận chuyển cho bạn 15.130 xấp giấy, 14.741 bút chì, 15.000 ngòi bút, 1.000 lọ mực, 3.000 mét vải, 500 chăn bông, 1.000 bộ quần áo bộ đội, 1.601 cái rìu, 4.522 con dao, 1.480 dao găm, 880 cái thuổng, 57 tấn muối, 15 tấn thóc nếp giồng, 27 tấn gạo tẻ, 30 tấn thóc tẻ, 150 tấn gạo nếp. Các đợt về sau, Thanh Hoá còn cung cấp 15.000 dân công, 709 xe đạp thồ và 47 con ngựa thồ để vận chuyển lương thực, công cụ sản xuất, hàng hoá cung cấp cho bạn¹.

Sự chi viện và phối hợp chặt chẽ của quân và dân Việt Nam với

¹. Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh uỷ Thanh Hoá, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào tại các tỉnh biên giới và một số địa phương*”, Tài liệu đã dẫn, tr.108.

nhân dân Lào là nhân tố quan trọng, góp phần đưa thế và lực của cách mạng Lào lên một bước phát triển mới.

Căn cứ vào tình hình thực tế của cách mạng Lào, tháng 5 năm 1953, Tổng Quân uỷ Việt Nam chủ động đề xuất một số nội dung phối hợp và giúp đỡ cách mạng Lào, trọng tâm là: “Tăng cường lực lượng vũ trang ở Lào để bảo vệ hậu phương và làm công tác trong vùng mới giải phóng; đồng thời để tránh phân tán chủ lực, cần xúc tiến chấn chỉnh bộ đội tình nguyện và xây dựng bộ đội giải phóng Lào”¹.

Trên cơ sở đó, tháng 7 năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định củng cố, tăng cường bộ đội tình nguyện Việt Nam ở Lào cho có đủ khả năng hoàn thành ba nhiệm vụ là:

“1. Phối hợp với các lực lượng vũ trang và bán vũ trang Lào phát triển du kích chiến tranh tiêu diệt sinh lực địch.

2. Giúp đỡ xây dựng và điều đăt các lực lượng vũ trang Lào tác chiến.

3. Tham gia việc tuyên truyền tổ chức quần chúng, tổ chức chính quyền, xây dựng căn cứ địa.

Ba nhiệm vụ đó là những tiêu chuẩn chính để kiểm tra và nhận xét công tác của bộ đội tình nguyện ở Lào”².

Theo phương hướng đó, các lực lượng quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào được sắp xếp thành ba bộ phận: dân chính, quân sự và biệt phái; mỗi bộ phận có nhiệm vụ chuyên trách khác nhau. Cả ba bộ phận này đều hoạt động giúp cách mạng Lào dưới sự lãnh đạo thống nhất của Ban Cán sự Thượng Lào, do đồng chí

¹. Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh, Bộ Tổng Tham mưu xuất bản, 1963, t.5, tr.181-183.

². 2. Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh của Trung ương Đảng, Tổng Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh, Sđd, t.4, tr.187, 273.

Nguyễn Khang, Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam phụ trách.

Sát cánh với bạn, quân tình nguyện Việt Nam đã cùng bạn chiến đấu, làm thất bại âm mưu bình định của địch, đồng thời giúp đỡ bạn xây dựng các đơn vị bộ đội tập trung của tỉnh và vùng chiến lược. Để tăng cường khả năng tác chiến và phối hợp chiến đấu với chiến trường chính Việt Nam của quân đội cách mạng Lào, ngày 12 tháng 7 năm 1953, đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi thư cho đồng chí Nguyễn Khang và các đồng chí trong Ban Cán sự Thượng Lào về nhiệm vụ giúp Chính phủ Kháng chiến Lào xây dựng lực lượng vũ trang. Đồng chí chỉ rõ: “Vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang Lào là một vấn đề rất quan trọng, là một nhiệm vụ trung tâm trong công cuộc xây dựng căn cứ địa và nói chung trong công cuộc vận động giải phóng Lào. Vì vậy, các cán bộ ta cần phải thấm nhuần điểm đó và làm cho anh em Lào thấm nhuần điểm đó, để có thể làm thật tích cực... Chúng ta cũng cần quan niệm đó là một nhiệm vụ lâu dài, gian khổ và muốn hoàn thành thì một mặt dựa vào sự nỗ lực của Chính phủ và nhân dân Lào, nhưng một mặt khác cũng cần có sự giúp đỡ tích cực của bộ đội tình nguyện Việt Nam ở Lào”² và “Trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang Lào thì vấn đề trung tâm là vấn đề đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Có giải quyết được vấn đề cán bộ thì mới xây dựng được quân đội Lào. Vì vậy, sự giúp đỡ của chúng ta cũng cần lấy vấn đề đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm vấn đề trung tâm”¹.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy, Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào chủ trương, trong

¹. *Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh, Sđd*, t.4, tr.274.

năm 1953 xây dựng một số tiểu đoàn tập trung và các đại đội độc lập, do Bộ Tư lệnh trực tiếp chỉ huy. Trước hết, Bộ Tư lệnh quân tình nguyện chỉ đạo gấp rút xây dựng Tiểu đoàn 532 và Đại đội trợ chiến 926 để kịp thời đáp ứng yêu cầu giúp bạn đẩy mạnh kháng chiến ở Mặt trận Thượng Lào. Đồng thời, chuẩn bị đến cuối năm 1953 đầu năm 1954, xây dựng thêm một số tiểu đoàn mới.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam về nhiệm vụ giúp bạn xây dựng lực lượng quân sự, Bộ Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở Mặt trận Thượng Lào đề ra phương châm xây dựng bộ đội tình nguyện gắn liền với việc giúp đỡ xây dựng lực lượng vũ trang Lào. Đó là: “Các đại đội độc lập cũng như tiểu đoàn tập trung phải phụ trách một đơn vị Lào cùng đi theo để giúp đỡ, xây dựng và dìu dắt tác chiến. Mỗi tiểu đoàn phụ trách một đại đội giải phóng Lào. Mỗi đại đội độc lập phụ trách đại đội địa phương của tỉnh, còn các đại đội độc lập khác trong thời gian hoạt động ở hướng nào phải phụ trách bộ đội địa phương của hướng ấy... Nơi nào có đại đội độc lập thì đại đội độc lập phải trực tiếp xây dựng dìu dắt dân quân du kích, nơi nào không có đại đội độc lập thì các đơn vị tình nguyện ở bên cạnh tổ chức những tổ đi luân lưu phối hợp với chính quyền, mặt trận địa phương và cán bộ dân vận để tổ chức và huấn luyện dân quân du kích ở những địa phương trên. Các tiểu đoàn tập trung đi đến đâu phải phối hợp với đại đội độc lập, bộ đội Lào và chính quyền, mặt trận địa phương đặt kế hoạch giúp đỡ xây dựng, dìu dắt dân quân du kích”¹.

Với tinh thần đó, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam được bổ sung quân số, thường xuyên tổ chức huấn luyện quân sự, chính trị giúp Lào và cùng với lực lượng vũ trang cách mạng Lào đẩy

¹. Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh của Trung ương Đảng, Tổng Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh, Sđd, t.4, tr.289.

mạnh các hoạt động chống biệt kích, chống địch lấn chiếm, bảo vệ vùng giải phóng và các khu căn cứ. *Mỗi đợt tác chiến, mỗi trận đánh của quân tình nguyện chỉ được coi là thắng lợi khi quân địch bị tiêu diệt, khi có cán bộ, chiến sĩ Lào cùng tham gia và khi cơ sở cách mạng của Lào được bảo toàn, mở rộng.*

Trong sáu tháng cuối năm 1953, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào phối hợp cùng quân giải phóng Lào đã đánh 96 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 505 tên địch, trong đó có 65 tên Pháp, làm bị thương 208 tên, bắt 79 tên, gọi hàng 34 tên, thu nhiều súng đạn và đồ quân dụng, bắn rơi một máy bay địch¹. Liên quân cách mạng Việt - Lào cũng đánh bại nhiều cuộc tiến công lấn chiếm của địch, giữ vững được nhiều vùng giải phóng và giam chân nhiều lực lượng địch, không để chúng rảnh tay rút quân đi đánh phá những nơi khác. Bộ đội cách mạng hai tỉnh Nghệ An - Xiêng Khoảng tranh thủ thời cơ thuận lợi đã phối hợp mở đợt truy quét bọn phi ân náu dọc biên giới Việt - Lào, góp phần làm sạch địa bàn vùng giải phóng.

Trong cùng thời gian này, ở các vùng Trung Lào, Tây Lào, kể cả các vùng đô thị, bộ đội tình nguyện Việt Nam cùng quân và dân Lào đẩy mạnh các mặt hoạt động, giành thêm nhiều thắng lợi. Phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân vùng địch kiểm soát, nhất là ở các thành phố lớn như Viêng Chăn, Xavannakhet, Pắc Xê..., gây cho địch thêm nhiều khó khăn, lúng túng trong âm mưu càn quét bình định vùng địch hậu và tiến công lấn chiếm các vùng mới giải phóng ở Thượng Lào.

Sự lớn mạnh của các lực lượng kháng chiến Lào đã buộc địch phải căng mỏng và phân tán lực lượng đối phó cả trước mặt và sau

¹. Xem Báo cáo tổng kết sáu tháng cuối năm 1953 của Mặt trận Thượng Lào. Tài liệu lưu trữ của Bộ Tổng Tham mưu.

lưng, tạo thuận lợi để Việt Nam và Lào phát huy thế chủ động, phối hợp chặt chẽ trên các chiến trường, đẩy mạnh tiến công giành thắng lợi lớn hơn nữa trong các chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954.

b) Thành lập “Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào”

Từ sau chiến thắng Thượng Lào, trước yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến, những người cộng sản Lào chủ trương xúc tiến thành lập đảng mácxít để lãnh đạo cách mạng Lào thực hiện những nhiệm vụ cấp bách đang đặt ra. Song quá trình này gặp khó khăn do tình hình phát triển đảng về số lượng cũng như chất lượng đảng viên ở Lào bị hạn chế, một số địa phương như Hạ Lào, Viêng Chăn phát triển đảng viên khá rộng, trong đó có một số chưa đảm bảo tiêu chuẩn.

Theo đề nghị của bạn, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định cử đồng chí Nguyễn Khang, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Cán sự Đảng Lao động Việt Nam tại Lào, trực tiếp giúp đỡ những người cộng sản Lào chuẩn bị mọi mặt để tiến tới thành lập đảng cách mạng ở Lào. Xuất phát từ thực tiễn công tác phát triển đảng ở Lào, đồng chí Nguyễn Khang cùng Ban Cán sự Đảng Lao động Việt Nam thống nhất ý kiến với các đồng chí cán bộ chủ chốt của Lào về việc lựa chọn một số đảng viên Lào ưu tú, được rèn luyện, thử thách trong đấu tranh, có trình độ, có phẩm chất, có uy tín, ảnh hưởng tốt trong cán bộ, đảng viên và quần chúng để lập ra *Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào*.

Thực hiện chủ trương trên, Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào được thành lập, do đồng chí Cayxôn Phômvihân làm trưởng ban. Nhiệm vụ của Ban là, một mặt chỉ đạo công tác thẩm tra, chọn lọc kỹ đảng viên trong tổng số 433 đảng viên Lào đã có, một mặt nghiên cứu dự thảo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và

chuẩn bị triệu tập Đại hội đại biểu để thành lập Đảng.

Trong quá trình chuẩn bị về các mặt chính trị và tổ chức, Ban Cán sự Đảng Lao động Việt Nam đã phối hợp và giúp đỡ Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào tiến hành thẩm tra lại số đảng viên nhân dân, soát xét lại số trung kiên trong các “nhóm trung kiên”, thải loại số kém, không đảm bảo tiêu chuẩn, đồng thời bồi dưỡng thêm cho số đảng viên, trung kiên tốt. Đến cuối tháng 7 năm 1954, số đảng viên toàn Lào còn lại gồm 300 đồng chí và 600 đồng chí trung kiên được tiếp tục bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng.

Trên cơ sở đó, các tổ chức đảng ở địa phương và cơ quan ở Trung ương đã giới thiệu được 42 đại biểu trong số đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương cũ về Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào để tiến hành chỉnh huấn, giáo dục công tác xây dựng đảng Mác - Lênin của giai cấp công nhân Lào. Sau đợt học tập này, Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào đã lựa chọn được 20 đồng chí đủ tiêu chuẩn làm đại biểu chính thức tham dự Đại hội thành lập Đảng.

Như vậy, với việc thành lập Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào, công tác xây dựng đảng cách mạng, đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các bộ tộc Lào đã tiến thêm một bước mới, đạt được kết quả căn bản cả về chính trị và tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập Đảng và cho việc củng cố, phát triển đảng về sau này. Trên thực tế, Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào đã cùng với Mặt trận Lào ít xalá lãnh đạo quân và dân Lào đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, góp phần cùng với nhân dân hai nước Việt Nam, Campuchia đánh thắng chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

3. Phối hợp trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, đỉnh

cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ

Bước vào Đông Xuân 1953 - 1954, cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn đẩy mạnh tiến công quân địch giành thắng lợi lớn hơn nữa trên các chiến trường. Còn thực dân Pháp sau những thất bại liên tiếp ở Hoà Bình, Tây Bắc (Việt Nam), ở Thượng Lào và những khó khăn về kinh tế, xã hội ở trong nước, càng lâm vào tình thế nguy ngập, bế tắc.

Trước tình hình đó, Chính phủ Pháp chủ trương xin thêm viện trợ của Mỹ, tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh chiến tranh, nhằm tìm ra một “lối thoát danh dự”, đồng thời vẫn duy trì được những quyền lợi ở Việt Nam và giữ được Lào, Campuchia trong tay Pháp.

Ngày 7 tháng 5 năm 1953, được sự thoả thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp cử Tướng Nava làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Dựa theo ý đồ chính trị của giới cầm quyền Pháp và thái độ của Mỹ đối với cuộc chiến tranh Đông Dương, ngày 2 tháng 7 năm 1954, Nava đã vạch ra một kế hoạch chiến lược nhằm kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng để cứu vãn danh dự cho nước Pháp.

Điểm trung tâm của kế hoạch Nava là tổ chức khối chủ lực cơ động và dự tính tới năm 1954 sẽ có gấp ba lần số binh đoàn hiện có. Do đó, Nava chủ trương thừa nhận quyền “độc lập” cho các chính phủ tay sai ở Đông Dương để dùng bọn này đôn quân bắt lính và cho rút lực lượng chiếm đóng về để tập trung quân.

Thực hiện kế hoạch Nava, Pháp đưa ngay 12 tiểu đoàn lấy từ Pháp, Bắc Phi, Triều Tiên tăng viện cho đội quân viễn chinh, đưa lực lượng cơ động chiến lược trên toàn Đông Dương trong Thu Đông 1953 lên 84 tiểu đoàn. Đồng thời, từ giữa năm 1953 trở đi, Pháp tăng lực lượng quân nguy ở Việt Nam cũng như ở Lào lên mức cao hơn trước nhiều lần: ở Việt Nam, đến tháng 3 năm 1954, Pháp tăng quân nguy thêm 9,5 vạn và ở Lào, số lính nguy phát triển

lên đến hơn 10.000 quân.

Được tăng cường thêm lực lượng, trong suốt Hè Thu 1953, thực dân Pháp mở hàng chục trận càn quét tại các vùng sau lưng địch ở Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên, Nam Bộ của Việt Nam và ở Bắc Lào. Đồng thời, chúng tăng cường lực lượng biệt kích, tập kích, đánh phá các vùng tự do, vùng căn cứ kháng chiến của ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Với những hoạt động quân sự ráo riết kể trên, kế hoạch Nava thể hiện sự nỗ lực cao nhất của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương và cho thấy sự câu kết giữa các thế lực đế quốc với bọn tay sai phản động trên bán đảo Đông Dương để chống lại cách mạng của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Liên minh đoàn kết chiến đấu nhân dân ba nước Đông Dương đứng trước những thử thách gay go mới.

Trước tình hình trên, tháng 9 năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra phương châm: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” và xác định nhiệm vụ quân sự trong Đông Xuân 1953 - 1954 là: “Sử dụng một bộ phận chủ lực mở những cuộc tiến công vào những hướng địch sơ hở, đồng thời tranh thủ cơ hội tiêu diệt địch trong vận động ở những hướng địch có thể đánh sâu vào vùng tự do của ta; trong lúc đó, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp các chiến trường sau lưng địch và tích cực tiến hành mọi sự chuẩn bị cần thiết trong nhân dân và bộ đội địa phương, dân quân du kích các vùng tự do để cho chủ lực rảnh tay làm nhiệm vụ”¹.

Theo phương hướng chiến lược ấy, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã thông qua kế hoạch tác chiến Đông

¹. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979, tr.67.

Xuân 1953 - 1954, nhằm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng địch, phối hợp chiến đấu trên phạm vi cả nước và trên toàn Đông Dương. Cụ thể là: tiến công tiêu diệt quân địch ở Lai Châu, giải phóng Tây Bắc, phối hợp với quân dân Lào giải phóng Phôngxalỳ, đánh địch ở Trung, Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia; mở rộng vùng giải phóng sau lưng Sài Gòn; đánh thông đường chiến lược Bắc - Nam Đông Dương, giành địa bàn chiến lược Tây Nguyên, phá âm mưu bình định miền Nam của địch.

Thực hiện chủ trương tác chiến chiến lược nói trên của Bộ Chính trị, Tổng Quân uỷ - Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam vừa theo dõi chặt chẽ âm mưu và hoạt động của địch, chủ động đề xuất với Trung ương Đảng phương hướng giải quyết, vừa chỉ đạo các lực lượng vũ trang toàn quốc đẩy mạnh hoạt động trên các chiến trường theo kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 - 1954 đã được Bộ Chính trị phê chuẩn.

Trong *Báo cáo về chủ trương tác chiến ở Điện Biên Phủ*, toàn quốc và Đông Dương gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh và Bộ Chính trị, đồng chí Võ Nguyên Giáp nêu nhận định: “Sự phối hợp toàn quốc và giữa các chiến trường Việt - Miên - Lào đã bắt đầu thực hiện trong hơn một tháng nay, nay phải đẩy mạnh lên nữa. Đặc điểm của hoạt động Đông Xuân là bao gồm chiến trường toàn quốc và Việt - Miên - Lào, chứ không phải hạn chế trong một chiến trường nào”¹.

Trên tinh thần ấy, Đề án quân sự trình Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam ngày 20 tháng 12 năm 1953 của Tổng Quân uỷ đã đề

¹, 2, 3. *Văn kiện quân sự của Đảng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, t.3, tr.535, 486, 497-499.

ra chủ trương chiến lược: “Tăng cường chiến tranh du kích ở địch hậu, tăng cường hoạt động ở các chiến trường miền Nam và Lào, Miên, buộc địch phải phân tán lực lượng và do đó lâm vào bị động”². Tổng Quân uỷ cũng chỉ ra một cách cụ thể quan hệ giữa các chiến trường: “Chiến trường miền Nam Việt Nam bao gồm Liên khu 5 và Nam Bộ, đứng về địa lý và quân sự mà nói thì có quan hệ rất mật thiết với chiến trường Cao Miên và miền Hạ Lào... Nếu hoạt động Đông Xuân của ta thắng lợi thì vùng giải phóng ở Thượng, Trung và Hạ Lào có thể chiếm đến 1/2 nước Lào. Vấn đề giúp đỡ nước bạn xây dựng vùng giải phóng, xây dựng quân đội, mở mang kinh tế, củng cố chính quyền, v.v. trở thành một vấn đề lớn...”³.

Phối hợp với quân dân Việt Nam và Campuchia anh em đánh bại kế hoạch Nava, Trung ương Mặt trận Lào ít ỏi và Chính phủ Kháng chiến Lào chủ trương tăng cường lực lượng, củng cố vùng giải phóng về mọi mặt. Tháng 11 năm 1953, Chính phủ Kháng chiến Lào ban hành nghị định về việc động viên nhân dân đóng góp lương thực cho cuộc kháng chiến. Nghị định quy định cụ thể đối với từng đối tượng đóng góp cũng như miễn, giảm cho các gia đình thương binh, liệt sĩ; có con tham gia bộ đội hoặc diện nghèo, neo đơn, gặp thiên tai..., nhằm khuyến khích sản xuất và bảo đảm hậu cần tại chỗ. Về mặt quân sự, Bộ Chỉ huy tối cao của quân đội cách mạng Lào chỉ đạo các địa phương, đơn vị tăng cường xây dựng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương theo yêu cầu mỗi tỉnh phải có một đại đội chủ lực, mỗi huyện có một đến hai trung đội, đồng thời kiện toàn cơ quan lãnh đạo, chỉ huy các cấp, có kế hoạch phối hợp chiến đấu với bộ đội chủ lực Việt Nam bảo vệ và mở rộng các vùng giải phóng ở Lào.

Thực hiện kế hoạch tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954, tháng 12 năm 1953, một bộ phận quân chủ lực Việt Nam gồm Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304, Trung đoàn 101 và Trung đoàn

18 của Đại đoàn 325 phối hợp với bộ đội Lào ít xala và bộ đội tình nguyện Việt Nam tại Lào mở chiến dịch Trung, Hạ Lào nhằm: tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai trên một hướng chiến lược quan trọng trong Đông Xuân 1953 - 1954, tạo thuận lợi cho các chiến trường khác ở Đông Dương.

Thay mặt Tổng Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng chí Hoàng Văn Thái, Phó Tổng Tham mưu trưởng, phổ biến kế hoạch, phương châm tác chiến chiến dịch Trung, Hạ Lào cho các đơn vị trước khi lên đường sang Lào chiến đấu. Đồng chí nêu rõ: “Trung và Hạ Lào là nơi địch tương đối sơ hở... Mục đích của chiến dịch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng và củng cố vùng giải phóng của Bản. Cả hai nhiệm vụ đều phải coi trọng”¹.

Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Chỉ huy tối cao Quân đội Lào ít xala quyết định thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch Trung Lào, lấy mật danh là “Mặt trận D”. Các đồng chí được cử tham gia Bộ Chỉ huy chiến dịch gồm: phía Việt Nam có các đồng chí Hoàng Sâm - Đại đoàn trưởng Đại đoàn 304, Trần Quý Hai - Chính uỷ kiêm Đại đoàn trưởng Đại đoàn 325, Võ Thúc Đồng - Bí thư Ban Cán sự Trung Lào; phía Lào là đồng chí Khăm Tày Xiphăndon - Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến khu Trung Lào.

Căn cứ vào chủ trương chung và tình hình địch ở Trung, Hạ Lào, Bộ Chỉ huy liên quân đề ra phương châm chỉ đạo tác chiến là: bí mật, bất ngờ, đánh chắc thắng; chỉ đánh các vị trí trọng yếu, tranh thủ tiêu diệt địch trong vận động. Từ đánh quy một bộ phận sinh lực tinh nhuệ của địch trong vận động, tiến lên giải phóng một phần đất đai; hết sức giữ gìn lực lượng để tiến công liên tục; đánh dài hơi, kết hợp giữa tác chiến với địch vận, tác chiến với vận động

¹. Bộ Tổng Tham mưu, Ban Tổng kết - Biên soạn lịch sử: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Pháp*, Sđd, tr.726.

quần chúng, cùng các lực lượng tại chỗ xây dựng các vùng mới giải phóng thành căn cứ kháng chiến của cách mạng Lào.

Bước vào công tác chuẩn bị cho chiến dịch, đồng chí Võ Thúc Đồng, Bí thư Ban Cán sự Trung Lào và đồng chí Trường Sinh, Đoàn trưởng Đoàn 280 bộ đội tình nguyện ở Trung Lào đã cùng đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu Trung Lào họp bàn chuẩn bị lực lượng, thống nhất kế hoạch hoạt động trên chiến trường, tổ chức cấp tốc các lớp đào tạo cán bộ tỉnh, huyện và xã ở Trung Lào để chuẩn bị thành lập chính quyền, tiếp quản vùng giải phóng. Ban Cán sự còn tổ chức cho cán bộ Việt Nam cùng cán bộ Lào đi vào từng bản ở vùng Mahă Xây, Bualapha, Tà Ôi, Mương Noòng và khu vực Khăm Cốt để tuyên truyền, vận động nhân dân Lào ủng hộ, đóng góp lương thực, thực phẩm cho bộ đội, xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng phối hợp cùng bộ đội chiến đấu.

Trong điều kiện chiến trường rất rộng và yêu cầu về hậu cần của chiến dịch rất lớn, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam giao cho hai tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An đảm bảo cung cấp cho chiến dịch Trung Lào, Hạ Lào. Dưới sự chỉ đạo của Liên khu uỷ 4, các cấp bộ đảng, chính quyền và nhân dân các địa phương trên quyết tâm vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, dốc toàn lực phục vụ chiến dịch thắng lợi.

Ở Nghệ An, tỉnh đã huy động mọi khả năng có thể tham gia phục vụ chiến dịch Trung Lào. Lực lượng dân công Nghệ An tham gia chiến dịch lên tới 20.000 người, 1.500 xe đạp thồ, 1.006 chiếc thuyền... Theo kế hoạch, ngày 10 tháng 11 năm 1953, tất cả dân công Nghệ An phối hợp với 32.000 dân công và 1.800 xe đạp thồ của tỉnh Hà Tĩnh, chuyển 4.600 tấn gạo lên Thanh Luyện - Chu Lễ - Tân ấp - Xóm Cụt, qua đường 15 lên đường 12, từ đó theo các đơn

vị bộ đội triển khai đi vào Trung Lào.

Trong quá trình phát triển của chiến dịch, ngoài công tác vận chuyển, dân công Nghệ An còn tham gia đánh địch, cùng với bộ đội tiến vào giải phóng Bản Naphào, Nhômmalạt, Thà Khệc...¹.

ở Hà Tĩnh, để đảm bảo bí mật, khi bộ đội Việt Nam hành quân sang đất bạn, tỉnh mới triển khai huy động dân công mở đường và lập các cung trạm vận chuyển. Chiến dịch kéo dài sáu tháng liền nên nhân dân Hà Tĩnh đã nỗ lực rất lớn để phục vụ bộ đội chiến đấu dài ngày trên nước bạn. Trong toàn bộ chiến dịch, số dân công phục vụ lên tới 80.909 người với 5.944.865 ngày công, trong đó Hà Tĩnh đảm nhiệm phần lớn với 56.000 người; riêng số dân công của Hà Tĩnh phục vụ trực tiếp trên chiến trường Lào là 28.300 người. Bình quân mỗi dân công Hà Tĩnh đã phục vụ chiến dịch hơn hai tháng rưỡi. Khối lượng vật chất của tỉnh Hà Tĩnh cung cấp cho chiến dịch gồm: 3.409 tấn gạo, 154 tấn muối, 2.102 con trâu bò và huy động tới 1.299 chiếc thuyền, 394 xe đạp thồ và hàng trăm phương tiện vận tải thô sơ khác².

Ngoài hai tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An, tỉnh Quảng Bình được Liên khu uỷ 4 giao nhiệm vụ cung cấp một phần nhân công vật lực cho chiến dịch Trung Lào. Toàn tỉnh đã lập được 29 trạm vận chuyển, huy động 46.000 thanh niên xung phong, dân công với 4.944.986 ngày công và nhiều xe đạp thồ cùng hàng trăm phương tiện vận tải thô sơ khác².

Bằng công sức và cả xương máu, lực lượng dân công Hà Tĩnh,

¹, 2. Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh uỷ Thanh Hoá, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào tại các tỉnh biên giới và một số địa phương*”, Tài liệu đã dẫn, tr.131, 183.

². Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh uỷ Thanh Hoá, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào tại các tỉnh biên giới và một số địa phương*”, Tài liệu đã dẫn, tr.204.

Nghệ An, Quảng Bình đã góp phần không nhỏ vào việc đảm bảo cho chiến dịch Trung Lào giành thắng lợi. Tiêu biểu cho sự đóng góp và vai trò quan trọng của dân công Liên khu 4 trong chiến dịch là các đơn vị dân công Đức Thọ, Mỹ Châu, Thạch Hà (Hà Tĩnh), Anh Sơn (Nghệ An)... và nhiều cá nhân điển hình khác.

Đêm 21 tháng 12 năm 1953, liên quân Lào - Việt nổ súng tiến công quân địch ở Khăm He, giải phóng Thà Khẹt và nhiều vùng quan trọng ở Trung Lào, uy hiếp Xavannakhet và Xê Nô. Lo sợ liên quân Lào - Việt đánh xuống đường 9 và Hạ Lào, Nava phải điều năm tiểu đoàn từ đồng bằng Bắc Bộ và Sài Gòn tới Xê Nô, lập một tập đoàn cứ điểm mới dưới quyền chỉ huy của Tướng Phorăngxi. Cùng với đồng bằng Bắc Bộ và Điện Biên Phủ ở Việt Nam, Xê Nô (Lào) trở thành một trong những nơi tập trung binh lực lớn của thực dân Pháp.

Thừa thắng, liên quân Lào - Việt tiến xuống Hạ Lào, diệt cứ điểm Pui, tập kích áttapur, tiêu diệt một tiểu đoàn địch, sau đó phát triển xuống Xalavăn, giải phóng toàn bộ cao nguyên Bôlavên.

Sau hơn hai tháng liên tục chiến đấu, liên quân Lào - Việt đã loại khỏi vòng chiến đấu 9.510 tên địch, thu nhiều vũ khí, giải phóng một khu vực rộng 16.000 km² với 600.000 dân¹.

Như vậy, chiến thắng Trung Lào và Hạ Lào đã góp phần quan trọng làm phá sản kế hoạch tập trung quân của Nava, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó trên nhiều chiến trường, tạo điều kiện cho quân và dân ba nước Đông Dương tiếp tục giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa. Thế phối hợp chiến lược giữa quân và dân hai nước Việt Nam - Lào tiếp tục được củng cố và phát triển lên một bước mới.

¹. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Sđd, tr.465.

Trên chiến trường chính, từ đầu tháng 12 năm 1953, trước sự tiến công của bộ đội chủ lực Việt Nam, quân Pháp phải bỏ Lai Châu, rút về cố thủ ở Điện Biên Phủ. Địch tổ chức Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm và quyết giữ vững bằng mọi giá để tiêu hao, tiêu diệt quân chủ lực Việt Nam. Điện Biên Phủ trở thành điểm trung tâm của kế hoạch Nava.

Ngày 6 tháng 12 năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt lực lượng tinh nhuệ của địch trong tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của chúng trên chiến trường Đông Dương, giải phóng hoàn toàn vùng Tây Bắc Việt Nam và tạo điều kiện cho quân dân Lào giải phóng vùng cực Bắc Lào. Chiến dịch lấy mật danh là Trần Đình và đồng chí Võ Nguyên Giáp, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, được cử làm chỉ huy trưởng kiêm bí thư Đảng uỷ chiến dịch.

Đầu năm 1954, theo chỉ thị của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Kháng chiến Lào, đoàn cán bộ Khu 1 (của Bắc Lào), do Chính uỷ Đoàn 82 quân tình nguyện Việt Nam và đồng chí Khăm Hùng phụ trách tham mưu tác chiến bộ đội ít xala dẫn đầu đã tới Sở Chỉ huy Mường Phăng (Việt Nam) gặp đồng chí Võ Nguyên Giáp và Bộ Tham mưu để báo cáo tình hình và thống nhất kế hoạch phối hợp chiến đấu giữa Mặt trận Khu 1 (Bắc Lào) với Mặt trận Điện Biên Phủ (Việt Nam).

Nhận thấy quân địch ngày càng tăng cường lực lượng phòng ngự ở Điện Biên Phủ, Bộ Chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ quyết định hoãn cuộc tiến công theo phương châm “đánh nhanh, giải quyết nhanh”, chuyển sang đánh địch theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc”. Đồng thời để đánh lạc hướng quân địch, cô lập hơn nữa Điện Biên Phủ, Bộ Tư lệnh tiền phương Việt Nam do đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy đã trao đổi, thống nhất với Bộ Chỉ huy tối cao Quân đội Lào ít xala, mở chiến dịch Thượng Lào

nhằm đập tan tuyến phòng thủ của địch trên lưu vực sông Nậm U, mở rộng vùng giải phóng Bắc Lào.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: phía Việt Nam có Đại đoàn 308, Trung đoàn 148 (Quân khu Tây Bắc), Đoàn 82 quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào (có bốn đại đội độc lập, một đội vũ trang tuyên truyền). Phía Lào có đại đội Chămpaxắc, đại đội địa phương tỉnh Luông Phạbang và bốn trung đội bộ đội địa phương huyện.

Tranh thủ thời gian và gây bất ngờ cho địch, Đại đoàn 308 khẩn trương hành quân sang chiến trường Lào, vừa đi vừa nắm tình hình địch, vừa đi vừa dựa vào dân mà chuẩn bị hậu cần. Các đơn vị bộ đội tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào ít ỏi đã phân chia thành nhiều tổ nhóm dẫn đường cho các đơn vị của Đại đoàn 308, đồng thời cùng với cán bộ dân - chính xuống từng làng bản vận động nhân dân cung cấp lương thực, thực phẩm cho bộ đội đánh giặc. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân các tỉnh Luông Phạbang, Huệi Xài và Phôngxalỳ đã quyên góp được 2.000 tấn gạo và nhiều thực phẩm phục vụ bộ đội tham gia chiến dịch.

Phát hiện Đại đoàn 308 tiến sang chiến trường Lào, ngày 25 tháng 1 năm 1954, quân địch bỏ phòng tuyến sông Nậm U rút chạy về hướng Mường Xài và Luông Phạbang. Không bỏ lỡ cơ hội, liên quân Lào - Việt được nhân dân địa phương giúp đỡ tiến vào giải phóng vùng lưu vực sông Nậm U, toàn bộ tỉnh Phôngxalỳ, bao vây địch ở Mường Xài và tạo thế uy hiếp kinh đô Luông Phạbang của nước Lào. Lo sợ liên quân Lào - Việt đánh thẳng vào kinh đô Lào, Nava buộc phải lập cầu hàng không, đưa 10 tiểu đoàn đến Luông Phạbang và Mường Xài, lập thêm hai tập đoàn cứ điểm mới. Mường Xài, Luông Phạbang lại trở thành nơi tập trung binh lực cơ động của địch trên chiến trường Lào.

Qua hơn 10 ngày liên tục chiến đấu, truy kích địch trên quãng

đường dài hơn 200 km, liên quân Lào - Việt đã loại khỏi vòng chiến đấu 17 đại đội địch, gồm 2.200 tên, trong đó có một tiểu đoàn lính lê dương, thu hàng chục tấn vũ khí quân trang, quân dụng. Căn cứ kháng chiến của nhân dân Lào được mở rộng thêm gần một vạn kilômét vuông, nối liền khu giải phóng Thượng Lào với khu Tây Bắc của Việt Nam. Phòng tuyến sông Nậm U, “con đường liên lạc chiến lược” của địch với Điện Biên Phủ bị đập vỡ, đẩy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ vào thế hoàn toàn bị cô lập.

Phối hợp với chiến trường Trung, Hạ Lào và lưu vực sông Nậm U, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào ít ỏi ở Tây Lào được nhân dân giúp đỡ đã đẩy mạnh tiến công diệt nhiều đồn bốt địch, như các trận tiến công Na Khai trên đường 13, bắc Viêng Chăn (ngày 28 tháng 12 năm 1953); Xăm Phăn, thuộc huyện Phôn Hoặng (đầu tháng 1 năm 1954); Bạ Xai, trên đường 13 (ngày 29 tháng 1 năm 1954); Phì Lạt thuộc huyện Nậm Tồn (ngày 12 tháng 2 năm 1954); Thà Ngòn (ngày 1 tháng 3 năm 1954); Nậm He (ngày 16 tháng 3 năm 1954)…, làm tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Những chiến thắng liên tiếp của quân tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào ít ỏi ở khu Tây Lào đã góp phần đẩy địch vào thế bị động, khốn quẫn, buộc chúng phải co về phòng thủ trong các thị xã, thị trấn, tạo điều kiện cho cách mạng Lào xây dựng, phát triển lực lượng, mở rộng các khu căn cứ phía sau lưng địch.

ở Hạ Lào, từ cuối tháng 1 đến cuối tháng 2 năm 1954, Tiểu đoàn 436 thuộc Trung đoàn 101, Đại đoàn 325 quân chủ lực Việt Nam phối hợp với quân và dân Nam Lào đánh nhiều trận, loại khỏi vòng chiến đấu gần 3.000 tên địch, giải phóng áttapư, cao nguyên Bôlavên và nam Xalavăn rộng hơn 20.000 km², nối liền vùng giải phóng Trung Lào với Nam Lào.

Lo sợ bị mất thị xã Xalavăn và vùng Hạ Lào, thực dân Pháp vội vã điều ngay một binh đoàn cơ động từ Bắc Bộ Việt Nam sang và

Binh đoàn nguy số 51 từ Xê Nô xuống, lập thêm hai cụm cứ điểm mới ở thị xã Xalavăn và Pạc Xê. Khối quân cơ động của Pháp lại một lần nữa bị phân tán ở chiến trường Lào, khiến cho Pháp không thể tập trung lực lượng đối phó ở chiến trường chính Việt Nam.

Sự phối hợp chiến đấu giữa quân và dân hai nước Việt - Lào đã thu được thắng lợi to lớn. Liên quân cách mạng Việt - Lào đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn.

Trong chiến công chung đó, Việt Nam “ngoài 7.600 quân tình nguyện Việt Nam tại chỗ, còn được tăng cường thêm 10.000 quân chủ lực. Lực lượng dân công hoả tuyến lên tới 54.084 người với hơn 1.974.000 ngày công”¹ để phối hợp cùng với quân và dân Lào anh em chiến đấu và chiến thắng. Tình đoàn kết chiến đấu keo sơn, thuỷ chung giữa quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào ngày càng phát triển bền vững.

Đặc biệt, do sự lớn mạnh của phong trào kháng chiến ở cả ba nước Đông Dương, khối cơ động chiến lược mà Nava và Bộ Chỉ huy quân Pháp mất nhiều công sức xây dựng và định dùng nó để đè bẹp quân chủ lực Việt Nam nay phải phân tán ra phòng ngự và bị giam chân ở nhiều nơi như: Điện Biên Phủ, Luông Phạbang - Mường Xài, Xê Nô, Xalavăn, Pạc Xê, An Khê, Tuy Hoà, Quy Nhơn,... Tình hình đó đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho quân và dân Việt Nam tiến lên thực hiện trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ, giành thắng lợi quyết định.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, quân và dân Việt Nam mở cuộc tiến công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Phối hợp với chiến trường chính Việt Nam, quân và dân Lào tiếp tục đẩy mạnh các

¹. Sảng Thoong Sínhảpảnnha: *Sự giúp đỡ của Việt Nam đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Lào (1945-1954)*. Luận án Phó tiến sĩ lịch sử, Thư viện Quốc gia, Hà Nội, 1991, ký hiệu L-3587, tr.124.

hoạt động quân sự từ Bắc xuống Nam Lào, đồng thời ủng hộ Mặt trận Điện Biên Phủ (Việt Nam) 300 tấn gạo chiến lợi phẩm thu được sau chiến thắng Thượng Lào¹ và 400 viên đạn pháo 105 ly thu được của địch ở Bạ Naphào².

Sau 55 ngày đêm chiến đấu, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Chiến công đó đã đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất của thực dân Pháp được Mỹ viện trợ, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của bọn đế quốc và liên minh giữa bọn đế quốc với bọn phản động tay sai ở ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam và cũng là thắng lợi của khối đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa quân đội và nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia mà Việt Nam làm trụ cột.

Trong nhật lệnh của Đại tướng, Tổng Tư lệnh nhân dịp lễ mừng chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 13 tháng 5 năm 1954, đồng chí Võ Nguyên Giáp nêu rõ: thắng lợi ở Điện Biên Phủ là kết quả của chín năm kháng chiến anh dũng của quân và dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng thời, đó cũng là “nhờ ở sự phối hợp chặt chẽ của quân đội giải phóng hai nước anh em Khome - Pathét Lào”².

Nhận xét về sức mạnh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương, một học giả nước ngoài đã viết: “Không nghi ngờ gì nữa, chính trình độ đoàn kết có hiệu quả thực sự ấy đã dẫn tới thất bại của Pháp ở Đông Dương, mà tượng trưng là chiến thắng lịch sử của Quân đội nhân dân Việt Nam tại Điện Biên Phủ.

¹, 2. Xem *Hậu cần chiến dịch trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.124, 119.

². *Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh của Trung ương Đảng, Tổng Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh, Sđd*, t.4, tr.365.

Chiến thắng đó là sản phẩm của những nỗ lực quân sự thống nhất và có phối hợp”¹.

Thắng lợi ở Điện Biên Phủ cũng là thắng lợi của phong trào đấu tranh chống chiến tranh của nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới. Cục diện chiến trường chuyển sang thế có lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao ở Hội nghị Giơnevơ.

4. Phối hợp đấu tranh tại Hội nghị Giơnevơ

Một ngày sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 8 tháng 5 năm 1954, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương bắt đầu khai mạc. Hội nghị có chín bên tham dự, gồm Liên Xô, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Quốc gia Việt Nam, Vương quốc Lào và Vương quốc Campuchia. Các đại diện lực lượng kháng chiến Pathét Lào và Khome ít xarắc cũng đã có mặt tại Giơnevơ, nhưng chưa được chính thức tham gia Hội nghị.

Tại Hội nghị, theo chương trình nghị sự, đoàn Pháp phát biểu trước. Đại biểu Pháp trình bày lập trường của Pháp về vấn đề Việt Nam, gồm năm điểm: tập kết quân đội hai bên vào các vùng quy định; giải giáp lực lượng dân quân du kích; trao trả tù quân sự và dân sự; kiểm soát quốc tế; đình chỉ chiến sự. Về Lào và Cao Miên, đại biểu Pháp nêu bốn điểm: rút tất cả các lực lượng Việt Nam; giải giáp lực lượng dân quân du kích; trao trả tù quân sự và dân sự; kiểm soát quốc tế.

Với tư thế đại diện cho một dân tộc chiến thắng, ngay từ phiên họp đầu tiên, đồng chí Phạm Văn Đồng tuyên bố rõ lập trường của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về việc lập lại hoà

¹. U. Bócsét: *Tam giác Trung Quốc - Campuchia - Việt Nam*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986, tr.23.

bình ở Đông Dương phải là một giải pháp hoàn chỉnh cả về quân sự và chính trị cho cả Việt Nam, Lào, Campuchia, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước Đông Dương. Trưởng Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Phạm Văn Đồng đề nghị Hội nghị mời đại biểu của Chính phủ Kháng chiến Pathét Lào và Chính phủ Kháng chiến Khome ít xarác tham gia Hội nghị. Đồng chí nói rõ: hai Chính phủ đó được nhân dân ủng hộ, có uy tín và ảnh hưởng lớn trong toàn thể nhân dân hai nước. Sự có mặt của đại biểu hai Chính phủ Kháng chiến Khome và Lào là cần thiết, đây sẽ là một đảm bảo cho Hội nghị thành công¹. Nhưng lời đề nghị của đồng chí Phạm Văn Đồng đã bị các đại biểu Mỹ và Pháp kiên quyết bác bỏ. Do đó, tại Hội nghị Giơnevơ, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đại diện cho lập trường, tiếng nói của Chính phủ Kháng chiến Lào và Campuchia.

Ngày 10 tháng 5 năm 1954, tại phiên họp toàn thể thứ hai, đồng chí Phạm Văn Đồng nêu rõ quan điểm của Việt Nam về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương là: “Nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cũng như nhân dân và Chính phủ Khome và Pathét Lào nguyện dùng đường lối đàm phán để giải quyết vấn đề khôi phục hoà bình ở Đông Dương trên cơ sở nhìn nhận các quyền dân tộc của nhân dân Đông Dương: độc lập và thống nhất dân tộc, tự do dân chủ, do đó mà tạo điều kiện xây dựng quan hệ hữu nghị giữa nhân dân Đông Dương và nước Pháp trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng quyền lợi lẫn nhau. Đó là con đường bảo đảm khôi phục theo công lý và danh dự một nền hoà bình vững chắc và lâu dài ở Đông Dương; con đường duy nhất bảo đảm thực sự hoà bình và an ninh của các nước Đông Nam á và á châu và góp phần vào việc làm dịu bớt tình hình quốc tế, duy trì

¹. Báo *Nhân dân*, số 184, từ ngày 12 đến 15 tháng 5 năm 1954.

và củng cố hoà bình thế giới”¹.

Trên lập trường đó, Trường đoàn Việt Nam đưa ra bản đề nghị gồm tám điểm, trong đó nêu rõ những vấn đề có tính nguyên tắc, đó là: nước Pháp phải công nhận chủ quyền và độc lập của nước Việt Nam, công nhận chủ quyền và độc lập của hai nước Lào và Campuchia; quân đội nước ngoài phải rút hết khỏi Đông Dương trong một thời hạn do hai bên thoả thuận; việc thống nhất quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia sẽ thông qua tổng tuyển cử tự do ở mỗi nước, các nước ngoài không được can thiệp. Đề nghị đó thể hiện rõ nguyện vọng, ý chí hoà bình của nhân dân và Chính phủ Việt Nam cũng như của nhân dân và Chính phủ Kháng chiến Pathét Lào và Khơme, phù hợp với hoà bình và an ninh của nhân dân các nước châu á và thế giới.

Đồng thời với cuộc đấu tranh ở Hội nghị Giơnevơ, ngày 11 tháng 5 năm 1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Chỉ thị *Về việc tổ chức một cuộc tuyên truyền động viên mở rộng thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ*. Chỉ thị viết: “Từ trước đến nay chưa lúc nào quân ta phối hợp tác chiến rộng khắp và liên tục và thu nhiều thắng lợi như hiện nay, không những ở Việt Nam mà ở cả Lào - Miên”². “Chiến thắng ở Điện Biên Phủ và ở các chiến trường toàn quốc có tác dụng rất lớn trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất, dân chủ, hoà bình của nhân dân Việt Nam, cũng như của nhân dân Miên - Lào, đồng thời góp phần đắc lực vào việc bảo vệ hoà bình thế giới”². Trong công tác tuyên truyền, Ban Bí thư nhắc nhở: “tuyên truyền chiến thắng Điện Biên Phủ là chính nhưng phải gắn với chiến thắng trên các chiến trường

¹. Báo *Nhân dân*, số 185, từ ngày 16 đến 18 tháng 5 năm 1954.

². 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.100, 101, 102.

toàn quốc và chiến trường Lào - Miên”³.

Phối hợp với cuộc đấu tranh ngoại giao tại Gionevo, Trung ương Đảng và Chính phủ Việt Nam động viên tinh thần quân và dân trên các chiến trường, đặc biệt ở vùng sau lưng địch, tích cực đánh giặc; ở vùng tự do, đẩy mạnh giảm tô, cải cách ruộng đất, hăng hái tòng quân, đi dân công; trong vùng bị tạm chiếm, tích cực chống địch bắt lính, đòi địch chấm dứt chiến tranh. Các lực lượng vũ trang liên tục tiến công tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng thêm nhiều vùng rộng lớn.

Nhất trí với lập trường của Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Gionevo, ngày 21 tháng 5 năm 1954, thay mặt Chính phủ Kháng chiến Lào, Thủ tướng Xuphanuvông ra tuyên bố:

“1. Kẻ xâm lược Pathét Lào hiện nay là thực dân hiếu chiến Pháp được can thiệp Mỹ viện trợ và thúc đẩy.

2. Nhân dân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là bạn thân thiết của nhân dân Pathét Lào.

3. Muốn lập lại hoà bình ở Đông Dương, phải ngừng bắn và đình chiến trên toàn cõi Đông Dương.

Việc tìm cách lập lại hoà bình ở Đông Dương tại Hội nghị Gionevo phải có đại biểu Pathét Lào cũng như đại biểu Khome tham gia. Trong khi đại biểu của mình chưa tham dự Hội nghị Gionevo, Chính phủ Kháng chiến Pathét Lào hoàn toàn đồng ý và ủng hộ lập trường và đề nghị của đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Hội nghị Gionevo về vấn đề ngừng bắn và đình chiến trên toàn cõi Đông Dương để lập lại hoà bình ở Đông Dương”¹.

¹. Lời tuyên bố của Chính phủ Kháng chiến Pathét Lào (ngày 21 tháng 5 năm 1954), hồ sơ số 1522, tờ 101, phòng PTT, Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

ở chiến trường Lào, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào, Mặt trận, Chính phủ và quân đội hai nước Việt - Lào thống nhất chủ trương: “Nhân đà chiến thắng, có những điều kiện thuận lợi mới, để phối hợp với cuộc đấu tranh ngoại giao, ta cần giữ vững và tăng cường hoạt động khi có cơ hội khuếch trương thắng lợi, đồng thời ra sức củng cố mở rộng vùng giải phóng và các căn cứ du kích”¹.

Thực hiện chủ trương trên, quân và dân Lào được sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ với quân tình nguyện Việt Nam, tranh thủ thời cơ thuận lợi, đẩy mạnh các hoạt động chiến đấu, xây dựng lực lượng, tăng cường sức mạnh kháng chiến về mọi mặt.

Trước cuộc tiến công liên tục của các lực lượng cách mạng trên chiến trường Đông Dương, quân đội viễn chinh Pháp càng sa vào tình trạng nguy khốn. Để đối phó với tình hình sa sút trên chiến trường, Chính phủ Pháp cử Tướng Êly làm cao ủy Đông Dương kiêm tổng chỉ huy các lực lượng Liên hiệp Pháp; đồng thời cầu cứu Hoa Kỳ can thiệp.

Tuy nhiên, cuộc họp giữa ba phái đoàn quân sự cấp cao Mỹ, Anh, Pháp ở Oasinhton ngày 3 tháng 6 năm 1954 đã không đưa ra được biện pháp khẩn cấp nào để giúp Pháp ở Đông Dương. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cho rằng cuộc chiến tranh ở Đông Dương đã vượt qua thời điểm có thể đảo ngược.

Ngày 14 tháng 6 năm 1954, Tổng thống Pháp Côty cử Nghị sĩ Măngđét Phơrăng, thuộc phe chủ hoà trong chính giới Pháp, lập nội các mới. Ngày 20 tháng 6, Thủ tướng mới Măngđét Phơrăng tuyên bố sẽ từ chức nếu trong vòng một tháng không đạt được một cuộc ngừng bắn ở Đông Dương.

¹. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử quân tình nguyện Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại Lào, Sđd*, tr.334.

Trước những diễn biến mới của cuộc đấu tranh ngoại giao ở Hội nghị Giơnevơ, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp Hội nghị lần thứ sáu từ ngày 15 đến 17 tháng 7 năm 1954. Trong Báo cáo đọc tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, âm mưu và kế hoạch can thiệp của Mỹ cũng thay đổi để kéo dài chiến tranh Đông Dương, quốc tế hoá chiến tranh Đông Dương, phá hoại Hội nghị Giơnevơ, tìm hết cách hắt cẳng Pháp để chiếm ba nước Việt, Miên, Lào, biến nhân dân Việt, Miên, Lào thành nô lệ của Mỹ và gây thêm tình hình căng thẳng trên thế giới... Mỹ không những là kẻ thù của nhân dân thế giới, mà *Mỹ đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Việt, Miên, Lào*”¹. “Để chống đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp, kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương, ta phải nắm vững lá cờ hoà bình... Dùng lối nói chuyện thì phải nhân nhượng nhau đúng mức”², “mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ... *Mục đích* bất di bất dịch của ta vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. *Nguyên tắc* của ta thì phải vững chắc, nhưng *sách lược* của ta thì linh hoạt”³. Hội nghị nhất trí phải tiếp tục đấu tranh để sớm đi đến ký hiệp định đình chiến với Chính phủ Pháp, không để cho đế quốc Mỹ và phái hiếu chiến Pháp kéo dài Hội nghị và phá hoại đàm phán.

Cuộc đấu tranh trên bàn Hội nghị về phân chia giới tuyến tạm thời, khu vực tập kết và địa vị chính trị của lực lượng kháng chiến Lào và Campuchia giữa đại diện Việt Nam và đại diện Pháp diễn ra rất quyết liệt, kéo dài trong nhiều phiên họp, nhiều thời gian. Nhà sử học người Pháp Phrăngxoa Gioayô (Francois Joyaux) nhận xét rằng, đại diện quân sự Việt Nam trong các cuộc đàm phán với đại diện quân sự Pháp đã có thái độ cứng rắn về vấn đề này: “Nhân danh Pathét Lào, Tạ Quang Bửu đấu tranh để Chính phủ cách mạng

¹, 2, 3. HỒ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.314, 316, 319.

Lào được kiểm soát phần nửa phía Đông nước Lào kể cả cao nguyên Bôlavên ở phía Nam. Việt Minh cũng đặt vấn đề như vậy trong một thời gian khi đợi công nhận quyền của Khome ít xarắc được có một vùng lãnh thổ”¹.

Cuối cùng, do những thắng lợi to lớn trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 của ba nước Đông Dương mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, những khó khăn của Pháp ở Đông Dương và ở ngay trong nước, đại diện Pháp đã phải chịu ký hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào và Campuchia.

Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam gồm sáu loại điều khoản với 47 điều, trong đó quy định lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời để lực lượng hai bên tập kết: lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam ở phía bắc giới tuyến, lực lượng quân đội “Liên hiệp Pháp” ở phía nam giới tuyến. Giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là một ranh giới về chính trị hay lãnh thổ. Thời hạn quy định tổng tuyển cử ở Việt Nam là tháng 7 năm 1956.

Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Lào gồm sáu chương, 40 điều, trong đó công nhận nền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Lào, lực lượng Pathét Lào trở thành lực lượng chính trị độc lập hợp pháp, có quân đội, có khu tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ. Điều 14 của Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Lào ghi rõ: “Trong khi chờ một giải pháp chính trị, các đơn vị chiến đấu “Pathét Lào” tụ tập trong các khu đóng quân tạm thời, trừ những chiến sĩ muốn được giải ngũ tại chỗ, sẽ chuyển đến các tỉnh Phongxalỳ và Sầm Nưa. Các lực lượng này sẽ được tự do đi lại giữa hai tỉnh đó trong một hành lang dọc theo biên giới Lào - Việt, phía Nam giới hạn bởi con đường Xốp Kin, Na Mi, Xốp Xàng,

¹. Xem Francois Joyaux: *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1981, tr.363.

Mường Xon”¹. Hiệp định còn quy định rõ, để làm cho đất nước Lào thống nhất, các nhà chức trách hai phái: phái Pathét Lào và phái Vương quốc Lào sẽ tiến hành đàm phán với nhau để tìm ra biện pháp giải quyết về chính trị trên cơ sở bảo đảm quyền tự do dân chủ cho nhân dân, thành lập chính quyền liên hiệp, hoà hợp dân tộc thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do phổ thông đầu phiếu. Tổng tuyển cử ở Lào sẽ tiến hành trong năm 1955.

Ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương kết thúc bằng bản *Tuyên bố cuối cùng* gồm 13 điều về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương.

ý nghĩa chính trị to lớn của Hiệp định Giơnevơ là trong *Tuyên bố cuối cùng*, điều 12 đã nêu rõ: các nước tham gia Hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và tuyệt đối không can thiệp vào công việc nội bộ của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. *Đó là cơ sở pháp lý quốc tế rất quan trọng để nhân dân ba nước Đông Dương tiến lên giành độc lập, hoàn thành thống nhất đất nước ở mỗi nước.*

Tại Hội nghị, tám đoàn đại diện chính thức tham gia Hội nghị là Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Anh, Pháp, Quốc gia Việt Nam, Vương quốc Lào và Vương quốc Campuchia tham gia ký kết các văn kiện hội nghị. Riêng phái đoàn Mỹ không chịu ký, mà ra một tuyên bố riêng cam kết tôn trọng Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương...

Mặc dù giải pháp Giơnevơ chưa phản ánh đầy đủ những thắng lợi của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia trên chiến trường, nhưng nó đã đánh dấu sự kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương, đáp ứng nguyện vọng hoà bình của nhân dân Đông Dương và nhân dân thế giới. Cùng với chiến thắng Điện

¹. Bộ Ngoại giao: *Hiệp định Giơnevơ 50 năm nhìn lại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.320.

Biên Phủ, việc ký kết Hiệp định Giơnevơ là thắng lợi quan trọng của sự nghiệp đoàn kết kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương nói chung, của nhân dân hai nước Việt Nam - Lào nói riêng. Thắng lợi đó đã mở đầu cho cao trào giải phóng dân tộc rộng lớn trên thế giới, cho thời kỳ tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới.

Đánh giá về ý nghĩa của thắng lợi này, đồng chí Cayxôn Phômvihân đã khẳng định: “Đây là thắng lợi lịch sử của nhân dân Lào cũng như của nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia, chấm dứt ách thống trị kéo dài hơn 60 năm của thực dân Pháp, góp phần vào việc mở màn và thúc đẩy quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới”¹.

*

* *

Như vậy, trong lịch sử quan hệ đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu của quân và dân hai nước Việt Nam - Lào, những năm 1951 - 1954 là một giai đoạn chiến đấu đầy khó khăn, quyết liệt, song cũng rất đổi sôi động và hào hùng.

Trong giai đoạn lịch sử này, cách mạng hai nước đã giải quyết thành công những vấn đề mấu chốt như: thống nhất chủ trương thành lập đảng mácxít ở mỗi nước Đông Dương, thành lập khối liên minh Việt Nam - Lào - Campuchia dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của nhau, nhằm mục tiêu đánh đuổi bọn xâm lược, làm cho mỗi nước hoàn toàn độc lập. Việc Đảng Lao động Việt Nam ra hoạt động công khai, sự ra đời của Liên minh mặt trận Đông Dương và của Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào là cơ sở cho sự phát triển vượt bậc, có ý nghĩa chiến

¹. Cayxôn Phômvihân: *25 năm chiến đấu và thắng lợi của Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Sđd, tr.12.

lược quan trọng trong quan hệ đoàn kết, liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương nói chung, Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam nói riêng. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, của Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào và Mặt trận Lào ít xala, cách mạng hai nước Việt Nam - Lào càng phối hợp chặt chẽ với nhau hơn trên mọi chủ trương, hành động chiến lược và trên mọi mặt, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh bại kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Với tư tưởng chỉ đạo chiến lược “Đông Dương là một chiến trường”, lãnh đạo hai nước Việt Nam - Lào thống nhất lựa chọn, quyết định xây dựng chiến trường Lào thành chiến trường phối hợp đắc lực với chiến trường chính Việt Nam. Thực hiện chủ trương trên, trong năm 1951, Đảng và Chính phủ Việt Nam tiếp tục cử hơn một vạn cán bộ, chiến sĩ sang phối hợp và giúp đỡ nhân dân Lào đẩy mạnh kháng chiến. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Giúp bạn là mình tự giúp mình*”, coi nhân dân bạn như nhân dân mình, coi sự nghiệp cách mạng của bạn là trách nhiệm của mình, cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam đã kề vai sát cánh cùng với bạn, vừa chiến đấu chống địch càn quét lấn chiếm, vừa tiến hành xây dựng và củng cố các đoàn thể, chính quyền kháng chiến, tăng cường lực lượng vũ trang, phát triển chiến tranh du kích trên khắp các khu vực Thượng, Trung và Hạ Lào. Đồng thời, thực tiễn chiến đấu, công tác trên các chiến trường Lào cũng là cơ hội bồi dưỡng, rèn luyện rất bổ ích về các mặt quân sự, chính trị, nhất là nâng cao thêm tinh thần đoàn kết quốc tế cho cán bộ, chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam.

Sự lớn mạnh của phong trào kháng chiến Lào trong những năm 1951 - 1952 đã tạo điều kiện đưa chiến trường Lào tiến lên phối hợp có hiệu quả với chiến trường chính Việt Nam. Từ năm 1953, quân và dân hai nước Việt Nam - Lào phối hợp mở liên tiếp các

chiến dịch tiến công lớn trên chiến trường Lào với quy mô lực lượng của cả hai nước tham gia lớn hơn bất kỳ thời kỳ nào trước đó, tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, mở rộng nhiều vùng giải phóng ở Lào. Đặc biệt, trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, chiến trường Lào đã phát huy tác dụng là chiến trường phối hợp đặc lực với chiến trường chính Việt Nam, thu hút và giam chân một bộ phận quan trọng lực lượng cơ động của địch, góp phần tạo điều kiện cho các binh đoàn chủ lực Việt Nam tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơnevơ năm 1954, lập lại hoà bình ở Đông Dương, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) thể hiện nghị lực và quyết tâm của cả hai nước Việt Nam - Lào trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung, kết tinh sức mạnh đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu giữa nhân dân và quân đội hai nước Việt - Lào. Thắng lợi đó tạo nền móng vững chắc cho sự phối hợp, liên minh chiến đấu giữa hai nước Việt Nam và Lào ngày càng được nâng cao trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975).

Chương V

PHỐI HỢP ĐẤU TRANH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH GIÒNEVƠ, CHỐNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO (1954 - 1962)

I. CÙNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG Ở LÀO

1. Âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ đối với Việt Nam và Lào

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) thắng lợi, Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được ký kết (ngày 21 tháng 7 năm 1954) đã làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ ở Đông Dương và gây ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu á, châu Phi, châu Mỹ¹.

¹. Trên lục địa châu Phi, tháng 8 năm 1954, Đảng Cộng sản Maroc tuyên bố đòi Chính phủ Pháp phải chấm dứt các hành động đàn áp, khủng bố những người yêu nước, đòi phải thả tù chính trị. ở các nước châu Phi khác như Tuynidi, Angiêri, Camorun, Madagaxca, Cônggô, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũng diễn ra rất mạnh mẽ với khí thế sôi nổi chưa từng có.

ở châu á, nhiều quốc gia như ấn Độ, Mianma, Indônêxia... ngày càng tích cực thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, xoá bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc. Tháng 6 năm 1954, chính phủ hai nước Trung Quốc và ấn Độ ra tuyên bố về năm nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình. Gần một năm sau (tháng 4 năm 1955), Hội nghị Băng Đung triệu tập tại Indônêxia với 29 nước á - Phi tham dự đã ra tuyên bố 10 nguyên tắc chung sống hoà bình, trung lập.

Sự vùng lên mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hoà bình thế giới cùng với sự phát triển lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa từ châu Âu sang châu Á, trong đó những thành tựu to lớn của Liên Xô, Trung Quốc trên các lĩnh vực xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng đã góp phần quan trọng thúc đẩy phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, bảo vệ hoà bình trên thế giới.

Đối phó với tình hình trên, đế quốc Mỹ buộc phải điều chỉnh lại chiến lược toàn cầu. Từ đối đầu gay gắt giữa hai phe, Mỹ chuyển sang hoà hoãn với Liên Xô, tập trung lực lượng đánh phá phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

Thực hiện âm mưu chiến lược mới này, Mỹ chọn Đông Dương làm khu vực trọng điểm, bởi theo nhận định của giới quân sự Mỹ: thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước Đông Dương đang đe dọa quyền lợi của Mỹ ở Đông Nam Á. Chính vì lẽ đó khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, mặc dù Trưởng phái đoàn Chính phủ Mỹ tuyên bố ghi nhận và cam kết tôn trọng quyết định của chín nước thành viên Hội nghị Giơnevơ, nhưng liền sau đó Tổng thống Mỹ lại tuyên bố không bị ràng buộc bởi Hiệp định này. Cùng với tuyên bố trên, Mỹ ra sức cản trở việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ và tìm cách thay thế Pháp, can thiệp ngày càng sâu vào Đông Dương.

Để mở rộng xâm lược ba nước Đông Dương, Mỹ lôi kéo các nước Anh, Pháp, Ôxtrâyliya, Niu Dillân, Pakixtan, Philíppin, Thái Lan họp ở Manila (thủ đô của Philíppin) thành lập khối quân sự trá hình lấy tên là Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO). Ngày 8 tháng 9 năm 1954, các nước này ký *Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á*. Điểm 4 của Hiệp ước này ghi: trong trường hợp có xâm lược hay tiến công vũ trang chống lại những nước thành viên, các nước ký kết sẽ cùng nhau hành động... Một điều khoản phụ nêu những nước cần SEATO bảo vệ để chống “xâm lược” và “lật đổ”, trong đó có Việt Nam và Lào. Với

việc đặt xứ Đông Dương vào khu vực bảo hộ của khối Đông Nam á, Mỹ và các nước đồng minh của họ đã ngang nhiên hợp pháp hoá việc chuẩn bị can thiệp vào các nước Đông Dương.

Mục tiêu chiến lược của Mỹ đối với ba nước Đông Dương là:

- Chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- Dùng Nam Việt Nam, Lào làm bàn đạp tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Ngăn cản làn sóng cộng sản tràn vào các nước khác ở Đông Nam á.

Thực hiện các mục tiêu trên, ngay sau Hiệp định Giơnevơ, đế quốc Mỹ đã tăng cường viện trợ quân sự, kinh tế cho các chính quyền thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam và ở Lào¹. Thông qua hệ thống cổ vắn và viện trợ, Mỹ không những chi phối toàn bộ nền kinh tế của Nam Việt Nam, của Lào mà còn quyết định cả đường lối chính trị của chính quyền Sài Gòn và chính quyền Viêng Chăn.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Lào trở thành quốc gia độc lập có chủ quyền. Bộ máy chính quyền thân Pháp trước đây tuy là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân nhưng về danh nghĩa là chính phủ quốc gia. Khi can thiệp và xâm lược Lào, đế quốc Mỹ đã khai thác danh nghĩa pháp lý và bản chất của chính quyền này để mua chuộc lôi kéo những phần tử phản động cực hữu dựng lên chính phủ thân Mỹ.

Đi đôi với biện pháp quân sự, để nắm dân, mở rộng khu vực kiểm soát, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai thân Mỹ ở Lào còn đẩy mạnh các cuộc càn quét, dồn dân lập ra các “khu chấn hưng”, “làng đoàn kết” nhằm mục đích giành dân, cô lập cách mạng. Cũng tương tự như “ấp chiến lược”, “khu trù mật” của Mỹ ở miền Nam

¹. Số viện trợ Mỹ ở Việt Nam từ năm 1955 đến 1964 là 3.485,7 triệu USD; ở Lào từ năm 1955 đến 1965 là 830 triệu USD.

Việt Nam, “làng đoàn kết”, “khu chân hưng” ở Lào là một thủ đoạn thâm độc của Mỹ và tay sai nhằm tập trung các biện pháp chính trị, kinh tế, tâm lý phục vụ cho âm mưu chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ, tách dân để cô lập, đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào¹.

Cùng với viện trợ quân sự, kinh tế, Mỹ cho thành lập hệ thống cố vấn nắm quyền chỉ huy điều hành các chính quyền thân Mỹ phục vụ cho kế hoạch xâm lược của Mỹ ở Việt Nam và Lào. Trong mỗi giai đoạn chiến tranh, các tổ chức cố vấn Mỹ đều có sự thay đổi về tên gọi để phù hợp với tình hình cụ thể. ở miền Nam Việt Nam, Mỹ thành lập tổ chức MAAG từ năm 1950 khi còn làm nhiệm vụ viện trợ giúp Pháp. Đến giữa năm 1956, Mỹ cho thành lập ở Sài Gòn bốn tổ chức cố vấn với những tên gọi khác nhau MAAG, TRIM, CATO, TERM. Riêng phái đoàn MAAG ở miền Nam tính đến năm 1960 có khoảng 2.000 tên (trong đó khoảng 800 là cố vấn quân sự).

Dưới sự chỉ huy của Mỹ, ngay sau khi có lệnh ngừng bắn, bọn tay sai thân Mỹ ở Lào đã sử dụng các đơn vị quân đội Vương quốc liên tiếp gây ra nhiều vụ khiêu khích, tấn công các đơn vị đồn trú của Pathét Lào và quân tình nguyện Việt Nam, đồng thời cho quân chiếm đóng trái phép một số điểm trong vùng giải phóng của Pathét Lào ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ.

Sau Hiệp định Giơnevơ, cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ

¹. Cuối năm 1959, số người bị đưa vào trại tập trung tại hai vùng Sầm Nưa và Luông Phạbang lên tới 7.000 người. Đầu năm 1960, tại các tỉnh này có gần 2.400 gia đình bị chúng dồn về xung quanh các đồn bốt. Để thực hiện thủ đoạn lừa bịp, xoa dịu mâu thuẫn của nhân dân Lào, từ năm 1960, Mỹ còn đề ra chương trình phát triển nông thôn. Thực chất của chương trình này là nhằm quản lý nhân dân trong vùng chúng kiểm soát, kích động tâm lý nhân dân giữa hai vùng để chống phá cách mạng Lào. Theo số liệu thống kê, năm 1960, Mỹ đầu tư cho chương trình này 2,4 triệu USD, năm 1964 tăng lên 4 triệu USD và năm 1965 lên tới 6 triệu USD.

đấu tranh với những điều kiện thuận lợi mới nhưng cũng đầy những khó khăn phức tạp: đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam còn dưới sự thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Cuộc đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đặt ra cho nhân dân Việt Nam những nhiệm vụ mới rất nặng nề. Để đi đến thắng lợi đòi hỏi phải có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, sự đoàn kết toàn dân và sự ủng hộ tích cực của lực lượng hoà bình tiến bộ trên thế giới, trong đó có nhân dân Lào, Campuchia anh em.

Đối với nhân dân Lào, Hiệp định Giơnevơ 1954 được ký kết là một thắng lợi lớn, là bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân các bộ tộc Lào. Độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Lào được hội nghị quốc tế thừa nhận. Lực lượng cách mạng cũng được thừa nhận về pháp lý là một bên đối thoại để giải quyết nội bộ vấn đề Lào.

Bối cảnh đó đặt mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trước những thử thách lớn và thời cơ mới đòi hỏi hai Đảng phải đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua mọi khó khăn thử thách để lãnh đạo nhân dân hai nước tiếp tục giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh đoàn kết ba nước Đông Dương và đoàn kết quốc tế tạo thành sức mạnh chung đánh thắng kẻ thù.

2. củng cố và xây dựng lực lượng cách mạng Lào về mọi mặt

a) Hoàn thành chuyển quân, củng cố vùng tập kết của Pathét Lào

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, trước âm mưu thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ đối với ba nước Đông Dương, đặc biệt là đối với Việt Nam và Lào, phân tích so sánh lực lượng địch, ta ở bán đảo Đông Dương, xu thế phát triển chung của tình hình Đông

Nam á và thế giới, Trung ương Mặt trận Lào ít xala và Chính phủ Kháng chiến Lào đã đề ra nhiệm vụ của cách mạng Lào trong giai đoạn mới là: “đoàn kết toàn dân đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến, xây dựng hai tỉnh tập kết thành căn cứ đấu tranh của cả nước; giữ vững và phát triển cơ sở quần chúng ở các vùng ta vừa rút quân, dựa vào lực lượng của ta và hiệp định đình chiến mà thương lượng với Chính phủ Vương quốc, tiến hành tổng tuyển cử tự do và thành lập Chính phủ Liên hiệp thống nhất, tiến tới xây dựng một nước Lào dân chủ và hoàn toàn độc lập”¹, trong đó đặc biệt nhấn mạnh nhiệm vụ “bảo vệ và xây dựng hai tỉnh thành căn cứ cách mạng của cả nước và xây dựng phát triển các lực lượng vũ trang vững mạnh... là công tác trung tâm mấu chốt nhất trong giai đoạn này”².

Thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ 1954, ngày 22 tháng 7 năm 1954, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra lệnh cho các lực lượng vũ trang ngừng bắn trên toàn chiến trường Việt Nam và quân tình nguyện Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia. Tại Lào, ngày 23 tháng 7 năm 1954, đồng chí Cayxôn Phômvihản, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Chính phủ Kháng chiến Lào ra nhật lệnh ngừng bắn trên toàn lãnh thổ và thực hiện hiệp định đình chiến ở Lào. Lệnh ngừng bắn chính thức có hiệu lực từ ngày 6 tháng 8 năm 1954.

Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, lực lượng quân tình nguyện Việt Nam sẽ rút khỏi Lào trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày ký đình chiến, cũng trong khoảng thời gian đó, lực lượng Pathét Lào hoàn thành việc chuyển quân tập kết về hai tỉnh Sầm

¹, ². *Lịch sử quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.14-15.

Nưa và Phongxalỳ.

Triển khai kế hoạch rút quân theo quy định, ngày 28 tháng 8 năm 1954, Đại tá Đặng Tính, Trưởng Đoàn đại biểu quân tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào ít xalạ cùng với Đại tá Sore, Trưởng Đoàn đại biểu lực lượng Liên hiệp Pháp và Quân đội Hoàng gia Lào họp tại Khăng Khay bàn và ký các văn bản quy định những khu vực đóng quân tạm thời, hành lang rút quân và thời hạn rút quân của các đơn vị tham chiến ở Lào. Hai bên thoả thuận quy định các khu vực đóng quân tạm thời cho hai bên tham chiến¹.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Việt Nam cũng như Lào đã được quốc tế công nhận là các quốc gia độc lập, có chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Mỗi nước tiếp tục xây dựng lực lượng và đấu tranh vì nền độc lập, thống nhất của mỗi nước. Mỗi quan hệ đoàn kết liên minh chiến đấu giữa nhân dân và quân đội hai nước Việt Nam - Lào trong bối cảnh quốc tế mới đòi hỏi phải tập trung xây dựng lực lượng, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị nhằm củng cố hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc, đưa cách mạng mỗi nước tiến lên giành thắng lợi mới.

Theo đề nghị của Mặt trận Lào ít xalạ và Chính phủ Kháng chiến Lào, nhằm tăng cường xây dựng và phát huy khả năng tự lực của lực lượng Pathét Lào đấu tranh giành thắng lợi trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương tiếp tục giúp cách mạng Lào toàn diện, cơ bản, trước mắt tập trung giúp

¹. Khu vực đóng quân tạm thời của các bên tham chiến như sau:

Các đơn vị Lào ít xalạ: Mương Ngan, Mương Péc (Xiêng Khoảng), Mương Ngòi (Luồng Phạbang), Mương Phương (Viêng Chăn), Mương Noòng (Xavảnnakhết), Lao Ngam (Xalavăn), Đông Phia Phay (Chămpaxắc).

Các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam: Phongxalỳ, Mương Liệt, Xốp Hào (Sầm Nưa), Thulakhôm (Viêng Chăn), Bualapha (Thà Khéc), Xê Nọi (átápư).

Lực lượng thuộc quân đội Liên hiệp Pháp: Cánh đồng Chum, Luồng Phạbang, Viêng Chăn, Xavảnnakhết, Pạc Xê.

“xây dựng các lực lượng vũ trang, củng cố khu căn cứ hai tỉnh, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ”¹.

Do tình hình Lào và Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ có những nét đặc thù riêng nên phương thức hợp tác giúp đỡ của Việt Nam đối với cách mạng Lào cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Trên cơ sở bàn bạc thống nhất với Chính phủ Kháng chiến và Bộ Quốc phòng Lào về các vấn đề chiến lược cách mạng, trong đó có chiến lược quân sự, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chủ trương điều chỉnh tổ chức và bố trí lực lượng từ làm nhiệm vụ quân tình nguyện sang làm nhiệm vụ cố vấn quân sự thực hiện ở ba cấp: Bộ Quốc phòng (giúp chung mọi mặt); trường quân chính (giúp đào tạo, huấn luyện cán bộ) và các đơn vị, địa phương (mỗi nơi có một tổ cố vấn, gồm một cán bộ tiểu đoàn và một số cán bộ đại đội).

Về phương châm giúp cách mạng Lào, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xác định phải đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng chủ quyền của Lào. Hết sức đề cao lòng tự tin, tinh thần độc lập tự chủ của cán bộ Lào, ra sức giúp đỡ bồi dưỡng cán bộ Lào tự đảm đương lấy nhiệm vụ của Lào theo tinh thần “cách mạng Lào do nhân dân, cán bộ, chiến sĩ Lào tự làm lấy là chủ yếu; tránh bao biện làm thay, tránh chủ quan hấp tấp”².

Triển khai nhiệm vụ giúp cách mạng Lào theo phương thức mới, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã quyết định thành lập Đoàn 100 do đồng chí Chu Huy Mân làm trưởng đoàn kiêm bí thư Đảng uỷ

¹. Thư của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đồng chí Nguyễn Khang - Phụ trách Ban Cán sự miền Tây ngày 30 tháng 8 năm 1954, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

². *Lịch sử các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, tr.20.

sang giúp bộ đội Pathét Lào¹.

Sau các buổi làm việc với đồng chí Nguyễn Khang - Ủy viên Trung ương Đảng, Phụ trách Ban Cán sự miền Tây, đồng chí Cayxôn Phômvihản, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Chính phủ Kháng chiến Lào; đồng chí Xixávat Kẹo Bunphăn, Phụ trách tham mưu; Bun Phôm Mahả Xây, Phụ trách chính trị quân đội Pathét Lào, căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng và quân đội Pathét Lào, chỉ huy Đoàn 100 đã tổ chức phân công các đồng chí trực tiếp làm cố vấn giúp ba cơ quan Bộ Quốc phòng Lào, Trường Quân chính Cômmađăm, hai tỉnh đội (Sầm Nưa, Phôngxalỳ) và các địa phương, đơn vị.

Cuối tháng 11 năm 1954, các đơn vị quân đội Pathét Lào trong cả nước (gồm một số đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích và các nhóm thanh niên yêu nước mới tập trung) tập kết về hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ².

Khu tập kết của Pathét Lào gồm hai tỉnh Sầm Nưa, Phôngxalỳ và một dãy hành lang nối liền hai tỉnh, xuyên qua phía đông tỉnh Luông Phạbang, gọi là “Đàn Pệt” (Tiểu khu 8). Đây là một vùng đồi núi hiểm trở với diện tích khoảng 32.770 km², là nơi cư trú của 32 vạn dân gồm nhiều bộ tộc sống xen kẽ nhau, từng là vùng căn cứ Trung ương của cách mạng Lào trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nối liền với khu Tây Bắc và Liên khu 4 (Việt Nam), đã hoàn toàn giải phóng, đây là điều kiện tốt để phát triển mối quan

¹. Đoàn uỷ Đoàn 100 buổi đầu sang giúp cách mạng Lào gồm các đồng chí: Chu Huy Mân, Lê Tiến Phục, Nguyễn Đức Phương, Võ Quốc Vinh và Đinh Văn Tuy, do đồng chí Chu Huy Mân làm bí thư. Biên chế tổ chức Đoàn 100 gồm các tổ cố vấn: Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Trường Quân chính Cômmađăm và tổ cố vấn các địa phương, đơn vị.

². Các lực lượng cách mạng Lào tập kết về hai tỉnh gồm 8.138 người, cộng với lực lượng tại chỗ (1.000 người của hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ), tổng số là 9.138 người.

hệ giúp đỡ lẫn nhau giữa quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào.

Tuy nhiên, đời sống của nhân dân hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxalỳ còn nhiều khó khăn, cơ sở cách mạng ở nhiều địa phương chưa được củng cố; nền kinh tế nghèo nàn, chậm phát triển, đời sống của nhân dân còn rất thiếu thốn. Bọn phi và tay sai phản động địa phương còn không chế một số vùng; chính quyền các cấp đang hình thành, chưa phát huy được hiệu lực quản lý, chính sách còn nhiều bất cập. Nguồn bảo đảm vật chất, đời sống cho Chính phủ Kháng chiến Lào và quân đội chủ yếu dựa vào sự đóng góp của nhân dân hai tỉnh và sự viện trợ của Việt Nam nên còn nhiều hạn chế.

Căn cứ vào yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang đáp ứng nhiệm vụ cách mạng Lào trước mắt cũng như lâu dài, lãnh đạo và chỉ huy Đoàn 100 đã đi sâu nắm tình hình mọi mặt để xây dựng đề án tổ chức lực lượng giúp quân đội Pathét Lào. Dựa vào kinh nghiệm của Việt Nam trong giai đoạn đầu xây dựng lực lượng vũ trang, Đoàn 100 đề xuất phương án tổ chức xây dựng quân đội Pathét Lào gồm cơ quan Bộ Quốc phòng, một số tiểu đoàn bộ binh và đơn vị trợ chiến.

Đầu tháng 12 năm 1954, tại một địa điểm ở khu vực bản Cang Thạt và Cang Mừng thuộc huyện Mường Xôi, tỉnh Sầm Nưa, Hội nghị quân chính Lào do đồng chí Cayxôn Phômvihân, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Chính phủ Kháng chiến Lào chủ trì đã thông qua đề án xây dựng lực lượng vũ trang Pathét Lào.

Cũng tại Hội nghị này, trên cơ sở đề án xây dựng lực lượng vũ trang Pathét Lào đã được xác định, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lào nhấn mạnh nhiệm vụ cơ bản của quân đội Pathét Lào trong thời gian tới là: “khuếch trương và củng cố các lực lượng vũ trang Pathét Lào thành một quân đội cách mạng vững mạnh, có đủ khả

năng trước mắt phá tan được âm mưu quân sự của đối phương, bảo vệ khu tập kết, hậu thuẫn vững chắc cho đấu tranh chính trị; về lâu dài, nếu địch gây lại chiến tranh thì sẽ trở thành lực lượng nòng cốt cho cuộc vũ trang toàn dân để tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, giải phóng hoàn toàn đất nước”¹. Hội nghị cũng xác định phương châm xây dựng quân đội Pathét Lào phải nắm vững những nội dung chủ yếu: “lấy giáo dục chính trị tư tưởng làm chính, bồi dưỡng cán bộ làm trọng tâm; tổ chức gọn nhẹ, dựa theo tính chất dân tộc, thích hợp với trình độ chỉ huy của cán bộ, điều kiện chiến trường và khả năng cung cấp tại chỗ; xây dựng bộ đội chủ lực, đồng thời với xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích; xây dựng đơn vị đồng thời xây dựng cơ quan; tăng cường xây dựng hệ thống lãnh đạo của Đảng và hệ thống công tác chính trị trong quân đội”².

Sau Hội nghị quân chính tháng 12 năm 1954, Bộ Quốc phòng Chính phủ Kháng chiến Lào quyết định thực hiện biểu biên chế mới trong toàn quân. Theo đó, quân đội Pathét Lào có lực lượng chủ lực tập trung và lực lượng vũ trang địa phương ở hai tỉnh. Biên chế gồm: 3 cơ quan Bộ Quốc phòng (tham mưu, chính trị, hậu cần); Trường Quân chính Cômmaxăm; 9 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn trợ chiến, 1 tiểu đoàn vận tải, 3 đại đội (thông tin, quân báo, công binh), 1 trung đội bảo vệ cơ quan, 12 đại đội độc lập và đại đội địa phương, 2 cơ quan tỉnh đội là Sầm Nưa và Phôngxalỳ. Tổng số có 7.267 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 67 cán bộ tiểu đoàn, 227 cán bộ đại đội, 557 cán bộ trung đội, 1.517 cán bộ tiểu đội³.

Tập kết về hai tỉnh với quân số gần một vạn người, việc bảo đảm đời sống cho cán bộ, chiến sĩ, phục vụ kịp thời các yêu cầu

¹, 2, 3. *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào*, Nxb. Quân đội nhân dân Lào, Viêng Chăn, 1996. Bản dịch tiếng Việt, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, tr.116, 117.

xây dựng chiến đấu của quân đội Pathét Lào là một nhiệm vụ rất nặng nề trong điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật của Pathét Lào hầu như không có gì. Để giúp quân đội Pathét Lào bảo đảm hậu cần hàng ngày cho các cơ quan, đơn vị, Tổng cục Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam đã giúp quân đội Pathét Lào xây dựng nguồn và tổ chức hệ thống cung cấp, bảo đảm ăn mặc cho cán bộ, chiến sĩ, đồng thời đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hậu cần kỹ thuật trong các cơ quan, đơn vị của Pathét Lào để cán bộ Lào từng bước tự đảm đương nhiệm vụ.

Với sự giúp đỡ của Bộ Quốc phòng Việt Nam, quân đội Pathét Lào đã tổ chức xây dựng được một bệnh viện quân đội 40 giường, một cơ sở chế biến dược phẩm, tổ chức một số đội phẫu thuật, đội sửa chữa vũ khí, khí tài lưu động phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

Đối với việc xây dựng, củng cố khu căn cứ tập kết hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ, theo yêu cầu của Chính phủ Kháng chiến và Bộ Quốc phòng Lào, phối hợp với Ban Cán sự miền Tây, Đoàn 100 cử tổ cố vấn do đồng chí Nguyễn Hữu Nghị, Trung đoàn phó phụ trách giúp tỉnh đội Sầm Nưa và tổ do đồng chí Đinh Văn Tuy, Trung đoàn trưởng phụ trách tỉnh đội Phôngxalỳ cùng với các tổ cố vấn tiểu đoàn giúp Lào xây dựng vững chắc khu tập kết hai tỉnh.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chỉ huy tối cao Lào, các cơ quan, đơn vị Pathét Lào ở các khu vực đóng quân có cố vấn Việt Nam giúp đỡ đã tổ chức các đội chuyên trách công tác xây dựng cơ sở quần chúng, giúp dân sản xuất, tổ chức khám, chữa bệnh cho nhân dân, dạy văn hoá cho thanh niên, tuyên truyền về tình đoàn kết quân dân hai nước Việt - Lào. Các cơ quan chính quyền ở hai tỉnh Sầm Nưa, Phôngxalỳ đã tích cực phát động nhân dân tăng gia sản xuất, thực hiện các chủ trương của Chính phủ Kháng chiến Lào. Nhờ đó, đời

sống của nhân dân các bộ tộc Lào trên địa bàn hai tỉnh đã được cải thiện đáng kể, cơ sở quần chúng được tăng cường, củng cố ngày càng vững chắc. Trong số 1.572 bản đã có 1.327 bản xây dựng được cơ sở đoàn thể cách mạng và lực lượng du kích. ở nhiều nơi, nhân dân tích cực đi dân công, động viên con em tham gia quân đội Pathét Lào.

Không những hoàn thành nhiệm vụ chuyển quân tập kết nhanh gọn, mà việc triển khai kế hoạch xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang cách mạng, giữ vững địa bàn tập kết hai tỉnh cũng được nhanh chóng triển khai, tạo điều kiện ban đầu rất quan trọng để Mặt trận Lào ít xalạ và Chính phủ Kháng chiến Lào tiếp tục củng cố lực lượng đấu tranh, bảo vệ thành quả cách mạng.

b) Thành lập Đảng Nhân dân Lào

Cuối năm 1954 đầu năm 1955, tình hình Lào diễn biến rất phức tạp do đế quốc Mỹ và bọn tay sai tăng cường các hoạt động phá hoại Hiệp định Giơnevơ, cản trở hiệp thương chính trị.

Ngày 6 tháng 1 năm 1955, Hội nghị hiệp thương chính trị giữa Neo Lào ít xalạ và Chính phủ Vương quốc Lào khai mạc tại Cánh đồng Chum, tỉnh Xiêng Khoảng thì ngày 18 tháng 1 năm 1955 phải ngừng do phái đoàn Chính phủ Vương quốc Lào tự ý bỏ về Viêng Chăn¹.

Trước áp lực của phong trào đấu tranh đòi hoà bình, đòi nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ ở trong nước và dư luận

¹. Hội nghị hiệp thương chính trị tại Cánh đồng Chum, tỉnh Xiêng Khoảng giữa Neo Lào ít xalạ và Chính phủ Vương quốc Lào khai mạc ngày 6 tháng 1 năm 1955. Đoàn đại biểu Mặt trận Lào ít xalạ gồm ba thành viên do ông Phumi Vôngvichít, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Chính phủ Kháng chiến Lào, làm trưởng đoàn. Đoàn đại biểu Vương quốc Lào gồm sáu thành viên do ông Thoongđi, Bộ trưởng Bộ Canh nông trong chính phủ của Cátài, tay chân thân tín của Cátài, làm trưởng đoàn.

quốc tế, ngày 3 tháng 2 năm 1955, Hội nghị hiệp thương chính trị giữa Neo Lào ít xalạ và Chính phủ Vương quốc Lào tại Cánh đồng Chum được nối lại, hai bên tiếp tục thảo luận các vấn đề còn tồn tại từ các phiên họp trước.

Sau hơn một tháng hiệp thương, ngày 9 tháng 3 năm 1955, Hội nghị hiệp thương chính trị giữa Neo Lào ít xalạ và Chính phủ Vương quốc Lào tại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng ra tuyên bố chung cam kết: chấm dứt ngay mọi hoạt động công kích lẫn nhau; hai bên ra lệnh cho các lực lượng vũ trang đình chỉ mọi hoạt động tấn công quân sự; hai bên thoả thuận chuyển địa điểm Hội nghị hiệp thương chính trị từ Cánh đồng Chum, tỉnh Xiêng Khoảng về Viêng Chăn.

Việc ký tuyên bố chung tại Hội nghị hiệp thương chính trị là thắng lợi bước đầu của Neo Lào ít xalạ trong việc đấu tranh đòi đòi phương thi hành Hiệp định Giơnevơ 1954 về Lào. Song, đế quốc Mỹ và bọn tay sai vẫn tích cực chuẩn bị lực lượng quân sự để thực hiện âm mưu thôn tính hai tỉnh tập kết.

Trước yêu cầu nhiệm vụ mới của cuộc kháng chiến, những người cộng sản Lào nhận thấy phải nhanh chóng tổ chức Đại hội thành lập Đảng để lãnh đạo cách mạng Lào thực hiện những nhiệm vụ cấp bách đang đặt ra.

Trải qua một quá trình dày công chuẩn bị, bằng sự nỗ lực vượt bậc của những cán bộ, đảng viên ở các cơ sở cách mạng và *Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào*, được sự giúp đỡ chí tình của cán bộ chuyên gia Việt Nam, đến đầu năm 1955, các điều kiện để tiến tới thành lập Đảng của Lào đã chín muồi.

Từ ngày 22 tháng 3 đến 6 tháng 4 năm 1955, tại một địa điểm gần biên giới Việt Nam - Lào, Đại hội thành lập Đảng Nhân dân

Lào đã được tiến hành. Dự Đại hội có 19 đại biểu¹ của Đảng Cộng sản Đông Dương trước đây, thay mặt cho gần 300 đảng viên trong cả nước.

Đại hội đã nghe đồng chí Cayxôn Phômvihản trình bày báo cáo về công tác chuẩn bị thành lập Đảng, trong đó xác định rõ yêu cầu cấp bách phải tổ chức chính đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Lào. Đảng Nhân dân Lào lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho mọi hành động của mình. Tổ chức của Đảng gồm những người tiêu biểu trong cán bộ, chiến sĩ, quần chúng nhân dân, là những người có lòng yêu nước thương nòi, quyết tâm chống đế quốc vì lợi ích của dân tộc và nhân dân các bộ tộc Lào.

Cùng với việc khẳng định Đảng Nhân dân Lào là đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đại biểu chân chính của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đại hội đã xác định nhiệm vụ chung của Đảng trong giai đoạn này là đoàn kết lãnh đạo toàn dân phấn đấu hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thực hiện một nước Lào hoà bình, dân chủ, thống nhất và độc lập. Để thực hiện các mục tiêu trên, Đảng chủ trương hợp tác với chính quyền Viêng Chăn, với các lực lượng tiến bộ khác để cùng nhau thực hiện Hiệp định đình chiến 1954, bảo vệ độc lập chủ quyền của Lào. Đảng xác định kẻ thù của dân tộc là đế quốc Mỹ và bọn tay sai bán nước, phản dân tộc.

Sau khi nghe các đại biểu thảo luận về tình hình trong nước, tình hình thế giới, thế và lực cũng như những yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng Lào, Đại hội đã đi đến thống nhất những chính

¹. Theo danh sách có 20 đồng chí, nhưng vắng một đồng chí, chỉ có 19 đồng chí dự Đại hội.

sách căn bản và chương trình hành động 12 điểm¹.

Sau khi thông qua Báo cáo chính trị, Chính sách cơ bản, Cương lĩnh hành động, Điều lệ Đảng, Đại hội đã bầu Ban Chỉ đạo toàn quốc gồm năm đồng chí: Cayxôn Phômvihản, Nủhắc Phumxavăn, Khăm Xẻng, Xixávat Kẹo Bunphăn và Bun Phôm Mahă Xây. Đồng chí Cayxôn Phômvihản được bầu làm trưởng Ban Chỉ đạo².

¹. Chương trình hành động 12 điểm gồm: 1. Chống đế quốc Mỹ và thực dân Pháp phá hoại Hiệp định đình chiến và bè lũ tay sai của chúng đang âm mưu phá hoại hoà bình, chia rẽ dân tộc ta, lôi cuốn nước ta vào các khối xâm lược và kéo dài tình trạng nô dịch nước ta; 2. Kêu gọi chính phủ nhà vua và các lực lượng yêu nước phải hợp tác với nhau một cách thực sự để thi hành Hiệp định đình chiến, củng cố hoà bình, thực hiện được dân chủ, tiến hành tổng tuyển cử tự do để thống nhất nước Lào, thành lập Chính phủ Liên hiệp dân tộc và hoàn thành độc lập dân tộc; 3. Đại đoàn kết toàn dân, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi trên cơ sở liên minh công - nông; 4. Xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang để giữ vững căn cứ địa, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh chính trị; 5. Cải thiện đời sống cho các tầng lớp nhân dân, bảo đảm cho công nhân có công ăn việc làm, nông dân có ruộng, phát triển nông nghiệp, những người lao động bằng trí óc cần được trọng dụng và giúp đỡ để phát triển tài năng; 6. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, tự do ngôn luận báo chí, tự do hội họp, tự do đi lại; 7. Thực hiện nam, nữ bình quyền, chính sách dân tộc bình đẳng và đoàn kết, xoá bỏ các thù hận, chia rẽ các dân tộc trong nước do thực dân, phong kiến gây ra; 8. Tôn trọng tự do tín ngưỡng và phong tục tập quán của nhân dân, xoá nạn mù chữ, phát triển nền văn hoá của dân tộc; 9. Bảo đảm tính mạng, tài sản và quyền tự do kinh doanh của ngoại kiều sinh sống ở Lào; ngoại kiều phải tôn trọng chủ quyền độc lập của Lào; 10. Xây dựng mối quan hệ hữu nghị với tất cả những nước tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào. Đặt quan hệ về mọi mặt giữa Lào và các nước khác trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên đều có lợi; 11. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt chú trọng công, nông, cán bộ của các dân tộc thiểu số; 12. Ra sức xây dựng Đảng Nhân dân Lào thành một đảng mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, có đủ sức lãnh đạo cuộc cách mạng Lào đi đến thắng lợi cuối cùng.

². Đến tháng 8 năm 1956, Ban Chỉ đạo được bổ sung thêm ba đồng chí: Xuphanuvông, Phumi Vôngvichít, Phun Xipaxot.

Trong các ngày 14, 15, 16 tháng 4 năm 1955, Ban Chỉ đạo của Đảng họp phiên đầu tiên, đặt kế hoạch xây dựng đảng, tổ chức các cơ quan làm việc, định ra lề lối làm việc của Ban Chỉ đạo và Ban Cán sự.

Đảng Nhân dân Lào ra đời là sự đơm hoa kết trái của cả quá trình đấu tranh anh dũng của nhân dân Lào trong suốt những năm đấu tranh chống sự thống trị của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, là mốc son lịch sử “đánh dấu sự phát triển vượt bậc và bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Lào”¹.

Với việc thành lập Đảng Nhân dân Lào, tổ chức tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Lào, cách mạng Lào từ đây bước sang giai đoạn mới, giai đoạn nhân dân các bộ tộc Lào đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, xây dựng một nước Lào hoà bình, độc lập, thống nhất và phồn vinh. Từ đây, liên minh Việt - Lào chuyển sang thời kỳ mới, từ chỗ chung một đảng, nay là quan hệ tự nguyện liên minh hợp tác cùng nhau chiến đấu chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ, giành độc lập tự do cho mỗi dân tộc. Sau khi thành lập Đảng, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào đã gửi điện cảm ơn đến Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, bày tỏ lòng cảm ơn trước sự giúp đỡ của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với cách mạng Lào. Bức điện có đoạn: “Chúng tôi thành công trong việc thành lập Đảng Nhân dân Lào là nhờ công ơn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã theo dõi, dìu dắt và sự giúp đỡ vô điều kiện của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong thời gian qua”².

¹. Cayxôn Phômvihân: *25 năm chiến đấu và thắng lợi của Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Sđd, 1980.

². *C100 (năm 1978), tình đoàn kết Việt - Lào*, lưu tại Thư viện Quân đội, ký hiệu 327, T4055, tr.32.

Cũng trong tháng 4 năm 1955, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào họp ra nghị quyết thành lập Đảng uỷ Quân sự Trung ương gồm ba đồng chí, do đồng chí Cayxôn Phômvihản làm bí thư Đảng uỷ Quân sự Trung ương và chỉ huy tối cao các lực lượng vũ trang Pathét Lào.

Đảng uỷ Quân sự Trung ương Lào được thành lập đã tạo cơ sở vững chắc để tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào đối với quân đội Pathét Lào, đáp ứng tình hình mới, đồng thời đẩy mạnh quan hệ đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, quân đội hai nước Việt - Lào.

c) Củng cố, mở rộng Mặt trận thống nhất dân tộc Neo Lào Hắc Xát

Ngày 19 tháng 4 năm 1955, Hội nghị hiệp thương chính trị giữa phái đoàn Neo Lào ít xala và Chính phủ Vương quốc Lào nhóm họp trở lại ở Viêng Chăn. Nhưng Hội nghị chỉ họp được ba ngày lại bị gián đoạn do phía Chính phủ Vương quốc Lào đưa ra những đề nghị ngang ngược không thể chấp nhận được¹. Để tạo thế hợp pháp cho việc thực hiện mưu đồ thôn tính hai tỉnh tập kết và thủ tiêu lực lượng vũ trang cách mạng, sau khi tuyên bố tổ chức tổng tuyển cử riêng, ngày 28 tháng 5 năm 1955, Chính phủ Vương quốc Lào, do Cátài Đôn xaxô lít làm thủ tướng, cho thành lập “đặc khu hành quân” để chỉ huy đánh chiếm hai tỉnh Sầm Nưa, Phôngxalỳ. Chúng huy động 2/3 số quân² cùng với hàng nghìn tên biệt kích do hai tướng Bunpon và Xăng chỉ huy, mở các cuộc tấn công quy mô lớn

¹. Đây là lần thứ năm Hội nghị hiệp thương chính trị giữa hai bên bị gián đoạn, kể từ phiên họp đầu tiên (ngày 6 tháng 1 năm 1955).

². Ở thời điểm này, quân nguy Lào đã tăng lên 25.000 tên, không kể các sĩ quan cổ vấn Pháp, Mỹ và dân vệ.

vào hai tỉnh tập kết của Mặt trận Lào ít xala.

Trước những diễn biến phức tạp ở Lào, ngày 2 tháng 7 năm 1955, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào họp ra Nghị quyết 2 về tình hình và nhiệm vụ cách mạng Lào trong giai đoạn mới. Nhận định về tình hình, so sánh tương quan lực lượng địch - ta, Nghị quyết chỉ rõ: “Sau gần một năm thi hành Hiệp định Giơnevơ, ảnh hưởng của Mặt trận Lào ít xala lan rộng hơn trước, cơ sở quần chúng được giữ vững và phát triển, lực lượng vũ trang được xây dựng và củng cố. Song nhìn chung, sự phát triển về mọi mặt vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình... So sánh tương quan lực lượng hiện tại thì địch còn mạnh hơn ta, ta gặp nhiều khó khăn hơn địch...”¹.

Xuất phát từ thực tiễn đặc điểm, tình hình, tương quan lực lượng, Nghị quyết nhận định tình hình sắp tới có thể diễn ra một trong ba khả năng:

- Lực lượng cách mạng duy trì được cuộc đấu tranh chính trị, quân sự, giữ vững hai tỉnh tập kết, tình hình sẽ giằng co như hiện nay và có thể kéo dài.

- Địch lần được hai tỉnh, thành lập được chính quyền, lực lượng cách mạng tạm thời phải rút vào bí mật.

- Do sự nỗ lực chủ quan kết hợp tình hình khách quan, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ trong cả nước, lực lượng cách mạng lớn mạnh hẳn lên buộc địch phải thương lượng với Neo Lào ít xala, thành lập Chính phủ liên hiệp thì chúng sẽ dùng thủ đoạn diễn biến hoà bình, mua chuộc, chia rẽ nội bộ để gạt bỏ lực lượng cách mạng.

Từ phân tích các khả năng, Nghị quyết đề ra nhiệm vụ và một số công tác trước mắt của cách mạng Lào là:

- Kiên trì đấu tranh chính trị, đòi phía Chính phủ Vương quốc

¹. Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008, tr.277.

Lào thi hành Hiệp định đình chiến, thành thực thương lượng, thực hiện tự do dân chủ, tiến hành tổng tuyển cử tự do, thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập dân tộc.

- Đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất, kiên trì đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, giữ vững và phát triển cơ sở quần chúng. Bảo vệ và xây dựng hai tỉnh tập kết thành căn cứ địa cách mạng cho cả nước.

- Xúc tiến xây dựng đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, làm cho mọi người hiểu rõ cuộc đấu tranh của nhân dân Lào còn phải lâu dài, gian khổ, phức tạp nhưng cách mạng Lào nhất định vượt qua mọi khó khăn thử thách để đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đồng thời, quán triệt sâu sắc sách lược đấu tranh của cách mạng Lào lúc này là tập trung mũi nhọn vào đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai cực đoan phản động. Đoàn kết tranh thủ bất kỳ phe phái, cá nhân nào có thể tranh thủ đoàn kết được để phân hoá cô lập kẻ thù.

Trong tháng 8 và tháng 9 năm 1955, cùng với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ và một số công tác trước mắt đã được Nghị quyết Trung ương 2 xác định, Neo Lào ít xalạ khẩn trương chuẩn bị mọi mặt thành lập ban vận động toàn quốc để lập ra một mặt trận mới. Sau khi Hoàng thân Xuphanuvông, đại diện Neo Lào ít xalạ và Cátài, Thủ tướng Chính phủ Vương quốc Lào gặp nhau tại Rănggun (ngày 11 tháng 10 năm 1955) ký hiệp định về đình chỉ mọi xung đột vũ trang ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ, ngày 12 tháng 10 năm 1955, Neo Lào ít xalạ đã tổ chức hội nghị trù bị để chuẩn bị thành lập một mặt trận mới trên cơ sở mở rộng Neo Lào ít xalạ. Hội nghị đã dự thảo Điều lệ, Cương lĩnh của mặt trận, lập Ban Vận động mặt trận toàn quốc; phổ biến, tuyên truyền các chủ trương chính sách của mặt trận, đồng thời định thời gian triệu tập Đại hội toàn quốc. Hội nghị trù bị đã bầu Ban Vận động mặt trận

toàn quốc gồm 29 thành viên, do Hoàng thân Xuphanuvông làm chủ tịch.

Trước bước phát triển mới của cách mạng Lào, để thực hiện Nghị quyết của Đảng Nhân dân Lào (tháng 7 năm 1955) về đẩy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, từ ngày 6 đến 31 tháng 1 năm 1956, Ủy ban Trung ương Neo Lào ít xalá đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại một địa điểm thuộc tỉnh Sầm Nưa.

Tham dự Đại hội có đông đủ đại biểu thay mặt các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, đảng phái, nhân sĩ yêu nước trong toàn quốc. Đại hội khẳng định, Mặt trận đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, nay tình hình đã thay đổi, cần phải mở rộng Mặt trận thống nhất dân tộc.

Sau khi thảo luận báo cáo chính trị của Ban Vận động thành lập Mặt trận thống nhất, Đại hội đã thông qua cương lĩnh chính trị 12 điểm, trong đó nêu lên nhiệm vụ chủ yếu của Mặt trận là:

- Đoàn kết toàn dân trong Mặt trận để đấu tranh đòi thi hành triệt để Hiệp định Giơnevơ, làm cho nước Lào hoà bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng.

- Giữ vững và phát triển lực lượng yêu nước của nhân dân Lào, tạo cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh chính trị của dân tộc.

Mặt trận chủ trương: về đối ngoại, theo đuổi chính sách hoà bình trung lập, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới; về đối nội, tiếp tục thực hiện đường lối hoà hợp dân tộc, thống nhất quốc gia, tôn trọng ngôi vua, tôn giáo, bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Về kinh tế - xã hội, tích cực chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Ban hành chính sách thuế khoá hợp lý, giúp đỡ nông dân đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm công ăn việc làm cho công nhân, chăm lo giáo dục - y tế, phát triển và bảo vệ nền văn hoá dân tộc.

Đề phù hợp với yêu cầu lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn

mới, Đại hội quyết định đổi tên Neo Lào ít xalạ thành Neo Lào Hắc Xát (Mặt trận Lào yêu nước). Đổi tên tờ báo *Lào ít xalạ* - cơ quan ngôn luận của Mặt trận (thực chất là của Đảng Nhân dân Lào, vì lúc này Đảng chưa ra hoạt động công khai) - thành *Lào Hắc Xát*.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Neo Lào Hắc Xát gồm 47 đại biểu, đại diện cho các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo trong cả nước do Hoàng thân Xuphanuvông làm chủ tịch, các ông Phayđang Lô Blia Yao đại diện cho dân tộc Lào Xung; Xithôn Cômmadăm đại diện cho các bộ tộc Lào Thương được bầu làm phó chủ tịch.

Ngoài ra, Đại hội còn quyết nghị thông qua một số văn kiện quan trọng như:

- Điện văn gửi Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Kiến nghị gửi Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát đình chiến ở Lào, đòi phía Chính phủ Vương quốc Lào phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ và các hiệp định về đình chỉ xung đột vũ trang giữa hai bên.
- Thông qua tuyên bố phản đối Chính phủ Vương quốc Lào tổ chức tổng tuyển cử riêng rẽ (ngày 25 tháng 12 năm 1955).

Đại hội thành công đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Lào, là sự biểu dương ý chí đoàn kết thống nhất của nhân dân các bộ tộc Lào trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Sau Đại hội, Chủ tịch Xuphanuvông ra tuyên bố về chính sách hoà bình trung lập của Lào, kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bọn phản động tay sai phá hoại Hiệp định Giơnevơ 1954; đòi phía Chính phủ Vương quốc Lào phải hợp tác thực sự với Pathét Lào trong việc thực hiện Hiệp định Giơnevơ; kêu gọi lực lượng cách mạng kiên quyết chiến đấu bảo vệ hai tỉnh tập kết.

II. PHỐI HỢP VIỆT NAM - LÀO ĐẤU TRANH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH GIƠNEVO, TIẾN TỚI THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP LÀO LẦN THỨ NHẤT

1. Đế quốc Mỹ và lực lượng phản động tay sai tăng cường phá hoại Hiệp định Giơnevơ 1954

Trong khi các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam tiến hành việc rút quân khỏi Lào và các đơn vị chiến đấu Pathét Lào thực hiện việc chuyển quân tập kết về hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ thì đế quốc Mỹ thông qua các thế lực phản động Lào do Cátài Đônxaxôlít và Phủi Xánánicon đứng đầu ráo riết tiến hành các hoạt động phá hoại Hiệp định Giơnevơ 1954.

Để chấn chỉnh bộ máy nguy quyền thân Pháp không ăn cánh với Mỹ và loại trừ những người có xu hướng tiến bộ, Mỹ cho tay chân ám sát Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Cúvoravông (người có xu hướng hoà bình trung lập trong Chính phủ Vương quốc Lào và không tán thành kế hoạch tấn công hai tỉnh tập kết của Pathét Lào do Mỹ vạch ra). Tiếp đó, trong tháng 11 năm 1954, đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai dùng áp lực buộc Thủ tướng Hoàng thân Xuvănna Phuma (một nhân vật thuộc phái ôn hoà, đồng thời là anh em cùng cha khác mẹ với Hoàng thân Xuphanuvông, lãnh tụ Pathét Lào) phải từ chức và đưa Cátài Đônxaxôlít, một tay sai cực đoan thân Mỹ, lên làm thủ tướng.

Dưới áp lực của Mỹ, ngày 24 tháng 11 năm 1954, Vua Lào chỉ định Cátài đứng ra lập chính phủ mới gồm 11 thành viên, phần lớn là lực lượng thân Mỹ.

Vừa lên làm thủ tướng, Cátài đã công khai bài trừ Pháp, ra sức xuyên tạc Hiệp định Giơnevơ, vu cáo Pathét Lào, Việt Nam. Một mặt phá thương lượng với Pathét Lào, mặt khác ra sức phát triển lực lượng vũ trang, cho quân chiếm đóng trái phép nhiều điểm

thuộc hai tỉnh tập kết của Pathét Lào. Ngày 31 tháng 12 năm 1954, chính phủ Cátài huy động một lực lượng lớn quân đội tấn công hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ, đồng thời tiến hành khủng bố những người tham gia kháng chiến cũ trong phạm vi cả nước hòng uy hiếp tinh thần, dập tắt phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của nhân dân Lào.

ở 10 tỉnh¹ dưới quyền kiểm soát của Chính phủ Vương quốc Lào, tính từ tháng 8 năm 1954 đến tháng 4 năm 1955, quân đội Vương quốc Lào đã mở trên 200 cuộc hành quân khủng bố, cướp bóc tài sản của nhân dân tại các khu căn cứ cũ của Neo Lào ít xalạ. Chúng trả thù, sát hại và bắt giam trên 1.000 người yêu nước kháng chiến cũ. Tại các bản làng, chúng tổ chức các đội vũ trang dân vệ, hình thành bộ máy kìm kẹp ở nông thôn.

Cùng với đẩy mạnh các cuộc tấn công lấn chiếm, phía quân đội Vương quốc Lào còn ráo riết tổ chức lực lượng vũ trang ngầm ở hai tỉnh tập kết. Đến tháng 12 năm 1955, quân đội Vương quốc Lào đã thâm nhập kiểm soát 131 bản trong số 974 bản của toàn tỉnh Sầm Nưa, đồng thời chúng sử dụng lực lượng từ một đại đội trở lên chiếm đóng một số vị trí quan trọng của Pathét Lào như Mường Pôn, Huội Thầu, Na Noọng, Tích Lang, Na Keng, Phả Kha, Phả Thí, Huội Nhạ, Hủa Mưòng, Mường Lạp...

ở Phôngxalỳ, với ba tiểu đoàn chủ lực, năm đại đội địa phương, 600 quân phi các loại, quân đội Chính phủ Vương quốc Lào đã tổ chức nhiều cuộc tấn công vào Hạt Nang, phía tây nam Mường Khỏa, Huội Hoọc, Na Vải thuộc huyện Mường Bun và càn quét dọc sông Nậm Bút (phía nam Mường Khỏa). Đến cuối năm 1955, quân đội Vương quốc Lào đã chiếm giữ 195 bản trong tổng số 598

¹. Mười tỉnh gồm Huội Xài, Bò Kẹo, Luổng Phạ bang, Xiêng Khoảng, Viêng Chăn (Thượng Lào), Khăm Muộn, Xavảnnakhệt (Trung Lào), Xalavăn, áttapư, Chămpaxắc (Hạ Lào).

bản của tỉnh Phôngxalỳ. Ngoài ra quân đội Vương quốc Lào còn cho hai tiểu đoàn đóng ở Hát Xả, Xốp Chai (thuộc tỉnh Luông Phabang) giáp Phôngxalỳ để uy hiếp các lực lượng Pathét Lào.

2. Đẩy mạnh đấu tranh thực hiện Hiệp định Gionevor, thành lập Chính phủ liên hiệp Lào lần thứ nhất

Dự kiến đúng đắn các khả năng đế quốc Mỹ và lực lượng phản động tay sai tăng cường phá hoại Hiệp định Gionevor, ngay khi Hiệp định Gionevor chưa được ký kết, tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khoá II (tháng 7 năm 1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc báo cáo “về tình hình mới và nhiệm vụ mới”, khi phân tích tình hình trong nước và quốc tế đã nêu rõ: “hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ. Bất kỳ người nào, nước nào không thân Mỹ đều có thể làm một mặt trận thống nhất (dù là tạm thời) với ta”¹. Đối với Lào và Campuchia, báo cáo nhấn mạnh: Việt Nam phải giúp đỡ nhân dân Lào và Campuchia đào tạo cán bộ, củng cố và mở rộng mặt trận thống nhất, đòi lập lại hoà bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba dân tộc.

Sau Hiệp định Gionevor 1954, theo yêu cầu của Chính phủ Kháng chiến Lào, Đảng và Nhà nước Việt Nam quyết định để lại một bộ phận chuyên gia tiếp tục giúp đỡ cách mạng Lào. Tổng số chuyên gia gồm 964 đồng chí, trong đó có 314 người thuộc đoàn chuyên gia quân sự, 650 cán bộ các ngành dân, chính, đảng. Đây là lực lượng rất quan trọng đối với cách mạng Lào sau ngày đình chiến.

¹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr. 319.

Thực hiện đề án đấu tranh ở hai tỉnh đã được Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào thống nhất, được sự chỉ đạo phối hợp của Ban Cán sự miền Tây, Đoàn 100 đã nghiên cứu đề xuất với quân đội Pathét Lào kế hoạch tác chiến và tổ chức chiến đấu bảo vệ hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxaly; tổ chức hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxaly thành các khu chiến đấu liên hoàn, đáp ứng tình hình thực tế của từng địa bàn, khả năng tổ chức, quản lý của cán bộ Lào, đồng thời đề phòng chiến sự lan rộng. Trong trường hợp bị chia cắt, từng khu có thể đảm bảo độc lập tác chiến. Được Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào nhất trí, Bộ Quốc phòng Chính phủ Kháng chiến Lào tổ chức tỉnh Sầm Nưa hình thành ba khu vực tác chiến¹; tỉnh Phôngxaly được chia thành hai phân khu²; Bộ Chỉ huy tối cao trực tiếp nắm lực lượng cơ động³, làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ Kháng chiến và sẵn sàng chi viện đánh địch trên các hướng khi cần.

Cùng với việc giúp Bộ Chỉ huy tối cao Lào xây dựng lực lượng

¹. Khu vực I gồm các huyện Mương Xôi, Sầm Tót, một phần Mương Xăm và các xã phía đông đường 6 thuộc huyện Hủa Mương do hai tiểu đoàn chủ lực, ba đại đội bộ đội địa phương huyện, một trung đội Lào Xủng đảm nhiệm; Khu vực II gồm huyện Xiêng Khọ, một phần huyện Mương Xăm và các xã phía tây đường 6 của huyện Hủa Mương bố trí một đại đội chủ lực, hai đại đội địa phương huyện; Khu vực III gồm 145 bản thuộc 13 xã của huyện Mương Xon, do một đại đội chủ lực, hai đại đội địa phương huyện đóng giữ. Ngoài ra, tỉnh Sầm Nưa còn có 1.711 du kích bám cơ sở ở các làng bản vùng tự do và một số bản vùng địch tạm chiếm.

². Phân khu tỉnh miền Bắc gồm hai huyện Mương U, Mương Xừn và thị xã Phôngxaly do một tiểu đoàn chủ lực, một đại đội trợ chiến, ba trung đội bộ đội địa phương đảm nhiệm. Phân khu tỉnh miền Nam gồm các huyện còn lại do một tiểu đoàn chủ lực, hai trung đội bộ đội địa phương huyện phụ trách. Ngoài ra còn có 1.150 du kích hoạt động ở các bản làng.

³. Gồm ba tiểu đoàn chủ lực, một tiểu đoàn trợ chiến, một tiểu đoàn vận tải và các đại đội thông tin, quân báo, công binh.

vũ trang, huấn luyện bộ đội, Đoàn 100 còn tích cực giúp các địa phương, đơn vị Pathét Lào triển khai các mặt công tác chuẩn bị chiến trường, củng cố cơ sở ở các địa phương tạo ra một thế trận vững chắc trên địa bàn hai tỉnh tập kết, góp phần đặc lực ngăn chặn các cuộc tấn công của quân đội Vương quốc Lào vào vùng tập kết.

Sau khi dùng lực lượng đánh chiếm một số khu vực ở vùng giáp ranh và tung biệt kích, gián điệp cài cắm hoạt động sâu trong một số khu vực quan trọng ở Sầm Nưa và Phôngxalỳ, từ tháng 3 năm 1955, các thế lực phái hữu trong chính quyền và quân đội Viêng Chăn tập trung một lực lượng lớn quân chủ lực mở các cuộc tấn công ồ ạt vào các vùng căn cứ của Pathét Lào ở hai hướng đông nam, tây bắc thị xã Sầm Nưa và khu vực tây nam Mường Khỏa, Mường U Tày - U Nửa thuộc tỉnh Phôngxalỳ.

Dưới sự chỉ huy của Bộ Chỉ huy tối cao Lào, dựa vào thế trận đã được chuẩn bị, bộ đội Pathét Lào và nhân dân các bộ tộc Lào đã kiên cường chiến đấu ngăn chặn các cuộc tiến công của địch. Sau năm tháng hoạt động từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1955, quân dân tỉnh Sầm Nưa đã thu được một số thắng lợi, nhưng chưa có những trận thắng lớn, chưa tạo được sự chuyển biến quan trọng. Quân địch chưa bị đánh đau, tiếp tục lấn chiếm. Cuối tháng 5 năm 1955, chúng đưa một lực lượng lớn đánh ra khu vực Na Xála - Xa Lối và chuẩn bị tấn công vào khu vực Mường Hàm.

Theo dõi tình hình chiến sự, đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Tư lệnh Bộ Chỉ huy tối cao và đồng chí Xixávat Kẹo Bunphăn, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Pathét Lào hạ quyết tâm đánh một trận thắng lớn với yêu cầu diệt một tiểu đoàn địch để tạo thế so sánh lực lượng có lợi cho cuộc chiến đấu của Pathét Lào. Thực hiện quyết tâm đó, ngày 30 tháng 6 năm 1955, Bộ Chỉ huy tối cao Lào đã sử dụng hai tiểu đoàn chủ lực (705 và 617), hai đại đội địa

phương, một đại đội trợ chiến tăng cường của Tiểu đoàn 605 trang bị ĐKZ 57 và cối 81 tấn công các vị trí địch ở gần bản Na Xála, sau đó tiếp tục truy kích địch đến Bản Ngôn, gần khu vực Mường Pon. Trận này, bộ đội Pathét Lào diệt và làm bị thương hơn 100 tên địch, bắt hơn 40 tên, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân dụng, giải phóng khu vực Na Xála, Na Ngôn, Na Noọng, Na Keng. Chiến thắng Na Xála gây tiếng vang lớn, làm nức lòng quân dân hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ, đánh dấu bước trưởng thành về sử dụng lực lượng đánh gần, phối hợp hiệp đồng chiến đấu giữa các đơn vị của bộ đội Pathét Lào.

Song song với việc phối hợp cùng quân dân hai tỉnh đẩy mạnh các hoạt động quân sự chống âm mưu lấn chiếm của quân đội Vương quốc Lào, để kịp thời giúp cách mạng Lào thực hiện các nhiệm vụ đang đặt ra, ngày 10 tháng 8 năm 1955, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định thành lập Ban Cán sự Lào - Miên gồm năm đồng chí, do đồng chí Lê Đức Thọ làm trưởng ban. Ban Cán sự Lào - Miên có nhiệm vụ giúp việc cho Trung ương Đảng Lao động Việt Nam nghiên cứu mọi diễn biến ở Lào, từ đó đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương trong công tác giúp Lào. Ngoài ra, Ban Cán sự Lào - Miên còn có nhiệm vụ nghiên cứu công tác viện trợ kinh tế cho Lào và đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm củng cố tình hữu nghị truyền thống giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Trong khi Đảng Nhân dân và Chính phủ Kháng chiến Lào kiên trì con đường hoà bình trung lập, thực hiện năm nguyên tắc chung sống hoà bình thì quân đội Vương quốc Lào với sự tiếp tay của đế quốc Mỹ liên tục đẩy mạnh các cuộc tiến công lấn chiếm hai tỉnh. Sau khi tấn công lấn chiếm khu vực Phả Thí, trong tháng 8 và tháng 9 năm 1955, quân đội Vương quốc Lào tiếp tục tiến công Huội Nhạ, uy hiếp thị xã Sầm Nưa từ phía tây, ngăn chặn đường

liên lạc vào các huyện địch hậu Mường Xon, Hủa Mường.

Trước tình hình đó, thực hiện chỉ thị của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, Đoàn 100 đã nghiên cứu giúp quân đội Pathét Lào triển khai lực lượng đánh địch ở khu vực Huội Nhạ¹. Do làm tốt công tác chuẩn bị chiến đấu, các đơn vị Pathét Lào đánh chiếm Phả Chon nhanh gọn, làm thất bại âm mưu lấn chiếm trái phép của địch, bảo vệ được đường thủy tiếp tế từ Việt Nam sang Lào.

Cùng với việc giúp lực lượng Pathét Lào đánh địch bảo vệ hai tỉnh tập kết, Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà còn tích cực giúp Chính phủ Kháng chiến Lào xây dựng chính quyền, đồng thời viện trợ về kinh tế nhằm giúp nhân dân Lào ổn định đời sống, phát triển sản xuất, xây dựng lực lượng cách mạng.

Về xây dựng chính quyền: ở Phôngxalỳ, sau ngày đình chiến, Chính phủ Kháng chiến Lào mới nắm được một số bản, đến cuối năm 1955 đã tổ chức được chính quyền ở 21 trong số 52 xã. ở Sầm Nưa, chính quyền được tổ chức trong toàn tỉnh (trừ bảy xã với 137 bản do địch kiểm soát).

Trong năm 1955, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tiếp tế cho nhân dân hai tỉnh của Lào được 3.255 kg thóc giống, 2.552 tấn gạo, 1.284 triệu đồng ngân hàng, 10,5 triệu đồng Đồng Dương cũ, 7.612 đồng bạc trắng, 22 tấn muối và hàng vạn bộ quần áo, chăn màn... Bộ Giáo dục Việt Nam đã đào tạo cho hai tỉnh tập

¹. Lực lượng Pathét Lào tham gia trận đánh ngày 12 tháng 9 năm 1955 có Tiểu đoàn 609, một đại đội của Tiểu đoàn 705, một đại đội trợ chiến của Tiểu đoàn 605, một đại đội độc lập của tỉnh và các đơn vị kỹ thuật phục vụ chiến đấu của Bộ Chỉ huy tối cao Lào. Đồng chí Xixávat Kẹo Bunphăn, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Pathét Lào trực tiếp chỉ huy trận đánh. Cùng thời gian này, các lực lượng vũ trang Pathét Lào ở tỉnh Sầm Nưa đẩy mạnh các hoạt động đánh địch ở Huội Thầu, Mường Pơn và một số nơi khác. Ở tỉnh Phôngxalỳ, Tiểu đoàn 701 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương tiến công đồn Phả Chon.

kết của Lào được 138 giáo viên. Tỉnh Sầm Nưa mở được 50 trường, tỉnh Phôngxalý mở được 21 trường tiểu học¹.

Cùng với thắng lợi trên mặt trận quân sự, xây dựng chính quyền cách mạng, trên mặt trận đấu tranh chính trị, ngoại giao, Đảng Nhân dân và Neo Lào Hắc Xát cũng giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Phong trào đấu tranh đòi hoà bình trung lập ở 10 tỉnh, nhất là ở Viêng Chăn, dâng cao, được dư luận quốc tế đồng tình ủng hộ đã làm cho uy tín của Đảng Nhân dân và Neo Lào Hắc Xát ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Trái lại, Chính phủ Vương quốc Lào do Cátài làm thủ tướng ngày càng bị cô lập và lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ngày 14 tháng 2 năm 1956, Cátài buộc phải xin từ chức. Ngày 15 tháng 3 năm 1956, Hoàng thân Xuvanna Phuma được Thái tử Xavang Vátthana đề nghị đứng ra lập chính phủ mới.

Ngày 15 tháng 5 năm 1956, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào họp ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của cách mạng Lào. Sau khi nhận định tình hình thế giới, phong trào cách mạng ở ba nước Đông Dương, sự chuyển biến của phong trào đấu tranh đòi hoà bình, trung lập, nghị quyết đề ra chủ trương đấu tranh cho một nước Lào trung lập, trong đó xác định: “làm cho Lào dần dần thoát khỏi sự kiềm chế và ảnh hưởng của đế quốc Mỹ. Về đối nội, phải thực hiện quyền tự do dân chủ, độc lập thống nhất quốc gia. Về đối ngoại, phải trung thành năm nguyên tắc chung sống hoà bình, bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc”².

Để đạt được mục tiêu trên, nghị quyết nêu một số nhiệm vụ chủ yếu:

¹. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - phòng 73, đơn vị bảo quản 141: *Báo cáo tình hình Lào năm 1955* của đồng chí Nguyễn Khang, Ban Cán sự miền Tây.

². Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, *Sđđ*, tr.293.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng lực lượng ở hai tỉnh tập kết và cơ sở quần chúng trong 10 tỉnh. Kiên quyết đập tan mọi âm mưu lấn chiếm hai tỉnh của phía Vương quốc Lào.

- Mở rộng Neo Lào Hắc Xát, vận động tiến tới thành lập một Mặt trận chống đế quốc Mỹ xâm lược, đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng và thống nhất hành động.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh của quần chúng và ở hội nghị hiệp thương, giữa phong trào đấu tranh trong nước với đấu tranh của phe xã hội chủ nghĩa và phong trào hoà bình dân chủ thế giới.

Ngày 28 tháng 5 năm 1956, Hoàng thân Xuphanuvông, Thủ tướng Chính phủ Kháng chiến Lào, Chủ tịch Neo Lào Hắc Xát ra tuyên bố về chính sách trung lập của Neo Lào Hắc Xát và kêu gọi nổi lại các cuộc hiệp thương chính trị giữa hai phái. Một số nhóm trong quốc hội thuộc các đảng “độc lập”, “dân chủ”, “tiến bộ” tuyên bố chống lại chế độ độc tài của Cátài, yêu cầu củng cố hoà bình, độc lập dân tộc và kiến nghị giải quyết các xung đột bằng con đường thương lượng.

Nhằm phát huy những thành quả đã đạt được, tiếp tục sâu sát lãnh đạo cách mạng Lào giành những thắng lợi mới, ngày 30 tháng 5 năm 1956, Neo Lào Hắc Xát thông qua “Đề án tăng cường đấu tranh cho nước Lào trung lập, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện nước Lào hoà bình, độc lập, dân chủ và thống nhất”¹.

Để đấu tranh làm cho nước Lào trung lập, đề án nêu một số nội dung quan trọng cần tập trung thực hiện tốt là:

“- Xúc tiến hơn nữa công tác củng cố lực lượng ở hai tỉnh và cơ sở quần chúng ở 10 tỉnh, xây dựng phong trào ở hai tỉnh làm

¹. Đề án gồm bốn phần: I. Những chuyển biến mới của tình hình nước ta; II. Chủ trương đấu tranh cho nước nhà trung lập; III. Đấu tranh hiệp thương và ngoại giao trong toàn bộ cuộc đấu tranh cho nước nhà trung lập; IV. Mấy công tác căn bản trong cuộc đấu tranh cho nước nhà trung lập.

hậu thuẫn mạnh mẽ cho đấu tranh chính trị trong cả nước. Kiên quyết chiến đấu tự vệ làm thất bại âm mưu của nhà vua dùng vũ lực để chiếm hai tỉnh. Luôn luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn, đánh tan âm mưu phá hoại của Mỹ và bọn thân Mỹ, đưa cuộc đấu tranh chính trị tiến lên, đồng thời ra sức phát huy mọi khả năng hoạt động hợp pháp, nhất là ở trong các thành phố, để động viên, tổ chức và lãnh đạo đảng đưa quần chúng đấu tranh đòi nước nhà độc lập...

- Kết hợp chặt chẽ đấu tranh của nhân dân với đấu tranh ở hội nghị hiệp thương, kết hợp các cuộc đấu tranh đó với cuộc vận động ngoại giao của phe ta, tranh thủ dư luận trong nước và thế giới, kịp thời vạch trần âm mưu phá hoại của Mỹ và bọn thân Mỹ, nêu rõ thiện chí hoà bình của ta”¹.

Trong khi Neo Lào Hắc Xát thông qua và triển khai thực hiện đề án thì Mỹ và tay sai tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phá hoại Hiệp định Giơnevơ, ngăn trở hiệp thương chính trị. Cùng với việc đòi lập Ủy ban đặc biệt điều tra tình hình ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxaly (ngày 5 tháng 6 năm 1956), yêu cầu một số thành viên trong Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát đình chiến ở Lào họp để bàn về tình hình Lào (ngày 23 tháng 6), chính quyền Vương quốc Lào tiếp tục cho quân đội lần chiếm một số điểm ở khu vực Phùng Nhang, cho biệt kích gián điệp thâm nhập khu vực nam Thà Teng (giáp vùng Bun Nưa).

Song song với nhiệm vụ giúp bộ đội Pathét Lào đánh địch lần chiếm giữ vững hai tỉnh tập kết, theo yêu cầu của Chính phủ Kháng chiến và Bộ Quốc phòng Lào, các đơn vị công an vũ trang, bộ đội địa phương các tỉnh Việt Nam có biên giới giáp Lào còn phối hợp

¹. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 82, đơn vị bảo quản 1049, “Đề án tăng cường đấu tranh cho nước Lào trung lập, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện nước Lào hoà bình, độc lập, dân chủ và thống nhất”, tr.8.

chặt chẽ với các đơn vị Pathét Lào kịp thời ngăn chặn bọn biệt kích, gián điệp hoạt động ở vùng biên giới Việt - Lào.

Những ngày cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 1956, cùng với phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân các bộ tộc Lào, được sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới, cuộc chiến đấu bảo vệ hai tỉnh tập kết của lực lượng Pathét Lào giành được nhiều thắng lợi, đã có tác động mạnh đến Chính phủ Vương quốc Lào do Hoàng thân Xuvanna Phuma làm thủ tướng. Sau khi Chính phủ Vương quốc Lào ra tuyên bố thực hiện chính sách hoà bình trung lập, giải quyết vấn đề Lào theo tinh thần Hiệp định Giơnevơ, từ ngày 1 đến 5 tháng 8 năm 1956, Đoàn đại biểu Neo Lào Hắc Xát do Hoàng thân Xuphanuvông làm trưởng đoàn đã tiến hành đàm phán với phía Chính phủ Vương quốc Lào tại Thủ đô Viêng Chăn.

Vào thời điểm này, công tác tiếp tế cho miền Tây để sang Lào gặp rất nhiều khó khăn do mưa lũ kéo dài, đường 217 mới làm từ Làng Tra đến biên giới Việt - Lào bị hư hỏng nặng. Đường dài 90 km, nhưng xe chỉ còn chạy được đến Km 17. Lương thực bị nghiền lại dọc đường, trong khi đó các cơ quan, đơn vị Pathét Lào gạo chỉ còn đủ ăn đến ngày 5 tháng 9, thực phẩm đã hết từ ngày 8 tháng 8.

Trước tình hình đó, ngày 19 tháng 8 năm 1956, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Thông tri số 50-TT/TW về việc thực hiện kịp thời công tác tiếp tế miền Tây “theo đề nghị... các ngành giao thông, lao động, tài chính, thương nghiệp, Văn phòng kinh tế Thủ tướng phủ, Tổng cục Hậu cần, Ban Biên chính Trung ương và đại biểu Ban Cán sự miền Tây, Trung ương... phải kịp thời có kế hoạch khắc phục mọi khó khăn để đảm bảo việc tiếp tế cho miền Tây đúng theo số lượng và chất lượng đã quy định”¹.

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.17, tr.381-383.

Chấp hành chỉ thị của Ban Bí thư, các bộ, ban, ngành đã ra sức khắc phục mọi khó khăn, phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo tốt việc vận chuyển cho miền Tây. Đến cuối tháng 8 năm 1956, việc đảm bảo lương thực, thực phẩm cho các đơn vị Pathét Lào cơ bản đã được giải quyết.

Việc đảm bảo tiếp tế kịp thời cho miền Tây, cho Lào trong thời điểm cách mạng Lào đứng trước những khó khăn thử thách lớn đã góp phần đắc lực củng cố hậu phương, tạo niềm tin vững chắc để nhân dân hai tỉnh tập kết và lực lượng vũ trang Pathét Lào yên tâm chiến đấu, xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng Lào vừa giành được.

Đến tháng 8 năm 1956, với tinh thần vượt mọi khó khăn, tích cực chủ động triển khai các kế hoạch đề ra, cách mạng Lào đã giành được nhiều thành tựu trên các mặt công tác.

Về xây dựng đảng, đến tháng 8 năm 1956, bộ máy lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào đã hình thành từ trung ương xuống các địa phương. Ban Chỉ đạo Trung ương gồm tám đồng chí: Cayxôn Phômvihân, Tổng Bí thư; các đồng chí Xuphanuvông, Phumi Vôngvichít, Nủắc Phumxavăn, Phun Xipaxot, Bun Phôm Mahă Xây, Xixávat Kẹo Bunphăn, Khăm Xêng là uỷ viên; hệ thống cơ quan trung ương gồm các ban: Tổ chức, Tuyên huấn, Mặt trận, Vận động sản xuất, Kinh tài và Văn phòng; các chi bộ cơ sở gồm 76 chi bộ (trong đó 30 nông thôn, 25 cơ quan, 21 bộ đội) với tổng số 428 đảng viên.

Để giúp Đảng Nhân dân Lào chỉ đạo các hoạt động, Ban Cán sự miền Tây đã tổ chức các ban cán sự ở tây nam gồm bốn tỉnh Hạ Lào: Khăm Muộn, Xiêng Khoảng, Viêng Chăn, Phôngxalỳ; ba khu thuộc Sầm Nưa và ba ban phụ trách (Huội Xài, Luông Phạbang,

Liên huyện 90)¹.

Về phân công giúp các cơ quan trung ương của Đảng Nhân dân Lào, Ban Cán sự miền Tây phân công: đồng chí Nguyễn Khang, Trung ương ủy viên, Bí thư, phụ trách chung; các đồng chí Nguyễn Chính Giao, Võ Thúc Đồng, Đào Việt Hưng phụ trách công tác tổ chức và tuyên huấn; Đinh Văn Khanh, phụ trách văn phòng kinh tế, mặt trận; Mai Văn Quang phụ trách Phòng xaly; Chu Huy Mân phụ trách đoàn cổ vũ quân sự.

Trong hai ngày 28 và 29 tháng 8 năm 1956, Đoàn đại biểu cấp cao Chính phủ Vương quốc Lào do Hoàng thân Xuvăнна Phuma - Thủ tướng Chính phủ - làm trưởng đoàn thăm hữu nghị nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà².

Trên cơ sở kết quả các cuộc hội đàm, ngày 29 tháng 8, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Thủ tướng Xuvăнна Phuma đã ký Tuyên bố chung tại Hà Nội. Đoàn đại biểu Chính phủ hai nước khẳng định: “Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng, xa xưa vốn đã có mối quan hệ giao hữu, nay tiếp tục nối lại và phát triển mối bang giao đó dựa trên năm nguyên tắc chung sống hoà bình; các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ 1954 cần được thực hiện ở Việt Nam và Lào để củng cố hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam á và thế giới; Vương quốc Lào kiên quyết thực hiện chính sách hoà bình trung lập; Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ghi nhận

¹. Các ban cán sự biên chế ba đến bảy người; các ban phụ trách có từ một đến ba người; mỗi huyện có một bộ phận do một đến ba cán bộ phụ trách.

². Thành phần Đoàn đại biểu Chính phủ Vương quốc Lào gồm có các vị: Hoàng thân Xuvăнна Phuma - Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng các bộ ngoại giao, quốc phòng, thông tin - trưởng đoàn; Cátài Đônxăxôlít - Phó Thủ tướng; Lượm Inxỉxiêngmăy - Bộ trưởng Bộ Tài chính, kinh tế, kế hoạch; Thoong Xệtthỉ Vôngnarát - Thứ trưởng Bộ Thông tin; Chậu Xômxạnit - Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Cứu tế; Xỉ Xúc Ná Chămpaxắc - Tổng Thư ký Hội đồng Chính phủ.

chính sách hoà bình trung lập của Vương quốc Lào”¹.

Bày tỏ sự hợp tác với Chính phủ Vương quốc Lào, ngày 30 tháng 8 năm 1956, Hoàng thân Xuphanuvông, Chủ tịch Neo Lào Hắc Xạt ra tuyên bố hoan nghênh bản Tuyên bố chung ký kết giữa phái đoàn Chính phủ Vương quốc Lào với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Bản tuyên bố trên một lần nữa xác nhận chính sách đối ngoại được ký kết tại Viêng Chăn giữa đại diện Neo Lào Hắc Xạt và Chính phủ Vương quốc Lào, đảm bảo nước Lào đi theo con đường hoà bình, trung lập.

Ngày 25 tháng 9 năm 1956, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào ra nghị quyết “về tình hình mới, nhiệm vụ mới”. Trên cơ sở nhận định tình hình và dự kiến các khả năng có thể xảy ra, nghị quyết đề ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Lào là: đoàn kết toàn dân đấu tranh chống đế quốc Mỹ, cô lập bọn tay sai đầu sỏ thân Mỹ, đòi Chính phủ Vương quốc Lào thực hiện nghiêm chỉnh những điều đã ký kết giữa hai bên ở Viêng Chăn; gấp rút củng cố cơ sở và chính quyền các cấp ở hai tỉnh, xây dựng hai tỉnh tập kết thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào đấu tranh trong cả nước; kịp thời chấn chỉnh chính sách, củng cố mở rộng mặt trận để tập hợp rộng rãi mọi lực lượng chống Mỹ xâm lược, tán thành hoà bình trung lập và công khai hoá mặt trận và các tổ chức chính trị khác của Neo Lào Hắc Xạt; đặc biệt chú ý xây dựng Đảng Nhân dân Lào thành chính đảng tiên phong và vững mạnh của dân tộc; thống nhất tư tưởng, tăng cường đoàn kết nội bộ. Và yêu cầu: “cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong cả nước cần chuẩn bị đề phòng tình hình có thể diễn biến xấu, không có lợi cho cách mạng. Phải nâng cao cảnh giác, giữ vững ý chí chiến đấu”².

¹. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Cán sự miền Tây, phòng 73, đơn vị bảo quản 124.

². Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, Sđd, tr.303-

Để kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước, từ ngày 12 đến 15 tháng 10 năm 1956, Ủy ban Trung ương Neo Lào Hắc Xát đã tiến hành Hội nghị mở rộng để sửa đổi, bổ sung chương trình hoạt động do đại hội đề ra hồi tháng 1 năm 1956 cho phù hợp với chuyển biến mới của cách mạng. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân các bộ tộc Lào trong giai đoạn này là:

- Đoàn kết toàn dân, ủng hộ Chính phủ Vương quốc do Hoàng thân Xuvanna Phuma làm thủ tướng, đòi triệt để thi hành Hiệp định Giơnevơ 1954 và các hiệp định đã được ký kết giữa hai bên, thực hiện chính sách hoà bình trung lập, đấu tranh xây dựng một nước Lào hoà bình, dân chủ, thống nhất, độc lập và thịnh vượng, góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam á và thế giới.

- Kiên quyết chống lại âm mưu của mọi thế lực phản động ngoại quốc và bọn tay sai bán nước đầu sỏ ngoan cố, phá hoại hoà bình, trung lập, hoà hợp dân tộc, biến Lào thành một thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự.

- Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của chính phủ và nhân dân các nước yêu chuộng hoà bình, công lý trên thế giới.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được Neo Lào Hắc Xát xác định, cùng với việc đẩy mạnh hoạt động trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và ngoại giao, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào đặc biệt chú trọng sắp xếp cán bộ, chiến sĩ và nhân viên ở hai tỉnh tập kết, trong đó bố trí cán bộ nòng cốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng vào các vị trí chủ chốt của tỉnh, huyện, xã, trong các đơn vị vũ trang, cảnh giác đề phòng địch cài cắm người vào các tổ chức của Pathét Lào...

Thực hiện thoả thuận giữa hai bên, từ ngày 16 tháng 11 đến 24 tháng 12 năm 1956, Hội nghị hiệp thương chính trị giữa Neo Lào

Hắc Xạt và Chính phủ Vương quốc Lào tiếp tục họp tại Viêng Chăn để thảo luận một số nội dung quan trọng về hoà hợp dân tộc, bảo đảm quyền bình đẳng cho tất cả mọi công dân Lào, bảo đảm quyền hoạt động hợp pháp của Neo Lào Hắc Xạt.

Trong khi Hội nghị hiệp thương đang tiến hành thì đế quốc Mỹ và tay sai tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động phá hoại đàm phán ở Viêng Chăn, phá hoại hoà bình trung lập.

Trước âm mưu mới của đế quốc Mỹ và tay sai, để đáp ứng kịp thời các tình huống có thể xảy ra, ngày 28 tháng 11 năm 1956, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào ra chỉ thị về tình hình mới và những công tác cần kíp của các cấp, các ngành, trong đó nhấn mạnh: “Nhiệm vụ của ta là phải tích cực thi hành nhiệm vụ đã đề ra trong nghị quyết tháng 8 năm 1956, cụ thể là: mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi người bất cứ ở đâu, làm việc gì đều phải làm công tác mặt trận, thực hiện việc đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc để chống âm mưu phá hoại hoà bình trung lập, lật đổ chính phủ của Phuma, chống nguy cơ chia cắt đất nước, đấu tranh ủng hộ và thúc đẩy chính phủ nhà vua thực hiện những điều đã ký kết ở Viêng Chăn, kiên quyết đi theo con đường hoà bình trung lập. Tiếp tục củng cố cơ sở hai tầng, giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng trong toàn quốc để tiến tới xây dựng một nước Lào hoà bình, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng”¹.

Sau hơn một tháng hiệp thương, ngày 24 tháng 12 năm 1956, đại diện phái đoàn Neo Lào Hắc Xạt và đại diện phái đoàn Chính phủ Vương quốc Lào tại Hội nghị hiệp thương chính trị ở Viêng Chăn đã ký hiệp định về bảo đảm quyền công dân, cấm phân biệt đối xử, trả thù người của Neo Lào Hắc Xạt và người kháng chiến cũ.

¹. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 73, đơn vị bảo quản 159.

Trên cơ sở những thoả thuận đã đạt được trong các cuộc hội đàm, ngày 28 tháng 12 năm 1956, tại Thủ đô Viêng Chăn, Hoàng thân Xuphanuvông đại diện cho Neo Lào Hắc Xạ và Hoàng thân Xuvanna Phuma đại diện cho Chính phủ Vương quốc Lào ký Tuyên bố chung thoả thuận thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc có Neo Lào Hắc Xạ tham gia và nâng tổng số nghị sĩ quốc hội từ 39 lên 60 đại biểu.

Song song với việc giúp Neo Lào Hắc Xạ đấu tranh thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc, xây dựng cơ sở đảng và phát triển lực lượng vũ trang ngày càng vững mạnh¹, Đảng, Nhà nước Việt Nam còn tăng cường giúp đỡ cách mạng Lào về kinh tế, giáo dục, y tế.

Về viện trợ: năm 1956, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã giúp Chính phủ Kháng chiến Lào: 535 triệu đồng ngân hàng, 30 vạn đồng tiền Lào, 31 nghìn bạt (tiền Thái Lan), 2.525 tấn gạo, 26 tấn lúa, 7.500 tấn muối, 64.421 nông cụ, 91.600 mét vải, 18.764 lít xăng dầu. Ngoài ra, Việt Nam còn giúp Lào dụng cụ y tế, thuốc men, quần áo, giày dép, phương tiện máy móc thông tin, v.v., tổng cộng là 75 tấn với giá trị 745 triệu đồng².

Về công tác xây dựng tổ chức quần chúng, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân vùng giải phóng của Pathét Lào, tính đến cuối năm 1956, Neo Lào Hắc Xạ đã xây dựng được tổ chức

¹. Đến tháng 12 năm 1956, số lượng đảng viên trong cả nước đã lên đến 2.289 đồng chí, sinh hoạt trong 334 chi bộ (182 chi bộ nông thôn, 88 chi bộ cơ quan và 64 chi bộ trong các đơn vị bộ đội); lực lượng vũ trang Pathét Lào đã có 7.518 người (trong đó có 313 người thuộc bộ đội địa phương Sầm Nưa, Phôngxaly) được tổ chức thành 9 tiểu đoàn chủ lực, 11 đại đội độc lập, 3 đại đội vận tải, một đại đội công binh, một đại đội bảo vệ, một đội quân báo và một số cán bộ, chiến sĩ các cơ quan chính trị, tham mưu, hậu cần. Về cán bộ, có 74 cán bộ tiểu đoàn, 275 cán bộ đại đội, 585 cán bộ trung đội, 1.467 cán bộ tiểu đội.

². Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 73, đơn vị bảo quản 141.

quần chúng ở 5.422 bản trong tổng số 9.500 bản ở cả 12 tỉnh. So với cuối năm 1955, phong trào phát triển nhiều và mạnh hơn, nhất là ở Huội Xài, Viêng Chăn, Sầm Nưa, Phôngxaly. Trong năm 1956 đã xây dựng được cơ sở cách mạng ở 35 thị trấn và thị xã trong số 59 thị trấn và thị xã toàn Lào. ở Sầm Nưa, đến cuối năm 1956, toàn tỉnh đã có 1.214 tổ đoàn kết sản xuất, thu hút được trên 12.000 gia đình, khoảng 70% dân số (toàn tỉnh có 105.516 người, trong đó có 17.668 người Mèo). Trong năm đã tiến hành vận động đoàn kết sản xuất, cải thiện dân sinh, củng cố cơ sở trong ba đợt. Riêng hai đợt đầu kết thúc ngày 10 tháng 12 đã làm trong 42 xã, 313 bản với 39.686 người thuộc bốn huyện: Mương Xôi, Sầm Tó, Xiêng Kho và Mương Xăm. Về chính quyền, toàn tỉnh đã có chính quyền trong 915 bản, 114 xã, 6 huyện. Đối phương còn kiểm soát 6 xã và 59 bản, ước độ 4.000 dân.

ở Phôngxaly, đến cuối năm 1956, toàn tỉnh đã tổ chức được 1.000 tổ đoàn kết sản xuất với gần 20.000 hội viên và chấn chỉnh xong các uỷ ban mặt trận chính quyền các cấp từ tỉnh đến huyện.

Cùng với việc vận động nhân dân tăng gia sản xuất, hai tỉnh đã chấn chỉnh lại hệ thống giáo dục, ấn hành thêm các sách giáo khoa, mở các lớp để bồi túc giáo viên. Đến cuối năm 1956, hai tỉnh đã chấn chỉnh được 89 trường tiểu học và vỡ lòng với 5.765 học sinh, hàng nghìn tờ học chữ với hàng vạn học viên.

Ngày 22 tháng 2 năm 1957, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào ra chỉ thị về “công tác vận động quần chúng đấu tranh đòi phía Chính phủ Vương quốc thi hành các hiệp định đã được ký kết giữa các bên”. Sau khi vạch rõ âm mưu của Mỹ và bọn tay sai, chỉ thị đã xác định một số nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Lào là: đẩy mạnh đấu tranh đòi thi hành các điều đã được ký kết giữa hai bên; tăng cường củng cố hai tỉnh để làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh trước mắt và lâu dài; củng cố và phát triển lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và bán vũ trang; vận động đẩy mạnh

tăng gia sản xuất, cải thiện dân sinh.

Đầu tháng 3 năm 1957, Đảng Nhân dân Lào tổ chức Hội nghị cán bộ đảng toàn quốc, rút kinh nghiệm xây dựng đảng và thảo luận nghị quyết mới của Ban Chỉ đạo Trung ương. Hội nghị chỉ rõ: do lãnh đạo chưa sát và có phần thiếu tập thể dân chủ, do tổ chức và sinh hoạt chưa hợp lý, do đảng phát triển mau, sự giáo dục chưa chủ động, do phương pháp công tác không khéo léo, lộ bí mật, nên lẻ tẻ một số địa phương và cả ở các cơ quan trung ương đã xảy ra hiện tượng mất đoàn kết nội bộ, giữa Đảng và quần chúng, không có lợi cho tình hình và công tác hiện nay.

Từ đó, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào yêu cầu các địa phương tiếp tục bồi dưỡng cán bộ và chỉnh đốn bộ máy nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Cũng trong thời gian này, Ban Cán sự miền Tây sơ kết công tác giúp cách mạng Lào. Theo chủ trương của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Ban Cán sự đã giúp Đảng Nhân dân Lào xác định đúng tình hình, chống các tư tưởng lệch lạc (lạc quan cho rằng việc hợp tác với Chính phủ Vương quốc diễn ra dễ dàng, hoặc tư tưởng bi quan, thiếu tin tưởng), giúp Đảng Nhân dân Lào đánh giá phong trào cơ sở từng tỉnh và tình hình công tác của trung ương cũng như mỗi ngành để có kế hoạch chỉ đạo cho sát, đúng; giúp mở các hội nghị đảng và mặt trận ở trung ương để thống nhất nhận định tình hình, thông suốt nhiệm vụ và thông suốt tư tưởng; gợi ý đề phía Lào đề đạt kế hoạch củng cố lực lượng ở hai tỉnh, đề phòng địch lấn ra và âm mưu gây phỉ điệp ở hai tỉnh; góp ý kiến chấn chỉnh tổ chức lề lối làm việc và tăng cường quan hệ trên dưới, v.v..

Để đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh của nhân dân các bộ tộc Lào, kiên quyết đập tan các âm mưu phá hoại của Mỹ và tay sai, ngày 4 tháng 5 năm 1957, Trung ương Đảng Nhân dân Lào ra chỉ

thị bổ sung tình hình nhiệm vụ cho cấp uỷ hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxaly.

Sau khi vạch trần những âm mưu thủ đoạn của Mỹ và tay sai, những khó khăn chúng đang gặp phải, chỉ ra những thuận lợi cơ bản của cách mạng Lào, chỉ thị đã đề ra một số công tác trước mắt cho quân dân hai tỉnh tập kết là:

- Bằng mọi hình thức tuyên truyền giải thích cho nhân dân hiểu rõ chính sách hoà bình trung lập và sự cần thiết phải thành lập Chính phủ liên hiệp.

- Ra sức củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang vững mạnh, giữ vững khu tập kết làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh chính trị.

- Tích cực vận động nhân dân phối hợp với lực lượng vũ trang chống âm mưu lấn chiếm, phá hoại của địch.

- Phối hợp chặt chẽ giữa chính trị với quân sự, giữa hậu phương với tiền phương, giữa hai tỉnh tập kết với phong trào đấu tranh trong cả nước và tại Hội nghị hiệp thương chính trị ở Viêng Chăn.

Ngày 23 tháng 5 năm 1957, đồng chí Chu Huy Mân báo cáo và đề nghị với Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng một số vấn đề về tình hình lực lượng Lào. Căn cứ vào đề nghị của đồng chí Chu Huy Mân, ngày 11 tháng 6 năm 1957, Tổng Quân uỷ ra Quyết định số 110/TQU về tổ chức và xác định nhiệm vụ mới của Đoàn 100 ở Lào¹.

¹. Theo đó, Đoàn 100 vẫn là một đơn vị trực thuộc Tổng Quân uỷ nhưng để chỉ đạo được tập trung và thống nhất, Tổng Quân uỷ giao cho Bộ Tổng Tham mưu chịu trách nhiệm theo dõi chung, từng thời kỳ nghe báo cáo tình hình và giải quyết các công việc cho Đoàn 100.

Về tổ chức, Tổng Quân uỷ phân công đồng chí Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng chịu trách nhiệm theo dõi Đoàn 100; cử đồng chí Đinh Văn Tuy làm đoàn trưởng thay đồng chí Chu Huy Mân, đồng chí Lê Tự Lập làm phó đoàn trưởng thứ nhất, đồng chí Đức Phương làm phó đoàn trưởng thứ hai.

Cùng với việc giúp quân đội Pathét Lào trên lĩnh vực quân sự, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Lào cũng được đẩy mạnh trong các nhà trường, các cơ quan, ban, ngành của Việt Nam giúp cách mạng Lào. Ngày 22 tháng 6 năm 1957, Ban Biên chính Trung ương quyết định thành lập ở hai trường (T50 và T51), mỗi nơi một ban cán sự Việt thuộc Ban Biên chính Trung ương¹ để giúp ban phụ trách hai trường trong việc điều khiển nhà trường, trong công tác lãnh đạo tư tưởng, giáo dục chính trị văn hoá cho cán bộ Lào. Trong hai tháng 7 và 8 năm 1957, Tiểu ban Phụ vận Trung ương Việt Nam còn mời 19 đồng chí đoàn cán bộ Pathét Lào làm công tác phụ vận sang nghiên cứu phương pháp tổ chức các hoạt động công đoàn, thanh niên, phụ nữ của Việt Nam.

Vừa nghiên cứu học tập lý luận, đoàn vừa dự một số buổi nói chuyện về hoạt động quốc tế của phụ nữ Việt Nam, nghe báo cáo của các cơ sở phụ nữ ở Hà Nội, Hải Phòng, tham quan các nhà máy xi măng, khu mỏ Cẩm Phả, Cửa Ông, Vịnh Hạ Long, v.v.. Những hoạt động trên đã góp phần nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau và tình đoàn kết keo sơn Việt - Lào.

Thắng lợi của cách mạng Lào có tác động tích cực đến xu hướng và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân ở đô thị, ở một vài nơi đã chuyển thành phong trào chống đế quốc Mỹ và tay sai, ủng hộ đường lối hoà bình trung lập, mong hai bên chóng hợp tác để thống nhất quốc gia.

Ngày 2 tháng 11 năm 1957, Hoàng thân Xuphanuvông đại diện Neo Lào Hắc Xát và Hoàng thân Xuvanna Phuma đại diện Chính phủ Vương quốc Lào ký tuyên bố chung thoả thuận thành lập Chính phủ liên hiệp có Neo Lào Hắc Xát tham gia và công nhận

¹. T50, Nguyễn Văn Bình - trưởng Ban Cán sự; các đồng chí Bạch Nhật, Vũ Phi Hùng, Mai Huy Chước là ủy viên Ban Cán sự. T51, Lê Quỳnh Vân - trưởng ban; các đồng chí Châu Văn Phép, Nguyễn Ngọc Tình là uỷ viên.

các hiệp nghị đã được ký kết từ ngày 24 tháng 12 năm 1956 đến 2 tháng 11 năm 1957. Cũng trong ngày 2 tháng 11, tại Hội nghị hiệp thương chính trị, hai phái đoàn Neo Lào Hắc Xát và Chính phủ Vương quốc Lào ký hiệp định thoả thuận tổ chức sáp nhập hai tỉnh tập kết vào Vương quốc Lào. Cùng thời gian này tại Viêng Chăn, Hội nghị liên hiệp quân sự giữa Neo Lào Hắc Xát và Chính phủ Vương quốc Lào ký hiệp định giải quyết lực lượng vũ trang của Neo Lào Hắc Xát¹.

Nhân dịp ký kết các hiệp định về hoà hợp dân tộc, thống nhất quốc gia, thành lập Chính phủ liên hiệp giữa Neo Lào Hắc Xát với Chính phủ Vương quốc Lào, ngày 15 tháng 11 năm 1957, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào gửi thư cho các cấp bộ đảng và toàn thể đảng viên trong cả nước kêu gọi toàn thể đảng viên: “quyết tâm, bền bỉ đấu tranh cho một nước Lào hoà bình trung lập, hoà hợp dân tộc, nhân dân có quyền tự do dân chủ; mỗi đảng viên dù ở cương vị công tác nào, phải là nòng cốt, xung phong gương mẫu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; củng cố sự đoàn kết và thống nhất nội bộ, đoàn kết hoà hợp với mọi người yêu nước, dựa vào nhân dân, tin tưởng ở lực lượng của nhân dân trong cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ; luôn nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giữ bí mật,

¹. Hai bên thoả thuận: Chính phủ Vương quốc Lào bảo đảm sáp nhập tất cả quân đội, vũ khí của Neo Lào Hắc Xát vào quân đội quốc gia; những người tình nguyện ở lại quân đội sẽ được đưa vào quân thường trực của Vương quốc Lào. Các đơn vị quân đội của Neo Lào Hắc Xát gia nhập quân đội quốc gia sẽ được hưởng quyền lợi bình đẳng về mọi mặt. Sau khi sáp nhập với quân đội quốc gia, các đơn vị quân đội của Neo Lào Hắc Xát sẽ đóng tại quân khu cũ của mình. Sĩ quan và chuyên viên kỹ thuật được biên chế vào các đơn vị của họ; những người xin giải ngũ sẽ đăng ký làm quân dự bị quốc gia; Chính phủ Vương quốc Lào nhận giải quyết quyền lợi, chính sách đối với các chiến sĩ giải ngũ, thương binh và các gia đình của quân nhân; thời hạn sáp nhập các đơn vị vũ trang của Neo Lào Hắc Xát vào quân đội quốc gia là 60 ngày kể từ ngày thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc.

bảo vệ Đảng, giữ vững kỷ luật”¹.

Sau khi Quốc hội Vương quốc Lào thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp dân tộc có Neo Lào Hắc Xát tham gia, trong tháng 11 năm 1957, Hội nghị Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào xác định nhiệm vụ và phương châm đấu tranh của cách mạng Lào trong thời gian sắp tới: nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là tập trung mọi lực lượng đấu tranh đòi thực hiện các hiệp định đã ký để củng cố và phát triển những thắng lợi đã giành được.

Về phương châm, Hội nghị chủ trương: chuyển phương châm đấu tranh từ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh quân sự bảo vệ hai tỉnh tập kết, sang đấu tranh công khai hợp pháp trên toàn quốc, kết hợp đấu tranh chính trị của quần chúng với đấu tranh nghị trường và đấu tranh pháp lý, buộc phía Vương quốc phải thực hiện đúng đắn các thoả thuận giữa hai bên.

Ngày 18 tháng 12 năm 1957, Neo Lào Hắc Xát tổ chức lễ chuyển giao tỉnh Sầm Nưa và tỉnh Phôngxalỳ cho Chính phủ liên hiệp dân tộc, tiếp đó ngày 25 tháng 12 năm 1957, cơ quan đại diện Neo Lào Hắc Xát chính thức ra mắt và hoạt động công khai hợp pháp tại Thủ đô Viêng Chăn.

Cũng trong thời gian này, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 quân đội Pathét Lào gồm 1.500 cán bộ, chiến sĩ sáp nhập với quân đội Vương quốc. Lựa chọn 330 người trong số lực lượng còn lại (trong đó có gần 700 đảng viên) cho đi đào tạo tại Việt Nam, chuẩn bị lực lượng cán bộ lâu dài. Số còn lại phục viên về các địa phương (10 tỉnh) để làm lực lượng nòng cốt cho phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước.

Nhân dịp giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh thực hiện hoà hợp dân tộc, thống nhất quốc gia, thành lập Chính phủ liên hiệp, ngày 10 tháng 1 năm 1958, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào

¹. *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào*, *Sđd*, tr.137.

gửi thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nêu rõ: “Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược và cuộc đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ thực hiện hoà bình thống nhất nước Lào của Neo Lào Hắc Xát đã giành được thắng lợi to lớn. Trong kháng chiến cũng như trong đấu tranh thực hiện hoà bình, thống nhất đất nước, cách mạng Lào luôn được sự giúp đỡ tận tình của cách mạng Việt Nam, Đảng Lao động Việt Nam. Sở dĩ cách mạng Lào đạt được những thắng lợi to lớn đó là do tinh thần đoàn kết đấu tranh anh dũng kiên cường của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào, đồng thời cũng do sự đóng góp quan trọng của đồng chí và Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã hết lòng theo dõi giúp đỡ chúng tôi trong mỗi giai đoạn của cách mạng. Trước nhiệt tình và sự giúp đỡ vô điều kiện đó, chúng tôi xin thành thực tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với đồng chí, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và nhân dân Việt Nam”¹. Cũng trong dịp này, Neo Lào Hắc Xát gửi thư cho Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bày tỏ tình đoàn kết keo sơn giữa hai dân tộc Lào - Việt.

Nhằm phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, ngày 10 tháng 1 năm 1958, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào đã có cuộc trao đổi với Ban Cán sự miền Tây (trực thuộc Trung ương Đảng Lao động Việt Nam) về những việc hai bên đã làm được và những mặt còn tồn tại trong phối hợp thực hiện các nhiệm vụ.

Thực hiện thoả thuận giữa hai bên, ngày 18 tháng 1 năm 1958, Tiểu đoàn 1 và 2 của Neo Lào Hắc Xát (mỗi tiểu đoàn biên chế 750 cán bộ, chiến sĩ), sáp nhập với quân đội Vương quốc Lào. Sau khi

¹. Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, Sđđ, tr.326.

sáp nhập, Tiểu đoàn 1 đóng quân tại Xiêng Ngăn (tỉnh Luông Phạbang), Tiểu đoàn 2 đóng tại Cánh đồng Chum (tỉnh Xiêng Khoảng).

Theo hiệp định được ký kết giữa hai bên về tổng tuyển cử bổ sung có Neo Lào Hắc Xát tham gia và luật bầu cử sửa đổi tiến bộ do phía Neo Lào Hắc Xát đề nghị, bảy giờ sáng ngày 4 tháng 5 năm 1958, cả nước Lào đã tiến hành tuyển cử bổ sung để bầu thêm 21 nghị sĩ¹.

Mặc dù bọn tay sai phản động có những hành động gian lận, đe dọa nhân dân ở một số địa phương thuộc các tỉnh Luông Phạbang, Sầm Nưa, Viêng Chăn, nhưng với tinh thần đấu tranh mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân, cuộc bỏ phiếu vẫn được tiến hành đúng quy định. Các ứng cử viên của Neo Lào Hắc Xát và Đảng Hoà bình trung lập đã giành được thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử này, trong đó Hoàng thân Xuphanuvông thu được số phiếu cao nhất (37.389 phiếu) trong số 21 ứng cử viên đắc cử. Bà Khăm Pheng Búppha, cán bộ Hội Phụ nữ Neo Lào Hắc Xát, là đại biểu đầu tiên giành được số phiếu cao nhất ở tỉnh Luông Phạbang². Trong những ngày này, các trụ sở cơ quan đại diện của Neo Lào Hắc Xát công khai hoạt động, báo *Lào Hắc Xát* phát hành rộng rãi, tạo nên một khí thế

¹. Số đại biểu bổ sung được chia ra trong các tỉnh như sau: Nặm Thà 1; Viêng Chăn 2; Luông Phạbang 4; Khăm Muộn 2; Phôngxaly 1; Xavảnnakhết 3; Sầm Nưa 1; Xalavăn 2; Xaynhabuli 1; Chămpaxắc 2; Xiêng Khoảng 1; áttapư 1. Số ứng cử viên của các đảng phái ra tranh cử trong 12 tỉnh có 105 người gồm: Neo Lào Hắc Xát (Mặt trận Lào yêu nước): 13 người; Đảng Xát Kaona (Quốc gia tiến bộ): 32 người; Đảng Páxathipatây (Dân chủ): 4 người; Đảng Xếtli (Tự do): 5 người; Đảng Lao Luôm Xăm Phăn (Lào liên minh): 5 người; Đảng Xăntiphap Pên Kang (Hoà bình trung lập): 4 người; không đảng phái: 42 người.

². Kết quả cụ thể: Neo Lào Hắc Xát, 9 ghế; không đảng phái, 5 ghế; Đảng Hoà bình trung lập, 4 ghế; Đảng Quốc gia tiến bộ, 3 ghế. Ngày 13 tháng 5 năm 1958, Quốc hội Vương quốc Lào thông qua kết quả cuộc tổng tuyển cử.

cách mạng sôi nổi, làm nức lòng quần chúng trong cả nước.

Lần đầu tiên tất cả các cử tri trong toàn quốc được quyền đi bỏ phiếu. Các ứng cử viên của Pathét Lào và phía Hoà bình trung lập đều giành thắng lợi với 13/21 ghế trong Quốc hội. Kết quả này, cùng với việc thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc lần thứ nhất và sửa đổi hiến pháp, là thắng lợi quan trọng của đường lối hoà bình, trung lập, độc lập, dân chủ, thống nhất đúng đắn của Đảng Nhân dân Lào.

III. PHỐI HỢP CHUYỂN HƯỚNG ĐẤU TRANH CHỐNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT CỦA MỸ Ở LÀO

1. Đế quốc Mỹ và tay sai tăng cường các hoạt động phá hoại Chính phủ liên hiệp và hoà hợp dân tộc

Trước thắng lợi của lực lượng Pathét Lào, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đẩy mạnh các hoạt động lật lọng, từng bước xoá bỏ các hiệp ước hoà hợp dân tộc đã được ký kết để cuối cùng trắng trợn xoá bỏ Chính phủ liên hiệp và hoà hợp dân tộc.

Ngày 18 tháng 8 năm 1958, Quốc hội Vương quốc Lào thông qua chính phủ do Phủi Xánánicon thành lập gồm chín thành viên¹. Cùng ngày Phủi Xánánicon tuyên bố đứng về thế giới tự do, chống lại sự xâm nhập và phát triển của chủ nghĩa cộng sản và cho thực thi hàng loạt chính sách cực kỳ phản động. Chúng gạt hết người

¹. Chín thành viên gồm: 1. Phủi Xánánicon, Thủ tướng kiêm các bộ Kế hoạch, Công chính, viễn thông; 2. Cátài Đônxađôlít, Phó Thủ tướng kiêm các bộ Quốc phòng, Cựu binh, Nội vụ; 3. Bôngxư Vănnavông, Bộ trưởng Bộ Giáo dục, y tế, lễ nghi; 4. Khăm Phăn Pănnha, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; 5. Lưômradá Xỏmbăt, Bộ trưởng Bộ Kinh tế, tài chính; 6. Xỉxúc Chămpaxắc, Bộ trưởng Bộ Thông tin tuyên truyền; 7. Kholạnhốt Xựvănnavông, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; 8. Tăchnun Lămuntin, Thứ trưởng Bộ Y tế; 9. Panxixu Phănthoong, Thứ trưởng Bộ Công chính, viễn thông.

của Neo Lào Hắc Xát ra khỏi Quốc hội và Chính phủ; nhiều công chức của Neo Lào Hắc Xát bị cách chức hoặc bị bắt giam; tờ báo *Lào Hắc Xát* bị đóng cửa.

Thực thi âm mưu của Mỹ, ngày 8 tháng 5 năm 1959, cùng với việc ngừng cung cấp lương thực thực phẩm, sử dụng bốn tiểu đoàn do Khăm Xúc chỉ huy triển khai bao vây Tiểu đoàn 2 Pathét Lào, quân đội Vương quốc Lào còn dùng các loa phóng thanh liên tục dọa dẫm sẽ tấn công tiêu diệt Tiểu đoàn 2, nếu không chấp hành mệnh lệnh của tổng chỉ huy. Tiếp đó, ngày 9 tháng 5, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Vương quốc Lào Uôn Rathicun ra lệnh cho tất cả sĩ quan hai tiểu đoàn 1 và 2 Pathét Lào phải tập trung tại sân bay Xiêng Khoảng để bay về căn cứ Chinaimô (Viêng Chăn) làm lễ phong quân hàm.

Được sự hậu thuẫn của đế quốc Mỹ, bất chấp dư luận phản đối mạnh mẽ ở trong nước và thế giới, ngày 26 tháng 7 năm 1959, Chính phủ phản động Phủi Xánánicon ra lệnh bắt giam 16 nhà lãnh đạo, cán bộ của Neo Lào Hắc Xát khi vào Thủ đô Viêng Chăn tham gia Hội nghị hiệp thương chính trị và Chính phủ liên hiệp dân tộc (trong đó có Hoàng thân Xuphanuvông và các ông: Phumi Vôngvichít, Nủhắc Phumxavăn, Phun Xipaxot, Xithôn Cômmadăm). Cùng với hành động trên, Chính phủ phản động Phủi Xánánicon còn điều quân đội tăng cường uy hiếp tỉnh Sầm Nưa.

Sau khi dùng tám máy bay C46 chở vũ khí, quân dụng viện trợ khẩn cấp cho quân đội Lào và hối thúc Liên hợp quốc cử một tiểu ban gồm bốn nước (Nhật Bản, Tuynidi, Italia và áchentina) đến điều tra tình hình Lào, ngày 12 tháng 9 năm 1959, Bộ Quốc phòng Mỹ quyết định đưa thêm quân vào Lào dưới danh nghĩa “các đơn vị liên lạc”. Các đơn vị này đặt dưới quyền chỉ huy của Bộ Tham mưu Mỹ ở Thái Bình Dương.

Việc Mỹ đẩy mạnh can thiệp quân sự, tăng cường viện trợ vũ

khí, phương tiện chiến tranh, đơn quân nguy tăng lên nhanh chóng từ 25.000 tên (năm 1955) lên 44.000 tên (năm 1959), liên minh với nguy quyền Nam Việt Nam, chính quyền Thái Lan, đã bộc lộ dã tâm phá hoại Chính phủ liên hiệp, phá hoại sự hoà hợp dân tộc để phát động cuộc chiến tranh với quy mô lớn hơn nhằm tiêu diệt lực lượng Neo Lào Hắc Xát và lực lượng hoà bình trung lập ở Lào.

2. Đảng Lao động Việt Nam phối hợp giúp Đảng Nhân dân Lào chuyển hướng đấu tranh

Trước tình hình căng thẳng do đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai gây ra ở Lào, ngày 28 tháng 8 năm 1958, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào ra chỉ thị cho các cấp bộ đảng về “tình hình nhiệm vụ mới”.

Phân tích âm mưu, thủ đoạn mới của Mỹ và tay sai, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào chủ trương: “Tập hợp mọi lực lượng, kiên quyết đấu tranh buộc chính phủ do Phủi Xánánicon làm thủ tướng phải từ chức để thành lập Chính phủ liên hiệp có đại diện Neo Lào Hắc Xát và các nhân sĩ tiến bộ tham gia, thi hành chính sách hoà bình trung lập như chương trình của Chính phủ liên hiệp trước đó. Bằng mọi cách làm cho tình hình bớt căng thẳng đồng thời ra sức củng cố lực lượng, đề phòng tình hình xấu có thể xảy ra”¹.

Về một số công tác trước mắt, chỉ thị xác định:

- Tiếp tục chuyển hướng hoạt động để làm tình hình bớt căng thẳng và bảo tồn lực lượng.
- Kịp thời lãnh đạo thông suốt tư tưởng cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trước tình hình hiện nay.
- Tích cực củng cố và phát triển lực lượng về mọi mặt để phát huy tinh thần đấu tranh bền bỉ của cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp

¹. Một số tư liệu về quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Lưu tại Bộ môn Lịch sử tổ chức quân sự - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

nhân dân.

- Ra sức tranh thủ quân đội, cảnh sát và công chức phía Vương quốc.

- củng cố đường dây liên lạc công khai và bí mật giữa trung ương với địa phương, giữa tỉnh với huyện để đảm bảo sự lãnh đạo kịp thời của Đảng.

Trước việc Mỹ và bọn tay sai ra sức thi hành chính sách khủng bố đối với cán bộ cách mạng và những người có tư tưởng hoà bình, tiến bộ, đã có nhiều cán bộ Pathét Lào và thường dân Lào ở các tỉnh biên giới chạy sang đất Việt Nam để tránh sự đàn áp, bắt bớ của địch. Để tạo điều kiện giúp cách mạng Lào, ngày 13 tháng 12 năm 1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Chỉ thị số 120/CT-TW về chủ trương đối với cán bộ và nhân dân Lào chạy qua biên giới, trong đó nêu rõ: “Xuất phát từ lợi ích của cách mạng Lào và mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng và nhân dân hai nước, đồng thời căn cứ ở tình hình trên, chủ trương của ta là hết lòng giúp đỡ cho số cán bộ và thường dân Lào vì tránh khủng bố mà chạy sang biên giới ta về mọi mặt tinh thần, vật chất theo khả năng của ta... Để thực hiện tốt chủ trương trên, cần coi trọng công tác điều tra, nghiên cứu để đối xử thận trọng với từng người cho chính xác, tránh nhầm lẫn giữa người tốt, kẻ xấu và bọn gián điệp. Đồng thời cần chú ý động viên tinh thần cán bộ và nhân dân bạn, hết sức tránh những gì có thể làm tổn thương đến tinh thần và tình cảm của bạn”¹.

Cùng với việc giúp đỡ cán bộ, nhân dân Lào ở các tỉnh biên giới, ngày 23 tháng 12 năm 1958, Ban Liên lạc đối ngoại Trung ương gửi Công văn số 418/BLL đến Khu uỷ Việt Bắc yêu cầu cung cấp đủ tiêu chuẩn phụ cấp cho các đồng chí cán bộ, học sinh Lào ở

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.19, tr.625.

Thái Nguyên. Trong lúc điều kiện kinh tế của Việt Nam sau hoà bình còn rất nhiều khó khăn, những việc làm nghĩa tình đó càng làm cho quan hệ vừa là đồng chí vừa là anh em giữa hai Đảng, hai quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào thêm keo sơn, gắn bó.

Sau khi Chính phủ Vương quốc Lào cho quân đội tăng cường hoạt động vũ trang ở biên giới giáp các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh của Việt Nam, trong các ngày 28 tháng 12 năm 1958 và 1 tháng 1 năm 1959, Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã gửi công hàm cho Chính phủ Vương quốc Lào phản đối hành động khiêu khích của quân đội Vương quốc Lào ở vùng Hương Lập (Nghệ An) và yêu cầu sớm có biện pháp chấm dứt.

Ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phản đối các hoạt động khiêu khích của quân đội Vương quốc Lào, ngày 11 tháng 1 năm 1959, Hoàng thân Xuphanuvông, Chủ tịch Neo Lào Hắc Xạt đã gửi thư cho Chủ tịch Ủy ban quốc tế ở Lào Tura Sinh Bah tố cáo những hành động vi phạm Hiệp định Giơnevơ và Hiệp định Viêng Chăn của phía Chính phủ Vương quốc Lào sau khi Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát đình chiến ở Lào ngừng hoạt động.

Để giúp Trung ương Đảng Nhân dân Lào kịp thời đấu tranh chống địch đàn áp khủng bố, ngày 30 tháng 1 năm 1959, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi thư trao đổi ý kiến với Trung ương Đảng Nhân dân Lào¹ về phương hướng đấu tranh của cách mạng Lào, trong đó nhấn mạnh cần rút ngay một bộ phận bí mật chuyển ra vùng căn cứ để lãnh đạo phong trào đấu tranh, kiên quyết bảo vệ cho được lực lượng của cách mạng Lào.

Theo dõi sát những diễn biến mới ở Lào, ngày 15 tháng 3 năm 1959, Ban Cán sự miền Tây đã có báo cáo tình hình và dự kiến các

¹. Từ năm 1959, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào gọi là Ban Chấp hành Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo gọi là Tổng Bí thư.

nội dung giúp cách mạng Lào để trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam. Về âm mưu của Mỹ, Ban Cán sự miền Tây nhận định: “Sự xâm nhập và hoạt động của đế quốc Mỹ có tính chất toàn diện, nhanh, trắng trợn nhưng kín đáo với một kế hoạch từng bước với những thủ đoạn tương đối khôn khéo, xảo quyệt và thâm độc hơn trước. Hiện nay Mỹ đã nắm chính phủ trung ương và đang tích cực xuống nắm cấp tỉnh...”¹.

Về tình hình Lào, Ban Cán sự miền Tây nêu rõ: sau khi hợp tác thống nhất, cách mạng Lào giành thắng lợi trong tổng tuyển cử bổ sung. Phong trào lúc đó lên mạnh ở nông thôn và thành thị. Cơ sở của Lào được mở rộng, ảnh hưởng và uy tín của Lào lan rộng khắp nơi. Lào đã tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của cách mạng một cách rộng rãi và công khai. Các tầng lớp nhân dân tán thành đường lối, chính sách của cách mạng và ủng hộ Pathét Lào. Nhưng từ khi Phủi Xánánicon lên làm thủ tướng đến nay và qua các cuộc khủng bố liên tiếp, phong trào xẹp xuống, cơ sở cũ ở nhiều nơi bị thu hẹp lại.

Trên cơ sở đó, Ban Cán sự miền Tây đề xuất phương hướng phối hợp với cách mạng Lào trong thời gian tới là “tích cực ra sức củng cố và bảo tồn lực lượng của cách mạng Lào, đoàn kết và tập hợp lực lượng yêu nước, yêu hoà bình, tiếp tục đấu tranh chính trị để duy trì địa vị hợp pháp của Neo Lào Hắc Xát và chống mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với tình hình xấu, nghĩa là cần thiết thì chuyển sang đấu tranh vũ trang...”².

¹. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 73, đơn vị bảo quản 1058, Ban Công tác miền Tây: *Báo cáo tình hình và chủ trương của ta ở Lào*, tr.1.

². Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 73, đơn vị bảo quản 1058, Ban Công tác miền Tây: *Báo cáo tình hình và chủ trương của ta ở Lào*, tr.14.

Sau khi nắm tình hình mọi mặt về Lào, ngày 4 tháng 5 năm 1959, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam đã có cuộc trao đổi với đại diện Đảng Nhân dân Lào về tình hình, chủ trương và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Lào. Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam nhất trí với chủ trương của Đảng Nhân dân Lào, đồng thời nhấn mạnh phải tích cực xây dựng, phát triển lực lượng để chuyển sang đấu tranh vũ trang khi cần.

Căn cứ vào chủ trương đã được hai Đảng, hai quân đội thống nhất, ngày 11 tháng 5 năm 1959, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ đạo Cục Tác chiến giúp Bộ Chỉ huy tối cao Lào soạn thảo dự án chủ trương đấu tranh vũ trang của cách mạng Lào.

Ngày 13 tháng 5 năm 1959, trước hành động đe dọa dùng vũ lực của Chính phủ Vương quốc Lào, cùng với việc động viên cán bộ, chiến sĩ hai tiểu đoàn giữ vững tinh thần chiến đấu và có các biện pháp phòng vệ cần thiết, Hoàng thân Xuphanuvông, Chủ tịch Neo Lào Hắc Xạt, đã gửi thư cho Ủy ban quốc tế ở Lào tố cáo hành động bao vây hai tiểu đoàn vũ trang của Neo Lào Hắc Xạt, giam lỏng tại gia (nội bắt xuất, ngoại bắt nhập) các lãnh tụ Neo Lào Hắc Xạt và tuyên bố tình trạng giới nghiêm, thiết quân luật của Chính phủ Vương quốc Lào.

Sau khi Bộ Chỉ huy tối cao quân đội Vương quốc Lào ra lệnh cho hai tiểu đoàn 1 và 2 Pathét Lào phải đầu hàng trong vòng 24 giờ, nếu không thực hiện sẽ bị tiêu diệt, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 vũ trang của Neo Lào Hắc Xạt đóng tại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng đã dũng cảm, mưu trí, bí mật lợi dụng đêm tối vượt qua vòng vây của địch ra vùng núi phía đông và rút dần về vùng biên giới giáp Việt Nam.

Biết rõ trên đường hành quân, Tiểu đoàn 2 gặp rất nhiều khó

khẩn về đạn dược, lương thực, số người đi theo đông (91 gia đình, phần lớn là vợ con cán bộ, chiến sĩ), quân nguy Viêng Chăn đã sử dụng Tiểu đoàn 10 truy kích hồng tiêu diệt lực lượng Pathét Lào. Dự đoán đúng âm mưu và thủ đoạn tác chiến của địch, chỉ huy Tiểu đoàn 2 đã tổ chức lực lượng phục kích đánh tan tiểu đoàn địch ở Xiêng Khoảng. Không cam chịu thất bại, quân nguy Viêng Chăn tiếp tục cho Tiểu đoàn dù số 2 nhảy dù xuống Mường Ngan chặn đường hành quân của Tiểu đoàn 2 Pathét Lào. Nhờ sự giúp đỡ che chở của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 đã đánh lui được quân địch ở Mường Ngan, tiếp tục hành quân ra vùng căn cứ.

Trải qua 15 ngày đêm vừa hành quân vừa chiến đấu dũng cảm, mưu trí, ngày 2 tháng 6 năm 1959, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2 Pathét Lào đã vượt qua vòng vây của quân thù, bảo toàn được lực lượng, trở về căn cứ ở vùng núi Kày Khăn, biên giới Lào - Việt Nam.

Việc Tiểu đoàn 2 phá vây, bảo toàn được lực lượng trở về căn cứ là một thắng lợi của cách mạng Lào. Từ thời điểm này, Tiểu đoàn 2 cùng nhân dân các dân tộc Lào trong cả nước thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng Nhân dân Lào, chuyển hướng sang đấu tranh vũ trang tự vệ kết hợp với phong trào khởi nghĩa của quần chúng, đòi phía chính quyền Vương quốc thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ và các hiệp định Viêng Chăn.

Cũng trong thời gian này, Tiểu đoàn 1 vũ trang của Neo Lào Hắc Xát đóng ở huyện Xiêng Ngan (tỉnh Luông Phạbang), do nhiều nguyên nhân, trong đó trở ngại nhất là thông tin liên lạc nên việc rút quân không thực hiện được theo ý định. Sau khi Tiểu đoàn 2 đã vượt vòng vây trở về căn cứ, địch càng tăng cường đối phó hết sức nghiêm ngặt. Do vậy, đến đầu năm 1960, Tiểu đoàn 1 mới rút ra được nhưng quân số thiếu hụt gần một nửa (về hoà hợp dân tộc,

tiểu đoàn biên chế 750 cán bộ, chiến sĩ, quá trình rút quân nhiều cán bộ, chiến sĩ bị thương vong, một số bị địch bắt giam nên khi về đến căn cứ quân số của tiểu đoàn chỉ còn hơn 400 người). Tuy có bị thiệt hại về lực lượng nhưng về cơ bản Pathét Lào vẫn duy trì được lực lượng vũ trang, đây là yếu tố vô cùng quan trọng để xây dựng, củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ của quân giải phóng nhân dân Lào sau này.

Trong quá trình diễn ra sự kiện Tiểu đoàn 2 Pathét Lào chiến đấu phá vây, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Thường vụ Quân uỷ Trung ương Việt Nam, từ trung tuần tháng 5 đến đầu tháng 6 năm 1959, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ đạo các quân khu, các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ giúp cách mạng Lào tạo mọi điều kiện giúp đỡ Tiểu đoàn 2 và các lực lượng Pathét Lào chiến đấu, bảo vệ lực lượng trên đường hành quân ra vùng biên giới Việt - Lào.

Ngày 20 tháng 5 năm 1959, Tổng Quân uỷ họp bàn về tình hình Lào. Trên cơ sở phân tích âm mưu của địch ở Lào trong thời gian tới, Tổng Quân uỷ đề ra một số công tác cần tiến hành, trong đó nhấn mạnh: “tổ chức bộ đội vũ trang giải phóng Lào; tổ chức cơ quan chỉ đạo, chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam ở Lào; chuẩn bị cho việc giải phóng một khu vực ở Lào làm căn cứ cho phong trào cách mạng toàn quốc và căn cứ chỉ đạo của cách mạng Lào; đào tạo đội ngũ cán bộ của cách mạng Lào; chuẩn bị về sự giúp đỡ của Việt Nam cho cách mạng Lào; chuẩn bị kế hoạch hoạt động quân sự để thực hiện chủ trương giải phóng một khu vực làm căn cứ hoặc chỗ đứng cho các lực lượng cách mạng Lào”¹.

Cũng trong thời gian này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp điện chỉ thị các đồng chí Nguyễn Trọng Vĩnh, Nguyễn Đôn (Quân khu 4),

¹. *Biên niên sự kiện Bộ Tổng Tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1955 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, t.1, tr.299-300.

yêu cầu Quân khu chuẩn bị điện đài, cán bộ và bộ đội để sẵn sàng thực hiện kế hoạch giúp đỡ Tiểu đoàn 2 Pathét Lào. Tiếp đó, ngày 30 tháng 5, Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho Quân khu 4, trong đó yêu cầu “tổ chức nhiều tổ nhỏ (3 - 4 người) phái vào phân tán hoạt động trên một khu vực tương đối rộng để giúp Tiểu đoàn 2 Pathét Lào khi Tiểu đoàn 2 về đến biên giới. Để giúp Tiểu đoàn 2 tác chiến, cần chi viện cho bạn hoá lực (cối 82 hoặc ĐKZ), bộc phá đạn dược, lương thực và điều tra vị trí địch; đôn đốc các vùng, các đơn vị biên phòng bảo đảm tiếp tế và nắm tình hình giúp bạn”¹.

Ngày 1 tháng 6 năm 1959, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam điện gửi đồng chí Tùng, Trưởng Ban Trinh sát Z20c: “Để yểm hộ Tiểu đoàn 2 rút quân, cần nắm vững tình hình địch, dùng bộ đội Tiểu đoàn 2 tiêu diệt quân truy kích nhưng phải chắc thắng mới đánh, không chắc thì đánh tiêu hao; lực lượng sử dụng ở mức trung đội tăng cường. Để tiến tới diệt địch ở Then Phun và Mường Ngát, cần chuẩn bị điều tra địch, nắm nhân dân, lập tổ vũ trang, làm công tác tư tưởng và động viên cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 2”². Riêng Cục Nghiên cứu Bộ Tổng Tham mưu đã cử một trung đội trinh sát do đồng chí Tâm chỉ huy đi đón và hỗ trợ dẫn đường cho Tiểu đoàn 2 về Mường Xén. Những hoạt động trên của các đơn vị quân đội nhân dân Việt Nam đã góp phần tích cực giúp đỡ để Tiểu đoàn 2 Pathét Lào rút lui thành công về vùng biên giới giáp Việt Nam.

Ngày 3 tháng 6 năm 1959, Trung ương Đảng Nhân dân Lào ra nghị quyết về tình hình nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Lào, trong đó nhấn mạnh: “Đế quốc Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào các

¹. Điện của Bộ Tổng Tham mưu gửi các đơn vị. Lưu tại Cục Cơ yếu, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam.

². Điện của Bộ Tổng Tham mưu gửi các đơn vị. Lưu tại Cục Cơ yếu, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam.

mặt chính trị, kinh tế và quân sự của Lào. Theo lệnh đế quốc Mỹ, chính phủ Phủi Xánánicon đã gây tình hình nghiêm trọng ở Lào. Chúng ngang nhiên phá hoại Hiệp định Giơnevơ và các hiệp định Viên Chăn. Tráng trọng hơn là chúng đã bao vây hai tiểu đoàn vũ trang 1 và 2, giam lỏng các lãnh tụ của Neo Lào Hắc Xát, tấn công các lực lượng vũ trang của Neo Lào Hắc Xát. Khả năng hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc đã mất. Dù bọn tay sai phản động ra sức khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng, song lực lượng cách mạng vẫn ngày càng lớn mạnh. Các lực lượng nhân dân ngày càng ủng hộ đường lối đúng đắn của Neo Lào Hắc Xát”¹.

Trên cơ sở phân tích tình hình, âm mưu của địch, nghị quyết vạch ra một số nhiệm vụ và hình thức đấu tranh, đó là:

- Chuyển sang hình thức đấu tranh vũ trang là chủ yếu, kết hợp với các hình thức đấu tranh khác.

- Đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước, yêu hoà bình với phương châm đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết được, trung lập mọi lực lượng có thể trung lập được, phân hoá mọi lực lượng có thể phân hoá được.

- Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Viên Chăn và các hiệp nghị đã được ký kết giữa hai bên để xây dựng một nước Lào hoà bình, trung lập, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng.

Nghị quyết xác định: “tiếng súng chiến đấu tự vệ của Tiểu đoàn 2 Pathét Lào báo hiệu cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào đang chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn từ đấu tranh công khai hợp pháp là chủ yếu, chuyển sang đấu tranh vũ trang là chủ yếu, kết hợp đấu tranh chính trị”².

¹. Một số tư liệu về quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Lưu tại Bộ môn Lịch sử tổ chức quân sự - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

². Một số tư liệu về quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Lưu tại Bộ môn Lịch sử tổ chức quân sự - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

Cũng trong thời gian này, Tổng Quân uỷ Việt Nam chỉ thị cho Quân khu Tây Bắc đưa lực lượng sang phối hợp với quân đội Pathét Lào tiến công một số cứ điểm của địch sát biên giới và vận động nhân dân Lào chuẩn bị cho những hoạt động lớn sau này.

Ngày 2 tháng 7 năm 1959, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam nhận định về tình hình Lào và đề ra chủ trương giúp cách mạng Lào đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển lực lượng trong tình hình mới.

Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam xác định nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam đối với cách mạng Lào là: “tích cực ủng hộ cách mạng Lào phải được coi là một nhiệm vụ quốc tế hết sức quan trọng của Đảng và nhân dân ta, là một công tác có ý nghĩa trọng đại đối với sự nghiệp củng cố miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Chúng ta cần phải thống nhất tư tưởng trong Đảng và trong cán bộ về tình hình và nhiệm vụ của cách mạng Lào, về nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta đối với cách mạng Lào”¹.

Từ nhận định trên, để giúp Đảng Nhân dân Lào xây dựng phát triển lực lượng, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam đã giao nhiệm vụ cho đoàn cán bộ Việt Nam (Đoàn 959) giúp Lào xây dựng phát triển Tiểu đoàn 2 thành ba tiểu đoàn (1, 2, 3). Quân số mỗi tiểu đoàn khoảng 200 người. Căn cứ vào tình hình thực tế, đoàn cán bộ Việt Nam đã cử ba tổ cán bộ giúp xây dựng ba tiểu đoàn, mỗi tổ có một đồng chí phụ trách và bộ phận cơ yếu điện đài. Ngoài ra theo yêu cầu của Lào, Đoàn 959 còn bổ sung vũ khí, trang bị, quân trang, quân dụng và tổ chức huấn luyện về kỹ thuật, chiến thuật cho các đơn vị Pathét Lào.

¹. Một số tư liệu về quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Lưu tại Bộ môn Lịch sử tổ chức quân sự - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

Ngày 3 tháng 7 năm 1959, hai Bộ Chính trị Việt Nam và Lào họp bàn quyết định mở đợt hoạt động quân sự trong mùa mưa năm 1959 nhằm củng cố căn cứ, cải thiện thể đứng chân của các đơn vị Pathét Lào. Để kịp thời nắm tình hình chỉ đạo các mặt công tác giúp Lào, ngày 6 tháng 7 năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định thành lập Ban Công tác Lào (CP31) do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm trưởng ban, đồng chí Nguyễn Khang làm phó ban, đồng chí Nguyễn Chính Giao làm uỷ viên thường trực và một số uỷ viên khác như Nguyễn Văn Vịnh, Nguyễn Đức Dương, Lê Chương. Nhiệm vụ chính của Ban là chủ động theo dõi, nghiên cứu, hướng dẫn mọi diễn biến về Lào, qua đó đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương thực hiện kế hoạch viện trợ cho Lào. Tiếp đó, ngày 11 tháng 7 năm 1959, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 147-CT/TW về việc tăng cường lãnh đạo công tác củng cố và mở mang miền Tây, các tỉnh Liên khu 4 cũ.

Bộ Chính trị hai Đảng xác định cách mạng Lào chuyển hướng đấu tranh từ công khai hợp pháp sang đấu tranh vũ trang là chủ yếu. Quán triệt tinh thần đó, ngày 15 tháng 7 năm 1959, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam đã xác định phương hướng hoạt động quân sự và giúp cách mạng Lào xây dựng lực lượng vũ trang trong thời gian tới.

Về hoạt động quân sự, hướng hoạt động quân sự chủ yếu là Thượng Lào, lấy hai tỉnh Phôngxaly và Sầm Nưa làm căn cứ; Trung Lào là hướng hoạt động phối hợp; ở Hạ Lào, xây dựng lực lượng chính trị quân sự bí mật rồi tiến tới đấu tranh vũ trang.

Về xây dựng lực lượng vũ trang, phần đầu đến cuối năm 1959, mỗi tỉnh của Lào có từ hai trung đội đến một đại đội; mỗi huyện có từ một tiểu đội đến một trung đội bộ đội địa phương; bộ đội chủ lực có từ ba đến năm tiểu đoàn ở cơ sở, tổ chức lực lượng du kích để hoạt động vũ trang tuyên truyền.

Trong mùa mưa, dùng lực lượng quân sự mở các đợt hoạt động vũ trang tuyên truyền, đánh nhỏ ở vùng sâu, vùng biên giới và vùng trọng điểm. Phương châm hoạt động là kết hợp quân sự với chính trị, tác chiến tuyên truyền với xây dựng.

Để giúp lực lượng Pathét Lào hoạt động và xây dựng theo phương châm trên, “cân trang bị súng cho lực lượng bộ đội chủ lực, cấp dưỡng hoàn toàn cho cơ quan lãnh đạo, cho bộ đội chủ lực, một phần cho bộ đội địa phương và giúp đỡ nhân dân bạn phát triển sản xuất để tự túc”¹.

Thực hiện chủ trương giúp lực lượng Pathét Lào mở đợt hoạt động trong mùa mưa năm 1959, ngày 18 tháng 7 năm 1959, Tổng Quân uỷ Việt Nam chỉ thị cho Quân khu Tây Bắc và Quân khu 4 cử một số đơn vị cấp đại đội, tiểu đoàn, phối hợp với các đơn vị Pathét Lào tiến công một số cứ điểm của địch ở sát biên giới Việt - Lào, sau đó chia thành ba bộ phận theo ba hướng trở về Lào chiến đấu. Bộ phận thứ nhất gồm Tiểu đoàn 2, do đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Lào, trực tiếp chỉ đạo; đồng chí Lê Chương, phụ trách - đoàn trưởng đoàn cán bộ Việt Nam giúp Lào - cùng đi với tiểu đoàn tiến từ đông nam Sầm Nưa lên vùng đông nam Xiêng Khoảng (hướng chủ yếu). Bộ phận thứ hai gồm Tiểu đoàn 4, do đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, Uỷ viên Trung ương Đảng Nhân dân Lào, trực tiếp chỉ đạo, tiến từ Mường Xon - bắc Sầm Nưa, Phongxalỳ - Luông Phạbang đến Xiêng Ngân (hướng thứ yếu). Bộ phận thứ ba do một đại đội của Tiểu đoàn 1 phụ trách từ bắc đường 8 đến đường 12 - Khăm Muộn (hướng phối hợp). Các tiểu đoàn 1, 2, 4 đều có một tổ chuyên gia và bộ phận điện đài đi cùng theo từng hướng.

¹. *Biên niên sự kiện Bộ Tổng Tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1955 - 1975)*, Sđd, t.1, tr.30.

Được sự hỗ trợ của các đơn vị Pathét Lào, nhân dân các địa phương đã nổi dậy đập tan ách kìm kẹp của địch, giải phóng các huyện Mường Xăm, Sầm Tở, Mường Xon (tỉnh Sầm Nưa), Xốp Nao, Xốp Hùn (tỉnh Phôngxalỳ); Pạc Khao, Xốp Văn (tỉnh Luông Phabang), khu vực Xăm Chè (Xiêng Khoảng), vùng Khăm Cột, Bolikhăn (tỉnh Bolikhămxay), Na Pê, Na Hương, Lắc Xao (tỉnh Khăm Muộn). Phối hợp chặt chẽ với hoạt động vũ trang, công tác tuyên truyền vận động nhân dân đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ được triển khai rộng khắp. Ngày 2 tháng 8 năm 1959, Ủy ban Trung ương Neo Lào Hắc Xát kêu gọi nhân dân cả nước đẩy mạnh phong trào đấu tranh, đòi nhà cầm quyền Vương quốc Lào trả tự do cho các nhà lãnh đạo Neo Lào Hắc Xát, đòi đình chỉ chiến tranh, lập Chính phủ liên hiệp và thực hiện đường lối hoà bình trung lập.

Từ ngày 18 tháng 8 đến 15 tháng 9 năm 1959, một số đơn vị quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với các đơn vị Pathét Lào mở đợt hai hoạt động trong mùa mưa. Trong đợt hoạt động này, quán triệt tinh thần chỉ đạo của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, một số đơn vị quân tình nguyện Việt Nam (chủ yếu là lực lượng Quân khu 4 tác chiến ở các tỉnh Xiêng Khoảng, Liên huyện 90 và Khăm Muộn) đã vận dụng nhiều hình thức tác chiến linh hoạt như phục kích, tập kích, bao vây, bắn tỉa, địch vận, phá hoại cầu đường, đốt kho tàng của địch, đánh cứ điểm bằng đặc công kết hợp hỏa lực, v.v.. Đi đôi với tác chiến, các đơn vị tình nguyện Việt Nam đã tích cực giúp Lào củng cố cơ sở, phát động nhân dân ủng hộ kháng chiến, tham gia các lực lượng dân quân tự vệ chiến đấu bảo vệ vùng mới giải phóng. Các đơn vị quân tình nguyện phối hợp chiến đấu chặt chẽ với lực lượng Pathét Lào và nhân dân địa phương đánh 40 trận, giải phóng thêm 13 điểm. Sau đợt hoạt động này, các tiểu đoàn 1, 2, 4 Pathét Lào được lệnh rút ra hoạt động ở vùng biên giới Việt - Lào, sau đó sang tập trung ở huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ (Việt

Nam) để chặn chính lực lượng. Theo yêu cầu của Trung ương Neo Lào Hắc Xát, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã giúp xây dựng hai tiểu đoàn 1 và 2 Pathét Lào thành hai tiểu đoàn chủ lực mạnh, quân số mỗi tiểu đoàn từ 650 đến 700 người; đồng thời bổ sung vũ khí, trang bị và cử các tổ chuyên gia giúp hai tiểu đoàn cả về quân sự, chính trị và chuyên môn kỹ thuật.

Do yêu cầu chi viện chiến trường Lào ngày càng lớn, ngày 12 tháng 9 năm 1959, Bộ Quốc phòng Việt Nam ra Quyết định số 446/QĐ-QP thành lập Đoàn 959 (còn gọi là Đoàn Công tác miền Tây). Nhiệm vụ của Đoàn là làm chuyên gia về quân sự cho Quân uỷ Trung ương và Bộ Chỉ huy tối cao Quân đội Pathét Lào, tổ chức chi viện vật chất của Việt Nam cho cách mạng Lào và trực tiếp chỉ huy các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam hoạt động ở khu vực Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Viêng Chăn. Thiếu tướng Lê Chương - Uỷ viên Ban Công tác Lào, phụ trách - đoàn trưởng đoàn cán bộ Việt Nam được cử làm đoàn trưởng kiêm bí thư Đoàn uỷ Đoàn 959. Đồng chí Lê Tiến Phục, cán bộ quân đội và các đồng chí Đinh Văn Khanh, Mai Văn Quang, Đào Ngọc Hưng (cán bộ dân chính) làm uỷ viên Đoàn uỷ¹.

Với sự chuyển hướng đấu tranh kịp thời và sáng tạo của Đảng Nhân dân Lào cùng với sự phối hợp giúp đỡ toàn diện, có hiệu quả của Việt Nam, cách mạng Lào đã đồng loạt đấu tranh bằng nhiều hình thức, chủ yếu là quân sự và đã giành được những thắng lợi quan trọng, tạo điều kiện để xây dựng căn cứ, củng cố lực lượng vũ trang, tiếp tục cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai ở Lào trong giai đoạn mới.

IV. PHỐI HỢP CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ VÀ MỞ RỘNG VÙNG GIẢI

¹. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sáu mươi năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.185.

PHÓNG, ĐẤU TRANH ĐÒI THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP
LẦN THỨ HAI, TIẾN TỚI HIỆP ĐỊNH GIÒNEVO VỀ LÀO,
THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO GIỮA HAI NƯỚC

1. Tiếp tục xây dựng lực lượng, liên minh với lực lượng trung lập thực hiện hoà hợp dân tộc

Trước sự can thiệp trắng trợn của đế quốc Mỹ vào Lào, phá hoại nghiêm trọng Hiệp định Giơnevơ 1954 và các hiệp định Viên Chăn, ngày 20 tháng 9 năm 1959, Trung ương Đảng Nhân dân Lào tiến hành Hội nghị lần thứ hai, ra Nghị quyết về *tình hình và nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng Lào*. Đánh giá về âm mưu của Mỹ và tay sai cũng như chuyển biến của tình hình Lào từ khi Tiểu đoàn 2 phá vòng vây trở về căn cứ và quân dân Lào trong cả nước chuyển hướng sang đấu tranh vũ trang là chủ yếu, Nghị quyết chỉ rõ: “Địch đã dùng lực lượng vũ trang tấn công Neo Lào Hắc Xạ gây lại cuộc chiến tranh, buộc nhân dân ta phải chiến đấu tự vệ. Với chủ trương chuyển hướng đấu tranh đúng đắn và kịp thời, quân dân Lào đã nổi dậy, đẩy mạnh hoạt động vũ trang chống lại đế quốc Mỹ và bọn tay sai phản động. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhiều vùng đất đai rộng lớn đã được giải phóng, ảnh hưởng của Neo Lào Hắc Xạ ngày càng được nâng cao ở trong nước và thế giới”¹.

Để chủ động đối phó với các âm mưu của địch, giành thắng lợi trong mọi tình huống, Nghị quyết đề ra nhiệm vụ cụ thể trước mắt của Đảng Nhân dân Lào trong giai đoạn mới là: “Phát động quần chúng trong toàn quốc đẩy mạnh chiến tranh du kích; ra sức củng cố và tăng cường lực lượng cách mạng về mọi mặt. Mở rộng các khu căn cứ ở miền núi, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động vào vùng

¹, 2. Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, Sđd, tr.361.

đồng bằng và đô thị; phát động phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, các hiệp định Viêng Chăn và đòi Ủy ban quốc tế ở Lào hoạt động trở lại”². Thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ hai, dựa vào lực lượng quần chúng, đồng thời dựa vào cơ sở pháp lý của Hiệp định Giơnevơ để phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ trên toàn quốc, cuối tháng 9 năm 1959, ở Luông Phạbang đã có hàng nghìn người ký kiến nghị phản đối chính phủ Phủi Xánánicon. Tiếp đó, ngày 1 tháng 10, một số giới ở Viêng Chăn mít tinh đòi chính phủ chấm dứt chính sách vũ lực, trả tự do cho Hoàng thân Xuphanuvông và các lãnh tụ Neo Lào Hắc Xát bị bắt giam. Phong trào ở Viêng Chăn rất mạnh, nhất là trong giới trí thức, sư sãi, sinh viên, học sinh. ở các nơi khác, phong trào xây dựng lực lượng vũ trang, đánh địch bảo vệ vùng giải phóng cũng thu được những thắng lợi đáng kể.

Ngày 22 tháng 10 năm 1959, tại vùng căn cứ địa Sầm Nưa, Neo Lào Hắc Xát khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III nhằm đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ từ Hội nghị mở rộng Ban Chấp hành Trung ương Neo Lào Hắc Xát tại căn cứ địa Sầm Nưa (ngày 10 tháng 1 năm 1958) đến hội nghị này.

Trong hơn một năm ra hoạt động công khai hợp pháp ở một số đô thị lớn và qua bốn tháng chuyển hướng sang đấu tranh vũ trang, cách mạng Lào từ chỗ bị địch lật lọng, bị khủng bố trên toàn quốc đã từng bước giành lại được những thắng lợi quan trọng, uy tín của Neo Lào Hắc Xát được phục hồi ở trong nước và trên thế giới. Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, Đại hội kêu gọi quần dân các dân tộc Lào đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng Nhân dân Lào, Neo Lào Hắc Xát, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang kết hợp với các hình thức đấu tranh khác, từng bước làm thất bại âm mưu gây lại chiến tranh ở Lào của đế quốc Mỹ và bọn tay sai cực đoan phản động. Trước mắt, yêu cầu Mỹ và Chính phủ

Vương quốc phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ 1954, các hiệp định Viêng Chăn đã được hai bên ký kết, đưa nước Lào đi theo đường lối hoà bình trung lập, hoà hợp dân tộc, thống nhất quốc gia, thực hiện các quyền dân chủ. Đại hội còn thông qua một số chính sách quan trọng như: vận động viên chức, chính sách đối với sư sãi và thông qua tuyên bố: Neo Lào Hắc Xát sẵn sàng đàm phán với nhà cầm quyền Lào để giải quyết vấn đề tranh chấp ở Lào.

Trước âm mưu mở rộng chiến tranh, tiến công lực lượng cách mạng Lào của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, xuất phát từ đặc điểm chiến trường, nhiệm vụ cách mạng, phương châm hoạt động vũ trang đã được các Nghị quyết Trung ương hai và ba xác định, ngày 6 tháng 11 năm 1959, Trung ương Đảng Nhân dân Lào ra chỉ thị về việc tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của các đại đội độc lập.

Cùng với đẩy mạnh hoạt động của đại đội độc lập, vấn đề khôi phục sản xuất, phát triển kinh tế, đảm bảo đời sống nhân dân trong các vùng giải phóng cũng được Đảng và Neo Lào Hắc Xát tập trung lãnh đạo. Ngày 25 tháng 12 năm 1959, Trung ương Đảng Nhân dân Lào ra chỉ thị về việc tích cực vận động tăng gia, sản xuất lương thực, thực phẩm, trong đó yêu cầu toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phải “ra sức đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, chống đói, cải thiện đời sống nhân dân, cán bộ, bộ đội, từng bước thực hiện tự cấp tự túc nhằm thực hiện tốt phương châm đấu tranh trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh, nhất định thắng lợi”¹.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, cùng với việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống, các địa phương đã tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh chiến tranh du kích.

¹. Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, Sđđ, tr.367-368.

Đến cuối năm 1959, chiến tranh du kích đã phát triển ở khắp nơi. Lực lượng vũ trang Pathét Lào được sự giúp đỡ của Việt Nam đã phát triển, xây dựng Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 thành hai tiểu đoàn chủ lực mạnh, quân số mỗi tiểu đoàn từ 650 đến 700 người. Ngoài ra, Đoàn 959 còn giúp các tỉnh của Lào xây dựng được hơn 100 trung đội bộ đội địa phương và tổ chức thêm nhiều trung đội, tiểu đội du kích chiến đấu tại chỗ. Với lực lượng đó, bộ đội Pathét Lào không chỉ đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, mà còn mở rộng vùng giải phóng, làm chủ nhiều địa bàn quan trọng ở đông bắc Luông Phabang, đông bắc Pắc Xan, miền đông Khăm Muộn, miền đông Hạ Lào và toàn bộ vùng nông thôn Thượng Lào.

Trong khi cách mạng Lào có bước phát triển mới thì Chính phủ Vương quốc Lào do Phủi Xánánicon làm thủ tướng lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Phủi Xánánicon phải đệ đơn xin từ chức và đưa Kúpaxít Aphay (Chủ tịch Hội đồng nhà vua) lên làm thủ tướng. Ngày 5 tháng 2 năm 1960, Chính phủ Vương quốc Lào cho sửa đổi Luật tổng tuyển cử¹ nhằm hạn chế quyền tự do dân chủ, ngăn cản Neo Lào Hắc Xát và các đảng phái tiến bộ khác tham gia tổng tuyển cử.

Trước tình hình trên, cùng với việc chỉ thị cho đảng uỷ các cấp phải lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh vạch mặt và đánh đổ

¹. Trong Luật tổng tuyển cử sửa đổi, chính phủ phản động đã đưa ra một số điều kiện vô lý đối với những người ứng cử như: phải có bằng tiểu học hoặc bằng cao đẳng Phật học bậc 9 (mahā 9); nếu là công chức phải có thâm niên 15 năm trở lên; là nhà buôn phải có môn bài cấp 10 và đã liên tục kinh doanh 5 năm; phải là công dân Lào đã sinh sống liên tục 5 năm trên đất nước Lào tính đến ngày 1 tháng 1 năm 1960; người ra ứng cử phải ký quỹ 5.000 kíp và tiền bảo đảm 20.000 kíp; về khu vực bầu cử, không dựa vào đơn vị hành chính hiện hành mà dựa vào địa hình để cắt hoặc nhập các xã, mường nhằm bảo đảm mỗi khu vực có từ 25.000 đến 30.000 cử tri. Thực chất đây là âm mưu làm đảo lộn các vùng cơ sở của Neo Lào Hắc Xát.

bọn phản động cầm đầu “Ủy ban bảo vệ quyền lợi quốc gia”; tranh thủ liên minh với những người tiến bộ để tập hợp lực lượng chống Mỹ; phát triển du kích chiến tranh, chống địch càn quét, củng cố căn cứ địa và mở rộng hoạt động vào các vùng đồng bằng, đô thị, Trung ương Đảng Nhân dân Lào quyết định di chuyển một số cơ quan lãnh đạo của Đảng và Bộ Quốc phòng Lào đóng trên đất Việt Nam (khu vực Lam Sơn, Thanh Hoá) về nước để trực tiếp lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Mỹ.

Ngày 3 tháng 3 năm 1960, Ban Chấp hành Trung ương Neo Lào Hắc Xạ ra tuyên bố phản đối cuộc tổng tuyển cử do chính phủ phản động bất hợp pháp tổ chức (dự định vào ngày 24 tháng 4 năm 1960).

Để nhân dân trong cả nước thấy rõ đường lối chính trị của Neo Lào Hắc Xạ trong cuộc tổng tuyển cử và để tập hợp lực lượng quần chúng, ngày 1 tháng 4 năm 1960, Ban Chấp hành Trung ương Neo Lào Hắc Xạ đề ra chương trình chính trị gồm 10 điểm¹, thể hiện

¹. Chương trình chính trị 10 điểm gồm:

- Hai bên đình chỉ ngay tức khắc các cuộc xung đột vũ trang, các cuộc hành quân càn quét, khủng bố nhân dân. Đại diện hai bên gặp nhau để đàm phán nhằm thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ 1954 và các hiệp định Viêng Chăn.
- Thi hành chính sách đối ngoại hoà bình, trung lập, thực sự chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ, đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị theo nguyên tắc chung sống hoà bình.
- Tôn trọng hiến pháp hiện hành, nhà vua, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do dân chủ cho nhân dân.
- Bảo đảm quyền tự do hoạt động của Neo Lào Hắc Xạ và các đảng phái chính trị khác. Trả lại quyền tự do ngay cho Hoàng thân Xuphanuvông và các cán bộ khác của Neo Lào Hắc Xạ bị bắt giam trái phép.
- Thành lập Chính phủ liên hiệp có đại biểu của Neo Lào Hắc Xạ, các đảng phái chính trị tiến bộ và đại biểu các dân tộc tham gia.
- Tất cả các dân tộc ở Lào đều có quyền bình đẳng, đoàn kết thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.
- Nam, nữ đều có quyền bình đẳng.

các mặt đối nội, đối ngoại nhằm thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ 1954 và các hiệp định Viêng Chăn, xây dựng nước Lào hoà bình, trung lập và phát triển thịnh vượng.

Tháng 4 năm 1960, các thế lực phản động tay sai thân Mỹ tổ chức tổng tuyển cử và bầu chính phủ mới, đưa Xỏmxanít lên làm thủ tướng (nhưng thực tế quyền hành vẫn do Phumi Nòxavăn nắm giữ). Bất chấp sự phản đối của nhân dân trong nước và dư luận quốc tế, đầu tháng 5 năm 1960, Ủy ban bảo vệ quyền lợi quốc gia họp hội nghị tại Viêng Chăn quyết định thành lập Đảng chính trị mới lấy tên là “Paxaxăngkhôm (Xã hội dân chủ)” do Phumi Nòxavăn làm chủ tịch.

Trước những diễn biến phức tạp ở Lào do Mỹ và tay sai gây ra, ngày 5 tháng 5 năm 1960, Trung ương Đảng Nhân dân Lào đã họp bàn về tổng tuyển cử và hướng đấu tranh ở Lào. Một vấn đề lớn được Bộ Chính trị quan tâm là phải tìm mọi cách giải thoát cho các cán bộ của Trung ương Neo Lào Hắc Xát đang bị bọn tay sai thân Mỹ bắt giam, đưa các đồng chí này trở về tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng đang diễn ra sôi động trong cả nước Lào.

Trước đó một năm (tháng 5 năm 1959), ngay khi Hoàng thân Xuphanuvông và một số nhà lãnh đạo của Neo Lào Hắc Xát mới bị chính quyền Phủi Xánánicon bắt giam lỏng ở Viêng Chăn, theo yêu cầu của Trung ương Đảng Nhân dân Lào, Quân uỷ Trung ương Việt Nam đã giao cho Cục Nghiên cứu Bộ Tổng Tham mưu Quân đội

- Nâng giá Đồng Kíp lên ngang giá trước đây. Tranh thủ sự viện trợ không có điều kiện ràng buộc của tất cả các nước để xây dựng nền kinh tế quốc gia, không nhận viện trợ quân sự.

- Cải thiện đời sống các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tiếp tế muối, vải, nông cụ cho nhân dân các bộ tộc. Xoá bỏ chế độ công, lam, các thứ thuế bất công, giảm nhẹ các loại thuế quá nặng nề. Chống bắt phu, bắt lính.

- Phát triển nền văn hoá, giáo dục dân tộc. Phát triển y tế, phòng bệnh chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

nhân dân Việt Nam lập một tổ công tác đặc biệt gồm chín đồng chí có năng lực và thông thạo tình Viêng Chăn trước đây, do đồng chí Phan Dĩnh (nguyên Ủy viên Ban Cán sự Đảng tỉnh Viêng Chăn) làm tổ trưởng, bí mật trở lại Viêng Chăn, bắt liên lạc với các đồng chí cán bộ Lào hoạt động bí mật trong nội thành để tổ chức cuộc giải thoát cho các đồng chí bị giam, kết hợp với việc truyền đạt, triển khai nghị quyết của Trung ương Đảng Nhân dân Lào chuyển hướng chiến lược từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh quân sự - chính trị kết hợp, nhưng quân sự là chủ yếu. Quán triệt chỉ thị của đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Lào, là “phải gắn chặt việc giải thoát các đồng chí lãnh đạo bị giam giữ với việc triển khai nghị quyết chuyển hướng chiến lược, phát động trở lại chiến tranh du kích song song với đấu tranh chính trị trên toàn quốc Lào, có chuyển hướng như vậy mới phục hồi và duy trì được cơ sở quần chúng yêu nước và phong trào đấu tranh của nhân dân, có phong trào đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị của nhân dân mới có điều kiện để giải thoát các đồng chí bị bắt giam được”¹, các đồng chí trong tổ công tác đặc biệt Việt Nam và Tỉnh ủy Viêng Chăn cùng các đồng chí cán bộ Lào hoạt động bí mật trong nội thành Viêng Chăn đã tìm cách tiếp cận nhà tù Phôn Khêng để xây dựng các phương án giải cứu các đồng chí bị giam.

Sau nhiều tháng chuẩn bị cơ sở bên trong và bên ngoài trại giam, tổ chức giao thông liên lạc, theo dõi, nghiên cứu bản đồ, thực địa, nhiều lần bàn bạc, cân nhắc các phương án với sự hỗ trợ của tổ công tác đặc biệt Việt Nam, cuối cùng Ban Chỉ đạo quyết định lựa chọn phương án: cho các đồng chí trong tù cải trang thành lính hiến binh địch, chọn thời cơ cùng đi lẫn vào tiểu đội hiến binh đã được

¹. Phan Dĩnh: *Cuộc vượt ngục kỳ diệu*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009, tr.39.

giác ngộ đi tuần ban đêm để thoát ra ngoài về căn cứ của tỉnh uỷ bằng đường bí mật được chuẩn bị sẵn.

Đêm 23 rạng ngày 24 tháng 5 năm 1960, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ Viêng Chăn, cơ sở ở nội thành phối hợp với binh lính, sĩ quan gác trại giam đã đưa Hoàng thân Xuphanuvông và 15 đồng chí bị bắt (Nủhắc Phumxavăn, Phumi Vôngvichít, Phun Xipaxot, Mừn Xỏmvichít, Ma Khảy Khẩmphithun, Xixana Xixản, Xingcapô Xikhốt Chunlamany, Khăm Phả Búpphả, Maha Xỏmbun Vông Nôbunthăm, Xithôn Cômmađăm, Khăm Phệt Phômmavăn, Phạu Phimpachăn, Phukhâu, Bua Xi Chaloxúc, Manavông Isản) ra khỏi trại giam Phôn Khêng về căn cứ an toàn.

Cuộc vượt ngục thành công chẳng những là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần to lớn đối với lực lượng cách mạng và nhân dân trong cả nước Lào, mà còn giáng một đòn đau vào bọn tay sai phản động thân Mỹ, làm cho hàng ngũ chúng phân hoá, tinh thần binh lính địch hoang mang, dẫn đến những biến động lớn trên chính trường Lào, góp phần tạo ra cục diện so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng Lào sau này.

Tháng 6 năm 1960, Trung ương Đảng Nhân dân Lào ra nghị quyết xác định nhiệm vụ cơ bản và trước mắt của cách mạng Lào. Đánh giá về khả năng can thiệp và âm mưu thủ đoạn của Mỹ và tay sai, nghị quyết chỉ rõ: “Để quốc Mỹ có thể can thiệp sâu hơn nữa vào Lào, bọn tay sai phản động có thể đàn áp phong trào cách mạng Lào trắng trợn hơn nữa; do nắm được lực lượng quân đội, chiếm được đa số ghế trong quốc hội, bọn phản động có thể sửa đổi hiến pháp, đặt Neo Lào Hắc Xát ra ngoài vòng pháp luật, xoá bỏ quyền tự do dân chủ, ráo riết thực hiện kế hoạch củng cố nông thôn, dồn dân vào các làng “chấn hưng”, mua chuộc, gây chia rẽ

dân tộc”¹.

Về nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Lào, nghị quyết xác định: “Đánh đổ đế quốc và phong kiến để giành độc lập cho đất nước, tự do dân chủ cho nhân dân. Hai nhiệm vụ đó có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nhưng nhiệm vụ trước mắt là chống đế quốc Mỹ xâm lược, kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân các dân tộc Lào; đối với phong kiến, cần tập trung chống bọn phong kiến làm tay sai cho đế quốc Mỹ và tư sản mại bản thân Mỹ... Để thực hiện được các nhiệm vụ trên, Đảng Nhân dân Lào cần nêu cao ngọn cờ hoà bình, trung lập, độc lập, dân chủ. Tranh thủ đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, mọi lực lượng trung gian yêu nước, yêu hoà bình; ra sức xây dựng lực lượng về mọi mặt để tiến lên đánh bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ xâm lược, chấm dứt chiến tranh, giành thắng lợi to lớn hơn”².

Nghị quyết của Trung ương Đảng Nhân dân Lào đã góp phần tích cực thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước Lào, ảnh hưởng mạnh mẽ đến tầng lớp nhân sĩ, trí thức, binh lính và cảnh sát của chính quyền Vương quốc, thôi thúc họ đứng lên chống lại chính quyền tay sai phản động.

Ngày 9 tháng 8 năm 1960, trong lúc hầu hết các bộ trưởng của Chính phủ Xôm-xanít đi dự lễ hoả táng Vua Lào (Xixá-vàng-vông) thì Tiểu đoàn dù 2, một số đơn vị cơ giới, Tiểu đoàn bộ binh số 25, một số phi đội không quân phối hợp với đông đảo học sinh, sinh viên ở Viêng Chăn dưới sự chỉ huy của Đại úy Koongle và Thạo Đươn Xún-nalạt đã nổi dậy làm đảo chính lật đổ chính phủ của Xôm-xanít.

Ngay sau khi xảy ra cuộc đảo chính, Koongle đã cử Trung úy

¹. Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, Sđd, tr.378-379.

². Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, Sđd, tr. 378-379.

Đươn Xúnlat làm đại diện, bí mật đáp máy bay sang Hà Nội đưa thư và xin gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng đề nghị Chính phủ Việt Nam giúp đỡ khẩn cấp.

Cũng trong thời gian này, Ban Chấp hành Trung ương Neo Lào Hắc Xát ra tuyên bố hoàn toàn ủng hộ cuộc đảo chính và các chủ trương, chính sách lớn do “Ủy ban đảo chính” tuyên bố trong các thông cáo số 2 và số 4, đồng thời nêu rõ quan điểm: sẵn sàng tiếp xúc, đàm phán với Ủy ban đảo chính hoặc một chính phủ sẽ được thành lập ra nay mai, bảo đảm thực hiện đường lối, chính sách do Ủy ban đảo chính đã công bố, nhằm nhanh chóng giải quyết tình hình rối ren ở trong nước, lập lại trật tự an ninh, thực hiện hoà hợp dân tộc. Trung ương Đảng Nhân dân Lào chỉ thị cho đoàn cán bộ vượt ngục tổ chức thành hai bộ phận: một bộ phận do đồng chí Xuphanuvông dẫn đầu tiếp tục hành quân về Sầm Nưa, lúc này đã được giải phóng. Một bộ phận do đồng chí Nủhắc Phumxavăn lãnh đạo quay trở lại nội thành Viêng Chăn để đại diện cho Trung ương Neo Lào Hắc Xát vào hợp tác với Ủy ban đảo chính của Koongle. Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam cũng lệnh cho tổ công tác đặc biệt chia làm hai: tổ đồng chí Quý và Vinh đi theo phục vụ đoàn của Chủ tịch Xuphanuvông về căn cứ phía bắc; tổ đồng chí Đình và đồng chí Khiết trở lại nội thành Viêng Chăn giúp bộ phận đồng chí Nủhắc Phumxavăn và tiếp tục xây dựng căn cứ, chỉ đạo nội thành.

Cùng với việc gửi điện cho Tỉnh uỷ Viêng Chăn chỉ rõ: đây là sự kiện chính trị rất quan trọng có lợi cho phong trào đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các dân tộc Lào, yêu cầu tỉnh uỷ phát động phong trào quần chúng rộng rãi nổi dậy ủng hộ cuộc đảo chính bằng mọi hình thức, Trung ương Đảng Nhân dân Lào còn chỉ thị tỉnh uỷ các tỉnh trong toàn quốc xác định nhiệm vụ mới của các địa phương sau cuộc đảo chính, trong đó nhấn mạnh: phải triệt để lợi

dụng thời cơ địch đang hoang mang, dao động, đẩy mạnh hoạt động, phát triển lực lượng, mở rộng ảnh hưởng của Neo Lào Hắc Xát; bằng mọi cách bắt liên lạc với các đơn vị quân đội Vương quốc, giúp đỡ họ nổi dậy chống lại bọn phản động Xôm-xanít - Phumi Nòxavăn.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Neo Lào Hắc Xát, ngày 13 tháng 8 năm 1960, hơn 10.000 người dân Thủ đô Viêng Chăn đã biểu tình trước trụ sở Quốc hội Lào, đòi Chính phủ Xôm-xanít từ chức, ủng hộ đường lối của Ủy ban đảo chính. Những người biểu tình nêu khẩu hiệu “chính phủ phải từ chức”, “tổng cổ Mỹ và những tên tay sai của chúng”, “nước Lào độc lập, thống nhất, dân chủ, hoà bình, trung lập muôn năm”.

Theo yêu cầu của Ủy ban đảo chính, ngày 17 tháng 8 năm 1960, Vua Lào cử Hoàng thân Xuvănna Phuma thành lập Chính phủ mới. Ngay sau khi Chính phủ mới được Quốc hội Lào nhất trí biểu quyết tán thành, ngày 18 tháng 8 năm 1960, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra tuyên bố hoan nghênh chính sách hoà bình trung lập của Chính phủ Vương quốc Lào do Hoàng thân Xuvănna Phuma làm thủ tướng và Ủy ban đảo chính do Đại úy Koongle đứng đầu. Tiếp đó, ngày 19 tháng 8 năm 1960, Hoàng thân Xuphanuvông công bố lập trường của Neo Lào Hắc Xát, hoan nghênh cuộc đảo chính ngày 9 tháng 8 và hoàn toàn ủng hộ chính sách trung lập và hoà hợp dân tộc của Chính phủ mới, đồng thời kêu gọi: “toàn thể đồng bào ở nông thôn và thành phố... đồng tâm hiệp lực ủng hộ chính sách của Ủy ban đảo chính, đả phá mọi âm mưu mới của đế quốc và bè lũ tay sai, tập trung mọi lực lượng và khả năng xây dựng nước Lào yêu quý của chúng ta thành một nước hoà bình, trung lập, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng”¹.

Phối hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh của nhân dân các

¹. *Lịch sử Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr.421.

địa phương trong cả nước, đầu tháng 9 năm 1960, Bộ Chỉ huy tối cao Pathét Lào sử dụng Tiểu đoàn 1 Pathét Lào phối hợp với Tiểu đoàn 3 quân tình nguyện Việt Nam tấn công các vị trí địch ở vòng ngoài sát biên giới Việt - Lào.

Trong các ngày từ 16 đến 19 tháng 9, quân đội Thái Lan từ bên kia sông Mê Công liên tiếp bắn súng cối, liên thanh sang Viêng Chăn, đồng thời tiếp tay cho quân phiến loạn Phumi Nòxavăn đánh chiếm thị trấn Pạc Xan (cách Viêng Chăn 150 km về phía nam).

Để kịp thời trừng trị các cuộc tấn công lấn chiếm của địch, từ ngày 26 đến 30 tháng 9 năm 1960, bộ đội Pathét Lào và Tiểu đoàn 3 quân tình nguyện Việt Nam đánh chiếm điểm cao Huội Thầu và dùng súng cối bắn vào sân bay Sầm Nưa. Tiếp đó, truy kích tiêu diệt quân địch ở Mương Pon. Ngày 30 tháng 9, liên quân Lào - Việt giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa với 11 vạn dân¹.

Sau giải phóng, Trung ương Đảng Nhân dân Lào quyết định chuyển một bộ phận quan trọng các cơ quan của Trung ương, Tổng Quân uỷ và Bộ Chỉ huy tối cao vào Sầm Nưa, xây dựng Sầm Nưa thành căn cứ địa kháng chiến của Trung ương và cả nước.

2. Sát cánh bên nhau chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ; thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc lần thứ hai; Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào; thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước

Từ ngày 5 đến 10 tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam được tiến hành tại Hà Nội.

¹. Trong đợt chiến đấu này, liên quân Lào - Việt đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 2.000 tên địch (gồm 3 tiểu đoàn bộ binh và một đại đội dù), hơn 1.000 dân vệ tan rã và đầu hàng. Lực lượng cách mạng Lào xây dựng được hàng trăm trung đội du kích, cơ sở cách mạng ở Sầm Nưa và các vùng xung quanh.

Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Lào do Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihân dẫn đầu dự Đại hội. Nghị quyết Đại hội đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, đồng thời chỉ rõ Đông Dương là một chiến trường, nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia phải kiên quyết sát cánh bên nhau chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược. Đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Lào, Đảng và Nhà nước Việt Nam khẳng định: “Chúng ta ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Lào để thực hiện đường lối hoà bình trung lập, hoà hợp dân tộc, và mong sẽ xây dựng được quan hệ hữu nghị lâu dài và bền chặt với Vương quốc Lào”¹.

Trong khi Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Lào tham dự Đại hội III Đảng Lao động Việt Nam thì ở Lào, được sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, tập đoàn phản động Thái Lan và chính quyền Sài Gòn, ngày 10 tháng 9 năm 1960, bọn Phumi - Bun ùm thành lập Uỷ ban cách mạng, mưu toan chia cắt đất nước, chống lại chính phủ hợp pháp do Hoàng thân Xuvăнна Phuma làm thủ tướng.

Trước tình hình trên, ngày 13 tháng 9 năm 1960, Neo Lào Hắc Xát ra tuyên bố nêu rõ lập trường cùng nhân dân cả nước kiên quyết chống lại mọi âm mưu và hành động bán nước, chia cắt lãnh thổ của bọn phản động Phumi - Bun ùm, đồng thời sẵn sàng hợp tác với tất cả các lực lượng chính trị, đảng phái, chính quyền các cấp, các tổ chức tán thành đấu tranh cho một nước Lào hoà bình trung lập, hoà hợp dân tộc và chính phủ hợp pháp. Cùng ngày, hơn 30.000 nhân dân Thủ đô Viêng Chăn hợp mít tinh phản đối bọn phiến loạn, ủng hộ đường lối hoà bình trung lập, hoà hợp dân tộc của Chính phủ Vương quốc Lào và Uỷ ban đảo chính.

Cùng với việc tuyên bố một số nguyên tắc căn bản trong cuộc đàm phán giữa Neo Lào Hắc Xát với Chính phủ Vương quốc Lào

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.21, tr.626.

và đề nghị gồm sáu điểm để giải quyết vấn đề Lào, ngày 20 tháng 10 năm 1960, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào ra Nghị quyết lần thứ năm về tình hình và chủ trương công tác mới của cách mạng Lào. So sánh ba lực lượng ở Lào, Trung ương Đảng Nhân dân Lào chủ trương: “Ra sức phát động nhân dân, tăng cường lực lượng về mọi mặt, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất để đấu tranh cho hoà bình, trung lập, hoà hợp dân tộc. Tích cực mở rộng, xây dựng căn cứ địa cách mạng. Ra sức củng cố và xây dựng căn cứ địa Sầm Nưa. Kiên quyết cùng lực lượng đảo chính bảo vệ Thủ đô Viêng Chăn. Đẩy mạnh các hoạt động quân sự, chính trị chống lại mọi hoạt động của đế quốc Mỹ và bè lũ Phumi Nòxavăn, thúc đẩy chính phủ Phuma từng bước thực hiện chính sách hoà bình, trung lập thực sự và thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc”¹. Về phương châm hoạt động, Nghị quyết chỉ rõ: “phải kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và quân sự, vừa đánh vừa đàm, ra sức tăng cường về mọi mặt”².

Thống nhất cao với đánh giá và chủ trương của Đảng Nhân dân Lào, ngày 12 tháng 11 năm 1960, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam ra nghị quyết về công tác giúp Đảng Nhân dân Lào. Sau khi phân tích tình hình, so sánh lực lượng các bên ở Lào, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam thống nhất với Trung ương Đảng Nhân dân Lào chủ trương: chiến đấu bảo toàn lực lượng, kéo dài thời gian cầm cự để tạo thế tấn công mới, đồng thời chuẩn bị các điều kiện để thành lập một chính phủ mới nếu Chính phủ Phuma sụp đổ. Củng cố hậu phương Viêng Chăn, củng cố căn cứ địa Sầm Nưa.

Theo đề nghị của Đảng Nhân dân Lào và yêu cầu của chính

¹. Nguyễn Văn Vinh: *Những sự kiện lịch sử ở Lào (1353 - 1975)*, Sđđ, tr.392.

². *Lịch sử quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, Sđđ, tr.105.

phủ của Phuma do Ủy ban đảo chính thành lập, ngày 7 tháng 12 năm 1960, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà quyết định cử Thiếu tướng Chu Huy Mân sang Viêng Chăn vừa trực tiếp giúp Trung ương Đảng Nhân dân Lào, vừa là phái viên của Chính phủ Việt Nam làm việc với đại diện Chính phủ Phuma và Ủy ban đảo chính Koongle. Sau khi đến Viêng Chăn, được các đồng chí cán bộ lãnh đạo Lào và tổ công tác đặc biệt ở Viêng Chăn thông báo tình hình “quân địch ở sát cửa thủ đô, có thể ngày mai chúng sẽ trực tiếp đánh Viêng Chăn”, đồng chí Chu Huy Mân bắt tay ngay vào việc nắm tình hình, giúp các đồng chí lãnh đạo Lào tổ chức lực lượng đánh địch.

Trước tình hình địch tập trung lực lượng và hoả lực đánh chiếm Thủ đô Viêng Chăn, theo đề nghị của Neo Lào Hắc Xát và đồng chí Chu Huy Mân, ngày 9 tháng 12 năm 1960, Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định chi viện pháo binh giúp cách mạng Lào. Lực lượng pháo binh chi viện gồm 29 đồng chí được trang bị 2 khẩu pháo 105 ly, 2 khẩu cối 120 ly và một số đạn. Đồng chí Lê Kích, Chủ nhiệm pháo binh Quân khu Tây Bắc được phân công chỉ huy chung về pháo binh và làm tham mưu về hoả lực cho đồng chí Chu Huy Mân.

Cùng với chỉ thị tổ chức lực lượng pháo binh chi viện cho quân dân Lào đánh địch bảo vệ Thủ đô Viêng Chăn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn chỉ thị cho Quân khu 4: “địch tăng cường lực lượng ở phía Nam, có âm mưu đánh chiếm thành phố trong đêm 9 tháng 12, yêu cầu Quân khu giúp bạn hành động hết sức nhanh chóng, phô trương thanh thế, uy hiếp hướng Thà Khẹt, buộc địch phải rút một phần lực lượng về, phối hợp bảo vệ Viêng Chăn”¹. Tiếp đó, ngày 10 tháng 12, đồng chí Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihản đã bí

¹. Điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo hoạt động ở Lào tháng 12 năm 1960, lưu tại Cục Cơ yếu, Bộ Tổng Tham mưu.

mật bay vào Viêng Chăn để cùng đồng chí Chu Huy Mân bàn các phương án bảo vệ Viêng Chăn và bảo toàn lực lượng.

Sau các hoạt động thăm dò, vào hồi 14 giờ ngày 13 tháng 12 năm 1960, quân phiến loạn Phumi Nòxavăn có cố vấn Mỹ và các đơn vị pháo binh Thái Lan, quân nguy Sài Gòn tham gia từ các hướng nam, tây nam, đông nam đồng loạt mở cuộc tấn công quy mô lớn vào Thủ đô Viêng Chăn. Đồng thời với việc mở cuộc tấn công lớn vào Thủ đô Viêng Chăn, ngày 13 tháng 12 năm 1960, tại Xavannakhết, Phumi Nòxavăn tuyên bố thành lập một chính phủ lâm thời do Bun ưm làm thủ tướng và Phumi Nòxavăn làm phó thủ tướng.

Trước tình hình nghiêm trọng ở Lào do bọn phiến loạn Phumi Nòxavăn gây ra, ngày 17 tháng 12 năm 1960, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhân danh là một nước tham gia Hội nghị Giơnevơ 1954, đã đề nghị họp lại Hội nghị Giơnevơ và khôi phục sự hoạt động của Ủy ban quốc tế ở Lào.

Được sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân, thanh niên, học sinh Thủ đô Viêng Chăn, các lực lượng vũ trang trung lập yêu nước và bộ đội Pathét Lào được sự chi viện của pháo binh Việt Nam đã chiến đấu anh dũng bảo vệ Thủ đô Viêng Chăn, chặn đứng các mũi tiến công của địch trong suốt bảy ngày đêm, tiêu diệt hơn 400 tên và làm nhiều tên khác bị thương.

Để bảo toàn lực lượng tiếp tục chiến đấu lâu dài, sau khi tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch, trong hai ngày 17 và 18 tháng 12 năm 1960, đồng chí Chu Huy Mân, Cố vấn - Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam đã trao đổi ý kiến với đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Lào, dự kiến ba phương án rút khỏi Viêng Chăn ra vùng giải phóng của Neo Lào Hắc Xát.

Ta nhận định, Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng là địa bàn chiến lược, một vùng cao nguyên rộng lớn, địch sơ hở, dùng lực

lượng không lớn đánh đòn bất ngờ chớp nhoáng có thể giành thắng lợi. Thực hiện phương án này chính là quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công của lực lượng kháng chiến Lào, từ Viêng Chăn tiến lên Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, nối liền với tỉnh Sầm Nưa, mở rộng căn cứ địa, tạo thế và lực mới cho cách mạng Lào phát triển. Qua trao đổi, các bên thống nhất thực hiện phương án thứ ba: sử dụng lực lượng quân trung lập kết hợp lực lượng Pathét Lào rút lui từ Viêng Chăn, có pháo binh Việt Nam yểm trợ, vừa hành quân vừa tác chiến lên thẳng Cánh đồng Chum và tỉnh Xiêng Khoảng. Lực lượng quân tình nguyện Việt Nam mở các cuộc tấn công phối hợp ở Bạ Ban, Noong Hét... buộc địch phải phân tán lực lượng, tạo điều kiện cho hướng Cánh đồng Chum.

Thực hiện chủ trương giải phóng tỉnh Xiêng Khoảng, mở rộng căn cứ địa miền Thượng Lào để chuyển các cơ quan thuộc Chính phủ hoà hợp dân tộc, lực lượng trung lập yêu nước và lực lượng đảo chính từ Viêng Chăn lên, ngày 23 tháng 12 năm 1960, Bộ Chỉ huy Quân đội Pathét Lào đã khẩn trương tập hợp lực lượng, tổ chức ba mũi tiến công vào thị xã Xiêng Khoảng. Tiếp đó, ngày 24 tháng 12, bộ đội Pathét Lào và lực lượng đảo chính tấn công các đồn địch ở Hín Hợp, thị trấn Văng Viêng, huyện lỵ Ka Xỷ.

Trong hai ngày 27 và 28 tháng 12 năm 1960, các đơn vị Pathét Lào, lực lượng đảo chính tiến công, làm chủ Xála Phu Khun, một căn cứ lớn của địch án ngữ ngã ba tiếp giáp giữa quốc lộ 13 và đường 7. Sau khi tiêu diệt căn cứ Xála Phu Khun, bộ đội Pathét Lào phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam tiếp tục tấn công tiêu diệt các đồn bốt địch trên đường 7. Ngày 30 và 31 tháng 12 năm 1960, bộ đội Pathét Lào, quân tình nguyện Việt Nam tấn công giải phóng Noong Hét (một huyện biên giới giáp Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An). Tiếp đó, các lực lượng Pathét Lào và quân tình nguyện Việt Nam đánh chiếm thị trấn Bạ Ban (huyện Mường Khăm). Sau khi Noong Hét, Bạ Ban thất thủ, các đơn vị thuộc

lực lượng đặc biệt Vàng Pao vội vã rút về sào huyệt ở Pà Đông, Xả Thông, Loòng Chặng. Phát huy thắng lợi, đêm 31 tháng 12 năm 1960, bộ đội Pathét Lào, lực lượng trung lập đồng loạt tấn công giải phóng Cánh đồng Chum.

Tiếp đó, một số đơn vị bộ đội tình nguyện Việt Nam, bộ đội Pathét Lào và lực lượng trung lập, được sự chi viện của pháo binh Việt Nam, tiến đánh thị xã Xiêng Khoảng. Chiều ngày 1 tháng 1 năm 1961, lực lượng Pathét Lào và bộ đội tình nguyện Việt Nam làm chủ thị xã, thu nhiều vũ khí, đạn dược, đồng thời tổ chức truy kích địch về Thà Thôn, Mường Xúi.

Với việc giải phóng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, nối liền Cánh đồng Chum với Sầm Nưa, cách mạng Lào đã tạo được căn cứ địa vững chắc, tạo điều kiện cho Chính phủ hợp pháp của Hoàng thân Xuvanna Phuma đặt trụ sở chính thức ở Khăng Khay (Xiêng Khoảng).

Sau khi lực lượng vũ trang Pathét Lào, lực lượng trung lập yêu nước và bộ đội tình nguyện Việt Nam giải phóng Cánh đồng Chum, Phumi Nòxavăn ra lệnh cho các tiểu đoàn dù 1 (1BP), 11 (11BP) và Tiểu đoàn 5 (5BI) nhảy dù mở các cuộc phản kích hòng chiếm lại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Được sự chi viện của pháo binh quân tình nguyện Việt Nam, từ ngày 2 đến 5 tháng 1 năm 1961, các đơn vị Pathét Lào đã đập tan các cuộc phản kích của địch, diệt và bắt hơn 100 tên, buộc lực lượng còn lại phải tháo chạy khỏi Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Mặc dù bị thất bại trong các cuộc phản kích chiếm lại Cánh đồng Chum, nhưng được sự giúp đỡ của Mỹ và các đồng minh thân Mỹ, từ ngày 5 đến 20 tháng 1 năm 1961, Phumi Nòxavăn tiếp tục mở hai cuộc hành quân Xán Nông và Phu Phiêng hòng đánh chiếm lại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng và ngã ba Xála Phu Khun, Mường Xúi. Được sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, các

lực lượng vũ trang Pathét Lào đã đập tan hai cuộc hành quân của địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng.

Ngày 6 tháng 1 năm 1961, đại diện lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào tiến hành hội đàm thống nhất quan hệ giữa hai Đảng theo năm nguyên tắc chung. Tinh thần cốt lõi của năm nguyên tắc là: sự nghiệp cách mạng Lào do nhân dân các bộ tộc Lào tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào; quan hệ giữa Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào là quan hệ đồng chí, bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; chống tư tưởng nước lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi; chống bao biện làm thay; chống ý lại, tự ti và mọi biểu hiện làm phương hại đến tình đoàn kết hữu nghị giữa hai Đảng và nhân dân hai nước. Hai Đảng thống nhất tăng cường mở rộng quan hệ quốc tế, giúp đỡ nhau vì lợi ích của phong trào cách mạng thế giới và lợi ích của hai Đảng, hai nước và của mỗi quốc gia. Về quan hệ nhà nước, hai Đảng làm hết sức mình để tranh thủ những lực lượng tiến bộ, cô lập và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng Lào và cách mạng Việt Nam của đế quốc Mỹ và tay sai.

Trên cơ sở thoả thuận giữa hai Đảng, ngày 9 tháng 1 năm 1961, Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam xác định nhiệm vụ quốc tế của chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam đối với cách mạng Lào trong năm năm (1961 - 1965) với những công tác cụ thể là: “giúp đỡ các lực lượng vũ trang cách mạng Lào về chuyên gia quân sự, đào tạo cán bộ; củng cố, xây dựng vùng giải phóng và phát triển lực lượng vũ trang của bạn; Khi bạn có yêu cầu, tổ chức bộ đội tình nguyện Việt Nam phối hợp chiến đấu với bộ đội bạn”¹.

¹. *Lịch sử quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào trong*

Căn cứ vào nhiệm vụ trên, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam quyết định biên chế thời chiến cho Sư đoàn 325, Lữ đoàn 341, Trung đoàn 224 thuộc Quân khu 4; Lữ đoàn 316, Lữ đoàn 335 và Trung đoàn 148 thuộc Quân khu Tây Bắc, sẵn sàng chi viện cho chiến trường miền Nam và chiến trường Lào.

Sau khi Thái tử Xi-hanút nêu sáng kiến triệu tập một hội nghị quốc tế để giải quyết vấn đề Lào, đã có nhiều nước lên tiếng ủng hộ¹. Trong khi đó, Mỹ, các nước chư hầu và bọn phản động ở Lào mưu toan đưa Liên hợp quốc hoặc khối quân sự SEATO can thiệp vào Lào. Không những thế, từ ngày 24 đến 26 tháng 1 năm 1961, Phumi Nòxavăn còn huy động GM11 từ Luông Phạbang, các GM51, GM52 từ Phôn Hoặng có hỏa lực pháo binh chi viện tấn công theo hai hướng dọc theo đường 13 đánh chiếm ngã ba Xá-la Phu Khun để làm bàn đạp hòng đánh chiếm lại Cánh đồng Chum.

Trước việc Mỹ ngang nhiên câu kết, tiếp tay cho bọn phản động thân Mỹ phá hoại hiệp định, để giúp quân đội Pathét Lào đối phó có hiệu quả với các hoạt động của địch, trong các buổi gặp và làm việc (ngày 10 và 15 tháng 2 năm 1961) với Đoàn đại biểu Trung ương Đảng Nhân dân Lào, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã xác định rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam và Lào, trong đó nhấn mạnh: “lực lượng Pathét Lào cần phối hợp chặt chẽ với quân tình nguyện Việt Nam, kiên quyết đập tan các hoạt động phiêu lưu quân sự của địch, giữ vững vùng giải phóng và các cơ quan đầu não của Trung ương Đảng Nhân dân Lào

kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975), Sđd, tr.122.

¹. Tính đến ngày 18 tháng 1 năm 1961, Neo Lào Hắc Xát, lực lượng trung lập yêu nước Lào và chính phủ các nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Liên Xô, Trung Quốc, Ba Lan, Inđônêxia và ấn Độ đều tuyên bố tán thành và hoan nghênh sáng kiến của Quốc trưởng Nô-rô-đôm Xi-hanút.

trong mọi tình huống”¹.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 23 tháng 2 năm 1961, Tiểu đoàn 3 quân tình nguyện Việt Nam, tiểu đoàn Pathét Lào và một đại đội của lực lượng trung lập phối hợp tổ chức thành Mặt trận A do đồng chí Nguyễn Hoà làm chỉ huy trưởng, đồng chí Phạm Nghiêm (Chính uỷ Lữ đoàn 316) làm chính uỷ, đồng chí Ay (chỉ huy lực lượng Pathét Lào và trung lập) làm chỉ huy phó. Ngay trong buổi ra quân đầu tiên, liên quân Lào - Việt trong Mặt trận A đã đẩy lùi các cuộc tấn công của hai tiểu đoàn địch vào Phu Sủng, Xála Phu Khun.

Trên hướng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, sau khi đẩy lùi các cuộc tấn công của hai tiểu đoàn địch vào Phu Sủng, từ ngày 4 tháng 3 đến 22 tháng 4, liên quân Lào - Việt tiến công quân địch ở Xála Phu Keng, Phả Cọc, cao điểm Vành Khăn, Phả Hín, Phả Tòng Chinh, Phả Hom, Phả Tạng. Sau khi giải phóng Văng Viêng, cắm cờ phân chia ranh giới giữa Pathét Lào và lực lượng phái hữu ở giữa cầu Hín Hợp trên sông Năm Lịch, các lực lượng Pathét Lào đã triển khai lực lượng phòng ngự bảo vệ các mục tiêu. Tiểu đoàn 3 quân tình nguyện Việt Nam đóng quân ở Văng Viêng làm nhiệm vụ hỗ trợ lực lượng Pathét Lào phòng ngự, truy quét tàn quân địch, xây dựng chính quyền, mặt trận và củng cố vùng giải phóng.

ở hướng Trung Lào, lợi dụng lúc địch tập trung lực lượng lớn lên phía bắc nhằm chiếm lại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, sơ hở hướng Trung, Hạ Lào, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 được lệnh phối hợp với lực lượng Pathét Lào tiến công giải phóng đường 8.

Trên hướng Hạ Lào, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 (Việt Nam) sử dụng Trung đoàn 101 (Sư đoàn 325), được tăng cường Tiểu đoàn 4 (Trung đoàn 95), một đại đội cao xạ và một số đơn vị bảo đảm

¹. *Lịch sử quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, Sđd, tr.122.

cùng Tiểu đoàn 19 (bộ đội biên phòng), Tiểu đoàn 927 (tỉnh Hà Tĩnh), Tiểu đoàn 6 (Vận tải 559) và một tiểu đoàn Pathét Lào tiến đánh các vị trí địch ở khu vực đường 9 - Nam Lào, chiếm thị trấn Mương Phin, Xê Pôn, Thà Khoổng, đập tan tuyến phòng thủ dài hơn 100 km của địch, loại khỏi chiến đấu 400 tên địch. Trong đợt hoạt động này, liên quân Lào - Việt đã giải phóng được Xê Pôn (một vị trí quan trọng ở Nam Lào), góp phần mở rộng vùng giải phóng của Lào ở tỉnh Xavănnakhê, nối với căn cứ kháng chiến của Việt Nam ở phía tây tỉnh Quảng Nam và tây tỉnh Quảng Bình.

Những tháng đầu năm 1961, cùng với những thắng lợi giòn giã trên các hướng chiến trường, việc xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang Pathét Lào cũng có bước chuyển biến rõ rệt. Bộ đội Pathét Lào được củng cố và nhanh chóng phát triển từ hai tiểu đoàn lên 10 tiểu đoàn và cơ động phần lớn lực lượng (sáu trong tổng số 10 tiểu đoàn) về khu vực Cánh đồng Chum, phối hợp cùng quân đội của Koongle đánh lui các đợt tấn công của địch, giữ vững địa bàn có ý nghĩa chiến lược này.

Cũng trong thời gian này, ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn đẩy mạnh đánh phá ngăn chặn, gây nhiều khó khăn cho việc vận chuyển của Đoàn 559 trên tuyến đông Trường Sơn. Để đáp ứng yêu cầu chi viện ngày càng lớn cho chiến trường miền Nam và Lào, trên cơ sở đề nghị của Đoàn 559, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 và Tỉnh uỷ Xavănnakhê, Trung ương Đảng Nhân dân Lào và Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã thảo luận và đi đến thống nhất chủ trương mở đường vận chuyển chiến lược sang phía tây Trường Sơn. Tháng 4 năm 1961, đồng chí Võ Bẩm “trực tiếp dẫn một nhóm cán bộ trình sát soi đường dọc theo biên giới và sang đất bạn”¹.

¹. Kỷ yếu hội thảo: “Đường Hồ Chí Minh, khát vọng độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc”, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.96.

Được sự giúp đỡ tận tình của các bộ tộc Lào trên tuyến tây Trường Sơn, chỉ trong một thời gian ngắn, các đoàn công tác thuộc Đoàn 559 và Quân khu 4 đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong đồng bào các dân tộc Vân Kiều, Tà Ôi, Cà Tu và Lào Thương, phục vụ cho việc mở tuyến đường mới dọc tây Trường Sơn trên đất Lào.

Việc chuyển hướng vận chuyển chiến lược sang tây Trường Sơn¹ không chỉ tạo ra thế và lực mới cho cách mạng hai nước, mà còn là hành động cao đẹp thể hiện ý chí quyết tâm cao của hai Đảng và nhân dân hai nước Việt - Lào trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung, giành độc lập tự do cho hai dân tộc.

Từ ngày 26 đến 28 tháng 4 năm 1961, Hoàng thân Xuvanna Phuma, Thủ tướng Vương quốc Lào và Hoàng thân Xuphanuvông, Chủ tịch Neo Lào Hắc Xát dẫn đầu Đoàn cán bộ cấp cao của Chính phủ Vương quốc và Neo Lào Hắc Xát thăm Việt Nam. Trong ba ngày ở thăm và làm việc tại Việt Nam, Đoàn đã tiến hành hội đàm với Đoàn cán bộ cấp cao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, ký hiệp định về trao đổi và hợp tác kinh tế, văn hoá. Cùng ngày, đại diện Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Vương quốc Lào ký hiệp nghị về việc trao đổi hàng hoá giữa hai nước Việt Nam - Lào.

Trong khi dư luận quốc tế hưởng ứng lời kêu gọi ngừng bắn

¹. Đến đầu tháng 5, một tuyến đường giao liên hành quân mới được hình thành, bắt đầu từ Vítthúlu (cao điểm 592) chạy ngang qua động Vàng Vàng, vượt biên giới sang bản Tạt Hây (cao điểm 1034) thuộc đất Lào, vượt sông Xê Pôn (tại khu vực Bận Kặng) qua Sa Đi, Mường Noòng vào tới La Hạp. Đến hết tháng 6, đường mới từ Lăng Khăng (đường 12) đã băng qua nhiều cánh rừng, sông suối vào tới Pạc Pha Nặng và cuối năm 1961, đã nối thông với đường 9 ở Mường Phin. Là trục nối đường 12 với đường 9 nên đường này có tên là đường 129.

của đồng Chủ tịch Hội nghị Gionevơ 1954 về Đông Dương thì ngày 29 tháng 4 năm 1961, Tổng thống Mỹ Kennơđi triệu tập Hội đồng An ninh quốc gia để bàn về vấn đề Lào. Cùng ngày, Mỹ ra tuyên bố yêu cầu các nước trong khối quân sự SEATO can thiệp vào Lào và đe dọa sẽ đưa vấn đề Lào ra Liên hợp quốc. Cùng với tuyên bố trên, Mỹ và chính quyền tay sai còn ép Vua Lào Xixávang Vátthana ký Dụ số 90 cách chức ông Kínim Phôn-xê-na, Bộ trưởng và ông Khăm Phư-ôn, Thứ trưởng trong Chính phủ Vương quốc Lào.

Trước những diễn biến mới của tình hình Lào, ngày 30 tháng 4 năm 1961, Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp thông qua Nghị quyết (lần thứ sáu) về tình hình, nhiệm vụ của quân dân Lào.

Sau khi phân tích, nhận định tình hình một cách toàn diện, nghị quyết đề ra chủ trương, nhiệm vụ cấp bách của cách mạng Lào là: “đoàn kết toàn dân, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến tới xây dựng nước Lào thành một quốc gia hoà bình, trung lập, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng”¹.

Những ngày cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 1961, chấp hành chỉ thị của cấp trên về đẩy mạnh hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam ở Lào trước ngày ngừng bắn, Quân khu 4 và Quân khu Tây Bắc đã tích cực giúp Pathét Lào “mở thêm vùng giải phóng Trung - Hạ Lào; giữ vững các nơi ta giữ được, nhất là Mahá Xây, Nhôm-ma-lát, Văng Viêng, Mư-ong Xài; tích cực quét phi để củng cố hậu phương...”², đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đơn vị Pathét

¹. Một số tư liệu về quan hệ đặc biệt Việt - Lào, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

². Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Quân ủy Trung ương, hồ sơ 261, phòng Cục Tác chiến, hồ sơ 643.

Lào tổ chức tấn công địch giải phóng Xê Pôn, Xála Phu Khun.

Thắng lợi của đấu tranh quân sự và chính trị đã tác động mạnh mẽ đến đấu tranh ngoại giao. Ngày 3 tháng 5 năm 1961, đại diện ba phái (Neo Lào Hắc Xát, Phuma và Bun ùm - Phumi) gặp nhau ở Hín Hợp, sau đó ở Na Mon (ngày 13 tháng 5), thoả thuận công bố lệnh ngừng bắn, tiếp đó ngày 16 tháng 5 năm 1961 khai mạc Hội nghị quốc tế tại Gionevơ bàn về vấn đề Lào gồm 14 nước tham dự.

Từ chỗ rất khó khăn nhưng nhờ sự đoàn kết, phối hợp hoạt động của cách mạng Lào - Việt, cách mạng Lào đã giành được thắng lợi to lớn trên các lĩnh vực. Vùng giải phóng của Neo Lào Hắc Xát được mở rộng, chiếm hai phần ba diện tích đất đai và một phần ba dân số cả nước, trong đó có những địa bàn quan trọng như Sầm Nưa, Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, Xê Pôn. Lực lượng vũ trang Pathét Lào đã tổ chức được 10 tiểu đoàn, 34 đại đội độc lập và 70 trung đội bộ đội địa phương. Các ban chỉ huy quân sự cấp huyện và cấp tỉnh đã hình thành ở hầu hết các vùng giải phóng của Lào.

Nhằm giúp Neo Lào Hắc Xát củng cố vùng giải phóng, tăng cường hơn nữa thực lực cách mạng để có thể “vừa đánh vừa đàm” với địch, tháng 6 năm 1961, Quân khu 4 phối hợp với quân đội Pathét Lào mở chiến dịch Thà Khoỏng giải phóng sáu huyện nam, bắc đường 9 - một vùng đất rộng lớn, đông dân thuộc Nam Lào.

Sau chiến dịch này, cùng với việc giúp các đơn vị Pathét Lào củng cố giữ vững vùng giải phóng, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam ở Lào tiến hành điều chỉnh lại lực lượng¹.

¹. Các đơn vị giúp Lào ở các tỉnh Phôngxalỳ, Sầm Nưa, Luông Phạbang rút về nước 1.203 người và hai tiểu đoàn công binh làm đường. ở Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, Viêng Chăn, các đơn vị quân tình nguyện rút 2.373 người, ở Trung - Hạ Lào rút 1.872 người. Để đề phòng bất trắc và bảo đảm sẵn sàng chiến đấu, đến tháng 6 năm 1961, theo yêu cầu của Đảng Nhân dân Lào, Bộ Quốc phòng Việt Nam còn duy trì bốn tiểu đoàn quân tình nguyện ở Mương Xài, Cánh đồng Chum, đường 12, đường 9 và một số nhân viên kỹ thuật.

Trước bước phát triển mới của cách mạng Lào, ngày 9 tháng 7 năm 1961, Trung ương Đảng Nhân dân Lào và Trung ương Đảng Lao động Việt Nam hội đàm để thống nhất một số nguyên tắc trong quan hệ giữa hai Đảng, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam còn có quan hệ với Chính phủ Vương quốc Lào và bàn về phương hướng của cách mạng Lào. Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự và căn dặn: “Nhất trí nhưng không miễn cưỡng, phải bàn bạc phân minh, nêu cho hết ý kiến nhưng quyết định là Đảng Lào, vì cách mạng Lào là do người Lào làm lấy... giúp nhiều mấy cũng chỉ được 1/10 còn tự lực là 9/10”¹.

Ngày 20 tháng 7 năm 1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp Hội nghị lần thứ bảy (khoá I). Trong Báo cáo chính trị đọc tại Hội nghị, Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihản nhận định: “cách mạng Lào đang trên đà thắng lợi về chính trị cũng như quân sự, ảnh hưởng và địa vị của Pathét Lào ngày càng được nâng cao trong nước cũng như trên thế giới, đường lối đúng đắn của ta ngày càng được mọi tầng lớp nhân dân nhiệt tình ủng hộ. Địch đang ở thế bị động và cô lập nhưng lực lượng của địch chưa bị tiêu diệt, lực lượng ta chưa hơn hẳn địch. Cuộc đấu tranh sẽ còn lâu dài phức tạp”².

Phân tích âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai, Hội nghị quyết định chủ trương: “ra sức củng cố thắng lợi, tăng cường lực lượng mọi mặt; đồng thời ra sức phát động phong trào đấu tranh của nhân dân các vùng do phái Phumi - Bun ùm kiểm soát, tập hợp thật đông đảo mọi lực lượng yêu nước chống Mỹ, đòi thành lập Chính phủ liên hiệp do Phuma làm thủ tướng và có Pathét Lào tham gia với địa vị xứng đáng”².

¹. *Những sự kiện chính trị ở Lào*, tài liệu của CP38, tr.140.

². 2. *Biên niên sự kiện Đấu tranh cách mạng Lào (1954 - 1975)*, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-1231.

Về phương châm đấu tranh, trên cơ sở nhận định tình hình đã thay đổi, việc thực hiện ngừng bắn được thực hiện trên các chiến trường chính, Hội nghị Na Mon và Giơnevơ đã khai mạc, do đó phương châm đấu tranh phải trở lại lấy đấu tranh chính trị làm chính, phải mạnh bạo tấn công địch về chính trị nhưng phải ra sức xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang làm lực lượng hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh chính trị và chuẩn bị sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu tấn công của địch.

Sau cuộc hội đàm giữa hai Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào, tháng 8 năm 1961, trên cơ sở quan điểm xây dựng lực lượng vũ trang đã được hai bên nhất trí, ngày 4 tháng 9 năm 1961, Bộ Quốc phòng Việt Nam tổ chức hội nghị bàn về nhiệm vụ Đoàn 959 giúp cách mạng Lào.

Sau hội nghị này, ngày 9 tháng 9 năm 1961, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký quyết định về việc Cục Truyền thanh Việt Nam giúp Neo Lào Hắc Xát xây dựng một đài phát thanh.

Những ngày cuối tháng 9 năm 1961, Phumi Nòxavăn huy động ba binh đoàn và một số tiểu đoàn độc lập tấn công ra đường 8, đường 9, đường 12 lần chiếm vùng Mường Phin (Xavănnakhét) và Mahă Xây (đường 12, tỉnh Khăm Muộn) nhằm phá hành lang vận chuyển của lực lượng Pathét Lào xuống Hạ Lào và từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam.

Kịp thời đối phó lại các hoạt động lấn chiếm của địch, ngày 18 tháng 11 năm 1961, Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng chỉ đạo Quân khu 4 và Quân khu Tây Bắc tăng cường phối hợp giúp bộ đội Pathét Lào đẩy mạnh các hoạt động chiến đấu, ngăn chặn địch bảo vệ hành lang vận chuyển.

Ngày 22 tháng 11 năm 1961, tại một địa điểm của tỉnh Sầm Nưa, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp Hội nghị toàn thể lần thứ tám. Trên cơ sở phân tích tình hình, so sánh

tương quan lực lượng giữa các phe phái ở Lào, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Lào là: “ra sức đấu tranh đòi thành lập Chính phủ liên hiệp trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện chính sách hoà bình, trung lập, bảo đảm việc củng cố và phát triển mặt trận với Hoàng thân Phuma, với các lực lượng yêu nước khác và thân với phe xã hội chủ nghĩa”¹.

Sau bảy tháng họp, ngày 14 tháng 12 năm 1961, Hội nghị 14 nước tại Gionevơ đã thông qua bản tuyên bố về nền trung lập của Lào và nghị định thư về bản tuyên bố đó. Các nước tham gia Hội nghị cam kết tôn trọng chủ quyền, độc lập, trung lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Lào. Không can thiệp vào công việc nội bộ và không lôi kéo Lào vào các liên minh trái với nền trung lập của Lào. Quân đội và nhân viên nước ngoài phải rút khỏi Lào, không được lập căn cứ quân sự ở Lào hoặc dùng lãnh thổ Lào vào mục đích quân sự. Các nước tham gia Hội nghị Gionevơ đã trao đổi ý kiến trong trường hợp độc lập, chủ quyền và trung lập của Lào bị xâm phạm, v.v.. Tiếp đó, ngày 3 tháng 2 năm 1962, tại Gionevơ đã khai mạc Hội nghị cấp cao ba phái ở Lào để thảo luận về tổ chức Chính phủ liên hiệp và cử một phái đoàn thống nhất của Chính phủ Lào dự Hội nghị quốc tế 14 nước ở Gionevơ.

Theo thoả thuận bước đầu, Chính phủ liên hiệp Lào sẽ gồm 18 ghế phân chia theo tỷ lệ 10 - 4 - 4². Đạt được kết quả trên là một thắng lợi của liên minh các lực lượng yêu nước Lào.

¹. *Biên niên sự kiện đấu tranh cách mạng Lào (1954 - 1975)*, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-1231.

². Phái Phuma giữ ghế thủ tướng kiêm chức một bộ trưởng và 7 ghế bộ trưởng, 2 ghế thứ trưởng; Neo Lào Hắc Xát giữ một ghế phó thủ tướng kiêm một bộ trưởng, một ghế bộ trưởng và 2 ghế thứ trưởng; phái Bun ùm giữ một ghế phó thủ tướng kiêm một bộ trưởng, một ghế bộ trưởng và 2 ghế thứ trưởng.

Ngày 20 tháng 2 năm 1962, Quân uỷ Trung ương Việt Nam ra Nghị quyết số 28/QUTƯ về công tác quân sự ở Lào. Trên cơ sở phân tích tình hình địch, ta, Quân uỷ Trung ương chỉ thị cho quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào tiếp tục tranh thủ giúp Lào củng cố căn cứ địa, tích cực tiêu diệt địch bảo vệ vùng giải phóng; đẩy mạnh hoạt động quân sự vùng sau lưng địch, đồng thời củng cố liên minh với lực lượng Koongle nhằm làm cơ sở cho đấu tranh chính trị; tích cực chống càn, tiễu phi ở vùng trọng điểm, chú trọng bảo vệ đường giao thông của ta.

Những ngày cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 1962, địch tập trung ở khu vực Nậm Thà - Mường Xinh một lực lượng lớn quân đội hùng tạo thế uy hiếp quân đội Pathét Lào ở khu vực Thượng Lào. Để tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, tạo đà phát triển cho cách mạng Lào, ngày 10 tháng 4 năm 1962, Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp nhận định tình hình, xác định nhiệm vụ của bộ đội Pathét Lào cùng các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam mở chiến dịch tấn công Nậm Thà nhằm: “tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, giải phóng Luông Nậm Thà và Mường Xinh, mở rộng khu căn cứ Thượng Lào, đồng thời rèn luyện cho bộ đội trưởng thành lên một bước. Sau khi giải phóng Mường Xinh, Nậm Thà, hướng Mường Xinh phát triển đến Mường Long, hướng Nậm Thà phát triển đến Viêng Phu Kha”¹.

Để thống nhất chỉ huy, ngày 15 tháng 4 năm 1962, hai Bộ Quốc phòng Lào và Việt Nam đã quyết định thành lập Bộ Tư lệnh chiến dịch Nậm Thà². Tham gia Bộ Chỉ huy chiến dịch phía Việt Nam có

¹. *Biên niên sự kiện đấu tranh cách mạng Lào (1954 - 1975)*, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-1231.

². Lực lượng tham gia chiến dịch có Lữ đoàn bộ binh 316 đã đứng chân ở địa bàn chiến dịch, Lữ đoàn 335, Tiểu đoàn 3 (Lữ đoàn 330), một tiểu đoàn sơn pháo 75 mm (13 khẩu), một tiểu đoàn súng cối 120 mm (12 khẩu), một tiểu đoàn phòng không 12,7 mm (12 khẩu); Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 701 Pathét Lào, đại

Thiếu tướng Bằng Giang (Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam ở Bắc Lào) làm tư lệnh. Phía Lào có đồng chí Xixávat Kẹo Bunphăn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Pathét Lào.

Ngày 24 tháng 4 năm 1962, Tiểu đoàn 3 và Tiểu đoàn 1 Lữ đoàn 335 quân tình nguyện Việt Nam nổ súng tiến công các cao điểm 1620, 1680 thuộc ngoại vi Nậm Thà, đánh tan Tiểu đoàn dù 55 của địch. Tiếp đó, ngày 3 tháng 5 năm 1962, lực lượng vũ trang tỉnh Luông Nậm Thà phối hợp với Tiểu đoàn 2 quân tình nguyện Việt Nam tấn công cứ điểm Mương Xinh. Trận này, liên quân Lào - Việt diệt 35 tên, bắt 194 tù binh, bắn hỏng một máy bay, thu 12 ô tô vận tải, 279 súng các loại. Sau khi giải phóng Mương Xinh, liên quân Lào - Việt phát triển đánh chiếm Mương Long, một mũi đánh chiếm Bạ Kha; một mũi phát triển xuống Viêng Phu Kha hình thành thế bao vây chiến dịch tiêu diệt quân địch bỏ chạy từ Nậm Thà.

Sau khi tấn công tiêu diệt các cứ điểm ngoại vi, đêm 4 tháng 5, Tiểu đoàn 2, Tiểu đoàn 701 Pathét Lào cùng lực lượng bộ đội địa phương tỉnh Luông Nậm Thà phối hợp với năm tiểu đoàn quân tình nguyện Việt Nam tấn công cụm cứ điểm Nậm Thà, đến trưa ngày 6 tháng 5, liên quân Lào - Việt hoàn toàn làm chủ chiến trường¹.

Chiến thắng Nậm Thà có ý nghĩa rất quan trọng về quân sự và chính trị. Liên quân Lào - Việt không chỉ tiêu diệt được một bộ phận sinh lực tinh nhuệ của địch vừa mới được xây dựng, mà còn giáng đòn mạnh về chính trị, đánh vào âm mưu của Mỹ và chính

đội địa phương Na Mô, đại đội địa phương Nậm Thà, một số trung đội địa phương huyện và dân quân du kích các xã. Tổng quân số tham gia chiến dịch khoảng 7.800 người.

¹. Toàn chiến dịch, liên quân Lào - Việt loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.800 tên thuộc lực lượng cơ động chiến lược của quân nguy Viêng Chăn, trong đó GM11 bị tiêu diệt hoàn toàn; GM15 và GM18 bị thiệt hại nặng, thu 400 súng và gần 600 tấn đạn, giải phóng một khu vực gần 8.000 km² với hơn 7 vạn dân.

quyền tay sai Phumi Nòxavăn, làm cho tinh thần đội quân đánh thuê thêm hoang mang, dao động. Uy tín của Neo Lào Hắc Xát, quân đội Pathét Lào được nâng cao, khu giải phóng được mở rộng thành căn cứ liên hoàn đến tận biên giới Trung Quốc.

Ngay sau chiến dịch, Quân uỷ Trung ương Việt Nam điện khen ngợi bộ đội tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào: “Các đồng chí đã nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, góp phần tích cực vào thắng lợi to lớn của cách mạng Lào, làm xoay chuyển tình thế có lợi cho cách mạng Lào”¹.

Từ ngày 7 đến 9 tháng 6 năm 1962, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp Hội nghị toàn thể lần thứ chín (khoá I). So sánh tương quan lực lượng giữa các phái, Hội nghị nhận định tình hình Lào có thể diễn ra theo ba khả năng:

- Chính phủ liên hiệp được thành lập, Hội nghị quốc tế Giơnevơ về Lào thành công.
- Hội nghị Giơnevơ kéo dài, Chính phủ liên hiệp không thành lập được, tiếp tục trong tình trạng vừa đánh vừa đàm.
- Các cuộc đàm phán bị cắt đứt, chiến sự mở rộng, địch thực hiện được âm mưu chia cắt đất đai.

Căn cứ vào tương quan lực lượng hiện tại, khả năng thứ nhất còn có một số khó khăn và khả năng thứ hai đang diễn ra.

Sau khi phân tích cụ thể tình hình các mặt của cách mạng, Hội nghị quyết định: ra sức tăng cường lực lượng cách mạng về mọi mặt, ra sức củng cố lực lượng vũ trang, củng cố căn cứ địa, xây dựng kinh tế và cải thiện dân sinh, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ mà Neo Lào Hắc Xát là nòng cốt. Trước hết, phải củng cố mặt trận với Hoàng thân Phuma và lực lượng trung lập yêu nước, thúc đẩy

¹. *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 2000)*, Sđd, tr.941.

mọi hình thức đấu tranh, phân hoá địch đến tột độ, phá hoại mọi âm mưu mới của Mỹ - Phumi, tiến lên giành thắng lợi mới.

Về phương châm hoạt động, chính trị kết hợp với quân sự, tùy trường hợp, tùy tình hình từng nơi, có lúc nặng về mặt này nhẹ về mặt kia...

Từ ngày 9 đến 12 tháng 6 năm 1962, Hội nghị cấp cao ba phái họp tại Cánh đồng Chum. Sau ba ngày thảo luận, trên cơ sở những thoả thuận đã đạt được trong các bản tuyên bố chung Hín Hợp, Duyrich, Cánh đồng Chum và Gionevơ, ba Hoàng thân Xuphanuvông, Xuvăнна Phuma và Bun ùm đại diện ba phái đã thoả thuận lập một chính phủ liên hiệp gồm 19 người do Hoàng thân Xuvăнна Phuma làm thủ tướng.

Ngày 2 tháng 7 năm 1962, sau một thời gian gián đoạn, Hội nghị quốc tế 14 nước tại Gionevơ họp trở lại để bàn các vấn đề bảo đảm hoà bình, trung lập, chủ quyền, thống nhất của Lào. Ngày 23 tháng 7, Hiệp định Gionevơ về Lào được ký kết. Các nước tham gia ký kết Hiệp định Gionevơ thừa nhận tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Lào; cam kết không can thiệp bằng bất cứ cách nào vào công việc nội bộ của Lào; không đề nghị hoặc thúc ép Lào tham gia vào bất cứ liên minh quân sự nào không phù hợp với nền trung lập của Lào.

Việc ký Hiệp định Gionevơ 1962, giải quyết hoà bình vấn đề Lào là một thắng lợi to lớn của lực lượng cách mạng Lào liên minh với những người trung lập yêu nước, của phe xã hội chủ nghĩa và phong trào hoà bình dân chủ thế giới. Bằng việc long trọng xác nhận những nguyên tắc căn bản của Hiệp định Gionevơ 1954 về Đông Dương, Hội nghị quốc tế Gionevơ 1962 về Lào đã mặc nhiên lên án sự can thiệp trắng trợn của đế quốc Mỹ vào Lào, đồng thời nêu ra những việc cụ thể cần làm để giúp Lào bảo đảm nền hoà bình, trung lập và xây dựng một nước Lào độc lập, thống nhất, dân chủ và phồn vinh. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, nước Lào được

quốc tế cam kết tôn trọng nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Pathét Lào có vùng giải phóng rộng lớn chiếm 2/3 đất đai và hơn 1/3 dân số toàn quốc.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào, thực hiện cam kết của mình, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định rút toàn bộ quân tình nguyện và đại bộ phận chuyên gia quân sự về nước¹. Trong thời gian này, các đồng chí lãnh đạo Đảng Nhân dân Lào, Neo Lào Hắc Xát đã tổ chức nhiều chuyến đi nắm tình hình ở các tỉnh, các quân khu để điều chỉnh bố trí lại lực lượng, đồng thời thăm hỏi động viên các đơn vị quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam đã phối hợp chiến đấu, xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng trong thời gian vừa qua. Đây cũng là lúc Chính phủ liên hiệp Lào thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước. Do vậy, trong buổi họp với cán bộ quân đội Lào, khoảng giữa tháng 9 năm 1962, tại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, có các đồng chí Xingcapô Xikhốt Chunlamany, Xámản Vinhakệt, Xiphon tham dự, Hoàng thân Xuphanuvông nói: “Sau khi đặt quan hệ ngoại giao với các nước, chúng ta có thêm nhiều bạn bè, nhưng người bạn cùng sống chết, chung một chiến hào với ta chỉ có Việt Nam”².

Ngày 5 tháng 9 năm 1962, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Vương quốc Lào chính thức thiết lập quan

¹. Theo đó, Đoàn 959 với quân số 3.085 người (giữa năm 1962) rút gọn còn một bộ phận chuyên gia quân sự gồm 49 người do các đồng chí Nguyễn Hoà - tham mưu trưởng; Lê Xuân - chủ nhiệm hậu cần; Hà Minh Tân - phụ trách phòng chính trị của Đoàn ở lại giúp ba cơ quan thuộc Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội Pathét Lào.

². Theo lời kể của đồng chí Xámản Vinhakệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận, văn hoá Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Trưởng Ban Chỉ đạo biên soạn *Lịch sử quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam* tại Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam) ngày 26 tháng 10 năm 2010.

hệ ngoại giao. Đại sứ Việt Nam Lê Văn Hiến và Đại sứ Lào Thào Pheng là những sứ giả đầu tiên của hai nước. Sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, đầu năm 1963, Vua Lào Xixá vàng Vátthana dẫn đầu Đoàn đại biểu Hoàng gia Lào sang thăm Việt Nam. Trong buổi chiêu đãi Vua Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "... hai dân tộc Việt và Lào sống bên nhau trên cùng một dải đất, cùng có chung một dãy núi Trường Sơn. Hai dân tộc chúng ta đã nương tựa vào nhau, giúp đỡ lẫn nhau như anh em... Ngày nay chúng ta lại đang giúp đỡ nhau để xây dựng một cuộc sống mới. Tình nghĩa láng giềng anh em Việt - Lào thật là thắm thiết không bao giờ phai nhạt được"¹.

Với tình cảm chân thành đó, trong buổi lễ tiễn đưa Nhà vua Lào lên đường về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh càng khắc hoạ sâu đậm hơn nghĩa tình nồng thắm của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam: "Cuộc đi thăm nước Việt Nam của Nhà vua và các vị làm cho hai nước chúng ta đã gần nhau về địa dư lại càng gần nhau về tình nghĩa. Sự hiểu biết lẫn nhau và mối quan hệ hợp tác thân thiện giữa hai dân tộc anh em đã tiến lên một giai đoạn mới mẻ và tốt đẹp.

Hôm nay, Nhà vua và các vị rời đất nước chúng tôi, song những hình ảnh đẹp đẽ của cuộc đi thăm vẫn lưu lại lâu dài trong lòng chúng tôi.

Thật là:

*Thương nhau mấy núi cũng trèo,
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.
Việt - Lào, hai nước chúng ta,
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long*"².

*

¹, 2. HỒ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổ*, t.11, tr.37, 44.

* *

Thời kỳ 1954 - 1962 là thời kỳ cuộc đấu tranh cách mạng ở Lào và Việt Nam đứng trước những khó khăn, thử thách mới với nhiều diễn biến phức tạp do sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ vào các nước Đông Dương. Phát huy truyền thống hữu nghị và hợp tác trong kháng chiến chống Pháp, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, với sự dốc sức tự vươn lên của cách mạng Lào và tiếp nhận sự giúp đỡ chân tình, không điều kiện của Việt Nam, lực lượng cách mạng Lào không ngừng lớn mạnh, bảo vệ vững chắc hai tỉnh tập kết, mở rộng vùng giải phóng, phát triển cơ sở và phong trào quần chúng, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ, chi viện của phe xã hội chủ nghĩa, của dư luận hoà bình tiến bộ trên thế giới, từng bước đấu tranh đòi đế quốc Mỹ và Chính phủ Vương quốc Lào thực hiện Hiệp định Giơnevơ, tiến tới thành lập Chính phủ liên hiệp lần thứ nhất (tháng 11 năm 1957).

Sau khi đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tiến hành lật đổ Chính phủ liên hiệp dân tộc, xoá bỏ các hiệp định hoà hợp dân tộc, đưa cố vấn và phương tiện chiến tranh vào Lào, thực hiện chiến lược *Chiến tranh đặc biệt*, mở các chiến dịch khủng bố và tấn công quân sự trên toàn quốc, Trung ương Đảng Nhân dân Lào, với sự giúp đỡ của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, đã kịp thời chuyển hướng từ đấu tranh chính trị là chủ yếu sang đấu tranh vũ trang là chủ yếu kết hợp với đấu tranh chính trị.

Lực lượng cách mạng Lào liên tiếp giành những thắng lợi to lớn, buộc đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai phải chấp nhận thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc ba phái; tiếp đó Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào được ký kết, Vương quốc Lào và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao.

Có được những thành công trên trước hết là do Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào ngay từ đầu đã xác định

đúng đắn tầm quan trọng có ý nghĩa đặc biệt của mối quan hệ chiến lược cách mạng giữa hai Đảng và nhân dân hai nước trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ. Trên cơ sở đó, hai Đảng đã sớm thống nhất chủ trương, đường lối chính trị, quân sự để lãnh đạo nhân dân hai nước đấu tranh giành độc lập, tự do cho mỗi nước.

Để đảm bảo sự thống nhất về đường lối chính trị, quân sự, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội do Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, thông qua các cuộc hội đàm cấp cao, hai Đảng đã thống nhất ý kiến, cùng nhau rút kinh nghiệm, kịp thời đề ra chủ trương, đường lối đúng đắn, đưa cách mạng hai nước tiến lên. Trên cơ sở thống nhất về đường lối chính trị, quân sự, dưới sự lãnh đạo của hai Đảng, lực lượng vũ trang và mặt trận dân tộc thống nhất ở hai nước đã phát huy tích cực vai trò của mình trong việc tập hợp đông đảo lực lượng các tầng lớp nhân dân yêu nước, tranh thủ các tầng lớp trung gian, cô lập và phân hoá kẻ thù, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính của dân tộc là đế quốc Mỹ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào, được sự giúp đỡ có hiệu quả của Việt Nam, các lực lượng cách mạng Lào đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bảo vệ vững chắc hai tỉnh tập kết, kết hợp đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở 10 tỉnh, tích cực xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân, tạo ra thế và lực đưa cách mạng Lào từng bước đi lên. Quân đội Pathét Lào được sự hỗ trợ đắc lực của bộ đội tình nguyện Việt Nam đã chống lại có hiệu quả các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, bảo vệ căn cứ địa cách mạng ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ, làm thất bại âm mưu bao vây, cô lập, tiêu diệt lực lượng cách mạng của đế quốc Mỹ và tay sai.

Cùng với sự thống nhất về đường lối chính trị, quân sự, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhận thức đúng đắn quan hệ chiến đấu bảo vệ độc lập của Việt Nam và Lào là quan hệ bình đẳng giữa hai dân tộc, là mối quan hệ của những người anh em, đồng chí sống chết có nhau, cùng chống kẻ thù chung. Để củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt này, vấn đề quan trọng hàng đầu đặt ra là hai bên đều phải tôn trọng đầy đủ các nguyên tắc trong quan hệ quốc gia và quốc tế. Để “phát triển quan hệ hữu nghị với tất cả các nước theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền và độc lập của nhau, trước hết với các nước xã hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa”¹ như chính sách đối ngoại của Đảng Nhân dân Lào đã xác định. Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn đề cao nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của Lào, kiên quyết chống tư tưởng nước lớn, tư tưởng ban ơn... Quán triệt tinh thần đó, trong quá trình giúp cách mạng Lào, các chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam luôn xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mình là giúp cách mạng Lào thực hiện mục tiêu chiến lược không chỉ là nghĩa vụ quốc tế mà còn là trách nhiệm của cách mạng Việt Nam và coi “giúp bạn là mình tự giúp mình”.

Ghi nhận sự giúp đỡ của Việt Nam cho sự nghiệp giải phóng của Lào, Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihản nêu rõ: nhiều đồng chí Việt Nam đã hy sinh trên chiến trường Sầm Nưa, Cánh đồng Chum..., nhiều cán bộ Việt Nam đã sang Lào hoạt động từ lúc cách mạng mới bắt đầu cho đến khi tóc bạc, coi nhân dân Lào như nhân dân mình, coi sự nghiệp cách mạng Lào như sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Đối với Việt Nam, sự hết lòng yêu quý, giúp đỡ của nhân dân các bộ tộc Lào luôn là một nguồn động viên, cổ vũ mạnh mẽ tinh

¹. Cayxôn Phômvihản: *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr.85.

thần chiến đấu của bộ đội tình nguyện và các chuyên gia Việt Nam. Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống Mỹ ở Lào đã phối hợp và hỗ trợ tích cực cho cuộc đấu tranh chống Mỹ ở miền Nam, bảo vệ miền Bắc. Đặc biệt, nhân dân Lào đã cùng chia sẻ với nhân dân Việt Nam trước bom đạn ác liệt của giặc Mỹ, tạo mọi điều kiện để bộ đội Việt Nam mở đường Trường Sơn và mở các chiến dịch lớn, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Có thể nói, mối quan hệ đoàn kết Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn 1954 - 1962 đã được hai Đảng và nhân dân hai nước củng cố, phát triển lên một tầm cao mới, đáp ứng kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ cách mạng của mỗi nước. Việt Nam luôn là hậu phương, là chỗ dựa vững chắc trong sự nghiệp đấu tranh của cách mạng Lào. Về phần mình, Đảng Nhân dân Lào cũng thường xuyên giáo dục nhân dân nêu cao tinh thần chiến đấu “đồng thời góp hết mình vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân Việt Nam, Campuchia anh em, sẵn sàng nhận phần khó khăn về mình, tạo mọi điều kiện thuận lợi để giúp cách mạng của nhân dân hai nước anh em phát triển và giành thắng lợi”¹. Mối quan hệ tốt đẹp đó là cơ sở vững chắc để quân dân hai nước tiếp tục sát cánh bên nhau chiến đấu và giành nhiều thắng lợi mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và tay sai, giành độc lập, tự do cho mỗi nước.

¹. Cayxôn Phômvihân: *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Sđd, tr.254.

Chương VI

**PHÁT TRIỂN LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU,
ĐÁNH THẮNG CÁC CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, GIÀNH THẮNG LỢI HOÀN TOÀN
(1963 - 1975)**

I. PHỐI HỢP XÂY DỰNG VÙNG GIẢI PHÓNG LÀO, XÂY DỰNG
TUYÊN VẬN TÀI CHIẾN LƯỢC TÂY TRƯỜNG SƠN, TỪNG BƯỚC
ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT Ở LÀO
VÀ CHIẾN TRANH CỤC BỘ Ở VIỆT NAM (1963 - 1968)

**1. Phối hợp giữ vững địa bàn Cánh đồng Chum - Xiêng
Khoảng và mở thông tuyến vận tải tây Trường Sơn**

Từ năm 1963, tình hình cách mạng Việt Nam đã có bước phát triển quan trọng. Ngay từ đầu năm 1963, quân dân tỉnh Mỹ Tho đã lập nên chiến thắng ấp Bắc vang dội²⁰⁸, lần đầu tiên một tiểu đoàn quân giải phóng miền Nam cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh bại các biện pháp chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận” của địch, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào đấu tranh cách mạng ở miền Nam. Bộ đội chủ lực của miền Nam và các khu đều được tăng cường nhanh chóng. Phong trào phá ấp chiến lược,

²⁰⁸. Trong trận đánh, quân dân ấp Bắc đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 450 tên địch (trong đó có 9 cố vấn Mỹ), bắn rơi, bắn hỏng 9 máy bay trực thăng, phá huỷ 3 xe M113 và 2 tàu trên sông.

phong trào đấu tranh chính trị của đông đảo quần chúng cách mạng dâng lên mạnh mẽ, chính quyền Sài Gòn lâm vào tình trạng khủng hoảng triền miên, quốc sách “áp chiến lược” của Mỹ, nguy đứng trước nguy cơ bị phá sản, báo hiệu sự thất bại không tránh khỏi của chiến lược *Chiến tranh đặc biệt* ở miền Nam.

ở miền Bắc, nhân dân hăng hái tham gia công cuộc lao động, xây dựng đất nước, đã đạt được nhiều thành tựu trong việc thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất - xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Hình thái kinh tế - xã hội mới, với quan hệ sản xuất mới và những cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội bước đầu được thiết lập. Đặc biệt, 10 triệu nông dân tham gia hợp tác xã, đoàn kết giúp đỡ nhau trong sản xuất, không những đã đưa sản lượng nông nghiệp năm 1963 cao hơn hai lần năm 1939 (là năm có sản lượng cao nhất trong thời Pháp chiếm đóng), mà quan trọng hơn là đã tạo điều kiện để Đảng, Nhà nước Việt Nam củng cố phát triển nông thôn - địa bàn chiến lược rộng lớn nhất của căn cứ địa miền Bắc, tạo nên sự nhất trí cao về chính trị, tinh thần, động viên và tổ chức được hàng triệu thanh niên ra tiền tuyến chiến đấu. Đúng như đánh giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Chính trị đặc biệt (tháng 3 năm 1964): “... miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”²⁰⁹.

Tháng 12 năm 1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Hội nghị lần thứ chín (khóa III) để xác định những vấn đề về đường lối chiến tranh cách mạng miền Nam cũng như đường lối đoàn kết quốc tế. Hội nghị đã biểu thị tinh thần kiên quyết bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và hướng mọi hoạt động quốc tế của toàn Đảng, toàn dân vào việc kết hợp

²⁰⁹. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.224.

sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Về cách mạng miền Nam, Trung ương Đảng đã quyết định nhiều vấn đề chiến lược nhằm thúc đẩy cuộc chiến tranh cách mạng phát triển mạnh mẽ hơn, như: nhấn mạnh yêu cầu mới của đấu tranh vũ trang để chủ động và kịp thời đối phó với hành động tăng cường chiến tranh leo thang của địch; xác định đấu tranh vũ trang ngày càng đóng vai trò quyết định trực tiếp tiêu diệt lực lượng quân sự địch; quyết định đưa từng đơn vị chủ lực (tiểu đoàn, trung đoàn) từ miền Bắc vào miền Nam, lập các khối chủ lực ở chiến trường, tăng dần quy mô tác chiến tập trung ở miền Nam. Như vậy, từ đây, việc chi viện từ miền Bắc vào miền Nam qua tuyến đường Trường Sơn sẽ ngày một tăng cao.

Tại Lào, sau khi Hiệp định Giơnevơ 1962 được ký kết, để quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược Lào. Trước tình hình mới, để quốc Mỹ đã thực hiện chính sách hai mặt: một mặt, dùng mọi thủ đoạn để khống chế Chính phủ liên hiệp, phá vỡ sự hợp tác giữa Neo Lào Hắc Xát với lực lượng trung lập; mặt khác, chúng ra sức củng cố lực lượng phái hữu để phục vụ cho ý đồ xâm lược đã vạch ra. Theo Hiệp định, ngày 7 tháng 10 năm 1962 là thời hạn cuối cùng cho việc rút quân đội và nhân viên quân sự nước ngoài (cụ thể là Mỹ) ra khỏi lãnh thổ Lào, nhưng chính quyền Kennơđi chỉ cho rút 666 tên, còn phần lớn nhân viên trong các đoàn cố vấn quân sự như PEO (Programs Evaluation Office - Cơ quan đánh giá chương trình viện trợ), MAAG (Military Assistance Advisory Group - Phái đoàn cố vấn quân sự), PAG (Police Advisory Group - Phái đoàn cố vấn cảnh sát) và cơ quan viện trợ USOM (United States Operation Mission - Phái đoàn công tác của Mỹ) chuyển sang khoác áo dân sự dưới cái tên USAID (United States Assistance International Development - Cơ quan phát triển quốc tế Mỹ), đồng thời duy trì một số lớn nhân viên quân sự Nam Việt

Nam và Thái Lan ở các đơn vị của phái hữu. Chúng tăng cường viện trợ cho Phumi Nòxavăn, tăng số quân nguy Viêng Chăn từ 54.000 tên năm 1962 lên 63.000 tên vào cuối năm 1963; xúc tiến khôi phục lại các binh đoàn cơ động (GM) bị tan rã trong chiến dịch Nậm Thà; tổ chức khôi phục lực lượng phỉ dưới tên gọi “lực lượng đặc biệt” lên tới 17.000 tên do Vàng Pao chỉ huy và đặt dưới sự điều khiển trực tiếp của CIA và cố vấn Mỹ²¹⁰.

Dưới sự giật dây của Mỹ, lực lượng phái hữu ra sức thao túng, phá hoại Chính phủ liên hiệp, lôi kéo mua chuộc Hoàng thân Phuma và Koongle; tung hàng trăm sĩ quan và binh sĩ của Phumi Nòxavăn vào lực lượng trung lập nhằm gây rối nội bộ, lôi kéo lực lượng này. Do bị lôi kéo, mua chuộc nên nội bộ lực lượng trung lập diễn biến phức tạp. Một bộ phận phản bội cách mạng, đi theo phái hữu. Một bộ phận có xu hướng tiến bộ tách ra, do Đại tá Đưon Xúnlat chỉ huy, tiếp tục đứng về phe cách mạng, chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai phản động. Bộ phận tiến bộ thường xuyên bị lực lượng trung lập phản bội, đe dọa khủng bố.

Trắng trợn hơn, đầu năm 1963, đế quốc Mỹ và tay sai còn tổ chức ám sát ông Kínim Phôn-xê-na, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (ngày 1 tháng 4 năm 1963), uy hiếp các thành viên Neo Lào Hắc Xát ở Viêng Chăn, buộc các thành viên của Neo Lào Hắc Xát trong Chính phủ liên hiệp phải rút về Khăng Khay (ngày 14 tháng 4 năm 1963).

Sau khi lôi kéo được Koongle và một bộ phận lực lượng trung lập (tháng 3 năm 1963), địch mở nhiều đợt tiến công hòng chiếm toàn bộ khu vực Xiêng Khoảng, biến nơi này thành khu vực chiến

²¹⁰. Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam: *Lịch sử Bộ Tổng Tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, t.2, tr.190.

trường ác liệt. Cuối năm 1963, chúng mở rộng chiến tranh ra cả nước, trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ 1962, làm cho Chính phủ liên hiệp chỉ còn trên danh nghĩa. Tháng 11 năm 1963, địch chiếm được khu vực Na Kay - đường 9; tháng 12, chúng tiến công uy hiếp đường 7 và Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Tình hình Lào ngày càng căng thẳng.

Không chỉ thế, dọc biên giới Lào - Việt Nam từ đường 9 đến Apa Chai, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của bọn phản động Lào đóng thành bảy vùng lớn với 89 vị trí có quân. Các khu vực này trở thành bàn đạp để bọn biệt kích Mỹ, nguy ở miền Nam xâm nhập phá hoại miền Bắc Việt Nam và uy hiếp tuyến vận tải chiến lược tây Trường Sơn. Thêm nữa, trước sự kích động, dụ dỗ, cưỡng ép của Mỹ, nguy, một số phần tử phản động tề nguy cũ trong các dân tộc Thái, Mông ở khu vực biên giới bắt đầu ngóc đầu hoạt động trở lại. Rải rác ở một số vùng tại Thanh Hoá, Điện Biên, Sơn La đã có hiện tượng xưng vua. Những hành động cầu kết giữa Mỹ, nguy Sài Gòn với nguy Lào đều nhằm thực hiện âm mưu đánh phá, cắt đường tiếp tế giữa Việt Nam và Lào, giữa miền Bắc với miền Nam, cô lập cách mạng Lào, cách mạng miền Nam, đồng thời làm cho tình hình an ninh biên giới hai nước trở nên phức tạp, căng thẳng.

Trước tình hình có chiều hướng phức tạp, ngày 15 tháng 2 năm 1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp Hội nghị lần thứ 11²¹¹. Sau khi xem xét kỹ tình hình mọi mặt từ sau khi thành lập Chính phủ liên hiệp, Hội nghị đã đề ra hai nhiệm vụ cho cách mạng Lào trong thời gian trước mắt, đó là đấu tranh duy trì Chính phủ liên hiệp, bảo vệ hoà bình và ra sức củng cố, phát triển

²¹¹. Dẫn theo tập Nghị quyết Trung ương Đảng Nhân dân Lào từ Nghị quyết 1 đến Nghị quyết 17 (phần nhận định tình hình âm mưu của địch và chủ trương đối phó của ta), Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4278.

lực lượng cách mạng về mọi mặt. Hội nghị cũng xác định nhiệm vụ của quân đội là phải tích cực hoạt động quân sự, làm hậu thuẫn cho đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của địch, làm chuyển biến tình hình có lợi cho cách mạng.

Để giúp Lào thực hiện nhiệm vụ do Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương đề ra, ngày 18 tháng 6 năm 1963, Thường trực Quân uỷ Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã xác định phương hướng giúp Lào về quân sự, ra sức củng cố lực lượng vũ trang, lấy việc huấn luyện làm trung tâm, giữ vững và củng cố vùng giải phóng, phối hợp với lực lượng vũ trang trung lập tiến bộ giữ vững địa bàn quan trọng, nhất là khu vực Cánh đồng Chum; tăng cường giúp về vật chất kỹ thuật, phương tiện thông tin chỉ huy và một số chuyên gia quân sự để bảo đảm tác chiến, giữ vững khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Thường trực Quân uỷ Trung ương cũng đã quyết nghị những nguyên tắc tổ chức cơ quan công tác ở Lào, như: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần chịu trách nhiệm trực tiếp giúp Thường trực Quân uỷ Trung ương chỉ đạo công tác Lào, các cơ quan phải tổ chức bộ phận chuyên trách công tác Lào...

Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam cũng đã tổ chức một số đoàn chuyên gia quân sự để giúp Lào giữ vững khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng và một số địa bàn quan trọng khác, như: ngày 15 tháng 4 năm 1963, thành lập Đoàn 463 chuyên gia quân sự Việt Nam bên cạnh Quân khu Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, do Trung tá Nguyễn Bình Sơn làm trưởng đoàn; ngày 28 tháng 5 năm 1963, thành lập Đoàn công tác đặc biệt ở Lào (Đoàn 5), do Thượng tá Nguyễn Hữu An làm trưởng đoàn; ngày 18 tháng 7 năm 1963, quyết định thành lập Đoàn công tác đặc biệt thứ hai, do Trung tá Lê Kích làm chỉ huy trưởng.

Để có phương hướng giúp đỡ nhau toàn diện hơn, tháng 7 năm

1963, Bộ Chính trị của hai Đảng đã có cuộc hội đàm, trao đổi bàn về phương hướng phát triển của cách mạng Lào. Tham dự cuộc hội đàm có đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Lào.

Trong cuộc hội đàm, hai bên đã thống nhất nhận định thắng lợi của cách mạng Lào trong thời gian vừa qua là rất to lớn. Hiện nay, Mỹ - nguy đang ra sức phá hoại Chính phủ liên hiệp, tiến công lấn chiếm vùng giải phóng. Tuy nhiên, chúng vẫn đang trong thế phòng thủ, thực hiện chính sách hai mặt lợi dụng Hoàng thân Phuma, lôi kéo Koongle giương cao ngọn cờ trung lập và thân phương Tây để chống lại Pathét Lào. Hai Đảng thống nhất trong lúc này cần phải tranh thủ thời gian để xây dựng lực lượng cả về quân sự và chính trị, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau cuộc hội đàm, phía Lào đã có công hàm chính thức đề nghị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tăng cường lực lượng chuyên gia sang giúp Lào toàn diện, từ chủ trương, chính sách đến tổ chức thực hiện. Trong đó, về quân sự, giúp thực hiện hai nhiệm vụ cơ bản là xây dựng chính trị tư tưởng, tổ chức đảng trong quân đội và củng cố phát triển phong trào chiến tranh du kích.

Tháng 12 năm 1963, Quân uỷ Trung ương Đảng Lao động Việt Nam có phiên họp bàn về phương hướng giúp cách mạng Lào, xác định: tình hình Lào hiện nay đang có tính giằng co phức tạp; phương châm đấu tranh của cách mạng Lào trong giai đoạn tới là quân sự kết hợp chính trị, lấy đấu tranh chính trị làm chính, đấu tranh quân sự thích đáng làm áp lực để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, tranh thủ đưa cách mạng Lào tiến lên.

Đối với công tác giúp Lào, Quân uỷ Trung ương (Việt Nam)

khẳng định sự giúp đỡ của Việt Nam về nhiều mặt là nhân tố quan trọng tạo điều kiện cho cách mạng Lào giành được thắng lợi và phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót, khuyết điểm: nhận thức về công tác giúp Lào chưa thật đầy đủ nên lúc cần thiết Việt Nam đưa lực lượng sang giúp Lào thì giành thắng lợi nhanh chóng, nhưng sau khi lực lượng Việt Nam rút hết thì Lào lại hết sức khó khăn trong việc củng cố và giữ vững thắng lợi đã giành được. Trong công tác giúp Lào còn nặng về đối phó với tình hình trước mắt, chưa có kế hoạch giúp lâu dài và toàn diện; những chủ trương đề ra giúp Lào thì đúng nhưng chưa có kế hoạch giúp cụ thể trong tổ chức thực hiện, chưa đào tạo được đội ngũ cán bộ giúp Lào một cách lâu dài và cơ bản.

Nhằm khắc phục những khuyết điểm trên, Quân uỷ Trung ương chủ trương phải tăng cường hệ thống cố vấn và chuyên gia trực tiếp giúp Lào cả ở trung ương và đơn vị cơ sở. Cần phải có cố vấn giúp Tổng Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh, cố vấn giúp các quân khu (liên tỉnh) và tỉnh, cố vấn và chuyên gia giúp các đơn vị tiểu đoàn chiến đấu, cố vấn về công tác huấn luyện và nhà trường, cố vấn và chuyên gia giúp lực lượng trung lập tiến bộ.

Ngoài lực lượng chuyên gia và cố vấn, Việt Nam cũng cần giúp một số đội công tác và một số đơn vị bộ đội để phối hợp cùng Lào tiêu diệt và củng cố cơ sở, củng cố khu giải phóng. Giúp đỡ lương thực và các nhu cầu vật chất khác, đồng thời giúp sửa chữa những khí tài, phương tiện hư hỏng và xây dựng cho Lào những cơ sở sửa chữa cần thiết...

Đáp ứng yêu cầu của Lào, đồng thời thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, cuối năm 1963 và đầu năm 1964, hơn 2.000 cán bộ các cấp của quân đội được điều động tăng cường cho Đoàn 959 để thực hiện nhiệm vụ chuyên gia giúp Lào. Hầu hết các cán bộ được điều động trong thời

gian này đều là các đồng chí đã công tác ở Lào, rút về nước trong năm 1962.

ở miền Nam Việt Nam, bước sang năm 1963, lực lượng vũ trang cách mạng phát triển nhanh, nhu cầu vận chuyển lực lượng và vật chất từ miền Bắc vào chi viện cho miền Nam tăng nhanh. Trong khi đó, Mỹ - ngụy tập trung đánh phá quyết liệt tuyến hành lang đông Trường Sơn. Chỉ trong mấy tháng đầu năm 1963, địch mở liên tiếp bốn cuộc càn vào miền tây Trị - Thiên, dọc theo đường 9...

Nhận thấy tuyến hành lang đông Trường Sơn bị đánh chặn quyết liệt, đồng thời được sự ủng hộ, nhất trí của Trung ương Đảng, Mặt trận và Bộ Chỉ huy Quân đội Lào, ngày 24 tháng 1 năm 1964, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã quyết định giao nhiệm vụ cho Đoàn 559 chuyển toàn bộ hoạt động sang tuyến tây Trường Sơn, chuyển hàng và dẫn quân từ làng Ho vào khu vực ngã ba biên giới. Chỉ tiêu vận chuyển năm 1964 của Đoàn là 1.000 tấn hàng cho miền Nam và Lào, 220 tấn gạo bảo đảm giao liên hành quân.

Trước đòi hỏi phải kiên quyết giữ vững vùng giải phóng Lào, đồng thời giữ vững tuyến vận tải tây Trường Sơn, đầu năm 1964, bộ đội Lào - Việt đã mở hoạt động quân sự, chủ yếu ở khu vực đường 9 - Trung Lào và Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Từ ngày 27 tháng 1 đến 12 tháng 2 năm 1964, các đơn vị tình nguyện của Quân khu 4 Việt Nam cùng bộ đội Lào mở chiến dịch 128, tiến công quân địch ở Na Kay, loại khỏi vòng chiến đấu gần 900 tên, giải phóng toàn bộ khu vực cao nguyên Na Kay và các vùng lân cận trên tuyến biên giới Việt - Lào từ đường 8 đến đường 12 với chiều dài gần 700 km, mở thông hành lang tuyến vận tải tây Trường Sơn từ bắc xuống nam, tạo thế vững chắc cho vùng giải phóng Trung Lào, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển trên đường tây Trường Sơn. Đây là hoạt động quân sự lớn đầu tiên ở Lào, sau khi địch phá vỡ Hiệp định Giơnevơ 1962.

Sau chiến dịch 128, ngày 17 tháng 3 năm 1964, Trung ương Đảng Nhân dân Lào tổ chức Hội nghị lần thứ 12 và chỉ rõ²¹²: do âm mưu phá hoại của địch, Chính phủ liên hiệp chỉ còn là hình thức; đế quốc Mỹ và tay sai đã gây tình hình căng thẳng ở Lào; nhiệm vụ trước mắt của Đảng là đẩy mạnh đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh quân sự làm thất bại mọi âm mưu của địch; ra sức củng cố, tăng cường lực lượng cách mạng về mọi mặt. Hội nghị đã đề ra năm nhiệm vụ lớn là: tăng cường xây dựng mặt trận thống nhất chống Mỹ và tay sai; ra sức đẩy mạnh đấu tranh trong hậu phương địch bằng chính trị, kết hợp với vũ trang và vận động binh lính địch; xây dựng, củng cố vùng giải phóng về mọi mặt; ra sức củng cố lực lượng bán vũ trang; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bồi dưỡng cán bộ.

Sau Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng Nhân dân Lào, Đảng bộ các cấp trong cả nước Lào đã chuyển hướng lãnh đạo phù hợp với tình hình mới. Từng bộ phận đã lãnh đạo theo định hướng kháng chiến trường kỳ, tự lực cánh sinh; ở vùng địch tạm chiếm, cơ sở chính trị đã có bước phát triển; lực lượng vũ trang và bán vũ trang đã được củng cố và phát triển.

Trước sự lớn mạnh của cách mạng Lào, đế quốc Mỹ ồ ạt tăng viện trợ cho phái hữu nhằm tăng cường sức mạnh và thúc ép phái hữu đẩy mạnh hoạt động lấn chiếm vùng giải phóng. Ngày 19 tháng 4 năm 1964, đế quốc Mỹ đã sử dụng bọn cực hữu, hiếu chiến Kúpaxít Aphay và Xihỏ Lamphatacun làm đảo chính quân sự, lật đổ Chính phủ liên hiệp ba phái. Chúng tổ chức chính phủ mới không có Neo Lào Hắc Xát và vẫn để Phuma làm thủ tướng để sử

²¹². Dẫn theo tập Nghị quyết của Đảng Nhân dân Lào từ Nghị quyết 1 đến Nghị quyết 17 (phần nhận định tình hình âm mưu của địch và chủ trương đối phó của ta), Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4278.

dụng danh nghĩa “trung lập” và “Chính phủ liên hiệp” giả hiệu. Chúng còn sáp nhập quân của Koongle trung lập vào lực lượng phái hữu nhằm biến Chính phủ liên hiệp thành một chính quyền bù nhìn, là công cụ phục vụ cho âm mưu của đế quốc Mỹ. Tại khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, chúng đã triển khai một lực lượng lớn quân chủ lực²¹³ nhằm chiếm giữ lâu dài địa bàn chiến lược này, từng bước tiêu diệt lực lượng Pathét Lào và uy hiếp vùng biên giới miền Bắc Việt Nam.

Trước âm mưu thâm độc của địch, đồng thời tận dụng thời cơ sau đảo chính, nội bộ chính quyền Viêng Chăn vẫn lục đục, Trung ương Đảng Nhân dân Lào quyết định mở chiến dịch 74A, tiến công quét bọn phái hữu ra khỏi Cánh đồng Chum. Đầu tháng 3 năm 1964, Bộ Tư lệnh chiến dịch 74A (chiến dịch đường 7 và đường 4) được thành lập do Thiếu tướng Nguyễn Bằng Giang, Tư lệnh Quân khu Tây Bắc làm tư lệnh. Phía Lào có các đồng chí Xingcapô, phó tư lệnh và Xámán Vinhakệt, chính uỷ Quân khu Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (Pathét Lào), Đại tá Đươn Xúnalạt (trung lập) tham gia Bộ Chỉ huy chiến dịch²¹⁴.

Ngày 27 tháng 4 năm 1964, chiến dịch mở màn. Sau khi tiến công tiêu diệt các vị trí địch ở Phả Kha, Phu Noong, Noong Khạng, Mương Pon..., ngày 15 tháng 5 năm 1964, bộ đội Việt - Lào tiến công vào khu vực Cánh đồng Chum. Đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, Tổng Chỉ huy Quân đội Pathét Lào trực tiếp đến đài

²¹³. Gồm: 13 tiểu đoàn bộ binh thuộc GM13 và GM17, cùng 3 tiểu đoàn hỗn hợp, 54 đại đội phỉ, 2 tiểu đoàn pháo 105 ly và 85 ly, 2 đại đội súng cối 120 ly và 106,7 ly, một đại đội súng máy phòng không 12,7 ly, 37 xe tăng và thiết giáp.

²¹⁴. Lực lượng tham gia chiến dịch có Lữ đoàn 316 và Lữ đoàn 335 (Quân khu Tây Bắc), Tiểu đoàn 8 (Sư đoàn 304), Tiểu đoàn 925 (Quân khu 4), 14 đại đội biên phòng; phía Lào có 7 tiểu đoàn Pathét Lào và trung lập yêu nước (13, 1, 2, 15, Páttchây, 701, 500).

quan sát chiến dịch ở đồi Bạ Gion để chỉ đạo, chỉ huy. Sau gần hai tháng tiến công, ngày 8 tháng 6 năm 1964, chiến dịch kết thúc thắng lợi. Ta đã quét sạch địch ra khỏi Cánh đồng Chum, chiếm được Phu Cút - dãy điểm cao khổng lồ vô cùng quan trọng, bảo vệ cửa ngõ phía tây Cánh đồng Chum, giải phóng 28 tãxeng với 30.000 dân; loại khỏi vòng chiến đấu 1.600 tên địch, thu hàng trăm súng, bắn cháy 19 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 4 máy bay.

Đây là thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng cả về chính trị và quân sự. Từ đây, vùng giải phóng Lào đã nối liền từ Trung Lào đến Sầm Nưa, đường 7 nối với Việt Nam đã được mở thông, lực lượng vũ trang Lào có bước trưởng thành vượt bậc, càng tự tin vào khả năng chiến đấu của mình. Qua chiến dịch, một số sĩ quan trung lập đã nhận rõ âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, sự phản bội của Koongle và Phuma, đồng thời cũng thấy được đường lối đúng đắn của Mặt trận Lào yêu nước nên đã từ bỏ quân đội phái hữu trở về hợp tác với cách mạng. Sự phân hoá tất yếu trong lực lượng trung lập đã tạo nên một liên minh vững chắc hơn giữa lực lượng trung lập yêu nước và Pathét Lào, góp phần tạo thế và lực mới cho cách mạng Lào.

Từ giữa năm 1964, cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công và liên tiếp giành được những thắng lợi to lớn, đẩy chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn. Để cứu vãn thất bại, đế quốc Mỹ quyết định tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nhằm phá hoại tiềm lực kinh tế - quốc phòng, cắt đứt sự chi viện của quốc tế cho Việt Nam, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, làm lay chuyển quyết tâm đánh Mỹ của nhân dân Việt Nam, hỗ trợ các chiến lược chiến tranh của Mỹ và cứu nguy cho sự sụp đổ của quân đội Sài Gòn ở miền Nam.

Sau khi tiến hành các hoạt động khiêu khích và dựng lên *Sự*

kiện vịnh Bắc Bộ để đánh lừa dư luận quốc tế và gây áp lực trước Quốc hội Mỹ, ngày 5 tháng 8 năm 1964, Mỹ huy động 64 lần các máy bay A1, A4, F4, F8 đánh phá vào hàng loạt các mục tiêu quân sự và dân sự ở một số vùng ven biển miền Bắc Việt Nam, như cửa sông Gianh, Vinh, Bến Thủy, Lạch Trường (Thanh Hoá) và thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh). Do có sự chuẩn bị từ trước và với tinh thần cảnh giác cao, quân dân miền Bắc đã ngoan cường đánh trả, bắn rơi tám máy bay, bắn hỏng nhiều chiếc khác, bắt sống một phi công. Cuộc tiến công đầu tiên của Mỹ bằng không quân đã bị thất bại.

Sau thất bại, ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ liên tục cho tàu chiến và máy bay khiêu khích, bắn phá các vị trí từ nam sông Gianh trở vào. Tại Lào, Mỹ thực hiện kế hoạch bí mật do Lêônaongơ, Đại sứ Mỹ ở Lào trực tiếp chỉ huy. Chúng sử dụng 25 - 40 máy bay mang nhãn hiệu không quân Hoàng gia Lào nhưng do phi công Mỹ và Thái Lan điều khiển, thực hiện các phi vụ ném bom một số vị trí trên tuyến hành lang tây Trường Sơn, như: Mường Phìn, Xê Pôn, Cha Ky, Mường Noòng, Cù Bai, Lăng Khằng, Xẻng Phăn, Ta Long, Ca Vát... Bộ binh địch nóng ra Na Bò, Noong Bua, Đông Mốt, Xê Kuncam (khu vực đường 9) và thọc sâu vào một số điểm trên tuyến hành lang.

Địch đánh phá ác liệt, thời tiết phức tạp, khiến cho việc vận chuyển hàng hoá và dẫn quân của Đoàn 559 trên tuyến tây Trường Sơn gặp rất nhiều khó khăn. Trong quý III năm 1964, chỉ có 1.065 cán bộ, chiến sĩ hành quân vào Nam, 336 người hành quân ra Bắc. Có thời điểm đường tắc, khách qua tuyến dồn ứ hàng nghìn người ở các trạm giao liên gần một tháng. Tình hình bảo đảm lương thực, thực phẩm cho bộ đội trở thành vấn đề “nước sôi, lửa bỏng”.

Trước tình hình đó, chỉ huy Đoàn 559 cùng Đoàn chuyên gia 763 ở Hạ Lào trực tiếp đề xuất với Tỉnh uỷ Távên Oọc của Lào vận

động nhân dân địa phương giúp đỡ. Với tinh thần quốc tế cao cả, trong sáng, nhân dân tỉnh Távên Oọc, đặc biệt là các huyện Cà Lưon, Xê Camản... đã nhanh chóng thu gom thóc, giã gạo phục vụ bộ đội Việt Nam. Mặc dù là địa phương nghèo, nhân dân sống phân tán, nhưng chỉ trong thời gian nửa tháng, bạn đã huy động được hơn 30 tấn lương thực, góp phần giải quyết khó khăn trước mắt cho Đoàn 559.

Cũng trong năm 1964, quân dân tỉnh Távên Oọc còn tạo điều kiện và giúp Đoàn 559 khai thác tuyến vận tải đường sông từ Bạc đi Pạc Káđin. Tuyến đường sông này hiểm trở, nhiều ghềnh thác, vận chuyển vào ban đêm rất khó khăn. Nhưng để vận chuyển được ban ngày thì ta phải nhờ được đồn Phu Lakay do quân nguy Lào chiếm giữ ở bờ tây sông Xê Coong.

Được sự đồng ý của Tỉnh uỷ Távên Oọc, một trung đội của Trung đoàn 70 thuộc Đoàn 559 phối hợp với bộ đội địa phương tỉnh vừa dùng tiếng nổ uy hiếp, vừa tuyên truyền địch vận, đã nhanh chóng đánh chiếm đồn, khai thông tuyến đường sông, bảo đảm vận chuyển bằng thuyền ban ngày, tạo nguồn hàng để vận chuyển tiếp vào tàxăng thuộc tỉnh áttapư (khu vực ngã ba biên giới).

Giữa năm 1964, trước tình hình chiến tranh ở Lào có nhiều khả năng lan rộng, hai Đảng chủ trương củng cố tổ chức chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào. Ngày 30 tháng 6 năm 1964, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam ra quyết định thành lập Đoàn chuyên gia quân sự giúp Lào, lấy phiên hiệu là Đoàn 664. Theo quyết định, Đoàn 664 là một bộ phận của cơ quan Tổng Cố vấn và là một đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam. Đoàn có hệ thống tổ chức từ trên xuống dưới, gồm: đoàn chuyên gia bên cạnh cơ quan Tổng Tư lệnh Lào; tổ (hoặc đoàn) chuyên gia bên cạnh Bộ Tư lệnh các quân khu và tỉnh đội; tổ chuyên gia ở các

đơn vị từ cấp tiểu đoàn và tương đương trở lên... Đoàn 664 có nhiệm vụ giúp Lào nghiên cứu toàn diện kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang; giúp xây dựng kế hoạch tác chiến, xây dựng và củng cố các vùng căn cứ...

Tiếp đó, trong những tháng cuối năm 1964, Thường trực Quân uỷ và Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam đã có các quyết định kiện toàn tổ chức Đoàn chuyên gia quân sự ở Lào, như: ngày 21 tháng 10, ra quyết định cử Thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, Cục trưởng Cục Tổ chức, Tổng cục Chính trị làm trưởng đoàn kiêm bí thư Đảng uỷ Đoàn 664; ngày 27 tháng 11, Tổng Tham mưu trưởng ký quyết định thay phiên hiệu Đoàn 664 thành Đoàn 959.

Trong tháng 8 năm 1964, cán bộ chuyên gia và nhân viên kỹ thuật của Việt Nam đã giúp Lào xây dựng mới ba tiểu đoàn pháo phòng không 37 mm và năm đại đội súng máy phòng không 12,7 mm, bố trí ở ba khu vực trọng điểm là Sầm Nưa, Cánh đồng Chum và Trung Lào. Đầu tháng 9 năm 1964, Việt Nam giúp Lào huấn luyện 1.450 chiến sĩ mới ở Quân khu 4 và Quân khu Tây Bắc, sau đó đưa sang bàn giao ở Sầm Nưa và Khăng Khay.

Trong hai ngày 17 và 18 tháng 10 năm 1964, Đoàn đại biểu quân sự Việt Nam và Đoàn đại biểu Quân giải phóng nhân dân Lào đã có cuộc hội đàm để kiểm điểm tình hình và bàn chủ trương hoạt động trong mùa khô tới. Phía Việt Nam có đồng chí Trần Quý Hai, Tổng Tham mưu phó làm trưởng đoàn. Phía Lào, đồng chí Khăm Tày Xiphăndon làm trưởng đoàn. Hai đoàn đã thống nhất kết luận: để củng cố thắng lợi của cách mạng Lào, phải củng cố toàn diện vùng giải phóng Lào, kiên quyết đánh địch lấn chiếm, truy quét phi; tăng cường đoàn kết dân tộc, tranh thủ lực lượng trung lập tiến bộ... Phía Lào đề nghị Việt Nam đưa quân tình nguyện và chuyên gia sang giúp lâu dài, ở Lào ít nhất là ba năm, không nên vừa đưa

sang lại chuyển về ngay.

Mùa mưa năm 1964, Quân uỷ và Bộ Tổng Tư lệnh quân giải phóng Lào quyết định tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao ý chí chiến đấu và năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho cán bộ cơ sở. Đội ngũ chuyên gia các cấp đã cùng các cán bộ Lào tổ chức quán triệt các nghị quyết 10, 11, 12 của Trung ương Đảng Nhân dân Lào; tổ chức triển khai cuộc vận động “xây dựng chi bộ bốn biết”; triển khai chế độ đại hội ở các chi bộ, xây dựng các tổ chức quần chúng, các chế độ sinh hoạt ở đơn vị... Đợt sinh hoạt chính trị này đã góp phần nâng cao một bước chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, từ đó nâng cao một bước hiệu quả chiến đấu ở các đơn vị bộ đội Lào.

Cùng với tổ chức sinh hoạt chính trị, bộ đội Lào đã cùng bộ đội tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam đánh bại nhiều cuộc tấn công lấn chiếm của địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng. ở Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, ta đã bẻ gãy cuộc hành quân *Xả Xôn* của hơn bốn binh đoàn (từ ngày 25 tháng 7 đến 26 tháng 10 năm 1964); ở Trung Lào, ta đánh bại các cuộc hành quân *Xôn Xây I*, *Xôn Xây II* (từ tháng 10 năm 1964 đến tháng 3 năm 1965), diệt hơn 500 tên địch...

Cuối năm 1964, Trung ương Đảng Nhân dân Lào mở “cuộc vận động thu phục phi” nhằm ổn định vùng giải phóng. Để giúp Lào thực hiện “cuộc vận động thu phục phi”, Việt Nam đã giúp Lào các sản phẩm thiết yếu như muối, vải, quần áo, thuốc men..., đồng thời tại Lào, các đơn vị quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam đã sát cánh cùng quân dân Lào triển khai có hiệu quả cuộc vận động nêu trên. Do có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt và làm thí điểm ở Sầm Nưa trước, sau đó mới triển khai trên toàn quốc nên Lào đã

giải quyết được nhiều ổ phi lâu đời²¹⁵ như Thăm La, Na Khăng, Hủa Mường, Mương Hiêm, Phả Thí, Giang Tơi, Khoa Phát, Chòm Vắn, Thà Teng, Nha Hớn..., tạo được sự ổn định mọi mặt cho các vùng giải phóng.

Như vậy, sau khi Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào được ký kết, Việt Nam đã rút toàn bộ chuyên gia và quân tình nguyện về nước. Nhưng đến cuối tháng 4 năm 1963, theo yêu cầu của cách mạng Lào, Việt Nam lại cử chuyên gia cố vấn giúp từ trung ương đến tỉnh đội, tiểu đoàn và một số đại đội. Trong năm 1964, Việt Nam đã cử nhiều đơn vị tình nguyện sang phối hợp tác chiến cùng với bộ đội Lào. Quân khu 4 là đơn vị có lực lượng quân tình nguyện sang giúp Lào nhiều nhất, gồm 4 tiểu đoàn biên phòng, một trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 325 và một số đơn vị phòng không. Quân khu 3 có 2 trung đoàn của Sư đoàn 304 và Tiểu đoàn bộ binh 923. Quân khu Tây Bắc có Lữ đoàn 316 và Tiểu đoàn 325... Chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam đã cùng quân dân Lào chiến đấu giữ vững vùng giải phóng, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang Lào và chiến đấu bảo vệ thông suốt tuyến vận tải chiến lược tây Trường Sơn, góp phần đẩy mạnh cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam.

2. Xây dựng vùng giải phóng Lào về mọi mặt theo quy mô một quốc gia, phát triển, bảo vệ tuyến vận tải tây Trường Sơn, góp phần đánh bại bước đầu chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ ở chiến trường miền Nam Việt Nam

Bước vào năm 1965, tình hình Đông Dương đã có những chuyển biến mới. Nhân dân Việt Nam giành được nhiều thắng lợi trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp

²¹⁵. Từ năm 1965 đến 1969, chúng ta đã thu phục được 5.138 tên phi.

đấu tranh giải phóng miền Nam. Chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ ở miền Nam Việt Nam bị thất bại nặng nề, nguy quyền Sài Gòn lâm vào cuộc khủng hoảng triền miên. ở Lào, vùng giải phóng đã chiếm 2/3 đất đai và 1/2 dân số, nối liền với miền Bắc Việt Nam và vùng căn cứ phía tây miền Nam, tạo ra hành lang chiến lược tây Trường Sơn của cách mạng Đông Dương.

Để cứu vãn thất bại ở miền Nam Việt Nam, từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ đã thực hiện bước leo thang chiến tranh, tiến hành chiến lược *Chiến tranh cục bộ*, ồ ạt đưa quân vào miền Nam, đồng thời mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ra miền Bắc.

Nhằm phối hợp với chiến lược Chiến tranh cục bộ ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở Lào, tăng cường *Chiến tranh đặc biệt*, phát triển các binh đoàn cơ động, thúc quân phái hữu tiến công vùng giải phóng Lào. Địch chủ trương biến cuộc chiến tranh ở Lào diễn biến ngày càng ác liệt hơn bằng những phương thức tác chiến mới, dùng lực lượng cơ động kết hợp với *lực lượng đặc biệt* tiến công quy mô lớn, hiệp đồng binh chủng, lấn chiếm vùng giải phóng. Mỹ còn lập ra *Trung tâm hành quân liên hợp* do Mỹ trực tiếp nắm, tăng cường hoạt động của không quân Mỹ²¹⁶ nhằm tăng hiệu quả các cuộc hành quân quy mô lớn của quân nguy.

Trước các hành động của Mỹ và tay sai, Việt Nam và Lào đã phối hợp đấu tranh mạnh mẽ trên mặt trận ngoại giao. Đoàn đại biểu của hai nước đã tham dự Hội nghị nhân dân Đông Dương họp tại Phnôm Pênh từ ngày 1 đến 9 tháng 3 năm 1965 và thống nhất ra

²¹⁶. Hãng thông tấn AFP ngày 6 tháng 1 năm 1966 cho biết: mỗi ngày có tới 300 lượt máy bay ném gần 1.000 tấn bom, rocket xuống vùng giải phóng Lào. Dẫn theo *Lịch sử Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.201.

ng nghị quyết về vấn đề Lào, khẳng định tình hình căng thẳng tại Lào là do đế quốc Mỹ gây ra; nghiêm khắc lên án Mỹ và quân đội thân Mỹ đã dùng máy bay đánh phá và tiến công vùng giải phóng Lào; đòi Mỹ chấm dứt việc sử dụng lãnh thổ của Lào để tiến công Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chấm dứt các hành động khiêu khích và xâm lược Việt Nam.

Tại Lào, tháng 5 năm 1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp Hội nghị lần thứ 13, ra nghị quyết về tình hình cách mạng Lào²¹⁷, đề ra sáu nhiệm vụ lớn: “Phát triển chiến tranh nhân dân, ra sức xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân; củng cố và phát triển các tổ chức cách mạng, cố gắng giải quyết đời sống cho nhân dân; *ra sức củng cố phát triển vùng giải phóng toàn diện theo quy mô một quốc gia, làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh của nhân dân*; đẩy mạnh hoạt động trong vùng địch tạm chiếm; tăng cường đấu tranh chính trị, tranh thủ sự ủng hộ của các nước anh em...; ra sức bồi dưỡng cán bộ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng”.

Về quân sự, Hội nghị Trung ương lần thứ 13 chỉ rõ: phải đẩy mạnh hoạt động quân sự, phát động chiến tranh nhân dân sâu rộng, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng; ra sức củng cố và tăng cường lực lượng vũ trang, nhanh chóng giải quyết tình trạng mất cân đối giữa ba thứ quân trong lực lượng vũ trang.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 13 của Đảng Nhân dân Lào, từ ngày 22 đến 29 tháng 6 năm 1965, tại Hà Nội diễn ra cuộc hội đàm giữa đại diện Đảng Lao động Việt Nam với đại diện Đảng Nhân dân Lào. Phía Việt Nam có đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ

²¹⁷. Dẫn theo tập Nghị quyết của Đảng Nhân dân Lào từ Nghị quyết 1 đến Nghị quyết 17 (phần nhận định tình hình âm mưu của địch và chủ trương đối phó của ta), Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4278.

nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, và một số đồng chí ủy viên Trung ương khác. Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Lào gồm các đồng chí Cayxôn Phômvihân, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nủhắc Phumxavăn, Hoàng thân Xuphanuvông, Phumi Vôngvichít, Khăm Tày Xiphăndon, Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trong cuộc hội đàm, đồng chí Cayxôn nhấn mạnh: xuất phát từ đặc điểm riêng của Lào, nhiệm vụ dân tộc hiện nay của cách mạng Lào là giành độc lập dân tộc, thực hiện sự thống nhất quốc gia, củng cố ý thức quốc gia dân tộc; nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Lào là bảo vệ vững chắc khu giải phóng và mở rộng có trọng điểm; xây dựng khu giải phóng một cách toàn diện về chính trị, kinh tế, quân sự... với quy mô một quốc gia để làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh lâu dài, đồng thời để phát huy ảnh hưởng chính trị của Neo Lào Hắc Xát trong cả nước và trên thế giới.

Đồng chí Lê Duẩn nhất trí với những ý kiến do đồng chí Cayxôn Phômvihân trình bày, đồng thời nhấn mạnh: Lào là tiền đồn của phong trào giải phóng dân tộc và xã hội chủ nghĩa; cách mạng Lào không chỉ là cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược, mà còn thể hiện cả cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai phe. Vì vậy, cách mạng Lào còn phải đấu tranh lâu dài và không thể tách khỏi nhân tố xã hội chủ nghĩa. Về mối quan hệ giữa cách mạng ba nước Đông Dương, chủ yếu là cách mạng Việt Nam và Lào, đồng chí Lê Duẩn phân tích: do tình hình cụ thể của mỗi nước cho nên hình thức tiến lên có khác nhau, nhưng có những vấn đề khách quan ràng buộc ba nước với nhau, không thể tách rời nhau được. Đối với hai nước Việt Nam và Lào, càng có mối quan hệ chặt chẽ hơn. Tuy là hai dân tộc, hai quốc gia nhưng cùng một mục tiêu cách mạng, cùng kẻ

thù, cùng trận tuyến chống Mỹ xâm lược²¹⁸.

Sau khi thống nhất với nhau về tình hình cách mạng Lào, đại diện hai Đảng đã xác định những nội dung cần giúp Lào trong thời gian tới, trong đó *tập trung giúp xây dựng vùng giải phóng về mọi mặt với quy mô một quốc gia và giúp xây dựng lực lượng vũ trang*.

Sau cuộc hội đàm giữa hai Đảng, ngày 3 tháng 7 năm 1965, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam ra nghị quyết về giúp đỡ cách mạng Lào và đẩy mạnh hoạt động trong thời gian tới. Nghị quyết nhấn mạnh: “Hiện nay, trước âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược của Mỹ và tay sai, vận mệnh của hai dân tộc và sự nghiệp cách mạng của hai nước đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa cách mạng hai nước và sự giúp đỡ tích cực hơn nữa của Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân ta đối với cách mạng Lào. Ta cần phải nỗ lực đáp ứng đến mức cao nhất mọi yêu cầu đối với công cuộc phát triển cách mạng của bạn”²¹⁹.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Bộ Quốc phòng Việt Nam khẩn trương tăng cường lực lượng sang giúp Lào đẩy mạnh hoạt động tác chiến, củng cố, mở rộng vùng giải phóng. Chỉ trong mấy tháng đầu năm 1965, Bộ Tổng Tham mưu đã cử hơn 100 trinh sát đặc công thuộc Cục Tình báo, theo chế độ tình nguyện sang

²¹⁸. Vào thời điểm này, đồng chí Lê Duẩn nhận định về cách mạng Lào như sau: cách mạng Lào liên hệ chặt chẽ với cách mạng miền Nam. Hạ Lào là con đường đi vào miền Nam, sống chết Mỹ cũng phải cố giữ cho được... Nếu Việt Nam đánh thắng Mỹ trong Chiến tranh đặc biệt thì cách mạng Lào có thể vừa giữ vững và phát triển lực lượng, vừa đấu tranh hoà bình trong Chính phủ liên hiệp. Còn nếu xảy ra Chiến tranh cục bộ thì Hạ Lào và miền Nam trở thành chiến trường chung. *Thông báo tình hình Lào*, tháng 7 năm 1965, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương, phòng 82, đơn vị bảo quản 1058.

²¹⁹. Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về công tác Lào, hồ sơ TƯ 364, tr.28, lưu tại Văn phòng Bộ Quốc phòng.

tăng cường cho Đoàn 559 và Đoàn 763; cử một bộ phận Trung đoàn 203 thuộc Quân khu 3 (gồm ba đại đội cao xạ 37 mm và một đại đội 14,5 mm) sang tăng cường cho khu vực Sầm Nưa, Mường Hùn và Xa Lối; cử nhiều đơn vị bộ binh, phòng không tăng cường cho Đoàn 559 làm nhiệm vụ bảo vệ tuyến vận tải tây Trường Sơn trên đất Trung và Hạ Lào.

Về lực lượng chuyên gia, Bộ Quốc phòng Việt Nam chủ trương tăng thêm chuyên gia về công tác chính trị, công tác dân quân, công tác hậu cần và chuyên gia giúp một số huyện trọng điểm. Tổng số chuyên gia trong vài năm lên tới 8.500 người, trong đó đội ngũ chuyên gia quân sự và nhân viên kỹ thuật khoảng 2.000 người. Về tổ chức, Đoàn chuyên gia quân sự 959 tiếp tục giúp ba cơ quan của quân giải phóng nhân dân Lào, đồng thời thành lập thêm đoàn chuyên gia quân sự và quân tình nguyện ở khu vực Nam Lào.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 19 tháng 5 năm 1965, tại xã Đức Lạc, Đức Thọ, Hà Tĩnh (thuộc Quân khu 4), Đoàn chuyên gia quân sự và quân tình nguyện Việt Nam mang phiên hiệu Đoàn 565²²⁰ được thành lập với hai nhiệm vụ chủ yếu: chuyên gia giúp địa phương xây dựng lực lượng từ tỉnh đến các đại đội, cùng các địa phương trên địa bàn phát triển quần chúng xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng giải phóng, trong vùng địch hậu; bộ đội tình nguyện phối hợp với lực lượng địa phương đánh địch lấn chiếm vùng giải phóng, diệt phi, bảo vệ và mở rộng địa bàn, bảo vệ tuyến hành lang 559...

Đoàn 565 được tổ chức trên cơ sở lực lượng chuyên gia và quân tình nguyện đang hoạt động tại Nam Lào, có tăng cường đội ngũ chuyên gia, một số đơn vị tình nguyện và Đoàn 763 (Hạ Lào)

²²⁰. Đại tá Đồng Sĩ Nguyên (nguyên Phó Tư lệnh Quân khu 4), Tư lệnh kiêm Chính ủy; Thượng tá Lê Kích (nguyên Đoàn trưởng Đoàn 763), Phó Tư lệnh Đoàn 565.

đang hoạt động tại huyện Đắc Chung, tỉnh Távên Oọc (nay là tỉnh Xê Coong).

Cùng với việc tăng cường đội ngũ chuyên gia và quân tình nguyện sang Lào, ngày 17 tháng 9 năm 1965, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam ra chỉ thị về nhiệm vụ công tác đảng, công tác chính trị đối với bộ đội đang phối hợp chiến đấu với lực lượng vũ trang cách mạng Lào, nhấn mạnh: phải làm cho cán bộ, đảng viên thông suốt và nhất trí cao với mọi chủ trương, nhiệm vụ giúp Lào, coi sự nghiệp cách mạng của nước Lào như sự nghiệp cách mạng của Việt Nam; “Thực sự khiêm tốn, tôn trọng bạn, kiên nhẫn, tận tình hướng dẫn giúp đỡ bạn tiến bộ, thực hiện miệng nói tay làm, đồng cam cộng khổ cùng với quân và dân bạn chiến đấu, công tác và sản xuất. Kiên quyết chống mọi biểu hiện tư tưởng nước lớn, ban ơn, xem thường bạn, tạm bợ, ngại khó ngại khổ, thiếu an tâm làm nhiệm vụ giúp bạn”²²¹.

Tại Lào, cán bộ chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam đã cùng cán bộ, chiến sĩ Lào triển khai thực hiện các nhiệm vụ mà Hội nghị Trung ương lần thứ 13 Đảng Nhân dân Lào đề ra. Chuyên gia Việt Nam cùng các cơ quan trung ương Lào tổ chức Hội nghị chính trị liên hiệp toàn quốc giữa Neo Lào Hắc Xát và các lực lượng trung lập yêu nước tại Sầm Nưa từ ngày 3 đến 13 tháng 10 năm 1965. Hội nghị đã đưa ra Tuyên bố chung về “lập trường bốn điểm và giải pháp năm điểm” của nhân dân Lào; khẳng định mục tiêu của Mặt trận Lào yêu nước và lực lượng trung lập là đấu tranh cho một nước Lào hoà bình, trung lập, độc lập, tự do và thịnh vượng; kêu gọi toàn thể nhân dân Lào mang hết sức mình, không ngại hy sinh, cùng với nhân dân Việt Nam và Campuchia anh em đứng vững trên trận tuyến chống Mỹ ở Đông Dương; ủng hộ mạnh mẽ

²²¹. Hồ sơ CĐ-11-MQ-619, Tổng cục Chính trị, tr.190.

cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoà bình, thống nhất Tổ quốc của nhân dân Việt Nam²²²...

Thành công của Hội nghị chính trị liên hiệp toàn quốc là một thắng lợi lớn của khối đại đoàn kết các bộ tộc Lào trên mặt trận chống Mỹ, đồng thời cũng khẳng định sự ủng hộ tinh thần to lớn của nhân dân Lào đối với cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam.

Để thực hiện chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng Nhân dân Lào, cuối năm 1965, chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam đã giúp Tổng Quân uỷ, Trung ương Lào tiến hành cuộc vận động “Toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang”. Chuyên gia quân sự đã phối hợp với chuyên gia dân chính xuống từng địa phương giúp tổ chức nhiều cuộc tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân; phân công cán bộ, đảng viên ở từng địa phương cùng bộ đội thâm nhập, vận động từng gia đình động viên con em đi bộ đội, tham gia du kích.

Do làm tốt công tác vận động, tuyên truyền nên cuộc vận động thu được kết quả tốt. Ngay trong vùng tạm chiếm cũng có nhiều thanh niên bí mật ra vùng giải phóng xin nhập ngũ. Trong đợt vận động đã có 5.000 thanh niên vào bộ đội và 2 vạn người tham gia du kích, đưa tổng số quân của Lào trong năm 1966 lên 22.500 người và 44.000 du kích (trong đó có 8.700 du kích nữ). Việt Nam đã giúp Lào xây dựng thêm năm tiểu đoàn bộ binh, nâng số đơn vị chủ lực lên 22 tiểu đoàn; thành lập thêm một tiểu đoàn cao xạ 37 ly và một số đại đội súng máy cao xạ 12,8 ly..., giúp Lào bố trí các tiểu đoàn chủ lực cho từng khu vực để tạo thế trận tại chỗ: Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng bố trí 10 tiểu đoàn (có ba tiểu đoàn binh chủng); Nam Lào tám tiểu đoàn; Sầm Nưa ba tiểu đoàn bộ binh và

²²². *Bước phát triển trong cùng cố liên minh chống Mỹ ở Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1966.

một tiểu đoàn cao xạ 37 ly; Bắc Lào hai tiểu đoàn; giúp Lào kiện toàn các đơn vị pháo mặt đất, tổ chức thêm một đại đội công binh, đại đội hoá học và đặc biệt là thành lập đơn vị pháo binh nữ ở Cánh đồng Chum; giúp tổ chức mỗi tiểu đoàn có một đại đội tinh nhuệ, biết đánh theo kiểu đặc công, mỗi xã, mỗi huyện có một tiểu đội hoặc trung đội du kích nòng cốt, cơ động chiến đấu trong khu vực.

Cùng với tăng cường đội ngũ chuyên gia quân sự, Việt Nam cũng từng bước tăng cường đội ngũ chuyên gia chính trị, kinh tế và văn hoá để giúp Lào xây dựng vùng giải phóng. Sau khi Hiệp định Giơnevơ về Lào được ký kết năm 1962, Việt Nam đã rút phần lớn đội ngũ chuyên gia về nước, chỉ để lại một bộ phận nhỏ ở Trung ương và các tỉnh. Từ năm 1964, trước tình hình mới, theo yêu cầu của Lào, Việt Nam đã tăng cường thêm lực lượng chuyên gia chính trị, kinh tế và văn hoá (nhất là chuyên gia kinh tế và văn hoá) để giúp Lào một cách toàn diện, mà trước mắt là giúp xây dựng vùng giải phóng về mọi mặt như quy mô một quốc gia. Năm 1964, tổng số chuyên gia chính trị, kinh tế và văn hoá Việt Nam hỗ trợ cho Lào là 279 người.

Nhiệm vụ của Đoàn chuyên gia chính trị, kinh tế và văn hoá được Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quy định là: “Thực hiện đường lối, chủ trương giúp bạn của Trung ương Đảng ta, theo dõi, nghiên cứu giúp ý kiến với Trung ương bạn trong các chủ trương, chính sách và kế hoạch công tác theo tình hình, đường lối, phương châm của Đảng bạn”²²³. Nhiệm vụ này được xác định từ tình hình cách mạng Lào và đề nghị của Trung ương Đảng Nhân dân Lào trong thư của đồng chí Cayxôn Phômvihản gửi Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ngày 20 tháng 7 năm 1963: “Xây

²²³. Nghị quyết của Ban Bí thư ngày 25 tháng 7 năm 1963. Dẫn theo *Báo cáo tổng kết 10 năm làm công tác chuyên gia giúp cách mạng Lào*, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-636.

dựng đảng, đào tạo cán bộ, đặc biệt là củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức lãnh đạo của Đảng; nghiên cứu một số chính sách cụ thể, tổng kết một số kinh nghiệm; xây dựng lực lượng vũ trang về chính trị, tư tưởng, đặc biệt là lực lượng du kích; củng cố, phát triển phong trào du kích chiến tranh trong toàn quốc; giúp tổ chức thực hiện xây dựng thí điểm, tổ chức các hội nghị chuyên đề rút kinh nghiệm”.

Về phạm vi và phương pháp giúp, Trung ương Đảng Nhân dân Lào xác định: giúp Trung ương, khu, tỉnh và một số huyện quan trọng; giúp các ngành xung quanh Trung ương như Tuyên huấn, Tổ chức, Dân vận, Quân sự, Kinh tế, Văn hoá, Công an...; “trường hợp Lào chưa có người thì Việt Nam làm giúp, đồng thời cùng nhau ra sức đào tạo cán bộ Lào”.

Từ năm 1964, Việt Nam đã cố gắng bố trí chuyên gia theo yêu cầu trên của Lào. Để tăng cường hiệu lực giúp Lào, tháng 7 năm 1966, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra nghị quyết về chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức giúp Lào, nhằm tập trung các mặt công tác lớn giúp Lào thành một mối, trong đó giao cho Ban Công tác miền Tây vừa nghiên cứu công tác Lào, vừa làm chuyên gia giúp Đảng Nhân dân Lào. Về mặt chuyên gia, Ban Công tác miền Tây cử một đoàn chuyên gia giúp Trung ương Lào, đồng thời chịu trách nhiệm chỉ đạo lực lượng chuyên gia Việt Nam ở các khu, tỉnh...

Để đảm bảo nguyên tắc về mối quan hệ giữa Việt Nam và Lào, Nghị quyết xác định một trong những yêu cầu về kiện toàn tổ chức là: “tổ chức giúp bạn của ta phải đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương ta trong công tác giúp bạn, đồng thời bảo đảm cho các bộ phận chuyên gia của ta trực tiếp giúp bạn, tôn trọng sự lãnh đạo độc lập và chủ quyền của bạn ở các cấp cũng như

hệ thống lãnh đạo của bạn từ trung ương đến các cấp”²²⁴.

Cùng với việc cử chuyên gia, Việt Nam còn giúp Lào về mọi mặt để bạn có điều kiện vừa đánh địch, vừa phát triển vùng giải phóng, đồng thời quy định trách nhiệm của các tỉnh thực hiện kế hoạch giúp đỡ các tỉnh thuộc vùng giải phóng Lào xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá²²⁵.

Năm 1965, Việt Nam đã giúp Lào xây dựng đài phát thanh tại Hoà Bình, đồng thời cải tiến bộ phận kỹ thuật của Đài Tiếng nói Pathét Lào đang đặt tại Hà Nội. Bộ Thủy lợi đề ra phương hướng viện trợ cho vùng giải phóng Lào trong hai năm 1966 - 1967, đó là: nghiên cứu, khảo sát và xây dựng các đập nước nhỏ; nghiên cứu xây dựng những trạm thủy điện nhỏ; cử các đoàn cán bộ khảo sát thống kê các công trình tại các tỉnh Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Khăm Muộn, Xavannakhê, Xalavăn, Áttapư...; triển khai xây dựng các công trình có yêu cầu vật tư, cán bộ kỹ thuật viện trợ từ Việt Nam sang; tích cực đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật cho Lào...

Ngay trong quý I năm 1966, ngành thủy lợi cùng cán bộ, công nhân Lào khởi công xây dựng 10 công trình thủy lợi nhỏ ở các vùng thuộc ba tỉnh Sầm Nưa, Xiêng Khoảng và Khăm Muộn để bước đầu có thể tưới cho 2.500 ha ruộng. Đến cuối năm 1967, số cán bộ ngành thủy lợi Việt Nam được điều sang giúp vùng giải phóng Lào lên tới 339 người (không kể số công nhân được tạm điều chuyển sang giúp xây dựng các công trình lớn).

²²⁴. Nghị quyết số 144-NQ/TW tháng 7 năm 1966. Dẫn theo *Báo cáo tổng kết 10 năm làm công tác chuyên gia giúp cách mạng Lào*, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-636.

²²⁵. Thông tư của Ban Bí thư, số 192-TT/TW, ngày 16 tháng 3 năm 1967. Dẫn theo *Báo cáo tổng kết 10 năm làm công tác chuyên gia giúp cách mạng Lào*, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-636.

Cũng trong ba tháng đầu năm 1966, ngành thương nghiệp, nông nghiệp Việt Nam có năm đoàn cán bộ kỹ thuật sang vùng giải phóng thuộc các tỉnh Sầm Nưa, Xiêng Khoảng giúp phát triển các ngành chăn nuôi, may mặc và sản xuất bánh kẹo. Bộ Giao thông đã cử cán bộ, công nhân sang xây dựng quãng đường từ Sầm Nưa đi Bạ Ban. Tháng 7 năm 1966, Việt Nam còn cử đoàn cán bộ tài chính, thương nghiệp gồm sáu đồng chí, đi theo tuyến đường Vân Nam - Trung Quốc để sang giúp các tỉnh Bắc Lào.

Đáp ứng yêu cầu của Lào, số chuyên gia các ngành của Việt Nam được điều sang công tác ở Lào ngày càng tăng. Giữa năm 1965, tổng số chuyên gia Việt Nam ở Lào là 1.298 người; đến tháng 6 năm 1966, số chuyên gia tăng lên 2.705 người²²⁶. Ngoài ra, còn có khoảng 22.000 người thuộc các đơn vị chủ lực, tình nguyện, công binh và hậu cần, cùng xấp xỉ 1.800 người thuộc các đội công tác và các đội công nhân làm đường 42 (Phôngxalỳ), bảo dưỡng đường 217 (Na Mèo - Sầm Nưa).

Trong kế hoạch hai năm 1966 - 1967, Việt Nam giúp đỡ Lào xây dựng kinh tế, văn hoá trong vùng giải phóng, cụ thể là: xây dựng trên 100 công trình lớn, nhỏ thuộc 15 ngành như nông nghiệp, thuỷ lợi, giao thông, bưu điện, y tế, giáo dục, địa chất, tuyên huấn, dệt; ngân sách dự chi trong hai năm 1966 - 1967 là 90 triệu đồng (trong đó, sáu tháng đầu năm 1966 đã chi hết 20 - 25 triệu đồng); lực lượng cán bộ, công nhân được điều sang xây dựng các ngành kinh tế, văn hoá ở Lào tính đến cuối năm 1967 lên tới 15.000 người (kể cả công binh).

Dưới ánh sáng Nghị quyết 13 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào về xây dựng vùng giải phóng toàn diện theo

²²⁶. Cụ thể, gồm: dân - chính - đảng là 463 người; quân sự và nhân viên kỹ thuật quân sự là 1.513 người; kinh tế, văn hoá là 466 người; phục vụ là 263 người.

mô hình một quốc gia, được sự giúp đỡ về mọi mặt của Việt Nam, quân dân Lào đã xây dựng vùng giải phóng Lào không ngừng lớn mạnh, trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Lào.

Việc cấp thiết đầu tiên trong xây dựng vùng giải phóng là xây dựng chính quyền cách mạng và cơ quan Neo Lào Hắc Xạt các cấp. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đấu tranh thành lập Chính phủ liên hiệp, Trung ương Đảng Nhân dân Lào chủ trương không xây dựng chính quyền ở cấp trung ương, mà chỉ xây dựng chính quyền ở cấp tỉnh trở xuống. Ủy ban Trung ương Neo Lào Hắc Xạt vừa lãnh đạo công tác mặt trận, vừa quản lý điều hành các hoạt động của đất nước. Chính quyền trong vùng giải phóng phải là chính quyền đại diện cho nhân dân. Tháng 7 năm 1970, Trung ương Neo Lào Hắc Xạt ra Chỉ thị về công tác bầu cử chính quyền cơ sở trong vùng giải phóng, xác định: “Chính quyền trong khu giải phóng phải do dân trong tàxêng, bầu ra bằng phiếu bầu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và phiếu kín. Mọi công dân Lào từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử”. Đây là bước tiến quan trọng của Lào trong công cuộc xây dựng vùng giải phóng, thể hiện tính hơn hẵn của vùng giải phóng Lào, góp phần tạo uy tín chính trị của Neo Lào Hắc Xạt đối với nhân dân Lào và nhân dân thế giới.

Bên cạnh việc thiết lập chính quyền cách mạng, về chính trị, Đảng Nhân dân Lào hết sức quan tâm xây dựng ý thức quốc gia, dân tộc thống nhất, tinh thần đoàn kết giữa các bộ tộc; chú trọng giáo dục quan điểm giai cấp đúng đắn để xoá dần sự cách biệt giữa các bộ tộc, thực hiện quyền bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau; quan tâm xoá bỏ mọi hình thức áp bức, bóc lột trong các nhóm dân tộc ít người, đưa nhiều tù trưởng, tộc trưởng có năng lực, uy tín vào cơ quan Neo Lào Hắc Xạt các cấp.

Cùng với việc chăm lo xây dựng đội ngũ đảng viên²²⁷, Đảng Nhân dân Lào hết sức chú trọng củng cố, phát triển khối đoàn kết liên minh công nông, chú trọng xây dựng các tổ chức quần chúng nhằm vận động mọi tầng lớp thanh niên, phụ nữ, sư sãi... tham gia kháng chiến. Thông qua chính quyền cách mạng và các tổ chức quần chúng, nhân dân các bộ tộc Lào ngày càng tham gia tích cực vào việc xây dựng vùng giải phóng. Phong trào du kích được đẩy mạnh, mạng lưới du kích phát triển rộng, lực lượng phụ nữ tham gia du kích ngày càng đông. Nhân dân các bộ tộc Lào đóng góp hàng chục vạn ngày công để phục vụ các chiến dịch. Du kích trở thành lực lượng quan trọng bảo vệ làng bản, bảo vệ vùng giải phóng. Nhiều khu du kích liên hoàn ra đời, như ở Xiêng Khoảng, Sầm Nưa, Phôngxalỳ, áttapur, Xalavăn, Viêng Chăn Tây, Viêng Chăn Đông, Uđômxay²²⁸..., hình thành thế cài răng lược, liên kết chặt chẽ với nhau, tạo thế vững chắc cho căn cứ Trung ương.

Về kinh tế, Đảng Nhân dân Lào chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp ở vùng giải phóng. Chuyên gia Việt Nam cùng cán bộ Lào đi vào từng bản làng phát động nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đồng thời tích cực đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ, các phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất và hướng dẫn nhân dân áp dụng kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp. Trong hai năm 1966 - 1967, vùng giải phóng Lào đã xây dựng được 25 công trình thủy điện, thủy lợi nhỏ ở các tỉnh Hủa Phăn, Xiêng

²²⁷. Lực lượng đảng viên cũng phát triển không ngừng: từ năm 1959 đến 1965, Lào đã phát triển được hàng ngàn đảng viên, cơ sở đảng ở căn cứ được củng cố. Trong số 5.681 bản ở Nam Lào, có 2.082 bản được giải phóng; 3.343 bản có cơ sở, chiếm 58,8%; số bản có đảng viên là 1.925, chiếm 22,79%.

²²⁸. Đến năm 1968, ta đã có 44.313 du kích, trong đó có 8.350 nữ du kích. Du kích đã phối hợp với bộ đội địa phương đánh 1.052 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 5.149 tên địch. Dẫn theo *Biên niên sự kiện Lào*, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-937, tr.228.

Khoảng, Khăm Muộn, Xavảnnakhệt, Xalavăn, áttapư, bảo đảm tưới cho 3.452 ha ruộng, đồng thời còn vận động nhân dân làm thủy lợi nhỏ nhằm đảm bảo nước cho những vùng đồng ruộng nhỏ hẹp.

Do có sự quan tâm thích đáng cho sản xuất nông nghiệp, diện tích trồng trọt và năng suất lúa, cây hoa màu ở vùng giải phóng Lào tăng lên đáng kể, đời sống nhân dân được cải thiện, sự đóng góp của nhân dân cho cách mạng cũng tăng lên. Trong hai năm 1966 - 1967, nhân dân tại chín tỉnh trong vùng giải phóng đã đóng góp 5.472 tấn thóc (đạt 99,8% kế hoạch), bán cho chính quyền 2.883 tấn lương thực (đạt 64,9% kế hoạch). Việc đóng góp thóc cứu nước là một thành công bước đầu của đường lối xây dựng kinh tế trong vùng giải phóng của Đảng Nhân dân Lào, đồng thời cũng thể hiện tính ưu việt của chế độ mới ở vùng giải phóng.

Cùng với nông nghiệp, Việt Nam còn giúp Lào phục hồi phát triển tiểu thủ công nghiệp để đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất, chiến đấu; xây dựng một số cơ sở công nghiệp nhẹ, như xí nghiệp dệt vải, dệt kim, may mặc, sửa chữa ô tô, chế biến gỗ, luyện thép, sản xuất bánh kẹo, dược phẩm...; giúp tổ chức mạng lưới thương nghiệp từ trung ương đến địa phương. Nhiều mặt hàng lâm - thổ sản truyền thống được khuyến khích khai thác để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, trao đổi các mặt hàng công nghiệp cần thiết. Nhiều cửa hàng của nhà nước được xây dựng, mậu dịch biên giới với Việt Nam không ngừng phát triển.

Về giao thông, được sự giúp đỡ của Việt Nam, nhân dân Lào đã xây dựng xong tuyến đường Sầm Nưa đi Bạ Ban, dài 158 km. Tuyến đường này không chỉ phục vụ công tác vận chuyển cho chiến trường Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, mà còn thỏa mãn nhu cầu dân sinh và phát triển kinh tế ở vùng giải phóng.

Trên lĩnh vực văn hoá - giáo dục, Đảng Nhân dân Lào đã ban hành nghị quyết về chuyển hướng giáo dục (tháng 5 năm 1967),

trong đó chỉ ra vị trí, chức năng quan trọng của công tác giáo dục trong sự nghiệp cách mạng, đồng thời xác định: công tác giáo dục - đào tạo phải góp phần bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, cán bộ khoa học, nâng cao nhận thức cho thanh niên, đào tạo họ trở thành các cán bộ, chiến sĩ cách mạng; giáo dục còn là công cụ nâng cao giác ngộ cách mạng cho quần chúng, góp phần đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống của toàn xã hội; văn hoá cách mạng là công cụ đấu tranh chống lại nền giáo dục nô dịch của đế quốc, phong kiến.

Mặc dù điều kiện chiến tranh hết sức ác liệt, nhưng do có sự quan tâm lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào và sự giúp đỡ của Việt Nam mà trực tiếp là đội ngũ chuyên gia giáo dục, sự nghiệp văn hoá - giáo dục ở vùng giải phóng Lào không ngừng phát triển. Số trường phổ thông và bổ túc được tăng lên, từng bước xoá bỏ nạn mù chữ. Tính đến năm 1967, vùng giải phóng đã có 400 trường cấp I, cấp II với 36.000 học sinh và khoảng 1.500 giáo viên, gồm đủ các dân tộc.

Việt Nam còn giúp Lào xây dựng một số trường dạy nghề sơ cấp và trung cấp, đào tạo dạy nghề, trung học và đại học nhằm tạo nguồn cán bộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và quản lý đất nước sau này. Tính đến tháng 8 năm 1966, Việt Nam đã giúp đào tạo tại Việt Nam 2.520 học sinh, sinh viên Lào, trong đó có 1.200 người được đào tạo kiến thức quân sự; 640 học sinh phổ thông (cấp I, II và III); 215 sơ cấp chuyên nghiệp, 372 trung cấp chuyên nghiệp; 82 học sinh ngành nghệ thuật; 11 sinh viên đại học các ngành. Đây là sự giúp đỡ hết sức quý báu của Việt Nam, đồng thời là nỗ lực to lớn của Đảng Nhân dân Lào trong thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ phục vụ cho việc xây dựng, củng cố vùng giải phóng.

Việt Nam cũng giúp Lào trong phát triển văn hoá, văn nghệ cách mạng. Trên cơ sở phát huy tinh hoa văn hoá dân tộc, đội ngũ văn nghệ sĩ cách mạng Lào đã phát huy sáng tạo, phản ánh sinh

động hoạt động sản xuất và chiến đấu của quân dân bằng nhiều hình thức phong phú, góp phần tích cực tuyên truyền giác ngộ, cổ vũ nhân dân. Nhiều tác phẩm văn hoá - văn nghệ xuất sắc ra đời, sống mãi trong tâm trí nhiều thế hệ. Từ năm 1965 đến 1968, Nhà xuất bản Neo Lào Hắc Xạt đã phát hành hàng trăm tác phẩm lý luận, chính trị, thơ ca, truyện ký, phổ biến khoa học kỹ thuật... Báo chí, đài phát thanh hoạt động thường xuyên và có hiệu quả.

Về y tế, Việt Nam giúp Lào tổ chức mạng lưới y tế từ trung ương xuống đến xã, vừa làm nhiệm vụ chữa bệnh vừa hướng dẫn nhân dân phòng bệnh có kết quả. Nhiều bệnh viện, trạm xá được xây dựng; nhiều xã đã có trạm xá, nhiều bản có tủ thuốc chữa bệnh và y tá tại chỗ.

Những thành tựu về xây dựng kinh tế, văn hoá - xã hội và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân trong vùng giải phóng đã góp phần nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho nhân dân các bộ tộc Lào, tạo ra những biến đổi sâu sắc trong quan hệ xã hội: nhân dân đã bước đầu ý thức được mình là người làm chủ đất nước, làm chủ bản làng, đặc biệt là ý thức dân tộc, ý thức quốc gia ngày càng được củng cố vững chắc, chính vấn đề đó đã góp phần tạo nên sức mạnh đoàn kết các bộ tộc Lào. Nhân dân Lào đã ý thức được phải có trách nhiệm với cuộc đấu tranh chung của cả dân tộc. Thắng lợi của việc xây dựng chế độ mới của Đảng Nhân dân Lào đã củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Phát triển mạng lưới đường tây Trường Sơn góp phần đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam Việt Nam

Từ sau khi chuyển toàn bộ hoạt động sang tuyến tây Trường Sơn trên đất Lào (tháng 1 năm 1964), Đoàn 559 đã tổ chức nghiên cứu, phát triển mạng lưới đường cơ giới nhằm tăng cường xe hoạt động trên tuyến, bảo đảm vận chuyển một khối lượng hàng

lớn gấp ba lần năm 1963 và bảo đảm cho bộ đội hành quân vào chiến trường tăng gấp hai lần. Đoàn đã tổ chức được đội vận tải ô tô 264 chạy cung Mường Phìn - Xê Pôn; bắt đầu mở đường vận tải cơ giới từ Mường Noòng đi Bạc. Việc vận chuyển cho miền Nam có điều kiện thuận lợi hơn, các trung đoàn chủ lực có thể hành quân theo đường tây Trường Sơn vào chiến trường Tây Nguyên, rồi tiến sâu vào các chiến trường khác để chiến đấu dài ngày.

Đến giữa tháng 3 năm 1965, Đoàn 559 được tăng cường khá toàn diện cả về lực lượng, phương tiện vận tải cơ giới và phương tiện thi công cầu đường. Được sự giúp đỡ của quân và dân Lào, đường 559 từ tây Trường Sơn đến Tây Nguyên được củng cố và thường xuyên thông suốt. Đa phần việc vận tải hàng qua đường tây Trường Sơn trên đất Lào vào đến Tây Nguyên đã sử dụng phương tiện cơ giới. Đầu năm 1966, Tổng cục Hậu cần tổ chức hai đoàn xe chở 1.000 tấn đạn từ Hà Nội vào tàxăng Hạ Lào (khu vực ngã ba biên giới). Chuyến vận tải này khẳng định rằng việc vận chuyển hàng hoá từ miền Bắc theo đường tây Trường Sơn trên đất Lào đến cửa ngõ Tây Nguyên đã có thể thực hiện hoàn toàn bằng phương tiện cơ giới. Không dừng lại ở đây, bộ đội Đoàn 559 còn mở đường 128 vận chuyển cơ giới từ tàxăng vào nam đường 19 và các đường hành lang chạy xuống phía đông. Đây là những điều kiện quyết định đối với hoạt động tác chiến lớn ở chiến trường Tây Nguyên và chiến trường Khu 5 Việt Nam.

Do có sự chi viện mạnh mẽ của miền Bắc, lực lượng vũ trang ba thứ quân Việt Nam ở chiến trường Khu 5, Nam Bộ và đặc biệt là Tây Nguyên đã có bước phát triển hơn hẳn. Các căn cứ kháng chiến của hai nước Việt Nam, Lào dọc hành lang chiến lược tây Trường Sơn phát triển mạnh. Riêng ở Tây Nguyên, lực lượng chủ lực đã có bốn trung đoàn bộ binh, một tiểu đoàn đặc công, một tiểu đoàn pháo cối, một tiểu đoàn súng máy phòng không 12,7 mm.

Do có lực lượng lớn mạnh và có căn cứ đứng chân trên đất Lào

nên ngay khi quân Mỹ vừa nhảy vào miền Nam, Mặt trận Tây Nguyên đã quyết định mở chiến dịch Plâyme (từ ngày 19 tháng 10 đến 26 tháng 11 năm 1965), ở khu vực từ Bầu Cạn - Plâyme đến Đức Cơ - Ia Đrăng, vùng rừng núi gần ngã ba biên giới, nhằm đánh đòn phủ đầu quân chủ lực Mỹ. Lực lượng tham gia chiến dịch có bốn trung đoàn bộ binh cùng một số tiểu đoàn hỏa lực, đặc công, trong đó có trung đoàn được huấn luyện cơ bản ở miền Bắc, vừa hành quân theo đường tây Trường Sơn vào đến vùng căn cứ ngã ba biên giới. Trong chiến dịch, bộ đội Việt Nam, với cách đánh thông minh, sáng tạo, qua 38 ngày đêm chiến đấu, đã loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 2.900 tên địch (trong đó có 1.700 tên Mỹ), phá huỷ 88 xe quân sự, 5 pháo, bắn rơi 59 máy bay.

Chiến dịch Plâyme là chiến dịch đánh Mỹ đầu tiên của Mặt trận Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ. Chiến dịch thể hiện trình độ, khả năng đánh lớn của bộ đội Tây Nguyên đã có bước phát triển mới, đồng thời cũng thể hiện sự chi viện lớn của miền Bắc đối với Tây Nguyên và miền Nam, cũng như sự giúp đỡ vô giá của nhân dân Lào đối với cuộc chiến đấu ở vùng rừng núi Tây Nguyên (bộ đội Việt Nam sau khi đánh địch đã rút quân an toàn về căn cứ ở vùng rừng núi Hạ Lào, trước sự truy quét điên cuồng của Sư đoàn kỵ binh bay Mỹ).

Cay cú vì với lực lượng quân sự hùng hậu, phương tiện hiện đại nhưng không thể “tìm diệt” được bộ đội chủ lực Việt Nam ở vùng ngã ba biên giới, đế quốc Mỹ đã sử dụng máy bay B52 oanh tạc vùng giải phóng Lào và trắng trợn tuyên bố: quân đội Mỹ từ miền Nam Việt Nam có quyền bất cứ lúc nào cũng có thể bắn phá và xâm phạm lãnh thổ Lào với lý do là để “tự vệ” và “truy kích Việt cộng”.

Trước hành động trên của Mỹ, ngày 17 tháng 1 năm 1966, Trung ương Neo Lào Hắc Xát ra tuyên bố cực lực lên án âm mưu và hành động của Mỹ. Yêu cầu Mỹ phải từ bỏ âm mưu đưa lực

quân Mỹ vào Lào và chấm dứt các hành động ném bom bắn phá vùng giải phóng Lào. Đồng thời, Trung ương Neo Lào Hắc Xát cũng đòi chính quyền Viêng Chăn phải ngừng chiến dịch vu khống Neo Lào Hắc Xát và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà²²⁹.

Sau chiến thắng Plâyme, từ cuối năm 1965, Mặt trận Tây Nguyên Việt Nam thành lập Sư đoàn bộ binh 1. Đến năm 1967, khối chủ lực của Tây Nguyên tổ chức thành một sư đoàn và bốn trung đoàn bộ binh, một trung đoàn pháo binh hỗn hợp. Do có sự chi viện lớn của miền Bắc và căn cứ đứng chân ở Hạ Lào, trong giai đoạn này, Tây Nguyên đã tổ chức nhiều chiến dịch quy mô từ một sư đoàn đến gần hai sư đoàn, như: chiến dịch Sa Thầy 1 (năm 1966), quy mô một sư đoàn tăng cường; chiến dịch Sa Thầy 2 (năm 1967), lực lượng gồm một sư đoàn và hai trung đoàn bộ binh cùng trung đoàn pháo binh; chiến dịch Đắc Tô (năm 1967), quy mô một sư đoàn và hai trung đoàn bộ binh... Các chiến dịch này đều đã giành thắng lợi vang dội, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, đồng thời góp phần nâng cao khả năng tác chiến hiệp đồng binh chủng của bộ đội chủ lực trên chiến trường Tây Nguyên.

Tại Lào, năm 1965, Pathét Lào và quân tình nguyện Việt Nam đã đánh 1.840 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 9.277 tên, trong đó bắt 2.662 tên, thu 2.566 súng các loại, phá 7 xe, 108 máy vô tuyến điện, bắn rơi 218 máy bay các loại. Đặc biệt, từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1965, các chuyên gia, quân tình nguyện Việt Nam cùng bộ đội và nhân dân các tỉnh Xalavăn, Xavănnakhê, Xiêng Khoảng, Hủa Phăn, Phôngxalỳ, Luông Phạbang, Uđômxay

²²⁹. Tuyên bố ngày 17 tháng 1 năm 1966 của Trung ương Neo Lào Hắc Xát. Tài liệu lưu trữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương, phòng số 82, đơn vị bảo quản 1049.

đã tuyên truyền, vận động được hàng trăm phi, giải phóng 16.000 dân khỏi sự kìm kẹp của địch. Những tháng cuối năm 1965, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 Việt Nam đã điều Tiểu đoàn 3 thuộc Sư đoàn 341 sang tỉnh áttapur (Hạ Lào), Tiểu đoàn 4 sang Trung Lào phối hợp với Đoàn chuyên gia quân sự và quân tình nguyện 565 giúp xây dựng, bảo vệ vùng giải phóng, xây dựng lực lượng vũ trang.

Tháng 7 năm 1966, trước tình hình địch tăng cường các hoạt động quân sự uy hiếp căn cứ địa Sầm Nưa, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam cử hai trung đoàn quân tình nguyện sang Sầm Nưa và Xiêng Khoảng làm nhiệm vụ giúp Lào tổ chức lực lượng phòng thủ dài ngày, bảo vệ vững chắc và mở rộng vành đai vùng giải phóng Sầm Nưa. Đoàn 766 gồm hai tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn pháo phòng không 37 mm, đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy của Bộ Chỉ huy tối cao Quân giải phóng nhân dân Lào, có nhiệm vụ cùng lực lượng vũ trang Lào đánh địch lấn chiếm Sầm Nưa, chống không quân địch oanh tạc, truy quét phi, trừ gian, củng cố cơ sở, bảo vệ căn cứ địa cách mạng ở khu vực Viêng Xây, Na Kay. Đoàn 866 gồm hai tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn pháo cao xạ 37 mm và hai đội công tác, có nhiệm vụ bảo vệ hành lang đường 6 và đường 4.

Cũng trong năm 1966, Bộ Tổng Tham mưu còn cử Trung đoàn công binh 217 sang giúp Lào bảo đảm giao thông, mở đường mới và xây dựng các công trình bảo đảm an toàn cho các lãnh tụ và các cơ quan trung ương Lào tại căn cứ Na Kay. Với lực lượng gồm tám tiểu đoàn (hơn 5.000 người), trong điều kiện địch thường xuyên ném bom đánh phá và sử dụng lực lượng phi, biệt kích đến phá hoại, trung đoàn đã xây dựng, sửa chữa, bảo đảm giao thông trên tám tuyến đường với chiều dài 647 km, thuộc hai tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng, Tiểu đoàn 6 của trung đoàn được giao nhiệm vụ xây dựng các công trình phòng thủ vĩnh cửu của trung ương. Trong

suốt sáu năm khoét núi, xây hầm, tiểu đoàn đã xây dựng được 51 công trình lớn nhỏ, cải tạo nhiều hang động, bảo đảm an toàn cho hoạt động của các đồng chí lãnh đạo và cơ quan trung ương.

Về tác chiến, đầu năm 1966, quân tình nguyện Việt Nam cùng bộ đội Lào đã đánh lui cuộc hành quân “In Ta” của địch càn vào khu vực Lao Ngam - Thà Teng và bắc cao nguyên Bôlavên; đánh bại cuộc càn của địch vào khu vực Phu Văng, tỉnh Khăm Muộn. Tại mặt trận Phu Cút, lực lượng vũ trang hai nước đã đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, diệt gần 600 tên, giữ vững điểm cao Phu Cút, cánh cửa phía tây của Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Từ ngày 4 tháng 2 đến 24 tháng 4 năm 1966, quân giải phóng nhân dân Lào phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn của ba binh đoàn quân Phumi Nòxavăn cầu kết với quân Koongle, giữ vững được khu chiến lược Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng.

3. Cùng quân dân Lào phát triển lực lượng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh về mọi mặt

Nhằm thắt chặt quan hệ giữa hai Đảng hơn nữa, tháng 8 năm 1967, Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân Lào do đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Cayxôn Phômvihản dẫn đầu, đã tiến hành hội đàm tại Hà Nội. Trong cuộc hội đàm, Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Lào khẳng định: từ sau cuộc hội đàm giữa hai Đảng (năm 1965), mặc dù Việt Nam có nhiều khó khăn do Mỹ tăng cường chiến tranh ở miền Nam, đánh phá ác liệt ở miền Bắc, nhưng Đảng và nhân dân Việt Nam đã cố gắng rất lớn để giúp Đảng và nhân dân Lào xây dựng, củng cố vùng giải phóng, chống các cuộc tấn công lấn chiếm của địch... Về phương pháp giúp trong hai năm cũng có nhiều tiến bộ.

Để thực hiện nhiệm vụ trong ba năm tới, hai Đảng thống nhất

cần tiếp tục giúp đỡ Lào đẩy mạnh tiến công cả về quân sự, chính trị và xây dựng kinh tế, văn hoá. Trong quân sự, chú trọng giúp Lào xây dựng bộ đội đặc công, bộ đội địa phương, dân quân du kích, xây dựng tổ tình báo chiến lược. Trong kinh tế, giúp xây dựng thêm một số công trình thuỷ lợi, chăn nuôi, phát triển cây công nghiệp, một số cơ sở công nghiệp địa phương như dệt, rèn, cơ khí... Việt Nam sẽ nỗ lực tối đa để đáp ứng các yêu cầu của cách mạng Lào.

Sau cuộc hội đàm, ngày 10 tháng 10 năm 1967, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam ra nghị quyết tăng cường giúp đỡ cách mạng Lào. Sau khi phân tích vị trí chiến lược của Lào, mối quan hệ láng giềng gắn bó về nhiều mặt giữa hai dân tộc trong lịch sử, trong cuộc chiến đấu chống đế quốc xâm lược, Bộ Chính trị xác định: *nhiệm vụ giúp cách mạng Lào là nhiệm vụ quốc tế quan trọng nhất của Đảng*; cán bộ, chiến sĩ Việt Nam sang trực tiếp giúp cách mạng Lào đã được Đảng và nhân dân Lào đánh giá cao, đã góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa hai dân tộc; tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, cũng có một số nhược điểm như sự giúp đỡ chưa đầy đủ về các mặt, quân số lớn nhưng chất lượng không đều, giúp xây dựng kinh tế, văn hoá còn chậm.

Trước sự phát triển của tình hình, *Bộ Chính trị chủ trương kiên quyết huy động thêm lực lượng để đẩy mạnh công tác giúp cách mạng Lào nhằm giúp Đảng Nhân dân Lào phát triển lực lượng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh về mọi mặt một cách mạnh mẽ và đều khắp*. Bộ Chính trị đã xác định một số việc trước mắt cần giải quyết là: phát huy đến mức cao nhất khả năng của đội ngũ chuyên gia; *tích cực giúp Lào phát triển kinh tế, văn hoá, coi đó là khâu đòn bẩy quan trọng nhất trong việc xây dựng vùng giải phóng, củng cố, tăng cường lực lượng cách mạng Lào về mọi mặt*; cải tiến hơn nữa các tổ chức giúp Lào nhằm giúp Trung ương và Quân uỷ Trung ương chỉ đạo công tác, phát huy được hiệu lực của các lực lượng

sang giúp Lào.

Tại Lào, trong năm 1967, Đoàn chuyên gia quân sự 959 đã giúp Tổng Quân uỷ và Bộ Chỉ huy tối cao Lào triệu tập Hội nghị cán bộ quân chính trong toàn quân tại Na Kay - Sầm Nưa (từ ngày 20 đến 30 tháng 7 năm 1967). Đồng chí Cayxôn Phômvihân và đồng chí Khăm Tày Xiphăndon chủ trì hội nghị. Trong hội nghị, Tổng Quân uỷ và Bộ Chỉ huy tối cao Lào chủ trương phải hết sức coi trọng xây dựng chất lượng chính trị, nâng cao bản chất của quân đội cách mạng, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật, phấn đấu trở thành “Đơn vị ba giỏi”, “Chiến sĩ ba giỏi”²³⁰. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng đối với quân đội. Trước yêu cầu phát triển lực lượng vũ trang cách mạng trong giai đoạn mới, hội nghị thống nhất đổi tên bộ đội Pathét Lào thành *Quân đội giải phóng nhân dân Lào*. Đồng chí Khăm Tày Xiphăndon được cử làm tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang.

Sau hội nghị, Đoàn chuyên gia quân sự 959 tiếp tục cử một số chuyên gia cùng cán bộ Lào xuống các đơn vị giúp Lào nghiên cứu chiến trường, chuẩn bị các phương án tác chiến và bố trí lực lượng sẵn sàng chiến đấu. Các đoàn chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam, theo địa bàn và nhiệm vụ được giao, tiếp tục giúp Lào tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang, đánh địch bảo vệ vùng giải phóng, củng cố chính quyền cách mạng.

Về phía địch, bị thất bại liên tiếp trong mùa khô 1965 - 1966, đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ âm mưu xâm lược Lào. Chúng tăng cường viện trợ quân sự và hối thúc bọn tay sai tiếp tục mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng. Từ tháng 8 năm 1967, dưới sự hối thúc của Mỹ, quân nguy Lào đã mở cuộc tiến công lấn chiếm

²³⁰. Tiêu chuẩn “Đơn vị ba giỏi” và “Chiến sĩ ba giỏi”: chiến đấu giỏi, xây dựng cơ sở giỏi và tăng gia sản xuất giỏi.

Nậm Bạc, một vùng đất đông dân, có vị trí chiến lược, nằm dọc sông Nậm U, thuộc tỉnh Luông Phạbang, nhằm biến nơi đây thành căn cứ lâu dài, bảo vệ Luông Phạbang, mở rộng và phát triển vùng hoạt động của bọn phi, thu hẹp, chia cắt vùng giải phóng Thượng Lào và uy hiếp vùng Tây Bắc Việt Nam. Địch đã thể nghiệm phương thức tác chiến mới: tập trung các binh đoàn quân nguy Viêng Chăn làm lực lượng tiến công và chiếm đóng, kết hợp với “lực lượng đặc biệt” của Vàng Pao đóng chốt trên các điểm cao, cắm sâu vào vùng giải phóng. Công thức này đã được thể hiện trong các cuộc hành quân Thêvađa I, II ở Hạ Lào nhưng với quy mô nhỏ, nên Mỹ coi Nậm Bạc là chiến trường thể nghiệm quan trọng. Sau khi chiếm được Nậm Bạc, quân địch tổ chức nòng ra xung quanh để mở rộng phạm vi kiểm soát. Chúng tập trung ở đây 10 tiểu đoàn bộ binh của các binh đoàn 11, 12, 15, 23 và Tiểu đoàn dù 99. Trước khi ta tiến công, địch còn tăng thêm hai binh đoàn và một số đơn vị pháo binh.

Nhận thấy đây là cơ hội diệt quân chủ lực địch, tạo điều kiện giúp Lào mở rộng vùng giải phóng, xây dựng và phát triển lực lượng, đồng thời để nghi binh tạo điều kiện cho chiến trường miền Nam Việt Nam chuẩn bị Tổng tiến công Mậu Thân 1968 và đẩy địch ra xa vùng biên giới Tây Bắc Việt Nam, Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ Chỉ huy quân giải phóng Lào quyết định mở chiến dịch tiến công giải phóng Nậm Bạc. Bộ Chỉ huy chiến dịch gồm: đồng chí Vũ Lập, Tư lệnh Quân khu Tây Bắc làm tư lệnh; đồng chí Huỳnh Đắc Hương, Phó Chính uỷ Quân khu làm chính uỷ. Phía Lào có đồng chí Xixômphon Lòvănxy, uỷ viên Trung ương Đảng Nhân dân Lào, thay mặt Quân uỷ tham gia Bộ Tư lệnh chiến dịch.

Ngày 12 tháng 1 năm 1968, bộ đội Việt - Lào²³¹ bắt đầu tiến công vào tập đoàn cứ điểm Nậm Bạc. Sau 10 ngày chiến đấu, chiến dịch Nậm Bạc toàn thắng, loại khỏi vòng chiến đấu 3.200 tên, trong đó bắt sống 2.000 tên (có 84 sĩ quan, 335 hạ sĩ quan); đánh thiệt hại nhiều binh đoàn; bắn rơi, phá huỷ 14 máy bay, thu nhiều vũ khí; giải phóng hoàn toàn khu vực Nậm Bạc - Khăm Deng với trên một vạn dân, nối liền vùng giải phóng Thượng Lào thành khu vực liên hoàn, tạo thế vững chắc cho hậu phương cách mạng Lào. Cũng trong thời gian này, bộ đội Lào - Việt Nam còn tiến công giải quyết xong ổ phi lâu đời ở Phả Thí, loại khỏi vòng chiến đấu 812 tên (cả đợt), diệt đài radar dẫn đường cho máy bay Mỹ ném bom vùng giải phóng Lào và miền Bắc Việt Nam (đài TACAN).

Chiến thắng Nậm Bạc đã phá tan căn cứ chiến lược và kế hoạch tiến công vùng giải phóng của quân nguy Lào, đánh dấu sự lớn mạnh về trình độ tác chiến của quân đội giải phóng nhân dân Lào, góp phần làm thay đổi một bước quan trọng tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng Lào, đồng thời còn có ý nghĩa nghi binh, phối hợp với chiến trường miền Nam Việt Nam trong Tổng tiến công Mậu Thân 1968.

Sau Tổng tiến công Mậu Thân 1968 ở Việt Nam, trước những yêu cầu mới trên chiến trường ba nước Đông Dương, để đáp ứng nhiệm vụ tác chiến trên địa bàn Trung - Hạ Lào, cũng như nhiệm vụ bảo vệ vững chắc tuyến vận tải chiến lược tây Trường Sơn, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng hai nước Việt Nam - Lào thống nhất chủ trương kiện toàn các lực lượng chuyên gia quân sự và quân tình nguyện Việt Nam ở Nam Lào, phát triển lên một bước mới để đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ chiến lược đang đặt ra.

²³¹. Phía Lào có Tiểu đoàn 409 và đại đội địa phương Luông Phạbang; phía Việt Nam có Sư đoàn 316, Trung đoàn 5, Trung đoàn 335.

Theo chủ trương đó, ngày 28 tháng 6 năm 1968, Bộ Tổng Tham mưu ra Quyết định số 98/TM-QĐ tách Đoàn chuyên gia quân sự và quân tình nguyện Việt Nam 565 tại Nam Lào thành hai lực lượng: lực lượng chuyên gia quân sự mang phiên hiệu Đoàn 565 trực thuộc Đoàn chuyên gia quân sự 959 (Lào) và lực lượng quân tình nguyện Nam Lào mang phiên hiệu Đoàn 968 trực thuộc Quân khu 4 (Việt Nam). Biên chế các cơ quan Đoàn 565 cơ bản vẫn giữ nguyên các phòng ban. Bộ Chỉ huy Đoàn 968 ban đầu có các đồng chí: Thượng tá Hà Tuấn Khanh (phụ trách Tư lệnh), Thượng tá Phạm Sinh (Chính uỷ). Các đơn vị tình nguyện thuộc Bộ Tư lệnh Đoàn 968 gồm năm tiểu đoàn bộ binh (1, 2, 3, 4, 5), Đại đội S4 đặc công, Đại đội 5 cao xạ, Đại đội 6 pháo hỗn hợp... và Đội điều trị 49 quân y.

Về phía Lào, ngày 3 tháng 8 năm 1968, Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp Hội nghị lần thứ 16 đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh kháng chiến trong thời gian tới, trong đó nhấn mạnh: quân và dân Lào phải tiếp tục tấn công địch, ra sức xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở vùng địch hậu, mở rộng đấu tranh cả ba mặt quân sự, chính trị, ngoại giao để củng cố thắng lợi đã giành được, nỗ lực vươn lên giành thắng lợi có tính chất quyết định...

Trên chiến trường, phối hợp với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân, Xuân Hè 1968 ở miền Nam Việt Nam, quân và dân Lào cũng giành được thắng lợi to lớn, toàn diện, làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo ra một tình thế mới có lợi cho cách mạng Lào. Trên địa bàn Nam Lào, vùng giải phóng dọc tuyến hành lang chiến lược được giữ vững và mở rộng, nối thông với các vùng giải phóng của Việt Nam ở Quảng Trị, Thừa Thiên, tạo điều kiện cho công tác vận chuyển phát triển sâu vào các chiến trường. Tại Xiêng Khoảng, địch bị mất Thà Thôm, Thà Viêng. Trên bốn tỉnh

Bắc Lào, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với quân dân Lào tiêu diệt, bảo vệ vùng giải phóng, đồng thời tiến hành đánh giao thông trên sông Mê Công.

Năm 1968 kết thúc bằng cuộc hội đàm giữa hai Đảng tại Hà Nội vào tháng 12. Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Lào gồm các đồng chí Cayxôn Phômvihản, Nủhắc Phumxavăn, Xuphanuvông, Khăm Tày Xiphăndon và Phumi Vôngvichít; Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam gồm các đồng chí Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh và Lê Văn Lương. Trong cuộc hội đàm, đồng chí Cayxôn Phômvihản đã khẳng định sự lớn mạnh của cách mạng Lào, đồng thời cảm ơn sự giúp đỡ chân thành của Việt Nam. Đồng chí nêu rõ: đây là lần thứ ba hai Đảng tiến hành hội đàm. Cứ mỗi lần hội đàm, càng làm sáng tỏ mối quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, về mối quan hệ của hai dân tộc và vận mệnh hai nước. Sự giúp đỡ của Việt Nam cho cách mạng Lào hết sức tận tình và vô tư. Các đồng chí đã giúp chúng tôi cả vật chất và xương máu. Xương máu của nhân dân Việt Nam đã nhuộm đỏ khắp nơi trên đất nước Lào và nền độc lập của Lào... Sự giúp đỡ của Việt Nam đối với Lào đã xây dựng nên mối quan hệ đặc biệt, thực tế đó cũng là sự vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Giai đoạn 1963 - 1968 đối với cách mạng Lào là giai đoạn đầy thử thách, hy sinh, gian khổ. Đế quốc Mỹ và tay sai ký Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào không phải để chấm dứt chiến tranh ở Lào mà là để thực hiện âm mưu tách Việt Nam ra khỏi Lào, chia rẽ các lực lượng kháng chiến Lào. Khi không thực hiện được âm mưu trên, chúng đã ngang nhiên phá hoại Hiệp định, tiến hành lần chiếm vùng giải phóng Lào, làm chiến tranh lan rộng ra khắp đất nước Lào.

Được sự giúp đỡ về mọi mặt của Việt Nam, quân và dân Lào đã đẩy nhanh quá trình xây dựng lực lượng, kiên quyết đánh địch, bảo

vệ và mở rộng vùng giải phóng. Được chăm lo xây dựng, lực lượng vũ trang Lào đã không ngừng lớn mạnh, trở thành lực lượng nòng cốt đập tan các cuộc tiến công lấn chiếm của địch, tiến hành các chiến dịch thu phục phi, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng, làm cho hậu phương cách mạng ngày càng lớn mạnh. Tính đến cuối năm 1967 và đầu năm 1968, vùng giải phóng của Lào trải rộng trên 68 huyện, chiếm 58%, với 667 xã vùng cùng 909.290 dân²³². Vùng tranh chấp giữa ta và địch là 71 xã vùng, trong đó chúng ta đã xây dựng căn cứ du kích ở 35 xã vùng, còn lại 36 xã vùng đều có du kích của ta hoạt động.

Đặc biệt, dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 13 của Đảng Nhân dân Lào, quân dân Lào được sự giúp đỡ của Việt Nam đã ra sức xây dựng vùng giải phóng về mọi mặt với quy mô một quốc gia. Những thành tựu về xây dựng kinh tế, văn hoá - xã hội và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân trong vùng giải phóng đã góp phần nâng cao đời sống vật chất - tinh thần cho nhân dân các bộ tộc Lào, tạo ra những biến đổi sâu sắc trong quan hệ xã hội, tạo nên sức mạnh đoàn kết các bộ tộc Lào. Vùng giải phóng Lào ngày càng được mở rộng, trở thành chỗ dựa vững chắc cho cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và hỗ trợ thiết thực cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và Campuchia.

Cách mạng Lào phát triển, vùng giải phóng Lào vững mạnh chính là những điều kiện tiên quyết để quân dân Lào tạo điều kiện và cùng góp công sức xây dựng tuyến đường chiến lược tây Trường Sơn và các căn cứ đứng chân của bộ đội chủ lực ở khu vực biên giới, góp phần quan trọng tạo điều kiện cho Việt Nam đánh thắng *Chiến tranh cục bộ* ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ ở miền Bắc, đồng thời cũng góp phần

²³². Toàn bộ nước Lào thời gian này có 18 tỉnh, 117 huyện, 1.077 xã với dân số khoảng 2.804.290 người.

trực tiếp cho việc xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng Lào và Campuchia.

II. LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH CỦA MỸ Ở MIỀN NAM VIỆT NAM VÀ CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT TĂNG CƯỜNG Ở LÀO (1969 - 1973)

1. Bước đầu đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt tăng cường của Mỹ ở Lào

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam Việt Nam trong năm 1968 đã giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược, làm phá sản chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ, đồng thời tác động mạnh mẽ đến tình hình và chính sách của nước Mỹ, làm dấy lên phong trào chống chiến tranh ở Mỹ cũng như trên thế giới. Đế quốc Mỹ buộc phải từ bỏ chiến lược Chiến tranh cục bộ, tuyên bố ngừng bắn phá miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra, chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Pari và rút dần quân Mỹ, thực hiện “phi Mỹ hoá” cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 tạo bước ngoặt lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, làm thay đổi thế trận có lợi cho cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào.

Trước tình hình thế giới và chiến tranh ở Việt Nam có những biến động không có lợi cho Mỹ, khi Níchxơn (R.Nixon) chính thức nhậm chức Tổng thống Mỹ (ngày 20 tháng 1 năm 1969), giới cầm quyền Mỹ đã đưa ra chiến lược toàn cầu mới mang tên “Học thuyết Níchxơn” dựa trên ba nguyên tắc: “Sức mạnh của Mỹ, chia sẻ trách nhiệm và thương lượng trên thế mạnh” nhằm tiếp tục thực hiện chính sách bá chủ toàn cầu. ở Đông Dương, cái gọi là “chia sẻ

trách nhiệm” của Níchxơn thực chất là nhằm huy động sự tham gia tập thể của các lực lượng tay sai ở Đông Dương và Đông Nam á vào việc thực hiện chính sách “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”, “dùng người châu á đánh người châu á”. Chính quyền Níchxơn đã dựng lên một liên minh quân sự khu vực Băng Cốc - Viêng Chăn - Phnôm Pênh - Sài Gòn, trong đó Thái Lan nổi lên như một tên lính xung kích của Mỹ.

Đối với Việt Nam, Mỹ điều chỉnh chủ trương “phi Mỹ hoá” thành chiến lược *Việt Nam hoá chiến tranh* nhằm tiếp tục âm mưu bám giữ miền Nam, từng bước giảm bớt sự dính líu trực tiếp nhưng vẫn phải giành thế mạnh trên chiến trường để ép đối phương ở bàn hội nghị theo những điều kiện của Mỹ. Mỹ đã đẩy mạnh viện trợ vũ khí, trang bị để hiện đại hoá, tăng cường sức chiến đấu cho nguy quân. Mỹ cũng rất chú trọng kế hoạch bình định, coi đây là “mục tiêu của Việt Nam hoá chiến tranh”, “xác định sự tồn vong của chế độ Việt Nam cộng hoà”. Chúng chủ trương: *bước một*, từ đầu năm 1969 đến giữa năm 1970, tranh thủ thời gian đồng loạt phản kích, truy quét, bình định để lực lượng kháng chiến không kịp trở tay đối phó; *bước hai*, từ giữa năm 1970 đến hết tháng 6 năm 1971, bình định được tất cả các vùng đông dân quan trọng, làm cho lực lượng chủ lực và địa phương của Việt Nam suy yếu, quân Mỹ rút được một phần lực lượng chiến đấu; *bước ba*, đến ngày 30 tháng 6 năm 1972, cơ bản bình định được miền Nam Việt Nam. Các căn cứ của Việt Nam ở Lào, Campuchia hoàn toàn bị xoá bỏ. Quân nguy đủ sức ngăn chặn được “xâm lăng từ bên ngoài vào” và bảo đảm an ninh bên trong. Mỹ sẽ rút hết lực lượng chiến đấu ra khỏi miền Nam.

ở Lào, thông qua việc nắm Phuma và chính phủ tay sai dưới cái mác “liên hiệp trung lập”, đế quốc Mỹ chủ trương đẩy cuộc chiến tranh lên mức độ cao hơn bằng chiến lược *Chiến tranh đặc biệt*

tăng cường. Thực chất của chiến lược này là “dùng người Lào đánh người Lào” bằng vũ khí của Mỹ và có sự tham gia của một bộ phận không quân Mỹ cùng đội quân tay sai chư hầu. Chúng đã tăng cường viện trợ quân sự cho các lực lượng tay sai thân Mỹ, tích cực phát triển quân nguy Lào, nhất là lực lượng đặc biệt của Vàng Pao. Tăng cường không quân đánh phá tuyến vận tải chiến lược và trực tiếp chi viện cho quân nguy Lào trong các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng. Công khai đưa quân Thái Lan và quân nguy Sài Gòn vào chiến đấu ở chiến trường Lào²³³.

Sau khi dùng ném bom miền Bắc Việt Nam, Mỹ đã tăng cường không quân ném bom, đánh phá có tính huỷ diệt vùng giải phóng Lào, trực tiếp chi viện cho quân nguy và quân Vàng Pao chiến đấu. Chúng không phân biệt mục tiêu chính trị, văn hoá, xã hội. Hàng trăm chùa chiền, bệnh viện, trường học, nhà ở cùng hàng ngàn người dân vô tội đã bị bom đạn Mỹ đốt phá, giết hại. Từ năm 1964 đến 1971, máy bay Mỹ ném trung bình 3.000 tấn bom/ngày xuống các làng bản; theo ước tính sơ bộ, mỗi năm Mỹ cũng phải chi khoảng 2 tỷ USD cho hoạt động này, chưa kể đến việc phải chi cho 50.000 nhân viên tham gia vào cuộc chiến tranh này²³⁴. Cuộc chiến tranh bằng không quân của Mỹ đã làm cho hàng ngàn người dân phải rời bỏ nơi chôn nhau, cắt rốn của mình để sống trong các hang

²³³. Mỹ đã tăng số tiền viện trợ cho quân sự Lào lên gấp hai lần so với trước (dưới thời Giôn-xơn mỗi năm khoảng 60 - 70 triệu USD, thời Ních-xơn mỗi năm là 146 - 255 triệu USD, tài khoá 1970 - 1971 Mỹ đã chi 350 triệu USD), phát triển quân nguy Lào từ 130 lên 150 tiểu đoàn, “lực lượng đặc biệt” Vàng Pao tăng từ 64 lên 86 tiểu đoàn. Số cố vấn Mỹ tăng tới 12.000 tên. Từ năm 1969, lính Thái Lan chính thức tham chiến ở Lào và đến năm 1972 đã lên tới 40.000 tên. Dẫn theo *Lược sử Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.209.

²³⁴. Fred Branfman: *Cuộc chiến tranh của Tổng thống Mỹ ở Lào*, bản dịch tiếng Việt, số 1283, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, tr.12.

hốc hoặc di tản về đồng bằng dọc sông Mê Công. Trong các vụ ném bom nói trên, điển hình là vụ không quân Mỹ bắn tên lửa vào hang Thăm Piu (Xiêng Khoảng), làm chết hơn 370 người dân vô tội đang lánh nạn trong hang, mà phần lớn là người già và trẻ em.

Ý đồ của chính quyền Níchxon đối với Lào là: đánh chiếm, thu hẹp vùng giải phóng, chiếm lại một số địa bàn chiến lược trọng yếu để thoát khỏi thế bị động cố thủ, phá hoại hậu phương cách mạng, đồng thời chia cắt chiến trường Đông Dương nhằm ngăn chặn sự chi viện, giúp đỡ lẫn nhau của cách mạng ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia. Chúng tăng cường bình định vùng kiểm soát, nổi vùng chúng kiểm soát với Thái Lan tạo thành tuyến phòng thủ sông Mê Công, đồng thời làm bàn đạp tiêu diệt cách mạng Lào và cách mạng ba nước Đông Dương. Đầu năm 1969, ngoài việc tăng cường đánh phá bằng không quân vào vùng giải phóng Lào, địch liên tiếp mở các cuộc hành quân mang tên Xámắckhi 1, 2, 3 với lực lượng 22 tiểu đoàn bộ binh, chủ yếu là quân Vàng Pao, có sự tham gia của hai tiểu đoàn pháo binh Thái Lan và được máy bay Mỹ chi viện đánh ra khu vực Phả Thí, Na Khẳng - Thăm La (Hủa Phăn) và Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Chiến trường Lào từ trước đến nay luôn có một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng đối với chiến trường ba nước Đông Dương. Trong bối cảnh đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn bán đảo Đông Dương, vị trí của Lào càng trở nên đặc biệt quan trọng, nhất là đối với Việt Nam.

Trước tình hình Mỹ thực hiện Chiến tranh đặc biệt tăng cường ở Lào, Trung ương Đảng Nhân dân Lào đã xác định: tiếp tục thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Trung ương 15 và 16, quyết tâm đánh bại các bước leo thang của Mỹ và bẻ gãy tay sai trong bất kỳ tình huống nào; phát động toàn Đảng, toàn quân và toàn dân quyết tâm vượt qua mọi gian lao, thử thách, kiên cường đánh giặc, xây dựng

và bảo vệ vùng giải phóng, đẩy mạnh hoạt động ở vùng sau lưng địch. Trung ương Đảng Nhân dân Lào đã đề ra nhiều chính sách cụ thể về xây dựng hậu phương, chính sách đối với cán bộ hoạt động trong vùng địch chiếm đóng nhằm huy động sức người, sức của cho cuộc chiến đấu chống xâm lược; công bố 10 điểm lập lại hoà bình ở Lào (ngày 8 tháng 3 năm 1969), đồng thời đẩy mạnh hoạt động quân sự trên khắp chiến trường.

Xác định đúng tầm quan trọng của chiến trường Lào, trên cơ sở Nghị quyết 16 của Trung ương Đảng Nhân dân Lào, cuối năm 1968 đầu năm 1969, Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã có một số cuộc gặp gỡ trao đổi với Quân uỷ Trung ương và Bộ Chỉ huy tối cao Lào. Sau khi thống nhất các nội dung giúp Lào trên lĩnh vực quân sự, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã chỉ thị cho các đoàn chuyên gia quân sự và quân tình nguyện thực hiện tốt các chủ trương giúp Lào, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu là: đẩy mạnh đấu tranh ở cả hai vùng (nông thôn và thành thị), trên cả ba mặt quân sự, chính trị, ngoại giao; củng cố vững chắc các địa bàn đứng chân, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng; tập trung đánh mạnh vào hai lực lượng chiến lược của địch (lực lượng đặc biệt Vàng Pao và quân chủ lực Viêng Chăn), giải phóng thêm một số vùng trọng điểm, tạo điều kiện mở rộng vùng giải phóng, tạo thành thế liên hoàn...

Trong thời gian này, Đoàn 959 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đoàn chuyên gia quân sự giúp Trung ương Đảng, cơ quan Quân uỷ Trung ương và Bộ Chỉ huy tối cao Quân giải phóng nhân dân Lào; Đoàn 463 giúp cơ quan và các đơn vị thuộc Quân khu Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng; Đoàn 565 giúp Nam Lào; các đoàn quân tình nguyện 766 chiến đấu ở căn cứ địa Sầm Nưa, 866 ở Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, 335 ở Bắc Lào, 968 ở Nam Lào. Ngoài ra, còn có các đơn vị chủ lực như Sư đoàn 316, Sư đoàn 312, Sư

đoàn 338 và một số đơn vị binh chủng sang từng thời gian theo yêu cầu của Lào.

ở Bắc Lào, Đoàn 335 (gồm hai tiểu đoàn) tích cực giúp triển khai các kế hoạch chiến đấu chống địch lấn chiếm, tiêu phi và củng cố các đơn vị vũ trang. Đoàn đã giúp Bắc Lào xây dựng thêm một số đơn vị chủ lực, khẩn trương huấn luyện nâng cao sức mạnh chiến đấu của ba thứ quân; giúp đưa lực lượng lớn vào vùng địch hậu, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch. Những tháng đầu năm 1969, Đoàn 335 sử dụng lực lượng nhỏ, cùng các tiểu đoàn, đại đội địa phương Lào tổ chức các đội công tác, các đội vũ trang tuyên truyền phát động nhân dân thu phục phi, truy quét lực lượng phản động ngầm hoạt động ở khu vực giáp ranh ba tỉnh Bắc Lào; triệt phá hang ổ quan trọng của bọn phi ở Nặm Miêng, Pa Mao, Khăm Ngừm; cử cán bộ, chiến sĩ giúp tuyển quân, huấn luyện lực lượng vũ trang, xây dựng chính quyền cơ sở; tổ chức một số trận đánh vào các kho tàng, sân bay Luông Phạbang, phá huỷ hai kho đạn, một kho xăng và bốn máy bay T28 của địch.

Tại tỉnh Hủa Phăn, khi địch đánh ra Phả Thí, bộ đội tình nguyện Việt Nam²³⁵ đã cùng quân giải phóng Lào mở chiến dịch phản công Phả Thí (bắt đầu từ giữa tháng 3 năm 1969), đánh bật địch khỏi khu vực này, sau đó tiếp tục tiến công phi ở Mương Hiêm - Na Khăng, loại khỏi vòng chiến đấu 507 tên, thu 165 súng các loại, bắn rơi hai máy bay, giải phóng toàn bộ khu vực Mương Hiêm, Na Khăng, Hỉn Đa với trên 5.000 dân.

Khi địch mở các cuộc hành quân Xámắckhi đánh chiếm khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, Bộ Chỉ huy tối cao Lào quyết định

²³⁵. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: Đại đoàn 316, các trung đoàn bộ binh 766 và 866 của Việt Nam; các tiểu đoàn 613, 705 và 585, bộ đội địa phương, dân quân du kích tỉnh Sầm Nưa.

phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam mở tiếp chiến dịch tiến công Mường Xú²³⁶ nhằm thu hồi lại khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, Tổng Chỉ huy Quân giải phóng nhân dân Lào, trực tiếp tham gia chỉ huy chiến dịch. Qua 20 ngày chiến đấu (từ ngày 14 tháng 6 đến 4 tháng 7 năm 1969), ta tiêu diệt được một lực lượng quan trọng địch lần chiếm, loại khỏi vòng chiến đấu 1.312 tên địch, đánh tan rã sáu tiểu đoàn bộ binh, diệt một tiểu đoàn pháo binh Thái Lan, bắn rơi tám máy bay, thu nhiều súng, pháo; thu hồi vùng nam Cánh đồng Chum và thị xã Xiêng Khoảng, giải phóng thêm Mường Xú, vùng giải phóng Lào mở rộng đến Xála Phu Khun.

Ngay sau chiến dịch Mường Xú, đầu tháng 7 năm 1969, Đoàn chuyên gia quân sự 959 giúp Tổng Quân uỷ và Bộ Chỉ huy tối cao Lào tổ chức Hội nghị quân sự toàn quân để bàn về cách đánh của lực lượng vũ trang. Hội nghị đã tổng kết kinh nghiệm và rút ra những kết luận về nguyên tắc xây dựng, phương thức tác chiến của quân đội, về phương hướng, nhiệm vụ của quân đội Lào trong thời gian tới. Sau Hội nghị, chuyên gia còn giúp tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ và bộ đội theo nội dung mà Hội nghị đã đề ra, đồng thời giúp tuyển chọn cán bộ đi học để nâng cao khả năng chiến đấu của bộ đội.

Ngày 18 tháng 7 năm 1969, tại Hà Nội, Đoàn cán bộ đại diện Quân uỷ Trung ương Việt Nam, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp dẫn đầu, hội đàm với Đoàn cán bộ Quân uỷ Trung ương Lào, do đồng chí Khăm Tày Xiphăndon dẫn đầu. Hai đoàn đã thông báo về nhận định tình hình cuộc kháng chiến chống Mỹ trên các chiến

²³⁶. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: Tiểu đoàn 1, 2, 13, tiểu đoàn pháo binh, đại đội xe tăng, đại đội cao xạ Pathét Lào. Tiểu đoàn 4, 5, 6 bộ đội trung lập Lào cùng Sư đoàn 316 quân tình nguyện Việt Nam. Dẫn theo *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào (1945 - 1975)*, bản dịch tiếng Việt, tr.198.

trường, đề ra chủ trương chiến lược và biện pháp hoạt động cụ thể trong mùa khô 1969 - 1970 và những năm tiếp theo. Hai đoàn đã thống nhất đánh giá: địch thua phải xuống thang, rút dần quân Mỹ, nhưng chúng còn ngoan cố kéo dài chiến tranh. Vì vậy, phải chuẩn bị tư tưởng kiên trì đánh lâu dài, trên cơ sở đánh lâu dài mà tranh thủ xây dựng, củng cố lực lượng ta, phải nâng cao chất lượng ba thứ quân, coi trọng đấu tranh chính trị ở cả nông thôn và đô thị, chú trọng xây dựng vùng giải phóng, vùng căn cứ nông thôn và đô thị, chú trọng sản xuất, bồi dưỡng sức dân.

Trên cơ sở đánh giá, dự kiến những âm mưu lâu dài của Mỹ trên chiến trường ba nước Đông Dương, trong đó có chiến trường Lào, hai đoàn đã xác định bốn vấn đề tác chiến lớn: quét phi ở vùng giải phóng; đánh địch lấn chiếm; đẩy mạnh chiến tranh du kích trong vùng địch hậu; tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng. Trong đó, ở Nam Lào, nhiệm vụ tăng cường lực lượng bảo vệ tuyến hành lang vận chuyển, bảo đảm việc chi viện cho chiến trường thông suốt trong mọi tình huống được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của chuyên gia, quân tình nguyện Việt Nam và các đơn vị quân giải phóng nhân dân Lào.

Cuối tháng 7 năm 1969, lợi dụng thời tiết đang giữa mùa mưa và các đơn vị bộ đội Việt Nam - Lào đang tập trung về Mường Khăm để củng cố, Mỹ - nguy sử dụng 18 tiểu đoàn và 52 đại đội thuộc lực lượng đặc biệt Vàng Pao cùng 5.000 quân Thái Lan, dưới sự chỉ huy của hàng trăm cố vấn Mỹ, mở cuộc hành quân Cù Kiệt đánh ra Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Trong cuộc hành quân này, Mỹ đã huy động từ 100 đến 150 lượt máy bay mỗi ngày, chi viện trực tiếp cho quân nguy Lào và tổ chức từng đợt oanh tạc, tập trung đánh phá có tính huỷ diệt vùng giải phóng Cánh đồng Chum và Sầm Nưa. Quân địch đi đến đâu cũng thực hiện “đốt sạch, giết sạch”, gây nhiều thiệt hại về người và của cho nhân dân Mường

Pẹc, Mưong Khun, Mưong Khăm. Cù Kiệt là cuộc hành quân lớn điển hình của *Học thuyết Níchxon* ở Lào theo công thức quân nguy Lào + quân Thái Lan + hậu cần và hỏa lực tối đa của không quân Mỹ.

Cùng phối hợp với cuộc hành quân Cù Kiệt, trên hướng Nam Lào, chúng còn huy động năm tiểu đoàn đánh ra thị trấn Mưong Phin, đồng thời đẩy mạnh hoạt động của các toán phi ở Hủa Phăn, Bolikhămxay, Luông Nặm Thà; dùng máy bay rải chất độc xuống vùng căn cứ Nhọt Ngừm, Phu Phalavéc (tỉnh Viêng Chăn Đông)...

Trước cuộc tiến công lớn của địch, Bộ Tư lệnh Quân khu Cánh đồng Chum (do đồng chí Xi Phon làm tư lệnh, đồng chí Xámán Vinhakệt làm chính uỷ) quyết định đưa toàn bộ cơ quan, cán bộ, chiến sĩ cùng nhân dân Xiêng Khoảng ra phía Bạ Ban - Noong Pét để bảo đảm an toàn; các đơn vị còn lại tổ chức gọn nhẹ, sát cánh cùng quân tình nguyện Việt Nam kiên quyết chiến đấu để chặn địch, bảo vệ nhân dân, đồng thời tạo điều kiện mở chiến dịch phản công tiêu diệt địch.

Ở hướng nam, sau khi bị Trung đoàn 174 ngăn chặn, địch tăng cường quân đánh phá ra đường 7B. Phát hiện ý đồ chiếm các điểm cao ở Phu Nốc Cốc (núi chim đầu đàn) để cắt đường vận chuyển của ta từ Mưong Xén (Việt Nam) sang Xiêng Khoảng, Trung đoàn 866 đã triển khai lực lượng bảo vệ các kho trạm ở khu vực Na Đu, Bạ Thăm; tiếp đó, triển khai bảo vệ kho tàng và Viện 952 của mặt trận ở khu vực Phu Hoọc, Noong Pét. Cuộc chiến đấu cầm chân địch có hiệu quả của các đơn vị trong trung đoàn đã tạo điều kiện để nhân dân các bản của huyện Mưong Pẹc sơ tán về phía Bạ Xon để đi Then Phun, ra đường 7B rồi sang Nghệ An.

Tại khu vực điểm cao 1505, Lạt Huông, sau khi địch dùng trực thăng đổ quân xuống chiếm Phu Tôn, Cang Xềng - Phu Hủa Xàng, chúng dùng cối 106,7 ly và pháo 105 mm từ trung tâm Cánh đồng

Chum bắn phá rất ác liệt các điểm cao xung quanh. Tiểu đoàn 924 thuộc Trung đoàn 866 đã kiên quyết giữ vững điểm cao 1505, Bạ Thăm, đồng thời giúp nhân dân và cơ quan bạn sơ tán khỏi khu vực. Tuy lực lượng chiến đấu có hạn nhưng các đại đội vẫn cử ra một số tổ công tác để hướng dẫn và giúp dân sơ tán. Trong bom đạn ác liệt, bộ đội tình nguyện đã chiến đấu quên mình, giúp đỡ nhân dân, nhường cơm sẻ áo hoặc sẵn sàng xông pha vào những nơi nguy hiểm để bảo vệ nhân dân. ở xưởng may của tỉnh Xiêng Khoảng, khi địch càn đến gần, anh chị em công nhân được lệnh di chuyển nhưng có một chị tàn tật không đi được phải bò vào rừng lánh nạn. Biết tin đó, tổ công tác của trung đoàn đã vào rừng tìm kiếm, cứu được chị đưa về nơi sơ tán an toàn. Trong những ngày ác liệt này, bộ đội Việt Nam đã phối hợp với các cơ sở đảng, chính quyền đưa hơn 16.000 dân và gia đình cán bộ đi sơ tán ở Mường Xén, Kỳ Sơn (Nghệ An). Nhân dân Nghệ An đã nhiệt tình đón tiếp, nhường cơm sẻ áo, cùng nhân dân Lào xây dựng nhà cửa, bệnh xá, trường học, ổn định cuộc sống nơi sơ tán. Những tấm gương trong sáng, quên mình của bộ đội tình nguyện, sự đón tiếp tận tình của nhân dân Nghệ An trong những ngày gian khó này đã góp phần làm cho tình đoàn kết chiến đấu của quân dân Việt Nam - Lào càng thêm keo sơn, gắn bó.

Trước hành động lấn chiếm quy mô lớn của địch, mặc dù quân dân hai nước đang rất đau buồn khi nghe tin “Bác Hồ kính yêu đã từ trần”, song Quân uỷ Trung ương hai Đảng đã thống nhất mở chiến dịch phản công Toàn Thắng, nhằm đánh bại cuộc hành quân Cù Kiệt, khôi phục, mở rộng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, tạo thế và lực mới cho cách mạng Lào. Ngày 13 tháng 9, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp giao nhiệm vụ và chỉ thị cho các đơn vị quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam tham gia chiến

dịch²³⁷ (chiến dịch có mật danh 139, là số ghép của ngày 13 tháng 9). Bộ Tư lệnh chiến dịch gồm: đồng chí Vũ Lập làm tư lệnh, đồng chí Huỳnh Đắc Hương làm chính uỷ; phía Lào có đồng chí Xi Phon, Tư lệnh Quân khu Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, làm phó tư lệnh về quân sự.

Sau sáu tháng chiến đấu liên tục (từ ngày 25 tháng 10 năm 1969 đến 25 tháng 4 năm 1970), các lực lượng tham gia chiến dịch đã đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công lấn chiếm của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 6.668 tên, bắn rơi và phá huỷ 117 máy bay, thu 597 súng các loại và nhiều phương tiện chiến tranh, giải phóng một vùng rộng khoảng 6.000 km² với hơn 16.000 dân, nối liền vùng giải phóng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, Mường Xúi, Xăm Thông, nam Cang Xẻng - Xen Chồ với Sầm Nưa và bốn tỉnh Bắc Lào.

Thắng lợi của chiến dịch 139 đánh bại cuộc hành quân Cù Kiệt có ý nghĩa rất to lớn. Ta đã giữ vững và mở rộng được vùng chiến lược Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, giáng một đòn đau vào lực lượng đặc biệt Vàng Pao và quân Thái Lan, bước đầu đánh bại Học thuyết Níchxon ở Lào, tạo chuyển biến mới về tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng Lào, mở ra triển vọng cho cuộc đấu tranh của Lào trên cả ba lĩnh vực quân sự, chính trị và ngoại giao; đồng thời, thắng lợi này cũng thể hiện tinh thần đoàn kết, chiến đấu ngoan cường của quân dân hai nước. Trong Hội nghị tổng kết

²³⁷. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: quân tình nguyện Việt Nam có hai sư đoàn bộ binh (312 và 316), Đoàn 866, Trung đoàn pháo binh 16, một đại đội xe tăng, Trung đoàn công binh 45, 12 đội đặc công, 5 tiểu đoàn phòng không; quân giải phóng nhân dân Lào có các tiểu đoàn 1, 2, 13, 24, 701, Pátchây, đơn vị pháo mặt đất, đại đội xe tăng, đại đội đặc công, các đơn vị bảo đảm (công binh, thông tin, vận tải, quân y); lực lượng trung lập yêu nước có các tiểu đoàn 15, 16, 46, 48, Tiểu đoàn dù 1 và một số đơn vị bảo đảm chiến đấu.

chiến dịch, đồng chí Khăm Tày Xiphăndon đã khẳng định: “Sự hy sinh chiến đấu của quân tình nguyện Việt Nam là vô cùng to lớn... Chúng ta phải luôn ghi nhớ mối tình ruột thịt Lào - Việt Nam, ghi nhớ công ơn Bác Hồ”.

ở Nam Lào, từ đầu năm 1969, địch cũng tăng cường các cuộc hành quân đánh chiếm vùng giải phóng. Do Nam Lào có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, nơi có tuyến vận tải chiến lược Tây Trường Sơn, nên sau khi ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam, địch đã tập trung phần lớn bom đạn đánh phá tuyến vận chuyển, đồng thời mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm ra khu vực này hòng phá các kho tàng, cơ sở hậu cần của ta. Sự đánh phá điên cuồng của địch đã gây cho Việt Nam và Lào nhiều khó khăn. ở nhiều nơi, bộ đội Lào, Việt Nam bị bật ra khỏi dân. Tình hình vận chuyển vào Nam cuối năm 1968 đầu năm 1969 đạt hiệu quả thấp, ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch tác chiến của bộ đội Việt Nam trên các chiến trường, bộ đội nhiều nơi thiếu gạo, thiếu đạn trầm trọng.

Trước tình hình đó, cuối năm 1968 đầu năm 1969, được sự uỷ nhiệm của Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng, Thiếu tướng Trần Quý Hai, Phó Tổng Tham mưu trưởng đã vào Quân khu 4 cùng với Bộ Tư lệnh Quân khu giao nhiệm vụ cho lực lượng chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam ở Nam Lào: 1) Giữ vững và mở rộng tuyến vận tải chiến lược, cùng lực lượng vũ trang Lào tiến công có trọng điểm, bằng những phương thức thích hợp để tạo bàn đạp đưa lực lượng áp sát các căn cứ lớn, tạo điều kiện giải phóng một loạt vị trí dọc hành lang, đánh thông đường vận chuyển từ Trung Lào vào nam đường 9 và đi suốt vào Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; 2) Tích cực giúp Lào củng cố vùng giải phóng, chống lấn chiếm, ra sức tiểu phi, thu phục phi; 3) Đẩy mạnh xây dựng căn cứ kháng chiến ở Nam Lào, tiến lên giải phóng cao nguyên Bôlavên,

tạo thời cơ để giành thắng lợi quyết định.

Thực hiện chủ trương trên, mùa khô 1968 - 1969, Đoàn chuyên gia quân sự 565 và Đoàn quân tình nguyện 968 đã phối hợp với Quân khu Nam Lào mở chiến dịch tiến công giải phóng thị trấn Thà Teng thuộc tỉnh Xalavăn, nhằm tạo thế tiến công giải phóng thị xã Pắc Xoòng, thị xã áttapư khi có thời cơ. Trong gần bốn tháng đầu năm 1969 đánh địch tại mặt trận Thà Teng, Đoàn chuyên gia quân sự 565 đã phối hợp với quân dân Lào và các đơn vị quân tình nguyện trên địa bàn tác chiến loại khỏi vòng chiến đấu 1.022 tên địch, bắn cháy 13 máy bay, phá huỷ 32 xe quân sự, thu hàng trăm khẩu súng và nhiều phương tiện chiến tranh của địch, giải phóng gần một vạn dân ở 537 bản, mở rộng vùng giải phóng Nam Lào liên hoàn từ đông đường 9 xuống tỉnh áttapư. Tạo điều kiện uy hiếp địch trên các thị xã Pắc Xoòng, Xalavăn, áttapư, góp phần bảo vệ, giữ vững hành lang tuyến vận tải chiến lược tây Trường Sơn qua địa bàn Trung - Hạ Lào.

Trong sáu tháng đầu năm 1969, với sự giúp đỡ của chuyên gia Việt Nam, lực lượng vũ trang ba thứ quân trên chiến trường Nam Lào đã có bước phát triển vững chắc, toàn diện. Quân chủ lực phát triển thêm được một tiểu đoàn, du kích phát triển được hơn 1.000 người. Đặc biệt, do làm tốt công tác tuyên truyền giác ngộ, nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất ủng hộ kháng chiến, đã có gần 2.000 người tình nguyện đi dân công phục vụ hoả tuyến, nhiều người trực tiếp cùng bộ đội chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng. Sau Hội nghị quân chính toàn quân (tháng 7 năm 1969), để giúp triển khai các nhiệm vụ đã được Tổng Quân uỷ và Bộ Chỉ huy tối cao Lào xác định, Đoàn chuyên gia 565 đã cử một số cán bộ xuống các tỉnh đội giúp mở các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn ngày cho cán bộ chỉ huy các đơn vị ở Nam Lào. Các lớp bồi dưỡng đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, kịp thời

đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ huấn luyện và đánh địch bảo vệ vùng giải phóng.

Phối hợp chặt chẽ với chiến trường Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng trong chiến dịch 139, ở Nam Lào, các chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam cũng tích cực đẩy mạnh các hoạt động giúp bộ đội Lào đánh địch, giành nhiều thắng lợi. Khi địch tập trung quân đánh ra Mưong Phin (Xavannakhet), Đoàn 565 cùng Đoàn 968 quân tình nguyện, Tiểu đoàn 46 địa phương Quảng Bình đã phối hợp chặt chẽ với quân giải phóng Lào giải phóng thị trấn Mưong Phin, giữ thông hành lang Mưong Phin - Na Khao - Tăng Vải - Bun Xạng chạy dọc tỉnh lộ 11, phía nam đường 9 với chiều dài khoảng 70 km.

Tháng 3 năm 1970, Việt Nam và Lào thành lập Mặt trận X để thực hiện nhiệm vụ tiến công giải phóng thị xã áttapur, tiến tới giải phóng thị xã Xalavăn, mở rộng vùng giải phóng Hạ Lào. Đại tá Hoàng Kiện, Phó Tư lệnh Quân khu 4 được cử làm tư lệnh, kiêm chính uỷ mặt trận. Sau một thời gian ngắn đánh địch, ngày 29 tháng 4 năm 1970, các đơn vị tham gia chiến dịch²³⁸ đã giải phóng thị xã áttapur, loại khỏi vòng chiến đấu một tiểu đoàn, năm đại đội địch, diệt 200 tên, bắt hơn 700 tên, bắn rơi hai trực thăng, thu hàng trăm súng các loại. áttapur giải phóng đã tạo thế liên hoàn cho hành lang chiến lược tây Trường Sơn đến vùng Đông Bắc Campuchia. Sau thắng lợi này, Bộ Tư lệnh 559 đã mở thêm tuyến đường dọc theo sông Xê Xan, từ Nặm Bạc - áttapur - S'tung T'reng - Cratié - Tây Ninh để chi viện cho Nam Bộ, với cự ly và thời gian rút ngắn gần một nửa.

²³⁸. Lực lượng thuộc Mặt trận X có hai tiểu đoàn bộ binh (2 và 3), Đại đội đặc công S4 của Đoàn 968; Trung đoàn 24 Mặt trận B3 (Tây Nguyên - Việt Nam); lực lượng vũ trang của Lào và chuyên gia quân sự sang hoạt động ở Hạ Lào.

Cùng với tiến công địch về quân sự, Trung ương Đảng Nhân dân Lào đã chủ trương đẩy mạnh tiến công về chính trị và ngoại giao. Ngày 6 tháng 3 năm 1970, Neo Lào Hắc Xát đưa ra giải pháp năm điểm để giải quyết vấn đề Lào và cử phái viên đến Viêng Chăn trao công hàm về giải pháp năm điểm đó cho chính phủ của Phuma. Giải pháp của Lào đã nhận được sự ủng hộ của dư luận trong nước cũng như quốc tế. Đây là đòn tiến công ngoại giao sắc bén và kịp thời, làm cho địch ngày càng lún sâu vào tình thế bị động, lúng túng.

Tiếp đó, Lào và Việt Nam đã tích cực đóng góp cho thành công của Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương họp từ ngày 24 đến 25 tháng 4 năm 1970. Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận thống nhất chống Mỹ, khẳng định lập trường đoàn kết chống Mỹ của ba dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia.

Tháng 4 năm 1970, sau khi Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương thống nhất cương lĩnh đấu tranh, chuyên gia Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Lào kịp thời soạn thảo các tài liệu giáo dục và đi xuống cơ sở giáo dục, vận động bộ đội, nhân dân nâng cao nhận thức chính trị, đoàn kết hiệp đồng chiến đấu chống các âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù.

Mặc dù bị tổn thất nặng nề, nhưng được Mỹ tiếp tay, quân nguy Lào tiếp tục mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của các lực lượng vũ trang yêu nước Lào, đồng thời Mỹ tiếp tục dùng không quân mở nhiều đợt đánh phá tuyến hành lang vận chuyển chiến lược tây Trường Sơn.

Trước âm mưu, thủ đoạn chiến tranh mới của địch, ngày 7 tháng 5 năm 1970, Thường trực Quân uỷ Trung ương Việt Nam ra nghị quyết xác định phương hướng giúp đỡ cách mạng Lào, trong đó nhấn mạnh: phải tiếp tục hoàn chỉnh thế trận liên hoàn vùng giải phóng Bắc Lào, mở rộng vùng giải phóng Trung, Hạ Lào,

xây dựng thành căn cứ địa vững chắc, đồng thời chuẩn bị tốt mọi mặt sẵn sàng đánh bại các âm mưu của địch tiến công ra hành lang vận chuyển chiến lược, bảo vệ vững chắc cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho tàng của ta ở khu vực này. Đi đôi với sẵn sàng chiến đấu, đập tan các hành động tiến công của địch ra khu vực hành lang vận chuyển chiến lược, phải đẩy mạnh mọi hoạt động nhằm giải phóng khu vực Xalavăn, tiến tới làm chủ hoàn toàn cao nguyên Bôlavên. Đẩy mạnh mọi mặt hoạt động ra giáp sông Mê Công với phương thức thích hợp nhằm mở rộng quyền làm chủ vùng nông thôn. Trên cơ sở xác định chiến trường Trung, Hạ Lào sắp tới sẽ là chiến trường trọng điểm, Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho Đoàn chuyên gia 565 và Bộ Tư lệnh quân tình nguyện 968 phải nhanh chóng cùng Lào giải phóng thị xã Xalavăn, Noong Bua, Bạ Khoộc.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 19 tháng 5 năm 1970, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 thành lập Mặt trận Z, do đồng chí Hoàng Biền Sơn, Đoàn trưởng 968, làm tư lệnh, để cùng các lực lượng Lào tiến công giải phóng thị xã Xalavăn. Từ ngày 9 đến 25 tháng 6, các đơn vị của Mặt trận Z (bốn tiểu đoàn bộ binh, một đại đội đặc công) cùng Tiểu đoàn 12 quân giải phóng Lào và lực lượng vũ trang tỉnh Xalavăn đã tiến công giải phóng thị xã và các căn cứ Bạ Khoộc, Noong Bua, đập tan các đợt phản kích của địch hòng chiếm lại thị xã²³⁹.

Sau áttapur, Xalavăn là thị xã thứ hai ở Hạ Lào được giải phóng. Đây là thắng lợi to lớn, tạo điều kiện cho cách mạng Lào đẩy mạnh hoạt động ra giáp sông Mê Công, mở rộng quyền làm chủ vùng đồng bằng rộng lớn, đồng thời góp phần quan trọng bảo vệ hành lang vận

²³⁹. Trong chiến dịch này, bộ đội Việt Nam - Lào đã loại khỏi vòng chiến đấu 657 tên ngụy Lào, gọi hàng 250 tên, bắn rơi hai máy bay, thu và phá huỷ hơn 700 súng các loại, 187 ô tô và nhiều phương tiện chiến tranh khác của địch; giải phóng một khu vực rộng khoảng 3.600 km² với 80 bản và trên một vạn dân.

chuyển chiến lược tây Trường Sơn, bảo vệ vững chắc cơ sở vật chất - kỹ thuật, kho tàng của hai nước ở khu vực này.

Sau chiến thắng mùa khô 1969 - 1970, ngày 25 tháng 6 năm 1970, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Nhân dân Lào họp nhận định tình hình và xác định nhiệm vụ trong hai năm tới của cách mạng Lào là: tiếp tục động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đấu tranh bền bỉ lâu dài, phát huy thắng lợi đã giành được, chủ động tấn công địch về mọi mặt; tăng cường đoàn kết với nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia anh em... Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào cũng nhấn mạnh hướng Trung, Hạ Lào trong hai năm tới sẽ càng trở nên đặc biệt quan trọng vì liên quan trực tiếp đến tuyến vận tải chiến lược 559 của Việt Nam.

Để kịp thời giúp Lào triển khai các chủ trương mà Nghị quyết Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào đề ra, ngày 15 tháng 7 năm 1970, Bộ Quốc phòng Việt Nam ra quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Quân tình nguyện Việt Nam tại Lào (trên cơ sở biên chế tổ chức của Đoàn chuyên gia quân sự 959 có bổ sung một số lực lượng), gọi tắt là Bộ Tư lệnh 959, trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Tiếp đó, ngày 29 tháng 7 năm 1970, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 119/QĐ chuyển giao lực lượng tình nguyện Nam Lào (Đoàn 968), trước đây do Bộ Tư lệnh Quân khu 4 chỉ huy, nay thuộc quyền lãnh đạo chỉ huy của Bộ Tư lệnh 559 (Binh đoàn Trường Sơn) và điều động một số lực lượng tăng cường cho Đoàn chuyên gia quân sự 565 để đáp ứng tình hình mới ở Nam Lào.

Theo yêu cầu của Lào, Quân uỷ Trung ương Việt Nam chủ trương tăng cường cán bộ cho các đoàn chuyên gia quân sự ở Lào có đủ số lượng và chất lượng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giúp Lào từ trung ương đến tỉnh, trong đó chú trọng tăng cường chuyên gia các tỉnh đội, giúp Lào đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, công tác

quân sự địa phương. Tổ chức một số đơn vị độc lập, kết hợp với các đội công tác cơ sở ở các vùng mới giải phóng để trong một thời gian nhất định giúp truy quét phi, phá các cơ sở ngầm của địch, xây dựng và củng cố vững chắc cơ sở cách mạng ở các vùng mới giải phóng. ở Nam Lào, sau khi Quân uỷ Trung ương quyết định Đoàn quân tình nguyện 968 và Đoàn chuyên gia quân sự 565 cùng thuộc quyền lãnh đạo, chỉ huy của Đoàn 559²⁴⁰, đồng chí Hà Tuấn Khanh được bổ nhiệm làm phó tư lệnh Đoàn 559, phụ trách khối chuyên gia. Về tổ chức, Đoàn 565 giữ nguyên các tổ chuyên gia ở Nam Lào. Riêng 11 huyện trên đường Trường Sơn do các binh trạm sư đoàn khu vực phụ trách. Ngoài nhiệm vụ chuyên gia giúp quân khu và các tỉnh Nam Lào, Đoàn 565 còn hình thành khung chuyên gia giúp tổ chức hai cụm chủ lực ở đường 9 và Hạ Lào.

Bước vào mùa khô năm 1970, quân nguy Viêng Chăn phối hợp với quân Thái Lan tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét các căn cứ du kích của ta, như: cuộc hành quân Kăn Nha Kiệt đánh vào hành lang Tạt Hây, Mương Noòng, Mương Phin (Xavannakhet); cuộc hành quân Thánôngkiệt với lực lượng 17 tiểu đoàn đánh vào Thà Thôm, Thà Viêng, hòng chiếm lại vùng Xiêng Khoảng - Cánh đồng Chum; đưa Trung đoàn 3 quân Thái Lan vào cao nguyên Bôlavên hỗ trợ cho các lực lượng ở Xalavăn. Các cuộc hành quân càn quét, lấn chiếm của địch đều bị lực lượng bộ đội địa phương, du kích và chủ lực Lào kết hợp với quân tình nguyện Việt Nam ngăn chặn và đánh thiệt hại nặng. Gần 4.500 tên địch bị diệt, 30 máy bay bị bắn rơi, trong đó riêng ở khu vực nam Xiêng Khoảng, ta đã diệt hơn 3.000 tên địch, bắn rơi 24 máy bay.

²⁴⁰. Trước đó, Đoàn chuyên gia 565 thuộc quyền lãnh đạo chỉ huy của Bộ Tư lệnh 559, Đoàn 968 thuộc quyền lãnh đạo chỉ huy của Quân khu 4. Đến tháng 10 năm 1970, cả hai đoàn về đội hình Đoàn 559.

2. Chiến thắng đường 9 - Nam Lào và Đại hội lần thứ II Đảng Nhân dân Lào

Sau hai năm thực hiện Học thuyết Níchxơn, với nguồn viện trợ quân sự lớn²⁴¹, Mỹ đã xây dựng ở ba nước Đông Dương một đội quân tay sai có số lượng đông và trang bị mạnh hơn nhiều so với trước đây²⁴². Để thực hiện ý đồ rút quân Mỹ về nước nhằm xoa dịu dư luận và phong trào chống chiến tranh đang bùng phát mạnh mẽ trong lòng nước Mỹ, đồng thời tạo một tình thế chiến lược có lợi cho Mỹ - nguy trên chiến trường Đông Dương, đế quốc Mỹ quyết định mở ba cuộc hành quân lớn: cuộc hành quân Lam Sơn 719, đánh sang đường 9 - Nam Lào; cuộc hành quân Toàn Thắng 171 đánh sang Đông Bắc Campuchia; và cuộc hành quân Quang Trung 4 đánh vào vùng ngã ba biên giới Tây Nguyên Việt Nam - Nam Lào - Campuchia. Trong đó, hướng đường 9 - Nam Lào là hướng tiến công chủ yếu của địch.

Cuộc hành quân Lam Sơn 719 đánh ra đường 9 - Nam Lào là cuộc hành quân có quy mô lớn nhất trong ba cuộc hành quân trong năm 1971 đánh phá tuyến vận tải chiến lược của ba nước Đông Dương²⁴³. Trong cuộc hành quân này, đế quốc Mỹ dự định sử dụng

²⁴¹. Dưới thời Giôn-xơn, viện trợ quân sự hàng năm của Mỹ cho quân nguy Lào khoảng 60 - 70 triệu USD, thời Níchxơn tăng lên 350 triệu USD trong tài khoá 1970 - 1971.

²⁴². Năm 1968, quân nguy Lào mới có gần 30 vạn tên. Năm 1970 tăng lên 60 vạn, đầu năm 1970 là 63 vạn tên được tổ chức thành 183 tiểu đoàn, trong đó có 113 tiểu đoàn đặc biệt. Thành phần binh chủng kỹ thuật (xe tăng, pháo binh, không quân, công binh) trong các đơn vị chiến đấu tăng 2,5 lần so với năm 1968.

²⁴³. Ngay từ giữa năm 1964, đế quốc Mỹ đã sử dụng không quân đánh phá nhằm ngăn chặn hoạt động vận chuyển của ta trên tuyến đường chiến lược tây Trường Sơn. Từ năm 1966 đến 1971, số máy bay Mỹ đánh phá ở Lào đã lên tới 531.000 lượt chiếc, trong đó 388.000 lượt chiếc đánh vào tuyến đường chiến lược và 143.000 lượt chiếc đánh ở Bắc Lào. Số bom đạn Mỹ ném xuống đất Lào từ năm 1965 đến 1971 lên tới 1.644.000 tấn. Vào từng thời điểm, từng địa bàn,

một khối lượng lớn máy bay trực thăng đổ quân chốt giữ các điểm cao dọc theo nam - bắc đường 9, đồng thời sử dụng bộ binh cơ động dọc theo đường 9, thọc lên Xê Pôn, hợp điểm với quân nguy Lào và quân Thái Lan từ Mường Phin sang chốt chặn lâu dài, hình thành hàng rào Mắc Namara kiểu mới, cắt đứt tuyến chi viện chiến lược tây Trường Sơn, phá huỷ kho tàng, căn cứ chiến lược ba nước Đông Dương, đe dọa miền Bắc Việt Nam, uy hiếp cách mạng Lào.

Ngày 31 tháng 1 năm 1971, Mỹ và quân nguy Sài Gòn bắt đầu cuộc hành quân. Chúng đã huy động một lực lượng khổng lồ gồm hơn 40.000 quân nguy Sài Gòn, trên 6.000 quân Mỹ, với một lực lượng lớn không quân, xe tăng, thiết giáp, pháo binh yểm trợ²⁴⁴. Trong khi bộ binh, cơ giới địch tiến chậm chạp theo đường 9 về phía tây, thì một lực lượng lớn trực thăng đổ quân đánh chiếm các điểm cao dọc theo đường 9. Quân nguy Lào phối hợp hoạt động ở phía tây đường 9, sử dụng hai binh đoàn cơ động (GM) đánh ra Mường Noòng, Mường Phin. Mục tiêu đầu tiên của địch trong cuộc hành quân này là nhanh chóng đánh chiếm Xê Pôn, chiếm giữ đường 9 đoạn Bạ Đông - Xê Pôn lập thành tuyến ngăn chặn cắt đôi Đông Dương, lùng sục đánh phá kho tàng, đường sá xung quanh Xê Pôn, tiếp đó chuyển xuống đánh phá kho tàng khu vực Sa

để quốc Mỹ và tay sai còn tiến hành nhiều cuộc hành quân với mọi quy mô để chặn bằng được tuyến chi viện chiến lược. Từ khi Lon Non lên nắm chính quyền ở Campuchia (tháng 3 năm 1970), cảng Xiha Nút bị khoá chặt, các đoàn hậu cần của Việt Nam đứng chân trên đất Campuchia gặp khó khăn, tuyến vận tải chiến lược tây Trường Sơn của Đoàn 559 trở thành tuyến vận chuyển chi viện chiến lược duy nhất của ba nước Đông Dương; do vậy, ngăn chặn bằng được tuyến 559 tây Trường Sơn đã trở thành một mục tiêu chiến lược của đế quốc Mỹ.

²⁴⁴. Lực lượng địch trên địa bàn chiến dịch lúc cao nhất là 55.000 quân, gồm 15 trung đoàn bộ binh, 3 thiết đoàn thiết giáp, 578 xe tăng, xe bọc thép, 318 pháo, 700 máy bay các loại. Ngoài ra, còn có 2 binh đoàn quân nguy Lào.

Đi - Mường Noòng đến A Túc, A Sầu, A Lười.

Trước âm mưu của địch, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương Việt Nam quyết định mở chiến dịch phản công đường 9 - Nam Lào²⁴⁵ để đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719. Ngày 4 tháng 2 năm 1971, Bộ Chỉ huy chiến dịch đường 9 - Nam Lào được thành lập, do đồng chí Lê Trọng Tấn, Tổng Tham mưu phó làm tư lệnh và đồng chí Lê Quang Đạo, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm chính uỷ. Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam còn cử Thượng tướng Văn Tiến Dũng, Uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân uỷ Trung ương, Tổng Tham mưu trưởng vào chiến trường làm đại diện của Quân uỷ Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh tại mặt trận.

Với phương châm chỉ đạo đúng đắn, kế hoạch tác chiến được chuẩn bị kỹ càng, bộ đội Việt Nam đã chủ động đón đánh từng cánh quân địch, kết hợp với lực lượng phòng không tại chỗ được tổ chức rộng khắp và bố trí dày đặc ở những nơi dự kiến địch sẽ đổ quân, bắn rơi nhiều máy bay lên thẳng của địch, tạo thời cơ đánh những trận hiệp đồng binh chủng lớn, tiêu diệt từng trung đoàn, lữ đoàn địch. Từ ngày 12 tháng 2 đến 3 tháng 3 năm 1971, lực lượng chủ lực Việt Nam tiến công dồn dập, bẻ gãy cánh quân chủ lực phía bắc đường 9 của địch, tiêu diệt những cụm cứ điểm then chốt ở các điểm cao 500, 543, đập tan cuộc phản kích lớn của Lữ đoàn dù số 3 và Trung đoàn thiết giáp số 17 quân nguy Sài Gòn, bắt sống Đại tá Nguyễn Văn Thọ cùng Ban Tham mưu lữ đoàn, đánh thiệt hại nặng Liên đoàn biệt động quân số 1.

Về phía Lào, tháng 6 năm 1970, Ban Thường vụ Trung ương

²⁴⁵. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: 5 sư đoàn bộ binh; 4 tiểu đoàn xe tăng, xe thiết giáp; 4 trung đoàn pháo binh; 4 trung đoàn phòng không; 3 trung đoàn công binh; một số tiểu đoàn đặc công và lực lượng chiến đấu tại chỗ của các mặt trận B4, B5, Đoàn 559, các đơn vị bộ đội tình nguyện và bộ đội Trung - Hạ Lào, tổng số khoảng 60.000 quân chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Đảng Nhân dân Lào đã họp và đưa ra nhận định: hướng Trung, Hạ Lào trong hai năm tới sẽ càng trở nên đặc biệt quan trọng vì liên quan trực tiếp đến tuyến vận tải chiến lược 559 của Việt Nam. Tiếp đó, tháng 10 năm 1970, Quân uỷ Trung ương Lào đã ra nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch quân sự mùa khô 1970 - 1971, trong đó xác định: “Phải chuẩn bị sẵn sàng đánh bại mọi cuộc tiến công quy mô lớn của quân nguy Sài Gòn và một số quân Mỹ, quân Thái Lan vào Trung, Hạ Lào và Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng... phải phối hợp chặt chẽ với chiến trường miền Nam Việt Nam và Campuchia sẵn sàng đón thời cơ giành thắng lợi lớn hơn...”²⁴⁶. Đồng thời, Tổng Quân uỷ và Bộ Chỉ huy tối cao Lào quyết định thành lập năm cụm chiến đấu (tương đương trung đoàn) bố trí sẵn ở những khu vực quan trọng, trong đó hướng Nam Lào bố trí hai cụm.

Dự đoán trước âm mưu của địch ở khu vực đường 9 - Nam Lào, đầu mùa khô 1970 - 1971, Đoàn chuyên gia quân sự 565 và quân tình nguyện ở Hạ Lào tổ chức các lực lượng thường xuyên phối hợp chặt chẽ với bộ đội Lào nắm chắc địch, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động sau lưng địch, phá bước chuẩn bị chiến trường của chúng. Ngày 20 tháng 11 năm 1970, lực lượng tình nguyện Đoàn 968 đã phối hợp với bộ đội Lào mở đợt tiến công dãy điểm cao phía đông Bôlavên, các cứ điểm PS38, LS165, Phu Lăng Kẹo. Sau khi làm chủ ba căn cứ phía đông Bôlavên, đầu tháng 1 năm 1971, Đoàn 968 tiếp tục tiến công tiêu diệt căn cứ Huội Xài, đồng thời cùng các đơn vị Lào khẩn trương chuẩn bị chiến trường, tổ chức các lực lượng chiến đấu sẵn sàng phối hợp với bộ đội chủ lực Việt Nam, tiến hành sơ tán nhân dân và kho tàng. Những hoạt động

²⁴⁶. *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào*, bản tiếng Việt, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, tr.213.

này đã góp phần tích cực tạo nên sức mạnh để bộ đội hai nước bước vào cuộc đọ sức quyết liệt với kẻ thù khi chúng mở cuộc hành quân lớn đánh ra đường 9 - Nam Lào.

Phối hợp với bộ đội chủ lực ở hướng chính, ở phía nam, từ ngày 7 tháng 3 năm 1971, bộ đội tình nguyện thuộc Đoàn 968 cùng bộ đội Lào tiến công căn cứ LS165 (Năm Tiêng), căn cứ PS22 (Năm Lực), bao vây căn cứ PS38 (In Thi). ở phía tây đường 9, các tổ công tác của Đoàn chuyên gia quân sự 565 đã cùng các đại đội 91, 93 quân giải phóng nhân dân Lào và du kích chặn đánh tiêu diệt nhiều sinh lực của GM33 khi chúng từ Huội Mừn, Tùm Lan tiến ra hỗ trợ cho cánh quân nguy Sài Gòn đánh vào Mường Noòng. Một tổ chuyên gia khác cùng Tiểu đoàn 14 Quân khu Trung Lào tổ chức các trận phục kích GM31 ở khu vực Đông Mốt, Huội Xála, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn và sở chỉ huy GM31... Các hoạt động của bộ đội Lào và quân tình nguyện Việt Nam ở Lào đã góp phần phân tán sự đối phó của địch, tạo điều kiện để bộ đội chủ lực Việt Nam đánh những trận tiêu diệt lớn, giành thắng lợi cho chiến dịch.

Ngày 23 tháng 3 năm 1971, sau khi giải phóng Bạ Đông, chiến dịch phản công đường 9 - Nam Lào kết thúc. Kết quả, quân dân Việt Nam - Lào đã tiêu diệt và làm bị thương 19.960 tên, bắt 1.142 tù binh, bắn rơi, phá huỷ 556 máy bay, 1.138 xe quân sự, 112 khẩu pháo cối, thu 2 máy bay trực thăng và nhiều vũ khí, phương tiện quân sự.

Chiến dịch phản công đường 9 - Nam Lào toàn thắng. Cuộc hành quân Lam Sơn 719, cố gắng cuối cùng trong cơn “giã chết” trong chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ đã thất bại thảm hại. Âm mưu cắt đứt tuyến đường Trường Sơn bằng sức mạnh tổng lực trong tổng thể chiến lược chiến tranh ngăn chặn của Mỹ hoàn toàn thất bại. Địch hy vọng làm chủ và biến đường 9 thành “lưỡi dao” cắt ngang tuyến vận tải quân sự Trường Sơn, song ta đã làm

chủ con đường này từ Bản Đông đến Mường Phin. Bộ Chỉ huy tiền phương Trường Sơn vẫn trụ vững tại huyện lỵ Xê Pôn, sát cánh cùng các cấp uỷ và chính quyền địa phương Lào trong suốt chiến dịch.

Thắng lợi ở đường 9 - Nam Lào đã đánh gục vai trò nòng cốt của quân nguy Sài Gòn trong âm mưu “dùng người Đông Dương, đánh người Đông Dương” của Mỹ, mở ra triển vọng mới cho cách mạng Lào và toàn bộ chiến trường Đông Dương. Chiến thắng đường 9 - Nam Lào không chỉ khẳng định sức mạnh to lớn của quân đội và nhân dân Việt Nam, mà còn là sự khẳng định sức mạnh vĩ đại của tình đoàn kết Việt Nam - Lào trong suốt cuộc kháng chiến.

Đồng chí Đồng Sĩ Nguyên, nguyên Tư lệnh Đoàn 559 đã có những lời nói cảm động về sự ác liệt và hình ảnh những người chiến sĩ Việt Nam - Lào trong chiến dịch này: *“Trong cuộc chiến này, khi mà đối phương huy động tới đa sức mạnh tổng lực hòng xoá con đường Trường Sơn; khi mà biết bao đồng chí, đồng bào ngã xuống, nằm lại vĩnh viễn với những đôi lau xơ xác, những bìa rừng khuất nẻo... vì sự sống của con đường, vì sự toàn thắng của chiến dịch, nếu như ai đó thi vị hoá hết thấy sẽ là tội lỗi. Nhưng nếu không tìm thấy cội nguồn chiến thắng từ những bước chân nhún nhảy của những chàng trai, cô gái Pa Cô trên đường tải đạn, trong âm vang réo rắt tiếng đàn ta lư, hay điệu lăm vông của những nam nữ chiến sĩ quân giải phóng Lào sau từng trận đánh..., thì cũng khó lý giải hết tầm thế của chiến công này..., và vì sao ta chiến thắng!”*²⁴⁷.

Tại Mặt trận Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, trong thời gian diễn ra chiến dịch phản công ở đường 9 - Nam Lào, Quân khu

²⁴⁷. Đồng Sĩ Nguyên: *Đường xuyên Trường Sơn*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, tr.224.

Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng phối hợp cùng bộ đội tình nguyện Việt Nam mở chiến dịch 74B (từ ngày 21 tháng 2 đến 30 tháng 4 năm 1971), giải phóng được Mường Xú, Buôn Loóng, loại khỏi vòng chiến đấu 2.800 tên.

Phối hợp với đấu tranh quân sự trên mặt trận đường 9, quân dân Lào đã đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao và xây dựng cơ sở ở vùng địch tạm chiếm. Phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên Lào đòi chấm dứt chiến tranh, thực hiện hoà hợp dân tộc phát triển rộng rãi trong các đô thị. Trên mặt trận đấu tranh ngoại giao, ngay sau chiến thắng đường 9 - Nam Lào, ngày 27 tháng 3 năm 1971, Trung ương Neo Lào Hắc Xát đã đưa ra sáng kiến hoà bình mới, bổ sung cho giải pháp chính trị năm điểm (đưa ra ngày 26 tháng 3 năm 1970), đòi Mỹ phải chấm dứt ném bom hoàn toàn và không điều kiện ở Lào thì mới có ngừng bắn và thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc lâm thời. Những hoạt động mạnh mẽ của quân dân Lào đã đẩy quân nguy Lào vào thế bị động, lúng túng.

Tháng 7 năm 1971, lợi dụng mùa mưa, địch huy động 21 tiểu đoàn quân đặc biệt Vàng Pao, 10 tiểu đoàn lính Thái Lan (sau đó tăng lên 33 tiểu đoàn) lần chiếm tây nam Cánh đồng Chum, đồng thời sử dụng hai trung đoàn của Sư đoàn 1 nguy Viêng Chăn (thời gian này địch thành lập hai sư đoàn làm thí điểm) từ Xála Phu Khun tiến đánh Mường Xú. Mục tiêu của chúng là chiếm lại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, tiến sát biên giới Lào - Việt Nam, uy hiếp Sầm Nưa và miền Bắc Việt Nam. Sau cuộc hành quân Cù Kiệt thì cuộc hành quân này được coi là thử nghiệm lớn thứ hai nhằm kiểm chứng sức mạnh và vai trò của “lực lượng đặc biệt” trong chiến lược mới Chiến tranh đặc biệt tăng cường. Tuy nhiên, các cánh quân của chúng đã bị các lực lượng thuộc Quân khu Cánh đồng Chum, lực lượng trung lập và dân quân du kích địa phương Lào phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam chặn đánh

quyết liệt, loại khỏi vòng chiến đấu 7.118 tên, buộc phải dừng lại phòng ngự trước sân bay Cánh đồng Chum.

Kiên quyết không để địch lấn sâu vào vùng Xiêng Khoảng, Quân uỷ Trung ương Lào và Việt Nam đã thống nhất tập trung lực lượng để bảo vệ và củng cố khu vực chiến lược trọng yếu này. Hai bên đã quyết định mở chiến dịch tiến công mùa khô 1971 - 1972 (chiến dịch mang mật danh Z) nhằm giải phóng Xăm Thông - Lòong Chẹng, đập tan hệ thống phòng ngự của địch ở tuyến ngoài, phát triển vào hậu cứ Na Xịa của Quân khu 2 Vàng Pao; trên cơ sở đó, tổ chức phòng thủ vững chắc và lâu dài khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng - Mường Xứ²⁴⁸.

Ngày 18 tháng 12 năm 1971, chiến dịch mở màn. Qua hơn 110 ngày đêm (từ ngày 18 tháng 12 năm 1971 đến 5 tháng 4 năm 1972) chiến đấu quyết liệt, gian khổ, bộ đội Lào - Việt Nam đã đập tan tập đoàn phòng ngự lớn nhất từ trước tới nay của địch từ Cánh đồng Chum đến Mường Xứ, uy hiếp “thủ đô Lòong Chẹng” của Vàng Pao, buộc địch phải dùng 18 tiểu đoàn để giữ Lòong Chẹng. Chiến dịch đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 tên, trong đó có 3.532 lính Thái Lan; giải phóng một vùng rộng lớn với hơn 1 vạn dân từ Ka Xỷ đến Xála Phu Khun, Kìu Kachăm, Bạ Na, Thăm Lũng, Phu Phả Xây; đánh bại nỗ lực lớn nhất của Mỹ trong việc áp dụng công

²⁴⁸. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm: 2 sư đoàn bộ binh (316, 312), 2 trung đoàn quân tình nguyện (335, 866), 2 tiểu đoàn pháo binh (42, 16), 4 tiểu đoàn phòng không, 2 tiểu đoàn trinh sát đặc công, 1 tiểu đoàn tăng thiết giáp, 3 tiểu đoàn công binh. Phía Lào có: các tiểu đoàn 1, 2, 13, Pátchây, tiểu đoàn pháo binh, Đại đội nữ pháo binh 769, đại đội xe tăng, các tiểu đoàn 15, 48, 116 trung lập, 3 đại đội địa phương, 1 đại đội pháo binh, lực lượng dân quân du kích địa phương. Bộ Tư lệnh chiến dịch do đồng chí Vũ Lập làm tư lệnh, đồng chí Huỳnh Đắc Hương làm chính uỷ. Đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó Tổng Tham mưu trưởng, đại diện Bộ Quốc phòng và Quân uỷ Trung ương đi cùng trực tiếp chỉ đạo chiến dịch.

thức “quân Thái Lan làm nòng cốt phối hợp với quân Vàng Pao dưới sự chi viện của không quân Mỹ”.

ở Hạ Lào, mùa mưa năm 1971, địch huy động các binh đoàn 30, 33, 40, 42 quân phái hữu, 11 tiểu đoàn quân đặc biệt Vàng Pao và bốn tiểu đoàn quân Thái Lan, được sự chi viện của không quân Mỹ, tiến công chiếm lại Xalavăn, Pạc Xoòng, Lao Ngam, Bạ Phôn, Thà Teng và có ý định tiến công chiếm lại áttapur. Trước tình hình trên, cuối tháng 11 năm 1971, Bộ Tổng Tham mưu Việt Nam đã điều Trung đoàn 141 (Sư đoàn 2 Quân khu 5) tăng cường cho Hạ Lào, đồng thời giao nhiệm vụ cho các lực lượng quân tình nguyện Đoàn 968 phối hợp với chuyên gia quân sự và quân dân Hạ Lào thực hiện tốt các nhiệm vụ: kiên quyết bảo đảm và giữ vững tuyến chi viện chiến lược Đoàn 559; giải phóng và giữ vững những khu vực then chốt ở Hạ Lào; chuẩn bị tốt mọi mặt, giữ vững thắng lợi để tiếp tục phát triển tiến công...

Từ ngày 6 tháng 12, các đơn vị của Đoàn 968 quân tình nguyện Việt Nam phối hợp cùng Tiểu đoàn 11, Đại đội 26 của tỉnh Xalavăn nổ súng tiến công Xalavăn, Thà Teng, Pạc Xoòng. Kết quả, ta tiêu diệt và bắt sống 2.400 tên địch (trong đó có 300 lính Thái Lan), bắn rơi tám máy bay Mỹ, thu hồi toàn bộ khu vực cao nguyên Bôlavên, Xalavăn.

Đầu năm 1972, cùng với chiến dịch phản công đánh bại cuộc phản kích quy mô lớn của địch ra khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, dồn chúng vào Loòng Chặng, bộ đội Lào - Việt Nam còn quét và thu phục phỉ ở Luông Phạbang, Luông Nậm Thà; đánh bại cuộc hành quân của quân nguy Lào phối hợp với quân Thái Lan ra vùng Xalavăn, Mương Pha Lan, Pạc Xoòng, dồn địch ra bờ sông Mê Công. Đây là những thắng lợi có tầm quan trọng chiến lược, làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng Lào.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Nhân dân Lào

Nhận thức rõ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các bộ tộc Lào đang ở giai đoạn bước ngoặt, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Lào triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II để xác định đường lối đưa cách mạng tiến nhanh trong giai đoạn mới. Sau một thời gian họp trù bị, Đại hội chính thức khai mạc ngày 3 tháng 2 và kết thúc ngày 6 tháng 2 năm 1972 tại Viêng Xây, tỉnh Hủa Phăn. Về dự Đại hội lần này có 125 đại biểu đại diện cho hàng vạn đảng viên trong cả nước. Đồng chí Cayxôn Phômvihân đã trình bày báo cáo chính trị, tổng kết công tác lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào trong 26 năm qua và khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Lào.

Đại hội đã phân tích tình hình thế giới và tình hình trong nước, tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo trong nhiệm kỳ qua và đề ra nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới là: *“Đoàn kết nhân dân các bộ tộc, đánh đổ đế quốc xâm lược, tập đoàn tư sản mại bản quan liêu, quân phiệt và giai cấp phong kiến, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, làm cho nước Lào thành một nước hoà bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ở Đông Dương, Đông Nam á và thế giới”*²⁴⁹.

Đại hội đã thông qua bản sửa đổi điều lệ Đảng và quyết định đổi tên Đảng thành *Đảng Nhân dân cách mạng Lào*. Đại hội đã nhất trí suy tôn đồng chí Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng và quyết

²⁴⁹, 2. Cayxôn Phômvihân: *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào*, Sđd, tr.69, 85.

định đặt tượng của Người ở vị trí trang nghiêm của Đại hội. Đại hội còn thông qua bản Nghị quyết “*Tăng cường đoàn kết Lào - Việt Nam*”, trong đó xác định tình đoàn kết Lào - Việt Nam trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tinh thần quốc tế vô sản, là mối quan hệ đặc biệt. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 23 ủy viên chính thức và sáu ủy viên dự khuyết. Đồng chí Cayxôn Phômvihản được Trung ương bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội II của Đảng là sự kiện có ý nghĩa lịch sử, có tầm quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân các bộ tộc Lào; đánh dấu sự trưởng thành về chính trị và tổ chức của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Lào. Nghị quyết của Đại hội là bố đũa soi đường cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Lào vững bước tiến lên chiến thắng kẻ thù, đưa cách mạng Lào tiến lên giai đoạn mới².

Trong quá trình Lào chuẩn bị Đại hội, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, mà trực tiếp là các đồng chí chuyên gia, đã góp phần cùng Trung ương Lào nghiên cứu đường lối cách mạng Lào, đề ra cương lĩnh chính trị và điều lệ sửa đổi. Ngay từ năm 1970, đại diện Đảng Nhân dân Lào và đại diện Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là các đồng chí Cayxôn Phômvihản và Lê Duẩn, đã tiến hành hội đàm để trao đổi về bản dự thảo cương lĩnh chính trị của Đảng Nhân dân Lào. Chuyên gia Việt Nam cũng đã cử nhiều tổ công tác xuống cơ sở nghiên cứu các mặt kinh tế, xã hội Lào làm cơ sở để Trung ương Lào xây dựng cương lĩnh. Chuyên gia còn góp phần cùng các cơ quan trung ương và địa phương Lào tổ chức đại hội các cấp và tổ chức đại hội thành công, an toàn. Trong điều kiện vùng giải phóng Lào phân tán, giao thông khó khăn, chiến tranh ác liệt, việc tổ chức Đại hội lần thứ II Đảng Nhân dân Lào là một cố gắng rất lớn của toàn quân, toàn dân Lào, cũng như đội ngũ chuyên gia Việt Nam.

Đảng Lao động Việt Nam đã cử một đoàn đại biểu, do đồng chí Võ Nguyên Giáp, ủy viên Bộ Chính trị dẫn đầu, đến dự Đại hội Đảng Nhân dân Lào. Sau thời gian tham dự Đại hội, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã dành thời gian thăm hỏi, trao đổi với các đồng chí lãnh đạo đoàn chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam về tình hình bộ đội Việt Nam ở Lào thời gian qua và nhiệm vụ trong thời gian tới. Đồng chí căn dặn cán bộ các đoàn chuyên gia và quân tình nguyện tập trung mọi nỗ lực giúp Lào tốt hơn nữa, làm cho mối quan hệ hữu nghị Việt Nam - Lào ngày càng thêm keo sơn, gắn bó.

Sau Đại hội, Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào chủ trương tiến hành chỉnh huấn Đảng lần thứ ba. Đội ngũ chuyên gia Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan giáo dục, tuyên truyền của Trung ương Lào biên soạn tài liệu, cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng; tiếp đó cùng các cơ quan tổ chức tiến hành chỉnh huấn sâu rộng trong toàn Đảng. Nhiệm vụ chỉnh huấn Đảng trong quân đội được Tổng Quân uỷ Lào xác định vào đầu mùa mưa năm 1972. Để kịp thời giúp triển khai đợt chỉnh huấn Đảng trong các lực lượng vũ trang Lào, chuyên gia quân sự đã phối hợp với các cơ quan chức năng xuống các đơn vị cơ sở tổ chức sinh hoạt chính trị, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng, nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang.

3. Phối hợp đẩy mạnh tiến công, buộc Mỹ và tay sai phải ký Hiệp định Pari và Hiệp định Viêng Chăn

Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của lực lượng cách mạng Đông Dương, mà đặc biệt là các chiến trường đường 9 - Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Tây Nguyên trong Xuân - Hè 1971 đã làm thất bại nặng nề chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ. Trên chiến trường miền Nam, địch phải chuyển hẳn vào thế phòng ngự, quân Mỹ tiếp tục rút khỏi chiến trường, quân nguy bị sa sút về tinh thần,

thiếu quân cơ động, sức chiến đấu giảm.

Để thúc đẩy chiều hướng phát triển của tình hình có lợi cho cách mạng, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tháng 5 năm 1971, chủ trương: phát triển thế tiến công chiến lược trên toàn chiến trường, đánh bại chiến lược *Đông Dương hoá chiến tranh* của đế quốc Mỹ, giành thắng lợi có tính quyết định trong năm 1972, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua; trước mắt, mở các chiến dịch tiến công lớn của bộ đội chủ lực trên các hướng chiến lược quan trọng là miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Trị - Thiên, đồng thời đẩy mạnh tiến công quân sự rộng khắp, kết hợp với quần chúng nổi dậy phá kế hoạch “bình định” của chúng ở nông thôn rừng núi và nông thôn đồng bằng, thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng ở các đô thị, làm thay đổi cục diện chiến tranh.

Công tác chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược được tiến hành khẩn trương. Từ giữa năm 1971, toàn bộ lực lượng trên toàn tuyến 559 tập trung xây dựng, cải tạo hệ thống cầu đường nhằm tạo ra một thế trận mới có chính diện vượt khẩu, kéo dài 250 km, với sáu tuyến cắt ngang dãy Trường Sơn, nối mạng tây Trường Sơn với tuyến đông Trường Sơn chạy sát sườn địch, nhanh chóng tiếp cận chiến trường, đồng thời lợi dụng sự trái ngược thời tiết đông và tây Trường Sơn để vận chuyển cả hai mùa; có tuyến đường kín mang ý nghĩa chiến lược, gây cho địch bất ngờ, có khả năng vô hiệu hoá đối tượng cực kỳ nguy hiểm là máy bay AC130; đồng thời cho phép vận tải ban ngày theo đội hình lớn, chạy thẳng cung dài từ đầu tuyến theo đường tây Trường Sơn trên đất Lào đến vùng ngã ba biên giới (Tây Nguyên).

Từ ngày 20 tháng 10 đến 15 tháng 11 năm 1971, trên 20.000 bộ đội cùng 1.200 xe, 250 khẩu pháo và hàng trăm tấn khí tài công binh, thông tin nhập tuyến, vượt cửa khẩu sang Lào, hành quân vào

các chiến trường chuẩn bị cho cuộc tiến công. Đường ống xăng dầu của Việt Nam cũng dẫn được hơn 1 vạn tấn vào miền Nam. Các đơn vị: Sư đoàn 320, các trung đoàn 24B, 27, 271; 20 tiểu đoàn xe tăng, xe thiết giáp, pháo binh, cao xạ, vận tải cơ giới; 9 tiểu đoàn và 44 đại đội bộ đội địa phương lần lượt hành quân vào chiến trường. Đến đầu năm 1972, các khối chủ lực của các mặt trận Trị - Thiên, Khu 5, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ đã được bổ sung nhiều đơn vị binh chủng kỹ thuật, như súng cối 160 mm, pháo nòng dài 122 mm và 130 mm, tên lửa B72, tên lửa A72. ở miền Đông Nam Bộ đã thành lập Đoàn pháo binh 75, Trung đoàn thiết giáp 26, bảo đảm đủ lương thực cho bộ đội cả năm 1972. Vùng ngã ba biên giới như bừng lên một sức sống mới. Bộ đội đi lại nhộn nhịp, nhiều khu trú quân mới mọc lên và từ hành lang chiến lược, những chiếc xe tăng, xe kéo pháo, xe vận tải nối đuôi nhau rẽ vào chiến trường. Đường tây Trường Sơn và quân, dân Lào trên tuyến đường đã góp phần không nhỏ trong việc chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên chiến trường miền Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 1972, cuộc tiến công chiến lược mở màn. Trên hướng chủ yếu Trị - Thiên, trong năm ngày đầu chiến dịch, bộ đội Việt Nam đã phá vỡ tuyến phòng thủ cơ bản của địch; giải phóng hoàn toàn hai huyện Gio Linh và Cam Lộ; diệt và bắt toàn bộ Trung đoàn 56 địch. Tiếp đó, tiến công tiêu diệt được tập đoàn cứ điểm Đông Hà - Lai Phước, các cụm quân địch ở ái Tử, La Vang, thị xã Quảng Trị, giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Trị (tỉnh đầu tiên được giải phóng ở miền Nam). Trên hướng Tây Nguyên, các sư đoàn chủ lực Việt Nam có xe tăng và pháo binh hạng nặng đã tiến công giải phóng Đắc Tô - Tân Cảnh và vùng đất đai rộng lớn, áp sát thị xã Kon Tum. Trên hướng miền Đông Nam Bộ, chiến trường sát nách Sài Gòn, bộ binh và xe tăng Việt Nam cũng dồn dập tiến công giải phóng thị xã Lộc Ninh, đập tan toàn

bộ hệ thống phòng thủ phía trước trên vòng cung phía bắc Sài Gòn của địch. Trên cả ba hướng, bộ đội Việt Nam đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 10 vạn tên địch, đẩy quân nguy trước nguy cơ sụp đổ nghiêm trọng.

Phối hợp với chiến trường Việt Nam, lực lượng vũ trang của Lào đẩy mạnh hoạt động trên các chiến trường. Tại Hạ Lào, Tiểu đoàn 11 và các đơn vị địa phương phối hợp với Đoàn 968 quân tình nguyện Việt Nam giải phóng Pắc Xoòng, Huội Coòng, đánh thiệt hại bốn tiểu đoàn của quân phái hữu và hai tiểu đoàn quân Thái Lan. Đại đội 26 và bộ đội huyện đã tập kích và giải phóng thị trấn Khôngxêdon (phía bắc Pắc Xê 50 km). Tiểu đoàn địa phương Champaxắc chiếm thị trấn Phia Phay (nam Pắc Xê 45 km). Tại Trung Lào, quân giải phóng Lào cùng bộ đội tình nguyện Việt Nam đánh bại nhiều cuộc tiến công lấn chiếm của địch, bảo vệ được vùng giải phóng, đồng thời liên tục tổ chức tiến công địch ở Xê Nô, Thà Khéc, Mương Pha Lan, Đồng Hên... Tại Bắc Lào, bộ đội Lào, Việt Nam tiến công giải phóng Pắc U, Pắc Xương, tập kích địch ở Xiêng Ngân và sân bay Luông Phabang...

Trên chiến trường trọng điểm Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, sau chiến dịch phản công thắng lợi, Bộ Chỉ huy tối cao Quân giải phóng nhân dân Lào cùng Quân uỷ Trung ương Việt Nam quyết định tổ chức chiến dịch phòng ngự nhằm đánh bại âm mưu giành lại địa bàn quan trọng này trong mùa mưa của địch, đồng thời góp phần bảo vệ sườn phải cho cuộc tiến công chiến lược của Việt Nam ở Trị - Thiên, Tây Nguyên. Phạm vi phòng ngự nằm trong tứ giác Mương Xúi - Noọng Pét - Thăm Lũng - Xiêng Khoảng.

Đây là chiến dịch phòng ngự có quy mô lớn nhất²⁵⁰ và diễn ra

²⁵⁰. Lực lượng Việt Nam tham gia chiến dịch gồm *Sư đoàn 316* (có 2 trung đoàn 174 và 149), 2 trung đoàn độc lập (335 và 866), 2 tiểu đoàn đặc công (27,

trong thời gian dài nhất trên chiến trường Lào (từ ngày 20 tháng 5 đến 15 tháng 11 năm 1972). Với nhiều cách đánh linh hoạt, sáng tạo và tinh thần chiến đấu kiên cường dũng cảm, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Lào đã đánh bại các đợt tiến công của 8 binh đoàn cơ động của Vàng Pao, 9 tiểu đoàn đặc biệt (BS), 4 tiểu đoàn tình nguyện (BV), 18 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn pháo binh của Thái Lan, 2 binh đoàn, 2 lữ đoàn bộ binh nguy và có sự chi viện tối đa của không quân Mỹ; loại khỏi vòng chiến đấu 5.631 tên địch, bắn rơi 38 máy bay, đánh thiệt hại nặng 3 binh đoàn nguy và 3 tiểu đoàn lính Thái Lan.

Thắng lợi của chiến dịch phòng ngự Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng mùa mưa 1972 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, ta đã đánh bại cố gắng cao nhất của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai muốn chiếm địa bàn chiến lược để giành thế có lợi cho giải pháp chính trị của chúng. Chiến dịch phòng ngự Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng góp phần tạo thế hơn hẳn của cách mạng Lào trong đàm phán tìm giải pháp chính trị.

Phối hợp chặt chẽ với quân, dân Cánh đồng Chum, ở Hạ Lào mùa mưa năm 1972, quân tình nguyện Việt Nam cùng các đơn vị quân giải phóng nhân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân *Sư tử đen* của quân phái hữu Viêng Chăn vào khu vực Khôngxêđôn, đường 23, Pạc Xoòng, Xalavăn, Thà Teng, Bôlavên, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều đơn vị của các binh đoàn 32, 41, 42, bảo vệ được vùng giải phóng và tuyến vận tải chiến lược 559. Bước vào mùa khô

41), 1 tiểu đoàn xe tăng, thiết giáp, 2 tiểu đoàn cao xạ 37 ly, 2 tiểu đoàn súng phòng không 14,5 mm và 12,7 mm, Tiểu đoàn pháo binh 42... (đến tháng 10 năm 1972, Bộ Tổng Tham mưu tăng cường thêm Trung đoàn 88 thuộc *Sư đoàn 308C*). Lực lượng của Lào có 7 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội xe tăng, 1 đại đội pháo xe kéo, 1 đại đội pháo mang vác, 2 đại đội cao xạ, 1 đại đội công binh, cùng 1 đại đội (Quân khu), 1 đại đội của tỉnh và 8 trung đội của hai huyện Mưong Péc và Mưong Khăm.

1972 - 1973, địch tăng cường quân ở Hạ Lào lên 35 tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn cơ giới, một trung đoàn và 11 tiểu đoàn quân Thái Lan, tổ chức phòng thủ trên cả hai hướng Pắc Xê, Khôngxêđôn, đồng thời mở một số cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng và phá tuyến vận chuyển chiến lược 559.

Theo dõi các diễn biến về địch, sáng ngày 18 tháng 10 năm 1972, Trung đoàn 9 nổ súng tấn công ngã ba Lao Ngam. Trung đoàn 39 tiến công Lữ đoàn 22 ở Cút Ta Bèng, Cút Nặm Ly, Na Káxao, Phu Khoông. ở hướng Xalavăn, ngày 19 và 20 tháng 10, địch dùng trực thăng đổ GM41, GM42 xuống tây nam thị xã. Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 19 chiến đấu ngoan cường, song đến chiều ngày 26 tháng 10, địch vẫn chiếm được thị xã. Do yêu cầu hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và ngoại giao trên bàn đàm phán của bạn, quân tình nguyện Việt Nam cùng các đơn vị quân giải phóng Lào đã tập trung lực lượng giải phóng thị xã Xalavăn vào ngày 15 tháng 11. Những ngày cuối năm 1972 đầu năm 1973, địch tập trung quân hai lần đánh chiếm lại thị xã Xalavăn nhưng đều bị thất bại. Đầu tháng 1 năm 1973, địch lại tập trung quân ở Pắc Xê theo đường 23 đánh chiếm lại thị xã Pắc Xoòng. Trong thời điểm chuẩn bị có giải pháp chính trị về Lào, theo yêu cầu của Bộ Chỉ huy tối cao Lào, quân tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào đã kiên quyết tiến công đẩy địch ra khỏi thị xã Pắc Xoòng, giữ vững thị xã Xalavăn.

Trong thời điểm chuẩn bị có hiệp định ngừng bắn, diễn biến tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ có nhiều phức tạp, công tác chính trị đã được các chuyên gia Việt Nam đặc biệt coi trọng. Chuyên gia đã giúp tổ chức các đội công tác bám sát từng đơn vị, nhất là ở những địa bàn quan trọng, tiến hành giáo dục để bộ đội thấy rõ âm mưu thủ đoạn của kẻ thù; quán triệt và tổ chức tốt công tác xây dựng cơ sở quần chúng cách mạng trong nhân dân, công tác binh vận, địch vận... Đặc biệt, về công tác xây dựng đảng trong lực lượng vũ trang, chuyên gia Việt Nam đã giúp kiện toàn tổ chức các cấp uỷ,

phát triển đảng viên có đủ số lượng, bảo đảm chất lượng. Số lượng đảng viên của Lào năm 1972 so với năm 1962 tăng lên 7,15 lần. Tỷ lệ lãnh đạo trong quân đội đạt 20 - 21%.

Trên lĩnh vực xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, tháng 6 năm 1969, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã ra nghị quyết giúp Lào phát triển kinh tế, văn hoá ở vùng giải phóng, xác định: giúp Lào xây dựng nền kinh tế dân chủ nhân dân, phát triển văn hoá dân tộc trong vùng giải phóng là một nội dung hết sức quan trọng trong công tác chi viện cho cách mạng Lào hiện nay; nội dung giúp Lào xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá bao gồm các mặt như giúp ý kiến, kinh nghiệm, đường lối, phương châm, chính sách, kế hoạch và chuyên gia; phương châm giúp là toàn diện, cơ bản, liên tục, lâu dài, lấy việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật làm khâu quan trọng nhất để tạo điều kiện cho bạn ngày càng phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tiến lên một cách vững chắc; trực tiếp xây dựng một số công trình kinh tế, văn hoá để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân ở các vùng giải phóng...

Sau khi có nghị quyết của Bộ Chính trị, các bộ, ngành của Việt Nam đã chú trọng tăng cường đội ngũ chuyên gia cũng như cơ sở vật chất giúp Lào. Một số địa phương giáp biên giới cũng mở rộng quan hệ giúp đỡ bạn. Ngay từ tháng 5 năm 1967, tỉnh Thanh Hoá đã ký kết hiệp định giúp tỉnh Hủa Phăn phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội. Tiếp đó, tháng 6 năm 1967, tỉnh đã cử đoàn cán bộ đầu tiên sang giúp Lào. Cuối năm 1969, hai đoàn đại biểu tỉnh Thanh Hoá và Hủa Phăn tiến hành hội đàm để nhận định về sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá trong ba năm qua, đồng thời ký hiệp định tiếp tục hợp tác giúp đỡ nhau về mọi mặt trong hai năm 1970 - 1971. Theo hiệp định, trong hai năm 1970 - 1971, Thanh Hoá sẽ giúp Hủa Phăn đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là trọng tâm, nhằm nhanh chóng tự túc được lương thực - thực phẩm, đáp ứng được yêu

cầu chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân.

Tiếp tục giúp Lào xây dựng vùng giải phóng vững mạnh, chuyên gia chính trị đã cùng các cơ quan của Lào nghiên cứu, tham mưu đề Thường vụ Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào đề ra nghị quyết (tháng 8 năm 1971) phát triển kinh tế trong ba năm (1971 - 1973). Nội dung chính của nghị quyết là tập trung mọi lực lượng cán bộ, bộ đội, nhân dân đẩy mạnh sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu chiến đấu và đời sống của nhân dân về lương thực, thực phẩm và đồ dùng sinh hoạt; tạo tiền đề để xây dựng nền kinh tế vững mạnh khi có điều kiện. Chú ý phát triển toàn diện nông nghiệp, thủ công nghiệp nhưng nông nghiệp là chủ yếu...

Sau Đại hội lần thứ II Đảng Nhân dân cách mạng Lào, các bộ, ngành của Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định hợp tác, giúp đỡ với các bộ, ngành của Lào như lâm nghiệp, công nghiệp nhẹ, thủ công nghiệp và địa chất (tháng 2 năm 1972), giao thông vận tải (tháng 4 năm 1972) và thủy lợi (tháng 5 năm 1972), nhằm nâng cao tốc độ phát triển kinh tế trong vùng giải phóng Lào.

Được sự giúp đỡ của Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa, đến cuối năm 1972, vùng giải phóng Lào chẳng những được giữ vững mà còn được mở rộng và củng cố, đã nối liền từ Bắc đến Nam và từng bước xây dựng theo quy mô một quốc gia. Nhân dân các bộ tộc Lào trong vùng giải phóng từ địa vị nô lệ trở thành người làm chủ đất nước và đang tích cực tham gia xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, xây dựng cuộc đời mới của mình. Sản xuất phát triển, mạng lưới giao thông và lưu thông phân phối ngày càng mở rộng. Mặc dù chiến tranh ác liệt nhưng đời sống nhân dân trong vùng giải phóng cơ bản được giữ vững. Vùng giải phóng đã có nền tài chính riêng, có một số xí nghiệp công nghiệp nhỏ, có thương nghiệp quốc doanh, nhiều tỉnh đã bước đầu tự túc được lương thực...

Trước những thắng lợi to lớn về mọi mặt của cách mạng ba nước Đông Dương, tháng 10 năm 1972, trên bàn Hội nghị Pari,

Mỹ đã nhất trí với dự thảo văn bản “*Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam*”. Nhưng với bản chất hiếu chiến và ngoan cố, ngày 18 tháng 12 năm 1972, đế quốc Mỹ đã mở cuộc tập kích lớn²⁵¹ bằng không quân chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng và một số cơ sở công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam, hòng bắt nhân dân Việt Nam phải khuất phục và ký Hiệp định Pari có lợi cho Mỹ - ngụy.

Dự đoán trước âm mưu của Mỹ, nhân dân Việt Nam anh hùng trong 12 ngày đêm đánh trả cuộc tập kích đã bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 pháo đài bay B52, làm nên một “Điện Biên Phủ trên không” oanh liệt. Chiến dịch phòng không đập tan cuộc tập kích đường không chiến lược của Mỹ trong tháng 12 năm 1972 ở Hà Nội, Hải Phòng là chiến dịch đầu tiên trên thế giới bắn rơi nhiều máy bay B52, giáng cho không quân Mỹ đòn thất bại nặng nề nhất trong lịch sử, đánh bại cố gắng cuối cùng của đế quốc Mỹ trong năm 1972.

Nỗ lực cuối cùng của Mỹ ở Việt Nam bị thất bại, buộc chúng phải ký Hiệp định Pari (ngày 27 tháng 1 năm 1973) chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Hiệp định này buộc Mỹ và chư hầu không những phải rút khỏi Đông Dương, mà còn phải cam kết tôn trọng chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Campuchia, mở ra cục diện mới cho cuộc đấu tranh cách mạng trên

²⁵¹. Cuộc tập kích mang mật danh cuộc hành quân Lainơbécơ II. Trong cuộc tập kích, Mỹ sử dụng hầu hết số máy bay của Tập đoàn Không quân số 8, gồm: Liên đội 43 và 76 ở Guam; Liên đội 307 ở Utaepao (Thái Lan), với 193 chiếc B52, chiếm 50% số máy bay B52 hiện có của Mỹ; hai đại đội F111A gồm 48 chiếc, cùng 999 máy bay chiến đấu các loại bố trí ở Thái Lan, miền Nam Việt Nam và trên 6 tàu sân bay ở biển Đông. Ngoài ra, còn có một số máy bay tiếp dầu KC135 và các máy bay bảo đảm khác. Số tàu chiến ở vịnh Bắc Bộ tăng từ 18 lên 66 tàu, chiếm 60% tổng số tàu chiến đấu và tàu đổ bộ của Hạm đội 7. Toàn bộ lực lượng này được đặt dưới sự chỉ huy của Bộ Chỉ huy Tập đoàn Không quân chiến lược lâm thời số 57, sở chỉ huy đặt tại Guam.

toàn bộ bán đảo Đông Dương.

Trước khi chính thức ký kết Hiệp định Pari, ngày 20 tháng 1 năm 1973, Đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam, do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất dẫn đầu, và Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào, do đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào làm trưởng đoàn, đã tiến hành hội đàm tại Hà Nội, thông báo về việc ký kết Hiệp định Pari và phương hướng đấu tranh trong hội đàm ký kết Hiệp định Viêng Chăn của Lào. Đồng chí Lê Duẩn đã thông báo cho Đoàn đại biểu Lào về việc Việt Nam và Mỹ sắp ký kết các hiệp định và khẳng định đây là một thắng lợi rất to lớn và quan trọng của cách mạng Việt Nam cũng như ba nước Đông Dương.

Về tình hình Lào, đồng chí Lê Duẩn cho rằng: các vấn đề cơ bản giữa Lào và Việt Nam đều giống nhau. Tuy nhiên, ở Lào, phía Phuma và bọn phản động muốn hoà bình, còn Thiệu thì lại không muốn; Lào có vùng giải phóng rộng lớn, có tiền lệ là đã thành lập Chính phủ liên hiệp từ năm 1957, mà miền Nam Việt Nam không có. Với những đặc điểm trên, ta phải tranh thủ hoà bình, giữ cho được hoà bình lâu dài. Có hoà bình ta sẽ tranh thủ được nhân dân. Tiếp theo, đồng chí Cayxôn khẳng định, thắng lợi của Việt Nam đã tạo sức ép rất lớn đối với quân nguy Lào, đồng thời cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân Lào đi theo cách mạng. Nếu Mỹ chịu ký Hiệp định Pari về Việt Nam, sẽ có tác động đưa cuộc đấu tranh trên bàn Hội nghị Viêng Chăn ở Lào đi đến thắng lợi. Trong hội đàm, hai bên cũng đã trao đổi về tình hình quân sự, xác định yêu cầu phải đạt được khi ký Hiệp định Viêng Chăn²⁵².

Trên chiến trường Lào, thất bại của đế quốc Mỹ ở Việt Nam đã

²⁵². Biên bản hội đàm giữa hai Đảng Việt Nam và Lào tại Hà Nội ngày 20 tháng 1 năm 1973, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4556.

tác động sâu sắc đến tinh thần quân nguy Lào, buộc chúng phải ngồi vào đàm phán với đại diện Mặt trận Lào yêu nước và chấp nhận giải pháp năm điểm của Mặt trận. Để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị, chuyên gia quân sự Việt Nam đã giúp Quân khu Cánh đồng Chum tổ chức tiến công giải phóng Xála Phu Khun, truy kích địch đến Kìu Kachăm, Ka Xỷ. Những chiến thắng về quân sự của quân tình nguyện Việt Nam và quân giải phóng nhân dân Lào cuối năm 1972 đầu năm 1973 đã trực tiếp góp phần quan trọng buộc chính quyền Viêng Chăn phải nhanh chóng ký kết hiệp định ngừng bắn với những điều khoản có lợi cho cách mạng Lào.

Ngày 21 tháng 2 năm 1973, Hiệp định Viêng Chăn về chấm dứt chiến tranh và lập lại hoà bình ở Lào được ký kết. Mỹ và nguy quyền Lào phải công nhận quyền dân tộc cơ bản, quyền tự do dân chủ của nhân dân các bộ tộc Lào, công nhận vùng giải phóng của Mặt trận Lào yêu nước, trung lập hoá hai thành phố Viêng Chăn và Luông Phabang, thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc lâm thời và Hội đồng Tư vấn liên hiệp chính trị quốc gia. Đây là một thắng lợi to lớn, toàn diện, vững chắc, có ý nghĩa chiến lược không những trên chiến trường Lào, chiến trường Đông Dương, mà còn là thất bại của chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ. Thắng lợi này tạo ra những điều kiện mới hết sức cơ bản để đưa cách mạng Lào tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Từ năm 1969 đến đầu năm 1973 là giai đoạn cực kỳ khó khăn và cũng là giai đoạn giành thắng lợi quyết định của cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào. Trước thất bại nặng nề của Mỹ trong chiến lược Chiến tranh cục bộ ở miền Nam, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam bằng chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh, đồng thời mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương, tiến hành một loạt các biện pháp tàn bạo và thâm độc về quân sự, chính trị, ngoại giao. Chúng vừa từng bước rút

quân Mỹ, vừa ra sức củng cố và tăng cường nguy quân, nguy quyền; vừa xuống thang chiến tranh, vừa phản công và tiến công rất quyết liệt hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Những âm mưu, thủ đoạn và hành động chiến tranh mới của Mỹ, nguy đặt sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam trước tình thế mới, vừa thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn, phức tạp. Song, trong khó khăn ác liệt, quân và dân Việt Nam ở cả hai miền Nam - Bắc vẫn giữ vững ý chí quyết tâm, kiên cường và bền bỉ kháng chiến, từng bước khôi phục lại thể liên hoàn làm chủ và tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược; từ đó, tổ chức phản công và tiến công địch, giành thắng lợi ngày một to lớn, toàn diện, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ về nước.

Tại Lào, Mỹ tiến hành Chiến tranh đặc biệt tăng cường với sự tham gia ngày càng nhiều của không quân Mỹ, quân đánh thuê Thái Lan và quân nguy Sài Gòn, hòng thu hẹp vùng giải phóng, tiêu diệt lực lượng cách mạng Lào, chia cắt Đông Dương, chia cắt hành lang vận chuyển chiến lược tây Trường Sơn. Trước âm mưu thủ đoạn mới của kẻ thù, Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, kiên quyết đánh bại các cuộc hành quân của địch, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, đặc biệt là vùng đất chiến lược Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng và khu vực hành lang tây Trường Sơn. Vừa đánh địch, bảo vệ vùng giải phóng, quân và dân Lào tiếp tục xây dựng vùng giải phóng theo quy mô một quốc gia; xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân lớn mạnh; đồng thời đẩy mạnh đấu tranh chính trị và ngoại giao, dồn địch vào thế bất lợi, buộc địch phải ký Hiệp định Viêng Chăn với những điều khoản có lợi cho cách mạng Lào.

Trong giai đoạn này, hai Đảng tiếp tục có những cuộc hội đàm

thường kỳ nhằm phối hợp hành động trên các mặt đấu tranh, tạo sức mạnh tổng hợp đánh thắng Mỹ. Hai Đảng đã tăng cường phối hợp, mở rộng liên minh trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, trong đó liên minh chiến đấu giữa quân và dân hai nước trong giai đoạn này là yếu tố quyết định nhất tạo nên thắng lợi của cách mạng hai nước. Quân và dân hai nước đã cùng chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng Lào, đặc biệt là cùng chiến đấu đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 ở khu vực đường 9 - Nam Lào, bảo vệ hành lang chiến lược tây Trường Sơn, góp phần vào sự phát triển thế và lực của cách mạng Việt Nam cũng như cách mạng Lào. Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đã góp phần quan trọng tạo điều kiện cho quân và dân hai nước vượt qua giai đoạn đầy khó khăn, thử thách, giành thắng lợi quyết định, đưa cách mạng hai nước bước vào giai đoạn mới với những thuận lợi rất cơ bản.

III. GIỮ VỮNG LIÊN MINH VIỆT NAM - LÀO, PHỐI HỢP ĐẨY MẠNH ĐẤU TRANH GIÀNH THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1973 - 1975)

1. Tiếp tục giữ vững liên minh Việt Nam - Lào trong tình hình mới

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết (tháng 1 năm 1973), đế quốc Mỹ buộc phải rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, chấm dứt mọi dính líu quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Tuy vậy, đế quốc Mỹ và ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn vẫn âm mưu chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam, tiếp tục thực hiện chiến lược *Việt Nam hoá chiến tranh*, dưới hình thức mới “quân ngụy cộng viện trợ kinh tế, quân sự và cố vấn Mỹ”. Đế quốc Mỹ đã tăng cường

viện trợ cho Sài Gòn²⁵³, tiếp tục dùng nguy quân, nguy quyền Sài Gòn làm công cụ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Mỹ còn tiếp tục duy trì lực lượng không quân, hải quân Mỹ ở các vùng phụ cận Việt Nam làm “lực lượng răn đe” để hỗ trợ cho quân nguy, đồng thời tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

Được sự hậu thuẫn của Mỹ, quân nguy Sài Gòn ra sức phá hoại Hiệp định Pari, liên tục mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng. Địch tập trung lực lượng lớn tiến công có trọng điểm các vùng giải phóng quan trọng của Việt Nam ở Cửa Việt (Quảng Trị), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Đại Lộc (tây Quảng Nam), bắc Kon Tum, nam - bắc đường 4, Chương Thiện (Nam Bộ)...

Trước tình hình trên, tháng 7 năm 1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xác định: cách mạng miền Nam chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường bạo lực cách mạng; nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh trên cả ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao..., phải kiên quyết phản công và tiến công địch.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng, từ cuối năm 1973, bộ đội Việt Nam đã kiên quyết phản công và tiến công địch, giành được những thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường. Khu 9: đánh bại nhiều cuộc hành quân lấn chiếm của địch, xoá bỏ nhiều đồn bốt, giải phóng hơn 400 ấp với gần 80 vạn dân. Khu 8:

²⁵³. Mỹ viện trợ cho chính quyền nguy Sài Gòn sau Hiệp định Pari: 652 máy bay các loại, 70 khẩu pháo mặt đất và pháo phòng không các loại, 220 xe tăng, xe thiết giáp cùng nhiều khí tài, vật chất khác. Hồ sơ TK-19, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

vượt qua thời kỳ khó khăn, chuyển sang tiến công tiêu diệt nhiều đồn bốt địch, giải phóng thêm 200 ấp với trên 10 vạn dân. Khu 7: tiếp tục duy trì thế tiến công, đánh bại các cuộc hành quân lấn chiếm giải toả của địch, giữ vững các lõm giải phóng, bàn đạp ở vùng ven và phía bắc Sài Gòn. ở Tây Nguyên, sau trận tiến công Chư Nghé (tháng 9 năm 1973), bộ đội tiếp tục tiến công đánh chiếm Đắc Pét, Măng Bút, Măng Đen, Iaxúp, mở rộng thêm được vùng giải phóng và hành lang chiến lược. ở Trị - Thiên, bộ đội tiêu diệt lớn quân địch lấn chiếm Cửa Việt, áp sát vùng giáp ranh, uy hiếp địch ở nông thôn, đồng bằng. Khu 5: tiến hành tổ chức các chiến dịch tiến công tiêu diệt các chi khu, quận lỵ của địch như Nông Sơn, Trung Phước, Thượng Đức, mở rộng bàn đạp ở vùng giáp ranh và đồng bằng...

Cùng với việc kiên quyết phản công, tiến công địch, từ sau khi Hiệp định Pari được ký kết, Việt Nam tranh thủ tận dụng những điều kiện có lợi để củng cố và xây dựng lực lượng về mọi mặt. Các quân đoàn chủ lực được thành lập trên cơ sở các đơn vị quân binh chủng hợp thành, đứng chân trên các địa bàn chiến lược²⁵⁴, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiệp đồng binh chủng tiêu diệt lớn quân địch.

Việt Nam cũng tập trung mở rộng, nâng cấp đường Trường Sơn, bảo đảm cho tác chiến lớn. Trên toàn tuyến, các đơn vị đã mở mới 5.560 km đường, đưa tổng số chiều dài tuyến đường này lên đến 16.790 km. Tại các chiến trường, các quân khu, địa phương đã mở mới và nâng cấp 6.000 km đường chiến dịch, nối thông hệ thống đường này với đường chiến lược Trường Sơn. Đường ống dẫn dầu đi theo đường Trường Sơn cũng vươn tới Bù Gia Mập,

²⁵⁴. Quân đoàn 1 được thành lập tháng 10 năm 1973 ở miền Bắc, Quân đoàn 2 được thành lập tháng 5 năm 1974 ở Trị - Thiên, Quân đoàn 4 được thành lập tháng 7 năm 1974 ở Đông Nam Bộ.

Nam Bộ. Lượng dự trữ vật chất của Việt Nam ở chiến trường miền Nam đã có 700.000 tấn đạn, 107.000 tấn xăng dầu, 80.000 tấn lương thực - thực phẩm, 2.400 tấn thuốc và 5.400 tấn vật chất khác. Đến mùa Hè năm 1974, đường đông và tây Trường Sơn hình thành một hệ thống liên hoàn, vững chắc. Đồng thời, tuyến hành lang Đông - Tây Trường Sơn hình thành một căn cứ hậu cần chiến lược, chiến dịch rộng trên 130.000 km², nối liền hậu phương lớn miền Bắc với các chiến trường.

Tại Lào, theo Hiệp định Viêng Chăn (tháng 2 năm 1973), cục diện nước Lào sẽ hình thành ba vùng với hai chính quyền song song tồn tại, đó là: vùng giải phóng với 4/5 đất đai và hơn một nửa số dân do Pathét Lào quản lý; vùng do chính quyền phái hữu chiếm đóng; vùng thứ ba là vùng “trung lập hoá” gồm hai đô thị Viêng Chăn và Luông Phabang, có lực lượng của cả hai bên cùng tham gia quản lý, bảo vệ; Chính phủ liên hiệp lâm thời lần thứ ba và Hội đồng Chính trị hiệp thương được thành lập với thành phần đại biểu của hai bên ngang nhau.

Với Hiệp định Viêng Chăn, cách mạng Lào bước vào thời kỳ mới với thế và lực lớn hơn hẳn so với hai lần hoà hợp trước. Lực lượng vũ trang với hơn 3 vạn quân tập trung cùng hơn 5 vạn dân quân du kích trên khắp mọi miền của đất nước đã vượt qua gian lao, thử thách, hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề, chiến thắng địch trong những trận độ sức quyết định. Hiệp định Viêng Chăn lại tạo ra cơ sở chính trị, pháp lý để nhân dân Lào thực hiện hoà hợp dân tộc và hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước. Mặt khác, sau khi Mỹ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam (ngày 2 tháng 3 năm 1973), cục diện trên chiến trường Đông Dương đã có sự thay đổi lớn có lợi cho các lực lượng cách mạng, làm cho chính quyền nguy Lào hoang mang, lo sợ.

Tuy vậy, đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu thôn tính Lào.

Chúng khai thác triệt để những điều khoản có lợi của Hiệp định, cô tách quân tình nguyện Việt Nam ra khỏi Lào và ngăn cản sự chi viện của nhân dân Việt Nam đối với cách mạng Lào. Mặt khác, chúng ra sức phá hoại, gây trở ngại cho việc thi hành Hiệp định. Trong tài khoá 1973 - 1974, đế quốc Mỹ viện trợ cho chính quyền Viêng Chăn 310 triệu USD và để ở Lào 2.000 nhân viên CIA, cố vấn quân sự đội lốt dân sự, duy trì 10 vạn quân nguy tiếp tục đánh phá cách mạng Lào. Chúng vẫn ngang nhiên giữ lại 20 tiểu đoàn quân Thái Lan ở Lào, dùng quân Thái Lan thay thế cho quân nguy Lào trong nhiệm vụ chiếm đóng, thúc ép quân nguy Lào, phối hợp với quân Thái Lan mở nhiều cuộc càn quét, hòng chiếm lại nhiều vị trí chiến lược trong vùng giải phóng như Thà Thôm, Thà Viêng (nam Xiêng Khoảng), Na Xê, Thăm La (Thà Khẹc), Pạc Thà (Xaynhabuli). Mỹ còn chỉ đạo lực lượng Vàng Pao sáp nhập vào quân phái hữu để tránh phải giải thể “lực lượng đặc biệt”; tổ chức “lực lượng phát triển nông thôn” nhằm khống chế vùng nông thôn do chúng kiểm soát; xúi giục một số sĩ quan phản động do tướng Thạo Ma cầm đầu, phối hợp với Phủi Xánánicon làm đảo chính ở Viêng Chăn (ngày 20 tháng 8 năm 1973) nhằm ngăn cản việc thi hành Hiệp định, gây lại tình hình căng thẳng ở Lào.

Để đánh bại các âm mưu thủ đoạn của địch và xây dựng vùng giải phóng trong điều kiện mới, ngay sau khi Hiệp định Viêng Chăn được ký kết (tháng 4 năm 1973), Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã gửi điện tới Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam yêu cầu Việt Nam tiếp tục viện trợ cho Lào trong năm 1973, cụ thể: tiếp tục cử chuyên gia giúp các ngành hành chính sự nghiệp, kinh tế, văn hoá...; giúp cơ quan đại diện Neo Lào Hắc Xát tại Hà Nội; tiếp tục giúp tiếp nhận, bảo quản, đóng gói và vận chuyển các thiết bị vật tư hàng hoá của các nước anh em gửi giúp Lào và vận chuyển hàng hoá của Lào

trao đổi với các nước bạn; tiếp tục tiếp nhận đào tạo học sinh, thực tập sinh và nghiên cứu sinh Lào; tiếp tục giúp đỡ một số vật tư thiết bị, lương thực - thực phẩm, giúp xây dựng một số cơ sở kinh tế, văn hoá trong vùng giải phóng; giúp xây dựng một số sân bay ở Thà Khoỏng, Xalavăn, Mường Mày... và xây dựng hai thị trấn Sầm Nưa và Na Kay; giúp khai thác mỏ mănggan ở Na Kay; giúp xây dựng một số cơ sở chăn nuôi.

Về phía Việt Nam, để đáp ứng tình hình mới ở cả hai nước, ngày 21 tháng 4 năm 1973, Bộ Quốc phòng ra quyết định chuyển Bộ Tư lệnh Mặt trận 316 thành Bộ Tư lệnh Mặt trận 31 và Sư đoàn 316 trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh. Mặt trận 31 (có Trung đoàn 335 ở Bắc Lào và Trung đoàn 866 ở khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng) có nhiệm vụ: giữ vững vùng giải phóng, làm hậu thuẫn vững chắc cho đấu tranh chính trị của Lào, tham gia công tác vận động quần chúng, vận động binh lính địch... Sư đoàn 316 được tăng cường thêm một số đơn vị, trở thành sư đoàn chủ lực của Bộ. Sau khi tái lập lại (tháng 5 năm 1973), sư đoàn vừa củng cố, huấn luyện, vừa tham gia bảo vệ vùng giải phóng Lào, tạo áp lực cho nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở vùng địch tạm chiếm. Tháng 12 năm 1973, sư đoàn được lệnh hành quân về nước nhận nhiệm vụ mới. Riêng Trung đoàn 174, theo yêu cầu của Lào, ở lại thêm sáu tháng nữa, giúp gây áp lực cho đấu tranh thi hành Hiệp định Viêng Chăn.

Do Nam Lào có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng đối với cả hai nước, nên Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng Việt Nam giao nhiệm vụ cho Đoàn 565: “Chuyên gia giúp địa phương, cụ thể là vùng Nam Lào xây dựng lực lượng từ tỉnh xuống các đại đội, cùng các địa phương phát động quần chúng xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng giải phóng, trong vùng địch hậu. Ngoài ra, Đoàn chuyên gia 565 còn giúp vận chuyển hàng hoá, phục vụ các chiến

trường Nam Lào, xây dựng cơ sở vững chắc ở vùng giải phóng và vùng địch hậu, phối hợp với bộ đội địa phương, bảo vệ tuyến vận tải hành lang 559”²⁵⁵. Đoàn 968 quân tình nguyện được bổ sung thêm một số trung đoàn bộ binh và đơn vị binh chủng để chuyển thành Sư đoàn 968²⁵⁶, giúp bạn bố trí lực lượng, huấn luyện quân sự, tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định Viêng Chăn.

Trước sự phát triển nhanh chóng của cách mạng ba nước Đông Dương và yêu cầu của cách mạng Lào, trong Hội nghị lần thứ 21 (tháng 7 năm 1973), Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tiếp tục xác định: “Đoàn kết ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia là vấn đề hết sức quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với ba nước Đông Dương. Lợi ích dân tộc chân chính của mỗi nước gắn bó chặt chẽ với nhau trong cuộc đấu tranh chung cho hoà bình và độc lập dân tộc không những trước mắt mà cả lâu dài về sau. Đoàn kết, hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ và xây dựng đất nước theo con đường của mỗi nước là nguyên tắc chỉ đạo mối quan hệ giữa nhân dân ta với nhân dân hai nước Lào và Campuchia theo tinh thần quốc tế vô sản chân chính”²⁵⁷.

Trên tinh thần đó, trong giai đoạn cách mạng mới, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chủ trương giúp Lào phát huy thắng lợi đã đạt được, củng cố và đẩy mạnh các hoạt động buộc đế quốc Mỹ phải thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Viêng Chăn. Trung ương đã chỉ

²⁵⁵. Hồ sơ 866-B1, lưu tại Thư viện Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

²⁵⁶. Quyết định số 60, ngày 13 tháng 4 năm 1973 của Bộ Quốc phòng.

²⁵⁷. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

thì cho các đoàn quân tình nguyện và chuyên gia sang giúp Lào: “Phải tăng cường đội ngũ cán bộ, chuyên gia nhằm thực hiện tốt việc tiếp quản hai thành phố Viêng Chăn, Luông Phạbang... Hướng dẫn bạn ra sức phát động quần chúng đấu tranh với ba hình thức. Mở cấp tốc các lớp, các đợt huấn luyện ngắn hạn, đào tạo cho bạn những kiến thức cơ bản về quân sự, chính trị, kinh nghiệm đấu tranh binh vận... củng cố hệ thống tổ chức từ tỉnh đến các huyện”²⁵⁸.

Với tinh thần cảnh giác cao độ, đồng thời được sự giúp đỡ tận tình của Việt Nam, quân và dân Lào đã đánh bại mọi thủ đoạn phá hoại việc thi hành Hiệp định Viêng Chăn của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, buộc chúng phải ký Nghị định thư, giải quyết những vấn đề cụ thể về chính trị và quân sự để thi hành Hiệp định Viêng Chăn vào ngày 14 tháng 9 năm 1973²⁵⁹, tạo điều kiện thuận lợi để quân dân Lào đẩy mạnh cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi trọn vẹn.

Trước tình hình mới, ngày 4 tháng 10 năm 1973, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào họp, xác định: tiếp tục giương cao ngọn cờ hoà bình, độc lập, hoà hợp dân tộc..., đoàn kết nhân dân cả nước, phát huy thắng lợi đã giành được..., dựa trên cơ sở pháp lý của Hiệp định và Nghị định thư Viêng Chăn, đấu tranh buộc đối phương phải thi hành nghiêm chỉnh và đầy đủ mọi điều kiện đã ký; tiếp tục nâng cao cảnh giác, đánh bại mọi âm mưu phá hoại của bọn tay sai cực đoan, duy trì hoà bình lâu dài, tạo điều kiện tăng cường củng cố cách mạng về

²⁵⁸. Báo cáo số 630-L193 “Về tình hình và nhiệm vụ của Đảng Nhân dân cách mạng Lào”, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

²⁵⁹. Nghị định thư quy định: việc tổ chức Chính phủ lâm thời, tỷ lệ phân phối các bộ; việc thành lập Hội đồng Chính trị liên hiệp, các nguyên tắc, lề lối làm việc; quy định về cơ cấu chính quyền và lực lượng hỗn hợp hai bên đưa vào hai thành phố trung lập; quy định kế hoạch cụ thể về việc rút hết quân đội nước ngoài...

mọi mặt, tiến lên giành những thắng lợi to lớn trong việc xây dựng một nước Lào độc lập, dân chủ, trung lập thống nhất và thịnh vượng.

Sau khi có Nghị quyết của Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tháng 10 năm 1973), theo yêu cầu của Lào, chuyên gia Việt Nam giúp Quân uỷ Trung ương Lào lập kế hoạch đưa toàn bộ đơn vị bộ đội chủ lực và các tiểu đoàn tập trung của các quân khu, tỉnh lên phía trước tiếp cận với đối phương. Nhanh chóng triển khai thế trận, gây áp lực hỗ trợ cho quân chúng đấu tranh, đồng thời nắm chắc tình hình đối phương, sẵn sàng chiến đấu, đánh bại các âm mưu lấn chiếm của địch.

Đoàn 959 giúp Quân uỷ Lào xây dựng kế hoạch phân chia chiến trường từ Bắc xuống Nam Lào thành bốn khu vực: khu vực Hạ Lào đối tượng là Quân khu 4 của địch, thành phố Xalavăn và Pạc Xê; Trung Lào đối tượng là Quân khu 3 của địch, thành phố Xavannakhet và Thà Khéc; Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng đối tượng là Quân khu 2 và Quân khu 5 của địch, hướng hoạt động là Xăm Thông, Loòng Chặng và Thủ đô Viêng Chăn; Bắc Lào trọng tâm hoạt động hướng vào Quân khu 1 của địch và thành phố Luông Phabang. Đoàn đã xây dựng kế hoạch giúp Bộ Tổng Tham mưu Lào thành lập các Ban Chỉ huy Mặt trận thống nhất ở từng khu vực, tổ chức hệ thống thông tin liên lạc từ Bộ đến thẳng Mặt trận và xây dựng mạng lưới hậu cần riêng cho từng khu vực; cử một số cán bộ xuống các mặt trận giúp triển khai lực lượng, đưa cán bộ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vào thành phố Viêng Chăn, dựa vào Đại sứ quán Việt Nam, giúp bộ phận hoạt động nội thành của Lào chỉ đạo công tác vận động binh lính địch và đấu tranh thi hành các điều khoản của Hiệp định Viêng Chăn.

Đoàn còn phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu Thủ đô, Quân khu Tây Bắc, Quân khu 3 và Tổng cục Hậu cần giúp Lào chuẩn bị

và đưa các tiểu đoàn quân giải phóng nhân dân Lào vào làm nhiệm vụ cảnh vệ và cảnh sát liên hiệp ở hai thành phố Viêng Chăn và Luông Phạbang theo quy định của Nghị định thư. Chỉ trong ba tháng, các đơn vị trong nước cùng Tổng cục Hậu cần và Đoàn 959 đã giúp Lào xây dựng hoàn chỉnh hai đơn vị làm nhiệm vụ cảnh sát liên hiệp, hai đơn vị làm nhiệm vụ bảo vệ; đưa các đơn vị này cùng hàng nghìn tấn hàng hoá, trang bị vào hai thành phố Viêng Chăn và Luông Phạbang an toàn, tạo điều kiện cho Hoàng thân Xuphanuvông và đoàn cán bộ Neo Lào Hắc Xát tham gia thành lập Chính phủ liên hiệp.

Theo quy định của Nghị định thư, tháng 1 năm 1974, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 15 vào thành phố Viêng Chăn và hai tiểu đoàn (406 và 409) vào Luông Phạbang. Các đơn vị của Pathét Lào vào Viêng Chăn và Luông Phạbang đã được nhân dân chào đón nồng nhiệt. Quân phái hữu đã đưa ra những điều kiện vô lý để ngăn cản các tiểu đoàn này vào hai thành phố trung lập. Nhưng trước sự kiên trì đấu tranh của phái đoàn Neo Lào Hắc Xát trong các tổ chức liên hợp, cuối cùng lực lượng phái hữu cũng phải để cho các tiểu đoàn vào hai thành phố như đã thoả thuận ở Nghị định thư.

Song song với việc đưa quân vào bảo vệ an ninh hai thành phố trên, bộ đội tình nguyện Việt Nam và bộ đội Lào đã cảnh giác đập tan các cuộc hành quân lấn chiếm của địch ra các vùng giải phóng ở Luông Phạbang, tây Mường Xúi - Xála Phu Khun, đông và nam Thà Khếch, nam đường 9, nam Pạc Xê, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng và hỗ trợ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh của nhân dân ở vùng địch tạm chiếm.

Tại khu vực Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, đầu năm 1974, Mặt trận 31 cử nhiều tổ công tác cùng các cán bộ Lào làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở, củng cố các đội du kích trong các bản làng.

Mặc dù hoạt động sâu trong vùng địch, kẻ thù ráo riết cản phá, đời sống khó khăn, thiếu thốn nhưng cán bộ, chiến sĩ của Mặt trận luôn kiên trì bám dân tuyên truyền vận động, gây dựng được nhiều cơ sở trong quần chúng, dìu dắt nhiều tổ du kích trong các bản làng người Lào Xung, tạo ra lực lượng tại chỗ để giành chính quyền khi thời cơ đến.

Tại Nam Lào, trên cơ sở lực lượng chuyên gia đã có tại các tỉnh, Đoàn chuyên gia quân sự 565 khẩn trương giúp các địa phương xây dựng lực lượng, tiến công địch bằng ba mũi giáp công (nổi dậy của quần chúng, binh biến trong quân nguy, hậu thuẫn của lực lượng vũ trang cách mạng). Theo yêu cầu của Lào, ở bảy tỉnh thuộc Nam Lào (Khăm Muộn, Xavảnnakhệt, Xalavăn, áttapur, Chămpaxắc, Táven Oọc và Xiphăndon), Trường Quân chính Quân khu và Đặc khu Bôlavên đều bố trí các tổ chuyên gia Việt Nam có cấp tương đương cán bộ Lào. ở các đơn vị, vẫn duy trì chuyên gia ở cấp tiểu đoàn. Ngoài công tác huấn luyện và chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng, Đoàn chuyên gia quân sự 565 còn giúp Nam Lào điều chỉnh một bước về tổ chức lực lượng, trong đó tập trung kiện toàn hai cụm chủ lực ở Hạ Lào và Trung Lào (phát triển lực lượng mỗi cụm lên tương đương một lữ đoàn). Tiếp đó, xây dựng lực lượng, tạo thế vững chắc cho các tỉnh thuộc trung ương để tiến tới giải thể Quân khu Nam Lào. ở tất cả các đơn vị của Nam Lào, việc phối hợp làm việc của chuyên gia ta với chỉ huy của các đơn vị ngày càng có hiệu quả. Tuy địch vẫn duy trì bọn phi hoạt động quấy rối, ra sức tuyên truyền chia rẽ tình hữu nghị Việt Nam - Lào, nhưng nhờ làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nên cán bộ, nhân dân Lào ngày càng tin tưởng ở chuyên gia quân sự Việt Nam, khắc phục được các biểu hiện mất đoàn kết chia rẽ trong nội bộ một vài đơn vị Lào. Về xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng, chuyên gia Việt Nam đã giúp tổ chức phòng ngự vững chắc các vị trí quan

trọng như: Mường Pha Lan, Đồng Hén, Keng Koọc, Khôngxêđôn, Pạc Xoòng, Bôlavên. Đoàn cũng đã giúp Tiểu đoàn 11 thuộc vùng Nam Lào và bộ đội tỉnh Khăm Muộn thực hiện tốt công tác binh vận đối với quân nguy Lào²⁶⁰; triển khai nhiều đợt hoạt động kết hợp phong trào đấu tranh của quần chúng với sử dụng lực lượng vũ trang, giải phóng vùng Khăm Muộn và bắc Xavannakhê... Những hoạt động này đã thiết thực góp phần củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng và mở rộng vùng giải phóng.

Trên mặt trận đối ngoại, từ cuối năm 1973, Đảng Lao động Việt Nam đã tổ chức các đoàn đại biểu đại diện cho Đảng và Nhà nước sang thăm hữu nghị chính thức vùng giải phóng Lào, như: chuyến thăm của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ, do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương dẫn đầu, từ ngày 2 đến 6 tháng 11 năm 1973; chuyến thăm của Đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam, do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ dẫn đầu (tháng 1 năm 1974); chuyến thăm của Đoàn đại biểu phụ nữ giải phóng miền Nam, do bà Nguyễn Thị Định dẫn đầu (tháng 4 năm 1974)...

Việt Nam cũng giúp Lào đón nhiều đoàn đại biểu của các nước đến thăm vùng giải phóng Lào, như: Đoàn đại biểu Quốc hội Thụy Điển, Đoàn đại biểu kinh tế Cuba (tháng 1 năm 1974); Đoàn đại biểu Đảng Công nhân xã hội thống nhất Hunggari, Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Bungari (tháng 2 năm 1974); Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Cuba (tháng 2 năm 1974)...

Các chuyến thăm chính thức của Việt Nam cũng như việc giúp

²⁶⁰. Sáu tháng đầu năm 1973, tỉnh Khăm Muộn đã vận động được hàng trăm binh sĩ địch bỏ ngũ, trong đó có hơn 50 người chạy sang hàng ngũ quân giải phóng.

Lào đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao, không chỉ có ý nghĩa thắt chặt hơn nữa mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, mà còn góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Lào trên trường quốc tế, tạo thế và lực cho cuộc đấu tranh ở trong nước.

Sau gần một năm lãnh đạo cách mạng trong điều kiện hoà bình, trong các ngày 10 và 11 tháng 12 năm 1973, Đoàn đại biểu cấp cao hai Đảng đã có cuộc hội đàm tại Đồ Sơn bàn về tình hình cách mạng hai nước và phương hướng hợp tác trong thời gian tới. Đoàn Việt Nam có các đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương; Nguyễn Duy Trinh, Ủy viên Bộ Chính trị; Hoàng Anh, Bí thư Ban Bí thư; Nguyễn Đôn, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương. Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào gồm các đồng chí: Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư; Xuphanuvông, Nủắc Phumxavăn, Phumi Vôngvichít, Khăm Tày Xiphănđon, Xixômphon Lòvănxay, Ủy viên Bộ Chính trị. Tham dự hội đàm còn có các đồng chí Đặng Thới, Bộ trưởng; Đào Việt Hưng và Nguyễn Chính Giao, Ủy viên Ban Công tác miền Tây.

Trong cuộc hội đàm, đồng chí Cayxôn Phômvihản đã trình bày hai vấn đề: tình hình nhiệm vụ, phương hướng công tác lớn của cách mạng Lào và làm thế nào để Đảng Lao động Việt Nam giúp cách mạng Lào có hiệu quả hơn trong thời kỳ mới. Đồng chí đã khái quát quá trình phát triển của cách mạng Lào và khẳng định sự giúp đỡ to lớn của Việt Nam cũng như những cống hiến to lớn của đội ngũ chuyên gia, quân tình nguyện Việt Nam đối với cách mạng Lào. Về vấn đề chuyên gia trong thời kỳ mới, đồng chí nói: “hiện nay tổ chức chuyên gia ở Lào, trên Trung ương có Đoàn chuyên gia, Đoàn 959, ở các tỉnh uỷ, huyện uỷ, một số xã, một số tiểu đoàn đều có tổ chuyên gia; các cơ quan trung ương như: Tuyên giáo, Tổ chức, Kinh tế, Tài chính... đều có tổ chuyên gia... Vì vậy, nảy sinh

tình trạng ỷ vào chuyên gia Việt Nam của cán bộ Lào. Thêm nữa, trong thời gian qua, do yêu cầu của phía Lào, số lượng chuyên gia Việt Nam tăng nhiều, nên một số chuyên gia không đáp ứng được yêu cầu, kinh nghiệm công tác không phù hợp với đặc điểm của Lào.

Phương hướng thời gian tới nên: tập trung vào giúp những vấn đề cơ bản nhất, những khâu then chốt nhất, tạo điều kiện cho Lào nhanh chóng đảm đương công việc một cách độc lập, tự chủ; hai Đảng trao đổi với nhau toàn diện về các vấn đề quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao, nhưng chuyên gia thì không nên giúp toàn diện nữa. Về kinh tế, văn hoá nên tăng cường giúp, nhưng chính trị, quân sự thì từng bước giảm bớt, đi đến bỏ hẳn chuyên gia; yêu cầu Việt Nam giúp một số chuyên gia nghiên cứu cơ bản cho trung ương về kinh tế và quân sự; cần bỏ hệ thống dọc của chuyên gia, bỏ các đoàn chuyên gia ở trung ương cũng như các địa phương. Tất cả chuyên gia do phía Lào trực tiếp chỉ đạo, giao công tác”²⁶¹.

Riêng về quân sự, đồng chí Khăm Tày đề nghị: quân tình nguyện cần ở lại chiến đấu với Lào, lực lượng này bố trí ở các khu vực chiến lược như Luông Phạbang, Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, cao nguyên Bôlavên và vùng bắc Hỉn Hốp; cần có tổ chuyên gia quân sự giúp công tác tổng kết, tổng hợp tình hình và tổ chuyên gia giúp các cụm chủ lực cần thiết.

Hai đoàn thống nhất xác định: vấn đề quan trọng quyết định nhất trong tình hình hiện nay để đưa cách mạng Lào tiến lên là phải củng cố, xây dựng vùng giải phóng, nắm chắc lực lượng vũ trang, đi đôi với việc sử dụng Chính phủ liên hiệp, đẩy mạnh đấu tranh chính trị trong hai thành phố trung lập và trong vùng đối phương

²⁶¹. Biên bản hội đàm giữa hai Đảng tháng 12 năm 1973, lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, TK-4565.

quản lý. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hiệp định và Nghị định thư Viêng Chăn, cần phải bố trí lại lực lượng, đưa các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đứng chân ở tuyến sau, giúp bảo vệ, giữ vững vùng giải phóng, đề phòng địch bất ngờ tiến công lấn chiếm; đưa bộ đội giải phóng Lào lên phía trước, trực tiếp tiếp xúc với địch, gây áp lực, làm chỗ dựa cho quần chúng đấu tranh và sẵn sàng tiến công địch khi cần thiết.

Về vấn đề chuyên gia, hai bên nhất trí rút phần lớn chuyên gia Việt Nam về nước, nhưng phải bàn bạc cụ thể, làm từng bước thận trọng.

Thực hiện chủ trương của hai Đảng trong cuộc hội đàm tháng 12 năm 1973, Việt Nam từng bước rút chuyên gia ở tỉnh và huyện về nước (rút trước tháng 5 năm 1974), đồng thời điều chỉnh lại các lực lượng chuyên gia và quân tình nguyện còn lại để giúp Lào thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Đoàn chuyên gia quân sự 959 rút phần lớn cán bộ về nước, chỉ còn lại 100 đồng chí. Đoàn không còn hệ thống tổ chức giúp từ trung ương đến các đơn vị cơ sở nữa, mà chỉ hình thành các bộ phận nghiên cứu giúp Quân uỷ Trung ương và Bộ Chỉ huy tối cao Lào những vấn đề cơ bản về chủ trương, chính sách và sau đó giúp tổ chức thực hiện, rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung.

Cũng trên tinh thần cuộc hội đàm giữa hai Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Lao động Việt Nam (tháng 12 năm 1973), tháng 4 năm 1974, tại Mương Viêng Xây (Sầm Nưa), Đoàn đại biểu Neo Lào Hắc Xát và Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tiến hành hội đàm để giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước. Hai bên đã thống nhất nhận định: do quyền lợi thiết thân trong đời sống hằng ngày, cán bộ, bộ đội và nhân dân ở dọc biên giới hai nước có khi còn hiểu lầm hoặc

chưa hiểu sâu sắc về nhau. Trong lúc đó, một số kẻ có ý đồ xấu, nhất là do âm mưu chia rẽ của địch, nên đã có dư luận không tốt làm tổn thương đến tình đoàn kết đặc biệt giữa hai Đảng và nhân dân hai nước.

Hai bên nhất trí rằng việc giải quyết vấn đề biên giới nhằm mục đích: bảo vệ, củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị anh em đặc biệt vốn có từ lâu đời giữa nhân dân hai nước, để cùng nhau tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa cho cách mạng của hai nước; để cho nhân dân dọc biên giới hai nước có trách nhiệm cùng nhau bảo vệ biên giới, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc qua lại, làm ăn của nhân dân dọc biên giới hai nước được ổn định, góp phần đập tan âm mưu chia rẽ và phá hoại của địch. Cuối cùng, hai bên thống nhất đề ra những nguyên tắc cần thiết để giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước một cách công bằng và bình đẳng.

Tháng 2 năm 1974¹, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào tiến hành Hội nghị toàn thể lần thứ hai để xác định nhiệm vụ trong tình hình mới. Hội nghị đã cụ thể hoá đường lối của Đại hội Đảng lần thứ II (năm 1972), nhằm hoàn thành thắng lợi cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước. Hội nghị cũng phổ biến về nội dung cuộc hội đàm tháng 12 năm 1973 giữa hai Đảng và bàn những nội dung cần tiến hành để thực hiện các thoả thuận giữa hai Đảng.

Nhằm quán triệt Nghị quyết Trung ương tháng 2 năm 1974 và nội dung hội đàm giữa hai Đảng, Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào triệu tập Hội nghị cán bộ toàn quốc từ ngày 18

¹. *Lịch sử văn hoá Lào*. Theo *Biên niên các sự kiện Lào*, Hội nghị Trung ương diễn ra vào tháng 3, còn theo *Lịch sử Đảng* là tháng 4.

tháng 3 đến 8 tháng 5 năm 1974²⁶² (có tài liệu nói ngày 13 tháng 5 năm 1974). Về dự Hội nghị có 145 đại biểu, gồm các đồng chí thường vụ tỉnh uỷ, trưởng, phó ban, ngành trung ương trở lên. Hội nghị đã dành nhiều thời gian để các đại biểu bộc lộ tâm tư nhằm củng cố tình cảm đặc biệt Việt Nam - Lào. Hội nghị đã thống nhất đánh giá những thành tích, ưu điểm to lớn của Việt Nam trong việc giúp đỡ cách mạng Lào, đồng thời cũng chỉ ra những thiếu sót cần khắc phục trong thời gian tới. Tại Hội nghị, đồng chí Cayxôn Phômvihân phát biểu một số nội dung xoay quanh vấn đề quan điểm của Đảng Nhân dân cách mạng Lào về mối quan hệ Lào - Việt Nam.

Đồng chí khẳng định: mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam được hình thành, vun đắp và thử thách trong quá trình cách mạng. Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, gay go ác liệt chống đế quốc Mỹ, mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam không những được củng cố, tăng cường mà còn tạo một sức mạnh và niềm tin vào chiến thắng. Mỗi bước đi đến thắng lợi của cách mạng Lào đều kết hợp chặt chẽ giữa sự nỗ lực chủ quan của Đảng ta, dân tộc ta với sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa, phong trào cách mạng dân tộc dân chủ và hoà bình thế giới, trong đó liên minh chiến đấu giữa Đảng ta, nhân dân ta với Đảng Lao động Việt Nam, nhân dân Việt Nam là điều kiện cơ bản mà chúng ta coi trọng như một yếu tố của thắng lợi. Mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào không những do yêu cầu khách quan, mà còn do lợi ích gắn bó với nhau bởi truyền thống tốt đẹp hiếm có trong lịch sử đấu tranh cách mạng lâu dài từ trước đến nay, cũng như từ nay về sau, vẫn còn là một yêu cầu thiết thân sống

²⁶². Tài liệu Hội nghị cán bộ toàn quốc Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, phòng 82, đơn vị bảo quản 1057.

còn của mỗi nước. Thái độ của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đối với quan hệ Lào - Việt Nam là: chân thành, trung thực, không ích kỷ; tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau; thông cảm và thương yêu nhau; tự phê bình và phê bình đúng đắn; chủ động lãnh đạo quần chúng.

Về mối quan hệ giữa tự lực cánh sinh với sự giúp đỡ của Việt Nam, phải tự lực cánh sinh như thế nào trước sự cải tiến cách giúp của chuyên gia Việt Nam, đồng chí nhấn mạnh mặt nhận thức tư tưởng: phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục hạn chế tư tưởng tự ty, ỷ lại vào sự giúp đỡ của nước ngoài; có ý thức phấn đấu vươn lên, khắc phục mọi khó khăn, bi quan, dao động, đa nghi khi gặp khó khăn; nâng cao tinh thần chủ động, tích cực, tinh thần dám nghĩ dám làm...

Cuối cùng, đồng chí Cayxôn Phômvihân đề ra một số công tác trước mắt cho các ngành, các địa phương phải tiến hành một cách khẩn trương trước tình hình đang thay đổi hiện nay.

Sau khi các tiểu đoàn quân giải phóng Lào vào hai thành phố trung lập bảo đảm an ninh, ngày 3 tháng 4 năm 1974, Hoàng thân Xuphanuvông, Chủ tịch Neo Lào Hắc Xát và đoàn cán bộ Lào vào Viêng Chăn xúc tiến việc thành lập Chính phủ liên hiệp và Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp Lào. Ngày 5 tháng 4, Chính phủ liên hiệp do Hoàng thân Xuvăнна Phuma làm thủ tướng, Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp do Hoàng thân Xuphanuvông làm chủ tịch chính thức ra mắt nhân dân cả nước. Các bộ chủ chốt được chia đều cho các bên, các thứ trưởng đều là người của phía bên kia tham gia. Quá trình thực hiện các điều khoản chủ yếu được diễn ra theo đúng tinh thần Hiệp định. Tháng 5 năm 1974, Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp thông qua báo cáo chính trị khẳng định: việc ký kết văn bản Hiệp định Viêng Chăn thành lập Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp và Chính phủ liên hiệp lâm thời là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử quan trọng, tạo ra bước

ngoặt lớn trên con đường tiến lên của dân tộc Lào; phải tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và những phần tử phản động... Tiếp đó, ngày 25 tháng 5 năm 1974, Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp thông qua Cương lĩnh chính trị 18 điểm do Neo Lào Hắc Xát đưa ra nhằm xây dựng một nước Lào hoà bình, trung lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng.

Trước sự đấu tranh kiên quyết và mạnh mẽ của nhân dân Lào, tháng 5 năm 1974, Mỹ và Thái Lan đã phải rút hết quân ra khỏi lãnh thổ Lào. Sự kiện này làm cho quân phái hữu vốn đã yếu nay lại càng suy yếu hơn. Trong khi đó, phong trào đấu tranh của nhân dân và sinh viên ngày càng phát triển, tạo thành cao trào trong toàn quốc. Ngày 9 tháng 7, học sinh, sinh viên và quần chúng cách mạng ở Thủ đô Viêng Chăn mít tinh trước trụ sở “Quốc hội Viêng Chăn”, đốt các biểu ngữ và áp phích phản động của bọn cực hữu. Sĩ quan và binh lính ở Phôn Khêng chống lại lệnh, không đi đàn áp cuộc biểu tình của nhân dân. Ngày 10 tháng 7, Chính phủ liên hiệp ra một quyết định quan trọng: giải tán “Quốc hội Viêng Chăn” - thành luỹ chính trị của giai cấp tư sản phản động thân Mỹ.

Ngoài việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế tại Lào về quân sự, chính trị, sau ngày ký kết các hiệp định hoà bình, Việt Nam đã tập trung cùng Lào giải quyết những yêu cầu cấp bách để mau chóng ổn định sản xuất, đời sống của nhân dân, đồng thời xúc tiến công tác điều tra cơ bản để chuẩn bị các mặt cho việc phát huy kinh tế của vùng giải phóng trong những năm tới.

Trong nông nghiệp, Việt Nam đã giúp đẩy mạnh sản xuất ở vùng giải phóng lên một bước. ở Sầm Nưa, Phôngxalỳ, nhân dân Lào đã làm vụ chiêm, làm ruộng nương bậc thang, định canh định cư, giảm bớt tình trạng phá rừng. Chuyên gia Việt Nam giúp xây

dựng được 20 tổ nông nghiệp cơ sở để xây dựng xã, bản có sản xuất khá và vững mạnh về các mặt; giúp tổ chức mạng lưới thú y, giúp một trại sản xuất tổng hợp nuôi lợn, bò, gà, cá và trồng rau, cây ăn quả; giúp khảo sát vùng cao nguyên Bôlavên...

Về thủy lợi, đã giúp phát triển mạng lưới thủy lợi nhỏ ở các địa phương, xây dựng 131 cơ sở thủy lợi nhỏ, tưới được 16.000 ha, trên tổng số 40.000 ha ruộng nước, xây dựng ba trạm thủy điện nhỏ.

Về lâm nghiệp, xây dựng một số lâm trường khai thác gỗ ở Sầm Nưa, mỗi năm khai thác từ 700 - 800 m³. Mở rộng cơ sở nghiên cứu kiến đồ ở Sầm Nưa, xây dựng một cơ sở xẻ gỗ 1.000m³/năm ở Mương Xôi. Tiến hành nghiên cứu điều tra để tổ chức khai thác, chế biến gỗ ở Trung Lào.

Về công nghiệp và thủ công nghiệp, khôi phục một số nghề truyền thống trong nhân dân như dệt, rèn, gốm, cải tiến kỹ thuật nấu đường mía, nấu muối... Trong khu vực quốc doanh, giúp xây dựng được 26 cơ sở rèn, ba xưởng cơ khí thông dụng từ 20 - 50 tấn/năm, một xưởng trùng tu xe ô tô 50 xe/năm, một xưởng bảo dưỡng xe cấp ba, một xưởng mộc 300 m³/năm, một xưởng dệt có phân xưởng dệt kim (24 máy), 10 cơ sở dệt cải tiến (quy mô 10 - 20 khung cửi dệt), hai cơ sở may mặc (10 - 40 máy), tám cơ sở xay xát gạo (34 máy), ba cơ sở sản xuất bánh kẹo, một cơ sở sản xuất bánh mì nhỏ.

Về thăm dò địa chất, Việt Nam giúp điều tra phát hiện được 200 điểm báo quặng trong vùng giải phóng; giúp tìm nguồn nước ngầm phục vụ khu trung ương, điều tra quặng sắt vùng Xiêng Khoảng, fêrit sắt vùng Sầm Nưa, than đá vùng Xalavăn.

Về giao thông vận tải, phía Việt Nam giúp bảo đảm giao thông vận tải trên các đường chiến lược, giúp Lào thêm 1.240 km đường mới bảo đảm chạy vào mùa khô và đang giúp rải nhựa nâng cấp đường 6 và 17B. Ngoài ra, còn giúp công cụ, kỹ thuật để nhân dân

vùng giải phóng tự làm khoảng 2.000 km đường nhỏ ngắn đi lại giữa các địa phương. Từ năm 1971 trở về trước, ngành vận tải Việt Nam vận chuyển khoảng 13 - 18 ngàn tấn hàng hoá, vũ khí đạn dược phục vụ kịp thời cho sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Lào. Sang năm 1972 - 1973, khối lượng vận chuyển được tăng dần. Riêng mùa khô 1972 - 1973 đã chuyển được 28.000 tấn, mùa khô 1973 - 1974 tăng lên 340 tấn và 300 tấn hàng theo yêu cầu đột xuất cho các tỉnh phía Bắc.

Về bưu điện, giúp xây dựng xong đường tải ba Na Mèo - Sầm Nưa - Hà Nội, giúp công tác bưu chính, điện báo bảo đảm liên lạc từ trung ương xuống các tỉnh, giữa tỉnh tới huyện, giữa Viêng Chăn tới trung ương.

Về xây dựng cơ bản, giúp xây cất được khoảng 57.400 m² nhà các loại. Giúp cải tạo và xây dựng 7.000 m² hang đá làm bệnh viện và cơ quan của Đảng, Mặt trận ở Sầm Nưa.

Về tài mậu, giúp xây dựng các ngành tài chính, ngân hàng, thương nghiệp từ trung ương xuống các tỉnh, hình thành mạng lưới thương nghiệp trong toàn vùng giải phóng. Giúp hình thành một số chế độ, thể lệ đưa dần công tác tài mậu vào nền nếp. Giúp phát hành đồng kíp mới (đồng kíp giải phóng), giữ vật giá tương đối ổn định, doanh số hàng năm đều tăng góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Về văn hoá, giáo dục, y tế, dù trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt gặp nhiều khó khăn, ngành giáo dục Việt Nam vẫn giúp vùng giải phóng Lào duy trì và phát triển giáo dục cả ba hệ thống phổ thông, bổ túc và bình dân. Số học sinh chiếm 8% số dân trong vùng giải phóng. Ngoài ra, còn giúp xây dựng một số trường chuyên nghiệp trung cấp, sơ cấp như giao thông, bưu điện, nông nghiệp, thương nghiệp, y tế, sư phạm. Đặc biệt trong thời gian này, Việt Nam đã giúp Lào mở Trường Đại học Sư phạm Viêng Xây - trường

đại học đầu tiên trong vùng giải phóng Lào. Một mạng lưới y tế được hình thành và hoạt động đều từ trung ương xuống đến xã. Trong toàn vùng giải phóng đã xây dựng 20 bệnh viện, 76 bệnh xá (với 1.949 giường bệnh), 2/3 số xã có trạm xá, 1/2 số bản có tủ thuốc, thành lập 11 trại chữa bệnh hủi, một xưởng sản xuất thuốc chữa bệnh ở trung ương.

Bộ Văn hoá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà giúp xây dựng Đoàn văn công ở trung ương và một số tỉnh, một đoàn xiếc trung ương, xây dựng ngành điện ảnh và đã quay được một số bộ phim thời sự, tài liệu phục vụ kịp thời cho công tác tuyên truyền, giáo dục; giúp công tác sáng tác văn học, âm nhạc, xuất bản, in các tài liệu tuyên truyền, giáo dục, sách giáo khoa... giúp xây dựng Đài Phát thanh Pathét Lào và đài trung lập, đảm bảo hoạt động liên tục trong mọi tình huống.

Công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật: từ năm 1960, Lào bắt đầu gửi học sinh sang học tập ở Việt Nam. Các trường chuyên nghiệp Việt Nam (trừ các trường quân sự, công an) đã đào tạo hàng nghìn cán bộ thuộc đủ mọi ngành, nghề thuộc lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục. Số học sinh Lào đang học tập tại Việt Nam có 1.917 người thuộc các trường chuyên nghiệp, 4.318 học sinh phổ thông các cấp.

Ngoài ra, từ năm 1968, các tỉnh có biên giới với Lào cũng được Trung ương Đảng Lao động Việt Nam giao nhiệm vụ trực tiếp giúp các tỉnh thuộc vùng giải phóng Lào có chung biên giới với Việt Nam. Riêng Đoàn 559 có nhiệm vụ giúp đỡ toàn diện 14 huyện dọc tuyến đường miền Nam Lào.

Tại Việt Nam, cuối năm 1974, trước tình hình nhiệm vụ chuyên gia giúp Lào có sự thay đổi, từ ngày 5 đến 17 tháng 12, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã tổ chức Hội nghị chuyên gia chính trị, kinh tế, văn hoá để tổng kết, đánh giá sự

đóng góp của chuyên gia Việt Nam trong 10 năm qua đối với cách mạng Lào (1964 - 1974), bàn phương hướng, nội dung giúp cách mạng Lào trong tình hình mới. Hơn 100 đại biểu thuộc các ngành công tác ở các địa phương của Lào đã về họp. Đồng chí Lê Duẩn và đồng chí Cayxôn Phômvihản đã đến thăm và nói chuyện với Hội nghị.

Hội nghị tập trung thảo luận các vấn đề như: cuộc chiến tranh xâm lược Lào của đế quốc Mỹ trong 10 năm qua (1964 - 1974); sự giúp đỡ của chuyên gia, ưu khuyết điểm và những bài học kinh nghiệm. Hội nghị thống nhất nhận định: trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua, ngoài sự nỗ lực vượt bậc của quân dân Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Neo Lào Hắc Xát, còn có lực lượng chuyên gia Việt Nam được Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cử sang sát cánh cùng quân dân Lào trong cuộc đấu tranh kiên cường chống kẻ thù chung. Phong trào cách mạng Lào càng phát triển mạnh mẽ, do yêu cầu của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, số lượng chuyên gia Việt Nam thuộc các ngành chính trị, kinh tế, văn hoá ngày càng tăng, nhất là từ năm 1964 đến 1972.

Đánh giá về thành tựu của chuyên gia, báo cáo tổng kết nhắc lại nhận định của đồng chí Cayxôn tại cuộc hội đàm hai Đảng tháng 12 năm 1973: “Chuyên gia đã giúp tạo cho Lào những nhân tố quyết định để đảm bảo đi tới thắng lợi cuối cùng; giúp hình thành lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, mặt trận dân tộc thống nhất; giúp giành, giữ và xây dựng vùng giải phóng... Quan trọng và quyết định nhất là đã giúp xây dựng đảng Mác - Lênin chân chính, đội ngũ cán bộ, đảng viên từ ít đến nhiều, đã tiến bộ một bước khá dài, tự đảm đương được nhiều mặt công

tác, tinh thần tự lực, tự cường tiến lên từng bước sâu hơn”²⁶³.

Hội nghị xác định: có được những thành tựu trên của đội ngũ chuyên gia, trước hết là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng ta, sự tin cậy và giúp đỡ tận tình của các cấp ủy đảng, cán bộ và nhân dân Lào; đa số chuyên gia đã nêu cao tinh thần quốc tế trong sáng, kiên định lập trường chiến đấu, nhiệt tình cách mạng, chân thành, thủy chung, chí tình, chí nghĩa với bạn, coi sự nghiệp cách mạng của bạn như sự nghiệp của mình; có phẩm chất, năng lực và kinh nghiệm công tác, nhiều đồng chí lăn lộn nhiều năm với phong trào cách mạng Lào...

Hội nghị cũng thẳng thắn nêu ra các khuyết điểm của đội ngũ chuyên gia, đó là: trong giữ nguyên tắc, một số chuyên gia đã không thực hiện đúng lời dạy của Bác Hồ trong cuộc hội đàm giữa hai Đảng năm 1961 là “Chuyên gia phải đặt dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng bạn”, nên có đồng chí coi nhẹ sự chỉ đạo của cấp trên bạn, ít lắng nghe bạn, gò ép bạn theo ý định có sẵn của mình. Một số chuyên gia rập khuôn máy móc, thường đem kinh nghiệm, kiểu cách Việt Nam áp dụng máy móc vào Lào, không chịu khó nghiên cứu đặc điểm Lào, kể cả đặc điểm từng địa phương, từng dân tộc để vận dụng cho phù hợp; chưa làm tốt công tác điều tra, nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm.

Về bộ máy tổ chức, lẽ ra chuyên gia phải thu hẹp từng bước theo sự trưởng thành của bạn như đồng chí Lê Duẩn đã chỉ đạo: “Bộ máy của bạn càng được kiện toàn bao nhiêu thì bộ máy của ta càng phải nhỏ bấy nhiêu”, nhưng chúng ta đã tính toán chủ quan, theo ý muốn được việc, không ngừng tăng cường đội ngũ

²⁶³. Báo cáo tổng kết 10 năm chuyên gia chính trị, kinh tế, văn hoá giúp cách mạng Lào (1964 - 1974), lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

chuyên gia, bố trí còn dàn trải, chưa tập trung vào những khâu cơ bản...

Về nguyên nhân của những khuyết điểm trên, Hội nghị xác định: nguyên nhân cơ bản là một số chuyên gia chưa quán triệt đầy đủ tính chất đặc biệt và những nguyên tắc trong quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước. Nhiều đồng chí thường nhấn mạnh tính đặc biệt mà lãng quên mặt nguyên tắc của quan hệ.

Cuối cùng, Hội nghị xác định: cách mạng Lào đã giành được thắng lợi to lớn, vượt bậc toàn diện, có cơ sở vững chắc, có ý nghĩa chiến lược, lịch sử và tính thời đại (năm 1973), nhiệm vụ của chuyên gia Việt Nam cũng góp phần kết thúc một giai đoạn lịch sử. Nhưng cuộc đấu tranh của nhân dân Lào còn đang tiếp diễn, ta còn phải tiếp tục giúp đỡ. Chúng ta cần khắc phục thiếu sót, tìm những hình thức mới cho phù hợp với bước ngoặt của cách mạng Lào nhằm đạt những thành tích cao hơn nữa.

Hội nghị chuyên gia chính trị, kinh tế, văn hoá là một dịp quan trọng để tổng kết, đánh giá sự đóng góp của chuyên gia Việt Nam trong 10 năm qua đối với cách mạng Lào. Tuy còn có những khuyết điểm, nhưng thành tích và ưu điểm của chuyên gia Việt Nam vẫn là mặt cơ bản. Đội ngũ chuyên gia đã không phụ lòng tin của Trung ương Đảng Nhân dân Lào, hoàn thành tốt nhiệm vụ của hai Đảng giao phó, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân các bộ tộc Lào, góp phần vun đắp tình hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào.

2. Phối hợp đẩy mạnh đấu tranh giành thắng lợi hoàn toàn năm 1975

Tại Lào, trước những thắng lợi cơ bản của cách mạng, tháng 11 năm 1974, Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã họp

đánh giá thắng lợi của hơn một năm thực hiện Hiệp định và đề ra nhiệm vụ của cách mạng Lào trong thời gian tới. Hội nghị đánh giá: phong trào cách mạng trong các tầng lớp nhân dân, công nhân, sinh viên, công chức và một bộ phận quân đội, cảnh sát thuộc phái hữu được cách mạng giác ngộ ngày càng lên cao. Phạm vi kiểm soát tạm thời của phái Viêng Chăn bị thu hẹp (chỉ còn dọc bờ sông Mê Công), nhưng lại bị chia thành hai khu (khu trung lập và khu chính quyền Viêng Chăn quản lý) và cả hai khu đều có cơ sở của cách mạng.

Trên cơ sở phân tích, nhận định, đánh giá đầy đủ tình hình, Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào đề ra nhiệm vụ và mục tiêu trước mắt là: “Phải kiên quyết đấu tranh xoá bỏ sự thao túng và khống chế của đế quốc Mỹ; tranh thủ phân hoá lực lượng phái hữu làm cho chúng bị cô lập... kiên quyết không để cho bọn phản động lật đổ Chính phủ liên hiệp và gây lại xung đột vũ trang. Đấu tranh làm cho bộ máy chính quyền Viêng Chăn từ trung ương tới cơ sở bị tê liệt, không có điều kiện thực hiện các chủ trương phản động. Tranh thủ sự viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa, từng bước cải tiến cơ cấu kinh tế, tài chính ngày càng có lợi cho sự phát triển kinh tế của cả nước...”.

Phương châm hành động trong giai đoạn tới được xác định là: giương cao ngọn cờ hoà bình, độc lập, dân chủ, hoà hợp dân tộc, thống nhất quốc gia. Tranh thủ tiến công địch nhưng phải biết nhân nhượng, nhằm tranh thủ mọi lực lượng (có thể được), trung lập hoá mọi lực lượng, kể cả tranh thủ Nhà vua và Hoàng tộc...

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng lan rộng và sôi nổi. Từ cuộc đấu tranh vì sự công bằng, đòi quyền sống trong hoà bình, quyền dân chủ tiến tới cuộc nổi dậy giành

chính quyền từng phần.

ở Viêng Chăn, sau nhiều phiên họp, cuối tháng 12 năm 1974, Chính phủ liên hiệp và Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp buộc phải chấp nhận Cương lĩnh chính trị 18 điểm và Chương trình hành động 10 điểm của phía cách mạng đưa ra và coi Cương lĩnh 18 điểm là nguyên tắc hoạt động đối nội, đối ngoại của Chính phủ liên hiệp lần này.

Những thành công của Lào trên mặt trận đấu tranh pháp lý và sự có mặt của lực lượng vũ trang cách mạng ở hai thành phố trung lập đã làm hậu thuẫn cho nhân dân sôi nổi đứng lên đấu tranh. Ngụy quân, ngụy quyền hoang mang dao động và xuất hiện sự phân hoá sâu sắc. Nội bộ địch vốn đã có nhiều mâu thuẫn, nay những mâu thuẫn đó lại càng sâu thêm, nhiều nơi chúng đã dùng lực lượng quân sự để tranh giành quyền lực, đem quân thanh toán lẫn nhau, như ở bắc và nam Thà Khẹt.

Tháng 12 năm 1974, binh lính và sĩ quan tiến bộ của Tiểu đoàn BC102 ở Huội Xài do Chăn Xúc chỉ huy đã nổi dậy đấu tranh chống các phần tử thân Mỹ, đòi thi hành Hiệp định và Nghị định thư, đòi trừng trị bọn phá hoại Hiệp định và bọn tham nhũng. Được sự phối hợp của lực lượng cách mạng, lực lượng này đã ly khai khỏi sự điều hành của Phân khu Huội Xài và xin được hợp tác với Neo Lào Hắc Xát. Quân dân Huội Xài đã nhanh chóng kết hợp cùng lực lượng binh biến nổi dậy giành chính quyền huyện và tỉnh. Bọn địch ở đây bị bất ngờ, tháo chạy, lực lượng cách mạng làm chủ toàn bộ khu vực Huội Xài. Tại Quân khu 1, quân ngụy đưa lực lượng từ Luông Phạbang đến để phản kích. Neo Lao Hắc Xát sử dụng thế hợp pháp của Chính phủ liên hiệp yêu cầu địch phải rút về, tình hình trở lại ổn định.

Từ thắng lợi Huội Xài, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân

dân cách mạng Lào rút ra kết luận: với tình thế cách mạng hiện nay, chủ trương kết hợp tiến công địch bằng ba đòn chiến lược (nổi dậy của quần chúng, binh biến ly khai trong binh lính địch, áp lực quân sự của các lực lượng vũ trang cách mạng) và mũi đấu tranh pháp lý để giành chính quyền từng khu vực là đúng đắn và sáng tạo. Bộ Chính trị quyết định phổ biến kịp thời kinh nghiệm Huội Xài cho các địa phương trong cả nước, yêu cầu các địa phương học tập để đẩy mạnh đấu tranh.

Tại Việt Nam, vào nửa cuối năm 1974, thế và lực cách mạng ở miền Nam đã mạnh hơn hẳn, quân nguy ngày càng suy yếu rõ rệt, nội bộ nước Mỹ đang khủng hoảng nghiêm trọng. Tuy nhiên, về điều kiện quốc tế, Việt Nam có những khó khăn mới: cả Liên Xô và Trung Quốc đều chấm dứt viện trợ quân sự cho Việt Nam.

Căn cứ vào tình hình trong nước và quốc tế, Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương Đảng Lao động Việt Nam hạ quyết tâm: phải nhanh chóng giải phóng miền Nam với thời gian nhanh nhất có thể. Từ ngày 18 tháng 12 năm 1974 đến 8 tháng 1 năm 1975, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã xác định: giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976 và nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Sau khi hoàn thành các mặt chuẩn bị cả về thế và lực, đầu tháng 3, Việt Nam bắt đầu tiến hành cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975. Mở đầu là chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4 tháng 3 đến 3 tháng 4 năm 1975), tiêu diệt và làm tan rã Quân đoàn 2 - Quân khu 2 nguy, giải phóng Tây Nguyên, tạo sự thay đổi cơ bản về so sánh lực lượng và thế chiến lược, dẫn tới sự sụp đổ về chiến lược và tinh thần của địch. Đồng thời với hướng Tây Nguyên, tại Quân khu Trị - Thiên và Quân khu 5, quân dân Việt Nam mở chiến dịch Trị - Thiên - Huế (từ ngày 5 đến 26 tháng 3), chiến dịch Đà

Năng (từ ngày 26 đến 29 tháng 3), diệt và làm tan rã phần lớn Quân đoàn 1 - Quân khu 1, giải phóng năm tỉnh miền Trung, trong đó có hai thành phố lớn là Huế và Đà Nẵng, đập tan âm mưu co cụm chiến lược của địch, tạo bước phát triển nhảy vọt về cục diện chiến tranh. Tiếp đó, sau khi quét sạch địch ở Phan Rang (ngày 16 tháng 4), Xuân Lộc (ngày 21 tháng 4), các quân đoàn chủ lực Việt Nam từ nhiều hướng tiến về tập trung mở chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 đến 30 tháng 4), tiến công giải phóng Sài Gòn. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng đã tung bay trên nóc Dinh Độc lập. Chính quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam toàn thắng.

Trải qua cuộc trường chinh 30 năm với ba mốc son chói lọi: Cách mạng tháng Tám 1945, Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 và Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975 toàn thắng, dân tộc Việt Nam đã hoàn thành vẻ vang sự nghiệp cứu nước. ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới kéo dài hơn một thế kỷ trên đất nước Việt Nam đã vĩnh viễn chấm dứt. Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trên thế giới, đây là lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc nhỏ, vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế kém phát triển đã vùng lên tự giải phóng và liên tiếp đánh thắng những cường quốc đế quốc chủ nghĩa, chủ yếu bằng sức của chính mình, nêu một tấm gương anh dũng, bất khuất, trí tuệ, tài năng trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Cụm từ “Việt Nam - Hồ Chí Minh” đi vào ngôn ngữ các dân tộc, đồng nghĩa với lương tri và phẩm giá con người, với chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Tại Lào, bước sang năm 1975, khí thế đấu tranh chính trị của

quần chúng ngày càng lên cao, mở đầu là cuộc biểu tình của 300 học sinh Pắc Xê diễn ra trong nhiều tuần lễ. Tiếp đến là cuộc đấu tranh của nhân dân mừng Noong Bốc từ ngày 4 tháng 1 đến ngày 21 tháng 2 năm 1975, dưới sự lãnh đạo của chi bộ đảng ở địa phương. Trước sự đàn áp của địch, nhiều đảng viên đã anh dũng hy sinh, nhưng cuộc đấu tranh vẫn được giữ vững. Chính phủ liên hiệp phải chấp nhận giải quyết mọi yêu sách của quần chúng. Cuộc nổi dậy của nhân dân Noong Bốc đã châm ngòi nổ cho một cao trào mới của cách mạng Lào.

Trước thắng lợi dồn dập to lớn của nhân dân Việt Nam, Campuchia trong tháng 4 năm 1975 và tình hình thuận lợi của cách mạng Lào, sau khi tới Hà Nội trao đổi với đồng chí Lê Duẩn về vấn đề tiến hành khởi nghĩa ở Lào và hành động phối hợp của Việt Nam, đồng chí Cayxôn Phômvihản triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị vào tháng 4 năm 1975, quyết định đẩy mạnh công tác chuẩn bị mọi mặt để tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước, dự kiến vào mùa khô 1975 - 1976.

Thắng lợi của hai nước Việt Nam và Campuchia, đặc biệt là thắng lợi ngày 30 tháng 4 năm 1975 của nhân dân Việt Nam đã cổ vũ to lớn đối với quân, dân Lào, đồng thời làm cho bọn phái hữu ngày càng hoang mang lo sợ. Ngày 1 tháng 5, hàng vạn công nhân viên chức, học sinh, sinh viên cùng các tầng lớp nhân dân ở Viêng Chăn xuống đường biểu tình, thị uy đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, yêu cầu bọn cực hữu ra khỏi Chính phủ liên hiệp. Khí thế đấu tranh cách mạng sục sôi lan rộng khắp mọi miền đất nước Lào.

Trước thời cơ cách mạng đang chín muồi, ngày 5 tháng 5 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào tổ chức Hội nghị mở rộng. Hội nghị đã nhất trí hoàn toàn với nhận định của đồng chí Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihản:

“Cách mạng Lào đang đứng trước thời cơ thuận lợi; vấn đề giành chính quyền về tay nhân dân cần được tiến hành gấp rút. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, chúng ta có đủ khả năng hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi toàn quốc chỉ trong thời gian ngắn”. Bộ Chính trị đã thống nhất kế hoạch giành chính quyền trên toàn quốc và kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trên cả ba vùng chiến lược nắm vững thời cơ ngàn năm có một “nổi dậy đồng loạt và tiến công toàn diện, liên tục, mạnh mẽ giành chính quyền về tay nhân dân trong thời gian ngắn nhất bằng ba đòn chiến lược và một mũi đấu tranh pháp lý”²⁶⁴.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc giành chính quyền, các cấp uỷ đảng đã lãnh đạo các cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân dưới mọi hình thức, như: mít tinh, tuần hành biểu dương lực lượng, đưa kiến nghị... làm cho bộ máy nguy quân, nguy quyền bị uy hiếp. Về quân sự, ngày 6 tháng 5, một cánh quân lớn quân giải phóng nhân dân Lào, gồm các tiểu đoàn 1, 2, 13, 701 và 705 cùng các đại đội pháo binh, xe tăng do các đồng chí Chummaly Xaynhaxôn và Khêm Phon chỉ huy, đã đập tan cụm phòng ngự của Lữ đoàn 2 quân đặc biệt Vàng Pao ở ngã ba Xála Phu Khun, sau đó phát triển lực lượng về hai hướng Viêng Chăn và Luông Phạbang. Nguy quyền Viêng Chăn lâm vào tình trạng hoang mang, dao động đến cực điểm.

Đêm 7 tháng 5 năm 1975, Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào họp khẩn cấp xem xét tình hình, hạ quyết tâm: “đưa toàn bộ lực lượng vũ trang ở các hướng nhanh chóng tràn vào vùng đối phương đang kiểm soát”, kiểm chế địch, hỗ trợ phong

²⁶⁴. Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tháng 5 năm 1975.

trào nổi dậy của quần chúng, phong trào binh biến của binh lính địch, giành chính quyền tại chỗ. Thường vụ Bộ Chính trị cũng có kế hoạch hiệp đồng với phía Việt Nam, nhờ Việt Nam làm hậu thuẫn bảo vệ vùng giải phóng và hỗ trợ khi cần thiết.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, ngày 8 tháng 5, Bộ Chỉ huy tối cao Lào ra lệnh cho các hướng đưa bộ đội nhanh chóng áp sát địch, chiếm lĩnh các vị trí xung yếu trong thành phố, thị xã. Trên hướng đường 13 - Xála Phu Khun, sau khi chiếm Phôn Xi Đa, quân giải phóng nhân dân Lào thọc xuống thị trấn Ka Xỷ và ngày 8 tháng 5, chiếm Phả Hom, truy kích địch về Văng Viêng. Hướng lên Luông Phạbang, Tiểu đoàn 13 chiếm Phả Deng, Phả Khêm, sau đó phối hợp với lực lượng trong thành phố, vận động Tiểu đoàn (BI) 106 của nguy nổi dậy làm nội ứng, cùng bộ đội chiếm thị trấn Xiêng Ngân, cắt đứt con đường chiến lược nối hai thành phố lớn Viêng Chăn và Luông Phạbang. Cánh quân thứ hai của Quân khu Xiêng Khoảng, gồm các tiểu đoàn 24, 15, 16, 48 và Patches do đồng chí Koong Xi chỉ huy, tiến vào áp sát Xăm Thông - Loòng Chặng, Xa Nu. Cánh quân thứ ba, gồm Tiểu đoàn 613 cùng đại đội đặc công và các đơn vị địa phương, do đồng chí Khăm Pha chỉ huy tiến qua khu du kích Phu Phalavéc - Loọng Xan vào chiếm Phu Khẩu Khoai - một vị trí quan trọng trong tuyến phòng thủ vòng ngoài của Thủ đô Viêng Chăn. Cánh quân thứ tư gồm các đơn vị đặc công, một số đơn vị địa phương do đồng chí Xa Thiến chỉ huy tiến qua Thà Thôm, xuống Mương Cầu vào chiếm thị xã Pạc Xan (tỉnh lỵ Bolikhamsay và là sở chỉ huy Phân khu nam Viêng Chăn thuộc Quân khu 5 của địch).

Sau khoảng hơn 10 ngày thực hiện mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy tối cao, các lực lượng vũ trang quân giải phóng nhân dân Lào đã

triển khai xong lực lượng tạo thế bao vây, chia cắt trên chiến trường cả nước, từng khu vực và cả ở các thành phố, thị xã. Việc triển khai lực lượng vũ trang đã tạo ra sự áp đảo đối với địch ở vùng chúng kiểm soát, có tác dụng to lớn thúc đẩy khí thế của quần chúng thành cao trào cách mạng, làm chỗ dựa cho phong trào binh biến nổi dậy của binh lính địch.

Để đối phó với tình hình, đế quốc Mỹ âm mưu lùi một bước để bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ phản kích lại bằng cách cho bọn tay sai đầu sỏ như Xi Xúc Ná Chămpaxắc, Ngồn Xánánicon, Vàng Pao xin từ chức, đồng thời cho bọn tay sai trong quân đội làm binh biến giả, tuyên bố ly khai, xin trực thuộc Chính phủ liên hiệp và hợp tác với các lực lượng Pathét Lào.

Nhưng trước cao trào đấu tranh sôi sục của quần chúng, sau thất bại của bọn tay sai ở Sài Gòn, Phnôm Pênh, bọn phái hữu vô cùng hoang mang, dao động. Từ ngày 9 tháng 5, nhiều tên phản động đầu sỏ trong bộ máy nguy quân, nguy quyền bỏ trốn sang Thái Lan, nên bọn phản động còn lại như rắn mất đầu, bị tan rã từng mảng.

Nắm vững thời cơ, Đảng Nhân dân cách mạng Lào, một mặt, lãnh đạo nhân dân đưa kiến nghị yêu cầu quân giải phóng nhân dân Lào vào bảo vệ các thành phố, đồng thời ép Phuma chấp nhận yêu sách trên của quần chúng và giao cho tướng Khăm Uôn Búppha (thuộc lực lượng Trung lập yêu nước, ở Phôngxalỳ) giữ chức quyền Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (bộ trưởng là Xixúc đã bỏ chạy) phụ trách trực tiếp và toàn diện quân đội phía Viêng Chăn.

Ngày 13 tháng 5, Đại đội 2 thuộc Tiểu đoàn 1 quân giải phóng nhân dân Lào chiếm trại lính Chinaimô, một trung tâm quân sự lớn nhất ở Viêng Chăn. Ngày 14 tháng 5, nhân dân, học sinh và binh lính cùng cảnh sát, gồm hơn 1 vạn người đã tuần hành lên án chính

quyền phản động, đòi cơ quan USAID của Mỹ phải chấm dứt hoạt động. Cùng ngày, Tiểu đoàn 1 tiếp tục chiếm cơ quan và trường hiến binh ở Km 5.

ở Xavannakhet, trên 4.000 học sinh, sinh viên cùng nhân dân và binh lính đã biểu tình thị uy đòi cơ quan USAID của Mỹ phải rút về nước. Ngày 15 tháng 5, hàng ngàn nhân dân thị xã Văng Viêng, đã nổi dậy lật đổ chính quyền cũ. Bộ đội địa phương Viêng Chăn chiếm được thị trấn Phôn Hoàng. Cùng ngày, quân và dân Champaxắc nổi dậy làm chủ Pạc Xê, trung tâm của Quân khu 4.

Đến giữa tháng 5, lực lượng vũ trang cách mạng Lào đã hình thành thế bao vây, chia cắt chiến lược đối với hai phân khu xung yếu của địch. Bọn đầu sỏ và bọn ác ôn tìm cách bỏ chạy sang Thái Lan. Ngày 16 tháng 5, các tiểu đoàn 24, 46, Patches đánh chiếm căn cứ Xăm Thông - Loòng Chặng sào huyết cuối cùng của lực lượng đặc biệt Vàng Pao. Ngày 17 tháng 5, nhân dân, học sinh biểu tình thị uy ở thị xã Thà Khéc và Noong Bốc... Cùng ngày, các tiểu đoàn 407, 406, 409 chiếm một số mục tiêu quan trọng ở Luông Phabang. Ngày 18 tháng 5, các tiểu đoàn 705, 701, 586, có pháo binh, xe tăng đi cùng đã tiến vào nội đô Viêng Chăn. Ngày 19, quân và dân Lào làm chủ Thà Khéc; ngày 21, làm chủ Xavannakhet - trung tâm của Quân khu 3. Trước áp lực đang gia tăng của cách mạng, ngày 22 tháng 5, Chính phủ liên hiệp ra quyết định giải tán cơ quan USAID và ngày 27 tháng 5, đại diện Mỹ tại Lào phải ký Văn bản bảy điểm, chấp nhận rút toàn bộ cơ quan USAID ra khỏi Lào. Bộ máy thực dân kiểu mới của Mỹ ở Lào bị xoá bỏ hoàn toàn.

Cũng trong thời gian này, trên hướng đường 23 (Hạ Lào), các đơn vị thuộc Mặt trận 23 gồm: ba tiểu đoàn chủ lực số 10, 11, 12; tiểu đoàn pháo binh, đại đội xe tăng và các đại đội địa phương của các tỉnh Champaxắc, Xalavăn, áttapur... đã phối hợp với lực lượng

thanh niên và hàng chục ngàn nhân dân địa phương nổi dậy giải phóng các tỉnh ở Hạ Lào.

Dựa vào áp lực quân sự, cao trào đấu tranh giành chính quyền của quần chúng diễn ra bằng “ba đòn chiến lược” tiếp tục phát triển mạnh mẽ ở nhiều nơi. Phong trào binh biến cũng diễn ra ở nhiều đơn vị, tính đến ngày 31 tháng 5, đã có 45 nơi có binh lính nổi dậy ly khai quân đội Vương quốc, trở về hợp tác với chính quyền cách mạng. Làn sóng đấu tranh của quần chúng trong tháng 5 đã có tới hàng vạn lượt người tham gia. Tính đến 28 tháng 5, lực lượng cách mạng Lào đã thành lập chính quyền ở 15 tỉnh, thành và 67 huyện, thị.

Phối hợp với phong trào nổi dậy của quần chúng, Neo Lào Hắc Xát đã tận dụng cơ sở pháp lý, cách chức bọn chỉ huy phái hữu phản động, tạm giữ một số sĩ quan cao cấp, tập trung vũ khí, không cho địch điều động lực lượng, đồng thời mở phiên toà xét xử bọn phản động. Đến thời điểm này, lực lượng cảnh sát, quân đội Viêng Chăn gần như đã bị xoá bỏ, vũ khí, phương tiện kỹ thuật của chúng đã thuộc lực lượng yêu nước quản lý. Chính quyền Viêng Chăn cùng quan thầy Mỹ lâm vào tình thế bế tắc hoàn toàn.

Ngày 7 và 8 tháng 7, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào ra chỉ thị xoá bỏ hoàn toàn chính quyền và quân đội của địch, đồng thời thành lập chính quyền cách mạng trong cả nước. Sau khi họp Bộ Chính trị, đồng chí Cayxôn Phômvihản đã có cuộc hội đàm với đồng chí Lê Duẩn tại thành phố Hồ Chí Minh, trong hai ngày 10 và 11 tháng 7 năm 1975. Đồng chí Cayxôn Phômvihản đã thông báo về diễn biến của cuộc nổi dậy đầy mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân Lào và một số chủ trương của Bộ Chính trị, như: sau khi cải tổ Chính phủ liên hiệp xong (tháng 10

năm 1975), Đảng Nhân dân cách mạng Lào dự định phát động một phong trào dân chủ trong cả nước để bầu ra các cơ quan chính quyền địa phương, rồi tiến tới tổ chức tổng tuyển cử vào năm 1976, lập một chính phủ chính thức do người của Đảng làm thủ tướng, Phuma thôi giữ chức thủ tướng; Trong Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào có một số đồng chí chủ trương duy trì Chính phủ liên hiệp vì cho rằng Phuma từ chức, Mỹ sẽ cắt viện trợ. Nhưng Bộ Chính trị đã họp thảo luận đi đến kết luận phải làm triệt để; Bộ Chính trị dự định khoảng từ tháng 3 hoặc tháng 4 năm 1976, sẽ tiến hành bầu cử quốc hội và lập chính phủ do cách mạng nắm hoàn toàn.

Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Đoàn đại biểu Việt Nam nhất trí với chủ trương của Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Đồng chí nêu một số vấn đề cần nghiên cứu quyết định cho phù hợp, đó là: ta nắm được chính quyền các tỉnh, quân đội phái hữu không còn nữa, vậy ta có thể không cần cải tổ chính phủ mà Hội đồng chính phủ do ta làm thủ tướng, còn ông Phuma làm chủ tịch hội đồng; dự định tiến hành tổng tuyển cử vào đầu năm 1976 có chậm không; phải đề phòng họ phản kích ta, phá ta.

Sau cuộc hội đàm, Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã đẩy nhanh tiến trình giành chính quyền ở Lào. Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1975, nhân dân ở các tỉnh Bolikhăn (Bolikhamsay), Xiêng Khoảng, Champaxắc, Xaynhabuli, Luông Phabang dưới sự lãnh đạo của đảng bộ cơ sở đã lần lượt nổi dậy giành chính quyền. Ngày 23 tháng 8, hàng vạn nhân dân Thủ đô Viêng Chăn mít tinh trọng thể tại quảng trường Thạt Luổng đón nhận sự ra đời của chính quyền thủ đô. Ngay sau khi giành được chính quyền ở Viêng Chăn, Trung ương Đảng Lào chỉ đạo các địa phương tiến hành vận động bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy

ban hành chính các cấp.

Trước sức mạnh đấu tranh của “ba đòn chiến lược”, ngày 25 tháng 11 năm 1975, tại Thủ đô Viêng Chăn, Hội đồng quốc gia chính trị liên hiệp đã họp và đi đến quyết định chấp nhận yêu cầu chính đáng của nhân dân là xoá bỏ chế độ quân chủ, giải tán Chính phủ liên hiệp, triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân. Ngày 29 tháng 11 năm 1975, Vua Xixávang Vátthana tuyên bố thoái vị, trao lại toàn bộ quyền hành cho nhân dân, chấm dứt chế độ quân chủ tồn tại hàng trăm năm ở nước Lào.

Trong không khí tung bừng của những ngày chiến thắng, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Lào được tổ chức tại Thủ đô Viêng Chăn (ngày 1 và 2 tháng 12 năm 1975), với sự tham gia của 264 đại biểu đại diện cho các tầng lớp của nhân dân các bộ tộc, các tôn giáo, các tổ chức quần chúng, các vị lão thành, trí thức và lực lượng vũ trang, trong đó phần lớn là đại biểu của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Lào yêu nước và liên minh các lực lượng trung lập yêu nước. Đại hội đã quyết định xoá bỏ chế độ quân chủ và thiết lập chế độ cộng hoà dân chủ nhân dân. Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào ra đời, Hoàng thân Xuphanuvông được cử giữ chức chủ tịch nước, đồng chí Cayxôn Phômvihản được cử làm thủ tướng. Cuộc đấu tranh gian khổ, kéo dài suốt 30 năm liên tục của nhân dân các bộ tộc Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã giành thắng lợi trọn vẹn.

Đây là thắng lợi trọn vẹn và triệt để nhất của dân tộc Lào từ trước đến nay, chẳng những đã khôi phục nền độc lập của Tổ quốc bị chà đạp trên hai thế kỷ, mà lần đầu tiên nhân dân Lào có một nền dân chủ thực sự. Chính quyền cách mạng được thiết lập trên phạm

vi cả nước, chế độ mới, chế độ dân chủ nhân dân được xây dựng và kiện toàn, các quyền lợi cơ bản của người dân về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá được bảo đảm. Thắng lợi của 30 năm chiến tranh giải phóng thực sự “đã làm cho vận mệnh dân tộc và xã hội Lào thay đổi sâu sắc, mở ra một kỷ nguyên mới cho công cuộc xây dựng Tổ quốc Lào muôn vàn yêu quý của chúng ta tiến nhanh, tiến mạnh trên con đường độc lập, tự chủ, thống nhất và phồn vinh, bảo đảm vĩnh viễn cho nhân dân các dân tộc Lào cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc”²⁶⁵. Thắng lợi này còn nâng cao uy tín và vị trí của nước Lào trên trường quốc tế...

Sau khi Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (tháng 1 năm 1973) và Hiệp định Viêng Chăn về Lào (tháng 2 năm 1973) được ký kết, cục diện quân sự và chính trị trên chiến trường Đông Dương đã có sự thay đổi cơ bản. Xu thế tất thắng của cách mạng Đông Dương đã trở nên rõ rệt, không thể nào đảo ngược. Trước tình hình và vận hội mới, quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển. Vùng giải phóng hai nước, hành lang chiến lược Đông - Tây Trường Sơn tiếp tục mở rộng, hoàn chỉnh vẫn là cơ sở quan trọng giúp cho cách mạng hai nước đi tới ngày toàn thắng.

Một điểm nổi bật trong quan hệ của hai Đảng trong giai đoạn này là mặc dù trong điều kiện hoà bình nhưng hai Đảng vẫn thường xuyên có các cuộc hội đàm để thống nhất những chủ trương phương pháp giúp nhau hiệu quả, đưa cách mạng Lào ngày một phát triển. Hai Đảng đã có sự thống nhất về quan điểm chính trị, về phương thức giành thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Hai Đảng

²⁶⁵. Cayxôn Phômvihăn: *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc*, ngày 2 tháng 12 năm 1975.

cũng rất thẳng thắn nêu những ưu, khuyết điểm trong quá trình giúp nhau và cùng nhau bàn cách khắc phục để quan hệ Việt Nam - Lào ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn.

Mặc dù đất nước Lào chuyển từ chiến tranh sang hoà bình, song âm mưu của Mỹ và phái hữu vẫn không thay đổi. Vì vậy, theo yêu cầu của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, chuyên gia quân sự và lực lượng quân tình nguyện Việt Nam vẫn tiếp tục ở lại Lào giúp đỡ việc xây dựng, bảo vệ vùng giải phóng, đồng thời sẵn sàng đối phó với mọi tình huống khi có chiến tranh xảy ra. Tuy nhiên, khác với giai đoạn trước, việc bố trí chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam ở giai đoạn này đã giảm đi nhiều và đòi hỏi phải phù hợp với tình hình chính trị mới cũng như phù hợp với sự phát triển của Lào.

Quan hệ về kinh tế và văn hoá giữa hai nước cũng tiếp tục phát triển. Việt Nam vẫn tiếp tục chi viện về vật chất cho cách mạng Lào. Hai bên đã ký kết nhiều hiệp định hợp tác trao đổi và tương trợ kinh tế, văn hoá. Nhiều đoàn chuyên gia kinh tế, văn hoá thuộc nhiều cấp bộ, ngành của Việt Nam sang Lào triển khai thực hiện các hiệp định, nghị định thư đã ký kết. Trong lĩnh vực đào tạo, giáo dục Việt Nam đã giúp Lào có hiệu quả hơn.

*

* *

Giai đoạn 1963 - 1975, Việt Nam và Lào tiếp tục kháng chiến chống kẻ thù chung là đế quốc Mỹ xâm lược. Quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong giai đoạn này thực sự là liên minh chiến đấu toàn diện, vững chắc, đặc biệt trong sáng và đóng vai trò hết sức quan trọng và có tính quy luật trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng của mỗi nước.

Hai Đảng đã xác định Đông Dương là một chiến trường thống

nhất để phát huy sức mạnh đoàn kết liên minh, thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhau trên mọi chủ trương, hành động chiến lược và trên tất cả các lĩnh vực nhằm tạo ra thế chiến lược tiến công chung cho cả ba nước, đánh bại từng kế hoạch, từng biện pháp chiến lược lớn của địch ở Đông Dương.

Trong lĩnh vực đấu tranh chính trị, ngoại giao, Lào và Việt Nam đã vạch mặt đế quốc Mỹ chính là kẻ thù xâm lược, là nguồn gốc gây ra chiến tranh ở Lào và Việt Nam, từ đó, động viên nhân dân hai nước Lào, Việt đoàn kết đứng lên đánh đuổi xâm lược, và thúc đẩy nhân dân tiến bộ thế giới đứng về phía cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân hai nước Lào, Việt Nam.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, giao thông vận tải... nhân dân hai nước đã mang hết sức mình xây dựng hậu phương chiến lược của từng nước liên kết với nhau hình thành hậu phương chiến lược chung của cả Đông Dương. Dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương 13 Đảng Nhân dân Lào, quân dân Lào được sự giúp đỡ của Việt Nam đã ra sức xây dựng vùng giải phóng về mọi mặt với quy mô như một quốc gia, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các bộ tộc Lào, tạo ra những biến đổi sâu sắc trong quan hệ xã hội và sức mạnh đoàn kết các bộ tộc Lào. Vùng giải phóng Lào ngày càng được mở rộng đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và hỗ trợ thiết thực cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và Campuchia.

Cách mạng Lào phát triển, vùng giải phóng Lào vững mạnh chính là những điều kiện tiên quyết để quân dân Lào tạo điều kiện và cùng góp công sức xây dựng tuyến đường chiến lược tây Trường Sơn và các căn cứ đứng chân của bộ đội chủ lực ở khu vực biên giới, góp phần quan trọng tạo điều kiện cho Việt Nam đánh thắng

các chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ ở miền Bắc; đồng thời cũng góp phần trực tiếp cho việc xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng Lào và Campuchia. Nói về sự đóng góp của nhân dân các bộ tộc Lào đối với đường Trường Sơn và sự nghiệp chống Mỹ của dân tộc Việt Nam, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào Cayxôn Phômvihản khẳng định: “Do có đường mòn Hồ Chí Minh qua đất Lào và nhân dân Lào đã hy sinh chịu đựng với 3 triệu tấn bom của giặc Mỹ, đã góp phần làm cho Việt Nam có điều kiện thuận lợi trong việc giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam”²⁶⁶.

Có thể khẳng định: nhân dân Lào đã góp phần xứng đáng vào việc xây dựng, phát triển tuyến đường Hồ Chí Minh - tây Trường Sơn, một căn cứ kháng chiến hết sức quan trọng, một hậu phương chiến lược vĩ đại của ba nước Đông Dương. Tuyến đường đã trực tiếp gắn bó các chiến trường ba nước bằng hệ thống đường huyết mạch và hệ thống kho tàng, căn cứ vận chuyển từ hậu phương lớn miền Bắc Việt Nam vào. Trên tuyến đường Trường Sơn, bộ đội Lào cùng bộ đội Việt Nam liên minh chiến đấu, phân công phối hợp giữ vững vùng trời, vùng đất cho hệ thống giao thông thông suốt liên tục. “Tuyến đường vận tải chiến lược Trường Sơn là biểu tượng trong sáng mỗi tình đoàn kết, gắn bó liên minh giữa ba nước trong cuộc chiến đấu chung trên một chiến trường thống nhất. ở đó vừa thể hiện sự chi viện giữa hậu phương lớn với các chiến trường, vừa biểu hiện sự hy sinh cao cả của ba dân tộc dựa lưng vào nhau

²⁶⁶. Cayxôn Phômvihản: “30 năm đấu tranh bất khuất, 30 năm thắng lợi vẻ vang”, Tạp chí *Học tập*, tháng 11 năm 1975, tr.42.

chống kẻ thù chung”²⁶⁷.

Trên lĩnh vực quân sự, Việt Nam với tinh thần quốc tế vô sản và phương châm “giúp bạn là mình tự giúp mình”, tiếp tục đáp ứng những yêu cầu cơ bản của Lào, mang hết khả năng giúp Lào xây dựng, phát triển lực lượng. Đặc biệt, trong xây dựng lực lượng vũ trang, đã giúp cả về cơ sở vật chất, về xây dựng tổ chức ba thứ quân và về nghệ thuật quân sự; giúp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

Quân tình nguyện Việt Nam đã cùng quân giải phóng nhân dân Lào mở nhiều chiến dịch cùng hàng loạt trận chiến đấu đánh bại từng bước cuộc “Chiến tranh đặc biệt” rồi “Đặc biệt tăng cường” của Mỹ ở Lào, làm cho đế quốc Mỹ phải phân tán lực lượng đối phó, góp phần hỗ trợ đắc lực, tạo thời cơ thuận lợi cho các bước chuyển biến của chiến tranh cách mạng ở Việt Nam và tạo đà phát triển đi lên của cách mạng Campuchia.

Đúng như đồng chí Đại tướng Khăm Tày Xiphăndon, trên cương vị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Lào đã khẳng định: Nhân dân Lào sẽ không bao giờ quên hình ảnh của các chiến sĩ quốc tế Việt Nam vượt qua sự vây chặn dày đặc của quân thù đến với Lào khi cách mạng hãy còn trong trứng nước, chịu đựng đói rét bệnh tật, âm thầm len lỏi đi sâu vào quần chúng giúp Lào xây dựng cơ sở chính trị, phát triển lực lượng vũ trang... Từ rừng núi đến đồng bằng, từ vùng giải phóng đến vùng địch hậu, biết bao chiến sĩ quốc tế Việt Nam đã đem máu xương của mình hoà với máu xương chiến sĩ và nhân dân Lào, trở thành những người con bất tử của dân tộc Lào, làm rạng rỡ thêm non sông đất nước Lào

²⁶⁷. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Sđd, tr.240.

thân yêu²⁶⁸.

Thành công của quân tình nguyện Việt Nam tại Lào là thành quả của sự giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai quân đội Việt Nam - Lào. Đây là một điển hình mẫu mực về quan hệ đoàn kết, liên minh chiến đấu và hợp tác giữa quân đội hai nước độc lập, có chủ quyền, tôn trọng, tin cậy lẫn nhau trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung. Quân tình nguyện Việt Nam chiến đấu tại Lào đã góp phần quan trọng tạo nên mối quan hệ giữa hai dân tộc và thực sự là biểu tượng sinh động nhất cho tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào

Như vậy, sau 30 năm đấu tranh đầy hy sinh gian khổ dưới sự lãnh đạo của đảng Mác - Lênin chân chính, nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào đã cùng nhau đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giành thắng lợi trọn vẹn cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của hai nước. Thắng lợi trọn vẹn của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào thực sự là thắng lợi của 30 năm liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

²⁶⁸. Khăm Tày Xiphăn đon: *Những bài chọn lọc về quân sự*, Sđd, tr.221.